

VIÊN GIÁC



SỐ NR.
144

TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC
Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland
PL. 2.548 NĂM THỨ 26 - THÁNG 12 - JAHRGANG 26. - DEZEMBER 2004 - AUSGABE IN VIETNAMESESISCH & DEUTSCH



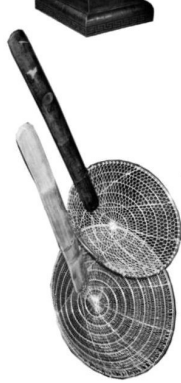
Xuân Ất Dậu

SINO-DECO BERLIN

Gastronomiebedarf • Restaurant- & Großkücheneinrichtungen

德昌貿易公司 Naumannstr. 31 - 85, Haus 12 • 10829 Berlin

Tel.: 030-78 70 33 11/12 • Fax: 030-78 70 33 10



20-408-001
20-408-002



20-350B (35 x 35 cm) 8 kW



20-300B (Ø 30 cm) 9 kW



20-900-1



20-407-001
20-406-001



25 CHW-3
(B 1850 x T 750 x H 850)



20-402-001
(Ø 35 x H 24 cm; 4,2 l)



20-402-000
(Ø 38 x H 40 cm)



20-308612
(L, M, S)



Wandhaube
T 700, 900, 1100 x
L 800 - 3200



25 CHW-3
(B 1850 x T 750 x H 850)



BREAKFAST-BM



65/60PCG+
60/60BFE



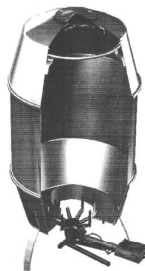
Tellerwärmer 2009



SA 400



AHK-7085



20-700150



Saladette SA90



VL1126L-K
L 1200, 1400 x B 600, 700

Internet: www.sino-deco.de



SA 1000



GTS 226 W



KS 700S



Kühlzelle

e-mail: sino-deco@gmx.de

Công Ty Chúng tôi chuyên Bán Sỉ và Lẻ Đồ Trang Trí Nhà Hàng: Ván ép, Nẹp,
Đèn Trần, Bát Đĩa, Bàn Ghế Âu Á, Bếp Núc, Tất cả Dụng Cụ trong Bếp.

Chúc Mừng Năm Mới

Thành Tâm Kính Chúc

Chư Tôn Hòa Thượng,

Chư Thượng Tọa

Đại Đức Tăng Ni

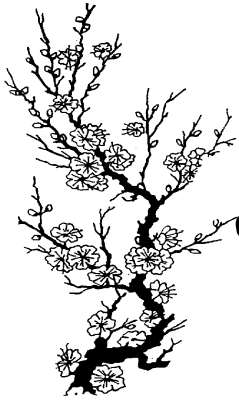
Và Đồng Bào Phật Tử

Khắp nơi trên Thế Giới

Một Năm Ất Dậu

Được Kiết Tường Như Ý

Chùa Viên Giác



Thư Toa Soạn

Thế giới vẫn còn khổ đau. Thế giới đang chuyển mình, chúng sanh đang đổi dạng và mọi vật chung quanh đều đang thay đổi. Vì vậy cho nên Ngài Long Thọ cũng đã dạy: "Quá khứ là những gì đã trôi qua, vị lai là những gì chưa đến, còn hiện tại đang biến đổi trong từng sát na sinh diệt".

Ta đang sống cũng có nghĩa là ta đang đi đến chỗ chết. Vì mỗi sự sống của chúng ta, trong đó đều có hàm chứa một sự sinh diệt đang biến đổi. Ai người học Phật mà lãnh hội được pháp biến đổi vô thường, sanh diệt nầy là người ấy liễu ngộ được giáo lý của đạo Phật.

Bên cạnh ta, thế giới này hằng ngày đã, đang và sẽ xảy ra không biết bao nhiêu sự biến đổi như thế. Mới đây vào tháng 10 năm 2004 tại tỉnh Nigata ở Nhật Bản động đất đã xảy ra liên tục trong vòng một tuần lễ, có đến 1000 lần mặt đất giao động. Có 35 người tử nạn, nhà cửa đổ nát; đường sá hư hại, cảnh vật bị tàn phá, của cải mất mát v.v... có người sự nghiệp gãy đổ cả một đời, bỗng dưng trở thành hai bàn tay trắng. Đâu có ai chờ đợi một sự mất mát, một cảnh thương tâm như thế; nhưng tất cả đều đã xảy ra trong khi mọi người không chờ đợi.

Mạnh được yếu thua là lẽ thường tình trong cuộc sống. Nhưng mây ai biết được rằng: Sự thật bao giờ cũng là sự thật. Dầu cho sự thật ấy có bị phủ lấp lên bởi thời gian và năm tháng, thì trước sau sự thật ấy cũng sẽ được mọi người biết đến. Cũng như thế ấy, tuy vàng nằm lẫn lộn giữa cát, đá sỏi, kim loại v.v... nhưng vàng vẫn là vàng. Dầu cho vàng kia có bị che khuất bởi bao nhiêu lớp đất cát đi nữa. Tâm thức của chúng sanh vẫn như thế. Tâm Bồ Đề ấy dầu cho có bị che lấp bởi bụi trần, thì với sự phát tâm đồng mãnh, với lòng tin kiên cố vào Tam Bảo, trước sau gì chúng ta cũng sẽ gặp được thiện duyên, để tâm ấy càng ngày càng lộ rõ nét hơn, để tiến đến đạo quả Bồ Đề.

Dân chủ là một đề tài quan trọng mà mọi thể chế chính trị tự do phải tuân thủ và làm đề tài để tranh cử, giành phần thắng về cho đảng mình. Ở đây lá phiếu của những người dân rất quan trọng, quyết định sự thắng thua của những kẻ ra tranh tài. Nếu giới lãnh đạo đất nước được bầu, mà thực hiện được những điều như đã hứa, thì chắc chắn dân sẽ được nhờ. Ngày xưa khi chế độ quân chủ còn ngự trị trên quả đất này, họ vẫn có chủ trương rằng: Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh, nghĩa là: Dân là quý, (là trên hết) đất nước là phần kế tiếp. Vua hay người lãnh đạo là nhẹ. Nói thì nói thế; nhưng khi người ta đã có quyền hành nằm trong tay rồi

thì ít có kẻ muốn buông xả, mà ai cũng muốn nắm chặt. Dầu cho đó là vua đi chăng nữa. Quyền hành đâu có ai bằng; nhưng vẫn ham quyền, cố nắm giữ.

Có nhiều người không chịu buông bỏ, mà cứ cố tạo cho quyền thế càng ngày càng vững chãi hơn. Cố chỉ để củng cố địa vị của mình; nhưng họ đâu có ngờ rằng, mình không bỏ nó thì nó cũng sẽ tự bỏ mình, như cơn động đất vừa qua, nó đã làm cho mọi người bắt buộc phải từ bỏ mà ra đi. Điều ấy đâu có ai chờ và ai đợi; nhưng thực tế vẫn đã xảy ra.

Quyền hành như Thành Cát Tư Hãn ở bên Đông, Napoléon ở phía Tây. Độc tài như Hitler, Stalin, Lenin, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh hoặc giả như: Honecker, Gorbachow v.v... rồi cũng đã ra người thiên cổ và hậu thế còn lại những gì thì chúng ta đã rõ, chỉ có con người giác ngộ lẽ vô thường sanh diệt thì mới tự buông bỏ mà thôi. Sự buông bỏ ấy như Thái Tử Tất Đạt Đa đã từ bỏ. Sự xả bỏ ngại vàng quyền lực không một chút luyến tiếc ấy như Trần Thái Tông của Việt Nam của triều Trần, rồi kế đến là Trần Nhân Tông v.v... tất cả những vị ấy là những người liễu đạo. Còn chúng ta bây giờ đa phần bị đắm say bởi mùi danh, bả lợi, thế lực thân quyền; nên cứ khư khư ôm giữ mà chẳng biết rằng mọi vật đang biến đổi trong từng sát na sanh diệt.

Đại hội khoáng đại kỳ III của GHPGVNTN Hải Ngoại tại Hoa Kỳ đã được nhóm họp vào thượng tuần tháng 9 năm 2004 vừa qua tại chùa Diệu Pháp, Tiểu Bang California cũng đã thành tựu và cũng đã trải qua nhiều biến động từ bên trong lẫn bên ngoài; nhưng may thay nhờ đức độ của Đức Đệ Tử Tăng Thống và Hòa Thượng Viện Trưởng Viện Hóa Đạo tại quê nhà; nên mọi việc ở Hải Ngoại đã được thông suốt; nhưng điều quan trọng ở đây là mỗi thành viên của Giáo Hội chúng ta nên tự kiện toàn và hạ thủ công phu hành trì tu học thì chướng duyên nào cũng sẽ sớm vượt qua để tồn tại và biến đổi.

Vào đầu tháng 11 năm 2004 vừa qua, nơi đất Phật, tại Bồ Đề Đạo Tràng một Đại Hội Huỳnh Trưởng GĐPTVN Hải Ngoại được nhóm họp trong 3 ngày (7, 8 và 9.11.2004) tại Trung Tâm Tu Học Viên Giác cũng đã nói lên được những thao thức và nguyện vọng của các anh chị em Phật tử trong suốt hơn 60 năm qua, đã đóng góp công sức của mình cho Đạo, cho đời cũng như cho Giáo Hội và tổ chức này luôn muốn ở trong lòng của Giáo Hội để hỗ trợ Giáo Hội ở trong cũng như ngoài nước ngày càng vững mạnh hơn với sự đồng tâm hiệp lực của những thế hệ trẻ bây giờ và mai hậu.

Đất Phật giờ đây đã cứu mang hơn 120 con tim từ bốn châu trở về và đây là mái nhà Lam Việt Nam đầu tiên được hình thành tại Bồ Đề Đạo Tràng sau hơn 60 năm GĐPTVN đã có mặt khắp năm châu. Quả là một cuộc Đại Hội có đầy đủ ý nghĩa và mang tầm cỡ quốc tế.

Thời gian tuy có chóng chắt, tuổi đời tuy có luống đi; già nua và sự chết chóc chắc rằng không ai tránh khỏi; nhưng mỗi lần xuân sang là mỗi lần người ta lại có một niềm hy vọng mới. Chỉ có tư tưởng của con người bị chai đá và cứng cố, chứ tuổi tác sẽ không có ý nghĩa gì khi tâm hồn của con người vẫn còn tươi trẻ. Mùa xuân Ất Dậu sắp sang Ban Biên Tập báo Viên Giác kính chúc quý độc giả ân nhân được sở nguyện tòng tâm, kiết tường như ý.

• Ban Biên Tập báo Viên Giác



Kịch

SƠ TÁO QUÂN

Táo Quân (TQ)
Muôn tâu Ngọc Hoàng

Cuối Giáp Thân thần Táo vội về
trời
Tâu những chuyện các nơi dưới
trần thế
Việc trước nhất thần cần tâu
Ngọc Đế
Sở năm nay Táo hơi kể đông dài
Về viết mãi đọc hoài nghe cũng
chán
Nên thần Táo lần này xin mạnh
dạn
Khi tấu trình xen kẽ mấy câu thơ
Mong lượng trên suy xét Táo
được nhờ
Nếu thấy tốt sang năm thần làm
tiếp

Ngọc Hoàng (NH)
Về việc đó Ngọc Hoàng đây cũng
biết
Ta có lời khen Táo thiệt chịu chơi
Biết đổi thay cho kịp lúc hợp thời
Có như thế mới đúng theo quy
luật

TQ
Vậy đầu sơ Táo thần xin tường
thuật
Về tình hình của đất nước Việt
Nam
Bởi từ lâu chuyện đảng Cộng
gian tham
Đề tài đó chẳng làm sao chấm
dứt

Thần xin sơ lược
Từ lúc đầu năm
Dịch cúm gia cầm

Hoành hành quá dữ
Trần lan nhiều xứ
Việt, Thái, Trung Hoa
Tổng cộng Vịt Gà
Chôn hơn trăm triệu
Người chết xiu xiu
Vài chục mạng thôi
Do chậm kịp thời
Bệnh kia sì-tóp
Rất nhiều trường hợp
Chủ trại trắng tay
Bôi giết hết bầy
Gà đang mạnh khỏe
Dịch hay lẽ tẻ
Tái xuất giang hồ
Ai rui dính vô
Đời coi như lúa!

NH
Ta sẽ hỏi mấy anh chàng khi đột
Sao để hát năm anh nờ một
(H5N1) hoành hành
Khiến nhiều người phải phạm tội
sát sanh
Hay thấy mấy con gà theo lợi
hám danh
Ghét tiếng gáy nên Khi ngồi
khoanh tay ngó
Nhưng dịch này xét ra còn quá
nhỏ
Tham những kia bệnh đó mới nan
y
Nước Việt Nam chứng bệnh ấy
lâu nay
Thiên đình thấy cũng bó tay đành
chịu!

TQ
Chẳng cần tìm hiểu
Cũng biết nguyên nhân
Giai cấp thượng tầng

Hiện nay là đảng
Mượn danh cách mạng
Nắm chặt chính quyền
Kiếm cách làm tiền
Nghĩ ra đủ mánh
Nào dùng sức mạnh
Moi móc của công
Lớp ký hợp đồng
Lớp vay mượn
Tiền thì chúng hưởng
Nợ bắt người lo
Cán bộ nhỏ to
Một lò tham nhũng
Tập đoàn thao túng
Bị đặt lung tung
Án nói diên khùng
Chẳng ai hiểu nổi
Chủ Nghĩa Xã Hội
Kinh Tế Thị Trường
Lý luận lươn uơn
Người khinh kẻ chửi
Mậu dịch thế giới
Xét chẳng cho vào
Bọn chúng vẫn giàu
Dân đen lãnh đủ
Hứa lèo hứa cuội
Để bịp người dân
Bởi họ cùng ăn
Từ trên xuống dưới
Cầm quyền trục lợi
Sống chết mặc bày
Từ trước tới nay
Tha hồ vơ vét
Người dân dù biết
Chẳng dám làm gì
Lên tiếng là đi
Vào tù gỡ lịch
Nhiều trò hài kịch
Lắm chuyện lạ đời
Đảng sai bắt người
Đem giam nhà đá

Lại còn ra rả
Kết tội lung tung
Thế rồi sau cùng
Xử huê cả đám
Bỏ tù nhốt khám
Như chuyện giỡn chơi
Sinh mạng con người
Thua loài thú vật
Táo ghi sự thật
Các chuyện dưới đây
Trên mạng e-Bay
Gái Việt rao bán
Rẻ rẻ giá khoảng
Năm trăm đô la
Mối lái tính ra
Năm ngàn bỏ túi
Trẻ em tám tuổi
Bị bán sang Miên
Bắt phải làm tiền
Trong nhà chứa điểm
Thật là chuyện hiếm
Lịch sử xưa nay
Lại thêm điều này
Táo đây hết biết
Về In-tờ-nét
Trên cõi địa cầu
Khắp nơi đâu đâu
Cũng đều mở rộng
Ngược lại đảng Cộng
Kiểm soát gắt gao
Mạng lưới muốn vào
Phải đều xin phép
Chế độ kèm kẹp
Theo dõi chặn ngăn
Mục đích để dân
Ngu dân dễ trị
Truyền thông báo chí
Chỉ nói một chiều
Sợ dân biết nhiều
Đảng rơi mặt nạ

NH

Nghe Táo nói ta đây sừng sốt
Thật không ngờ họ dốt thế sao?
Lâu nay vung vít ồn ào
Khoa khoang trí tuệ đỉnh cao loài
người

TQ

Một chuyện động trời
Trong ngoài sôi nổi
Đảng sai Quốc hội
Hiệp ước thông qua
Việt Nam năm ba

Trung Hoa bốn bảy
Coi như lãnh hải
Đi đứt mười phần
Gần mười hai ngàn
Quy ra cây số
Mọi người phần nộ
Bởi chúng xem thường
Tự ý hiến nhường
Chẳng cho dân biết

NH

Táo hãy tâu tiếp
Vấn đề nhân quyền
Ta nghe Tây Nguyên
Gần đây xáo trộn

TQ

Vào khoảng tháng bốn
Nhằm lễ Phục Sinh
Người Thượng biểu tình
Đông thanh tố cáo
Ngăn cấm truyền đạo
Cướp đất cướp đai
Hà Nội bèn sai
Công an đàn áp
Số người bị chết
Ước lượng lên cao
Họ ngăn cấm vào
Thành ra khó biết

NH

Tín ngưỡng quyền của người dân
Sao Đảng lại dám cản ngăn vậy
cà

TQ

Táo thuật sơ qua
Vấn đề cấm đạo
Sắc lệnh Tôn Giáo
Hà Nội đưa ra
Bản chất gian tà
Để nhằm kiểm soát
Tôn Giáo sinh hoạt
Theo kiểu xin cho
Nhưng cứ hô to
Tự do tín ngưỡng
Như hai Hòa Thượng
Quảng Độ, Huyền Quang
Bị đám ác gian
Bày điều quản chế
Lâu nay quốc tế
Lên tiếng nhiều lần
Hà Nội tráo trôn
Cãi chày cãi cối

Vì chịu hết nổi
Mỹ mới xếp vô
Thuộc các quốc gia
Quan Tâm Đặc Biệt
Để Hà Nội biết
Chớ có xem thường
Phải mở rộng đường
Tự do tín ngưỡng
Lạng quạng trở chứng
Mỹ thất hầu bao
Có chạy đảng nào
Cũng vào ngõ cụt
Lâu nay tức nước
Đến lúc vỡ bờ
Làn này không ngờ
Mỹ dùng bừa bới

NH

Bản chất gian dối
Là nghề của chàng
Ngôn ngữ điểm dàng
Ta dư sức biết
Nghe nói nghị quyết
Đảng mới đưa ra
Táo hãy tâu qua
Để ta theo dõi

TQ

Ngọc Hoàng không hỏi
Thần Táo cũng tâu
Nghị quyết ma đầu
Số ghi ba sáu
Gọi là ba xạo
Có lẽ đúng hơn
Muốn biết giả chơn
Thử đem phân tách
Dân nghèo đói rách
Đảng đếch có lo
Việt Kiều ám no
Lại đòi giúp đỡ
Bài hát quá dở
Mà Đảng vẫn ca
Chắc nhiều Đô La
Nên tìm cách rửa
Nghị quyết ả chứa
Nhiều điểm điểm dàng
Kính xin Ngọc Hoàng
Để tâm theo dõi
Nói chung đường lối
Giống kiểu dây thun
Lúc thẳng lúc giùn
Khi co khi giãn
Thế giới lên án
Hà Nội nói ra

Đợi lúc lơ là
Bèn chơi xiết lại
Để dân kinh hãi
Chẳng dám đứng lên
Vậy nhờ ơn trên
Ra tay cứu độ

NH

Nghèo nàn khốn khổ
Đâu chỉ do trời
Nhìn xem các nơi
Quốc Gia giàu có
Người dân xứ đó
Bờ dấm đấu tranh
Cho nên mới giành
Được quyền làm chủ
Ta nhắc tích cũ
Táo hãy luận suy
„Hà chính hiểm nguy
Còn hơn mãnh Hồ“ (1)
Muốn có chế độ
Dân chủ tự do
Người dân phải lo
Tự mình giải quyết
Thiên đình dù biết
Chẳng giúp được gì
Nếu cứ ù lì
Trời sao cứu nổi

TQ

Nội tình của Đảng
Táo lược sơ qua
Nguyên Giáp tướng già
Giữa năm khai hỏa
Thư viết một lá
Dài đến bảy trang
Tên ghi rõ ràng
Nội dung tố cáo
Tập đoàn lãnh đạo
Nhóm Lê Đức Anh
Lý lịch mạo danh
Chui luôn vô Đảng
Năm quyền lũng đoạn
Mưu hại nhiều người
Đức Mạnh, Đỗ Mười
Cùng chung phe cánh
Tướng Nguyễn Nam Khánh
Bồi tiếp mấy chiêu
Thư phát ra nhiều
Trong ngoài bàn tán
Nguy cơ Cộng Đảng
Có thể xé đôi
Tình hình hiện thời

Chưa ai đoán nổi
Bạo quyền Hà Nội
Tìm cách cản ngăn
Ngọn triều đang dâng
Khó bề chặn đứng
Ngọc Hoàng thử đoán
Cho Táo vài lời

NH

Hãy xem mặt trời
Quá cao phải xuống
Dù không dù muốn
Khó thoát luật trời
Vạn vật khắp nơi
Đều theo qui luật
Thịnh hưng độc ác
Cũng phải suy tàn
Luật này thế gian
Mọi người đều biết
Nay Đảng Cộng Việt
Cũng sắp đi chơi
Tuy nhiên cơ trời
Ta không tiết lộ
Nói theo lý số
Câu sấm Trạng Trình
„Thân, Dậu thái bình
Niên lai tất kiến“
Nhưng với điều kiện
Là phải đấu tranh
Dẹp đám gian manh
Lộng hành bán nước

.....

TQ

Nói qua thế giới
Kể từ đầu năm
Hung thân Sa-Đam
Hết thời bị tóm
Sau đó vài nhóm
Hội Giáo cực đoan
Bỗng nhiên trở đòn
Quay ra chống Mễ
Người dân dính líu
Cuộc chiến không đâu
Bắt cóc chặt đầu
Chết oan chết ức
Dựa theo tin tức
Báo cáo tình hình
Nhiều kẻ liêu mình
Ôm bom tự sát
Từ khi Bát – Đát
Mỹ chiếm đến nay
Đã chết lai rai
Hơn ngàn binh sĩ

NH

Thiên đình xét kỹ
Cũng chỉ tại dầu
Bờ lẽ toàn cầu
Ngày nay lệ thuộc
Cho nên bắt buộc
Mỹ thủ tới cùng
Chống nhau lung tung
Là điều dễ hiểu

.....

TQ

Bét Lan
Khủng bố hung hăng
Xông vào trường học
Học trò bị nhốt
Giữ làm con tin
Thầy giáo, phụ huynh
Cùng chung số phận
Chính quyền nói giận
Lập kế nhào vô
Trước tính cứu bỏ
Sau ra tay hốt
Nào ngờ bắt Chốt
Lại bị thí Xa
Người chết tính ra
Ba trăm bốn chục

.....

NH

Chuyện thế giới nói chung là thế
Sinh hoạt Chùa Táo kể ta nghe

TQ

Táo xin râu về
Tình hình sinh hoạt
Năm nay khóa học
Phật Pháp Âu Châu
Khóa này dẫn đầu
Số người về dự
Tám trăm Phật Tử
Cộng trăm Tăng Ni
Về Vê-Nê-Đi
Mười ngày tu học
Lần này phòng ốc
Rộng rãi kang trang
Ba mươi bảy ngàn
Trả tiền thuê mượn
Thật khó tưởng tượng
Con số quá đông
Vậy mà thành công
Hoàn thành khóa học
Tâu qua cái nóc
Của chùa Khánh Anh
Không phải mậ Dzành
Mà vì mậ Xín

Bởi thiếu tài chính
Phật chịu nắng mưa
Đến nay vẫn chưa
Khánh thành làm lễ

NH

Ta nghe Táo kể
Cũng thấy đau lòng
Thiên Đình rất mong
Sao cho hoàn tất

TQ

Riêng về khoảnh đất
Viên Giác đang mua
Đến nay vẫn chưa
Có tiền trả đủ
Nếu được làm chủ
Thì quá xá hay
Vì trong tương lai
Công khai hoạt động
Chùa giúp cuộc sống
Cho lớp tuổi già
Nên tính mở ra
Một nhà dưỡng lão

NH

Vậy nên khuyên bảo
Kẻ có mẹ cha
Trong năm con Gà
Nên lo báo hiếu

TQ

Chùa còn đang thiếu
Vận động lung tung
Hy vọng cuối cùng
Nơi lòng Phật Tử
Vài nét Phật sự
Sinh hoạt của chùa
Mỗi năm hai mùa
Vu Lan, Phật Đản
Nhiều người cứ bán
Trưng lộn, Bia lon
Chùa có khuyên can
Chẳng thêm để ý
Cảnh sát hỏi giấy
Lúc đó hoảng hồn
Khi mời về đôn
Bấy giờ hết vía

NH

Họ quên ý nghĩa
Giáo lý Phật Đà
Việc ác tránh xa
Điều lành thực hiện

Biết rằng sướng miệng
Nhưng phạm sát sanh
Buôn bán chung quanh
Chùa nên chấm dứt

TQ

Cũng chuyện âm thực
Táo có ghi ra
Nhiều người kêu la
Đạo này quá mắc
Về chùa lễ Phật
Không uống cũng ăn
Giá cả phải chăng
Mới là hợp lý

NH

Táo thử đề nghị
Cùng với các Chùa
Xem việc bán mua
Sao cho phải lẽ

TQ

Cuối số xin kể
Đến chuyện thể thao
Táo sợ thể nào
Ngọc Hoàng cũng hỏi
Nên thần ghi vội
Vài đoạn dưới đây

Bởi :

Nghe Thiên đình hay xem bóng đá
Đá
Nên Táo thần cũng đã ghi ngay
Trần gian rất thích môn này
Tính ra mấy tỷ kẻ say người ghiền

NH

Ở trên này thần tiên cũng thế
Lúc ban đầu xem để giải khuây
Lâu dần lại hóa mê say
Thiên đình còn vậy huống chi cõi phàm
Xem đá bóng bên Nam chưa đã
Mấy Tiên ông khoái cả Nữ lưu
Coi rồi bàn tới bàn lui
Ta xem thì thấy hên xui chuyện thường

TQ

Ngọc Hoàng đã tường
Táo thôi phân tích
Chỉ râu tóm tắt
Về giải Áu Châu
Nhiều đội túc cầu

Từ lâu nổi tiếng
Nay bỗng đau điếng
Vì bị ra rìa
Hy Lạp chưa nghe
Lại vào chung kết
Ràng gần tới chết
Hạ được đội Bồ
Ông bầu Ốc-Tô (2)
Như điều gặp gió
Nên được cầm lửa
Thế Vận Mùa Hè
Ha-Ghênh không dè (2)
Nổi danh Cơ-ních (3)
Sớ đã gần hết
Táo có ít lời
Cúi xin ngôi Trời
Lưu tâm cứu xét
Sao cho nước Việt
Phải được khá hơn
Toàn dân mang ơn
Ngọc Hoàng muôn thuở

NH

Táo về dưới đó
Nhớ mấy lời khuyên
Và hãy loan truyền
Cho mọi người biết

TQ

Thần xin già biệt
Về cõi Ta Bà
Cuối năm con Gà
Sẽ dâng số mới

NH

Đường về hạ giới
Xa lắc xa lơ
Tuyệt đối hôm giờ
Sợ rằng nguy hiểm

TQ

Táo cũng nghĩ đến
Nên chuẩn bị rồi
Thần có đôi lời
Chúc cho Ngọc Đế
Được nhiều sức khỏe
Ngự trị thiên đàng
Năm mới bước sang
Vui Xuân Ất Dậu
Ngọc Hoàng vạn tuế.-

(1) Lời Đức Khổng Tử

(2) Otto Rehgagen : Tên huấn luyện viên

(3) König : Ông Vua

TÔN GIÁO

TẬP ĐẠI THỪA

TƯỚNG LUẬN

Quyển thượng

- Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, Quyển 32 thuộc Luận Tập Bộ Toàn. Thủ tự Kinh Văn số 1637, từ trang 145 đến 150. Giác Kiết Tướng Bồ Tát tạo Tây Thiên dịch kinh.

- Tam Tạng Triều Phụng Đại Phu Thức Quang Lục Khanh Truyền Pháp Đại Sư Sắc Tử Thần Thí Hộ phụng chiếu Vua dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán.

- Sa Môn Thích Như Điển, Phó Trưởng chùa Viên Giác, Đức quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt tại Tu Viện Đa Bảo, Úc Đại Lợi, từ ngày 28 tháng 12 năm 2003, cùng với sự trợ dịch của Tỳ Kheo Thích Đồng Văn, Tỳ Kheo Thích Hạnh Giới.

**

Quy mạng đấng Diệu Cát Tướng (Văn Thủ Sư Lợi) Bồ Tát Ma Ha Tát. Con nay lược giải các tướng của Đại Thừa. Từ tâm Bồ Tát phát sanh ra đại bi tương ứng cùng với tất cả các pháp. Cho nên phải biết tất cả các pháp đều vô ngã. Nếu muốn biết về tướng của các pháp, bây giờ lược nói. Ở đây sao lại có tên là Nhứt Thiết Pháp?

Đó là uẩn, xứ, giới, duyên sanh, ba la mật, địa, không, Bồ Đề phần, Thánh đế, tinh lự, vô lượng hành, vô sắc v.v... cho đến giải thoát tam ma bát đệ. Trước hành giải thoát môn, thần thông đà la ni lự, vô sở úy, vô ngại giải, đại từ đại bi, Phật, cùng với các pháp quả Thanh Văn, biết rằng tất cả các tướng chân như thật tế, thì không có tướng của Pháp giới và tất cả các pháp.

Nói là uẩn nghĩa là năm uẩn. Thế nào là năm?

Đó là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Ở đây sắc gồm có ngũ căn và ngũ cảnh. Căn gồm nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân. Cảnh gồm sắc, thanh, hương, vị, xúc.

Nơi con mắt thức nương vào gọi là thanh tịnh nhãn căn. Ở nơi tai thức nương vào nên gọi là thanh tịnh nhĩ căn. Mũi là nơi thức nương vào nên gọi là thanh tịnh tỷ căn. Thiệt thức là nơi nương vào của thanh tịnh thiệt căn. Thân thức nương vào nơi thanh tịnh thân căn.

Sắc có hai loại: Hiển sắc và hình sắc. Hiển có nghĩa là màu xanh v.v... Hình có nghĩa là dài, ngắn v.v... Thinh có ba loại: Nghĩa là chấp thọ đại chủng, bất chấp thọ đại chủng, và cụ đại chủng.

Hương có hai loại, đó là mùi thơm và mùi không thơm.

Vị có sáu loại, đó là đắng, chua, ngọt, cay, mặn, nhạt.

Xúc có 11 loại, đó là cứng cáp, chày đều, ấm lạnh, động nhẹ, động mạnh, nhám rít, đối khát v.v... như vậy ở đây nói tổng lược vậy.

Ở đây 3 loại: Nghĩa là khả ý, bất khả ý và trung gian giữa hai loại này. Điều này như thế đều do mắt mà sanh ra. Vì cảnh giới của các loài mà phân biệt ra ba đời. Sự phân biệt đó có vô biên phần nhỏ nhặt sai biệt về hình tướng. Phải nên biết điều này là như vậy. Đó là lược nói về sắc uẩn.

Thọ uẩn nghĩa là gì?

Thọ có ba loại: Đó là khổ thọ, lạc thọ và bất khổ bất lạc thọ, mà ba thọ khổ này nương vào nơi mắt để phân biệt. Có sáu phần theo kia mà phân biệt. Thọ là có 18 loại như phía dưới của giới phân biệt rõ ràng về hình tướng. Thọ uẩn này ở nơi giới thú phân biệt có vô biên hình tướng. Nên biết điều này là như thế lược nói về thọ uẩn.

Tưởng uẩn nghĩa là gì?

Tưởng có sáu loại. Đây thuộc về hành tướng, nghĩa là nương vào mắt để phân biệt nơi kia bị cái thủ là tướng của cảnh giới. Nơi đây có 6 loại. Do tướng thủ mà có hình tướng vậy, nương vào tánh tức chẳng có thể phân biệt. Nếu phân biệt, hoặc chẳng phân biệt, nghĩa là tức sắc và thọ hay pháp. Điều này như thế mà tất cả đều uẩn của các loại khởi lên. Tưởng uẩn này ở cảnh giới phân biệt có vô biên phần hành tướng, phải biết như thế mà lược nói về tưởng uẩn.

Còn hành uẩn thì phải như thế nào?

Nghĩa là tâm sở hữu pháp, tin về phần thiện, tham, sân, si v.v... là phần các phiền não. Đó là tâm sở pháp. Các phần của tâm làm chủ hành tướng nương vào nơi mắt mà chuyển đổi. Đây là hành uẩn. Nếu ở cảnh giới phân biệt có vô biên phần hành tướng. Nếu biết điều này như thế mà lược nói về hành uẩn.

Thức uẩn là thế nào?

Nghĩa là sáu thức của thân. Thức uẩn này nương vào nơi mắt, và đối tượng của mắt để phân biệt trở thành tướng của thức kia cho đến thiện, bất thiện, vô ký v.v... Phân biệt có vô biên phần hành tướng. Nên biết điều này là như vậy, lược nói về thức uẩn.

Như trên đã nói tổng quát về năm uẩn. Bây giờ nói đến xứ, tức có 12 xứ. Nghĩa là bên trong có 6 xứ, là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, bên ngoài có 6 xứ là: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Trong này nên biết nhãn và năm sắc kia cùng năm cảnh hợp lại thành 10 sắc xứ hợp với ý xứ, nghĩa là tạo nên các pháp nghĩa là pháp xứ.

Bây giờ nói về giới. Tức có 18 giới. Nghĩa là 6 căn, 6 cảnh và 6 thức. Ở đây con mắt do thức phân biệt có 6 loại, tức là 6 xúc. Nghĩa là nhãn xúc cho đến ý xúc và sắc kia cùng thức có 3 loại tướng, nghĩa là thiện, bất thiện và trung gian. Đây là hành tướng. Nhãn và xúc làm 3 thọ sanh ra tánh của nhãn. Tức là 3 thọ kia từ mắt và xúc sanh ra có 6 loại. Sáu loại kia mỗi mỗi phân biệt sanh ra 3 loại nghĩa là khổ, lạc và bất khổ bất lạc. Như thế tổng nói về xúc, thọ. Mỗi thứ đều có 18. Như trước đã nói về thọ uẩn, hành tướng cũng là như vậy.

Lại nữa các tướng của đất, nước, gió, lửa, không, thức, tên gọi là 6 giới. Nói là do duyên sanh thì hành tướng như thế nào?

Tức là 12 duyên sanh vậy. Những gì là 12 ?

Đó là vô minh cho đến lão tử. Ở trong này vô minh nghĩa là quả của nghiệp, nghĩa là trong pháp thật là không đúng. Do đó mà vô minh khởi lên các phiền não. Cho nên nơi vô

ngã hợp chung với ngã uẩn mà thành. Vô minh duyên vào hành. Hành lại có 3 loại. Đó là phước hành, tội hành và bất động hành. Phước hành tức là 10 thiện nghiệp đạo. Tội hành tức là 10 bất thiện nghiệp đạo. Bất động hành nghĩa là vô sắc v.v... Những hành như thế ở đây vô minh làm nhân mà các hành được sanh ra.

Hành duyên vào thức cho nên, mắt và các thức, ái, chẳng ái, quả chủng tử sanh trưởng. Thức duyên với danh sắc, sanh sắc này nghĩa là do thức tạo ra cái danh kia. Danh có danh xứ, cho nên thọ và bốn uẩn gọi là danh sắc. Như thế nương vào danh để thành lập. Danh sắc duyên vào lục nhập. Ở kia có 6 xứ, nghĩa là do danh, sắc, nhãn, như thế và 6 xứ kiến lập lục xứ duyên vào xúc.

Xúc nghĩa là con mắt tiếp với sắc như trước đã nói. Xúc duyên thọ. Thọ có 3 loại như phía trước đã nói. Ở đây xúc, thọ, hành tướng phải nên biết. Thọ duyên ái, ái do vô minh. Ái duyên thủ. Thủ nghĩa là sắc và chỗ chấp thủ mà sanh ra niềm vui. Hữu duyên sanh, nghĩa là danh sắc có chỗ sanh khởi. Do vô minh kia mà có sanh pháp. Tức điều này do tự tánh vô minh vì không phân biệt. Sanh duyên vào lão tử. Lão nghĩa là các uẩn đều thay đổi. Tử nghĩa là uẩn kia hoại diệt.

Các pháp sanh ấy sau đó là không. Mà kỳ thật trước sự có của thân cũng phải xả ly. Tuy nhiên vô minh kia ở nơi uẩn kế tiếp trở lại lưu chuyển rồi tăng trưởng tất cả các phiền não sai quấy. Rồi tất cả do vô minh và các loại phiền não kia trở lại làm nhân. Cho nên phiền não nghiệp lại sanh. Điều này có 3 cái chẳng đoạn mà bị luân hồi tương tục lưu chuyển. Như thế phải nên biết nên thật pháp mà khởi lên sự đối trị. Khi vô minh hết thì tự tánh vô ngã. Như thế lược nói về 12 duyên sanh.

Nói về Ba La Mật Đa thì hành tướng như thế nào?

Ở đây có 10 loại. Trong này thì lại có 3 loại. Đó là Pháp thí, chẳng nói đối để thí, và thí lòng từ.

Giói lại có 3 loại đó là nhiếp luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới và nhiều ích hữu tình giới. Nhẫn nhục có 3 loại. Đó là Để sát pháp nhẫn, chịu nhẫn sự nguy hại oán giận và an lòng thọ nhận sự khổ. Tinh tấn có 3 loại. Nghĩa là Mặc giáp tinh tấn, Gia hạnh tinh tấn và Tất cánh tinh tấn.

Định lại có 3 loại: Nghĩa là Ly quá thất định, Dẫn phát định và Biện sự định.

Huệ lại có 3 loại: Nghĩa là Nghe được huệ, Suy nghĩ được huệ, Tu được huệ.

Phương tiện có 3 loại: Nghĩa là Lia quá phương tiện, Cứu vớt phương tiện và Xa chúng lạc phương tiện.

Nguyện có 3 loại: Nghĩa là Tự làm thành tựu nguyện, Nguyên giải bày cho chúng sanh những trói buộc và Nguyên cho cảnh giới Phật thanh tịnh.

Lục có 3 loại: Thành biện sự nghiệp lục, Diệt trừ phiền não lục và Hàng phục ma oán lục.

Trí là có 3 loại: Vô phân biệt trí, Phân biệt bình đẳng giác liễu trí và Diệt chúng sanh tội trí.

Như thế là những sự cho đó có tính cách Ba La Mật Đa (rất ráo đến bên kia bờ giải thoát) mà Bồ Đề tâm trước tiên có ở nơi tất cả chúng sanh khởi lên tâm từ để quán sát và những Ba La Mật Đa này ở thế gian, sở hành và vô hữu hành tướng lại chẳng thể được. Ở nơi xuất thế uẩn và điều này tức là tướng vô ngã giải thoát, chơn thật chứng được như lý mà quán sát.

Nói đến địa tức là thập địa. Nghĩa là hoan hỷ địa, tu thí Ba La Mật Đa. Ly cấu địa tu giới Ba La Mật Đa. Pháp quang

địa tu nhẫn nhục Ba La Mật Đa. Diệm Huệ địa tu tinh tấn ba La Mật Đa. Nam thắng địa tu định Ba La Mật Đa. Hiện tiền địa tu huệ Ba La Mật Đa. Viễn hành địa tu phương tiện Ba La Mật Đa. Bất động địa tu nguyện Ba La Mật Đa. Thiện Huệ địa tu lục Ba La Mật Đa. Pháp vân địa tu trí Ba La Mật Đa. Như vậy các địa đều được cái lý vô ngã, tất cả đều chứng các tâm từ không có sai biệt, mà ở nơi kia tu thí Ba La Mật Đa, an tịnh thanh tịnh cao cả mà được. Vì nguyện lực rộng lớn phổ biến thành tựu chẳng cùng với tất cả Thanh Văn vậy. Đó là các Ba La Mật Đa. Ở nơi ấy duyên vào tướng chẳng sai biệt. Hoặc nhân hoặc pháp đều lia tướng không vậy.

Nói về không, tức là nói 18 không. Nghĩa là mắt và không gọi là nội không. Sắc và không thì gọi là ngoại không. Mắt và sắc cùng trí quán bình đẳng thì gọi là nội ngoại không. Cho đến phân biệt các loại tướng của thế gian, mỗi mỗi quan sát, mỗi mỗi thành không. Nên có tên là đại không. Ở nơi các phân biệt lia tánh thủ xả, nói tên là không. Không này lại là không. Cho nên có tên là không không. Nơi thắng nghĩa để quán chẳng thể được, tên là thắng nghĩa không. Ở nơi thí và làm các pháp đều bình đẳng tên gọi là không. Các pháp vô vi không phát hiện được tướng của sự giác ngộ tên gọi là không. Ở nơi pháp không chẳng có ít pháp mà thật có thể chuyển được. Tan ra mà không tập hợp lại được cho nên có tên là tán không. Tất cả pháp kia chẳng có biên tế nên gọi là vô tế không. Trong tất cả pháp tất cánh chẳng có một pháp nào là chẳng không cho nên có tên là tất cánh không. Uẩn và các pháp tự tánh cũng như thế chẳng nơi sanh khởi, lia tướng tự thủ xả cho nên gọi là tự tướng không và tất cả các pháp kia không. Không sai biệt tên gọi là nhứt thiết pháp không. Ở nơi ngã uẩn thủ xả chẳng thể được nên gọi là chẳng thể được không. Chẳng thể được không này nghĩa là sắc và tướng chẳng thể được vậy. Lại có cái tánh của nghiệp. Nên gọi là tướng không. Là người hay pháp, tự tánh kia là không. Nên có tên là tự tánh không. Ở nơi các tánh lia tánh thủ xả nên gọi là vô tánh không. Vô tánh kia nghĩa là lia uẩn và tánh vô biệt vậy. Nếu lia uẩn và tự tánh khởi không phân biệt thì đối phá tướng tức gọi là vô tánh tự tánh không. Hoặc ở kia như thế phân biệt cho đến tận xứ. Tức hay giải thoát sắc và sự ràng buộc. Lại chẳng phân biệt có vô biên phần, lia uẩn và thủ xả tức là một tướng, mà một tướng kia thì tánh lại không có hai. Cái kia như thế cho nên tức là Ba La Mật Đa an trụ ở nơi một cảnh. Tự tánh không, lý ấy lia các tướng hỷ luân. Nên quán như thế tức là vô ngã chân thật, để mà quán.

Nói là Bồ Đề phần tức là 37 phẩm Bồ Đề nghĩa là: Tứ niệm xứ, cho đến Bát Chánh Đạo. Tứ niệm xứ là thân thọ tâm pháp. Ở trong này thân niệm xứ là quán thân không có nhiều loại tích chứa mà chẳng có dính mắc. Lia tướng thủ xả v.v... cho nên có tên là thân niệm xứ đều quán sát như vậy. Lại nữa tức giữa pháp niệm xứ này hoặc ở trong ngoài hoặc ở giữa mà phân biệt có 3 loại. Nghĩa là tinh tấn, định và chánh niệm. Ba La Mật Đa tương ứng với hay quan sát các Bồ Tát tối thắng Bồ Đề tâm và thí tất cả thiện hạnh. Ở nơi tất cả các pháp mà được vô ngã tương ưng. Nội tối thắng này như thế lược nói là 4 niệm xứ. Các pháp khác cũng như thế mà nên biết.

Tứ chánh đoạn nghĩa là đối trị với phi Bồ Đề phần tức là sự sanh rồi làm đoạn lia, chưa sanh làm cho sanh. Ở đây gọi là sanh đoạn 2 loại bất thiện chẳng có đối trị. Những phần Bồ Đề chưa sanh thì làm cho sanh. Khi sanh rồi làm

cho tăng trưởng. Đây gọi là siêng tu hai việc lành. Như thế hoặc nói lược nói gọi là tứ chánh đoạn.

Tứ thần túc nghĩa là dục, tinh tấn, Tam Ma Địa, Huệ. Như thế tương ứng với hành, tăng thượng quả sở đắc. Ở nơi sở đắc này mà quán dục và sở duyên. Nghĩa là 4 loại Tam Ma Địa, mà ở kia thân tâm lìa sự nương vào chỗ ở và lìa tham tưởng, nương vào nơi tịch diệt, chẳng có tác hành. Như thế lược nói là tứ thần túc.

Ngũ căn, ngũ lực tức hiểu tất cả quả của tướng. Nghĩa là tín, tinh tấn, niệm, định, huệ và tướng tăng thượng tương ứng với căn lực. Như thế lược nói ngũ căn, ngũ lực.

Lại nữa, ở trong này như thế và sở uẩn, xứ, giới v.v... tức 2 giác liễu phần. Nghĩa là noãn danh vị. Noãn vị tu Tứ niệm xứ. Danh vị tu Tứ chánh đoạn. Lại nữa có 2 thắng giác liễu phần. Nghĩa là nhân thể đệ nhất pháp nhân vị tu tứ thần túc. Thể đệ nhất vị vị tư ngũ căn, ngũ lực. Cái kia như thế và vô sở tác hành. Tối thượng chân thật. Tín và căn lực làm kiến đạo duyên theo hành tướng. Nên biết ở kiến đạo sở tu kia nghĩa là thất giác chi. Thất giác chi là Niệm giác chi là làm lợi ích chúng sanh chứng được Bồ Đề nguyện. Hiện tiền chánh niệm, vô vọng mất tướng. Trạch pháp giác chi là ngã pháp tự tánh quyết chọn làm tướng. Hỷ giác chi là tự mình tu đạo được vô lậu như sanh hỷ lạc vậy. Khinh an giác chi có nghĩa là chúng được chơn thật pháp tánh. Chẳng phải hạt giống của Bồ Đề phần mà xả lìa vậy. Thân nghiệp, tâm nghiệp được khinh an. Định giác chi nghĩa là tứ vô lượng và Bồ Đề nguyện. Vào chơn như trí thuần nhất cảnh tướng. Tinh tấn giác chi là tuy quán tịch tịnh thắng thượng công đức môn nhưng mà chẳng bị đắm nhiễm. Siêng tu các hành lại chẳng giải đãi. Xả giác chi nghĩa là nhớ nghĩ đến sự lợi ích chúng sanh như thế mà điều phục. Tùy theo sở hành Ba La Mật Đa và những pháp công đức. Bình đẳng phân biệt xem chẳng đến đi. Trụ ở nơi bình đẳng vậy. Như thế lược nói tên của Thất Giác Chi. Tức như thế cùng với Thất Giác Chi Hành, tên là Chánh Trí Phần. Ở kia hay đối trị với phiền não chướng và sở tri chướng hành tướng. Hay biết tu đạo và hay tu. Tức Bát Chánh Đạo.

Bát Chánh Đạo nghĩa là chánh kiến cho đến chánh định.

Ở đây Chánh Kiến nghĩa là biết tất cả pháp đều là vô ngã tướng. Trụ ở bình đẳng, khổ và điên đảo. Ở đây có một phần là vi diệu tướng, thắng huệ sở quán.

Chánh Tư Duy nghĩa là khởi lên tư duy, chẳng đoạn sở tác như, như nguyện mà chứng quả.

Chánh Ngữ nghĩa là những lời nói lìa sự hư dối, phân biệt như thật mà nói.

Chánh Nghiệp nghĩa là làm hay làm mà không điên đảo, chẳng hại chúng sanh mà hay cứu giúp chúng sanh v.v... Lìa vọng mà tu.

Chánh Mệnh nghĩa là mạng sống thanh tịnh, lìa những tà vọng... Tự làm, hay tu và thực tập việc ấy để chứng.

Chánh Càn nghĩa là đến Tối Thượng Địa mà lại tăng tiến. Thân không sanh mệt mỏi. Tâm sanh mạnh mẽ.

Chánh Niệm nghĩa là niệm xứ và như thật mà quán. Từ tâm trang nghiêm tự nguyện phương tiện. Ở nơi tất cả pháp chẳng quên mất.

Chánh Định nghĩa là thân và nghiệp mà thường hay nương vào nơi tối thắng công đức.

An trụ vô phân biệt trí. Tức các tướng tinh lự tương ứng với bình đẳng. Như thế lược nói tên 37 pháp Bồ Đề phần. Tùy theo hành tướng mà ghi lược lại như thế.

Quyển thượng hết

Tĩnh Lặng



*Quả đất cũ đường bay dài viễn mộng
Nghiêng nghiêng theo hoa thay sắc bốn mùa
Từ phương nao đắm nhiễm những nắng mưa
Thành thân bệnh khi hàn, khi nóng sốt*

*Cây nhuộm sắc thời gian trên lá mỏng
Lòng nao nao theo muôn về đổi thay
Bình minh lên, nắng đứng, ráng ban ngày
Đôi mắt cũng nhuộm buồn từ muôn thuở*

*Muôn vạn tiếng đời đi vào kỷ ức
Tai ran ran đau nhức bởi trọc thanh
Nhạc du dương chưa lấy lại thăng bằng
Trong đáy vực nhọc nhằn nghe núi lở*

*Hương trời nao trở về từ vạn nẻo
Quá khứ thừa còn gởi lại tương lai
Cố tìm khuấy trong hương vị hoa lài
Để chung lẽ, chẵn sâu, thêm âm áp*

*Vị ngọt đã... dòng thời gian thả úng
Quả, rau tươi xin nhường lại cho đời
Phận tha hương cay xé mây phương trời
Ngàn vạn lời vị đời luôn biến chất*

*Ngã bệnh vì xác thân tiếp sắc
Cửa khẩu ra vào bệnh hoạn cũng truyền lây
Tháng ngày đi còn lại chút gì đây?
Tìm an ổn dưới tàng cây bờ suối.*

Sydney 15-9-2004
Lâm Như Tạng



Cuộc du hành sang Lạp Tát (Lhasa) của Tây Tạng

Nguyên tác : To Lhasa and Beyond
Tác giả : Giuseppe Tucci
Phóng tác : HT. Thích Trí Chơn

*
**

Vài nét về tác giả: Sinh năm 1894 tại Macerata, vùng biển Adriatic (Ý Đại Lợi), Giuseppe Tucci tốt nghiệp Đại học La Mã (Rome University), và tại đây, sau này ông được mời làm giáo sư dạy các môn tôn giáo, triết học Ấn Độ và Viễn Đông (Indian and Far Eastern Religion and Philosophy). Những năm 1925 - 1930, ông nhận làm giáo sư dạy tiếng Ý, Trung Hoa và Tây Tạng tại các trường Đại học Calcutta, Santiniketan (Ấn Độ) và Dacca (Hồi Quốc). Giáo sư Tucci nổi danh là học giả Đông Phương Học, chuyên dịch nhiều tác phẩm tiếng Phạn (Sanskrit) và các ngôn ngữ Đông Phương khác. Ông đã thực hiện nhiều chuyến đi sang nghiên cứu ở các nơi xa xôi tại Ấn Độ, Nepal, Trung Đông, các vùng thuộc miền tây và trung Tây Tạng. Những sách của ông viết về lịch sử, nghệ thuật, khảo cổ và dân tộc học (ethnology) đã được dịch ra nhiều thứ tiếng. Giáo sư cũng đã đóng góp nhiều bài khảo cứu giá trị, giúp các độc giả Âu Châu hiểu biết về Ấn Độ. Cuốn sách nguyên bản tiếng Ý mang tên là: "**A Lhasa E Oltre**" do Mario Carelli dịch ra Anh văn: "**To Lhasa and Beyond**". Tác phẩm thuật lại chuyến đi của giáo sư Tucci vào năm 1949 đến thăm Tây Tạng, lúc mà đất nước này còn là một quốc gia hoàn toàn độc lập tự do, với nền văn minh lâu đời huyền bí của nó, chưa bị Trung Hoa Cộng Sản xâm chiếm. Cuốn sách cũng diễn tả những phong tục, tập quán, đời sống tâm linh, tôn giáo và nhiều sinh hoạt văn hóa khác của dân chúng Tây Tạng tại các thành phố lớn mà giáo sư có dịp đến viếng thăm như Lhasa, Shigatse, Samye và Gyantse v.v... Tác phẩm xuất bản lần đầu tiên năm 1956 và được tái bản vào những năm 1983 và 1985.

Chương I

Từ La Mã đến cửa ngõ Tây Tạng

Vào lúc tôi đang kiểm điểm lại lần chót mọi việc sắp xếp cho chuyến đi của tôi thì một biến cố xảy ra tại La Mã (Rome) khiến tôi hết sức bàng hoàng. Vị trưởng của giáo phái Bodha, người tự xưng là trụ trì tu viện Badhamandala ở Tashilhumpo - một thành phố mà tôi đã có dịp viếng thăm hai lần trong những chuyến qua Tây Tạng trước đây, nhưng tôi chưa bao giờ nghe ai nhắc đến tên tu viện đó - và cũng tự nhận là nhân vật đại diện chính thức cho Tây Tạng, đã bày tỏ sự phi báng chống đối tôi, lại còn quả quyết rằng nếu lần này tôi đặt chân trở lại Tây Tạng, tôi sẽ không hy vọng được trở về.

Ai cũng đều nhớ là tôi đã hành động ra sao để lột mặt nạ cái con người mà trên giấy thông hành không bao giờ ghi rõ quốc tịch thực sự của ông ta, một nhân vật mà ở xứ Tây Tạng không ai biết đến, nhưng Sở Cảnh sát Quốc Tế thì chẳng xa lạ gì hẳn ta. Ngày nọ, tôi viết cho tên đó một lá thư bằng tiếng Tây Tạng, nhưng không thấy y trả lời. Sau này, tôi hỏi ông ta một vài vấn đề liên quan đến Phật Giáo, ông cũng nín thinh luôn. Bị bắt buộc phải rời khỏi nước Ý, cho nên từ Thụy Sĩ, ông ta đã gửi qua báo chí tại La Mã cho tôi một bức thư, trong đó y hẹn gặp tôi tại Darjeeling (Ấn Độ); và bảo rằng đến thành phố đó, ông ta sẽ giải đáp đầy đủ những câu hỏi thắc mắc của tôi, những điều mà gây ra nhiều bối rối cho y tại La Mã. Tuy nhiên ông ta đã không có mặt tại Darjeeling theo đúng lời hứa hẹn, và mọi người ở đó cũng chẳng ai biết đến tông tích của ông ta. Hẳn ta cũng đại ngôn, nói khoác lác cả với ông Đại sứ Nepal ở Luân Đôn (Anh quốc); và nhờ tôi báo cáo cho biết mà ông Đại sứ này cũng phải thừa nhận rằng đó là hành động của một tên đại nói láo, lường gạt, không còn biết liêm sỉ. Việc tôi lật tẩy ông ta được xem như chính đáng khi tôi nhận được từ chính phủ Tây Tạng một văn thư đề ngày 10 tháng 01 năm 1949 trả lời cho biết như sau:

"Chúng tôi đã nhận được thư của ông kèm với bản sao bản báo cáo của Nha Cảnh sát Ý Đại Lợi nói rõ về hành động của ông Cherenzi Lind. Chúng tôi đã trình bày vấn đề này với chính phủ chúng tôi, và có quan hữu trách sở tại đã chỉ thị chúng tôi thông báo cho ông biết rằng nhân vật mạo nhận, tự xưng là Cherenzi Lind hoàn toàn không có liên hệ gì với Tây Tạng. Bản báo cáo của Sở Cảnh Sát Ý Đại Lợi còn nói rằng trong giấy tờ, Cherenzi Lind không ghi rõ cho biết nói sinh và nguyên quán của ông ta. Y đã dùng lời thuyết giảng để phỉnh gạt nhiều người. Chúng tôi thật hết sức cảm ơn nếu ông có thể thông báo cho các quốc gia khác biết rõ về những hành động dối trá của Cherenzi Lind để hẳn cũng sẽ bị lật tẩy tại các nơi đó. Và chúng tôi rất hân hạnh nếu được ông cho biết thêm bất cứ điều gì của tên lường gạt bất lương nói trên có thể gây phướng hại cho xứ sở Tây Tạng chúng tôi".

Giờ đây tôi vui mừng tri ân chính phủ và nhân dân Tây Tạng đã dành cho tôi nhiều ưu ái, sẵn sàng đón nhận giúp đỡ khi tôi qua đó làm công tác nghiên cứu. Tại Darjeeling, dù tôi không may mắn giải quyết được hết những khó khăn mà tôi đã gặp phải khi còn ở La Mã, nhưng ít ra cũng giúp tôi thực hiện được thu xếp, chuẩn bị cần thiết đầu tiên cho chuyến du hành qua xứ tuyết của tôi.

Sau Kalimpong, Darjeeling là ngôi chợ lớn nhất tại vùng biên giới giữa Ấn Độ và Tây Tạng. Năm 1835 khi vua Sikkim nhượng Darjeeling cho chính phủ Ấn Độ thì thành phố này trở thành nơi nghỉ mát mùa hè của dân chúng tiểu bang Bengal (miền đông Ấn Độ), nhưng ngày nay thì không còn được như thế nữa. Do đó mà thành phố đã trở nên có phần hơi vắng vẻ và giảm sút hoạt động. Các cơ sở thương mại chính tại đây cuối cùng cũng đã phải dời đến Kalimpong là nơi mà những đoàn người đi buôn đã vượt qua các ngọn đèo Jelap và Natu để chuyên chở hàng len, lông cừu của Tây Tạng vào đây bán nhằm cung cấp cho các hãng xưởng địa phương. Sự phồn thịnh của Tây Tạng chịu ảnh hưởng rất nhiều theo giá cả lên xuống của hàng len tại ngôi chợ này. Tuy nhiên Darjeeling vẫn còn mang màu sắc của một thành phố tươi vui và rộn rịp. Được thiết lập trên những triền đồi, bao bọc xung quanh với các vườn trà lá màu xanh và ẩn mình bên dưới những khu rừng. Darjeeling còn được tô điểm từ hướng bắc nhìn xuống như những tháp canh bởi cảnh trí hùng vĩ của ngọn Kanchenjunga, đỉnh núi cao hàng thứ ba trên thế giới sau Everest của Hy Mã Lạp Sơn. Kanchenjunga còn mang vẻ đẹp thẳm lặng, kín đáo và khi trên chóp núi phủ đầy tuyết trắng với những đám mây lững lờ bao phủ bay xung quanh, bên dưới thì trông nó chẳng khác gì hòn đảo Blest trôi nổi giữa đại dương bầu trời mênh mông.

Kalimpong bắt đầu có được sinh hoạt là nhờ người Anh mở cuộc viễn chinh năm 1904 khi con đường bộ giao thương với Lạp Tát (Lhasa) được khai thông. Từ một ngôi làng vắng vẻ vào lúc ấy, Kalimpong đã phát triển trở thành một thành phố lớn nhất của miền bắc tiểu bang Bengal. Từ Kalimpong nhìn ra cảnh trí không hùng vĩ bằng ở Darjeeling. Nơi đó, du khách vẫn nhìn thấy ngọn núi Kanchenjunga nhưng không được cao và vĩ đại cho lắm. Tại cả hai thành phố, sinh hoạt của người dân khó tìm thấy được sự khác biệt của mỗi địa phương. Ngay kiểu cách xây nhà cũng vậy, toàn là những loại nhà buồn tẻ mà du khách có thể nhìn thấy tại bất cứ khu phố chợ nào ở Ấn Độ. Nhiều sắc dân đã gặp gỡ và sống chung đụng với nhau tại đây mà hình như tất cả mọi người đều chấp nhận như vậy chứ không ai than trách gì.

Người Bengalis đáng lẽ ra phải đông hơn các sắc dân khác vì đây nằm trong tiểu bang Bengal của Ấn Độ, nhưng họ lại rất ít. Du khách chỉ gặp họ đặc biệt trong giới cảnh sát, ở những tiệm buôn bán nhỏ và làm thư ký các văn phòng. Toàn bộ đời sống kinh tế ở đây đều nằm trong tay của những người Marwaris và họ có mặt khắp nơi, làm chủ phần lớn các xí nghiệp và thương vụ; cho đoàn thể và cá nhân vay tiền, kiểm soát mọi hàng hóa nhập cảng từ Ấn Độ cũng như xuất cảng sang quốc gia này. Họ phát xuất từ vùng đất không xa thị trấn Bombay (miền tây Ấn) nhưng không làng xã nào tại Ấn Độ mà không có dấu chân của họ. Họ cũng đi thẩu tới vùng núi Hy Mã Lạp Sơn (Himalaya) và khi gặp dịp thuận tiện, một số người của họ có thể qua Tây Tạng hay Thổ Nhĩ Kỳ để làm ăn buôn bán. Vì không thích lệ thuộc vào những tên thương gia Ấn Độ xảo quyệt, các nhà buôn Tây Tạng đã thiết lập ở Darjeeling và ngay cả tại Kalimpong một thành phố nhỏ riêng biệt, tại đây họ đã trồng trọt và dựng hàng rào quanh nhà trông chẳng khác gì nơi quê hương xứ sở của họ.

Ở Kalimpong, du khách có gặp các vị Lạt Ma, những người hành khất đang quay những vòng xe cầu nguyện (prayer wheels) trong lúc chờ nhận thức ăn từ khách thập phương bố thí; ngay cả những người Kham du cư với nét mặt dữ dằn và mang theo người lười dao dài bỏ trong vỏ bọc chạm trổ. Những người Tây Tạng khi đến các thành phố này nét mặt của họ có vẻ đăm chiêu, chất phác. Họ chỉ lưu lại trong vài tuần rồi người khác đến ở thế chỗ của họ. Bên trên vùng đất nhà ở của người Tây Tạng, khu phố Trung Hoa mở ra chạy dài theo con đường chính với những tiệm sửa giày, bán đồ sứ, hàng lụa và nhiều thứ khác. Từ Thượng Hải (Shanghai) hàng hóa Trung Hoa thường nhập cảng trước tiên vào Calcutta (Ấn Độ) qua ngã Tân Gia Ba (Singapore) và từ đó, chúng được chuyển đưa lên vùng núi đồi Hy Mã Lạp Sơn và tồn trữ tại Kalimpong và Darjeeling. Từ hai thị trường này hàng hóa được phân phối gửi đến các cửa tiệm và chợ phiên (fairs) ở Tây Tạng. Như vậy hàng hóa Trung Hoa phải đi lòng vòng kéo dài hàng tháng mới tới xứ Tây Tạng. Nhưng không có phương tiện chuyên chở nào nhanh hơn được khi mà sự giao thông đường bộ giữa Trung Hoa và Lạp Tát (Lhasa) của Tây Tạng không mấy an toàn vì thường xảy ra cướp bóc ở biên giới.

Kalimpong và Darjeeling là những thành phố làm nhịp cầu giữa hai nền văn hóa Ấn Độ và Tây Tạng. Nhưng cả hai dân tộc tiếp xúc với nhau chỉ bên ngoài mà thôi. Ít có sự thông cảm thật sự trong tâm hồn hay phong tục tập quán. Cả hai sắc dân gặp gỡ nhìn nhau với sự nghi ngờ, họ sống gần nhau bên ngoài nhưng trong lòng thì xa cách. Tại đây hình như dân Ấn muốn trở thành người Tây Tạng và ngược lại dân Tây Tạng muốn trở thành người Ấn, nhưng thực tế thì không đơn giản như vậy. Các phong tục, tập quán, y phục và ngôn ngữ của mỗi dân tộc thường được biểu hiện qua cuộc sống chung đụng, nhưng hai nền văn hóa không thể hòa hợp lẫn nhau. Tại khu vực biên giới là nơi dân chúng thỉnh thoảng tổ chức chợ phiên và chẳng khác gì chợ búa trong phố xá bao nhiêu. Du khách có thể tìm thấy tại đây đủ loại mặt hàng hóa thượng vàng hạ cám với nhiều màu sắc rực rỡ, đắt tiền cũng như rẻ tiền. Dạo quanh chợ, du khách ngửi thấy mùi hương thơm lẫn thúi; du khách cũng được nghe những bản nhạc, bài ca đủ âm điệu lên bổng xuống trầm, êm dịu lẫn chất chứa.

Các cửa tiệm đều giống như ở Ấn Độ, thường mở đến khuya. Dân chúng tỏ vẻ ít chú tâm đến việc buôn bán mà họ thích nói chuyện, vẫy tay chào nhau, đọc kinh sách các đạo giáo và ngủ gà ngủ gật. Tiếng họ nói cười hòa lẫn với âm điệu phát ra từ chiếc máy hát cũ kỹ mà chủ nhân mua nó nơi một cửa hàng của anh chàng ngày đêm thích lang thang rong chơi hơn là chăm lo công việc làm ăn. Từ cửa tiệm này sang cửa tiệm khác, du khách được dịp thưởng thức những bản nhạc và bài hát qua nhiều ngôn ngữ khác nhau. Dân chúng một số người mặc dù không hiểu ý nghĩa nội dung các nhạc phẩm đó, nhưng họ vẫn yên lặng đứng chăm chú nghe chẳng khác gì đang say sưa nhìn xem các buổi lễ lược tôn giáo. Đại diện cho dân Âu Châu ở đây ngoài những người trong hai giáo đoàn Tin Lành và Thiên Chúa La Mã, còn có một số thương gia chủ nhân các đồn điền trà, tuy nhiên lần hồi các cơ sở này đều rơi vào tay của những tên điền chủ Ấn Độ.

(Còn tiếp)



Đoàn Văn Thông

(Tiếp theo VG 143)

Chương VI

HIỆN TƯỢNG MA QUỶ

Có ma hay không ?

Đây là vấn đề được đặt ra từ lâu từ Đông Phương cũng như Tây Phương. Nhiều người hoặc nghe, hoặc đã thấy ma nhưng thật sự vấn đề chứng minh có ma hay không theo nghĩa của khoa học thực nghiệm thì quả là một vấn đề nan giải. Từ ngàn xưa, lúc loài người xuất hiện, lúc ánh sáng và bóng tối bao trùm lấy họ, lúc họ trông thấy "sự chết" là lúc họ tin rằng có ma. Ma là vật vô hình nhưng lại xuất hiện nhiều trong ý tưởng, trong quan niệm sống của nhiều người. Ma hiện diện cả trong văn học, văn thơ Đông Phương cũng như Tây Phương đều bằng bạc hình ảnh của các hồn ma. Con người sợ hãi về ma nhưng vẫn muốn nghe nhắc đến hồn ma. Chuyện Liêu Trai Chí Dị đã một thời lôi cuốn biết bao người vì cái huyền bí siêu linh mơ hồ nhưng đầy vẻ mơ mộng lãng mạn trữ tình. Đọc Liêu Trai mới thấy ma không tàn ác ghê rợn như người ta tưởng mà thường rất cô đơn, hiu quạnh, lãng mạn đa tình...

Theo các tài liệu cổ của Tây Tạng, nhất là trong Tử Thư có nhắc đến vấn đề ma quỷ. Ma thật ra là những linh hồn chưa siêu thoát chưa có nơi nương tựa. Tử Thư Ai Cập cũng nói nhiều đến

hồn ma. Nếu đã tin rằng con người gồm có 2 phần là Hồn và Xác thì ma chỉ là một trong những hiện tượng xảy ra sau khi chết. Có người sau khi chết, hồn lìa khỏi xác nhưng hồn không chịu xa rời người thân, chính bản thân người chết cũng không nghĩ rằng mình vẫn sống bình thường. Tuy nhiên điều đau khổ là người thân không thể thấy họ, vì lúc này họ chỉ có phần hồn mà không có phần xác. Phần hồn cấu tạo bởi những nguyên tử có tần số rung cao hơn. Khi chẳng được, đôi khi tức giận cố tập trung năng lực vốn có để tác động lên đồ vật như làm đồ đạc di chuyển, phát ra tiếng động hay có khi nhờ năng lực mạnh họ có thể mượn tạm xác thân để hiển hiện trong thời gian ngắn. Những ai thấy được họ lúc ấy sẽ rất kinh hãi và gọi hình tượng vừa xuất hiện là ma. Cũng như nghe tiếng động hoặc thấy đồ đạc di chuyển thì gọi là ma phá phách, ma làm. Thật ra theo một số thuyết tôn giáo cũng như theo các vị Lạt Ma Tây Tạng thì ma quỷ không đáng sợ vì chúng chỉ ở đẳng cấp thấp hơn cả loài người, tuy nhiên ma sống ở cõi âm, ở nơi đó linh hồn người chết khi gặp thường phải theo lệnh chúng vì chúng là những người giúp việc ở cõi âm. Nếu linh hồn có tội thì dĩ nhiên phải đọa xuống đây chẳng khác nào ở trần thế người phạm tội phải ra tòa, vào tù có nhân viên thừa hành dẫn vào ngục, có người coi tù, canh gác tù v.v... Người Tây Phương thật ra chỉ mới nghiên cứu những vấn đề có tính cách huyền bí siêu linh trong những thời gian gần đây thôi, nhất là khi khoa học đành bó tay trước những lạ lùng mà khoa học không thể nào giải thích được. Càng ngày số lượng các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu, chuyên nghiệp hay tài tử nhảy vào vòng tìm hiểu và tìm cách chứng minh các lãnh vực siêu linh trong đó có vấn đề về sự sống, sự chết, vấn đề đầu thai, luân hồi, quả báo và cả vấn đề ma quỷ hiện hình. Tất cả đều cố nhằm mục đích để chứng minh, xác nhận các vấn đề nêu trên có thật hay không?

Hiện nay, các nhà nghiên cứu đã quyết định không hoàn toàn căn cứ vào quan niệm thông thường của những nhà khoa học là mọi vấn đề đều phải chứng minh bằng khoa học thực nghiệm mới có thể đi đến kết luận chính xác. Những hiện tượng siêu linh nằm trong những lãnh vực khác biệt với thế giới mà con người đang sống và dĩ nhiên các cấu tạo của những vật

thể lạ lùng ấy cũng phải khác xa cấu tạo của các vật chất trên thế gian. Cảm nhận được điều đó thì họa may con người mới có thể tìm hiểu được những hiện tượng huyền bí. Trên tiền đề đó, họ bắt đầu thu thập các tài liệu thuộc lãnh vực siêu linh cũng giống như hiện nay, các nhà sinh vật học vẫn còn lần mò sưu tập và phân loại các sinh vật trên quả đất định tên, phân loại và nghiên cứu chúng, mặc dầu các sinh vật đã xuất hiện cách nay hằng triệu triệu năm. Ngày nay ở Âu Mỹ, rất nhiều trung tâm nghiên cứu các hiện tượng siêu linh được thành lập. Ngay tại tiểu bang Florida của Hoa Kỳ đã có một viện lưu trữ khoảng ba mươi nghìn hồ sơ liên hệ đến các hiện tượng siêu hình. Các hiệp hội chuyên nghiên cứu về linh hồn và các hiện tượng về ma quỷ được thành lập khắp nơi trên thế giới: ở Anh, Pháp, Đức, Hoa Kỳ như The Churches' Fellowship for Psychological and Spiritual Studies, Hội nghiên cứu về những kinh nghiệm của những người chết đi sống lại (out of the body experiences), Hội nghiên cứu về những vấn đề gần gũi với cái chết NDS (near Death Studies) ...

Đặc biệt các nhà khoa học, vật lý, hóa học, sinh vật học và nhất là các nhà y học (trong đó có các Bác sĩ nổi danh như Raymond Moody, Bác sĩ C.G. Jung, Bác sĩ Jaflié, Bác sĩ Stafford-Clark, Bác sĩ Charles Richet...) và đặc biệt là rất nhiều giáo sư tại các Đại Học nổi tiếng ở Anh, Pháp, Mỹ, Đức, Nga đã đổ xô vào nghiên cứu các lãnh vực siêu hình như đã nói trên.

Những tư liệu sưu tập về hồn ma trên thế giới

Chuyện về ma quỷ xuất hiện trên cõi thế thường được tìm thấy từ cổ đại đến nay qua biết bao tài liệu sách vở hoặc truyền khẩu. Tuy nhiên không phải mọi chuyện đều có thật. Các nhà nghiên cứu về vấn đề hồn ma thường giữ lại ít nhất là những chuyện ma đáng tin cậy để cho vào những bộ sưu tập của họ.

Sau đây là một số tư liệu về hồn ma xuất hiện trên thế giới đã được các nhà nghiên cứu về hiện tượng siêu hình cho là trung thực.

Những ngôi nhà có ma

Hai vợ chồng Albert và Ivy Cardwell dọn đến ở tại một chung cư mà họ thích tại Rotherham Yorkshire

(Anh Quốc). Hôm đó nhằm tháng 7 năm 1986 hai người đã cảm thấy có sự dị thường nơi đây phòng họ ở. Ban đêm họ nghe tiếng cọt kẹt rất có vẻ dè dặt rồi như có tiếng chân đi và tiếng gõ cửa ở phòng ngoài, ngay nơi phòng ngủ chính. Tiếng động ấy làm nhiều người nghe rõ nhưng bà Cardwell lại là người độc nhất thấy rõ một hình ảnh lạ lùng ghê sợ: Bà thấy một "con ma" xuất hiện trước mặt, đó là một người đàn bà và bà ta biến mất ngay khi Cardwell có ý định chỉ cho chồng thấy cảnh tượng lạ lùng này.

Không phải hình ảnh ma luôn luôn hiện ra mờ ảo mà trái lại đôi lúc giống như một người sống. Tại Dunstable, ở Bedfordshire (Anh) có một ngôi nhà cổ mà dân quanh vùng không dám lại gần vì nhiều người đã thấy ở đó, hằng đêm xuất hiện một con ma đã già, mặc bộ đồ đen bạc màu thời đại Nữ hoàng Victoria có nút đính khuy vàng nổi trên cổ áo. Đây không phải là một bóng ma mờ ảo mà trái lại hiển hiện như người thật. Năm 1966 vào mùa hè, con ma xưa cổ này lại xuất hiện một lần nữa ngay ở khung cửa lớn của ngôi nhà nhìn xuống đồi.

Một nhóm nghiên cứu về các hiện tượng ma quái đã đột nhập ngôi nhà cổ để quan sát và đã khẳng định rằng: Hằng đêm khoảng 7 giờ đến 8 giờ tối, con ma già xuất hiện thường nhất là ở ngay phòng ngủ. Gương mặt mờ xám nhưng không có vẻ gì để sợ, tuy nhiên những người có mặt cảm thấy rón tóc gáy. Luôn luôn "con ma" đứng ngay giữa phòng, tóc màu xám tro rũ xuống trước trán. Vừa lúc đó, con chó Lassie chạy ngang, lúc bước qua trước mặt "con ma già", nó rên rĩ một tràng dài nào nuốt như bị một luồng điện chạy qua cơ thể nó.



Hình ảnh một ngôi nhà ma ở Ireland (nh tài liệu trích từ Phantoms of the Isles của Simon Marsden - Webb & Bower Italy - 1990)

Qua nhiều cuộc điều tra tỉ mỉ, người ta biết được là ngôi nhà này ngày xưa chủ nhân sống cô độc và sau phát điên rồi chết, người chết ấy chính là con ma thường đêm xuất hiện ngay nơi phòng ngủ của ngôi nhà cũ hoang vắng...

Năm 1973, tại tiểu bang Michigan (Hoa Kỳ) hai người đàn ông đã mua một tòa nhà đồ sộ trông có vẻ uy nghi đường bệ tại Grand Rapids. Họ sống ở đó được 3 năm yên lành chẳng có gì xảy ra ngoài việc thường nghe những tiếng động lạ mà theo họ thì có lẽ do gió thổi qua các rặng cây xuyên cổng vòm của khu vườn nhà tạo nên.



Cầu thang kỳ dị với những bước chân lạ. Cánh cửa ma quái trong căn nhà hoang tại Anh. (nh tài liệu trích từ The Most Haunted House in England - Harry Price - Longgurans, Green and Co. 1989. Time Life Books Inc.)

Nhưng rồi, mùa thu tới, lúc đó là năm 1976, vào một buổi chiều trời sụp tối rất mau, hai người đang ngồi ở phòng khách bỗng thấy một người đàn ông đứng tuổi xuất hiện ở gần cửa ra vào. Đầu đội mũ, tay cắp cái ô đen, áo quần người ấy mặc thuộc y phục của thời đại vua Edwardian VII. Trông ông ta giống như một nhà kinh doanh. Hai người đàn ông chưa có phản ứng gì ngoài sự kinh ngạc và bàng hoàng, thì người đàn ông đứng tuổi vừa bước nhanh qua khỏi cái cửa ra vào đã đóng chặt từ trước.

Tại một vùng hoang vắng ở California's Kern County (Hoa Kỳ) có

một ngôi nhà gạch, ngôi nhà này được hai vợ chồng Frances Little mua lại vào năm 1968. Chỉ sau vài tuần dọn đến ở, người chồng bỗng thấy một người đàn bà làm lui đi quanh nhà như muốn tìm kiếm một cái gì, khi nhìn kỹ gương mặt, người chồng bỗng kinh ngạc vì đó chính là người vợ trước của mình.

Sau đó bà Little (người vợ sau) một hôm đang ở nhà một mình bỗng thấy đêm ấy có một người đàn bà cao, mảnh khảnh tự nhiên không biết từ đâu lừng lừng đi ra từ sau căn phòng một cách yên lặng và tiến vào phòng ngủ. Tại đây người đàn bà này có vẻ tần



ngần do dự trong bước chân đi nhưng không quay mặt về phía bà Little. Rồi bất thần, người đàn bà ấy đi xăm xăm về phía phòng khách, ở vị trí này, bà Little có thể quan sát rõ ràng toàn thể người đàn bà lạ này. Nhanh trí, bà Little vội lấy cái máy ảnh nơi tủ gần chỗ bà đứng và bấm ngay một bức ảnh. Khi đèn lóa lên thì người đàn bà vừa quay lại và sau đó biến mất. Bức ảnh được rửa ra sau đó và ông bà Little nhận ra đó là Margaret

Kolitch, người đàn bà đã cùng với ông Little xây dựng ngôi nhà nơi hoang vắng này vì lúc đó họ muốn sống cuộc sống ẩn dật hạnh phúc lứa đôi với nhau (năm đó là năm 1922).

Một trường hợp đặc biệt khác xảy ra tại một ngôi nhà ở Stockton, nơi vùng ngoại ô của Newcastle, New South Wales (Úc Đại Lợi). Ngôi nhà này vừa được hai người trẻ tuổi và một người cháu gái thuê ở. Chỉ mới hai tuần lễ mà họ đã trải qua nhiều thử thách bởi một năng lực siêu nhiên huyền bí phát sinh quanh nhà và ngay cả trong nhà (từ đầu năm 1970 họ dọn tới ở): Trước tiên họ thấy tấm drap trải giường nhàu nát một cách lạ lùng sau mỗi lần họ căng, trải cẩn thận, đồ chơi của đứa cháu bé gái thì di chuyển một cách tự nhiên dù không ai đụng tay vào, còn cửa lớn thì có tiếng gõ vang dậy một cách dữ dội, khẩn cấp.

Các đồ đạc trong nhà bị xáo tung và liệng bừa bãi bởi một mảnh lực vô hình



(nh do Guy Lyon Playfair chụp được năm 1973 ở Brazil. Tài liệu trong Unexplained Mysteries of the 20th Century của Janet và Colin Bord - Contemporary books - USA 1989)

Điều kỳ lạ là đứa cháu gái nhỏ thường như bị một bàn tay vô hình của ai đó nhắc bóng lên khỏi chỗ nằm hay chỗ ngồi. Những người bạn của hai người trẻ tuổi này thường ngỡ ngàng tới ngôi nhà cũng đã chứng kiến nhiều hiện tượng lạ lùng, có người đang ngồi bỗng nhiên có ai lắc đôi vai thật mạnh. Có người cảm thấy như có đôi mắt nào đó đang chăm chú nhìn mình một cách quái đản. Michael và Dianne Cooke, hai người trai trẻ thuê nhà đã nói như sau: "Thường đêm chúng tôi thấy và nghe nhiều điều kỳ dị. Ghê rợn nhất là gương mặt trắng bệch hiện ra nơi cửa sổ với đôi mắt trắng dã và con ngươi màu xám tro, chúng tôi phải tính chuyện dọn đi khỏi ngôi nhà quái gỡ kinh khiếp này càng sớm càng tốt..."

Hồn người đàn bà áo đen ở Cheltenham

Tại Luân Đôn (Anh Quốc) có Hội nghiên cứu các hiện tượng tâm linh huyền bí (The Society for Psychical Research). Đây là hội nghiên cứu lâu đời nhất thuộc loại này trên thế giới. Số hội viên gồm 1200 người, phần đông họ là những người ham thích nghiên cứu về các lãnh vực như Thần giao cách cảm, Đồng tử, Hồn ma, các hiện tượng ly kỳ bí ẩn mà khoa học chưa thể giải thích được. Hội này còn thu thập các dữ kiện, sưu tập nghiên cứu và hy vọng sẽ là nơi lưu trữ đầy đủ nhất về các hiện tượng siêu linh huyền bí trên thế giới. Đặc biệt là các hiện tượng đều được chứng minh là xác thực qua các nhân chứng hoặc qua máy thu bằng, thu hình, tranh ảnh... Hội thường trưng bày một số hình ảnh

và sự kiện siêu linh có thật đã xảy ra để nhiều người có dịp tìm hiểu và nghiên cứu. Trong số các sự kiện còn lưu trữ hồ sơ của Viện có câu chuyện dị kỳ về hồn ma ở Cheltenham (The Cheltenham Ghost). Vấn đề này đã được Frederic Myer điều tra kỹ lần đầu tiên.

Sự việc xảy ra như sau: Tháng 4 năm 1882, Đại úy Despard với người vợ (bà này bị tàn tật vì một tai nạn trước đó) cùng 6 người con chuyển chỗ ở đến một ngôi nhà tại Cheltenham (Anh). Ngôi nhà này để trống đã lâu đến mấy năm không ai ở. Vì thế khi gia đình Đại úy Despard dọn đến, họ phải mất một thời gian sửa sang quét dọn, chặt cành cây và làm cỏ để ngôi nhà khỏi âm u buồn bã. Thế rồi một tháng trôi qua, êm ả. Nhưng một hôm, bà Rose, chị của Đại úy Despard đến thăm và ở lại chơi. Sáng dậy bà run cầm cập lay gọi ông Despard và nói: "Trời ơi! thật lạ lùng, đêm rồi tôi thấy một người đàn bà đáng dấp mảnh khảnh, mặc bộ đồ đen. Gương mặt khuất sau cái khăn tay mà người ấy như cố tình dùng tay để che lại. Người ấy đi nhẹ nhàng như lướt trên sàn..." Đại úy Despard vô cùng kinh ngạc vì ngoài gia đình ông và bà chị mới tới chơi không còn ai khác. Sự kiện hình như đã bắt đầu từ lúc đó. Bà vợ, các con và cả Đại úy Despard đều thấy người đàn bà lạ mặc bộ đồ đen ấy xuất hiện vào lúc nửa đêm và cũng âm thầm lặng lẽ đi theo những lối đi trong nhà như bà Rose đã kể.

Tất cả 17 người đã thấy hiện tượng lạ lùng này (những người bà con, những bạn bè đến thăm viếng, ngũ lại). Trong số những người đã thấy, chỉ có bà Rose và Đại úy Despard là gan dạ nhất, cả 2 thoi dỏi cẩn thận về hành động và cử chỉ của người đàn bà ma quái ấy. Luôn luôn gương mặt như cố tình che giấu sau chiếc khăn tay. Đúng 2 giờ khuya, người đàn bà ấy xuất hiện từ căn phòng của tầng gác kế cầu thang. Bộ đồ đen bằng loại len rũ xuống khắp người, bà ta đi lừng lững như không nhắc hai chân và tiến nhẹ nhàng đến phòng khách, đứng thẳng người sau cái ghế tràng kỷ một lúc lâu

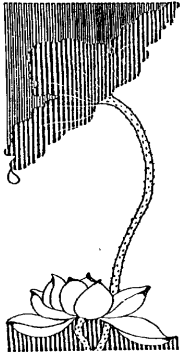
rồi bắt đầu di chuyển dọc theo hành lang dẫn đến cửa khu vườn và biến mất tại đó. Nhiều lần bà Rose đánh bạo cất tiếng hỏi "ai đó". Nhưng mọi vật đều yên lặng trong đêm khuya và kỳ lạ là bà Rose chỉ há miệng ra mà không thể nào phát âm rõ ràng... bà chỉ bước theo người đàn bà ra đến hành lang mà thôi. Điều kỳ lạ hơn nữa là người đàn bà ấy không bao giờ hiện ra khi người trong gia đình Đại úy hay bạn bè của ông có ý canh chừng chờ đợi để xem. Tuy nhiên vào giờ đó, họ có thể nghe tiếng bước chân đi. Có lần bà Rose chuẩn bị cẩn thận máy ảnh để chụp khi người đàn bà xuất hiện. Nhưng ảnh sang ra hơi mờ tuy vẫn thấy hình dáng người đàn bà mặc đồ đen. Sau đó, bà Rose nghĩ ra một cách là mọi người trong gia đình khi thấy người đàn bà ấy xuất hiện thì cùng nắm tay nhau để bao quanh bà ta nhưng kết quả vẫn không có gì khác vì hồn ma chỉ việc bước ra ngoài xuyên qua tay 2 người đang nắm chặt rồi biến mất.

Căn nhà có ma này phải đổi chủ, từ năm 1899 không có báo cáo nào về việc hồn ma xuất hiện. Nhưng rồi vào năm 1903, một người đàn bà đã cho cảnh sát biết là đã thấy hồn ma bước xuống thang gác, đến đứng nơi phòng khách rồi chuyển mình bước dọc theo hành lang để rồi biến mất từ cửa ra vườn. Về sau khu nhà này biến thành trường học cho con trẻ. Người gác-dan đã trông thấy người đàn bà mặc đồ đen xuất hiện liên tiếp nhiều đêm nên sợ quá đã xin nghỉ việc. Thế là ngôi nhà lại phải đóng cửa để trở thành chủ lần thứ 4.

Andrew Mac Kenzie, một hội viên lâu đời của Hội nghiên cứu các hiện tượng tâm linh huyền bí đã ghi lại đầy đủ các sự việc, các hình ảnh và nhân chứng về chuyện hồn ma ở Cheltenham cùng những gì mà các người sống gần căn nhà đó đã nghe thấy từ những năm sau đó (từ 1858 đến 1961).

Mãi đến năm 1974 vẫn còn nhiều báo cáo lạ về ngôi nhà ma quái ấy. Dân chúng quanh đó thường nghe những tiếng động phát ra từ ngôi nhà này và bóng dáng người đàn bà mặc đồ đen vẫn thấp thoáng sau cửa kính nơi phòng khách và ở hành lang trong đêm khuya.

(Còn tiếp)



DÒNG CHẢY PHẬT GIÁO VIỆT NAM

TRẦN TRI KHÁCH

Như một dòng chảy liên tục trong dòng chảy lớn của lịch sử dân tộc, kể từ khi được các Tăng sĩ Ấn Độ du nhập vào đất Việt từ thời Hùng Vương, Phật Giáo đã hội nhập vào dòng sinh mệnh của đất nước và đóng góp những nỗ lực làm thăng hoa nếp sống chung của dân tộc. Trên đất nước lớn lên từ huyền thoại Tiên Rồng, Phật Giáo Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử của nó đã trở thành một lối sống gắn liền với dòng sống của dân tộc. Nó không nổi trôi một cách thụ động theo sự thăng trầm của mệnh nước, mà luôn luôn tích cực góp phần vào những nỗ lực chung nhằm chặn đứng sự bấp bênh này, tạo ổn định và an lạc cho đất nước.

Tinh thần Bồ Tát nêu trong Lục Độ Tập Kinh "*Bồ Tát thấy dân kêu ca, do vậy gạt lệ xông vào nơi hà khắc cứu dân khỏi lầm than*" (a) đã được giới xuất gia của dân Việt thực hành ngay từ thời Hai Bà Trưng khởi nghĩa chống lại chế độ cai trị hà khắc của Thái thú Tô Định (năm 39). Kể từ đó, xuyên suốt trong mọi thời nhân dân lầm than vì các chế độ cai trị hà khắc như thời nhà Hán, nhà Đông Ngô, nhà Đường, nhà Minh, thời Pháp đô hộ... luôn luôn có sự tham dự dưới nhiều hình thức sinh động khác nhau của giới Tăng sĩ hòa duyên cùng Phật tử và đồng bào các giới dẫn mình vào công cuộc vận động giành độc lập tự chủ và dân chủ tự do cho dân tộc.

Phật Giáo Việt Nam do đó từ căn bản không phải là tiêu cực yếm thế, mà là Phật Giáo *tích cực dẫn thân, nhập thế để chuyển thế*. Cho nên không có gì ngạc nhiên khi các Hòa Thượng Huyền Quang, Quảng Độ kiên trì trước mọi áp bức để tranh đấu bất bạo động cho tự do tôn giáo và hạnh phúc của nhân dân Việt Nam. Cũng không có gì đáng ngạc nhiên khi các bậc tôn túc này được nhiều nhân sĩ trên thế giới cảm phục về nỗ lực tranh đấu bất bạo động cho nhân quyền và đề nghị làm ứng viên giải Nobel Hòa Bình (HT Huyền Quang năm 1981, HT Quảng Độ năm 2000 và 2001).

KHỞI NGUYÊN PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Xác định khởi nguyên của dòng chảy Phật Giáo Việt Nam là vấn đề có thể còn gây tranh luận. Tuy nhiên người ta không thể căn cứ vào danh hiệu "Nam Bang Học Tổ" mà chúa Trịnh Tạc (1657-1682) và Trịnh Sâm (1767-1782) sắc phong cho Thái thú Sĩ Nhiếp (b), hoặc các sự kiện như Tăng Ni nước ta hiện nay tự coi là truyền thừa của dòng Lâm Tế (c), cộng với sự hiện diện của Bồ Đề Đạt Ma trên bàn thờ Tổ ở nhiều chùa Bắc Tông và nghi thức tụng niệm mang nhiều âm hưởng Hoa văn để rồi kết luận vội vã là Phật Giáo nước ta khởi nguyên từ Trung Quốc.

Có một số sự kiện lịch sử đủ để xác định kết luận trên là vội vã. Xin nêu lên 3 sự kiện tiêu biểu:

1- Năm 67 Hán Minh Đế cử một phái đoàn 18 người qua nước Đại Nhục Chi rước tượng Phật về thờ và các vị Tăng Ma Đăng Ca Diếp, Trúc Pháp Lan qua kinh đô Lạc Dương. Ngôi chùa đầu tiên của Trung Quốc là chùa Bạch Mã xây năm 68 tại kinh đô Lạc Dương làm chỗ thờ tượng Phật, chỗ trú của các vị Tăng và nơi chứa kinh do ngựa trắng chở tới. Theo lời sớ của Vương Độ đời Tấn ghi lại trong Cao Tăng Truyện: từ khi Phật giáo du nhập vào Trung Quốc, người Hán không được phép xuất gia; nhà Ngụy (220-264) theo pháp chế của nhà Hán cũng chưa cho dân bản xứ xuất gia (dẫn theo Nguyễn Lang, Việt Nam Phật Giáo Sử Luận tập 1, trang 23).

Tại nước ta, Sư cô Thiều Hoa (3-40) xuất gia từ năm 16 tuổi tại chùa Phúc Khánh (nay là chùa làng Hiền Quan, tỉnh Phú Thọ). Các Sư cô Phương Dung, Thục Nương và nàng Sa (Chiêu Tâm Phúc Từ, tịch năm 40), nàng Quốc đều xuất gia từ lâu trước khi rời chùa dẫn dân quân tham gia cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng vào năm 39. Trong lịch sử Phật giáo các nước, Tăng đoàn luôn luôn xuất hiện trước Ni đoàn, chưa thấy có trường hợp ngoại lệ. Cho nên có thể giả thiết Tăng đoàn nước ta đã xuất hiện từ trước thời Trưng Vương. Tới ba thế kỷ sau, Tăng đoàn Trung Quốc mới được thành lập mà trụ cột tiên khởi là Thích Đạo An (312-385).

2- Khi cử đại binh xâm lăng nước ta thời nhà Hồ, vua Minh Thành Tổ ban hành hai chỉ dụ vào tháng 4.1406 tiếp theo là chỉ dụ năm 1407 ra lệnh cho quân binh Trung Quốc tịch thu đem về nước (và phá hủy tất cả những gì không thể mang đi được) toàn bộ thư bản văn tự từ sách vở cho tới văn bia. Năm 1418, vua Minh sai hai nho gia là Hạ Thanh và Hạ Thi sang nước ta chỉ đạo việc hủy diệt cho bằng hết các di sản văn hóa Đại Việt còn bị quân tướng nhà Minh bỏ sót lại. Tiếp đó, nhà Minh lập Tăng Cương Ty lo việc đồng hóa Phật giáo nước ta theo mẫu mực Trung Quốc. Sự kiện có tính đàn áp và áp đặt thô bạo đó chứng tỏ ảnh hưởng của di sản Phật Giáo Trung quốc đối với Phật Giáo Việt Nam trước thời Minh thuộc rất mờ nhạt.

3- Năm 402 sư Huệ Viễn (334-416) sáng lập Bạch Liên Xã, cơ sở Tịnh Độ Tông đầu tiên ở Trung Quốc. Năm 425 sư Đàm Hoảng từ miền Bắc Trung Quốc tìm tới chùa Tiêu Sơn (Bắc Ninh) tu học pháp môn Tịnh Độ và chuyên trì tụng kinh Vô Lượng Thọ, Quán Vô Lượng Thọ và Thập Lục Quán. Để danh tiếng có thể lan tới tận miền Bắc Trung Quốc, trào lưu Tịnh Độ tại nước ta đã phải hình thành và phát triển từ nhiều thập kỷ trước, nghĩa là trước khi pháp môn này hình thành ở Trung Quốc.

Một báo cáo của Lưu An (chết năm 122 TTL) được ghi lại trong Tiền Hán Thư: Từ thời Tam Đại bên Tàu (gồm nhà Hạ 2140- 1711 TTL, nhà Thương hay nhà Ân 1711- 1066 TTL và nhà Chu 1066- 256 TTL) dân Việt đã không chịu dùng lịch pháp Trung Quốc. Lê Mạnh Thát (sđd tr. 64) và Nhất Hạnh (Nguyễn Lang, sđd tr. 41) đều cho rằng khi đó dân ta dùng lịch pháp Ấn Độ (một năm có 4 mùa, 12 tháng, mỗi tháng có 30 ngày).

Nguồn gốc Ấn Độ của khởi nguyên Phật giáo Việt Nam sẽ được trình bày chi tiết hơn trong một bài khác.

PHÂN KỲ LỊCH SỬ PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Sử gia Phật giáo Lê Mạnh Thát (TT Thích Trí Siêu) trong bộ Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam đã phân chia lịch sử Phật giáo nước ta thành 5 thời kỳ:

1- *Thời kỳ Phật Giáo Quyền Năng* (từ khởi nguyên tới năm 544), tác động chính là cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng (năm 39- 43). Ở thời kỳ này, Đức Phật được quan niệm như một đấng toàn năng với nhiều quyền phép thần bí.

2- *Thời kỳ Phật Giáo Vận Động Độc Lập* (từ năm 544 tới 1069), tác động chính là việc Lý Bôn khởi nghĩa thành công và xưng đế năm 544. Các nhà sư dùng ảnh hưởng và khả năng của mình góp phần vào các nỗ lực vận động độc lập dân tộc.

3- *Thời kỳ Phật Giáo Thế Sự* (từ năm 1069- 1306), tác động bởi việc vua Lý Thánh Tông sát nhập ba châu Địa Lý, Ma Linh và Bồ Chính vào lãnh thổ Đại Việt năm 1069. Phật giáo góp phần chủ động vào nỗ lực bảo vệ và phát triển đất nước. Các Thiền sư dù không mặc áo thế quyền vẫn có những tham dự quan trọng vào các quyết định trị nước.

4- *Thời kỳ Phật Giáo Cư Trần Lạc Đạo* (từ năm 1306- 1698), tác động bởi việc vua Trần Nhân Tông sát nhập hai châu Ô, Lý vào nước ta năm 1306.

5- *Thời kỳ Phật Giáo Quần Chúng* (từ 1698), tác động bởi việc chúa Nguyễn Phúc Chu sai tướng Nguyễn Hữu Cảnh vào thiết lập chính quyền tại Gia Định năm 1698.

Lê Mạnh Thát cho rằng năm biến động lớn nói trên của lịch sử dân tộc đã tạo nên những thay đổi cơ bản trong bản thân Phật giáo để đáp ứng được yêu cầu của lịch sử trong từng giai đoạn liên hệ. Theo ông, mỗi thời kỳ có một nét đặc trưng nổi bật của nó, mà ngay cả sự thay đổi của các triều đại và sự tồn tại của các dòng Thiền khác nhau không có một ảnh hưởng to lớn nào. Khi phân kỳ lịch sử Phật Giáo Việt Nam như vậy, ông chú trọng đến quá trình phát triển của dân tộc, đặc biệt là cuộc Nam tiến.

Cách phân kỳ trên là quan niệm riêng của Lê Mạnh Thát. Sự xác định đặc tính riêng của mỗi thời kỳ nói trên có những điểm cần được xét lại. Chẳng hạn quan niệm coi Phật như một đấng toàn năng với nhiều quyền phép huyền bí không phải chỉ có trên đất nước ta và cũng không phải chỉ có vào thời kỳ khởi nguyên. Theo Will Durant (Lịch Sử Văn Minh Ấn Độ, bản dịch của Nguyễn Hiến Lê, trang 129, Xuân Thu tái bản tại Hoa Kỳ không ghi năm): Vào khoảng cuối đời của Thích Ca, tín đồ bắt đầu tôn sùng Ngài là thần. Ngày nay ở trong nước cũng như hải ngoại, màu sắc thần thánh của Phật cũng còn hiện diện tại không ít chùa Đại Thừa. Thế nhưng chúng ta phải chú ý đến một sự kiện độc đáo khi Hai Bà Trưng phát cờ khởi nghĩa vào năm 39, các Sư cô Thiều Hoa, Phương Dung, Thục Nương và nàng Quốc rời chùa mộ quân và tham gia cuộc kháng chiến như các tướng lãnh quan trọng. Chắc chắn các Sư cô không quan niệm Phật như một vị thần để cầu đảo mà đã nhân danh Phật giáo tham gia tích cực vào nỗ lực vận động giành độc lập cho dân tộc trong cuộc khởi nghĩa đầu tiên của lịch sử Việt. Như vậy không phải đợi tới cuộc khởi nghĩa của Lý Bí (Lý Bôn) thành công vào năm 544, Phật Giáo nước ta mới tham gia vào nỗ lực vận động độc lập dân tộc như Lê Mạnh Thát quan niệm.

Với định chế chùa làng đã xuất hiện, với sự tập hợp thành đội ngũ khá mau lẹ của dân quân đáp ứng lời kêu gọi của các Sư cô Thiều Hoa (3- 40), Phương Dung, Thục Nương và nàng Quốc tham gia khởi nghĩa chống lại chế độ bạo ngược của Tô Định, có thể nói là tính quần chúng của Phật giáo đã phải có ngay từ trước thời Hai Bà Trưng (đ). Ở Trung Hoa, chùa vua (chùa Bạch Mã do Hán Minh Đế dựng năm 68) là định chế Phật giáo đầu tiên.

Mặt khác thời kỳ 1306- 1698 là thời kỳ đầy chiến tranh, nhiễu nhương và khổ lụy của dân tộc, khó mà nghĩ rằng

Phật Giáo Việt Nam có thể "cư trần lạc đạo" trong tình huống như vậy. Nạn đói trầm trọng xảy ra vào các năm 1321, 1344, 1357, 1392 dưới thời các vua cuối nhà Trần. Thêm vào đó, loạn lạc liên miên do các cuộc khởi loạn của nông dân như Ngô Bê ở Hải Dương (kéo dài từ 1344 tới 1360), Trần Tế ở Bắc Giang (1354), Nguyễn Bồ ở Lạng Giang (1379), Nguyễn Thanh và Nguyễn Kỳ ở Thanh Hoá (1389) và Sư Phạm Sư Ôn ở Sơn Tây (1389).

Ngoài ra từ năm 1361 quân Chiêm Thành dưới sự lãnh đạo của Chế Bồng Nga liên tiếp tấn công nước ta. Năm 1371 và 1378, Chế Bồng Nga đã vào tận Thăng Long đốt phá và bắt dân mang đi. Chưa hết, kể từ năm 1387 khi Hồ Quý Ly được tham dự vào những quyết định quan trọng của triều đình nhà Trần thì Thiên phái Trúc Lâm (do vua Trần Nhân Tông sáng lập) khó mà được họ Hồ để yên cho "cư trần lạc đạo". Nhất là sau khi xảy ra vụ Hội Thề Lũng Sơn (Kỷ Mão 1399) do Thượng tướng Trần Khắc Chân triệu tập để diệt Hồ Quý Ly, âm mưu bị bại lộ, 370 tôn thất nhà Trần và các tùy tướng bị họ Hồ giết tại chân núi Đốn Sơn, Thanh Hóa.

Tiếp theo, vào giai đoạn 1407- 1428 dưới ách đô hộ của nhà Minh, vua Minh Thành Tổ ban chỉ dụ cho tướng Chu Năng (tháng 4.1406) phải phá hủy tất cả các sách vở bia ký tại những vùng đã chiếm đóng không được bỏ sót một chữ, một mảnh nào. Lệnh này được Minh Thành Tổ nhắc lại một cách nghiêm ngặt hơn vào đầu năm 1407 (Nguyễn Huệ Chi phát hiện ra những chỉ dụ này và công bố trong *Thơ Văn Lý Trần tập 1*, nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1977). Năm 1418 nhà Minh sai hai nho gia Hạ Thanh và Hạ Thi sang nước ta đặc trách việc tiêu hủy hết các di sản văn hóa Đại Việt mà bọn quan quân Minh trước đây còn để sót lại. Sau đó, nhà Minh cho lập Tăng Cương Ty để đồng hóa Phật giáo nước ta theo khuôn mẫu Trung Quốc.

Ngay cả sau khi Lê Lợi chiến thắng quân Minh, lập ra nhà Hậu Lê, Phật giáo nước ta cũng chưa thể coi là đã có đủ duyên để "cư trần lạc đạo". Cái chết của quan Tư đồ Trần Nguyên Hãn (tháng 2.1429), cái án tru di tam tộc đặt lên dòng họ Nguyễn Trãi năm 1442 có nghĩa là các vua đầu nhà Hậu Lê và những cận thần của họ không ưa gì hậu duệ của nhà Trần. Và dòng Thiền Trúc Lâm dưới mắt họ chỉ là cánh tay nối dài của họ Trần. Cho nên ngay sau khi lên ngôi, tháng 10 năm Kỷ Dậu (1429), vua Lê Thái Tổ ra lệnh cho tất cả Tăng sĩ Phật giáo và Đạo sĩ Lão giáo phải trình diện khảo thí. Ai không thi đậu bị bắt buộc phải hoàn tục. Tình trạng không thuận lợi cho Phật giáo kéo dài cho tới hơn 60 năm sau. Lương Thế Vinh, đồ Trạng Nguyên khoa 1463, có chân trong hội Tao Đàn do vua Lê Thánh Tông sáng lập mà vẫn không được ghi tên trên văn miếu vì tội là nhà nho mà "sáng tác kinh Phật" (e). Vị vua đầu tiên của triều Hậu Lê hướng về đạo Phật là Lê Hiến Tông (1497- 1504). Nhưng sau thời đại ngắn ngủi của ông, nhà Hậu Lê bắt đầu suy thoái.

Từ năm 1532 ở Đàng Ngoài chiến tranh giữa nhà Mạc và vua Lê do Nguyễn Kim rồi Trịnh Kiểm và hậu duệ của ông phò tá kéo dài cho tới năm 1667 mới chấm dứt sau khi tướng Trịnh là Đinh Văn Tả đánh chiếm được Cao Bằng. Mặt khác trong khoảng 45 năm từ 1627 tới 1672, chúa Trịnh kéo đại quân vào Đàng Trong tấn công chúa Nguyễn 7 lần.

Nếu Phật giáo nước ta có được "cư trần lạc đạo" trong thời kỳ 1306-1698 thì đó chỉ là hai giai đoạn ngắn ngủi:

- 1306-1330, thời kỳ rục rĩ nhất của Thiên phái Trúc Lâm do Thái Thượng Hoàng Trần Nhân Tông sáng lập (và 3

vị tổ: Điều Ngự Giác Hoàng, Pháp Loa và Huyền Quang lãnh đạo).

- 1527-1540 khi đất nước còn dưới sự lãnh đạo của Mạc Đăng Dung với tư cách vua hoặc Thái Thượng Hoàng (1530-1541), dân chúng an lạc, Tam giáo (Phật-Lão-Nho) hòa đồng, hoàng tộc nhà Mạc tích cực hỗ trợ các hoạt động tôn giáo.

Dưới thời chúa Nguyễn và các vua đầu triều Nguyễn, với định chế chùa chúa, chùa vua xuất hiện, giới Tăng lữ chịu sự chi phối khá chặt chẽ của nhà cầm quyền. Đặc biệt là vị Trụ trì các chùa lớn (Tăng cang) đều do triều đình bổ nhiệm qua sắc chỉ của vua. Tính cách quần chúng của Phật giáo nước ta do đó chưa có gì rõ rệt trong suốt thế kỷ 18.

Có lẽ phải đợi tới năm 1849, khi Phật Thầy Tây An (Đoàn Văn Huyền) khai sáng phái Bửu Sơn Kỳ Hương tại Long Xuyên, quần chúng mới thực sự là đối tượng chính của việc truyền bá Phật pháp. Rõ rệt hơn vào đầu thập niên 1920, khi phong trào chấn hưng Phật giáo khởi động, giới Cư sĩ bắt đầu góp phần tích cực vào việc hộ pháp và hoằng pháp, tương quan giữa quần chúng và Phật giáo mới trở thành rõ ràng, lành mạnh, tích cực.

Vì những biến cố khởi mở mỗi thời kỳ của Phật giáo theo cách phân kỳ của Lê Mạnh Thát đều là những quyết định của nhà cầm quyền, cho nên trình bày lịch sử Phật Giáo Việt Nam theo diễn biến của các triều đại có lẽ là điều hợp lý hơn. Đây cũng là cách phân kỳ của hầu hết các cuốn sử Phật Giáo Việt Nam bằng quốc ngữ, khởi đầu từ cuốn Việt Nam Phật Giáo Sử Luận của Thích Mật Thể (nxb Tân Việt, Hà Nội 1943). Tuy nhiên trong giai đoạn đầu của lịch sử Phật Giáo Việt Nam trước khi đất nước có các triều đại với chính quyền ổn định, chúng tôi đề nghị phân giai đoạn này làm hai thời kỳ:

1- Thời Kỳ Khởi Nguyên: từ lúc đạo Phật bắt đầu được các Tăng sĩ Ấn Độ du nhập vào nước ta khoảng thế kỷ II TTL cho tới thời đại Trưng Vương. Biến cố năm 43 (tướng nhà Hán là Mã Viện tiêu diệt được chính quyền Trưng Vương) có một ý nghĩa lịch sử đặc biệt. Cuộc khởi nghĩa Trưng Vương do giới quý tộc thời đại Hùng Vương lãnh đạo (Lạc hầu, Lạc tướng mà biểu trưng oai quyền là trống đồng) với sự tham dự của hàng trăm hào kiệt Việt tộc, trong đó có ít nhất là 4 Ni cô (Thiều Hoa, Phương Dung, Thực Nương và nàng Quốc). Sau khi tiêu diệt Trưng Vương, Mã Viện cho tịch thu toàn bộ các trống đồng (để đúc thành ngựa) và đẩy các thủ lĩnh quý tộc Văn Lang còn sống sót (y gọi là *cư soái*) vào vùng đất Giang Hoài, thay đổi luật lệ Văn Lang theo đúng luật Hán. Để chống lại nỗ lực đồng hóa một cách thô bạo của nhà Hán, Phật Giáo Việt Nam dứt khoát *bản địa hóa giáo lý, bản địa hóa tư tưởng, gởi gắm một số yếu tố Việt Nam vào kinh điển Phật giáo* (theo Lê Mạnh Thát, *sđđ* tr. 151).

2- Thời Kỳ Xây Dựng Bước Đầu: Từ năm 43 đến năm 968, loạn 12 sứ quân chấm dứt, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi lấy hiệu là Đinh Tiên Hoàng lập ra nhà Đinh. Năm 969, Đinh Tiên Hoàng phong cho sư Ngô Chân Lưu (930-1011) làm Tăng Thống, Giáo hội Phật giáo nước ta được thành lập và các nhà sư bắt đầu được các vương triều tham vấn về những quốc sự trọng đại.

Thời kỳ này đã xuất hiện những đỉnh cao của Phật học như Mật Tử, Khương Tăng Hội, Tỳ-ni-đa-lưu-chi và Vô Ngôn Thông. Mật Tử viết Lý Hoặc Luận năm 198, tác phẩm lý luận Phật học đầu tiên bằng Hán văn từng được coi là sách gối đầu giường của giới học Phật Trung Quốc và Nhật Bản thời đó. Khương Tăng Hội xuất gia và tu học ở Giao

Châu rồi qua Trung Quốc năm 247 khởi mở và làm hưng thịnh Phật pháp ở Đông Ngô. Pháp môn Tịnh Độ của chùa Tiêu Sơn (Bắc Ninh) vang động tới miền bắc Trung Quốc từ đầu thế kỷ V. Tỳ-ni-đa-lưu-chi từ Trung Quốc tới chùa Dầu (chùa Pháp Vân, Bắc Ninh) khai mở dòng Thiên Pháp Vân năm 580. Vô Ngôn Thông cũng từ Trung Quốc tới chùa Kiến Sơ năm 820 lập phái Thiên Vô Ngôn Thông.

Chấp nhận sự phân kỳ Phật giáo Việt Nam theo diễn biến của lịch sử dân tộc là chấp nhận một sự thực lịch sử: ***Phật Giáo Việt Nam luôn luôn ở trong dân tộc chứ không bao giờ ở trên hoặc ở ngoài dân tộc.*** Kinh nghiệm 20 thế kỷ vừa qua cho thấy diễn biến của lịch sử đất nước qua chính sách của mỗi triều đại định hướng đi của Phật Giáo Việt Nam, cho dù hướng đi đó có thể thuận hay nghịch với nhà cầm quyền hoặc tùy duyên uyển chuyển.

Do phản ứng để tồn tại và phát triển trước sự thay đổi hoàn cảnh chính trị và xã hội của đất nước trên dòng lịch sử, Phật Giáo Việt Nam trải qua nhiều giai đoạn. Nhưng sự chuyển tiếp từ giai đoạn trước qua giai đoạn sau không giống như sự lật qua một trang mới hay một bước ngoặt dứt khoát với quá khứ, mà có tính cách *giáo thừa* – giai đoạn trước chuyển giao và giai đoạn sau thừa tiếp. Tựa như những khúc sông của một dòng sông; sông vẫn chảy một dòng xuôi từ đầu nguồn ra cuối bãi cho dù hình dạng lòng sông có thể thay đổi tùy theo địa hình địa vật.

NHỮNG TÍNH CĂN BẢN CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Việc xác định các tính căn bản của Phật Giáo Việt Nam do đó trở thành quan trọng. Một cách khái quát, Phật Giáo Việt Nam có những tính căn bản sau: Tính dung hợp, tính dân tộc, tính dẫn thân và tính khai phóng.

TÍNH DUNG HỢP:

Phật giáo không đi theo các chiến thuyền và đại pháo để hoằng pháp, cho nên để tồn tại trên vùng đất mới, Phật giáo phải thân thiện với nền tín ngưỡng bản địa đã bám rễ trong quần chúng từ lâu. Những phái đoàn truyền giáo Ấn Độ đầu tiên do vua Asoka Moriya (A Dục) phái đi tới các nước khác vào thế kỷ 3 BC đã nhận được chỉ dụ rõ ràng của nhà vua: *Bất kỳ ai tôn trọng tôn giáo của mình nhưng lại chỉ trích tôn giáo khác, nghĩ rằng "tôi sẽ làm rạng rỡ tôn giáo của tôi"; nhưng thật là trái ngược, khi làm như vậy người đó đã làm thương tổn tôn giáo của mình một cách nghiêm trọng.*

Các Tăng sĩ Phật giáo người Ấn đi theo các thương thuyền tới thủ phủ Luy Lâu của nước Văn Lang vào cuối thời Hùng Vương hẳn nhiên đã phải tâm niệm chỉ dụ trên của vua A Dục. Cho nên mới có hiện tượng các vị thần của tín ngưỡng nông nghiệp nước ta là Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi và Pháp Điện cùng Phật Mẫu Man Nương trở thành các vị Phật, được thờ tại các chùa Tứ Pháp từ thời Thái thú Sĩ Nhiếp (185- 226) cho tới ngày nay. Hiện tượng thờ Mẫu tại các chùa Huế cho tới nay cũng là một biểu hiện của sự dung hợp Phật Giáo Việt Nam với tín ngưỡng dân gian.

Khi đã nói tới dung hợp, đạo Phật Việt Nam trên tổng thể tất nhiên là một hòa hợp Thiên Tịnh Mật, cho dù các Tăng Ni hiện nay tự coi mình là truyền thừa của dòng Thiên Lâm Tế. Ngay từ thời Lý Thánh Tông, với sự thành lập dòng Thiên Thảo Đường (tổng hợp dòng Thiên Tỳ-ni-đa-lưu-chi và Vô Ngôn Thông mà Thiên sư Thảo Đường là Quốc sư và nhà vua là đệ tử chân truyền đời thứ nhất) thì trào lưu Tịnh

Độ cũng phát triển mạnh mẽ ở nước ta. Qua thời nhà Trần, Tịnh Độ được giải thích theo cái nhìn của Thiền qua các tác phẩm của Trần Thái Tông (1218-1277), Tuệ Trung Thượng Sĩ (1230- 1291) và Trần Nhân Tông (1258-1308). Cho tới năm 2002, Thiền sư Nhất Hạnh cũng chủ trương phối hợp Tịnh Độ và Thiền quán theo tinh thần tông phái Trúc Lâm (ông dẫn giải điều này trong cuốn *Thiết Lập Tịnh Độ - Thiền Giải Kinh A Di Đà*).

Với Mật Tông, dù vua Trần Nhân Tông sáng lập Thiền phái Trúc Lâm vào năm 1299 thì các nhà sư Tây Tạng vẫn được tự do hoạt động ở Thăng Long. Tăng sĩ Tây Tạng Du-chi-bà-lam khi qua Đại Việt lần thứ hai năm 1311, dẫn theo con gái là Đa-la-thanh. Cô này được vua Trần Anh Tông tuyển vào cung làm phi ngay năm 1311. Pháp Loa, Tổ thứ hai của Thiền phái Trúc Lâm thường làm lễ *quán đánh* và tổ chức *trai đàn chẩn tế* với những ấn quyết và thần chú là những nghi thức của Mật Tông.

Mật khác, ngay sau khi quy y với Thiền sư Thảo Đường, vua Lý Thánh Tông (1054- 1072) cho lập Văn Miếu ở Thăng Long để thờ Khổng Tử và các tiên hiền của Nho giáo. Thiền sư Thảo Đường chịu ảnh hưởng của sư phụ ông (Thiền sư Tuyết Đậu, tác giả Bích Nham Lục, chủ trương đưa Nho gia tới gần Phật). Có lẽ sự dung hợp Phật-Nho-Lão rõ rệt nhất qua tuyên bố của vua Trần Nhân Tông: *giáo lý của đức Phật ta phải nhờ Tiên Thánh mà truyền lại cho đời*. Mặc dù HT Thích Thanh Từ giải thích Tiên Thánh ở đây là chư tổ Phật giáo nhưng có lẽ nên hiểu đó là Lão và Nho thì hợp lý hơn (vì không thấy ở chỗ nào khác gọi chư tổ Phật giáo là *Tiên Thánh*).

Ngày nay sự dung hợp trong hành trì đã trở thành khuynh hướng khá phổ thông trong Phật giáo thế giới. Chẳng hạn ở Trung Quốc, theo HT Thánh Nghiêm: *ngay từ cuối đời Thanh đầu năm Dân Quốc đến nay, Phật Lão Khổng cộng thêm Gia Tô và Hồi Giáo trở thành tôn giáo dân gian, mà người ta gọi là ngũ giáo đồng nguyên. Lần lần Phật giáo cũng mở cửa phương tiện để thích ứng với yêu cầu của tín ngưỡng dân gian* (bài giảng: Phật Giáo Làm Cách Nào Để Thích Ứng Với Yêu Cầu Tín Ngưỡng Dân Gian).

Nói cho đúng, dung hợp không chỉ là đặc tính riêng của Phật giáo nước ta. Nó là xu hướng chung của thời đại mà Phật Giáo Việt Nam đi những bước tiên phong từ nhiều thế kỷ trước. Thí dụ cụ thể nhất là việc làm tượng Tam giáo tại chùa Cao Dương (Thái Bình, năm 1578) và việc dựng ngôi chùa Tam giáo ở Hà Tây năm 1590 dưới thời nhà Mạc. Thí dụ độc đáo nhất là sự thành lập đạo Cao Đài ngày 24.12.1925 tại Tây Ninh, tổng hợp Phật-Nho-Lão-Thiên chúa giáo. Một tôn giáo có tổ chức giáo hội chặt chẽ như Thiên Chúa giáo cũng phải chấp nhận sự dung hợp để tồn tại qua các diễn biến lịch sử. Giáo Hội TCG Trung Quốc đã công nhận việc thờ cúng tổ tiên ngay từ đầu thế kỷ 20, nghĩa là rất lâu trước khi công đồng Vatican II chấp nhận điều này. Cách hành trì nghi lễ của Thiên Chúa giáo Phi Luật Tân, Tây Ban Nha, Mễ có nhiều khác biệt do ảnh hưởng của nếp sống tâm linh tại mỗi địa phương. Cũng có không ít các ngôi nhà thờ Công giáo Việt Nam được kiến trúc gần gũi với ngôi chùa hơn là giống các nhà thờ La Mã.

TÍNH DÂN TỘC

Khi đã dung hợp với tín ngưỡng dân gian qua một quá trình dài nhiều biến động của lịch sử, Phật giáo tất nhiên mang tính dân tộc. Theo Lê Mạnh Thát (*Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam*, tập 3 tr. 70) dẫn Tứ Phần Luật, Thập Tụng Luật

và Ma Ha Tăng Kỳ Luật: có tới ba điều luật cấm Tăng sĩ can dự vào việc binh bị cho dù đến xem quân đi ra trận. Thế nhưng thời Hai Bà Trưng khởi nghĩa năm 39- 43, các Sư cô Thiều Hoa, Phương Dung, Thục Vương và nàng Quốc mộ quân và cầm quân chống lại quân nhà Hán; thời Lý các Tăng quan sinh hoạt ở trong quân; thời Trần năm 1381 vua Trần Phế Đế ra lệnh cho Thiền sư Đại Than mộ các Tăng sĩ ở miền quê, nhất là những người không có độ điệp (một loại giấy chứng nhận Tăng sĩ), sung vào đạo quân đánh Chiêm Thành; năm 1389 sư Phạm Sư Ôn lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống lại Hồ Quý Ly. Còn phải kể tới cuộc khởi nghĩa của sư Phạm Ngọc ở chùa Đờ Sơn (Kiến An) và sư An Quốc chống lại ách đô hộ của nhà Minh (1407-1428). Khi phong trào Cần Vương nổi lên hưởng ứng lời kêu gọi năm 1885 của Tôn Thất Thuyết, các chùa từ Bình Định tới Thanh Nghệ Tĩnh đã trở thành các căn cứ Cần Vương. Năm 1898, sư Võ Trứ ở chùa Đá Trắng (Phú Yên) khởi nghĩa chống Pháp được sự hưởng ứng của hầu hết các chùa ở Phú Yên và Bình Định (sư gọi là Giặc Thầy Chùa). Cùng năm, sư Vương Quốc Chính lãnh đạo Hội Thượng Chí quy tụ hàng ngàn Tăng sĩ và Phật tử từ Nghệ An tới Bắc Ninh bạo động chống Pháp. Qua thế kỷ 20, dù đã ẩn tu ở Thất Sơn như sư Chí Thiền (1861- 1933) vẫn nhiều lần đàm đạo quốc sự với chí sĩ Phan Bội Châu và Kỳ Ngoại Hầu Cường Để tại chùa Phi Lai ở Thất Sơn, Châu Đốc. Hay tích cực theo một cách khác như sư Thiện Quảng (1862- 1911) dù đã ẩn tu ở Thái Lan vẫn quyết định vượt biên về nước vận động tài chánh cho phong trào vận động dân tộc do chí sĩ Phan Bội Châu chủ xướng và đã bỏ mình dưới lằn đạn phục kích của quân Pháp ở Tây Ninh.

Đây chỉ là danh sách còn nhiều thiếu sót, được trình bày như một khái niệm tổng quát. Có thể nói bất cứ thời nào đất nước gặp khó khăn nguy biến, luôn luôn có sự tham dự của giới Tăng sĩ nước ta, dù khi nhiều khi ít, vào các nỗ lực vận động dân tộc.

Các sư gia Phật giáo quan trọng như Thích Mật Thể (*Việt Nam Phật Giáo Sử Lược*), Nguyễn Lang (*Việt Nam Phật Giáo Sử Luận*) và Lê Mạnh Thát (*Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam*) đều không hề phê phán những Tăng sĩ trên là giới luật không nghiêm minh, mặc dù sự tham gia chính sự có tính bạo động này không được giới luật công nhận. Dòng chảy nhỏ Phật Giáo Việt Nam đã chuyển mình theo hướng đi của dòng chảy lớn dân tộc những lúc qua ghềnh, vượt thác.

TÍNH TÍCH CỰC, DẪN THÂN

Những tích cực tham gia vào nỗ lực vận động dân tộc nói trên của giới Tăng sĩ cũng là một thể hiện tính dẫn thân của Phật Giáo Việt Nam. Tính tích cực, dẫn thân trở thành điều tất nhiên một khi tu hành trong Phật Giáo Việt Nam không được quan niệm là xa lánh trần tục.

Năm 1680, vua Lê Hy Tông nghe lời tâu của một số nho thần, ra lệnh các nhà sư hoặc phải hoàn tục hoặc phải rời khỏi chùa vào rừng núi tu để giữ mình cho thanh tịnh. Đại sư Chân Dung Tông Diễn (1640-1709) (f) nghe tin này quay đầu lòng vì các nhà Sư là người chủ trì nghi thức quan hôn tang tế, thầy dạy chữ Hán, thầy thuốc và người nuôi dạy trẻ mồ côi của làng xã. Chùa đã trở thành cái xương sống văn hóa của thôn quê. Ông quyết định phải cứu cho bằng được cái tính tích cực dẫn thân của Phật giáo để giữ cho đạo Phật có thể phục vụ xã hội một cách hữu ích mà sống mãi trong lòng dân tộc. Ông liền tới kinh đô, liêu lĩnh nghĩ ra một kế: xin yết kiến vua để dâng lên một viên ngọc quý. Vua không muốn tiếp nên không cho nhà Sư vào hoàng cung, chỉ ban

lệnh nếu quả thật có ngọc, vua sẽ sai quan ra nhận. Sau ba tháng chờ đợi bên ngoài hoàng cung không được vua cho vời, nhà Sư viết tờ biểu trình bày giáo lý đạo Phật đẹp đẽ như viên ngọc quý soi sáng mười phương, xóa tan mây mờ vô minh. Ông để tờ biểu này trong một hộp thật đẹp, dán kín lại, trình với quan coi thành: Nếu vua không cho sư vào chầu, xin cử một quan văn thanh liêm trung trực, trai giới ba ngày rồi ra nhận ngọc quý. Vua chấp thuận. Trao hộp cho quan coi thành, đại sư căn dặn không được tự ý mở ra mà phải trình ngay tới tay vua. Tại triều, vua sai mở hộp, chỉ thấy có tờ biểu bèn sai đọc lên. Nghe được lời lẽ trong sáng, ý tứ thâm sâu, vua chợt tỉnh ngộ, nhận ra sự sai lầm của mình trong quyết định bắt các nhà Sư phải rời khỏi quần chúng mà đi ẩn tu nơi thâm sơn cùng cốc.

Vua cho vời Đại sư Tông Diễn vào triều để tham vấn đạo lý. Sáng lễ đạo, vua cho thâu hồi lệnh đã ban, cho phép các nhà Sư được trở lại chùa cũ tiếp tục hoằng pháp độ sanh. Để chứng tỏ sự thành tâm sám hối, vua sai tạc tượng Phật Thích Ca tọa trên lưng nhà vua đang quỳ mọp xuống. Tượng gỗ cao 1,78 mét này hiện còn để trong chánh điện chùa Hòe Nhại (19 Dốc Hàng Than, Hà Nội). Có lẽ đây là pho tượng có ý nghĩa độc đáo nhất không chỉ đối với Phật Giáo Việt Nam mà còn đối với Phật giáo thế giới. Trong cuốn Thiên Tông Bản Hạnh, Thiên sư Chân Nguyên Tuệ Đăng (1647-1726) ca ngợi sự sáng suốt và tích cực sám hối của vua Lê Hy Tông, gọi nhà vua là *Hoàng Giác Lê Gia (ông vua giác ngộ nhà Lê)*.

Chính do tính tích cực mà nhiều chùa Việt hiện nay ở hải ngoại mở các lớp dạy Việt ngữ và phục hoạt nhanh chóng tổ chức Gia Đình Phật Tử với sinh hoạt thống nhất trong hoàn cảnh có nhiều giáo hội khác biệt nhau. Ở trong nước, không ít chùa trở thành nơi nuôi dạy trẻ mồ côi, trường lớp cho các trẻ em nghèo ở vùng hẻo lánh, phòng khám bệnh và phát thuốc miễn phí dù trong khả năng tài chánh rất giới hạn. Từ xưa cho tới nay, chùa Việt Nam thường không được quan niệm chỉ là chỗ để tụng kinh, gõ mõ và lạy Phật.

TÍNH KHAI PHÓNG

Phật Giáo Việt Nam tiếp thu có chọn lựa truyền thống văn hóa Phật Giáo Trung Quốc và Ấn Độ. Một thí dụ là sự kiện các Tăng Ni nước ta mới chỉ bắt đầu mang họ Thích từ nửa sau thế kỷ 20. Người đầu tiên lấy họ Thích sau khi xuất gia và qua du học tại Trung Quốc trở về là sư Thích Mật Thế (1912-1961), tác giả cuốn *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận* (Tân Việt, Hà Nội 1943). Tại Trung Quốc người đề xướng việc lấy họ Thích cho người xuất gia (để nêu cao tinh thần mọi người xuất gia đều là huynh đệ) là sư Thích Đạo Cao (312-385), sống trước Thích Mật Thế 16 thế kỷ.

Phật Giáo Việt Nam không chỉ tiếp thu mà còn chuyển hóa giáo pháp của Thích Ca thành hình thức thích hợp với quần chúng. Phật Giáo Hòa Hảo là một tiếp thu theo tinh thần khai phóng đó, với những kinh điển được Giáo chủ Huỳnh Phú Sổ chuyển hóa thành kệ thơ là bộ *Sấm Giảng*, mà việc phổ biến dưới hình thức đọc giảng ngâm có sức thu hút cao. Bộ Sấm Giảng này có thể là một triển khai Bộ *Sấm Giảng* bằng chữ Nôm của Phật Thầy Tây An (Đoàn Văn Huyền 1807-1856) người khai lập giáo phái Bửu Sơn Kỳ Hương, một hình thức Phật giáo có bản sắc dân tộc sinh động trong môi trường nông dân chất phác ít học của đồng bằng sông Cửu Long (không lập chùa, không thờ tượng mà lập các "trại ruộng" tạo nên các cộng đồng nông dân khai thác đất hoang rất nhiều tại miền tây Nam Bộ. Đường hướng này được đức Bổn Sư núi Tượng là Ngô Lợi (1831-1890) nối tiếp với việc thành lập giáo phái Phật Giáo Tứ Ân

Hiếu Nghĩa năm 1872. Cũng trong chiều hướng đó, Tổ sư Minh Đăng Quang (1923-1954) khai sáng hệ phái Khất Sĩ năm 1944, đã tổng hợp các kinh điển Phật giáo Nam Tông và Bắc Tông soạn thành bộ *Kinh Chơn Lý* bằng văn vần.

Việc sử dụng chữ quốc ngữ vào việc truyền bá Phật Pháp ngay từ thập niên 1920 vào buổi đầu của nền văn chương quốc ngữ (dẫn tới việc thành lập nhà xuất bản Thanh Mậu năm 1927 để chuyên xuất bản sách Phật giáo), việc đưa lễ Bông Hồng Cài Áo vào nghi thức lễ Vu Lan từ năm 1962, việc sử dụng Internet từ năm 1994 qua số lượng ngày càng đông đảo các trang Web của các tự viện, tổ chức Phật giáo và các nhóm Phật tử tu học, việc phổ biến Phật Pháp qua băng Audio rồi CD và gần đây là CD-Rom, MP3, việc sử dụng kỹ thuật Paltalk để một vị Sư có thể giảng pháp qua âm thanh tới nhiều nơi cùng lúc trên mạng lưới Internet, việc phát triển lễ nhạc Phật giáo qua nỗ lực của Võ Tá Hân, Bạch Tuyết... cho thấy Phật Giáo Việt Nam không cố chấp bảo thủ lệ thuộc vào di sản Trung Quốc qua những nghi thức xưa cũ, mà biết tận dụng những kỹ thuật có khả năng giúp cho việc hoằng pháp đạt hiệu quả cao.

Sự kiện trong buổi lễ Phật Đản năm 1935 tổ chức tại chùa Diệu Đế ở Huế có vua Bảo Đại tới dự, Sư cô Diệu Hương giảng kinh A Di Đà và Sư cô Diệu Viên thuyết về Phật Học Đối Với Phụ Nữ trên micro trước hàng ngàn thính chúng, sự kiện Ni bộ của Giáo hội Khất Sĩ Việt Nam do Ni sư Huỳnh Liên dẫn đạo, hoạt động độc lập với Tăng đoàn ngay từ đầu thập niên 1970 cho thấy Ni giới nước ta tuy không đóng vai trò tiên phong nhưng có những nỗ lực theo kịp biến chuyển chung của Ni giới Phật giáo thế giới. Cho nên không có gì ngạc nhiên vào những năm gần đây khi Ni giới Đài Loan nêu lên việc hủy bỏ *Bát kính pháp (g)*, vấn đề bình đẳng giữa nam nữ trong giới xuất gia đã được một số Ni chúng trong và ngoài nước lưu tâm đặc biệt. Khá nhiều các bài tham luận về vấn đề này đã được một số Ni dịch hoặc viết và phổ biến trên nhiều trang Web. Và mặc dù không được tất cả các Giáo hội Phật giáo trong nước cũng như hải ngoại khuyến khích hay hỗ trợ, một số Ni chúng Việt Nam đã tự túc tham dự và thuyết trình trong các Đại Hội Phụ Nữ Phật Giáo Thế Giới kể từ kỳ họp thứ 6 vào tháng 2 năm 2000, tại vườn Lâm Tỳ Ni ở Nepal. (Kỳ họp thứ 5 vào đầu năm 1998 tại Nam Vang, dù ở ngay sát Việt Nam, Ni giới nước ta vẫn không được khuyến khích tham dự).

Cũng nên kể thêm việc đề nghị canh tân giới luật Phật giáo do sư ông Nhất Hạnh công bố tại Đại Hàn năm 2003 như một bổ sung cho giới luật hiện hành để giới Tăng sĩ nam nữ có thể phục vụ hữu hiệu hơn cho nhân loại và đạo pháp trong thời đại mới (h). Việc Cư sĩ Tâm Diệu đã cho phổ biến công khai giới luật này trên trang web www.thuvienhoasen.org cũng được xem là một quyết định có tính khai phóng, tán đồng một cách cụ thể quan niệm của TT Thích Phước Sơn cho rằng giới luật Phật giáo phải là *công truyền* không thể là *bí truyền*.

Phật Giáo Việt Nam, cũng như Phật giáo các nước khác và cũng như các tôn giáo khác, thời nào cũng có những mặt tiêu cực bên cạnh các mặt tích cực. Để tồn tại được tới ngày nay, Phật Giáo Việt Nam đã vượt qua được sự kiêu mạn đôi khi mang tính hoang tưởng ở một số Tăng sĩ có ưu thế với nhà cầm quyền, vượt qua được khuynh hướng phân phái biệt lập ở một số thời kỳ phát triển, để nhập dòng một cách tích cực trong dòng chảy lớn của dân tộc (i).

CHÚ THÍCH:

(a) *Lục Độ Tập Kinh* gồm 91 truyện tích, mỗi truyện đều có trích dẫn kinh điển nói về *lục độ ba la mật*, xếp thành 8 quyển. Ba quyển đầu nói về *hành bố thí*, năm quyển sau mỗi quyển nói về một *độ* còn lại (*tri giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ*). Khương Tăng Hội, một nhà sư gốc Ấn được đào tạo tại nước ta từ nhỏ vào thế kỷ 3 là dịch giả bản kinh này. Theo Lê Mạnh Thát (LSPGVN tập 1) Khương Tăng Hội có thể đã dịch từ bản dịch tiếng Việt cổ của kinh này. Lê Mạnh Thát đã dịch *Lục Độ Tập Kinh* và phổ biến trong *Tổng Tập Văn Học Phật Giáo Việt Nam tập 1*, NXB TP/HCM 2001.

(b) *Việt Sử Toàn Thư*, Phạm Văn Sơn, Đại Nam in lại ở Hoa Kỳ không ghi năm, tr. 125.

(c) *Lâm Tế Nghĩa Huyền* (?- 867) khai sáng dòng thiền Lâm Tế tại Trung Quốc vào thời gian Phật giáo xứ này bị đàn áp. Truyền thống hoằng hóa của thiền phái Lâm Tế là sử dụng tiếng hét và gậy đập và quán công án. Dạng nguyên thủy này ngày nay chỉ còn được duy trì gần nguyên vẹn nơi thiền phái Lâm Tế ở Nhật. (Chân Nguyên & Nguyễn Tường Bách, *Từ Điển Phật Học* tr. 229-30, nxb Thuận Hóa, Huế 1999). Tại nước ta Thiền phái Lâm Tế phân làm 5 dòng: Tổ Đạo (còn gọi là dòng Vạn Phong), Đạo Bồ Nguyên (còn gọi là Đạo Mẫn), Trí Huệ, Chúc Thánh, Liễu Quán. Mỗi dòng đều có bài kệ truyền thừa riêng. Phái Lâm Tế do thiền sư Nguyên Thiều (người Quảng Đông) theo tàu buôn Trung Quốc tới lập chùa Thập Tháp (Qui Nhơn) truyền pháp ở Đàng Trong năm 1677 (có tài liệu ghi 1665). Trong 5 dòng Lâm Tế ở nước ta, Thiền sư Liễu Quán (1667- 1742) là người Việt, nổi tiếng sau Nguyên Thiều.

(d) Theo các thần phả, Sư cô Hoàng Thiều Hoa tu tại chùa làng Hiền Quan năm 16 tuổi; Thực Nương trên đường trốn tránh sự truy nã của Thái thú Tô Định, khi dừng chân tại chùa làng Tiên La đã cắt tóc xuất gia và được dân làng mời ở lại trông coi chùa làng. Theo truyền thuyết xã Kiều Kỳ (Gia Lâm, Hà Nội) nàng Quốc khi còn nhỏ có tên là bé Nước được bà mẹ là Đào Tuyết Tĩnh gởi vào chùa làng, nhà Sư nhận và đặt tên là Quốc. Trong lực lượng khởi nghĩa của Trưng Vương năm 40, bà phụ trách thủy quân. Trong các nữ tướng thời Hai Bà Trưng, còn có hai Phương Dung khác. Phương Dung cùng chồng là Đào Kỳ, cũng là một tướng lãnh quan trọng của Hai Bà Trưng, được thờ tại làng Cối, huyện Đông Anh, Hà Nội. Trương Phương Dung cùng với 3 em trai được thờ tại làng Nan, huyện Quỳnh Phụ tỉnh Thái Bình.

(e) Vụ án Lương Thế Vinh quả là khó hiểu. Vì "kinh Phật" được đề cập ở đây là *Thập Giới Cô Hồn Quốc Ngữ Văn*, được các sử gia Phật giáo (Lê Mạnh Thát, Nhất Hạnh, Lý Kim Hoa) cho là sáng tác của vua Lê Thánh Tôn, người ra lệnh trừng phạt Lương Thế Vinh vì tội "sáng tác kinh Phật".

(f) Đại sư Chân Dung Tông Diễn đã được huyền thoại hóa dưới danh hiệu *Hoà Thượng Cua* vì có khả năng dùng *Phật lực* giải nghiệp sát sanh của cho mẹ ông. Huyền thoại này được truyền tụng rộng rãi như một điển tích sâu sắc trong Phật giáo miền Bắc. Với Phật giáo Trung Hoa, khi một vị

Sư được giới thiệu bằng hai tên, chẳng hạn Nam Nhạc Hoà Nhượng, tên đầu Nam Nhạc chỉ nơi ông trụ trì là núi Nam Nhạc, tên sau Hoà Nhượng là đạo hiệu. Trường hợp Phật giáo Việt Nam, tên đầu Chân Dung là pháp danh, tên sau Tông Diễn là đạo hiệu.

(g) *Bát kinh pháp* là 8 điều luật đòi hỏi một vị ni phải tuyệt đối kính trọng một vị tăng bất kể tuổi tác và trình độ tu chúng. Sư cô Phổ Tịnh ở Canada có lẽ muốn bác bỏ *Bát kinh pháp* khi gọi các Sư cô bằng danh hiệu *Đại đức* hoặc *Đại đức ni*. Ở miền Bắc nước ta, dân chúng không phân biệt Tăng hay Ni đều gọi chung là *Thầy*, chẳng hạn trong tác phẩm *Chùa Đàn*, Nguyễn Tuấn gọi cô Tơ, vị Sư Nữ có pháp danh Tuệ Không ở chùa Đàn là *Sư Thầy*. Gần đây nhà văn thời đổi mới ở trong nước là Nguyễn Khải cũng gọi vị Sư Nữ chùa Cốc là *Thầy* (truyện ngắn *Ngôi Chùa Các Chi*).

(h) Về nguyên bản giới luật tân tu của Thầy Nhất Hạnh, xin xem phần *Giới Luật*, trang web: www.thuvienhoasen.org. Quan niệm phổ biến trong Phật giáo nước ta cho rằng giới luật là *bí truyền*, nghĩa là Cư sĩ và Sa di không được phép biết đến giới luật của Tỳ Kheo.

(i) Một thí dụ là giai đoạn từ tháng 12.1963 tới tháng 4.1975 tại miền Nam với biến cố hai Viện Hóa Đạo (Ấn Quang và Việt Nam Quốc Tự) của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và những toan tính chính trị của TT Thích Trí Quang.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- 1- Lê Mạnh Thát, *Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam*, tập 1 (1999) tập 2 (2001) tập 3 (2002), nhà xuất bản Thành phố HCM.
- 2- Nguyễn Lang (một bút hiệu của Nhất Hạnh), *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận*, tập 1 (1977) tập 2 (1978) tập 3 (1985), Lá Bối, Paris (Pháp).
- 3- Trần Tri Khách, *Niên Biểu Phật Giáo Việt Nam*, bản thảo, 2003.
- 4- Nguyễn Tài Thư chủ biên, *Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam*, nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1991.
- 5- Thích Hải Ấn và Hà Xuân Liêm, *Lịch Sử Phật Giáo Xứ Huế*, nhà xuất bản Thành phố HCM, 2001.
- 6- Nguyễn Duy Hinh, *Tư Tưởng Phật Giáo Việt Nam*, nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1999.
- 7- Đinh Khắc Thuân, *Lịch Sử Triều Mạc Qua Thư Tịch Và Văn Bia*, nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 2001.
- 8- Bùi Thiết, *Nữ Tướng Thời Hai Bà Trưng*, nhà xuất bản Thanh Niên, Hà Nội 2001.
- 9- Nguyễn Phan Quang và Võ Xuân Đan, *Lịch Sử Việt Nam Từ Nguồn Gốc Đến Năm 1884*, nhà xuất bản TP HCM, 2000.
- 10- Thích Tâm Hải, *Tìm Hiểu Về Trào Lưu Tịnh Độ Tại Việt Nam*, trang web www.quangduc.com

Cái nhìn toàn triệt và vô vương ngại của Tâm Bát Nhã



Phúc Lâm

Cùng với sự phát triển của khoa học kiến thức con người cũng được nâng cao. Nếu so sánh kiến thức của một người bình thường trong thế kỷ thứ 21 này qua việc họ có khả năng xử dụng một cách tự nhiên những sản phẩm do nền văn minh khoa học tạo ra với kiến thức của một người của thời kỳ thượng hoặc trung cổ thì ta thấy cách xa nhau vô cùng. Nếu ngày xưa con người quan niệm trái đất là một mặt phẳng, trên là trời, dưới là địa ngục và cho những hiện tượng thiên nhiên như sấm sét, hạn hán, lũ lụt là những hình phạt của Thần Thánh ban cho kẻ có tội. Thì có lẽ ngày nay tâm trí của một người văn minh không còn tin vào những điều mơ hồ này, con người đang tiến xa vào sự tìm hiểu vũ trụ, muốn chinh phục cả mặt trăng và hòa bình. Điều này cho ta thấy cái nhìn còn hạn hẹp, cục bộ và ấu trĩ của loài người trong thời xưa so với cái nhìn đã phát triển cao của con người trong thời đại này. Nhưng sự phát triển cao này cũng chỉ là mới lung chừng, vì chắc chắn khoa học sẽ khám phá ra những điều mới lạ hơn, và theo đó kiến thức con người cũng sẽ phát triển cao hơn.

Nhưng nói cho cùng, khi vẫn còn Ngã Chấp thì kiến thức và cái nhìn của ta vẫn còn phiến diện, cục bộ, khi vẫn còn Pháp Chấp thì cái nhìn vẫn còn hạn hẹp và đầy vương ngại. Và có lẽ đây là điểm khác biệt giữa một Khoa học gia đang nghiên cứu tìm hiểu vũ trụ và một Thiền Sư.

Người làm khoa học nghiên cứu và lập ra lý thuyết tuy cũng muốn nói về cái khởi đầu hoặc kết thúc của vạn sự nhưng nơi đây có sự vương ngại của chấp ngã và chấp pháp, vì tâm trí của Khoa học gia nằm giữa hiện tượng để khảo sát hiện tượng, và lập ra lý thuyết qua sự suy luận của mình về những điều họ khám phá được qua chính hiện tượng đó.

Còn vị Thiền Sư thì cố trực chứng vô ngã vô pháp, vượt ra khỏi hiện tượng để có thể đạt tới cái nhìn toàn triệt viên mãn và vô vương ngại của Bát Nhã Trí.

Như vậy, theo thiền ý còn kém cỏi của tôi "Toàn triệt" và "Vô Vương Ngại" chính là một trong những tinh hoa rất ráo nhất của Giáo Lý? Và vì vậy tôi muốn nêu ra điểm này để được tham khảo ý kiến của Quý Thầy và Quý Vị Đại Thiện Tri Thức.

Học trong Giáo Lý ta thấy cái nhìn toàn diện viên mãn của Tâm Bát Nhã tiềm tàng trong nhiều bài Kinh cao siêu.

Chúng ta học thấy trong Bát Nhã Ba La Mật Tâm Kinh, đoạn cuối:

"**Bồ Tát nương trí tuệ siêu việt nên tâm không vương ngại; vì không vương ngại nên không sợ sệt, xa lìa hết thảy điên đảo mộng tưởng, rốt ráo đạt đến Niết Bàn...** (y Bát-nha-ba-la-mật-đa cố, Tâm vô quái-ngại, vô quái-ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết Bàn; ...)".

Và bài Kinh được kết thúc với Mantra:

"**Giải thoát, giải thoát, đã giải thoát, đã cùng giải thoát, giác ngộ hoàn toàn"**

"**Yết-đế yết-đế, ba-la yết-đế, ba-la-tăng yết-đế, Bồ-đề tát bà ha"**

Cái nhìn Phi cảnh giới, Phi đặc tướng, và an trụ trong Niết Bàn (không Pháp Chấp): "**Bất trú nhất thiết pháp danh trụ Bát Nhã**" (không trụ vào tất cả các pháp, tức là trụ vào Bát Nhã) và "**Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm**" (dùng bám vào đâu cả mà sinh tâm). Phi ý tưởng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả (không Ngã Chấp), vượt qua cái bình diện tầm thường của cái thấy bằng mắt, bằng tâm chấp ngã, bị che mờ bởi ngũ uẩn (sắc, thọ, tưởng hành thức) được dạy trong Kinh Kim Cương Bát Nhã.

Và trong Kinh Pháp Hoa đại ý chép: "Đức Phật phóng hào quang cho toàn thể Pháp hội cùng một lúc thấy một muôn tám nghìn cõi ở phương đông và đồng thời cũng một lúc thấy những sinh hoạt trong quá khứ, hiện tại và tương lai của các Đức Phật trong muôn nghìn cõi này. Sự tướng của tất cả pháp giới hiện ra cùng một lúc trong ánh sáng trí huệ của Đức Phật". Điều này dạy cho ta thấy cái phi thời gian và phi không gian, cái toàn triệt và vô vương ngại của Bát Nhã Tâm...

Như vậy qua Giáo Lý ta học được: bao lâu còn vương ngại bởi chấp ngã, chấp pháp - hay nói theo ý thông thường là bao lâu còn ta và nơi ta đang sống - thì lúc đó ta vẫn chưa hoàn toàn thấy Chân Như, Niết Bàn? Nhưng chính ý nghĩ "ta thấy" hoặc "ta không thấy" cũng đã là chấp ngã và chấp pháp rồi. Vậy rốt cuộc chỉ có "Không", rốt cuộc là vô ngã và vô pháp. Mặc dầu bình thường ta dùng hai từ Ngã và Pháp nhưng có lẽ cái quan trọng là Vô Ngã, vì khi đã vô ngã thì không còn "ai" để chấp pháp (và ngược lại, nếu hiểu vạn sự là Vô Pháp thì chính cái Tự Ngã cũng là Vô Pháp - nơi đây ta thấy Vô Pháp như là phương tiện để đưa ta tới Vô Ngã?), và lại phân biệt và dính mắc là những đặc tính tự nhiên của Ngã Chấp nên nó hoàn toàn đối ngược lại với cái toàn triệt và vô vương ngại của Tâm Bát Nhã. Vậy cái quan trọng và khó khăn hàng đầu cho một chúng sinh bình thường như ta là bỏ được cái chấp ngã, coi như không bao giờ có thể đạt được này - bởi vì đã gọi là chúng sinh, thì muôn kiếp vẫn là chúng sinh - Dẫu không vượt qua được điểm khó khăn này, nhưng có lẽ chỉ việc hiểu được ý nghĩa thâm sâu của vô ngã và vô pháp cũng có thể cho ta một tâm an trụ trong hiện tại của cuộc sống. Và lại cái mà ta thấy vô cùng khó khăn và tưởng chừng không bao giờ đạt được này cũng chỉ xuất phát từ tâm trí ảo tưởng của ta. Vì chính Đức Phật cũng đã qua Thiền Định chứng nghiệm Chân Như và cũng đã tiếp tục sống như chúng sinh để hoàng dương Giáo Lý. Và chắc chắn trong lịch sử Phật Giáo cũng đã có vô số bậc Bồ Tát đã và đang đi trên con đường này. Như vậy khó hoặc dễ, chúng hay chưa chứng nghiệm đều nằm trong tâm ta, nằm

trong một niệm tình giác hay còn mê mờ. Phật tánh luôn hiện hữu trong mỗi chúng sinh. Nhưng đã gọi là chúng sinh, nên muôn kiếp vẫn là chúng sinh, với tâm giác bị che mờ bởi ngũ uẩn, nên mặc dầu biết nhưng ta lại không "thấy". Cái khó khăn của không thấy chính nằm trong ý này? Và chính biết được cái khó khăn này của chúng sinh nên Đức Phật đã 45 năm nhọc công hoằng dương Giáo Lý, và muôn vạn Pháp Môn đã được lập ra, dùng ngôn ngữ thế gian để diễn tả cái vô hình, vô tướng.

Khi viết như trên: "Đức Phật đã qua Thiền Định chứng nghiệm Chân Như và cũng đã tiếp tục sống như chúng sinh..." ta nên hiểu, theo đại ý của Sangharakshita viết trong cuốn "Mensch? Gott? Buddha":

"Thái Tử Siddharta lúc đầu đã sống trong không gian và thời gian như mọi chúng sinh nhưng ngay thời điểm Người chứng nghiệm Chân Như thì Thái Tử đã trở thành Phật nơi đây không còn không gian và thời gian. Thời gian chấm dứt ngay nơi đây, Siddharta đã biến mất để chỉ còn là Phật, là Chân Như. Thường trụ".

Như vậy mặc dầu Đức Phật vẫn tiếp tục sống như chúng sinh, nhưng nơi đây chỉ có sự hiển lộ của Phật-tánh, vô ngã, vô pháp còn thế-gian-tánh của Siddharta đã tan biến cùng lúc với sự giác ngộ và chấm dứt của thời gian.

Mặc dầu Giáo Lý về vô ngã vô pháp đã được Đức Phật hoằng dương cách đây hơn 2500 năm, nhưng ngoại trừ những bậc Tu Hành thì một chúng sinh bình thường như chúng ta, **vi đang hiện diện trên mặt biển chuyển của cái "Sắc" nên ta khó chúng được mặt an trụ của cái "Không"**. Đó là lẽ dĩ nhiên. Và cũng là dĩ nhiên khi cùng với thời gian tâm trí con người bắt buộc phải cao hơn song hành với sự phát triển của khoa học kỹ thuật. Và theo thiên ý của tôi, qua những kỹ thuật hiện đại như Digital, Internet... đặc tính vô ngã vô pháp cũng càng ngày càng lộ ra một cách tự nhiên - **Tự nhiên như một chân lý tiềm tàng trong vũ trụ, mà chính Đức Phật đã thấy** - Chúng ta biết Digital là sự kết hợp, biến chuyển giữa "1" và "0"; "Không" và "Sắc" (đơn vị nhỏ nhất là Bit, viết tắt từ Binary và Digit, một Bit có thể là Có hoặc Không), để từ đó phát ra âm thanh, màu sắc, hình dáng, chuyển động... Và mặc dầu khi sử dụng Internet ta vẫn mang cái Ngã của ta, nhưng tâm trí và kiến thức của ta trên hầu hết tất cả mọi địa hạt là do ảnh hưởng, trao đổi với kiến thức của muôn triệu người phổ biến trong Internet. Như vậy khi sống trong Internet thì cái nhìn và sự hiểu biết của ta càng phát triển và đồng thời cái Tự Ngã của ta càng ngày càng nhỏ dần. Bởi vì những gì ta suy luận phát biểu ra, tưởng rằng của mình nhưng thật sự đó là tổng hợp của vô số kinh nghiệm và kiến thức. Như vậy khi Đức Phật dạy vô ngã vô pháp thì vạn sự **chính thị là vô ngã vô pháp**, dẫu ta có hiểu hay không hiểu Giáo Lý này. Hiện nay khoa học đang nghiên cứu để tiến đến Quantencomputer, dựa vào đặc tính giao hưởng trực tiếp của Quanten để tạo ra những máy tính có vận tốc và trữ lượng cao siêu, nhưng đặc tính của một Quantenbit cũng vẫn là hai trạng thái của một thể, ẩn hiện, có hoặc không. Và dẫu sau này kiến thức của nhân loại có phát triển cao đến bậc nào thì chính thị **"hết thấy thế gian pháp không ngoài Phật Pháp"** (Vimalakisti-sutra).

Qua Giáo Lý ta học thấy cái nhìn toàn triệt, viên mãn (bao gồm toàn thể pháp giới) và vô vướng ngại (hoàn toàn giải thoát khỏi mọi dính mắc và quan hệ, phi không gian và phi thời gian). Cái nhìn toàn diện của Bát Nhã Trí không

phải chỉ đứng lại ở khoảng giữa, trên bề mặt của hiện tượng mà đi vào chiều sâu của vi trần, và ra khỏi vũ trụ. Tất cả mọi bình diện của sự vật hay hiện tượng được nhìn thấy cùng một lúc. Cùng một lúc thấy sự vận hành tương quan của vạn pháp. Qua Bát Nhã Trí vạn pháp đều hỗ tương đồng nhất, không có sự khác biệt của vạn sự, vạn sự xuất phát từ một bản thể cũng như cái đồng nhất của Sắc và Không.

Chúng ta biết một vật thể hay hiện tượng phát khởi và biến chuyển là do tác dụng của nhiều nhân duyên và yếu tố khác nhau vì vậy nó không có cái tự tính độc lập. Những sinh thú thay đổi hình thể cũng như tính sinh sống là do tác dụng quan hệ với môi trường. Nếu môi trường biến đổi thì hình thể cũng biến đổi theo, hoặc có thể tan biến đi, ngay cả những hợp kim ta muốn chế biến ra thì thành phần hóa chất và sự cấu tạo ra hình thể của hỗn hợp này cũng thay đổi tùy theo điều kiện nhân duyên - nhiệt độ, áp suất, thời gian và những chất xúc tác ta sử dụng trong phản ứng chế biến này - Nhưng chính những điều kiện ta đặt ra cũng có thể bị thay đổi vì nhân duyên hoặc ảnh hưởng bất ngờ nào khác. Như vậy ta thấy không có hình thể nào mang sẵn tự tính tồn tại, bất biến, cho nên mọi hình thể trước mắt ta chỉ tương đối có. Với thuyết **Nhân Duyên Sinh**, Đức Phật cho ta tri kiến hết thấy sự vật trong vũ trụ hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp ảnh hưởng lẫn nhau **mà tạo thành**. Là một Phật Tử tôi quan niệm thuyết **Nhân Duyên Sinh** là một **Định Luật thiên nhiên** của sự phát khởi và biến chuyển của vạn pháp. Riêng đối với nhiều khoa học gia thì vì cái huyền bí của những thông số vật lý (physikalische Konstanten, thí dụ: Gravitationskonstante: $6,67259 \cdot 10^{-11}$ N.m²/kg², Planck-Konstante: $6,6260755 \cdot 10^{-34}$ J.s, ...), nếu một trong những thông số này thay đổi thì có thể vạn pháp sẽ thay đổi hoặc có thể tan biến mất, có thể không có sự cấu tạo ra vật thể và chúng sinh. Mặc dầu những thông số bất biến này có thể được đo chuẩn trong phòng thí nghiệm, nhưng nhà khoa học không hiểu vì sao những con số này phải đúng như vậy, và không hiểu từ đâu ra, nên có thể họ có khuynh hướng cho định luật thiên nhiên này là do "một bàn tay" huyền bí nào đó tạo ra. Ta thấy nơi đây sự đo chuẩn hiện tượng tức là còn chấp pháp, nhà khoa học chỉ đo chuẩn cái đã hoặc "hiện đang" có để cố gắng suy nghiệm ra **"cái chứa có"**, và sự suy luận ra "một bàn tay nào" là còn **chấp ngã cho cái chứa có**. Nhà khoa học chưa thoát ra được cái vướng ngại này. Theo thiên ý của tôi Thuyết **trùng trùng duyên khởi** của Đức Phật hàm chứa cả sự tiến hóa (Evolution), tuyển lựa, đào thải (Selektion), phát triển (Entwicklung) ... trong chu trình cấu tạo ra vạn pháp. Cho nên trong chu trình này chỉ có những cái trùng hợp với tổng thể nhân duyên thì mới phát khởi ra thành hiện tượng, vật thể và chúng sinh. Có thể vì thiếu điều kiện và nhân duyên thích hợp nên trong chu trình chuyển hóa có những "vũ trụ" vừa thành hình lại tan biến, hoặc có những nơi trong đó chỉ có những vi trần tiên thiên, không kết hợp thành hình thể được. Đức Phật đã dạy thuyết **Nhân Duyên Sinh** có lẽ vì Ngài biết chúng sinh còn chấp pháp, nhưng khi chúng sinh hiểu được **định luật thiên nhiên** này thì lúc đó pháp cũng chỉ là **Không**!

Trở lại điểm ở trên "một bàn tay nào", nếu ta đặt giả thuyết "có một hình thể huyền bí nào" đã tạo dựng ra vũ trụ với những thông số vật lý bất biến, một vũ trụ luôn vô thường biến chuyển và bên cạnh cái thiên hình vạn trạng, với muôn vẻ đẹp cân xứng và muôn màu sắc là những biến cố phá hủy và tiêu diệt của thiên nhiên. Thì theo thiên ý suy luận

của riêng tôi: trước khi vũ trụ được tạo tác chắc chắn "hình thể" này chỉ một mình, đơn độc và thường hằng giữa cái hư vô, trống rỗng... và bỗng dung "hình thể" này lại có ý muốn tạo tác ra vũ trụ! Vì là một chúng sinh trên con đường tìm hiểu nên nơi đây tôi đặt câu hỏi: "Vì lý do nào và với mục đích gì vũ trụ và theo đó chính tôi được tạo ra?" và mọi sự cố gắng để giải đáp câu hỏi này sẽ đưa đến những câu trả lời mang đầy "nhân tính" của "hình thể thường hằng này" (...). Giáo Lý Đạo Phật dạy ta, nếu là Chân Như, Niết Bàn, An Trụ thì không có gì phát khởi, thì còn nói gì đến vì lý do và mục đích. Bởi vì Tham, Sân, Si vừa là động lực khiến ta phải luân hồi vừa là đặc tính của chúng sinh. Nếu có lý do và mục đích thì có nhân tính, mà một "hình thể thường hằng" thì không thể nào có nhân tính được, vì nhân tính là do tác dụng của Căn và Trần tạo ra. Và đặc biệt nếu một hình thể là thường hằng thì chính tự trong nó không có biến-chuyển-tính. Chỉ có vô minh thì mới có biến chuyển và vô thường. Vậy rốt cuộc vũ trụ và năng lực sống "bỗng dung" được tạo tác ra không có lý do và mục đích gì? Vì **tạo tác là đặc tính của "Tạo Hóa"**. Theo định luật Nhân Quả của Giáo Lý thì ta thấy nơi đây chỉ có cái Quả mà không có cái Nhân. Hay hiểu rộng ra nếu không có lý do và mục đích gì, không có Nguyên Nhân, thì vạn pháp chính tự động phát khởi ra theo **trùng trùng nhân duyên**, không cần phải có một bàn tay. Hay bàn tay đó chính là Vô Minh? Bởi vì **tạo tác cũng là đặc tính của "Vô Minh"**. Và lại nếu "Tạo Hóa" chỉ có tính tạo tác, còn mọi biến chuyển sau đó của vạn pháp là do "tự-do-tính", không có sự can dự vào của tạo hóa, thì những niềm tin của thế nhân đặt trên cơ sở "trùng phạt và cứu rỗi" có lẽ không còn thực tế?

Theo Stephen Hawking thì đại ý: "nếu có bàn tay nào tạo tác ra vũ trụ, thì người ta phải đặt thêm câu hỏi là cái gì đã tạo ra bàn tay này". Và như vậy chắc có lẽ ta chỉ đi lòng vòng để rồi cuối cùng tiến đến cái "không biết" (= vô minh).

Cũng vì nhân duyên, môi trường nên có thiên hình vạn trạng, vạn pháp hiển lộ ra với muôn vẻ đẹp cân xứng và muôn màu sắc phản xạ qua ánh sáng. Nhưng đối với vạn pháp những hiển lộ này có lẽ là vì mục đích hơn là vì vẻ đẹp. Vì xấu hay đẹp chỉ là nhân sinh quan. Riêng chúng sinh có tâm trí phân biệt và dính mắc thì thích tôn sùng sự cân xứng và cái đẹp, cho nên có ảo tưởng những thứ này là do một bàn tay nào đó tạo ra. Theo tôi nghĩ, sự cân xứng, cái đẹp, hoặc hương thơm là sự phát triển tự nhiên trong chu trình tiến hóa, chọn lọc qua quan hệ với môi trường nhằm mục đích bảo tồn bản tính muốn di truyền sự tồn tại của thiên nhiên. Nếu một cái hoa muốn nở hay khép để quyến rũ ong bướm thì chính tự trong nó đã tạo thành nhiều cánh thì việc khép mở mới dễ dàng, một bông tuyết có thể biến đổi mang nhiều hình dạng như sáu cánh, hình trụ, hình ống, hình thê, hình lục lăng giẹp, hoặc hình cầu... với nhiều kích thước khác nhau là tùy theo độ ẩm và nhiệt độ thay đổi trong những lớp không khí. Và cũng vì điều kiện khí hậu nên cùng một thời điểm với bão tuyết nơi đây trên lục địa khác trời đang mưa với những hạt nước lúc ngắn lúc dài, với những bong bóng nước lúc to lúc nhỏ, hoặc có lúc mưa lúc tạnh. Chẳng lẽ những biến chuyển cấp thời này cũng là do "bàn tay nào" tạo ra? Và lại, theo tôi nghĩ, điểm quan trọng nơi đây không phải chỉ là sự cân xứng, vẻ đẹp và hương thơm mà cái quan trọng là những thứ này có tồn tại mãi hay nó **cũng nằm trong định luật vô thường, biến chuyển của thiên nhiên?** Ta thường nghe nói "sớm nở tối tàn", theo

như vậy thì chả lẽ cái năng lực của sự Vô Thường nó còn vượt qua khỏi cái năng lực của tạo tác? Hay chính trong sự tạo tác đã tiềm tàng tính tiêu diệt, và ngược lại? Vậy, theo tôi nghĩ, cái vòng vòng không bao giờ dứt của sự **"tạo tác và tiêu diệt"** chính tự nó biểu thị cái **đặc tính của Vô Minh**.

Thuyết Nhân Duyên Sinh của Đức Phật như vậy không phải chỉ là câu nói ta thường hay dùng, mà nó xuất phát từ cái nhìn toàn diện của Bát Nhã Trí về cái phát khởi và biến chuyển của vạn pháp.

Ta thấy vạn pháp là thiên hình vạn trạng, nhưng thiên hình vạn trạng này là do điều kiện và nhân duyên tạo ra nên không thường trụ, chỉ có ảo ảnh, tạm thời. Cái nhìn ấu trĩ, cục bộ của ta nằm ở chỗ ta chỉ thấy cái tạm thời ảo ảnh này cho nên thấy vạn pháp là thiên hình vạn trạng từ đó trong tâm trí ta nảy sinh ra sự phân biệt, dính mắc. Cái nhìn toàn triệt và vô vướng ngại của Bát Nhã Trí cho ta thấy vạn pháp đều thiên hình vạn trạng nhưng đồng nhất thể. Muốn hiểu và thấy cái đồng nhất thể của vạn pháp có lẽ cái nhìn của ta phải thu về một điểm của cái xuất phát và kết thúc của mọi sự vật. Bình thường ta thấy trước mắt ta vô số vật thể khác nhau, được hình thành bởi những chất hoặc hợp chất khác nhau, thí dụ như gỗ, vàng, bạc, đồng, chì, plastik, rượu, nước, dầu, khí, v.v... và có những lực khác nhau như lực hấp dẫn, điện từ lực, lực yếu và lực mạnh. Nhưng trước cái phát khởi của vũ trụ (Big Bang) có lẽ chỉ có một năng lực đồng nhất và chất đầu tiên, đơn giản nhất (một Proton, một Neutron và một Elektron) là kinh khí (Hydrogenium) được thành hình ngay sau cái Big Bang và nhờ vào điều kiện nhân duyên thích hợp của nhiệt độ và mật độ tỷ trọng lúc đó nên từ kinh khí những chất khác như Helium (2 Prot. và 2 Neutr.), Lithium (3 Prot. và 2 Neutr.) được kết hợp tạo thành. Những chất nặng hơn (số lượng Prot. và Neutr. nhiều hơn) như C, N, O, Mg, Si, S, Fe được thành hình tùy theo những điều kiện như nhiệt độ, mật độ tỷ trọng trong những tinh tú (Kernfusion) hoặc nhờ vào năng lượng phóng khoáng ra từ những vụ nổ của tinh tú (Supernova) (vàng, bạc, platin, ...). Ta thấy mặc dầu có nhiều chất được đặt tên khác nhau, nhưng cái khác nhau chỉ là do số lượng của Protonen và Neutronen, và tất cả những Protonen, Neutronen hoặc Elektronen trong mọi chất khác nhau này đều đồng nhất. Đó có thể hiểu là sự đồng nhất thể của hiện tượng giới, những cái nhìn viên mãn toàn triệt của Bát Nhã Trí còn dạy ta cái đồng nhất thể của hiện-tượng-giới và Không-Giới, bởi vì từ cái Chân-Không-Diệu-Hữu mới có Sắc, và qua đó tính vô thường biến chuyển của Sắc ta mới thấy cái Không.

Nếu Thành "Trụ" Hoại Không là một vòng tròn xoáy trên trục thời gian biểu thị sự biến chuyển của vạn pháp, thì trước cái Thành là cái Không và sau cái Hoại cũng là cái Không. Một sự biến chuyển từ cái Không đến cái Không. Như vậy, chỉ qua Thành Trụ và Hoại ta mới biết đến cái Không và chỉ từ cái Không mới có sự phát khởi của Thành để tiến đến Trụ và Hoại. Chữ "Trụ" nơi đây được viết trong ngoặc kép, bởi vì chính trong cái Trụ cũng là biến chuyển, vô thường, nhưng nó lại tạo trong ta cái ảo tưởng "thực tế" của sự vật. Đối với chúng sinh bình thường như chúng ta thì hình như ta chỉ thấy có cái giữa, có nghĩa là chỉ thấy cái xoáy của Thành Trụ và Hoại, trước cái Thành ta không biết và sau cái Hoại ta cũng không biết, cho nên đối với ta không có lối nào ra khỏi được cái vòng xoáy này.

Vi sao cái nhìn toàn triệt giải thoát lại phi không gian và phi thời gian? Về hiện-tượng-giới thì ta biết không gian là do sự bành trướng của vật thể tạo ra, và chính trong sự bành trướng, biến chuyển đã có tính thời gian. Cái vướng ngại của không gian có lẽ nằm ở chỗ vì có không gian nên có phạm vi, có sự phân biệt ra thành vô số bình diện. Theo khoa học thì không gian cũng bị biến đổi. Do khối lượng của vật thể và sự thay đổi này là trở ngại cho sự chuyển động của những vật thể khác, và cùng với cái trở ngại của chuyển động và biến chuyển thì thời gian cũng bị thay đổi. Ta biết mặc dầu vận tốc ánh sáng tương đối cực đại (ca. 3000000 Km/s) nhưng cũng không thoát khỏi được vùng không gian nằm xung quanh những *lỗ đen* (*Schwarze Löcher*) bị cong vì khối lượng của vật thể. Về Không-Giới thì đối với những bậc Bồ Tát an trụ trong Chân Như không còn gì phát khởi, biến chuyển. Vạn pháp đều là không nên cũng không không-gian và không thời-gian. Ta biết đối với thể nhân, vận tốc được đo lường trong không gian và qua thời gian. Còn đối với những bậc Bồ Tát thì có lẽ chỉ có cái nhìn trực tiếp phi không gian, phi thời gian và phi vận tốc. Đó là cái nhìn hoàn toàn giải thoát vô vướng ngại. Và vì vô vướng ngại nên đây là cái nhìn toàn triệt viên mãn của Bát Nhã Tâm.

Tùy theo căn cơ, kiến thức và kinh nghiệm trong quá trình sống mà ta có cái nhìn và hiểu một sự vật hay hiện tượng trên nhiều khía cạnh khác nhau. Điều này giống như một em bé còn ngây thơ nhìn cái đồng hồ, nghe tiếng tíc-tắc thì tưởng đó là đồ chơi, còn đối với người lớn thì đó là một dụng cụ để hối thúc ta phải hoàn thành việc gì, hoặc để ta thấy rằng thời gian và cùng với nó là tuổi thọ mình vừa trôi qua. Quá khứ là cái đã qua không vớt lại được, tương lai là cái chưa đến nên không biết được và hiện tại trên thực tế cũng không có thật, vì khi ta vừa nói xong chữ "hiện tại" thì nó đã thành quá khứ, và những gì ta làm trong "hiện tại" là để tạo ra tương lai, một thời điểm mà ta chưa hẳn biết được. Cái ngộ nghĩnh nơi đây là thời gian, giây, phút, năm, tháng là do con người đặt ra. Nhưng nó lại trở thành người chủ hối thúc con người, hối thúc trên thể xác và tinh thần, trên mọi lĩnh vực của cuộc sống. Sự thanh thản hay gấp rút, thành công hay thất bại của ta là do yếu tố thời gian quyết định. Đối với kỹ thuật gia thì đồng hồ là ráp ghép của nhiều bộ phận để tạo ra chuyển động tương đối điều hòa, những chuyển động này có thể là Translation, Rotation hoặc Oszillation, và từ đó được chuyển thành những chuyển động chậm hơn để chỉ giây, phút, giờ,...

Những thời gian là gì? Theo khoa học gia thì cái quy tắc thông dụng trong việc đo chuẩn thời gian được đặt trên cơ sở quan sát hình thức chuyển động của một vật lượng, so sánh chuyển động của vật này "chuyển động không bị ảnh hưởng" của một vật khác, như vậy tất cả mọi đo chuẩn thời gian đều nằm trong khuôn khổ lực-tri của vật thể trong một hệ thống tọa độ. Nhưng sự chuyển động còn bao hàm tính hỗ tương ảnh hưởng nhau của mọi vật thể trong vũ trụ và ngược lại, tính hỗ tương ảnh hưởng nhau bao hàm sự chuyển động của vật thể. Khoa học giải thích: "**Chuyển động là sự biến chuyển, thay đổi trong thời gian. Và thời gian chỉ được đo chuẩn qua sự chuyển động; chỉ qua sự thay đổi ta mới nhận biết có thời gian**" !!! Đây chính là cái vòng lẩn quẩn không có lối thoát. Vì chính khoa học cũng chưa trả lời được câu hỏi vì sao có chuyển động và chuyển động là gì?! Thật ra trong quan niệm về thời gian đã có tiềm tàng sự hỗ tương ảnh hưởng lẫn nhau của mọi vật thể trong

vũ trụ. Và chuyển động chính là hỗ tương ảnh hưởng nhau, bởi vì trong vũ trụ không có chuyển động nào gọi là chuyển động tự do, thoát khỏi mọi ảnh hưởng. Nơi đây chúng ta nên chiêm nghiệm lại ý Giáo Lý đã dạy: "Với thuyết Nhân Duyên Sinh, Đức Phật đánh dấu sự tương quan mật thiết giữa hết thảy, **hết thảy sự vật trong vũ trụ**, hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp **ảnh hưởng lẫn nhau** mà tạo thành". Còn đối với bậc Bồ Tát thì như ý trên đã viết do vô minh, biến chuyển nên vạn pháp này sinh và do đó nếu đứng trên mặt biến chuyển của chúng sinh thì vì có vật thể và biến chuyển nên có không gian và thời gian, nhưng nếu đứng trên mặt an trụ thì vạn pháp là vô thường nên không có thật, cho nên lẫn không gian và thời gian đều là ảo tưởng.

Ta thấy có nhiều bình diện và phạm vi trong cái nhìn và hiểu một sự vật hay hiện tượng, từ ấu trĩ cho đến cao sâu. Nếu một người đang sống trong một môi trường chưa phát triển cao thì cái nhìn và hiểu của họ có thể đối với họ là "chân lý". Đối với người thượng cổ thì quả đất chỉ là một mặt phẳng là "chân lý", đối với con cá thì thế giới chỉ là nước, đối với những con vật luôn sống trong lòng đất thì ánh sáng không phải là chân lý,... Vì tham sân si là đặc tính của chúng sinh nên nó khiến ta luôn phải tìm hiểu và phát triển kiến thức, nhưng những kiến thức này nằm trong giới hạn của không gian và thời gian. Như vậy sự hiểu biết cũng bị hạn chế do vướng ngại của vô số bình diện và phạm vi tạo ra, nhưng cái nhìn trên bình diện cao hơn sẽ bao trùm tất cả mọi hiểu biết của những bình diện thấp khác. Ta biết kiến thức con người càng ngày càng phát triển từng bước theo thời gian. Còn cái toàn triệt, viên mãn và vô vướng ngại của Bát Nhã Trí vượt qua khỏi không gian và thời gian, hay nơi đây không có không gian và thời gian. Nếu thời gian là cái đếm bước cho kiến thức, thì trong Bát Nhã Trí không cần cái đếm bước này. Nếu không gian là bình diện, phạm vi của kiến thức thì Bát Nhã Trí giải thoát khỏi mọi giới hạn này.

Theo ý trên thì đứng trên mặt biến chuyển để nghiên cứu giải thích về vạn pháp là còn bị giới hạn. Và có lẽ việc phân chia thành pháp-giới và không-pháp-giới cũng vẫn là vướng ngại. Đối với Bát Nhã Trí thì "Sắc bất dị không, không bất dị sắc và sắc tức thị Không, Không tức thị sắc". Không và Sắc chỉ là một, vì chỉ là một nên cũng Không-Không và Không-Sắc. Trong Giáo Lý ta học thấy: "**Khi nói có thì tất cả đều có, Khi nói không thì tất cả đều Không**" lời dạy này, theo tôi nghĩ, tiềm tàng cái nhìn toàn triệt của Bát Nhã Trí, vì toàn triệt nên bao gồm mọi bình diện. Và vì bao gồm mọi bình diện nên thấy rõ mọi bình diện trong cùng một lúc. Lời dạy trên cho ta tri kiến bậc Bồ Tát cùng một lúc thấy mặt biến chuyển và an trụ của một thể.

Qua Giáo Lý ta thường học thấy chữ "Không", vậy nơi đây chúng ta cùng đặt ra một giả thuyết để tìm hiểu về cái "**Không**" này. Trước hết có hai thái cực:

- 1/ Nếu C là cái Có-thường-hằng, vĩnh cửu --> thì chính trong C không có tính biến chuyển, nên từ C không có gì phát khởi ra.
- và
- 2/ Nếu K là cái không-trống-rỗng, tiêu diệt --> thì từ cái K này cũng không có gì phát khởi ra.

Nhưng nay ta thấy có biến chuyển và vạn pháp. Vậy sự phát khởi và biến chuyển này phải do cái "**kết hợp thành**

một thể" hoặc "sự hiện diện đồng thời trong một thể" của C + K tạo ra. Và vì sự đồng thời hiện diện này nên:

1/C không còn mang tính thường hằng nữa mà trở thành cái --> "**Có vô thường**",

và

2/K không còn mang tính trống rỗng nữa mà trở thành cái --> "**Không diệu hữu**".

"**Có vô thường**" và "**Không diệu hữu**" hoặc "**Vô Minh**" và "**Chân Như**" là hai trạng thái của cùng một thể (ở trên ta dùng chữ kết hợp để dễ hiểu, trên thực tế chỉ có một thể duy nhất). Một thể này có thể hiểu là Bản Thể của Vũ Trụ. Nhưng cái "**Có vô thường**" (hay sự vô thường của cái có) là cái không thật có, nên rốt cuộc lại chỉ có "Chân không diệu hữu" (= Cái Không linh động và tiềm tàng tất cả năng lực).

Bình thường ta dùng chữ "Không" để đối ngược với chữ "Có". Nhưng cái Không của Chân Như không có gì đối ngược với cái "Có", mà không của Chân Như tức là "Có" - Có tất cả và cũng không tất cả - đó là do cái nhìn trên bình diện nào. Còn theo cái toàn triệt vô vướng ngại của Bát Nhã Trí thì Không và Có chỉ là một.

Nếu chỉ nằm trên ý nghĩa hiện diện đồng thời của Không và Có, thì chúng ta có thể hiểu những lời dạy trong Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh như sau (?):

- **Sắc bất dị Không**: cái không không nằm bên ngoài cái có.

- **Không bất dị Sắc**: do cái không của Chân Như nên mới có sắc.

- **Sắc tức thị Không**: Không nên tiêu diệt cái sắc để tìm cái không.

- **Không tức thị Sắc**: Không có cái không tồn tại riêng biệt với cái sắc.

Tóm lại, cách đây hơn 2500 năm, thời kỳ còn phôi thai hoặc coi như chưa có phát triển khoa học, Đức Phật đã dạy:

"Vô Minh, Nhân duyên sinh, vạn pháp ảnh hưởng lẫn nhau mà tạo thành, hỗ tương đồng nhất thể của vạn sự, vô thường của vạn pháp, đồng nhất thể của Không và Sắc, phi không gian và phi thời gian, tất cả đều xuất phát từ cái Không và tất cả đều là không..." và đối với thể nhân Đức Phật dạy: sự khổ, nguyên nhân sự khổ, Đạo diệt khổ, và con đường đi đến diệt khổ, nhân quả nghiệp thức, vô ngã, Từ Bi Hỉ Xả...". Ta thấy những lời dạy trên của Đức Phật không phải xuất phát từ một niềm tin mơ hồ hay một suy tưởng mộng lung của tâm trí. Mà xuất phát từ một kiến thức bao trùm cả vạn pháp, bởi vì chính khoa học qua bao nhiêu thế kỷ nghiên cứu đến nay cũng khám phá ra phần nào những điều này. Vậy kiến thức này xuất phát từ cái nhìn toàn triệt, viên mãn và hoàn toàn giải thoát của Bát Nhã Trí. Đây là chân lý tiềm tàng trong Bản Thể, dầu ta có tin hay không. Giáo Lý có rất nhiều pháp môn nhưng đó chỉ là **phương tiện**, vì rốt cuộc lại chỉ có Pháp Nhất Thừa (Ekayanam). Và Phật Thừa cũng chỉ vì thế gian, khi tiến **đến Niết Bàn, Chân Như thì tất cả mọi Pháp đều là Không**.

Vì cái Vô Thường của vạn pháp nên trong cõi thế gian luôn ẩn hiện sự đau khổ. Vì là một chúng sinh bình thường với đặc tính tham sân si, nên trên con đường tìm hiểu Chân Lý ta đã đặt ra nhiều giả thuyết và tự tìm lời giải đáp theo

chủ quan của mình. Nhưng, ngoại trừ những giả thuyết ta đặt ra và ngoài cái **Chân Lý bao trùm cả vũ trụ và toàn thể pháp giới trong mọi không gian và thời gian của Giáo Lý Đức Phật**, thì ý chính vẫn là sự chân thành tôn trọng của mình đối với mọi tín ngưỡng và niềm tin đã phát triển theo thời gian và tùy thuộc vào nhu cầu tâm linh trong từng thời điểm này. Vì đang hiện diện trên mặt biển chuyển nên trong chúng sinh phát sinh nhiều tư tưởng, Tôn Giáo. Nhưng cái tinh hoa của Phật Giáo chính là đưa ta tới tự giác ngộ, giải thoát để tiến đến **tất cả Pháp đều là Không**. Ta biết trong cõi vô thường đầy đau khổ này, nếu không có tín ngưỡng, tôn giáo **nhằm vào mục đích đưa con người đến chân thiện** thì cuộc sống quả chỉ là hoang mang, lạc lõng. Nếu ta có dịp vào một Thánh Đường hay một Đền Thờ nào khác ta cảm thấy cái tâm trạng bỗng dung yên tĩnh của mình như hòa nhập với tâm trạng của những Bạn Đạo đang ngồi quanh mình. Nếu trong giờ Giao Thừa ta cúng rước Ông Bà thì ngay trong lúc ta thấp nhang cúng vái là lúc tâm hồn ta bỗng dung lắng đọng... đây là những lúc hiếm có, thời gian như ngừng trôi, dường như ta đã trải qua những phút giây trở về với Chân Thiện.

Chúng ta thường học thấy trong Giáo Lý về Từ Bi Hỉ Xả. Nhưng có lẽ cái tột cùng của tâm Từ Bi Hỉ Xả chỉ có thể đạt được trong cái toàn triệt, viên mãn và vô vướng ngại của Bát Nhã Trí. Có lẽ nơi đây Tâm Từ Bi Hỉ Xả không phải là sự chiếu rọi, không riêng tư, trên toàn thể chúng sinh và trong tam thiên đại thiên thế giới, mà nó phi không gian và phi thời gian. Phi không gian và phi thời gian tức là thông hiểu sự phát triển tâm linh chúng sinh trong mọi bình diện, mọi phạm vi và qua từng điểm của thời gian. Vậy theo thiền ý của tôi, đối với tâm an trụ của bậc Bồ Tát thì phi không gian và phi thời gian trước hết có nghĩa là nơi đây không có phát khởi và biến chuyển nên cũng không không gian và thời gian, nhưng vì phi không gian và phi thời gian nên Trí Bát Nhã cùng một lúc thấy và hiểu mọi không gian và thời gian. Nếu "một trong tất cả và tất cả trong một" thì trí Bát Nhã hiện hữu trong mọi không gian và thời gian và đồng thời bao trùm cả vạn hữu.

Có lẽ vì cái Tự-Tính toàn triệt, viên mãn và vô vướng ngại của Phật Giáo, nên Giáo Lý của Đức Phật có thể hòa đồng thể nhập và phát triển **một cách tự nhiên** trong mọi môi trường, mọi dân tộc. Có thể dung hợp với các hình thái nhân văn đặc thù của từng dân tộc qua mọi thời đại. Tuy nhiên bản chất giác ngộ và giải thoát con người của Giáo Lý vẫn là nội dung linh động, vẫn là chân lý.

Ngay phần mở đầu Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh đã dạy chúng ta tri kiến rằng Bát Nhã Trí chỉ có thể đạt được qua sự trực tiếp chứng nghiệm, chứ không bằng tư tưởng hay triết lý. Và có lẽ ý của Bồ Tát khi đọc ra bài Kinh này là Người muốn ta tri kiến cái Chân Lý mà chính Người đã trực tiếp chứng nghiệm. Trong Giáo Lý có rất nhiều bài Kinh xuất phát từ tâm thể trực chứng, từ bi của bậc Bồ Tát. Như vậy, theo thiền ý của tôi tinh thần của mình khi tụng những bài Kinh này không phải chỉ để hiểu ý hoặc chỉ để đúng văn điệu, mà quan trọng có lẽ là với tâm an trụ trong lời Kinh. Mỗi một câu trong Kinh là một Thiền Điểm để ta hướng tâm (Vitakka) và trụ tâm vào (Vicara) để có thể tiến đến hoàn toàn an trụ và trực chứng "**Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc**".

(Bad Säckingen 23.3.2004)

DANKE SCHÖN DEUTSCHLAND

THICH NHU DIEN

Aus dem Vietnamesischen ins Deutsche
übertragen von Hanh Tan & Hanh Gioi



Vorwort

Heute, am 4. Juni 2002, der dem 24. Tag des vierten Mondmonats im Jahr des Pferdes entspricht, beginne ich mit der Niederschrift meines 34. Buches mit dem Titel „Danke schön Deutschland“. Ich werde versuchen dieses Werk während der Zeit der Sommerklausur fertig zu stellen, um es anschließend auf Deutsch übersetzen zu lassen. Die deutsche Übersetzung soll den Deutschen helfen, diejenigen Menschen, die einem Volk von der anderen Seite des Globus angehören und teilweise seit 25 Jahren in Deutschland als Flüchtlinge leben, besser verstehen zu können.

Ich weiß nicht, ob bereits jemand vor mir ein ähnliches Buch verfasst hat, um Deutschland und den Deutschen für die gewährte Unterstützung zu danken. Ich selbst jedenfalls empfinde es als meine Pflicht, mit einem solchen Werk meinen Dank an den deutschen Staat und an das deutsche Volk für die meinen Landsleuten erwiesene Großzügigkeit in den letzten 25 Jahren zum Ausdruck zu bringen.

Am 22. April 1977 kam ich nach Deutschland. Im April 2002 waren es also genau 25 Jahre, die ich bereits hier verbracht habe - ein Vierteljahrhundert! Was konnten meine Landsleute und ich in diesem Zeitraum für dieses Land tun, und was können wir in Zukunft noch tun? Wie haben wir uns für den Fall vorbereitet, wenn unsere Hilfe irgendwann einmal von unserem Vaterland gefordert wird? Solche Fragen werden vielseitig und unterschiedlich beantwortet; doch eins ist sicher: All dies geschieht nur in Verbindung mit unserer tiefsten Dankbarkeit gegenüber Deutschland.

Als Vietnamesen und Buddhisten haben wir über die Vier Dankbarkeiten

nachzudenken. Es handelt sich um den Dank gegenüber dem Land, in dem wir uns gerade aufhalten, Dank an die eigenen Eltern für deren Erziehung und Fürsorge, Dank an die Lehrer für ihre schulische Erziehung, auf Grund welcher wir uns zu wertvollen Mitgliedern der Gesellschaft entwickeln konnten, und schließlich den Dank gegenüber der Gesellschaft, in der wir uns zu vollwertigen Menschen entwickeln können. Auf Grund dieser Sichtweise hat ein vietnamesischer Buddhist ungeachtet seines aktuellen Aufenthaltsortes stets seine Pflicht gegenüber dem Land zu erfüllen, in welchem er gerade lebt - sei es nun Deutschland oder ein anderer Staat.

Vom ersten bis zum dreizehnten Jahrhundert westlicher bzw. christlicher Zeitrechnung hatten die Vietnamesen nur die Chinesen gekannt. Später baute man auch Kontakte zu den Mongolen und den Japanern auf. Im 16. Jahrhundert kamen die Jesuiten, Mitglieder eines christlichen (katholischen) Ordens, nach Vietnam, um dort zu missionieren. Das war die erste Verbindung zu Europäern. Im 19. Jahrhundert machten die Franzosen (nicht nur) Vietnam zu ihrer Kolonie und herrschten dort fast 100 Jahre lang über die Einheimischen. Daher wissen die meisten Vietnamesen mehr über die Franzosen als über die Deutschen. Der Einfluss Frankreichs wirkte auf die Vietnamesen bis 1975, und zwar trotz der Anwesenheit der US-Amerikaner in Vietnam seit 1954, als dem Genfer Abkommen vom 20. Juli des Jahres folgend Vietnam - am Fluss Ben Hai als Grenzlinie - in ein republikanisch regiertes Süd-Vietnam und ein kommunistisch beherrschtes Nord-Vietnam aufgeteilt worden war. Am 30. April 1975 nahmen die nordvietnamesischen Kommunisten Süd-Vietnam ein. Ab diesem Zeitpunkt verließen mehr als zwei Millionen Menschen das Land um nach der Freiheit zu suchen. Dieser Strom von Flüchtlingen ist bis heute nicht versiegt.

Auch Deutschland wurde geteilt, konnte aber nach der im Jahre 1989 erfolgten Öffnung der Grenze ein Jahr später (1990) friedlich wieder vereinigt werden. Auch in Deutschland hatte es zuvor Tote gegeben, als noch die beschämende Mauer zwischen Ost und West stand. Doch die Zahl der Vietnamesen, die ihr Leben im Chinesischen Meer, im Pazifik oder in den Wäldern von Thailand, Kambodscha, Laos und China ließen, ist sehr viel höher. Auch ohne offizielle Statistiken lässt sich die Zahl dieser Opfer auf etwa 500.000 schätzen.

Vor 1954 gab es wahrscheinlich nur sehr wenige Vietnamesen in

Deutschland, allenfalls einige Soldaten aus der damals noch französisch beherrschten Region Vietnam während des Zweiten Weltkrieges (1939-1945). Ich habe keine Kenntnis darüber, wer als erster Vietnameser nach Deutschland kam, oder wann die Botschaft der Vietnamesischen Republik in Bonn ihre Arbeit aufnahm. Doch mit Hilfe der offiziellen Daten lassen sich wahrscheinlich nicht mehr als 100 vietnamesische Arbeiter und Studenten in den 1950er und 1960er Jahren in Deutschland nachweisen. Zwischen 1964 bis 1975 studierten mindestens 2000 Vietnamesen aus Südvietnam an westdeutschen Universitäten, und viele nordvietnamesische Studenten gingen nach Ostdeutschland, also in die damalige DDR. Von 1975 bis heute (2002) waren bzw. sind es etwa 100.000 weitere Vietnamesen, die nach Deutschland kamen und inzwischen hier - größtenteils mit ihren hier geborenen Nachkommen - dauerhaft leben. Hinsichtlich dieses Lebens in der deutschen Gesellschaft gibt es natürlich viele Punkte, die einer Erklärung bedürfen. Wie kommen die Vietnamesen mit den Deutschen zurecht? Was ist nun mit ihrer Sprache und Kultur? War Deutschland vor ihrer Flucht eigentlich ihr Wunschziel?

Ich persönlich bin nicht als politischer, sondern als religiöser Flüchtling nach Deutschland gekommen. Auch flüchtete ich nicht nach 1975 aus Vietnam; ich verließ meine Heimat bereits am 22. Februar 1972 als Student in Richtung Japan. Ich habe daher in den letzten 30 Jahren keine direkte Beziehung mit meiner Heimat mehr gehabt. Ich ahnte damals beim Abflug vom Flughafen Tan Son Nhat der Hauptstadt Saigon nicht, dass ich irgendwann einmal nach Europa verschlagen würde.

Ich weiß nicht, ob diejenigen Deutschen, die früher ihr Land während der Zeit des Hitler-Regimes in Richtung Kanada, USA, Australien u.a. verließen, sich Gedanken darüber gemacht haben, warum sie ihre Heimat verließen und ob sie jemals wieder in ihre Heimat zurückkehren würden. Würden die sozialen Bedingungen am vorläufigen Wohnort ihnen später Schwierigkeiten bereiten, wenn sie nach Deutschland zurückkehren könnten? Solche Fragen können nur diejenigen Deutschen beantworten, die außerhalb ihrer Heimat leben. Ihren Landsleuten in Deutschland fehlt hierfür die nötige Erfahrung.

Nach der Teilung Deutschlands lebten noch viele Deutsche in osteuropäischen Ländern wie der Sowjetunion, der Tschechoslowakei

oder Polen. Diese Menschen und auch die Deutschen in der ehemaligen DDR wären gern im Westen gewesen, wo man weit mehr Freiheit als in den kommunistischen Ländern hatte. Auf Grund ähnlicher Beweggründe verließen mehr als eine Million Vietnamesen 1954 den Norden ihres Landes; in die umgekehrte Richtung zogen nur die Mitglieder der Kommunistischen Partei. Auch in Deutschland flüchteten viele aus dem Osten, um im Westen eine neue Existenz aufzubauen; und es gab nur ganz wenige, die vor 1989 freiwillig aus dem Westen in den Osten überwechselten. In der Regel handelte es sich bei diesen wenigen Leuten um überzeugte Kommunisten oder um Personen, die zuvor als Spione des DDR-Regimes im Westen tätig waren und somit nach ihrer Enttarnung im Osten auf Straffreiheit hofften.

Wie viele von denjenigen Deutschen, die vor 1945 ins Ausland geflüchtet waren, kehrten eigentlich später dauerhaft in ihre Heimat zurück? Ich selbst kann diese Frage nicht beantworten, doch die meisten Deutschen, die ich in den USA, Kanada und Australien traf, haben dort inzwischen ihre neue Heimat gefunden und denken auch nicht daran nach Deutschland zurückzukehren. Sie meinen, dass die Zukunft ihrer Kinder in ihren neuen Heimatländern liege; und außerdem gäbe es ihrer Ansicht nach dort mehr Freiheit und mehr Entwicklung als in Deutschland derzeit - und das, obwohl Deutschland in Europa zu den am weitesten entwickelten Ländern gehört! Auf die Ursache dieser Erscheinung werde ich im weiteren Verlauf meines Buches noch zu sprechen kommen.

Wenn ich über die erwähnten Deutschen im Ausland nachdenke, kommt mir das Schicksal der in Deutschland lebenden Vietnamesen in den letzten 25 Jahre in den Sinn, und ich mache mir über die Gemeinsamkeiten und Unterschiede der beiden Gruppen Gedanken, um Möglichkeiten zu finden, wie Deutsche und Vietnamesen einander besser verstehen und akzeptieren können. Wenn solche Wege nicht gefunden würden, gäbe es ständig Missverständnisse zwischen den beiden Volksgruppen, und sie würden vielleicht nur noch auf diplomatischer Ebene miteinander verkehren.

Viele Japaner - besonders Japanerinnen - ziehen es vor, sich dauerhaft im Ausland niederzulassen. Sie suchen dort die in der Gesellschaft verankerte Freiheit und die Gleichheit der Geschlechter. Diejenigen Japaner hingegen, die in der Heimat bleiben, akzeptieren die

alten Sitten und die Traditionen ohne jegliche Versuche, etwas zur Änderung der örtlichen Gegebenheiten zu tun. Ähnliches kann man auch bei vielen Deutschen beobachten. Diese sehen und beurteilen die Fremden in ihrem Land oft ohne Rücksicht und Nachsicht - ohne zu wissen, dass alle Menschen in derselben Umwelt leben, und dass es in der menschlichen Gesellschaft nicht bedeutet, dass die Stärkeren gegenüber den Schwächeren überleben.

In den letzten 25 Jahren konnten wir, die in Deutschland lebenden Vietnamesen, unseren eigenen Weg in diesem Land beschreiten; dafür müssen wir dankbar sein. Wir dürfen in Deutschland den Duft der Freiheit atmen; das ist auf Grund der Großzügigkeit der deutschen Regierung und des deutschen Volkes zu verdanken. Man hat uns, Menschen aus Asien mit anderer Hautfarbe, Sprache, Lebensweise, Tradition aufgenommen. Die Menschen der zwei Volksgruppen haben eigentlich nur eines gemeinsam: die Achtung vor der Freiheit. Wir Vietnamesen konnten und können in Deutschland ein friedliches Leben führen. Wir danken Deutschland dafür, dass es uns geholfen hat, ein erträgliches Leben zu führen - ohne jeglichen Druck wie in der Heimat. Gleichzeitig müssen wir aber auch für das deutsche Erziehungssystem dankbar sein. In den letzten 25 Jahren haben viele jungen Vietnamesen als Schüler, Studenten und Auszubildender die Schulen, Universitäten bzw. die Berufsschulen besuchen können. Viele von ihnen haben inzwischen ihre Ausbildung absolviert und arbeiten für das Land - als Dank für die ihnen hier ermöglichte Entwicklung und getreu nach dem Motto: „Genieße die Frucht mit dem Gedanken an den Pflanzenden!“ oder „Trinke das Wasser mit dem Gedanken an die Quelle!“ Diese vietnamesischen Sprichwörter sagen viel über die uns wichtige Dankbarkeit gegenüber der Gesellschaft aus. Hass soll negiert, und Dank soll gezeigt werden. In diesem Sinne sollen wir daran denken, dass die Freiheit, die heute in Deutschland existiert, ein Ergebnis der Arbeit deutscher „Generationen“ von Regierungen unter vielen Bundeskanzlern wie Adenauer, Brandt u.a. sowie des deutschen Volkes ist. Die Deutschen haben andere Erfahrungen als wir Vietnamesen gemacht; sie konnten mit fremder Hilfe die Unterdrückung überwinden und so die Freiheit gewinnen. Vietnam wurde zwar vereint, doch in einer Weise, die wir nicht akzeptieren

konnten und können. Die Kommunisten beraubten uns unsere Freiheit; deshalb mussten seit 1975 mehr als zwei Millionen Vietnamesen ihre Heimat verlassen. Anders formuliert: Wenn die Kommunisten in Vietnam nicht an die Macht gekommen wären, hätten auch keine Vietnamesen ihre Heimat verlassen müssen. So aber handelten Letztere wie früher diejenigen Deutschen, welche die Nazis unter Hitler nicht ertragen konnten und daher Deutschland fluchtartig verlassen mussten.

Im vorliegenden Buch werde ich einen gesonderten Abschnitt der Beziehung zwischen der Institution des deutschen Innenministerium und den in Deutschland lebenden Vietnamesen seit 1979 widmen, um so den deutschen Regierungen der letzten 25 Jahre unseren Dank für die Unterstützung der Integration der Vietnamesen sowie der Entwicklung der deutschen Abteilung der Kongregation der Vereinigten Vietnamesischen Buddhistischen Kirche und des Vereins der Vietnamesischen Buddhistischen Flüchtlinge auszudrücken - in der Hoffnung, dass die positive Beziehung in Zukunft auch weiterhin bestehen bleiben wird.

Am 2. April 1978 wurde in Hannover in der Eichelkampstraße die Buddha-Andachtsstätte Vien Giac zu Ehren Buddhas eingeweiht. Am 2. April 1988 feierten wir unser zehnjähriges Jubiläum in der Pagode Vien Giac gemeinsam mit unseren deutschen und vietnamesischen Gästen. Eigentlich sollte das 25-jährige Jubiläum in der nun in der Karlsruher Straße gelegenen Pagode Vien Giac am 2. April 2003 gefeiert werden, doch wir werden dies zwei Monate später tun um dann gleichzeitig das Jubiläum unserer Zeitschrift „Vien Giac“ feierlich zu begehen. Einen eigenen Abschnitt meines Buches werde ich der Entwicklung der Pagode und der Zeitschrift Vien Giac in den vergangenen 25 Jahren widmen.

Menschen haben die Angewohnheit, das Alte zu vergessen und nur das Neue zu suchen. Doch ohne das Alte kann es das Neue nicht geben. Deshalb schreibe ich dieses Buch, um die Arbeit der ersten Generation dauerhaft in Deutschland lebender Vietnamesen zu beschreiben, damit die jüngere Generation sie kennen lernt und in Erinnerung behält. Die Verantwortung der neuen Generation liegt im Aufbau einer Zukunft, welche auf der Vergangenheit basieren soll.

Normalerweise lernen die Älteren Neues nur sehr mühsam; sie leben mehr in der Erinnerung an die

Vergangenheit. Die Jüngeren dagegen sind anders: Sie streben nach dem Neuen und denken nicht viel an die Vergangenheit. Doch auch sie werden irgendwann alt. Dann werden sie das gleiche Schicksal wie ihre Vorgängergeneration erleben; auch ihre Generation wird dann der Vergangenheit gehören. Deshalb sage ich oft, dass jede Generation nur in der Lage ist eine Brücke zwischen der früheren und der jetzigen Zeit zu bauen. Wir können keine Brücke bauen, die von der Vergangenheit direkt mit der Zukunft verbindet. Wir können es zwar versuchen, doch werden wir sofort daran scheitern. Denn der Vorrat der Vergangenheit reicht nicht gleichzeitig für Gegenwart und Zukunft.

Jedes Jahr feiern wir verschiedene Jubiläen; Zeit und Geschehnisse gehen Hand in Hand. Im Jahr 2003 werden wir - wie bereits erwähnt - das Jubiläum des 25-jährigen Bestehens der Pagode begehen, denn die Pagode wurde am 02.04.1978 eingeweiht. Wir werden allerdings auf Grund des ebenfalls bald zu feiernden Jubiläums des erstmaligen Erscheinens der Zeitschrift „Vien Giac“ am 01.01.1979 mit einer gemeinsamen Feier im Juni 2003 beide Ereignisse gleichzeitig angemessen würdigen. Im Jahr 1978 wurde außerdem der Verein der Vietnamesischen Studenten und Flüchtlinge in Deutschland und im Jahr 1979 die Kongregation der Vereinigten Vietnamesischen Buddhistischen Kirche in Deutschland gegründet. Alle dieser Ereignisse werden wir gemeinsam im Jahr 2003 feierlich gedenken.

Alljährlich findet in der Pagode Vien Giac eine dreimonatige Klausur statt, die im Anschluss an das Vesakfest beginnt und nach dem Ullambanafest ihren Abschluss findet. Diese Klausur ist eine Zeit intensiver Übung für die Ordinierten. Sie üben sich in Ethik, Meditation und Philosophie, um sich der Tradition des Buddhismus entsprechend zu entwickeln. Auch während ihres Aufenthaltes in nichtbuddhistischen Ländern vernachlässigen die Ordinierten diese Zeit nicht, doch ist ihnen dies nur unter schweren Bedingungen möglich. Das Leben in der europäischen und in der US-amerikanischen Umgebung ist sehr komplex, doch die ihnen im Weg stehenden Hindernisse müssen von den Ordinierten überwunden werden. An jedem der 90 Tage der Klausur verbringt jeder Mönch und jede Nonne mindestens 4 Stunden in der Andachtshalle mit Niederwerfungen, Rezitationen, Meditationen, dem Aufsagen von Buddhanamen und Mantras. Einige Ordinierte praktizieren

zusätzlich weitere Stunden für sich allein. Darüber hinaus findet täglich ein eineinhalbstündiger Unterricht statt, und 3 bis 4 Stunden verrichten die Ordinierten ihre sonstigen Aufgaben. Während der Klausurzeit verbringen die Ordinierten also in der Regel mehr als 12 Stunden praktizierend. Diese Praxis ist sehr kostbar und soll auch in der Zukunft fortgesetzt werden.

Seit 1995 werfen wir Ordinierten in der Pagode Vien Giac uns vor jedem aus dem Parinirvana Sutra rezipierten Wort nieder. Bis zum Jahr 2002 haben wir auf diese Weise 500 Seiten klein gedruckten Textes gewürdigt. So kamen ca. 100.000 Niederwerfungen bisher zusammen. An jedem Abend werden 300 weitere Niederwerfungen vorgenommen. Am Ende dieser Art der Rezitation dieses Sutras werden es insgesamt 400.000 Niederwerfungen sein. Das Lotus Sutra mit seinen mehr als 70.000 Worten haben wir bereits in fünf Jahren mit Niederwerfungen gewürdigt. Seit 1984 praktizieren wir Ordinierten der Pagode Vien Giac auf diese Weise während der dreimonatigen Klausurzeit. Es handelt sich hierbei übrigens um eine sowohl von Ordinierten als auch von Laien angewandte Praxis.

Viele Leute fragen sich, warum man in der Pagode Vien Giac so aktiv ist. Nun, die Antwort ist sehr einfach: An diesem Ort gibt es viele Menschen, die sich viel Mühe geben, die viel lernen und die viel praktizieren; dabei werden sie in ihren Taten von Menschen und Übermenschen unterstützt. Die Pagode Vien Giac würde ihre Stärke verlieren, wenn die Mönche und Nonnen ihre Praxis und Studien vernachlässigen würden.

Jeden Tag nach der Morgenrezitation habe ich etwas Zeit, mich meiner Schreibe zu widmen. Ohne diese Klausurzeiten hätte ich nicht viel bewerkstelligen können. Die morgendliche Rezitation des Suramgama Mantra ist sehr wichtig. Deshalb habe ich sie seit meiner Ordination im Jahre 1964, also fast 40 Jahre lang, an keinem Morgen vernachlässigt - außer an denjenigen Tagen, an denen ich krank war. Doch letztere Tage in diesen 40 Jahren kann ich an meinen Fingern abzählen. Wenn ich irgendwohin fahre, um meiner geistlichen Arbeit nachzukommen, bemühe ich mich, diese Praxis auch außerhalb der Pagode nicht zu vernachlässigen. Nur wenn ich mich in einem Privathaushalt aufhalten muss, kann ich sie nicht immer durchführen. Das Suramgama Mantra ist wunderbar und stärkt die Praktizierenden, wenn sie Schwierigkeiten gegenüber stehen.

In der Pagode Vien Giac haben sich inzwischen mehr als 20 Ordinierte niedergelassen. Zehn Laien helfen ihnen bei ihren Arbeiten, und vier weitere Laien sind im Büro tätig. Ich danke allen diesen Menschen. Denn ohne die Ordinierten gäbe es keine Unterstützung für meinen eigenen Geist und kein Objekt meines Mitgeföhls. Ohne die Laien besäße ich keine Objekte meiner Widmungen an andere Menschen. Gerade das vorliegende Buch kam aus Dankbarkeit diesen Menschen gegenüber zustande, aber auch aus Dankbarkeit für die Unterstützung des Innenministeriums und besonders des Kultusministeriums der Bundesrepublik Deutschland. Die Arbeiten an diesem Buch vom Abtippen über das Übersetzen und das Korrigieren bis zur Layoutgestaltung erforderten viel Zeit und einen starken Willen. Ohne die Hilfe von Anderen konnte dieses Werk nicht entstehen.

Ich falte meine Hände zusammen, um so meinen Dank an die deutsche Regierung, das deutsche Volk und die vietnamesischen Buddhisten, die mir viel bei der Arbeit für die Pagode und für die Zeitschrift „Vien Giac“ geholfen haben, auszudrücken. Ohne diese Hilfe käme ich vor wie jemand, der sich ohne jegliche Ausrüstung auf hoher See befindet.

Ich bedanke mich für all diese Hilfe.

Thich Nhu Dien

(Fortsetzung folgt)

Impressum

**Congr. d. Verein. Vietn. Buddh. Kirche
Abteilung in der BRD
(gemeinnütziger Verein e.V)**

Die Zeitschrift der Vietnamesen und
Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in der
Bundesrepublik Deutschland

Verlag

c/o Viengiac Pagode,
Karlsruher Str.6, 30519 Hannover
Tel. (0511) 879630
Fax. (0511) 8790963

Homepage: <http://www.viengiac.net>
E-Mail : viengiacu@viengiac.net
E-Mail : baoviengiac@viengiac.de

Herausgeber :

Congr. d. Verein. Vietn. Buddh. Kirch e.V.

Redaktion :

Vietnamesisch-Buddhistisches Sozio-
Kulturzentrum in der BRD (VIBUS)

Erscheinungsweise : 6 mal jährlich

Diese Zeitschrift wird kostenlos verschickt.
Nachdruck nur mit schriftlicher Genehmigung
der Redaktion erlaubt.



Trang Hoa Phượng

BẦY GÀ RI

Hôm nay là ngày cuối năm, Mỹ Linh đứng ngồi không yên, cô muốn đi mua sắm vài thứ nữa cho đêm Giao Thừa. Bánh trái, hoa quả cho ra về Tết nhứt với người ta.

Nhưng bên cô, ba chàng "Ngự lâm con" đang bày trò chơi, cười giỡn, rượt bắt. Chán môn này chúng bày trò chơi môn khác, làm cô phát chóng mặt. Lúc đói chúng lại đòi ăn. Khi ăn xong chúng lại đòi coi phim hoạt họa. Thấy ba đứa con đang ngồi yên xem phim, Mỹ Linh ước hỏi thủ:

- Các con nè, mami cần đi siêu thị một chút, rồi mami về chơi với tụi con nhen!

Bé Thanh nhỏ nhất nói:

- Con muốn đi theo mami, con không chịu ở nhà đâu!

Được trốn, hai thằng anh nó, bé Trí (7 tuổi), bé Tâm (5 tuổi) cũng đòi theo mẹ.

Mỹ Linh chán nản:

- Thôi, ở nhà hết cho xong, đi với tụi con đã mệt mà chẳng mua được gì.

Ba đứa nhỏ cùng lên tiếng:

- Con đi với mami mà! Con đi... Con không chịu ở nhà đâu?...

Có tiếng chuông reo ngoài cửa, ba thằng bé định chạy ủa ra giành mở cửa. Mỹ Linh ôn tồn bảo:

- Các con không được tự ý mở cửa, không được ồn ào, người ta cười cho.

Chúng dừng lại, nhưng không chịu lui vào trong và cũng không dám đi ra cửa.

Người khách ấy không ai khác hơn là cô giáo Mai. Cô là người Việt Nam đang dạy trường Mẫu giáo tại vùng này.

Mai tánh tình vui vẻ, yêu nghề và rất chịu khó. Lúc mới đổi về đây, phụ huynh người Đức còn e ngại không dám gởi con, gởi cháu của họ cho cô. Là một thành phố nhỏ, họ nhìn cô với vẻ xa lạ, chắc cũng do mái tóc và màu da...

Nhưng rồi dần dần phụ huynh có dịp tiếp xúc với cô, họ lại có cảm tình. Từ tình cảm đi tới sự tin tưởng cũng chẳng bao lâu. Hiện nay lớp mẫu giáo do cô phụ trách đông hơn các lớp khác.

Mỹ Linh quen thân với cô Mai cũng nhờ hai đứa con nhỏ học với cô.

- Ô! Cô Mai, thế mà Linh tưởng khách nào chứ, mời chị vào...

Ba thằng nhỏ mừng rỡ chạy tới:

-Thưa cô ạ! Thưa cô, cô...

Trao chút quà cho các cháu, gọi là mừng năm mới. Chủ, khách bước hẳn vào phòng khách.

Mai lên tiếng:

- Ngày cuối năm, Linh có đi mua sắm gì không?

Linh trả lời:

- Muốn đi mua thêm một ít đồ, nhưng chị nghĩ coi. Với ba thằng con này, đi cả buổi cũng chẳng mua được gì.

Mai ngạc nhiên hỏi:

- Còn chồng em đâu?

- nh bận nhiều việc ở sở làm, chắc cố gắng lắm cũng phải tới tối nay mới xong việc.

Mai sốt sắng đề nghị:

- Hay là chị ở đây trông chừng các cháu, còn em cần gì thì cứ đi mua đi.

Linh tươi hẳn nét mặt, nhưng còn hỏi lại mới an tâm:

- Thiệt hà chị Mai? Em mừng quá, em mua xong sẽ về ngay.

Xoay qua ba thằng nhóc con, Linh căn dặn:

- Ba đứa con ở nhà với cô Mai - Ngoan, mami mua đồ chơi cho.

Ba đứa bu vào người cô Mai:

- Con chịu, con ở nhà với cô, nhưng cô đừng bỏ con ở nhà một mình nhen!...

Mai cười, vò đầu ba đứa bé:

- Các con ngoan quá. Cô thưởng cho mỗi đứa một cái bánh nè! Bánh này bình thường chúng chê không thèm ăn tới, nhưng bây giờ là bàn tay của cô giáo đưa cho. Chúng ăn một cách ngon lành.

Mỹ Linh rời khỏi nhà, còn mình cô Mai với ba đứa trẻ, cô mỉm cười trong ý nghĩ:

- Ba thằng này cũng dễ thương quá chứ. Mỗi đứa một nét. Đứa giống cha, đứa giống mẹ và thằng út giống cả hai. Hoàn cảnh mình và Linh hoàn toàn trái ngược. Linh muốn có một đứa con gái mà không được. Ba lần mang thai Linh đều hy vọng, nhưng rồi không được như ý muốn. Giờ này còn có người bàn với Linh nên sanh thêm một đứa nữa, nếu con gái thì mừng. Lỡ sanh con trai nữa thì cũng không sao. Tú quý còn gì hơn, giàu lắm.

Vợ chồng Linh cùng cười: "Giàu đâu không thấy, chỉ thấy thêm cực khổ thôi!".

Hoàn cảnh của mình Mai nghĩ mà buồn cho số phận. Chồng nàng là con một, trong gia đình khá giả, họ muốn nàng sinh con trai để nối dõi tông đường. Hai lần sanh trước là con gái, còn có ông bà nội vào nhà thương thăm cháu. Đến lần sanh thứ ba nghe con dâu sanh con gái nữa. Ông bà nội không vào thăm hỏi, sau đó cũng chẳng bao giờ bước tới nhà nàng. Khi đứa thứ ba lên năm tuổi, cha mẹ chồng của Mai buộc con trai họ phải ly dị với nàng. Cay đắng cho cuộc đời, nàng phải tìm con đường tự lập, nuôi con. Nàng chọn ngành giáo viên dạy mẫu giáo.

Cách đây vài hôm, chồng nàng điện thoại xin cho ba đứa con gái về thăm ông bà nội và ăn Tết bên đó. Mai miễn cưỡng chấp thuận vì dầu sao con cái cũng cần có tình thương của ông bà.

- Cô Mai ơi! Cô Mai... mở phim hoạt họa cho con coi đi.

- Cô Mai lấy nước cho con uống.

- Cô Mai kể chuyện cho con nghe!...

Cô Mai cười và ôn tồn:

- Từ từ nhé, trước hết cô lấy nước cho các con uống, rồi cô kể chuyện cho các con nghe được không?

Tiếng "dạ" cùng một lúc của ba đứa trẻ làm cho cô rất hài lòng. Cô bắt đầu câu chuyện.

Mai hỏi ba đứa:

-Hôm nay là ngày gì, Các con biết không?

Ba gương mặt ngây thơ ngược nhìn cô. Mai nghĩ rằng mình hỏi vậy làm sao chúng trả lời được nên cô tiếp:

- Hôm nay là ngày cuối của năm Giáp Thân.
 - Giáp thân là gì cô Mai? Bé Trí hỏi.
 - Giáp là... (ngập ngừng) cô không giải thích được, lớn lên các con sẽ hiểu. Còn Thân là con Khỉ. Hôm nay là ngày cuối của con khỉ.
 - Bé Thanh Mai lanh lợi:
 - A! con khỉ, con biết. Nó vội đứng lên vượt khỏi vòng tay cô giáo, chạy lại túm mở cửa lấy ra một quyển sách có hình các con thú, chỉ cho cô giáo:
 - Con khỉ này phải không cô Mai?
 - Ồ! Đúng rồi, con giỏi quá.
 Được khen, bé Thanh vui vẻ miệng cười luôn.
 Cô Mai tiếp tục câu chuyện:
 - Ngày mai là ngày đầu năm, tên năm Ất Dậu, con Gà.
 Ba đứa trẻ cùng ò lên "Con gà". Bé Trí nói:
 - Hồi qua, mami cho chúng con ăn thịt con gà, phải con gà đó hả cô Mai?
 - Con nói đúng, nhưng gà có nhiều loại, nhiều giống như: gà Tàu, gà lôi, gà nòi, gà tre, gà ri v.v...
 - Bây giờ cô kể chuyện hai con gà ri của cô nuôi hồi cô còn nhỏ cho các con nghe nhé.
 - Dạ... dạ...
 "Ngày xưa, cô tuổi bằng bé Trí, má cô nuôi thật nhiều gà, nhiều lắm. Trong số đó có một cặp gà ri nhỏ bằng nắm tay, của người bà con cho".
 Trí hỏi: - Gà ri là gà gì hở cô Mai?
 Cô quên giải nghĩa cho các con biết: "Gà ri là loại gà nhỏ con, lông màu trắng. nuôi cỡ bốn, năm tháng mà nó chỉ lớn bằng nắm tay thôi".
 Ba thằng bé mau mắn chìa bàn tay nhỏ xíu của mình hỏi cô Mai:
 - Bụng bằng tay con không?
 Mai cười: - Nắm tay của tụi con nhỏ quá. Chúng bằng nắm tay của cô đây nè!...
 - Rồi sao nữa cô Mai?
 "Cô thương hai con gà này lắm, cô nuôi riêng trong cái chuồng nhỏ, vì sợ các anh chị gà khác giống lớn con ăn hiếp. Thỉnh thoảng cô mới thả chúng ra, nhưng phải đi theo để trông chừng. Đặc biệt của giống gà ri là con trống và con mái đi đâu cũng cùng đi có đôi, ít khi nào đi riêng rẽ một mình.
 Đến lúc anh chị gà ri lớn lên, gà trống ri biết gáy và gà mái ri tìm ổ để đẻ trứng, thì anh gà trống đi tìm mồi về cho gà mái ăn. Chờ gà mái đẻ trứng xong, bay xuống đất thì anh chị gà dung dăng, dung dè đi ra vườn cào bươi các gốc cây để tìm mồi.
 Trứng gà ri rất nhỏ (lớn hơn trứng chim một chút) màu trắng, trông thật dễ thương. Mỗi ngày gà ri mái đẻ một trứng. Đến lúc trong ổ được 10 trứng thì gà mái ngưng đẻ, nó nằm luôn trên ổ để ấp trứng, thỉnh thoảng mỗi ngày đôi lần nó rời ổ một lát rồi trở lại. Còn gà ri trống trong thời gian gà mái nằm ổ ấp trứng thì anh ta đi tìm mồi, khi no dạ thì anh ta trở về lẩn quẩn bên cạnh ổ để bảo vệ nàng gà ri. Đến chiều thì anh lên ổ cùng nằm chung để ấp trứng.
 Hơn 20 ngày sau, những trứng gà ri nhỏ bé kia nở thành gà ri con, chúng kêu chíp chíp. Hôm sau gà ri mái rời khỏi ổ. Anh chị gà này cùng với 10 chú ri con trắng trẻo, xinh xắn đang đi ngoài sân. Dẫn đầu là gà mái ri, bầy con và anh trống ri lúc nào cũng đi sau cùng, sẵn sàng bảo vệ đàn con. Đôi khi nghe tiếng động, anh chị gà ri cùng một lúc dang đôi cánh sát bên nhau và các chú ri con cùng chui vào đó trú

ẩn. Một gia đình dòng họ gà ri trông thật vui vẻ và hạnh phúc.
 Kể đến đây cô Mai nhìn lại ba thằng bé, cô mỉm cười "ngủ hết rồi". Sợ gây tiếng động nên Mai nhẹ nhàng đứng dậy, sửa lại thể nằm cho hai thằng nhỏ, còn bé Trí thì đã ngủ trong tư thế thoải mái rồi.
 Ngoài trời, lát phát từng cụm tuyết rơi, chắc lạnh lắm. Đêm nay ba thằng bé này mặc sức ra sân đốt pháo với cha mẹ chúng. Cô chợt nghĩ đến ba đứa con gái của mình đang ở bên ông bà nội, chúng có được vui vẻ và hạnh phúc như vậy không?
 Tiếng mở khóa ngoài cửa, Mai bước ra.
 - Mỹ Linh về đó hả?
 Linh lên tiếng:
 - Gửi con cho chị mình không an tâm chút nào. Chúng nó có quậy phá lắm không chị Mai?
 - Có gì đâu Linh, mình kể chuyện chưa tới đoạn kết thì chúng đã ngủ hết rồi.
 - Vậy thì hay quá, bây giờ ba đứa ngủ hết, hy vọng tối nay chúng thức để đốt pháo.
 Nói đến đây, day qua nhìn Mai, Linh đề nghị:
 - Chị Mai ơi, mình mua đồ ăn nhiều lắm, chị có thể ở lại giúp Linh nấu nướng, rồi tối nay mình cùng đón giao thừa, được không chị?
 Mai mỉm cười trả lời:
 - Cũng được... nhưng... nhìn hạnh phúc của gia đình Linh, mình làm sao vui được.
 Linh nhìn Mai với tấm lòng chân thành:
 - Chị Mai à! Em nói ra nếu có sai chị đừng giận nhé. Chị còn trẻ, có thể "bước thêm bước nữa" mà!...
 Mai cũng thành thật:
 - Sở dĩ mình chưa nghĩ tới người khác, vì Mai muốn các con của mình có một người cha. Câu "Con không có cha, như nhà không có nóc", Linh quên sao!...
 - Nhưng chồng của chị đã có vợ khác rồi mà!
 Mai cười:
 - Anh ấy nghe lời cha mẹ cưới vợ khác đã lâu rồi và sau đó anh cũng nghe lời cha mẹ nên đã ly dị với người ấy hơn nửa năm nay rồi Linh ạ!
 Linh ngạc nhiên, chưa kịp hỏi lý do thì Mai nói tiếp:
 - Ly dị vì cô ta không có con.
 Linh thì thầm:
 - Không có con gái cũng buồn. Không sanh con trai đặt nôi đôi tông đường cũng khổ. Không có con lại còn khổ hơn. Bỗng Linh hỏi Mai:
 - Phải chị chờ đợi có ngày anh ấy trở lại với chị không?
 - Mai cười đáp:
 - Hy vọng như vậy - chờ xem!...
 Bên ngoài trời đã tối, đâu đây có vài tiếng pháo nổ rời rạc. Mọi người đang chờ đón giao thừa, sang năm mới đời sống sẽ tốt đẹp hơn.

Willich cuối năm 2004.
 • Hồng Nhiên

CHÙA TỎ

Năm nay tôi chợt có ý định về đón Tết tại chùa Viên Giác thay vì ở tại địa phương như thông lệ hàng năm. Có lẽ tôi muốn chứng kiến không khí ngày đầu năm trên chùa lớn cũng như cảnh nhộn nhịp của đêm giao thừa mà các bạn tôi

thường kể. Và nhất là mong nhận được lộc nơi chư Tôn Đức để lấy hên trọn năm. Sau nữa là năm mới học hạnh của Đức Phật Di Lặc để tập nở nụ cười hỷ xả khi gặp những người thân lẫn không thân.

Chiều 30 Tết, thời tiết thật lạnh nhưng buổi sám hối cuối năm tại chánh điện chùa vẫn đầy người. Thế mới biết là Phật tử ai cũng đều cầu sám hối để mong tội chướng tiêu trừ, để năng lực tinh tấn phát sanh, trong kinh có nói *mang tâm sám thì tội liền tiêu*.

Quả đúng như lời kể của các bạn tôi về ngày Tết trên chùa Viên Giác: Khách thập phương tấp nập về chùa dâng hương lễ Phật, khói nhang nghi ngút, tiếng lâm râm khẩn vái hòa cùng với tiếng lắc xăm, tiếng chào hỏi, tiếng cười nói... tạo nên cảnh vui nhộn của ngày 30 Tết. Đúng 12 giờ đêm đón giao thừa theo nghi thức cổ truyền Phật giáo, chúc tụng rồi xếp hàng để nhận lì-xì nơi quý Thầy. Nhưng Phật tử vẫn thích chen lấn vì năm mới chen để nhận được lộc mới vui!

Riêng tôi vui vì gặp được bạn, năm mới chúng tôi vừa thường thức các món chay của chùa vừa hàn huyên tâm sự. Nói chuyện mới biết mỗi năm bạn tôi mỗi về Viên Giác đón giao thừa, bạn tôi còn nói: *Viên Giác là chùa Tổ ở Đức, Phật tử thuần thành nếu có cơ hội thuận tiện nên cố gắng về lạy Phật, đánh lễ Thầy Tổ những ngày đầu năm*.

Nghe bạn kể tôi chợt hiểu, mấy ngày nay ở chùa tôi đã chứng kiến cảnh các Đạo hữu, Phật Tử, các Chi Hội, các Gia Đình Phật Tử, các Huynh Trưởng, quý Thầy Cô ở xa đã lần lượt về chùa lạy Tổ, vấn an đánh lễ Thượng Tọa Phương Trượng. Tuy những ngày đầu năm quý Thầy Cô rất đa đoan Phật sự tại địa phương, quý Phật tử bận bịu công ăn việc làm trong tuần... Bây giờ tôi mới hiểu tại sao chùa Viên Giác được gọi là chùa Tổ. Phạm là tại gia hay xuất gia: *Bốn phận làm con 3 ngày Tết phải ráng thu xếp về chùa Tổ thăm Thầy, đánh lễ Tổ Tiên mới trọn đạo hiếu*.

Về chùa ngày đầu năm tôi đã nhìn thấy tận mắt những tấm gương quý, những hạnh nguyện cao cả của chư Tăng Ni: 9 giờ sáng Mồng Một Tết trong chánh điện, trước tôn tượng Đức Bổn Sư đã thấy Thượng Tọa Phương Trượng ngồi đấy, trong tay cầm những bao lì-xì chuẩn bị phát cho Phật Tử, đứng hầu bên cạnh là Đại Đức trụ trì.

Nhìn cảnh này tôi liền nhớ ông bà ta thường nói: Dù cho con cái có lớn khôn, làm ông này bà nọ nhưng khi về nhà vẫn là đứa con bé bỏng của cha mẹ. Gương Thầy trụ trì đứng hầu Thầy Tổ đã nói lên chữ Hiếu của người con Phật. Tôi cảm động cố gắng ghi nhớ vì đây là hình ảnh rất đẹp của ngày đầu xuân.

Ngày Hội Pháp Hoa chư Tăng Ni và Phật Tử đã hành hạnh cúng dường bằng tịnh tài, hình tượng, kinh sách đến đại chúng tham dự. Thầy trụ trì đã thể hiện tâm bình đẳng bằng cách đích thân đi đến từng người để trao tặng phẩm vật cho đúng với 3 nghĩa của sự cúng dường là: *Người cúng dường, Vật cúng dường và Người nhận*. Được biết đây là số tịnh tài Thầy đã được Phật tử dâng cúng trong năm. Thầy đã để dành và làm quà tặng đại chúng trong Hội Pháp Hoa này.

Tết năm nay là một cái Tết đặc biệt và có ý nghĩa đối với bản thân tôi. Tôi đã biết tìm về chùa Tổ trong 3 ngày Tết. Như cây có cội nước có nguồn: *Về chùa Tổ tức là về với nguồn gốc, Tổ Tiên của chính mình vì chùa Tổ là biểu tượng của quê hương, là mảnh vườn tâm linh, là mái ấm của những người con xa nhà*.

• **Thiện Hạnh**

Thơ



Cúng dường

*Đốt một nén tâm hương
Lòng thành em tưởng Phật
Đấng của sự nhiệm màu
Của yêu thương toàn vẹn
Của vũ trụ bao la
Chúa đấng được tất cả
Lạy Đức Phật kính thưởng
Ngài đã vun bón em
Thành trái tim rộng mở
Em xin được sống nguyện
Yêu mọi người mọi loài
Với hạt giống tử bi
Của yêu thương hiểu biết
Mà Phật đã gieo trồng
Tuổi tằm lên tất cả
Trên mặt trái đất này
Hoa tình thương sẽ nở
Ngập đầy cả núi sông
Không còn cảnh tù đày
Không còn sự khổ đau
Không còn cảnh chia rẽ
Sống niềm vui hợp vầy
Tử cảnh cây ngọn cỏ
Tử chim chóc muôn loài
Đều nhịp khúc ca vang
Sống trong cùng hạnh phúc
Ta Bà thành Tịnh Độ
Em xin được cúng dường
Hoa thơm của tình thương
Lên Mười Phương Chủ Phật*

• **Tịnh Bình**

ƯỚC MONG CỦA BÉ

*Người em yêu thương nhất
Sau ba má của em
Là mấy thầy cô giáo
Dạy vỡ lòng, tiếp liền.*

*Sau này khi em lớn
Lúc chọn học chuyên môn
Em lựa ngành mẫu giáo
Để dạy các mầm non.*



Theo gương các thầy cô
Chăm sóc đám trẻ thơ
Dem tình thương, kiến thức,
Chia sẻ cho học trò.

Mỗi tối em cầu nguyện
Xin các đấng thiêng liêng
Giúp em thành má nhỏ
Chăm bầy trẻ ngoan hiền.

Dạy chúng thành trò giỏi
Biết vâng lời mẹ cha
Lớn thành công dân tốt
Xây dựng nước non nhà.

• **Đồng Châu**

(viết thay cho Bé)

Toronto, tháng mười 2004

Chúc mừng tuổi mới tám

biết rằng
18 - tuổi ngang,
ương ương... ẻnh ẻnh
thật càng khó thương!

biết rằng
18 - lừng khừng,
nửa ra người lớn
nửa còn trẻ con!

cũng là
18- tuổi yêu,
vòng tay mở rộng
với nhiều tình thơ!

cũng là
18- tuổi mơ,
cho cây lá mượt
lửng lơ hương nồng!

cũng là
18- tuổi hồng,
sắn bầu nhiệt huyết
chung lòng đấu tranh!

• **T.Lê**



Quà Xuân

Mỗi khi đón xuân về
Mẹ mua quà tặng bé
Hai tấm áo xinh ghê
Cùng đôi "hia" be bé...



Năm nay Xuân lại về
Áo in hình chú "Kê"
Dưới bàn chân mồm mĩm
Màu "gan gà" hết chề ...

Tung tăng bé vào lớp
Xung quanh chúng bạn cười
Trăm hoa khoe màu sắc
Đón mùa xuân thắm tươi

Giờ đầu năm vui lắm
Bé giở tay trả lời
Cô cười tươi tặng bé
Điểm mười màu đỏ tươi



Đêm ba mươi đủ mặt
Mọi người hân hoan cười
Khi đến lượt bé hát
Bài ca "gà" líu lo...

• **Nguyễn Minh Hiền**
(Chùa Viên Giác - Vườn Xuân)

Những ngôi chùa trong lịch sử Phật Giáo Việt Nam

• **Đời Trần**

Chùa, đền, đình, miếu, lăng tẩm v.v... là những tài sản vô giá mà cũng là niềm tự hào của dân tộc do Tổ tiên ta đã tốn biết bao nhiêu công sức, trí tuệ, tiền của để tạo dựng nên trong quá trình lịch sử. Từ buổi bình minh khai sơn dựng nước và giữ nước, chúng ta đã thấy ngay ở thế kỷ thứ III trước công nguyên trên đất nước ta đã xuất hiện những công trình kiến trúc kiệt xuất, có qui mô to lớn. Đời Lý, Trần, Lê,



Chùa Dàn (Phước Quang Tự)

Mạc, Trịnh đến Nguyễn v.v... Các vị vua, chúa, quan, thần đã theo tôn chỉ giáo pháp của đạo Phật làm cẩm nang để lo dân, trị nước nên quốc thái, dân an, mọi người sống trong thương yêu, đùm bọc hài hòa.

"Nhiều điều phủ lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng".

Đời Trần, Phật giáo vẫn phát triển trong sự dung hợp với Nho giáo. Các Thiền phái trước đó vẫn phát triển cho đến lúc Trần Nhân Tông sáng lập ra Thiền phái Trúc Lâm, thống nhất Giáo Hội Phật Giáo thời Trần.

Thái Tông Trần Cảnh đã để tâm sức nghiên cứu Phật học, nhà vua đã có những tác phẩm nổi tiếng như: *Thiền Tông Chỉ Nam, Khóa Hư Lục*... Ông còn có khuynh hướng dung hòa Tam giáo, tiếp tục truyền thống của Thiền phái Vô Ngôn Thông và tiếp thu ảnh hưởng của Thiền phái Lâm Tế. Nhân Tông Trần Khâm, người anh hùng của hai cuộc kháng chiến chống Nguyên 1284-1285 và 1287-1288 cũng là người thông hiểu việc đạo. Năm 1293 ông nhường ngôi cho con là Anh Tông. Năm 1299, ông chính thức xuất gia, tu ở núi Yên Tử, lấy pháp hiệu là "Hương Vân Đại Đầu Đà Trúc Lâm Đại Sĩ" vân du và mở khóa giảng đạo khắp nơi trong nước, có lúc sang tận Chăm Pa (Chàm).

Hai vị Tổ kế tiếp của Thiền phái Trúc Lâm là Pháp Loa và Huyền Quang đã được giới quý tộc ủng hộ, cho nên nhiều chùa, tháp được xây dựng. Tiêu biểu là hai khu chùa lớn Báo Ân (Siêu Loại) và Quỳnh Lâm.

Từ Nhân Tông đến Pháp Loa vào cuối thế kỷ thứ XIII, nước ta đã tiến hành in *Kinh Đại Tạng* sau khi thỉnh được bộ kinh này ở nhà Nguyên đem về. Kinh được in hơn 500 quyển, hoàn thành năm 1319, cất giữ ở viện Quỳnh Lâm.

Xét qua lịch sử cho chúng ta thấy được vị trí ngôi chùa trong đời sống tinh thần của dân tộc. Ở Việt Nam, lịch sử Phật Giáo có mối quan hệ gắn liền với lịch sử tư tưởng và lịch sử văn hóa, không phải bởi sự xuất hiện sớm của đạo Phật, mà cái chính là ở sức sống lâu bền của đạo Phật trong suốt hơn hai nghìn năm nay.

Tục ngữ Việt Nam có câu: *"Đất vua, chùa làng, phong cảnh Bụt"* là một nét nhận thức sự gắn gũi của ngôi chùa trong đời sống tinh thần của người dân từ thành thị tới thôn quê. Lệ tục dân gian có việc đón Tết, mừng nhà mới, thì nhà chùa cũng vậy. Không những thế, mỗi dịp khánh thành, tôn tạo một ngôi chùa, đúc chuông mới, xây tháp, rước tượng về thờ, trồng cây lưu niệm... Tất cả đều có những lễ hội kèm theo, tạo cho mọi người sự náo nức vui mừng đến chùa rước lễ, cúng Phật, viếng cảnh, hái lộc, xin xăm v.v... Tâm thành cầu xin đức Phật gia hộ, trút bỏ những bất trắc, không may của năm cũ và đón chờ năm mới với những ước mơ an khang, thịnh vượng. Đối với thanh niên, thiếu nữ đang tuổi cập kê, nhân cơ hội này hy vọng gặp duyên may sẽ có đôi, có bạn, xây dựng hạnh phúc tương lai để cùng nhau đi trên đường đời. Lệ tục này không những bây giờ mới có mà từ xưa đã có. *"Vui như thấy hội chùa"* dân gian đã thừa nhận như thế.

Đó là một mỹ tục văn hóa có tính chất toàn xã hội. Đạo Phật cao siêu, nhưng cũng rất gần gũi với mọi người.

Nói về lễ hội, chẳng hạn ở thời Lý, năm 1118, nhà vua mở hội "Thiên Phật" để khánh thành chùa Thăng Nghiêm Khánh Thọ. Năm 1121 mở hội khánh thành chùa Báo Thiên, năm sau mở hội khánh thành bảo tháp Sùng Thiện Diên Linh ở Đệ Sơn. Năm 1040 mở hội La Hán, làm lễ khánh thành việc tạc hơn 1000 tượng Phật, vẽ 1000 bức tranh Phật và làm hơn 10.000 lá phướn.

Việc tôn tạo mái chùa, cổng tam quan, trang trí cây cảnh, bổ sung các tự khí, pháp khí cho chùa đẹp và trang nghiêm hơn, là tâm nguyện của hàng Tăng Ni, Phật tử. Ở một số nhân vật có tước bậc, phẩm hàm cao trong nhà nước phong kiến cũng có những cử chỉ đáng trọng. Ở thời đại Lý - Trần, vua và đại thần xuất gia nghiên cứu kinh Phật, tạo lập tông phái, truyền giảng đạo pháp, bỏ tiền riêng dựng chùa, xây tháp, đã nêu gương cho các vị đời sau, ngay cả khi Phật giáo không còn là vị trí quốc giáo.

Nhắc lại thời Lý theo câu chuyện của nàng Man Nương như đã nói ở 2 số báo Viên Giác trước. Khi xẻ cây ra thấy trong đó có 4 danh hiệu: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện.

Pháp Vân (tức bà Dâu thờ ở chùa Thiên Định), Pháp Vũ (tức bà Đậu thờ ở chùa Thành Đạo).

Pháp Lôi: (tức bà Tướng thờ ở chùa Phi Tướng). Phi Tướng còn gọi là chùa Pháp Lôi, nằm ở góc Tây Nam thành Luy Lâu thuộc thôn Lũng Triều, xã Thanh Tương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Trải qua nhiều thế kỷ thăng trầm, chùa bị phá hủy bởi phong ba, chiến tranh và loạn lạc, nên chỉ còn lưu giữ lại được hai tấm bia và một tấm khắc có nội dung nói về việc hưng công xây dựng các thành phần kiến trúc của chùa. Trên các tấm bia cũng có ghi tên họ, quê quán và số tiền của những người hảo tâm đã đóng góp cho việc xây dựng chùa.

Pháp Điện: (tức bà Dàn thờ ở chùa Phương Quang) . Pháp Điện có tên là Phương Quang tự, tọa lạc ở xã Chí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Chùa nằm gần chùa Dâu ở cố đô Luy-Lâu, được xây dựng vào những thế kỷ đầu công nguyên cùng thời với chùa Dâu. Chùa đã được trùng tu nhiều lần nên đến nay vẫn còn.

(Tham khảo và sưu tầm từ các sách Danh lam cổ tự, Đình chùa, lăng, miếu nổi tiếng tại Việt Nam).

• **Thiền Căn Phạm Hồng Sáu**



Thương Xuân



● Trọng

"Mẹ ơi! Hoa cúc hoa mai nở rồi!
Giờ đây con còn lênh đênh
Đồi cao gió lộng ngày đêm bạt ngàn
Áo trận sờn vai bạc màu
Nhìn xuân về mà lòng mênh mang..."

Lời ca của bài hát "Mùa Xuân Cho Mẹ", thật chứa chan nỗi lòng của người lính trận thời chiến phải đón xuân nơi vùng binh lửa. Chỉ mong gìn giữ sự yên lành chốn hậu phương, nên dù mùa xuân đến, cũng không thể nào về nhà thăm mẹ già, thăm người thân. Còn bây giờ, giai đoạn đó đã trôi qua, nhưng biết bao nhiêu người con Việt lại không được hưởng mùa xuân trên quê hương mình, bởi nhiều hoàn cảnh khác nhau... Trần cũng vậy, đến mùa xuân này nữa là lần thứ 16 đón xuân tha hương. Trần chỉ còn để hồn mình hướng về nơi xa xôi đó với bao kỷ niệm của các mùa xuân xưa...

Hay thật đấy! Việt Nam ta có phong tục cứ đến ngày 23 tháng chạp, nhiều gia đình đã làm lễ tiễn đưa ông bà thần Táo về châu trời. Cũng vào ngày này, chị Thanh hay phụ mẹ dọn chiếc mâm nhỏ, trên có bày nhiều thứ hoa quả, đặc biệt là một loại giấy tiền vàng bạc, cùng cuộn giấy (món hàng đó chỉ bán vào dịp tiễn đưa Thần Táo cuối năm thôi). Trong ấy có vẽ hình con cò, hoặc con ngựa hoặc lá cờ thật đẹp, cùng với lời rao rộn ràng khắp khu chợ: "Cò bay hoặc cờ bay ngựa chạy đưa ông Táo về trời đây...". Khiến cho bé Lý, đứa em út của Trần vừa lên sáu tuổi, nó thắc mắc hỏi:

- Mẹ ơi! Ông Táo là ai vậy mẹ? Mà ai cũng phải tiễn ông và ông sẽ đi về đâu vậy?

Mẹ Trần giải thích:

- Ông Táo là ông thần trong nhà bếp, ông lo canh chừng khói lửa khi nấu ăn. Hàng năm, ông trở về trời để tấu trình lên Ngọc Hoàng các việc đã làm của gia đình mình đang cư ngụ như: những việc làm hiền đức cùng những việc làm sai trái của người lớn. Còn trẻ con, ai ngoan hoặc không ngoan đều được nói đến. Rồi Ngọc Hoàng sẽ xét xử có khen

thường nữa đấy! Tức là con sẽ được khỏe mạnh, học giỏi cùng may mắn trong năm mới.

- Mẹ ơi! Ông ấy có hình dáng ra làm sao hả mẹ?

- Ủ! Mẹ sẽ giải thích sau cho con biết nghe! Bây giờ mẹ bận lắm!

Thấy vậy, Trần vội vàng đỡ lời cho mẹ, vừa có ý trêu bé Lý một chút cho vui, Trần bảo em:

- Lý đến đây! Anh cho em xem hình ông Táo nè! Ông trông giống bé Lý lắm! Ông cũng thích mặc áo dài, cái quần ngắn ngắn và cũng thích mang đôi giày to tổ bố hơn bàn chân mình!

Biết anh trêu mình, nhưng tính của Lý khi muốn biết điều gì, thì không bao giờ chịu để thắc mắc đó ở trong lòng mãi. Nên Lý chạy đến bên, để cùng xem tấm ảnh trong trang báo nơi tay anh. Một họa sĩ nào đó vẽ hình một người đàn ông mặc quần áo như anh Trần đã tả, đầu ông còn đội một cái mũ có miếng vải chia ra hai bên như cánh con chuồn chuồn, tay ông cầm một cuộn sớ thật dài, trên đó có ghi đầy chữ. Bé Lý hiểu rằng: Đó là những điều ông muốn tấu trình. Rồi bé cười tươi, khi nhìn đến giày của ông...

Thường lệ bé Lý phải đi ngủ sớm, vậy mà một tuần sau ngày lễ đưa ông Táo về trời thì đến ngày đón Giao Thừa, ba mẹ lại bảo bé thức khuya để cả nhà cùng dự lễ cúng cuối năm. Bé Lý thắc mắc hỏi:

- Mẹ ơi! Đêm Giao Thừa là gì vậy mẹ?

Mẹ vuốt đầu bé và giải thích:

- Chữ Giao có nghĩa là trao cho ai một vật gì hay dời một thứ gì từ nơi này đến nơi khác. Còn chữ Thừa có nghĩa là đón lấy một cái gì hay đón nhận điều gì. Nên đúng 12 giờ khuya ngày cuối cùng của một năm đã trôi qua, Việt Nam mình có tục lệ sẽ tiễn đưa năm cũ đi, rồi đón năm mới đến. Đêm đó gọi là đêm Giao Thừa

- A! Hay quá! Giống như mỗi khi biết có khách sẽ đến thăm, thì mình chuẩn bị đón khách, rồi khi xong buổi trò chuyện, khách về thì mình tiễn phải không mẹ?

- Giỏi! Lý hiểu đúng rồi đấy!

Trong mấy ngày Tết. Người lớn sẽ đến thăm viếng, chúc Tết nhau. Trẻ con thì chúc tuổi người lớn và sẽ được tiền lì-xì, nên mấy đứa nhỏ mừng nhất, vì đến đâu cũng có ít nhiều món quà này. Gia đình Trần đông họ hàng, vì thế phải phân công nhau trông chừng nhà để ba mẹ đi thăm, nếu có khách đến cũng có người ở nhà tiếp. Đến lượt Trần nhận nhiệm vụ này, vậy mà chẳng hiểu sao, hôm nay bé Lý lại đòi ở nhà với anh. Hiện tượng này hơi lạ đấy, mấy chị bảo đùa:

- Thấy bé Lý được nhiều tiền lì-xì quá rồi, nên không đi chúc Tết nữa à? Một năm chỉ có một lần thôi đấy nhé!

"Lý". Đúng như cái tên của bé. Nó rất hay lý sự, nó trả lời:

- Bé Lý không có tham tiền như vậy đâu! Hôm nay Lý bận, không đi được

Ở chung nhà, ai cũng hiểu những "cái bận trẻ con" của Lý, biết rằng không có gì rắc rối lắm. Lý vẫn thường không chịu "bật mí" điều gì trước, nhưng không sao đã có người lớn bên cạnh trông chừng.

- Thôi Lý ở nhà. Còn Trần hôm nay chịu khó làm thầy giáo dạy "hồ" một bữa, phải chiều học trò một chút nhé!

Sau khi cả nhà ra đi. Bé Lý ngồi xem truyền hình, còn Trần thì đọc báo. Không khí có vẻ trầm xuống sau bao ngày náo động bởi tiếng pháo Tết và sự vắng mặt nhiều người trong gia đình, Trần yên chí mình sẽ đọc được nhiều trang

báo, nhưng chẳng được bao lâu, vì có tiếng gọi cửa, giọng của một bé gái:

- Lý ơi! Lý có nhà không Lý?

Thì ra bé Sinh, cô bạn thân cùng xóm lại cùng học lớp mẫu giáo với Lý. Bây giờ thì Trần đã hiểu rõ cái "bạn" của bé Lý: Bé có hẹn với bạn nhá!

Hai đứa ngày nào cũng gặp, vậy mà chúng làm như đã xa nhau lâu lắm rồi. Ôm lấy nhau mừng tíu ta tíu tít trò chuyện, rồi đem tiền lì-xì ra đếm với nhau, còn bàn sẽ mua thứ này thứ nọ cho năm học sắp đến khi vào lớp một. Trần vừa nằm xem báo vừa nghe chúng nói chuyện mà cũng vui lây theo bọn nhóc. Sau đó Lý hỏi bạn:

- Sinh có thích ăn dưa hấu không?

- Ừ thích chứ!

- Để Lý nhờ anh Trần cắt dưa cho tụi mình ăn chung nhé!

- Anh Trần ơi! Tụi em thích ăn dưa hấu, cả ba anh em mình cùng ăn cho vui nhé!

Trần cắt dưa ra làm nhiều miếng nhỏ, màu sắc đỏ của ruột dưa cùng với những giọt nước hồng trông đẹp lắm, ăn vào ngọt lịm. Bỗng bé Sinh hỏi:

- Anh Trần ơi, em thấy ngày nào ở chợ cũng có bán dưa hấu, nhưng Tết thì họ bán nhiều hơn. Nhà anh cũng mua dưa để chưng trên bàn thờ, nhà em cũng vậy. Trái dưa "quý" lắm sao, mà chỉ cúng trong dịp Tết?

Trần nghe câu hỏi trên, chợt nghĩ: Sao mà mấy đứa con nít bây giờ hỏi nhiều câu có lý có lẽ quá. Còn hai con bé này, gia đình Trần vẫn thường đùa gọi là Bé Lý và bé Sự (chứ không là Sinh), vì mỗi lần nghe chúng nó nói chuyện, bao nhiêu vấn đề cần giải quyết. Chẳng biết chúng đã hỏi mẹ như câu như "Ai đẻ ra mẹ?". (Thế nào mẹ cũng phải trả lời do ông bà ngoại) và những câu hỏi kế tiếp chắc lại là: "Ai đẻ ra ông bà ngoại, ai đẻ ra ông bà cố, ai đẻ ra ông bà... tiếp theo dài dài...".

Trần vừa dọn bớt vỏ dưa trên bàn vừa tìm câu trả lời cho phù hợp với lứa tuổi hai nhóc tí.

- Thế các em có nghe chuyện sự tích quả dưa hấu chưa nào?

Vừa nghe đến mấy chữ "chuyện sự tích", mắt đứa nào cũng sáng lên, đáp nhanh và to:

- Dạ chưa!

- Bây giờ anh kể cho nghe nhé! Câu chuyện như thế này:

"Ngày xưa thật là xưa, có một người tên Mai An Tiêm làm ăn chăm chỉ, lại biết nhiều nghề. An Tiêm được nhà vua yêu mến nên nhận làm con nuôi. Một hôm, trong bữa tiếp khách, An Tiêm chỉ vào các thứ trong nhà, vui vẻ nói: "Tất cả thứ này đều do tay tôi làm ra". Một quan trong triều vốn ghen ghét An Tiêm bèn về tâu với vua. Vua dùng dùng nổi giận nói: "Do bàn tay nó làm ra cả, vậy để xem nó sống ra sao với hai bàn tay ấy!". Sau đó An Tiêm bị đày ra một đảo hoang. Thấy trước mặt là bãi cát mịn mù không một bóng người, núi rừng hoang vắng. Vợ An Tiêm sợ hãi khóc nức nở: "Thế này thì vợ chồng ta chết đói mất thôi!". An Tiêm bảo vợ: "Còn hai bàn tay, ta còn sống được". Nói rồi, An Tiêm bắt tay làm ngay mọi việc. An Tiêm uốn cung, vót tên để đi bắn chim và săn thú rừng làm thức ăn hằng ngày, dựng nhà đã có tre, gỗ, cỏ gianh trong rừng. An Tiêm lấy gỗ đóng cho vợ một cái khung cửi. Vợ An Tiêm tước cói phơi khô để dệt thành vải may quần áo. Một hôm, nghe tiếng chim kêu ngoài bãi, hai vợ chồng thấy một đàn chim đang

nhà những hạt đen đen trên mặt cát. An Tiêm lấy hạt trồng trong vườn, bụng nghĩ thầm: "Thứ quả này chắc là lành, chim ăn được ắt người cũng ăn được". Quả nhiên ít lâu sau, hạt mọc thành cây rồi đơm hoa kết trái. Quả có vỏ màu xanh thẫm nhưng khi chín, bỏ ra thấy ruột đỏ, hạt đen nhánh. Ăn thấy ngọt và mát. Đó là giống dưa hấu đỏ ngày nay. Một hôm, nhân mùa hái quả, An Tiêm làm bài thơ nhớ quê hương và khắc tên mình vào những quả dưa rồi thả xuống biển, nhờ sóng biển đưa vào đất liền. Một người dân nhặt được, dâng lên vua. Vua biết An Tiêm vẫn còn sống trên đảo vắng; nghĩ thầm: "An Tiêm đã nói đúng: Tất cả mọi thứ đều do hai bàn tay làm ra". Vua cho thuyền ra đón vợ chồng An Tiêm trở về đất liền".

Hai đứa nhỏ mãi lắng nghe câu chuyện thật chăm chú, nên quên cả việc ăn dưa. Những con mắt của chúng cứ tròn xoe theo từ lời nói của Trần. Câu chuyện vừa dứt, thì chúng khen nức nở:

- Anh Trần kể chuyện hay quá!

Trần giải thích tiếp cho các em hiểu:

- Câu chuyện trên khuyên mọi người phải chịu khó làm việc thì mới tạo nên nhiều của cải, tài sản. Ông bà chúng ta muốn nhắc nhở con cháu mình hãy nhớ đến An Tiêm là người siêng năng dù sống trong hoàn cảnh nào cũng thích ứng được cả. Quả dưa hấu còn mang đến sự may mắn như trường hợp của An Tiêm, nhờ nó trôi vào đất liền mà vua mới hiểu được lời nói đúng và gia đình An Tiêm mới thoát cảnh sống đọa đày nơi đảo hoang. Có thể vì lý do trên nên nhiều gia đình đã chưng dưa hấu trong ngày Tết, nhưng anh biết còn nhiều truyền thuyết khác nữa; người ta còn tin vào việc bỏ một quả dưa ra, nhìn màu sắc đỏ hoặc hồng và cho rằng sang năm mới sẽ được may mắn hay không! Tùy từng suy nghĩ của mọi người thôi các em ạ! Có nhiều nhà họ chỉ mua về ăn Tết chứ không bày trên bàn thờ ông bà.

Những lời giải thích trên chắc chắn đã giúp cho hai đứa nhỏ hiểu được, chúng cảm ơn Trần.

Một lúc sau bé Sinh hỏi:

- Em và Lý tuổi con Rồng, còn năm nay là năm tuổi con gì vậy, anh Trần?

- Năm nay là năm con Gà

Hai đứa không hỏi nữa. Ngồi ăn dưa, rồi cùng dọn dẹp, lau bàn sạch sẽ. Sau đó chúng chơi các trò khác. Được một lúc lại quay qua hỏi Trần:

- Anh Trần ơi! Bây giờ mình chơi trò gà gáy nhé! Anh Trần là con gà trống, tụi em sẽ che mắt anh, lúc đó là trời tối, khi bỏ tay ra thì trời sáng. Anh phải giả giọng gà gáy: ồ ồ o o...

Trò chơi này với các em nhỏ thật thích thú, chúng còn bắt Trần giả đủ thứ giọng gà gáy. Trần giả con gà chết, không chịu gáy nữa, thế là hai đứa đề Trần ra thọc lét và bắt Trần phải gáy trở lại. Cả ba đang vui vẻ chơi đùa, bỗng có tiếng con gà gáy lớn không phải tiếng ồ ồ o o... mà là:

- Reng... reng... reng...

Trần giật mình thức dậy, thì ra chiếc đồng hồ báo thức trời đã sáng, đến giờ chuẩn bị đi làm. Trần rời khỏi giường. Trong lòng còn tiếc nuối giấc mơ vừa qua. Giấc mơ Xuân, hương vị Xuân còn phảng phất đâu đây, nó vẫn luôn đẹp mãi trong lòng Trần.

(Viết xong ngày 12.10.2004)

Nguồn Gốc Lễ Tạ Ơn

Những người hành hương sang đất nước này bắt đầu trên chuyến tàu Mayflower chính là những người theo đạo Tin Lành thuộc nhà thờ Separatist Church, phát xuất từ nước Anh. Trước tiên họ rời Anh sang Hòa Lan để tránh bị đàn áp tôn giáo. Ở đây họ được thoải mái với tín ngưỡng của họ, nhưng dần dần họ không hòa hợp được với cách sống



của người Dutch có khuynh hướng không tin vào Thượng Đế. Để tìm một đời sống khá hơn, những giáo dân Separatist này thương lượng với một công ty chứng khoán Anh tài trợ cho họ Hành Hương vào Mỹ. Thế mà phần đông những người lên tàu Mayflower lại không phải là người họ đạo Separatist, nhưng được thuê để bảo vệ dịch vụ của công ty. Chỉ có một phần ba dân số trên tàu là chính gốc giáo dân Separatist thuộc các thuộc địa của nước Anh.

Những người hành hương này đổ bộ tại Plymouth Rock (Massachusetts) vào ngày 11 tháng 12 năm 1620. Mùa đông đầu tiên rất khắc nghiệt. Ngay cuối thu họ đã mất đi 46 người trong số 102 người khởi hành trên tàu Mayflower. Nhưng mùa gặt của năm 1621 lại là một mùa tốt đẹp. Những người còn sống xót quyết định làm tiệc ăn mừng- gồm cả 91 người da đỏ, là những người đã giúp dân Hành Hương sống còn trong năm đầu. Dân Hành

Hương tin rằng họ không thể tồn tại được năm đó nếu không có người da đỏ giúp đỡ. Buổi lễ cử hành theo phong tục cổ truyền mừng mùa màng của Anh hơn là chỉ có "tạ ơn". Tiệc kéo dài 3 ngày.

Thống đốc William Bradford nói: "Gửi 4 người chuyên săn gà vịt rừng" để săn vịt, gà và ngỗng cho buổi tiệc. Mặc dù không biết có phải gà rừng là một phần chính cho bữa tiệc không? Tuy nhiên, chắc chắn là họ dùng thịt loài lông vũ.

Danh từ "turkey" từ đó được những người Hành Hương dùng cho những giống chim rừng.

Thêm một món mới mẻ sau này là bánh bí đỏ (pumpkin) được bày trên những bàn ăn của ngày lễ Tạ Ơn. Nhưng có điều không may là ở bữa tiệc đầu tiên những thực phẩm làm bằng bột mì không có, cho nên bánh mì và các thứ bánh ngọt khác làm bằng bột không có trên bàn. Tuy nhiên họ ăn bí đỏ luộc, và họ làm bánh chiên bằng bột ngô. Lúc đó trên bàn cũng không có sữa, nước táo, khoai tây hay bơ. Vì họ không có nuôi bò như gia súc để có bơ sữa, và khoai tây lúc đó được những người Âu Châu coi như là thức ăn độc. Nhưng tiệc có thêm cá, những loại trái dâu, rau cải soong, tôm hùm, nghêu sò, thịt chim rừng, trái cây khô và trái mận tươi.

Lễ Tạ Ơn không được ăn mừng ở năm kế tiếp. Nhưng vào năm 1623 sau nhiều lần hạn hán những người Hành Hương của các thuộc địa cùng nhau tụ lại cầu nguyện cho mưa xuống. Sau khi mưa liên tiếp trút xuống mấy ngày. Thống Đốc Bradford tuyên bố một ngày Tạ Ơn nữa, và họ lại mời những người bạn da đỏ. Rồi mãi đến tháng 6 năm 1676 mới có thêm một ngày Tạ



Ơn khác.

Vào ngày 20 tháng 6 năm 1676 Hội đồng thành phố Charlestown bang

Massachusetts, họp lại bàn quyết định thế nào để cử hành lễ tạ ơn xứng đáng này. Họ chọn ngày 29 tháng 6 và lễ này sẽ không có người da đỏ.

Tháng Mười 1777 lần đầu tiên cả 13 thuộc địa ăn mừng lễ, nhưng chỉ có một lần đó thôi.

Tổng Thống George Washington tuyên bố ngày lễ Tạ Ơn Quốc Gia vào 1789, mặc dầu gặp một vài phản đối. Có người không nghĩ là những cố gắng của dân Hành Hương thuộc về vấn đề của quốc gia. Tổng Thống Thomas Jefferson không hài lòng với cái ý tưởng cần một ngày để tạ ơn.

Nhờ Sarah Josepha Hale, chủ bút của một tờ báo, cố gắng thuyết phục mọi người công nhận lễ Tạ Ơn bằng những bài trên báo của bà Boston Ladies' Magazine, và Godey's Lady's Book. Sau 40 năm vận động bằng những bài viết, thư từ cho các Thống Đốc và các Tổng Thống, mục đích của bà theo đuổi được đáp ứng, vào năm 1863 Tổng Thống Lincoln tuyên bố ngày Thứ Năm cuối cùng của tháng 11 là ngày nghỉ quốc gia cho lễ Tạ Ơn.



Sau Tổng Thống Lincoln, ngày lễ có thay đổi vài lần ở những Tổng Thống kế tiếp. Tổng Thống Franklin Roosevelt định ngày thứ năm của tuần lễ thứ ba trong tháng 11 cho xa với ngày lễ Giáng Sinh, nhưng dân chúng phản đối, nên hai năm sau đó ngày lễ lại đổi vào tuần thứ tư.

Bắt đầu từ năm 1941 Lễ Tạ Ơn vào Thứ Năm của cuối tháng 11 được coi như ngày lễ chính thức hàng năm cho dân Mỹ.





Hạnh Phúc Trong Tâm Tay

● Trần Thị Hồng Châu

Những ngày đầu năm, bạn bè gặp nhau thường hay dùng 3 chữ "PHÚC, LỘC, THỌ" để chúc nhau. Có lẽ điều chúng ta mong mỏi nhất là được hạnh phúc, nên chữ Phúc đã đứng đầu trước hai chữ Lộc và Thọ.

Trước tiên chúng ta thử tìm hiểu chữ hạnh phúc là gì? Đó là 2 chữ trừu tượng. Hạnh phúc không như tiền tài ta có thể đếm được. Hạnh phúc cũng không giống tuổi thọ vì tuổi thọ ta có thể tính được. Đến một tuổi nào đó, ta có thể ăn mừng thượng thọ. Hạnh phúc quả thật khó cất nghĩa, khi ẩn, khi hiện, khi có, khi không, tùy theo từng vị trí của không gian và thời gian. Chỉ có mình mới tự nhận chân ra được. Khi ta nhìn người giàu có, tiền bạc sum sê (dồi dào?), xe cộ bóng láng, ta nói người đó "hạnh phúc sung sướng" quá. Khi ta gặp người bần hàn nghèo khổ, phải nuôi đàn con nhỏ đại bệnh hoạn ta hay "tội nghiệp". Nhưng có biết đâu người nghèo khó đó lại có đời sống an lạc, không hề than thân trách phận như người giàu có. Và biết đâu người có đời sống lam lũ kia lại có hạnh phúc hơn người giàu có.

Vậy làm thế nào để có được hạnh phúc?

Theo nhiều cuộc khảo cứu cho thấy người sống hạnh phúc là người luôn luôn sống trong chánh niệm, biết hòa đồng, uyển chuyển và dễ dàng chấp nhận những dị biệt với người chung quanh. Trái lại người sống không hạnh phúc là người chú trọng đến mình quá nhiều, sống bất đồng và không chấp nhận ý kiến với người khác. Trước hết ta thấy hạnh phúc hay khổ đau đều có 2 loại: Thể xác và tinh thần. Trong cả 2 loại này Tâm làm

chủ. Khi thân thể ta khỏe mạnh, đời sống vật chất ta đầy đủ, chúng ta cảm thấy phần nào hạnh phúc. Tuy nhiên nếu đời sống tinh thần chúng ta bị khủng hoảng, chúng ta cảm thấy đời sống thật vô nghĩa và chúng ta đau khổ vô cùng. Khi ta hưởng được một điều gì vui ta tự bảo: "Trời cho". Nhưng theo Đức Đạt Lai Lạt Ma trong cuốn "*Nghệ thuật của hạnh phúc*" thì hạnh phúc ta có thể tìm được bằng cách tự điều khiển ý nghĩ trong đầu mình. Chúng ta tự nghĩ mình có hạnh phúc, tức là chúng ta đã có hạnh phúc. Đức Đạt Lai Lạt Ma cũng cho chúng ta một thông điệp về hạnh phúc: "*Chúng ta không cần thêm tiền, chúng ta không cần thành công hơn nữa, chúng ta không cần có một thân hình hoàn hảo hơn và ngay cả chúng ta không cần phải có một người bạn đường hoàn hảo hơn*". Thông điệp đã cho chúng ta thấy của cải ở thế gian, địa vị, lòng ham muốn không là yếu tố xây dựng hạnh phúc. Cái ước muốn của con người không có điểm cùng tận. Cái ước muốn của người vợ, mà người chồng phải đi cày hai, ba việc làm cũng không thỏa mãn nhu cầu của người vợ. Có cái ước muốn của người chồng, mà người vợ phải làm lụng quay như chong chóng cũng không vừa ý ông chồng. Vậy chúng ta hãy tự bằng lòng với người bạn đời của mình, để cuộc sống được an lạc và đem niềm vui đến cho con cái. Có ước muốn cao thượng, sẽ làm thăng hoa cuộc sống, nhưng ước muốn quá sức, không chánh đáng sẽ làm tiêu tan hạnh phúc ta đang có. Cũng như Đấng Thế Tôn đã dạy, khi nào ta diệt được tham, sân, si, phát triển được lòng yêu thương đến muôn loài, khi đó chúng ta cảm thấy an lạc và hạnh phúc. Triết lý Đông Tây nhiều khi không giống nhau, nhưng ta gặp một điểm chung ở quan niệm hạnh phúc. Có nhà xã hội học đã viết rằng:

"Hạnh phúc là cái đích cuối cùng mà con người mong muốn".

Ngoài những hạnh phúc vật chất, ta còn có những hạnh phúc tinh thần. Chúng ta có thể thấy hạnh phúc trong sự thoải mái của tâm hồn. Hạnh phúc đến bất chợt khi niềm vui lớn nhỏ đến với ta. Hạnh phúc đến khi ta nhìn mọi người chung quanh ta hạnh phúc. Hạnh phúc khi ta chợt nhìn người mẹ âu yếm hôn đứa con thơ. Hạnh phúc đến khi ta nhìn em bé toét miệng cười vui, vô tư bên người thân. Hạnh phúc đến khi ta được ngắm nhìn ánh dương lấp lánh trên ngọn cây; nghe tiếng chim hót líu lo trên khóm lá. Tâm hồn ta lâng lâng nhẹ hẫng khi chiều xuống nhìn dòng nước bạc trôi về đâu. Hạnh phúc là bầu trời cao trong xanh có đám mây trắng kết thành sợi tóc mẹ già. Hạnh phúc thật đơn giản, thật thiết tha.

Đã nhiều lần tôi đi ngang vườn người hàng xóm, mãi mê ngắm nhìn không rời bước. Một cây lựu lá chi chít, láng bóng ánh sáng mặt trời. Trong lá lẫn vài nụ lựu mới nở, xòe ra mấy cánh đỏ rực trông như lựu non và chùm quả sum sê treo lơ lửng trên cành lá biếc. Ôi, đẹp làm sao không bút mực nào tả hết được. Tâm hồn tôi lâng lâng hạnh phúc và cảm thấy an lạc lạ thường. Chẳng thế mà trong các buổi lễ tại nhà thờ, người ta bắt tay nhau, chúc nhau bình an, chứ không chúc nhau được nhiều tiền, nhiều của. Nếu được hơn những điều căn bản trên, hãy tự nghĩ mình có quá nhiều hạnh phúc. Chúng ta nhìn ra thế giới chung quanh, bao nhiêu tai họa khủng khiếp đổ xuống đầu người dân vô tội, nào hạn hán, thiên tai, lụt lội, nào động đất, chiến tranh, người người phải chịu cảnh màn trời chiếu đất, sống tả tơi, đói rách thật xót xa. Ta sẽ thấy Phật, Trời đã cho ta quá nhiều. Khi đói mà được bữa cơm thanh đạm ta vẫn thấy ngon hơn những cao lương mỹ vị khi đã no. Do đó mà ta không mong muốn gì hơn. Vì ta biết "sống có khúc, người có lúc". Ấy là ta đã có hạnh phúc.

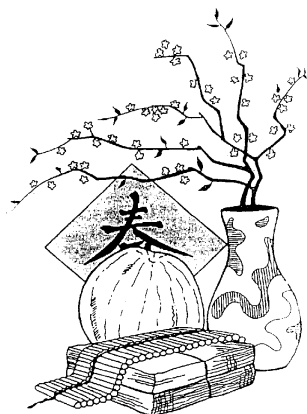
Trong thế giới văn minh vật chất, con người sống quay cuồng trong guồng máy vội vã dễ đưa đến bệnh tâm thần. Các bác sĩ tâm lý, cũng như trong kinh điển Phật giáo đều nói "tâm bình thì thế giới bình". Thật vậy, khi ta điều khiển được tâm ta tĩnh lặng, thái hòa, không xao động trước ngoại cảnh ta đã tránh được sự nhiễu loạn của tâm hồn và tránh được bệnh khủng hoảng

tâm thần. Hậu quả sẽ mang nhiều tai hại cho người chung quanh và sẽ thành gánh nặng cho xã hội.

Như trên đã nói, khủng hoảng tâm thần là hậu quả của người sống không an lạc hạnh phúc. Chính chúng ta biết đủ thì ngưng tìm kiếm, tự yên vui với hiện tại. Chính ta là vị thầy thuốc của ta, chính ta tự tìm lấy phương pháp thích hợp để trị cơn khủng hoảng tâm thần. Bác sĩ tâm lý để lắng nghe tâm bệnh, hay nhiều loại thuốc trị bệnh đã phát hành trên thị trường như hai loại thông thường sau đây: Prozac hoặc Zoloft. Ta có thể thay đổi nỗi bất an trong tâm hồn bằng niềm vui. Ta khám phá ra niềm vui là sự thỏa mãn ở trong ta, chỉ cần ta có thì giờ để tìm kiếm nó. Đây cũng là một cách chúng ta hoàn tất trách nhiệm, sống một đời lành mạnh, thỏa mãn để thưởng thức những khó khăn giúp ta thêm sức mạnh. Tăng trưởng lợi ích cho mọi người sẽ đem lại hạnh phúc cho chính bản thân ta. Một nhà tư tưởng vô danh đã định nghĩa: "Hạnh phúc là những cái thần diệu của cuộc sống". Sự sung sướng, niềm đau khổ, nụ cười hay giọt nước mắt, nghĩa là gồm cả hỷ, nộ, ái, ố, đủ vị cay đắng, ngọt bùi của cuộc đời.

Thầy Thích Như Điển khi giảng giáo pháp của Đức Thích Ca Mâu Ni cũng đã từng định nghĩa: "Hạnh phúc là những gì ta đang có trong tầm tay; chứ không phải những gì người ta đang đi tìm".

Mùa Xuân sắp về, xin kính chúc quý vị độc giả một năm hạnh phúc tràn đầy. Xin nguyện cho mỗi tự thân chúng ta là một cành hoa hương sắc để tô điểm cho cuộc đời. Và mùa Xuân như ý luôn luôn ở bên ta.-



Biết đâu bao giờ

Mùa đông tuyết lạnh ở phương này
Nhớ nước thương nhà mắt lệ cay
Nghĩ đến song thân nơi cát bụi...
Có ai hiểu thấu nỗi đau này...

Cũng đành lạnh lẽo như sương tuyết
Mỗi một Xuân người đằm gió sương
Mái tóc xanh xưa giờ điểm bạc
Xử người lâu lẽ khóc quê hương!

Chúng ta, tất cả người vong quốc
Thăm hoa cỏ trời... lạc lõng phương
Tình mảnh hồn đau lia tổ ấm
Giàn nan, phiêu bạt, lệ vô thường...

Ban lẻ, thân quen giờ xa lắc
Biết đến bao giờ... trở lại thăm
Tiều buổi chia tay lia đất Mẹ
Tuyết sương phủ mộ... mẹ cha nằm!

Ngân giang thăm thăm ngời xa cách
Mẫu tử tình thâm phải cách chia
Nhớ mái nhà xưa qua lối nhỏ
Khói lam bằng bạc giữa sương khói...

Bây giờ lòng lẽ thân ly khách
Xuân đến nghe lòng đằm gió mưa
Bao kẻ trắng đêm trần nỗi nhớ
Đau lòng dân Việt... thăm thương chưa?

Hãy pha nỗi nhớ vào men rượu
Có nên trong tim giọt lệ khô
Thăm ước như là ta đã được
Chào Xuân quê Mẹ... thỏa mong chờ.

● Ngọc An



Tiếng Dế năm xưa

● Hà Ngọc Bích

Trời đã sáng tỏ. Đám chim rùng ngoài lùm bụi đang hòa tấu ríu rít inh òi khúc nhạc bình minh hòa lẫn với tiếng líu lo lành lớt của mấy con chim chia vôi, chào mừng ánh sáng ban mai. Tiếng con gà tre trống đều gáy một tràng dài te... te... rộn rã oai vệ ngoài khu vườn nhà sau. Tôi giụi mắt, ngồi nhòm dậy nhìn chiếc giường tre quen thuộc, tuy cũ kỹ ọp ẹp nhưng được cái là nằm ngủ rất êm mà cảm thấy khoan khoái lâng lâng.

Hôm nay thứ năm, khỏi phải đi học và cái viễn ảnh một ngày rong chơi ngoài đồng nội với thằng Năm Xương Gà hay đi tắm sông với bọn trẻ trong làng làm cho tôi vui hẳn lên. Tiếng thằng Cầm lạch bạch chạy tới chạy lui, đang sửa soạn để lừa bầy dê nhỏ cho đi ăn cỏ vào mỗi buổi sáng. Nó lướt ngang qua, cười cầu tài với tôi một cái rồi lẹ đi về phía chuồng dê. Tôi neho mắt nhìn theo nó. Thằng Cầm nhỏ hơn tôi chỉ độ vài tháng nên tôi vẫn mảy tao với nó, và lại người nó vóc dáng nhỏ thó lại ốm nhách như con cò ma chi đáng vào đàn em của tôi.

Ba má tôi sau khi ly dị, mỗi người có cuộc sống riêng tư, không biết còn nhớ đến ba chị em tôi không? Ba tôi bỏ nhà ra đi đến tận xứ Lào xa xôi để lập sự nghiệp. Má tôi thì trở về quê ngoại nơi chốn đồng quê ruộng rẫy ở tận nơi làng Vĩnh Thới Vĩnh Thuận gì đó xa lác xa lơ, kinh cùn rạch cạn. Chị em tôi được giao cho mấy bà cô ông dưỡng, sống đắp đổi qua ngày.

Thằng Cầm thì cũng chẳng gì hơn. Gia đình nó chắc nghèo lắm nên má nó phải mang con đến nhà cô dưỡng tôi, xin cho nó được ở giữ bầy dê nhỏ. Cứ gần đến hết năm là má nó lại đến lấy tiền ở mượn một năm trước để đem về may sắm quần áo cho mấy em nó

và trang trải nợ nần. Trước khi má nó về, thằng Cầm xó rớ đến gần má thấy mà tội nghiệp, đôi mắt đỏ hoe làm tôi chỉ sợ nó khóc quá! Bà vuốt ve an ủi nó rồi dúm vào tay một gói nhỏ quần áo cũ với vài cái bánh in và thằng Cầm lại được gia hạn thêm một năm ở mượn nữa. Có lẽ vì vậy mà tôi thấy thương nó lắm. Tôi có mẹ, nhưng những ngày tháng nằm trong vòng tay mẹ chắc chẳng được bao nhiêu. Thằng Cầm cũng có mẹ nhưng má nó lại nghèo quá đành phải đem dợ nó để có tiền nuôi mấy đứa con nhỏ còn lại. Cũng may cô dưỡng tôi rất thương mấy đứa cháu, lại đối xử nhân hậu với người làm nên tôi và thằng Cầm vẫn hồn nhiên sống vui vẻ với mớ tuổi xanh mướt cho ngày tháng trôi qua. Hai đứa càng trở nên tương đắc và lúc nào nó cũng tìm cách chiều tôi như một đứa em nhỏ. Tiếng thằng Cầm chọt reo lên:

- Anh Tư, lúc này đất ruộng đã khô nứt nẻ nhưng vẫn còn gốc rạ và cỏ non rất nhiều. Em nghe tiếng dế chát mái và gáy ran cả cánh đồng. Hôm nay thứ năm anh nghỉ học, sao không đi giữ dê với em cho vui? Rồi nó lại cười hề hề, nói tiếp:

- Minh thả dê cho tự do ăn cỏ dọc theo mấy cái bờ mầu lớn, còn anh và em thì mặc tình bắt dế một bữa cho đã đời đi?

Tôi khoái chí gật đầu:

- Mày có chắc không hay lại nói dóc tổ cho tao đi theo rồi chỉ bắt được mấy con dế trực hay dế mọi, được cái to con nhưng lại vô tích sự, chỉ còn có nước đem cho gà ăn chó đá đếch gì được?

Thằng Cầm cười khi khi:

- Hôm rồi em đứng ngoài nhìn thấy con dế cứng của anh bị thua làm anh mất hết hai xu và nhất là bọn trẻ Bàng Tăng kêu ngạo anh quá xá!

Nghe nhắc đến trận đá dế tôi lại càng thêm nổi sùng:

- Ủ, tụi nó đều thật. Tao không dè con dế của bọn nó lại đi hàm dưới ác quá! Mày thấy, khi nó gáy re... re... dang rộng cặp càng, rà sát mặt đất rồi xông thẳng đến con dế "Triệu Tử Long" của tao. Con dế tao cũng chẳng kém gì nhưng lại đi hàm trên, cặp càng giơ lên cao đối đầu với địch thủ trông thật hùng dũng mạnh bạo vô cùng. Cả hai con giao đầu xông thẳng vào, hai cặp càng xóc vào nhau dữ dội, cổ đẩy bật đối phương ra khỏi vòng chiến. Nhưng lần đó thật xui xẻo, con dế tao chẳng may gặp phải khắc tinh nên bị hất lật nhào đành phải bỏ chạy. Con dế địch không thêm đuổi theo, chỉ giương cặp cánh gáy re... re... ca khúc khải hoàng đắc thắng. Bọn nó được dịp cổ võ àm ĩ, làm tao quê quá!

Thằng Cầm cười tồ tồ:

- Vậy là anh mất toi hai xu. Phải chi để mua xôi nếp dưa nạo cho em ăn ké với thì có phải là tốt hơn không?

Tôi bật cười:

- Mày lại chọc quê tao à? Hai xu đó là tiền tao bán con cá lia thia cung của tao cho một thằng bạn, định mua xôi nếp để đãi mày và thằng Năm Xương Gà ăn, nhưng chẳng may lại gặp tụi cô hồn đó gạ tao đá dế. Tao cứ chắc mẫm là con dế Triệu Tử bách chiến bách thắng, thì làm sao mà thua được, bọn mình mặc tình mà ăn xôi nếp. Nhưng chắc có lẽ cái số của mày và thằng Năm là số ăn mày không được ăn xôi nên làm tao thua sạch bách, lũng cả túi, bây giờ lại còn kêu ngạo tao nữa à?

Thằng Cầm cười khi khi:

- Lần này ra ruộng anh ráng bắt cho được một con dế lửa to, loại anh chị sùng sỏ, lại đi hàm dưới là phục thù được chứ gì?

Tôi khoái chí bảo:

- Ủ, tao đi giữ dê với mày cho vui. Nhưng mày nhớ mang theo mấy củ khoai lang bí của thằng bạn nhỏ, vừa mới lén ba nó đào cho tao, để tụi mình đem lủi trong lửa rơm ăn đỡ ghien vậy.

Trời trong xanh, gió đồng thổi man mát. Tiếng sáo cường ríu rít dưới ánh nắng ấm áp ban mai, đầu dấy tiếng sáo diều vi vu từ xa vắng lại. Đàn dê trắng tung tăng trên con bờ mầu lớn, hai bên cỏ mọc xanh non. Con dê đục đầu đàn hinh hinh nhìn tôi như thách đố sao không leo lên lưng nó cỡi như vài khi? Các thửa ruộng mênh mông chỉ còn trơ lại những gốc rạ vàng xám

đã bắt đầu mục, lôm bôm vài nơi cỏ mọc xanh rì. Từng đàn bò vàng hiền lành đang nhai cỏ rải rác trong các cánh đồng không. Mấy rặng tràm bầu thẳng tắp chạy dài đến tận chốn xa xa. Trên bầu trời xanh ngắt, một con diều hâu vật vờ bay lượn, lâu lâu lại rít lên từng tràng dài iiii... iiii... Nhiều con chim chiêng lý lác lao lên lao xuống, phóng vút lên cao rồi đâm bổ xuống mặt đất vừa kêu chirp chirp inh tai. Tôi khoan khoái hít một hơi dài không khí trong lành vào lồng ngực, mùi lúa chín, mùi rơm ra đường như vẫn còn thoang thoảng đâu đây.

Tiếng thằng Cầm vắng đến:

- Trời! Để gáy quá xá anh Tư, mặc tình cho anh bắt nhá! Ráng mà kiếm cho được một con để lửa thật củ để còn phục hận chứ?

Tiếng để chắt mái tíc... tíc... vắng lại nhiều phía. Thình thoảng một tràng tiếng gáy rộn rã re... re... re... vang lên làm cho tôi càng thêm cao hứng. Gì chớ bắt để đá thì tôi cũng thuộc vào hạng tổ sư mà! Đã bao lần, tôi bắt được nhiều con để than hay để lửa đá rất hay làm cho mấy thằng bạn trong trường phải lác cả mắt, cổ nài nỉ lắm tôi mới chịu nhường lại cho với giá một hay hai xu để mua bánh trước cổng trường. Có lẽ tôi là một thằng bé có máu bụi đời, không ở gần cha mẹ để lâu lâu vôi vỉnh được vài xu nên đành phải bắt mấy con để đá, kiến vương, kim quít hay cá lia thia để đổi các hoặc bán lại cho mấy thằng bạn khá giả, con nhà giàu lúc nào cũng rộn rền tiền xu trong túi. Đành là một chánh sách hơi bá đạo nhưng nó cũng giúp tôi có được gói xôi, miếng bánh hay trái chuối chiên vàng cháy thơm phức ăn cho đỡ thèm vậy. Chợt một tràng tiếng gáy re... re... rộn rã làm tôi chú ý. Chắc con để này to lắm, thuộc vào loại anh chị đây. Tôi rón rén từng bước một đến gần. Có lẽ nó nghe được tiếng động nên ngừng gáy, tôi cũng ngừng lại. Rồi dường như thấy yên lặng nó lại yên chí chắt mái rì rì. Đất khô nứt nẻ nhiều nơi dưới mấy bụi cỏ hay gốc ra. Tôi cũng vừa kịp nhìn thấy trong khu nứt một con để than to đang phùng cặp cánh chắt mái rì rã. Lẹ làng tôi chận ngách hai đầu khe nứt với mấy cái que cây mang theo sẵn, để nó không còn chạy thoát được. Rồi khoan khoái tôi ngồi bệt xuống đất, lấy con dao yếm xắn đất từng miếng nhỏ, đào rộng khe nứt ra.

Thằng Cầm đến gần lúc nào không rõ, chợt miêng vào:

- Coi chừng, anh xắn phạm nó gãy một giò hay lủng bụng thì kể như tiêu tung, hết đá được.

Tôi cười tồ tồ:

- Yên chí đi, tao là sư tổ bắt để ở cái làng Tường Lộc này mà, mày không biết sao?

Rồi tôi cũng bắt được con để than to, bụm trong hai bàn tay và đưa cho thằng Cầm xem. Nó nhiệt liệt tán thưởng:

- Trời! Con để than bự quá, anh đúng là tổ sư nhà nghề rồi!

Bỗng nó chỉ chỗ:

- Có con để mái nữa kia, anh không bắt sao?

Tôi cười ròn rã nhạo nó:

- Mày mà cho nó có bồ, ngày tối chỉ lo chắt mái thì còn đá đểch gì nữa! Mày đúng thật là ngu như bò đực rồi!

Cuộc bắt để hào hứng lại tiếp tục. Thời gian sau, thằng Cầm lại chạy đâm bổ đến vừa la bài hải:

- Anh Tư, em bắt được một con để nê. Cho em một cái vỏ hộp quẹt để đựng nó đi.

Rồi nó bụm tay chìa cho tôi xem một con để than bé tí chừng bằng hai hạt đậu. Vậy mà cũng phùng cánh chắt... chắt... rì rì làm tôi ôm bụng cười lăn ra.

- Trời đất! Con để của mày là loại để "ốc tiêu" thì đem đá với ai được, có họa chẳng là cho tao để làm mồi câu cá lóc thì tốt hơn.

Mặt thằng Cầm méo xẹo:

- Anh lại gạt em nữa rồi. Em nghe nó gáy re... re... trong gốc rạ mà!

Tôi cười hề hề:

- Ủ thì nó gáy, nhưng nó bé tí teo như hạt tiêu nên người ta mới gọi là để ốc tiêu đó. Gặp một địch thủ như con để than tao vừa mới bắt hồi này thì vừa mới thấy bóng là nó đã chạy re rồi, còn đá đểch gì nữa?

Tiếng cười ha hả của tôi phá tan bầu không khí tịch mịch của cánh đồng không. Trời vẫn trong xanh, từng đám mây trắng như tơ nồn bồng bồng trôi lang thang. Xa xa gần méo đĩa còn nước, một con cò trắng đang lom xom rình cá. Bỗng tôi giật mình đánh thót. Một tràng tiếng gáy re... re... nghe thật hùng dũng lạ kỳ. Đúng là một con để đàn anh, loại tứ chiếng giang hồ rồi. Tôi rón rén nhẹ nhàng bước đến gần. Nó lặng yên, tôi cũng dừng lại cố lắng tai nghe. Rồi tiếng gáy rộn rã lại vang lên đường như dưới chân một bụi cỏ lông chồn xanh um. Tôi bước vội đến,

vạch bụi cỏ ra để lộ một cái hang nhỏ lảng cọt, miêng hang còn lấm tấm vài miếng cỏ non bị cắn đứt rải rác. Tôi mừng thầm, loại để ở hang chắc là củ lắm. Lần này thì khỏi phải đào đất hay chận ngách gì cả, tôi ra tay nhà nghề bứt một con để dài tuốt bỏ lá rồi thọc nhè nhẹ vào hang. Bỗng một con để màu vàng sẫm, to tổ bố phóng vọt ra, tôi quỳnh quáng chụp lấy chỉ sợ nó vọt mất thì thật là phí của trời.

Thằng Cầm từ xa lại chạy đến, trên tay lủng lẳng một con chim to bằng nắm tay, lông rần rì, mỏ nhọn dài, chưa kịp nói gì thì tôi đã đắc ý chia con để trong hai bàn tay bụm lại cho nó xem. Nó vừa ghé mắt vào đã la rầm lên:

- Trời! Con để lửa bự quá xá, anh làm sao bắt được nó? Loại để lửa này đá dữ lắm và gan lì hơn mấy con để than nhiều. Anh có bán thì phải đòi ít nhứt là ba xu mới được.

Tôi cười ha hả đắc chí bảo thằng Cầm:

- Phải cho nó đá thử để xem phong độ ra sao đã. Không biết nó đi hàm dưới hay hàm trên và có miêng nghề ruột nào không? Tao còn phải tìm cách phục thù tội bên Bằng Tăng chứ!

Thằng Cầm mừng rỡ ba hoa:

- Anh Tư, em vừa mới đập được con chim mỏ nhác này và hốt được bốn cái trứng nhỏ. Nó nằm yên không động đậy trên ổ giữa đám rạ khô, nó tưởng là em không nhìn thấy. Nào dè em chạy vòng quanh cho nó quáng mắt rồi bất ngờ quất cho một gậy tre chết thẳng cẳng. Loại mỏ nhác đồng này thịt rất ngon mềm. Em vặt lông nó, đem nướng lửa rơm với mấy củ khoai lang bí để anh em mình ăn nhá?

Tôi khoái chí tán thành:

- Ủ, mày nướng chim và khoai đi, tao cũng thấy đói bụng rồi. Gì chớ khoai lang lùi trong lửa rơm thì tuyệt đến thánh cũng không chê được.

Hai đứa nhìn nhau cười ròn rã giữa cánh đồng không mông quạnh. Gió đồng thổi lồng lộng, bầy dê trắng vẫn tung tăng gặm cỏ. Tôi và thằng Cầm cảm thấy sung sướng lâng lâng, ca hát nghêu ngao giữa đồng ruộng bao la. Trên nền trời cao, mây trắng vẫn lững lờ bay, có lẽ mây không nhà nên suốt kiếp phải lang thang. Xa xa một con hạc xám vật vờ bay vút trong bầu trời xanh thắm về một thế giới thần tiên huyền ảo nào.

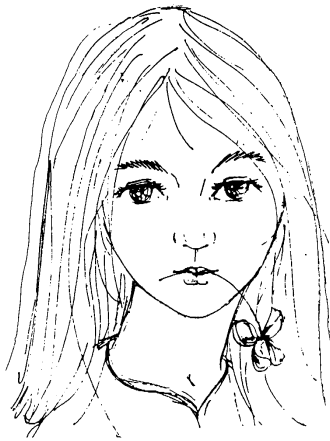
"Hoàng hạc nhất khứ bất phục
phần
Bạch vân thiên tải không du du"

Nghĩa là:
"Hạc vàng đi mất từ xưa,
Nghìn năm mây trắng bây giờ còn
bay". (*)

Tôi thần thờ nhớ lại những kỷ niệm
êm đềm ngày xưa, khi còn ở nơi quê
mẹ xa xôi. Giờ đây ở xứ người, dù có
muốn đá để cũng không được nữa. Để
ở đất Pháp này là loại để cò, bé tí teo
còn bé hơn mấy con để ốc tiêu của
thằng Cầm, chỉ gáy được rì rả trong
mấy đám cỏ xanh, chớ chẳng đá điếc
gì cả. Một hôm, tình cờ xem cuốn phim
"Vị vua cuối cùng của Tàu", thấy vua
Tàu lúc nhỏ cũng thích chơi đá để như
tôi, nhưng để Tàu màu khói nâu nhạt
chả đẹp để gì cho lắm. Đem so sánh
với những con để than đen mun hay để
lửa màu gạch, với đôi giò cứng cáp đầy
gai nhọn li ti của quê mẹ ngày nào thì
thật thua xa. Người Tàu cũng thích đá
để lắm nhưng để Tàu chưa chắc gì đá
hay hơn để Việt Nam, nhất là ở cái
làng Tường Lộc nhỏ bé của tôi và
thằng Cầm.

Tôi mỉm cười nghĩ, quân tướng Việt
Nam ngày xưa dưới sự điều khiển của
vua Quang Trung chả đã từng đánh
tan hai mươi vạn quân Thanh trong
một trận chiến thần tốc vồn vồn chỉ có
năm ngày là gì? Những con để than,
để lửa của quê hương thì làm sao có
thể ương hèn được? Dù cho quê hương
ngày nay vẫn còn lặn hụp trong làn
sóng đỏ, xứ sở vẫn còn âm ảm dưới
bóng cờ đỏ máu, nhưng rồi thì cũng có
ngày hồn thiêng sông núi của đất nước
cũng phát huy lại được chứ? Chẳng lẽ
cái chế độ bạo tàn ngu xuẩn của bọn
Cộng Sản có thể tồn tại mãi mãi được
sao? Chẳng lẽ suốt phần đời còn lại,
tôi phải ăn nhờ ở đậu nơi xứ người,
không thể nhìn thấy lại được cái quê
mẹ của đồng ruộng bao la, quê hương
của những con để than, để lửa, cây
rơm, gốc rạ, cỏ lác, ao bèo... Chẳng lẽ
dòng giống Lạc Hồng, con cháu của
Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê
Lợi, Nguyễn Huệ lại không nhìn thấy ra
cái bản chất tàn độc hại nước ngu dân
của bọn Cộng Sản đến giờ vẫn chưa
thức tỉnh và còn đẩy đất nước lùi dần
vào bóng tối, ngàn đời tội lỗi đối với
tiền nhân.

(*) Trích: Hoàng Hạc Lâu của Thôi
Hiệu, bản dịch Tân Đà tiên sinh.



G iữa ngôi làng nọ có một đầm
xinh đẹp, mượt mà bờ cỏ
xanh bao quanh. Đong đưa vài ba
nhánh lá như những cánh tay vẫy chào
ông Mặt Trời đang dần ló dạng. Hơi
nóng từ thân mình ông tỏa xuống, sưởi
ấm cho muôn loài sau một đêm dài đi
vắng. Bác Gió nhẹ thoảng lướt qua
nhưng cũng không đủ làm rung động
dăm chiếc lá mang hình dáng ngộ
nghĩnh tựa như chiếc mâm con của họ
hàng chị hoa Súng. Chị đang mài uốn
éo tấm lưng thon thả vươn lên khỏi mặt
nước, để khoe chiếc nụ đầu tiên, sắc
đẹp ấy được điểm tô bởi lớp phấn hồng
mịn màng nên dù có mộc mạc giản dị,
vẫn không mất đi nét thanh cao hiem
thấy. Khiến cho mấy chị Ong cùng vài
anh Bướm đang say sưa tìm hương
hoa, phải ngẩn ngơ ngấm nhìn, không
tiếc lời khen tặng. Đầu đó tiếng vợ
chồng anh cá Phướn đang từ giã nhau,
để chút nữa đây chị phải về thăm mẹ
già nơi chốn xa, riêng anh ở lại xây tiếp
mái ấm với những mầm non đang chờ
ngày sinh sôi nảy nở. Đầu đấy vang
lên tiếng đọc văn ê a của lũ con nhà
chị Cóc. Chốc chốc mặt nước chao
động bởi vài ba chú cá Rô đùa giỡn
tung mình phóng lên cao để được nhìn
bầu trời xanh biếc và ngắm nhìn những
anh chàng Mây lãng tử bồng bênh trôi,
nhưng cũng khéo léo tạo nên bao hình
ảnh lạ kỳ đẹp mắt. Anh Cua Càng
đứng là một nghệ sĩ điêu khắc, anh
đang cố gắng hoàn thành công trình
xây dựng khu hang động để mọi người
cùng thưởng thức tài nghệ của mình
vào mùa xuân năm này. Riêng bác cá
Lia Thia điềm đậm hơn, bác mài say
mê đọc những trang sách sử. Khung
cảnh ấy thật êm đềm, nhưng không
kém phần sinh động của cuộc sống.

Từ xa xa có một chú Chuồn Chuồn
Kim trong chiếc áo màu vàng nghệ,

Ếch Hoa

● KIM

trên đôi cánh vài điểm chấm sắc đỏ
rực rỡ. Chú bay là đà, chọn lựa một
nhánh lá và đáp xuống, chắt tiếng
chào:

- Chào các bác, chào các bạn!
Hôm nay tôi đem cho các bạn một tin
vui này!

Nói xong, Chuồn Chuồn Kim vốn
tính thích làm duyên làm dáng, chú
lượn qua lượn lại trên các ngọn cỏ,
khiến cho nhiều tiếng hỏi dồn dập:

- Tin vui gì vậy! Thôi đừng làm cho
chúng tôi sốt ruột nữa, nói ngay đi nào!

- Thế các bạn còn nhớ anh ch
Hoa của làng mình không nào?

Bây giờ thì mọi người mới thốt ra lời
ngạc nhiên:

- Ồ! Chúng tôi còn nhớ anh ấy chứ!
Đã lâu không được tin tức, có chuyện
gì với anh ta không? Anh ấy hiện nay ở
đâu?

- Các bác đừng lo lắng quá! Anh
ch Hoa sắp trở về thăm khu đầm
chúng ta.

Trên gương mặt các thành viên nơi
khu đầm đều hiện lên nét vui mừng.

Bỗng từ xa, giọng hát thật truyền
cảm của ai đấy vọng đến, khiến cho
mọi người phải im lặng lắng nghe. Bài
hát ấy rất lạ cùng với âm hưởng ôi du
dương làm sao! Một lúc sau thì chị Cóc
reo lên:

- A! Đúng là tiếng hát của anh ch
Hoa đây mà!

Thật không sai, y như lời đoán của
chị Cóc. Vừa dứt bài hát thì ch Hoa
xuất hiện. Mọi người đều ngạc nhiên
trố mắt nhìn: ch Hoa thay đổi nhiều
quá! Cái dáng dấp mộc mạc chất phác
hiện lành trong làn da xanh mơn vôi
ba điểm vàng nhạt không còn nữa, nó
được thay vào đó là những màu sắc
rực rỡ, nên trông có vẻ cầu kỳ như
chính nó cố muốn nổi bật hơn những
gì chung quanh, chắc có lẽ đó là điều

mới mẻ mà anh ta đã tìm thấy sau thời gian đi xa. Anh nghiêng mình với điệu bộ vô cùng lạ lẫm, thật kiểu cách:

- Chào các bác! Chào các bạn! Mọi người đều khỏe cả chứ!

Nói xong anh chêm chệ ngồi trên chiếc lá Súng to nhất, nơi vị trí mà ai cũng có thể nhìn thấy rõ. Anh Cóc Tía vốn là bạn thân với ch Hoa cất lời hỏi thăm:

- Lâu lắm rồi anh mới trở về lại khu đầm này. Thế là chúng ta có dịp thưởng thức giọng hát hay của anh như những ngày tháng bên nhau. Hãy ở lại bên chúng tôi và kể cho chúng tôi nghe những gì anh đã làm được nhé!

Tất cả đều gật đầu vui mừng, nhưng ch Hoa lại lên tiếng:

- Không thể được. Tôi không thể ở lại khu đầm bé nhỏ này được, vì chút nữa đây tôi phải sang cánh đồng ruộng to lớn xinh đẹp cạnh đây, để tham dự buổi hòa tấu cùng với những người bạn khác. Tôi sẽ thi đua cùng họ, họ sẽ biết tài tôi, sau đó tôi lại đi tiếp những nơi khác nữa. Thế các bạn có muốn sang bên ấy, xem tôi trình diễn không nào?

Bác Lia Thia bây giờ mới cất lời khuyên:

- Điều này thật là lý thú, cũng là dịp để anh trở tài, còn khu đầm này tuy nhỏ bé nhưng an toàn hơn với mọi thành viên chúng ta. Bên ấy có rất nhiều điều mà chúng ta không thể đoán trước được, tuy nó xinh đẹp thật, rộng lớn thật, nhưng cũng không biết bao nhiêu điều nguy hiểm đang chờ đợi. Tôi khuyên anh hãy suy nghĩ cẩn thận trước khi làm một việc gì.

Tất cả đều góp lời, nhưng ch Hoa vẫn không thay đổi ý định của mình. Anh đã đi ngay chiều hôm ấy. Cuối cùng anh Cua Càng được sự phân công, đi theo anh cho có bạn.

Sau những ngày nắng gắt, bây giờ vài đám mây đen kéo đến, cơn mưa trút xuống thật vội vã, rồi tắt hẳn, nhưng cũng đem lại bầu không khí mát dịu.

Buổi hòa nhạc thật nhộn nhịp bởi bao chú ch, Ếnh Ưng, Cóc Nhái Tơ, Nòng Nọc... Ai cũng muốn mình sẽ nổi bật hơn người khác. Sau đó đến phần trình diễn của ch Hoa. Anh hát rất hay, giọng anh cất lên hòa trong giai điệu trầm bổng cuộn theo lời nhạc, khiến tất cả phải lặng yên lắng nghe. Anh càng cao hứng càng cao giọng hơn nữa. Đám ruộng bây giờ trải đầy

tiếng của ch Hoa. Anh Cua Càng nằm gần đây phải thảm tiếc nuối vì các bạn bên khu đầm nhỏ không được thưởng thức.

Bỗng mặt nước dao động, rồi lại dao động thật nhẹ nhàng. Tiếp theo từng đợt sóng nhỏ loang đi tiến dần đến bên ch Hoa. Điều đó không làm mất đi nguồn cảm hứng của anh, bởi niềm say mê ngất cao. Anh đang mơ ước mình sẽ đạt được danh hiệu: "Giọng ca hay nhất của đêm nay". Chính vì thế đôi mắt của ch Hoa nhắm nghiền lại, đặt trọn tất cả tâm hồn vào lời ca ý nhạc. Nó thật du dương, đưa tất cả vào cõi thơ mộng nào đó, nhất là không khí về đêm sau cơn mưa chiều. Bỗng một vệt sáng lóe lên, chiếu thẳng vào vị trí của ch Hoa đang ngồi. Anh chưa kịp nhận thức, thì nhanh như chớp, một bàn tay của loài người đã tóm gọn anh, cho vào chiếc rọ tre, đẩy ngay chiếc nắp lại. Bấy giờ, ch Hoa chỉ còn thốt lên tiếng sợ hãi:

- Hãy thả tôi ra! Xin hãy thả tôi ra!

Nhưng điều đó không thể thực hiện được, vì họ đang cần anh để làm thực phẩm cho cuộc sống, chứ họ không cần đến giọng hát của anh.

Trong khi đó, mọi anh chàng Cóc, Nhái khác... vội vàng tìm đường trốn tránh cơn nguy hiểm. Lặng im trong bóng tối, vài bạn thân của ch Hoa thì thầm khe khẽ:

- Tội nghiệp ch Hoa quá! Nhưng chúng ta biết làm sao bây giờ!

Còn một số khác đang ganh ghét tài anh, họ bĩu môi:

- Cho đáng đời! Đó là số phận của kẻ quá tham danh vọng!

Riêng anh Cua Càng thì đang rời trí. Anh đang cố tìm trong óc mình một mưu kế gì có thể giúp ch Hoa. Cuối cùng anh đã quyết định. Cố bò thật nhanh đến bên chân người vừa bắt ch Hoa. Anh dùng hết sức mình kẹp vào ngón chân họ. Hành động đó, đã khiến cho đối phương đau điếng, ngồi bẹp xuống bên bờ đê. Trong cơn hốt hoảng, gã vô tình đánh rơi chiếc rọ tre, cái nắp đập bị văng ra. Anh Cua Càng kêu to:

- ch Hoa ơi! Hãy nhảy ra khỏi rọ đi! Nhanh lên, nhanh lên!

ch Hoa nghe tiếng gọi ấy, đồng thời tìm thấy lối thoát thân. Nhanh chóng bung người ra khỏi chốn giam cầm.

Sau lần đó, ch Hoa lại bị ốm nặng. Nhờ có các bạn nơi khu đầm chăm sóc tận tình. ch Hoa dần dần bình phục. Ngồi trong hốc đá, xem mọi người chuẩn bị mừng Xuân mới. Rồi ngày hội diễn văn nghệ: Đầu tiên là bác cá Lia Thia lên đọc diễn văn khai mạc buổi lễ, tiếp đến phần trình diễn múa của con nhà anh cá Phướn. Lũ con nhà chị Cóc cũng góp mặt qua tiết mục ngâm thơ, rồi mấy anh cá Rô trở tài làm xiếc... Ai cũng đã góp mặt. Riêng mình ch Hoa lặng lẽ ngồi xem. Bỗng có tiếng bảo:

- Đến lượt anh ch Hoa nhé! Anh hãy hát cho chúng tôi nghe bài gì đi chứ!

ch Hoa vừa ốm khỏi, nhưng cũng một phần còn ngưng ngừng về việc đã xảy ra trước đây. Vì anh đã từ chối lời yêu cầu cũng như xem thường lời khuyên của mọi người. Bác Lia Thia hiểu ý, đến bên anh dịu dàng bảo:

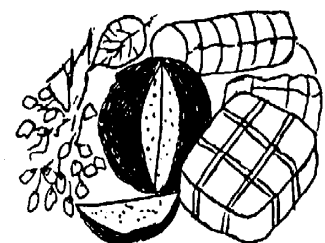
- Mọi chuyện đã trôi qua. Rồi mọi việc đều có thể bắt đầu làm tốt đẹp lại được cả. Anh đừng nghĩ ngợi nữa. Hãy hát cho chúng tôi nghe, để cùng nhau thưởng thức đi nào!

Bao lời động viên của các bạn, khiến cho ch Hoa vô cùng cảm động. Anh đã hát lại bài ca thân thương xa xưa của thuở thơ ấu.

Sau đó, tất cả đến tham quan công trình xây dựng của anh Cua Càng.

Không khí thân thương quá. Họ sống bên nhau bằng tất cả tấm lòng chân tình, tương trợ lẫn nhau. Thật đúng nghĩa của: "Tình Bằng Hữu". Vậy mà bấy lâu nay, anh cứ đi tìm kiếm điều gì thật vô vị, một hư danh nơi xa xôi nào đó. Kết quả anh chẳng được gì cả. ch Hoa càng thẹn với lòng. Anh tự nhủ mình phải chuộc lại lỗi lầm, để không phụ lòng của các bạn, bằng chính những hành động cao đẹp hơn trong cuộc sống sắp đến.

Viết xong ngày 08.10.2004





Năm Dậu

nói chuyện Gà

● Hương-Giang Thái Văn Kiểm

Theo ca dao truyền khẩu nói về mười hai con giáp thì:

*Tuổi Thân con khỉ ở lùm,
Chuyện qua chuyện lại, té ùm
xuống sông.*

*Tuổi Dậu con gà vàng lông,
Có mỏ có mồng, sáng gáy ó ó
Tuổi Tuất là con chó cò...*

Vậy là dân chúng sắp hết cảnh té ùm xuống sông mà đến thời "sáng gáy ó ó" rồi đây. Hoan nghênh con gà.

Với phương danh Ất Dậu, chúng ta đang ở trong vận niên lục giáp thứ 78, bắt đầu từ năm 1984 và chấm dứt vào năm 1043. Người di tản chúng ta đã ăn 29 cái Tết ở hải ngoại kể từ 1975. Nói là ăn Tết chứ thực ra tâm trạng người Việt hải ngoại trong những dịp này chỉ hoài vọng về quê cha đất tổ, nhớ tiếc những ngày thanh bình ấm cúng có gia đình bà con quen thuộc, có hoa trái cỏ bần, có nêu cao pháo nổ. Thế hệ người lớn còn nhớ chút ít phong tục tập quán của dân tộc, nhưng thế hệ con cháu kế tiếp ngày một đồng hóa với dân bản xứ, ngày giỗ ngày Tết chẳng còn gì trong lòng họ. Tuy nhiên với ước mong bảo tồn văn hóa, những dòng viết về phong tục và truyền thống Việt vẫn tiếp tục trải dài qua không gian và thời gian ở tất cả những nơi có người Việt cư ngụ.

Nói tới gà thì ai cũng biết. Ở quê mình, thịt gà là món ăn thích khẩu quý giá mà Việt Cộng gọi là "món ăn cao cấp". Nhưng ở hải ngoại, nhất là ở Mỹ, thì thịt gà rẻ hơn rau củ nên "chicken" là món ăn bình dân.

Trong văn hóa Việt, gà được nhắc đến trong nhiều lãnh vực: lịch sử, văn chương, phong tục, thuốc men, võ

thuật... Trước hết ta hãy tìm hiểu về nguồn gốc giống gia cầm này.

GÀ: CHỦNG LOẠI VÀ XUẤT XŨ

Theo ông Edmund Saul Dixon, tác giả một cuốn sách xuất bản tại Luân Đôn năm 1849, thì giống gà rừng Red Jungle Fowl xuất phát từ vùng Đông Nam Á Châu. Người Đông Nam Á đã biết cách thuần dưỡng giống này từ lâu lắm, khoảng mười ngàn năm trước. Vào khoảng 3000 năm trước tây lịch, gà được nuôi nhiều ở Ấn Độ, thung lũng Indus, Miến Điện, Phi Luật Tân và các hải đảo. Ông Dixon phân ra bốn loại gà chính:

- Gallus Gallus tìm thấy ở tây bắc Ấn Độ, Cao Miên và quần đảo Sumatra. Chúng đẻ trứng màu nâu.

- Gallus Lafayetti tìm thấy ở Ceylon, đẻ trứng màu lốm đốm.

- Gallus Sonnerati nuôi nhiều ở đồng bằng Ấn Độ, trứng màu trắng.

- The Feather Shanked Bird có nhiều ở Trung Hoa và bán đảo Đông Dương, trứng màu nâu, mình to chậm chạp, cánh rộng có thể bay được.

Năm 3341 trước tây lịch, Hoàng đế Trung Hoa Fu Hsi đã hạ lệnh cho dân chúng nuôi nhiều gà để cung cấp cho hoàng tộc và tặng khẩu phần dinh dưỡng trong bữa ăn hàng ngày. Ông là người đầu tiên trong lịch sử biết lợi ích của gà nên đã đưa vào thể chế cai trị dân. Để gia tăng số lượng gà, người Trung Hoa đã biết cách ấp cho trứng nở hàng loạt. Cách thông dụng là dùng hơi nóng của phân súc vật. Người ta đắp một lò bằng đất sét hình bát, đổ tro hay trấu dưới đáy rồi xếp đầy trứng và đập nắp. Dưới đáy lò thông với hầm hơi nóng của chuồng phân. Một cách khác là người ta mượn người mặc áo bông dày xếp đầy trứng trước bụng và hai bên hông, ngồi yên ủ trứng từ ngày này qua ngày kia cho tới khi trứng nở.

Khi Tần Thủy Hoàng xây Vạn Lý Trường Thành, ông đã ra lệnh lấy lòng trắng trứng gà trộn thành thứ hồ dẻo có sức chịu đựng bền bỉ trước thời tiết khắc nghiệt của vùng biên giới phương bắc để xây, cho tới nay vẫn còn là một kỳ quan của nhân loại.

Người Ai Cập nuôi gà rất sớm, từ thế kỷ 14 trước tây lịch. Trong lòng Kim Tự Tháp, những hầm chứa xác các vị vua chúa được xây bằng gạch nung và hồ trộn với lòng trắng trứng để chống cháy, nóng quá độ. Triết gia Aristote, 400 năm trước tây lịch, đã viết về cách ấp trứng gà của người Ai Cập: Người ta xếp trứng vào ống cây rồi ủ trong đồng phân súc vật, khi nào gà nở mới đem ra nuôi ở chuồng. Sau này người Ai Cập cũng xây những lò ấp bằng hơi nóng phân súc vật to lớn tới độ mỗi lần có từ 15 đến 20 triệu con gà con nở. Những lò này xây dọc theo bờ sông Nil và vẫn tồn tại tới ngày nay.

Người Pháp rất thích ăn thị gà. Họ đã chọn gà trống làm quốc huy. Gà cũng được sản xuất hàng loạt tại nước này và khắp Âu Châu.

Riêng Mỹ tuy là nước sinh sau đẻ muộn nhưng lại có nhiều giống gà tốt nhất. Họ đã kỹ nghệ hóa việc nuôi gà để đủ cung cấp vì Mỹ vốn là một thị trường tiêu thụ thịt gà lớn nhất thế giới. Dân Mỹ mỗi năm ăn một số lượng thịt gà bằng tổng số gà của các nước thứ ba gộp lại. Hoa Kỳ cũng có những show và game để trình bày những con gà đẹp nhất, đắt giá nhất, nổi tiếng là "Modern Game Bantams".

Về gà đẻ, có:

- **White Rosks:** Lông trắng, mỏ và chân vàng, mồng đỏ, đẻ hàng năm từ 250 tới 312 trứng. Con trống nặng

khoảng 9,5 lbs, con mái nặng 7,5 lbs. Đặc biệt chúng đẻ cả trong mùa lạnh.

- **Anconas:** Lông đen chấm trắng, chân và mỏ vàng, mỏng đỏ. Giống này nguyên thủy ở Ý, triển lãm ở Anh năm 1851 và năm 1888 được nhập cảng qua Mỹ. Mỗi năm đẻ từ 221 đến 319 trứng.

- **Austria Whites:** Lông trắng lốm đốm đen, mỏ và chân màu vàng, đẻ từ 202 đến 324 trứng hàng năm.

Với các loại thịt gà, gà chọi hay gà cảnh, có:

- **New Hampshires:** Giống này từ Rhode Island, phổ biến ra thị trường từ năm 1930. Lông màu đỏ tía, chân và mỏ màu vàng, mỏng đỏ, nặng khoảng 8,5 lbs.

- **Silver Spanged Hamburgs:** Nguyên thủy ở Đức, lông trắng điểm chấm đen, mỏng đỏ, da trắng, chân chì, rất đẹp, nặng khoảng 5 lbs.

- **Black and White Langshans:** Giống này thuộc loại Ascel hay Malay, là một trong những gia cầm có từ 3000 năm trước ở tỉnh Quảng Đông bên Tàu và năm 1872 được du nhập Anh quốc. Con trống màu đen, nặng khoảng 9,5 lbs, chân và da màu trắng, mỏng đỏ. Con mái lông trắng, nặng khoảng 7,5 lbs.

- **Columbian Wyandottes:** Lông màu bạc; cổ và đuôi màu đen, mỏ, chân và da màu vàng, được triển lãm tại Chicago năm 1893. Con trống nặng khoảng 8 lbs, con mái nặng 6 lbs.

- **White Crested Black Polish:** Nguyên thủy ở Ba Lan. Rất đẹp. Lông màu xanh tía, đầu có chùm lông màu trắng, đuôi, mỏ màu vàng có biu đỏ, chân chì. Nhập cảng vào Mỹ năm 1874. Con trống nặng chừng 6 lbs, con mái 4,5 lbs.

- **Buff Cochins:** Bộ mã rất đẹp. Nguyên thủy ở Trung Hoa. Năm 1843, Đại sứ Anh đã mua một cặp ở Thượng Hải đem về làm quà tặng Nữ hoàng Victoria. Lông chúng màu vàng pha hồng, mỏng đỏ, mỏ và chân màu vàng, đuôi dài cong, đặc biệt hai chân và đuôi có lông dày phủ kín. Con trống nặng tới 11 lbs, con mái khoảng 8,6 lbs.

- **Buff Laced Polish:** Giống này đẹp như công. Lông vàng nhạt, điểm những đốm vàng sậm, đầu có chùm lông như đội mũ, mỏ vàng, chân chì, gà trống có đuôi dài cong vút. Nguyên thủy ở Ai Cập, Nga và Thổ Nhĩ Kỳ. Lần đầu tiên được triển lãm ở Amsterdam và nhập cảng Mỹ năm 1874. Trống nặng khoảng 6 lbs, mái khoảng 4 lbs.

- **Partridge Cochins:** Khoảng 1400 năm trước tây lịch, người Tàu đã thuần dưỡng giống này thành gia cầm. Loại gà này rất đẹp. Con trống có lông đỏ tía ở cổ, lưng và đuôi; màu đỏ vừa ở hai cánh, xanh tía ở trước ngực và hai chân. Đặc biệt hai chân có lông dài phủ kín. Mỏng đỏ, chân và mỏ màu vàng. Con trống nặng tới 11 lbs, mái nặng 8 lbs.

- **Turkens:** Có tên khác là Naked Neck. Đây là giống lai gà chọi, rất khỏe, cổ dài màu đỏ không lông, mỏng to màu đỏ, hai chân vàng, cao, lông trắng có đốm đen, đuôi dài cong. Con trống nặng khoảng 7,5 lbs, mái chừng 6 lbs.

- **Frizzles:** Giống gà này trông rất lạ, lông mọc chìa ra chứ không úp vào, trông như có nhiều đợt sóng. Lông màu đỏ pha trắng, lẫn những chấm đen, đuôi và chân màu trắng, mỏ vàng, mỏng đỏ, chân đặc biệt có năm ngón. Nguyên thủy từ Nhật và Phi Châu.

- **Yokimahas:** Tên khác là Beautiful long tails. Giống này ở Nhật và Đại Hàn. Đuôi dài tới 20 feet, di chuyển rất khó khăn. Lông trắng từ cổ tới lưng; đen ở hai cánh, ngực và bụng; đuôi có ba màu đỏ, đen và trắng; chân và mỏ màu trắng. Con trống chỉ nặng 4 lbs, mái 3 lbs.

Ở Việt Nam chúng ta có năm loại chính:

- **Gà rừng:** Nhỏ con, bay giỏi, hiếu chiến, ở trong rừng.

- **Gà tây hay gà lôi:** Cao lớn, lông đen hoặc lốm đốm, đầu sần sùi, con trống có biu đỏ ở cổ và đuôi có thể xòe rộng như đuôi công.

- **Gà nước:** Loài chim đồng lớn, hình dạng giống gà.

- **Gà gô hay đá đá:** sống ở chỗ đồi núi ít rậm rạp.

- **Gà nhà:** Chỉ các loại gà thường được nuôi trong vườn, ruộng. Gồm có: Gà ác hoặc gà ri, lông trắng, chân chì, da đen, nhỏ con; Gà tàu lông nâu, da vàng, thịt ngon; Gà tre nhỏ con, màu sắc sặc sỡ, hiếu chiến; Gà chọi hay gà đá, ít lông, cao lớn, nuôi để đánh nhau.

NHỮNG GIAI THOẠI VỀ GÀ

* **Con gà nổi thành Cổ Loa:** Năm 257 trước tây lịch, An Dương Vương xây thành Cổ Loa. Theo *Linh Nam Chích Quái* thì thành xây trên đất Việt Thường, phía tây Hà Nội bây giờ, nơi làng Cổ Loa, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên. Xây đắp gần xong thì thành lại sụp. Thục Vương mới lập đàn, ăn chay, kiêng sắc dục cho trong sạch, cầu đảo suốt ba tháng.

Ngày mồng bảy tháng ba, bỗng một Đạo sĩ từ phương tây đến thẳng cửa thành, vừa đi vừa than rằng:

- Xây đắp thành thế này thì bao giờ cho xong?

Thục Vương rước Đạo sĩ vào, lạ và hỏi kè:

- Ta đắp thành này đã xong lại đổ, hao tổn công sức mà không thành tựu là tại làm sao?

Đạo sĩ thưa:

- Ngày nào có sứ giả Thanh Giang cùng đắp với Vương thì thành này mới xong. Nói xong thì cáo từ biến ngay.

Rạng ngày, Thục Vương đứng ở trước cửa đông trông ra thì thấy một con rùa vàng theo hướng đông bơi lại. Rùa đứng trên mặt nước và nói, tự xưng là Thanh Giang sứ giả, biết rõ lẽ âm dương trời đất, quỷ thần. Vương cả mừng, sai lấy kim dư (xe vàng) rước vào thành, mời ngồi trên điện, hỏi vì cớ gì mà thành không đắp được.

Thần Kim Qui trả lời:

- Ở đây có tinh khí núi sông, con Tiên Vương (tức Hùng Vương) phụ vào để báo thù việc mất nước (Văn Lang). Lại có con gà trắng sống ngàn năm, hóa thành yêu tinh ẩn ở núi Thất Diệu. Trên núi có quỉ, nguyên có một nhạc công chôn cất ở đây hóa ra quỉ. Bên kia có một cái quán để hành khách qua lại ngủ nhờ thì quỉ tinh hóa ra thiên hình vạn trạng mà giết hại rất nhiều. Bây giờ nên bắt con gà trắng và đứa con gái của chủ quán mà giết đi thì tinh quái sẽ hết. Nhưng chắc là nó lại hóa ra yêu thư, sai chim si-hưu (chim cú mèo) ngậm thư bay lên cây chiên đàn tâu với Thượng đế để xin phá thành ấy đi. Thần xin khẩn cho rơi cái thư ấy xuống, Vương lập tức thu lấy

(mà sử dụng) thì tất nhiên thành ấy mới đắp xong.

Cũng trong núi Thất Diệu, lúc đào đất và đá để xây thành, dân quân ta đã tìm thấy một nhạc khí đời thượng cổ, bên cạnh là tàn cốt của nhạc công. Đây là cây đàn xưa nhất nước ta, và có thể đó là một thạch cầm mà các nhà khảo cổ đã phát hiện được ba, bốn bộ trên toàn cõi Việt Nam.

Thục Vương nhờ có thần Kim Qui mà thời nay ta gọi là Kiến Trúc Sư với quyển *Chỉ Nam Kiến Trúc Thành Trì*, lâu nay do chim cú gìn giữ, mà thành mới hoàn tất, dài nghìn trượng, rộng lớn, xoay tròn hình tròn ốc, đặt tên là Tư Long. Người nhà Đường bên Tàu thì gọi thành này là Sát Qui Côn Lôn thành.

*** Hưởng Đạo Vương và hịch Tướng Sĩ:** Năm Giáp Thân (1824), đời vua Trần Nhân Tông, giặc Nguyên sang xâm lấn nước ta. Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn làm một bài hịch kêu gọi toàn quân đoàn kết chống ngoại xâm. Trong bài hịch bằng Hán văn, Ngài đã đề cập đến thú chơi gà và những tệ trạng khác làm nhục chí chiến đấu của tướng sĩ:

*Hết cỡ bạc, vui chơi gà chọi,
Thôi rượu chè, lại ngồi hát hay,
Vợ con quần quít đêm ngày,
Ruộng vườn chăm chút riêng tây
của nhà...*

Rồi Ngài cảnh giác:
*Giặc Nguyên trở lại dùng dùng,
Lấy gì chống đỡ, hay cùng cam
tâm?*

*Cửa gà sắc không đâm giáp giặc,
Mẹo bạc gian khó đoạt mưu quân,
Vợ con thêm bận vướng chân,
Ruộng vườn khôn chuộc cái thân
ngàn vàng.*

(Bản dịch của Bửu Văn Phan Kế Bình)

*** Tả quân Lê Văn Duyệt và thú chơi gà:** Sử ta ghi chép. Tả quân Lê Văn Duyệt (1763-1832) từ trẻ đã rất ưa thú chơi gà. Năm 1785, Ngài theo phò Chúa Nguyễn Ánh. Khi Chúa thống nhất non sông, lên ngôi Hoàng đế tức Vua Gia Long, Ngài nghiêm nhiên là bậc khai quốc công thần, oai quyền tột đỉnh nhưng vẫn mê thú đá gà. Ngày kia, vua Gia Long thiết triều, Tả quân đến chậm hơn các quan, bị vua nghiêm trị phán hỏi, nghi ngờ Ngài vì

mê gà mà bê trễ việc nước. Tả quân bình tĩnh trả lời:

- Muôn tâu, nếu hạ thần đã làm được việc gì nhỏ trong ấy ấy cũng là nhờ gà cả. Người xưa đã nói, gà có đủ năm đức lớn: Đầu có mồng như đội mào là **văn**; chân có cựa nhọn như gươm dao là **võ**; thấy kẻ địch trước mặt dám xông vào là **dũng**; thấy cái ăn được thì gọi đồng loại đến cùng ăn là **nhân**; ban đêm cứ tới giờ, tới canh thì gáy là **tín**. Văn, võ, nhân, dũng, tín rất cần cho kẻ cầm quân, làm tướng. Nếu không có đủ năm đức ấy, ba quân không lấy gì làm phục, quân giặc không lấy gì để thua. Hạ thần học thiếu, tài sơ, toàn nhờ gà chọi dạy cho năm đức ấy ngay từ thuở nhỏ nên nay mong ơn vũ lộ mới được dự làm kẻ nhân thần. Dám mong bệ hạ tha cho cái tội ham chơi gà chọi.

Tâu xong, Tả quân dập đầu lạy mãi. Vua Gia Long mỉm cười tha tội và khen ngợi Ngài đã có những lời chính xác, chí tình, chí lý.

*** Con gà của Trạng Quỳnh:** Thời Lê trung hưng, chơi gà đã trở thành thú tiêu khiển hàng ngày của giới giàu có, quan lại, đặc biệt là trong giới quan thị (hoạn quan). Trạng Quỳnh vốn tính ưa hài hước, bèn phao tin rằng mình có nuôi được một con gà chọi rất cừ, đá thắng cả gà của sứ Tàu. Đám hoạn quan tò mò, mang gà đến xin chọi. Trạng Quỳnh chối, bảo không có gà qué gì cả. Nhưng bọn hoạn quan không tin, nằng nặc xin đòi đấu cho bằng được. Trạng Quỳnh hẹn hôm sau sẽ cho gà đọ sức.

Buổi sáng ngày hẹn. Trạng đến nhà hàng xóm mượn một con gà trống thiếu đem về nhà ngồi đợi. Lúc bọn quan thị đem gà đến chọi, Trạng liền thả con gà trống thiếu ra. Nhưng vừa lâm trận, ngay hiệp đầu, gà của Trạng đã bị gà chọi chuyên nghiệp đá một phát trúng chỗ nhược, lẩn ra chết. Bọn quan thị vỗ tay reo mừng, chê gà của Trạng quá dở. Trạng lập tức thanh minh:

- Các người không biết, trước gà của ta đâu có tệ như thế này, nó chọi đâu thắng đấy, nhưng từ lúc ta thiếu nó đi thì nó đổ đốn ra như vậy.

Rồi Trạng ôm lấy con gà chết, vừa khóc vừa kể:

- Gà ơi là gà! Khốn khổ thân mày! Mày phải biết phận mày không có dái thì sao không chịu thua chạy trước đi, để ngựa nghề đến nông nỗi này! Mày

có chết cũng là đáng kiếp, chẳng ai thương tiếc mày đâu!

Bọn hoạn quan thấy Trạng xỏ xiên như vậy, vội ôm gà lẳng lặng đi về.

*** Mất ngôi vì gà:** Thời vua Lê chúa Trịnh, tương truyền Đuan Nam Vương Trịnh Khải rất mê chơi gà. Đó cũng là một trong những lý do khiến cha là Trịnh Đô Vương Trịnh Sâm ghét bỏ, không lập làm Thế Tử vì cho rằng ham chơi lâu lổng, mà lập con út còn nhỏ tuổi là Trịnh Cán, con của ái phi Đặng Thị Huệ. Trịnh Khải bất mãn, lập một sân chơi gà để che mắt thiên hạ, nhưng thực ra là để mưu đồ đại sự. Hàng ngày Khải đến đó, vừa xem chọi gà vừa bàn mưu tính kế với thầy học là Hân Quận Công Nguyễn Phương Đình và các đồng chí. Sau này, lên làm Chúa (1783-1786) ông vẫn hâm mộ môn tiêu khiển này và nuôi được nhiều gà chọi rất hay.

*** Hải Ninh Quận Công chết vì gà:** Nguyễn Miên Tàng, Hoàng tử thứ 42 con vua Minh Mạng, tước Hải Ninh Quận Công, vốn là một người hư hỏng, chơi cờ lâu lổng, ưa cờ bạc hát xướng. Ông mê đá gà, hát bội đến nỗi khánh kiệt gia sản phải ở nhờ một chiếc đồ nuôi lợn. Cuối năm 1896, ông đến xem một buổi chọi gà ngoài thành nội Huế. Thấy một con gà chọi có dáng vẻ oai hùng, ông lớn tiếng reo hò, cổ vũ nhưng bất ngờ nó bị đối thủ phản công phải thua chạy khiến ông phát uất, máu đưa lên cổ, nằm chết ngay tại trường gà, thọ 68 tuổi. Tương truyền vì lúc sống chơi cờ xa xỉ nên lúc chết ông không một đồng dính túi, ngay cả bộ triều phục để khâm liệm cũng không có. Người nhà phải lấy giấy xanh đỏ cắt một bộ áo mào Quận Công để mặc cho.

*** Vương Bột và hịch Anh Vương Kê:** Vương Bột tự là Tử An, sinh năm thứ 21 niên hiệu Trinh Quán, đời Đường Thái Tông. Ông nổi tiếng thần đồng, năm 6 tuổi đã biết làm văn, 9 tuổi viết bài phê bình những điểm sai lầm trong sách của Nhan Sư Cổ chú giải Hán thư. Năm 20 tuổi, ông làm chức Tu Soạn tại vương phủ. Nhân thấy những người trong hoàng tộc thích đánh bạc bằng lối chọi gà, ông làm bài *Hịch Anh Vương Kê* (Trách con gà của Anh Vương) để đùa giỡn. Không ngờ bài ấy đến tai vua Đường Cao Tông. Vua giận, trục xuất Vương Bột khỏi vương phủ. Rồi kinh đô,

Vương Bột đi du lịch nhiều nơi. Trên đường sang Giao Chỉ thăm thân phụ, ông được dự bữa tiệc của Đô đốc Diêm Bá Tự tại Đền Vương Các. Trong tiệc này, ông làm ra áng văn nổi tiếng Đền Vương Các Tự với những câu bắt hủ: *Lạc hà dĩ cô vụ tề phi, Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc*. Vương Bột bị đắm thuyền, chết đuối ở cửa Thần Phù (thuộc tỉnh Hà Nam Ninh ngày nay). Năm ấy ông mới 29 tuổi.

GÀ TRONG VĂN CHUÔNG, VĂN HÓA VIỆT NAM

Gà chiếm một địa vị khá quan trọng trong đời sống ở thôn quê. Gà, vịt, mèo, chó, trâu, bò là những giống vật gia đình, gần gũi loài người hơn hết vì được nuôi trong nhà, ngoài sân, hàng ngày ra vào, chung sống bên nhau.

Tên *gà (cà)* và động từ *gáy (cáy)* đều là những nghi thanh từ (onomatopée) dựa theo tiếng kêu, tiếng hót của giống vật mà gọi, cũng như chữ *kê, coq, cocorico, gallus, gallinacées*, và cũng như trường hợp những chữ *bò, boeuf, beef, buffalo, beugler, bovidés, v.v...* trong ngôn ngữ sơ khai của loài người.

Trong văn chương truyền khẩu, ta thấy có rất nhiều thành ngữ, tục ngữ và ca dao nhắc đến con gà, dùng gà để ẩn dụ:

Gà đẻ gà cục tác: Kê nào làm gì thì tự để lộ hình tích việc mình làm ra.

Gà què ăn quẩn cối xay: Chỉ hiệp đáp hay chơi gác người cùng làng, cùng xóm.

Gà ghét nhau tiếng gáy: Tính đố kỵ, ghét kẻ khoe khoang, khoe lác.

Gà được dùng để ví von cũng nhiều. Bà nào sanh đẻ dễ thì ví: *Đẻ như gà*. Người trông có vẻ như mất hồn, ngơ ngáo thì bảo: *Ngây ngô như gà cồ, lơ đãng như đom đóm đục*. Vợ chết ở vậy nuôi con là lâm vào cảnh *gà trống nuôi con*. Chữ viết xấu là *chữ như gà bới*. Vận xui chưa hết thì than: *Tội vịt chưa qua, tội gà đã đến*. Nói năng dài dòng, lời thôi thì bị chê *cà kê đẻ ngỗng*. (Theo nhà ngôn ngữ học Lê Ngọc Trụ, câu này phải là "*cà kê nghệ ngỗng*". Lý do: thành ngữ này gồm hai vế ngang và đối nhau, chỉ có hai con vật là *gà* và *ngỗng* được lặp đi lặp lại: *gà* là *cà* là *kê*; *nghê* là *nga* là *ngỗng*. Nếu cho lọt con dê vào vế 2 sẽ mất sự cân đối).

Trong sinh hoạt hội hè đình đám, con gà cũng không vắng mặt. Làng

Tích Sơn, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Yên, Bắc Việt, hàng năm có tục chém gà vào ngày mồng ba Tết. Con trai đến tuổi chịu việc làng, nghĩa là 18 tuổi, mỗi người phải nuôi một con gà cúng thần. Ngay từ đầu năm trước, họ đã mua gà, đem thiến để nuôi cho tới ngày hội. Trong lúc nuôi, phải vỗ sao cho béo, chắc, lông mã bóng mượt. Đến ngày, họ mang gà ra ngồi thành hai hàng hai bên bàn thờ để các cụ trong làng kiểm soát. Khi vị tiên chỉ thấp hương khấn xong, các chàng trai ôm gà của mình nhẩy nhót, vái lễ trước bàn thờ. Lễ xong, từng chàng trai một, dùng một con dao thật sắc chém đứt đầu gà, tiết được hứng riêng vào một chiếc bát con đoạn mang gà ra sau làm lồng cúng thần.

Nếu tục "chém gà" dành cho thanh niên thì lễ "luộc gà" là phần của phụ nữ. Hội đầu xuân của Làng Chuông tỉnh Hà Đông hàng năm ngoài tục thổi cơm thì còn có tục thi luộc gà. Con gái tới tuổi 18 phải kiếm mua cho được con gà giò trống tốt, đem thiến trước khi nuôi. Phải săn sóc, nuôi vỗ thể nào cho tới ngày dự thi gà càng nặng ký càng tốt. Những năm có dịch toi, gần tới ngày gà lẩn cổ ra chết, chủ nhà cuống quýt lo lung mua gà khác thay thế nhưng luôn bị thua điểm do gà không được chăm sóc kỹ từ đầu.

Cứ ngày mồng bảy Tết, các cô gái dự thi đã quần áo tề chỉnh, quày gánh gà và phụ tùng ra trình làng. Điều lệ thi tóm tắt như sau: Trước khi gà bị giết, phải được Ban Giám Khảo cân đo và chấm sắc diện bề ngoài (mã gà). Khi có trống lệnh thì chỉ một mình người dự thi đem gà vào bếp. Ở đó đã có sẵn bã mía nhóm lửa, dao thớt, nước, nồi luộc và những vật dụng được Ban Giám Khảo cho phép và công nhận hợp lệ. Thí sinh tự tay một mình cắt tiết, làm lồng, chỉ được nhóm lửa khi có tiếng trống và tắt lửa khi tiếng trống báo hiệu cuộc thi chấm dứt. Luộc xong, gà được đặt ở thế nằm úp trên mâm đồng nhỏ, lòng gan đầy đủ, hai cánh, hai chân úp xuôi theo mình, cổ ngẩng cao, đầu thẳng không cong vẹo, mỏ ngậm đóa hồng đỏ. Các mâm gà được đặt trên bàn thờ để tế Thành Hoàng, sau đó mới bung xuống cho Giám khảo chấm điểm. Gà luộc phải chín tới, da vàng lườm, thị trắng tinh. Phao câu và đầu cánh để biểu quan viên, còn lại đem về cho cả thôn cùng dự.

Buổi hội xuân thi luộc gà được cả làng ra xem. Mọi người đứng quanh

sân đình reo hò cổ võ, nhất là các gia đình có con em dự thi. Các cô người nào cũng mặc áo mới, trông gọn gàng xinh xắn. Nhưng khi cuộc thi bắt đầu là cô nào cô nấy cuống cuống vội vã, mồ hôi mồ kê nhễ nhại, nhọ nời bụi than lấm lem trông rất ngộ nghĩnh. Có cô khi cắt tiết gà không chặt, để gà chạy tung ra ngoài, dân làng reo hò đuổi bắt thật vui nhộn. Gà không bắt được, cô chủ gà đứng khóc tu tu. Có cô cắt tiết gà chưa chết, khi nhúng vào nước nóng để làm lông, gà giãy nước tung tóe làm phỏng cả mặt mày các cô cũng vừa làm vừa khóc. Những cô này làng phạt mỗi người 2 con gà giò. Những cô chiếm hàng nhất nhì ba tư thì được thưởng từ bốn con đến một con. Đây là một tục lệ hữu ích vì nó khuyến khích các cô gái lo việc tề gia nội trợ.

Ngoài việc dùng gà để cúng bái trong những dịp giỗ, Tết, dân ta còn dùng gà trong lễ mở cửa mả. Theo sự tin tưởng, gia đình người có tang, đúng ba ngày sau khi chôn người thân, có buổi cúng mở cửa mả, để vong hồn người chết từ dưới mộ được trở về dương thế. Cây chuối nhỏ, cây mía lau, con gà giò lại phải có mặt. Trong lễ cúng này, con gà không được giết. Gia đình cúng mà chỉ cột con gà bằng một sợi dây và kéo đi vòng quanh mả ba lần để cho tiếng kêu của gà báo thức hồn người chết nằm dưới mộ biết mà trở về.

Nếu những con gà nhỏ được dùng trong lễ mở cửa mả thì những con gà trống lớn, có mồng có tích được dùng trong việc thờ thốt của người dân trước thần linh. Ngày trước, ở miền Nam, mỗi khi có chuyện tranh chấp, người dân không đưa nhau lên quan để kiện tụng mà họ thách cùng nhau đến trước một vị thần linh thiêng (như Đức Tà Quân, bà Chúa Xứ Châu Đốc, v.v...) để mạnh ai nấy khai báo là mình trong trắng, vô tội. Sau đó họ vận cổ con gà trống trước bàn thờ với lời thề dứt khoát: "Nếu tôi nói sai trái sẽ bị thần vận cổ chết như con gà này". Con gà bị vận cổ khèng-khọc giãy chết trông thật hãi hùng. Sau đó hai bên ra về. Nào ai thấy các vị thần "bè cổ" ai bao giờ đâu, nhưng chắc chắn buổi thờ thốt đó gây một ấn tượng tâm lý mạnh mẽ để những người liên hệ không dám làm điều sai trái hoặc tái phạm.

Các con gà hy sinh trong vụ thờ thốt thì cũng có những con gà đem máu xương giúp đời. Con gà ác nhỏ bé, lông trắng, da đen thui nhưng rất

được chuộng trong y học dân tộc. Gà ác (làm việc thiện mà mang tên ác!) được nhổ sạch lông, bỏ vào một thổ sành lớn chung với sâm, đương qui, nhân nhục, sanh địa, v.v... rồi đập dập, trét bí không cho kê hở xi hơi. Thổ sành này bỏ trong nồi lớn đem đun cách thủy khoảng ba giờ. Nước trong nồi lớn có cạn thì châm thêm, chờ nước trong thổ có gà và thuốc chỉ sôi âm ỉ cho con gà rục rã, không bị cạn. Nước hầm này bổ gan, mát ti, mát vị, rất tốt cho người bệnh. Cũng giống gà ác, khi bỏ vào cối giã nát cả xương thịt, lông, máu me rồi trộn với các vị thuốc gia truyền, nó sẽ là chất thuốc làm xương cốt mau lành hơn chuyển bó bột ở bệnh viện. Các võ sư, các ông thầy chuyên trị trặc tay, gãy chân... rất ưa loại gà này. *Chó liềm da, gà liềm xương mà!*

Dung dịch giấm, trứng gà cũng giúp cho người thấp khớp, người già, người bệnh mau phục hồi sức khỏe. Phương pháp chế biến vị thuốc này không khó khăn: Dùng giấm gạo (chế biến từ gạo) có độ chua là 9 độ với dung lượng là 180 cc ngâm chung với một trứng gà sống trong bình thủy tinh. Thời gian ngâm khoảng 48 giờ thì vỏ trứng gà sẽ mềm dần và tan rã, quả trứng hơi phình ra một chút, chỉ còn lớp màng mỏng bao bọc. Dùng đũa chọc bể lớp màng mỏng, khuấy đều lòng trắng và lòng đỏ vào giấm ngâm để tạo ra dung dịch giấm trứng. Với liều lượng này, người lớn uống từ 5 đến 7 ngày, uống vào mỗi sáng khi mới thức dậy, bụng còn đói. Nếu pha thêm một muỗng mật ong, càng dễ uống hơn.

Trong tiền tệ, con gà cũng được nhắc tới: Đồng bạc Kê Ngân. Đây là đồng bạc một lượng của Mexico. Vào khoảng thế kỷ 18, 19, thương khách các nước đều lấy đồng bạc này làm căn bản để trao đổi. Công ty Anh Đông Ấn hay thương khách Trung Quốc qua xứ ta mua bán tại Phố Hiến, Hội An vẫn dùng đồng bạc này cho đến thế kỷ thứ 19. Việt Nam có tiền bạc, tiền vàng của các triều vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, nhưng số phát hành rất hạn chế. Đa số dân chúng sử dụng tiền đồng, tiền điều. Giá trị loại tiền này thấp nên mỗi khi xài vào những chuyện mua bán lớn, hoặc cất giấu để dành làm của, người dân thích giữ tiền bằng kim loại quý hơn. Các nhà bá hộ, do đó, ngoài những nén vàng, thoi bạc, họ chuộng đồng bạc Mexico. Đồng này một mặt

đúc hình con ó miệng cắn con rắn, mặt kia hình cái mũ (nón vải) có tia sáng tỏa ra. Mỗi đồng nặng 27 gram, chất pha bạc 900, có giá trị bằng 5 quan tiền hay 3000 tiền điều. Trong lúc 3000 tiền điều phải vác nặng gần 7 kí-lô rưỡi thì ai lại không thích đổi lấy một đồng bạc con cò cầm cho gọn? Chỉ ngộ một điều là đồng bạc có hình con ó, các cụ ta lại gọi "bạc con cò" hay đồng "kê ngân" (con gà). Thôi, cò hay gà gì cũng được vì có câu hát:

*Cưỡi em bằng bạc con cò,
Nào phải đũa dò, nói chuyện đầy đũa!*

Năm gà mà không nói thú đá gà (chọi gà) là một thiếu sót lớn. Đây là một tiêu khiển rất thịnh hành ở quê hương ta, gây thích thú cho nhiều tầng lớp, từ già đến trẻ, dân già đến quan quyền. Vì khuôn khổ bài viết có hạn, chúng tôi chỉ xin lướt qua tên tuổi họ hàng nhà gà với các danh từ chuyên môn của thú chơi này, để các bạn xa quê khi đọc đến những dòng này, nhớ lại một trường gà nào đó của thời xưa cũ.

Gà nòi: Gà đúng giống tốt, chỉ nuôi để đá độ.

Gà đòn: Loại gà chân tròn, không cựa hoặc cựa mọc không dài. Gà này lớn con, chân to, cẳng bự, đá rất hăng, đòn nào đáng đòn đòn nấy, như võ sĩ hạng nặng nên còn được kêu là "gà cù lự".

Gà cựa: Đá bằng cựa dài. Mỗi khi có độ, chủ gà chỉ được phép chuốt cho nhọn bên một tí.

Gà cựa dao: Loại gà không cần giống tốt, đá đòn hay mà chỉ cần cọt thêm một loại dao bén nhỏ xíu vào hai cựa để hai con gà... giết nhau mau hơn.

Gà bướm: Sắc lông lốm đốm đẹp như con bướm.

Gà mồng trích: Có mồng đỏ như chim trích.

Gà nhạn: Lông trắng như chim nhạn.

Gà chuối: Lông xen lẫn nhiều màu vàng, xám, trắng, đỏ, nâu như thân cây chuối lốm đốm.

Gà điều: Lông đỏ óng ánh màu nâu sậm.

Gà ó: Lông như chim ó.

Gà ô: Lông đen tuyền.

Gà xám ô: Lông pha đỏ và xám.

Còn nhiều tên do chủ gà đặt nhưng phải nhìn nhận là màu lông gà rất quan hệ trong trận đấu gà vì chúng nó cũng bị kỳ màu lông như: Gà điều ăn chắc gà xám, gà chuối; gà ó ăn gà xám; gà xám lại sợ màu lông của gà nhạn, v.v...

Ngoài tên gọi theo màu lông, gà đá còn được xưng tụng như các tay anh hùng: Tiết Nhơn Quý, Tiểu La Thành (vì có ngón đá hồi mã thương, già bộ quay đầu như bò chạy để đối thủ xông tới thì quay mình đá ngược vào cổ đối thủ); Triệu Tử Long (con gà của chú Tám tôi đá thắng thật mau, máu của gà địch chưa kịp dính vào bộ lông trắng toát của nó) ... Lại có nhiều con mang danh Thần Ô, Điện Quang (đá mau như điện xẹt là gà kia đã giãy chết), Nhựt Nguyệt vì một chân vảy đen một chân vảy trắng ngà... Ngoài lông, bộ vó, tài nghệ... gà còn được gọi chung dưới địa danh nó xuất xứ như: Gà Cao Lãnh,, Gà Bà Điểm, Gà Hóc Môn, Gà Kế Sách...

Ngày nay ở quê người, chúng ta hãy ráng nhớ những tên gà vang danh của thời xưa cũ mà khi nhắc đến ai cũng trầm trồ khen ngợi, và quên đi những con gà rớt, gà rù, gà chạy mặt... hại chủ trút túi tại trường gà như những "con gà" ngoài đời đã hại chúng ta phải bỏ xứ ra đi nay đang lăm le trở lại đấu trường. Những con gà đó chỉ đáng được kêu là gà hường tâm (hâm tương) hay gà kỳ ra (cà-ri) thôi...





Năm Dậu, vài cảm nghĩ về Gà

● Nhựt Trọng

Đời sống của Dân Tộc Việt Nam có liên quan mật thiết đến mười hai "Con Giáp", khởi đầu từ chú Tý bé teo mà khôn lanh, quý quý, chú Sửu to lớn nhưng thật hiền hòa, trung hậu... cho đến chú Hợi mập ù, tham ăn, tham ngủ.

Anh tuổi Dần, chị tuổi Thân, Cô ta tuổi Mùi, còn tôi tuổi Tý v.v... Không biết tại sao mỗi người trong chúng ta đều gắn liền tuổi tác của mình với một con vật như vậy, từ lúc sinh ra cho đến trọn cuộc đời?

Trước thêm Xuân mới, từ giã năm Thân để bước sang năm Dậu, tôi muốn ghi lại vài cảm nghĩ, xin gửi đến quý độc giả thân thương để cùng chia sẻ trong lúc "tiễn cựu nghinh tân".

Sinh sống tại một làng quê hay có dịp về đây thăm viếng đôi ba ngày, chắc chắn chúng ta sẽ không quên được hình ảnh đàn gà tung tăng trong nắng sớm. Chú gà trống với màu lông sặc sỡ, dáng điệu oai nghi, lúc nào cũng tỏ ra "ga-lăng", che chở cô gà mái mỹ miều và đàn con nhỏ thơ ngây. Thịnh thoảng chú thích chí, đập cánh gáy vang... Một bức tranh quê thật thanh bình.

Từ lúc canh tư, canh năm, tiếng gà gáy sáng đã đánh thức người dân quê, để bắt đầu công việc cho một ngày mới. Người thì ra đồng để cày cấy hoặc chăm sóc lúa, khoai. Người mua bán thì tất tả gánh hàng ra chợ. Công nhân tạm biệt tổ ấm của mình để lên đường đến sở làm. Trẻ em thì hân hoan cắp sách đến trường. Trong khi người còn ở lại nhà, rải thóc lúa cho đàn gia súc ăn, ra chiều tương thân tương ái.

Nếu con gà và người dân quê sống chung hòa bình như vậy thì từ ái biết bao. Nhưng, mặt trái của cuộc đời bao giờ cũng vẫn là những bất công, những đợt sóng ngầm, những hầm bẫy chông gai, mang theo sự khổ đau, tỵ hiềm, oan trái.

Chúng ta hãy hình dung, một con gà đang tung tăng vui sống trong đàn, bỗng một hôm, nhà có khách và người chủ cần có thịt để thết đãi. Người ta cùng nhau đuổi bắt gà. Nó kinh hãi, chạy tứ tán. Vì sợ chết, con gà cố sức chạy thoát, nhưng người ta quyết bao vây bắt cho kỳ được. Rồi đè xuống cắt cổ, đem nhúng nước sôi, nhổ lông, mổ bụng, chặt xắt thân xác nó ra! Tai họa, sự đau đớn bất chợt phủ lên con vật nhỏ bé và mạng sống của nó bị cướp đoạt.

Tại các ước văn minh Âu Mỹ, trong các siêu thị, chúng ta thấy những con gà tơ, những con gà Suppe đã làm sẵn, thật sạch và gói trong túi nylon, trông rất hấp dẫn. Nhưng nếu chúng ta có dịp xem hình ảnh một xí nghiệp làm gà được chiếu trên TV thì thật đáng cho chúng ta suy gẫm.

Hàng trăm con gà bị trói căng, treo lên những cái móc, đầu gà chúi xuống. Hệ thống dây chuyền sẽ chạy qua, đưa những con gà vào máy... cắt đầu, nhổ lông, mổ bụng, tim, gan được tách riêng. Thân gà thì máy cũng cắt làm đôi làm tư và đùi, cánh cũng bị cưa xắt ra từng mảnh.

Trong giờ phút đó, chắc chắn những con vật nhỏ bé kia vô cùng kinh hãi.

Tôi còn nhớ, trong một khóa tu Bát Quan Trai Giới tại Chi Hội Phật Tử VNTN Frankfurt vào trung tuần tháng 9 năm 1999, Thượng Tọa Phương Trượng chùa Viên Giác đã giảng về Ngũ lục của Hòa Thượng Tuyên Hóa; Những lời khai thị rất ân cần, sâu sắc và vô cùng hữu ích cho việc tu học của Phật Tử chúng ta.

Thượng Tọa đã nhắc nhở rất nhiều về Giới bất sát sanh trong ngũ giới của người Cư sĩ Phật Tử tại gia và sách tấn chúng ta đừng ăn thịt.

Tôi đã thấy lòng se thắt lại khi nghe Thầy giảng về một đoạn rất tượng hình là những con vật bị giam cầm trong chuồng, bị trói cột, chúng vô cùng sợ hãi mà không thể nào thoát ra được. Mạng sống và thân xác của chúng sẽ bị tước đoạt để cung phụng cho con người. Chỉ vì con vật sức yếu thể cô; còn con người thì dùng trí khôn và sức mạnh để thỏa mãn lòng ham muốn của mình. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ xin suy gẫm về "từ tâm" mà chưa nói đến sự độc hại vì ăn thịt.

Thượng Tọa cũng xác định rằng tất cả các cuộc chiến tranh thảm khốc xảy ra trên thế gian này chẳng qua cũng vì con người không giữ giới bất sát sanh và không tôn trọng sự công bằng giữa mọi người, mọi loài.

Phật Tử chúng ta càng không thể ăn thịt, nếu chúng ta quán chiếu thâm sâu vào Giáo lý của nhà Phật. Biết đâu con vật chúng ta đang làm thịt, đang ăn thịt cũng là một con người trong vòng sanh tử luân hồi đã hóa sanh vào; thậm chí là một người thân nhiều đời nhiều kiếp của chúng ta!

Nếu con người không giữ giới bất sát sanh, lại phạm thêm giới bất ảm tửu thì thật vô cùng tai hại. Vì rượu và thịt sẽ làm cho chúng ta mất hết từ tâm.

Ngoài sự thân thiện và oan trái giữa người và gà như trên, chúng tôi còn có suy tư về trò chơi đá gà thật dân dã mà cũng hết sức thương tâm. Những con "Gà nội" hay "Gà chọi" được người chủ chăm sóc rất chu đáo, để ý từ thức ăn, nước uống, từ sợi lông và nhất là o bế đôi cựa sao cho thật sắc.

Tại đấu trường, thường là trên một bãi cỏ hoặc một sân banh, hai người chủ gà và đôi bên đánh cá với nhau bằng những số tiền rất lớn. Bên nào cũng muốn giành phần thắng lợi về mình. Còn hai con gà thì với bản tánh hung hăng hoặc vì nghiệp quả thù hận lâu đời mà chúng sẵn sàng lâm chiến. Có lúc chúng vụt bay lên cao, có khi chen mình xuống thật thấp, tung ra những đòn chí tử cho đối phương. Chung quanh, số người hiếu kỳ bỏ tiền cá độ reo hò, cổ vũ. Có nhiều khi, hai con gà bị người ta bôi mặt để chúng đá nhau, đến nỗi một mất một còn. Và thậm chí hơn, cũng có khi ngay sau cuộc chiến, kẻ thắng cũng vong mạng!

Sau này người ta còn chơi trò chắp thêm cựa sắt rất dã man! Đôi gà chọi được người chủ buộc vào chân một cái cựa thật nhọn, thật bén bằng kim loại và có những kỹ thuật rất tinh vi. Tùy theo kinh nghiệm ghép cựa, mà người chủ và con gà có thể thành công hay thất bại.

Tôi còn nhớ, trong thời gian lặn lội về miền sông nước Cà Mau để tìm đường vượt biên, có lần chúng tôi ghé vào xem một cuộc đá gà bên bờ sông Ông Đốc. Hình ảnh làm cho tôi nhớ mãi và suy tư rất nhiều là: Sau vài hiệp đấu đã

với nhau bất phân thắng bại. Đồng xu được treo trên cây nhang đang cháy đã rơi xuống chiếc đĩa bằng sành, vang lên tiếng "Keng"... báo hiệu chấm dứt một hiệp nữa. Hai chú gà được người chủ của nó tận tình chăm sóc, họ phun nước, vuốt ve, thậm chí dùng miệng để hút máu từ những vết thương.

Rồi cuộc chiến lại tiếp tục. Mỗi bên giữ con gà của mình trong hai tay, còn đang lựa thế để tung ra cho hai đối thủ tử chiến với nhau. Bỗng nhiên, một con gà nghẹo cổ sang một bên và rùng mình chết tốt! Thì ra, "Dũng tướng" đã bị một vết thương rất sâu từ chiếc cựa sắt của đối thủ, nhưng vì cựa nhỏ và quá bén nên người chủ lẫn con gà đều không hay biết và con vật đã chết thật nhanh, thật bất ngờ khi máu chảy ra trong nội tạng.

Tôi thăm hỏi, trong những cuộc chiến tranh tàn khốc trên thế gian này, đã có bao nhiêu trường hợp như hình ảnh đôi gà, đã quyết đấu vì bản tánh hung hăng sẵn có của mình và độc hại hơn, là do những động lực, những sự cố vũ, khiêu khích từ bên ngoài; chung qui cũng vì quyền lợi của những kẻ chủ mưu.

Nhân khi trời đất chuyển mùa, người người chuẩn bị tiễn đưa năm cũ Giáp Thân và đón mừng năm mới Ất Dậu, chúng tôi chợt nhớ đến bốn câu thơ trong Sấm Trạng Trình:

*"Long vĩ, xà đầu khởi chiến tranh,
Can qua xú xú khổ đao binh!
Mã đễ, Dương cước anh hùng tận,
Thân Dậu niên lai kiến thái bình".*

Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm, một nhà chiêm tinh, một nhà hiền triết, sanh tiền vào thế kỷ thứ 16, là một công thần Nhà Mạc. Tính đến nay, thăm thoát năm thế kỷ đã trôi qua. Biết bao nhiêu lần "Thân Dậu niên lai". Nhưng thái bình thật sự hầu như chưa đến với chúng ta. *Có lẽ vì con người còn thiếu từ tâm.*

Về phương diện giáo dục, Trạng Trình được coi là một bậc Quốc Sư với danh hiệu Tuyết Giang Phu Tử. Trong bài thơ "Cảm Hứng", ông đã phê phán các cuộc chiến tranh tàn khốc lúc bấy giờ:

*"Cổ lai nhân giả tư vô địch
Hà tất khu khu sự chiến tranh"*

Xin tạm dịch:

*"Xưa nay người có lòng nhân là vô địch
Theo đuổi chiến tranh có nghĩa gì"*

Một lần nữa năm Dậu lại về, chúng tôi mong rằng Giáo lý Phật Đà, những lời giảng dạy của Chư Tổ, Chư Tôn Đức Tăng Ni, những bài Ngữ lục điển hình như của Hòa Thượng Tuyên Hóa, cùng với biết bao nhiêu lời ước nguyện và huấn dụ của những bậc trung quân, ái quốc là kim chỉ Nam cho Phật tử chúng ta trên bước đường tu học, cần cầu sự giác ngộ, giải thoát.

Tiếng gà gáy sáng sẽ đánh thức từ tâm của nhân loại; mang hòa bình chân chánh đến cho toàn thế giới. Tiếng gà gáy trưa sẽ ru giấc ngủ an lành cho mọi người, mọi loài, hun đúc thêm nét nên thơ, đầm ấm ở thôn quê, nơi sản sanh nhiều danh nhân, thi sĩ, nhiều vị anh hùng, liệt nữ và thiên văn, hiền triết.

Chào mừng năm Ất Dậu, xin quý Đạo Hữu cùng chúng tôi hiệp tâm cầu nguyện một mùa Xuân thanh bình, thịnh vượng cho Đất Nước, cho Dân Tộc Việt Nam và khắp nơi trên quả đất này.



● Trần Trung Đạo

Một mùa Xuân Thêm một lần nói dối Mẹ

*Nhớ năm ngoái mẹ có lần đã hỏi
Về chưa con sao vẫn thấy chưa về
Con lại phải thêm một lần nói dối
Chờ sang năm con hứa sẽ về quê*

*Nếu chẳng phải vì thay tờ lịch mới
Chắc là con không biết có Xuân sang
Đời nước Mỹ tháng ngày trôi qua chóng
Chưa kịp xoay đã hết một năm tròn*

*Bỗng sự nhớ đến lời ai đã nhắc
Lại lo tìm câu nói dối cho xong
Mười một mùa xuân miệt mài đất khách
Con dối đi dối lại biết bao lần*

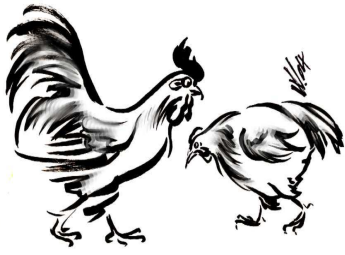
*Căn nhà cũ chắc năm nay mục nát
Tiền gởi về không đủ mẹ nuôi thân
Con gái lớn theo chồng đi nơi khác
Con trai đầu biển biệt chốn xa xăm*

*Cây mai nhỏ ba đã trồng năm trước
Mấy xuân rồi có nở nụ nào không
Hay đã chết theo ba từ đạo ấy
Để mùa Xuân hoa trắng nở trong lòng*

*Năm mới đến mẹ già thêm một tuổi
Tóc bạc hơn nhiều, má hóp răng long
Sao giấc ngủ chập chờn con thấy mẹ
Người đàn bà đẹp nhất ở trần gian*

*Năm mới đến con cũng già thêm tuổi
Xa mẹ hiền một tuổi nặng bằng hai
Tuổi nước Việt chất chồng lên quá khứ
Tuổi xứ người quân quật với tương lai*

*Con chẳng biết nói thế nào mẹ hiểu
Chẳng còn ai hiểu hết chuyện đời con
Non nước đó vẫn còn đầy dâu biển
Núi sông đây sao giữ được vương tròn.*



Trờng

Gà

● Tử Hùng

Ở miệt vườn và ngay cả những vùng ven tỉnh nhỏ miền Nam, thỉnh thoảng vào những buổi trưa hè, người ta gặp hai đứa bé nhủ hai con gà tre rồi thả ra khoảng đất trống, dưới bóng mát các tàng cây, để hai con gà nhỏ đó phùng lông xòe cánh, hăm hở đá nhau giữa tiếng reo hò của bọn con nít bao quanh: Đó có thể là hình ảnh ban đầu của trường gà. Tuy khoảng đất còn hạn hẹp, cặp gà tre còn nhỏ vóc, nhưng cũng đủ lông, đủ cánh, trở màu sắc sặc sỡ, đuôi cong cựa nhọn, cũng nhảy lên đá xuống, mổ cắn đến rụng lông xước da và trận đấu cũng diễn ra đủ lâu theo ý mong đợi của lũ trẻ.

Còn trường gà của người lớn qui mô hơn, được tổ chức ở sân đình, hoặc miếng đất trống bên hông nhà việc làng, hay bãi cỏ hoang trước miếu, sau chùa và ở cả các khu vườn thưa hoặc sân phơi lúa của những nhà điền chủ. Thông thường ngay giữa sân người ta vây tròn một vòng rào phen tre cao ngang đầu gối, như một đấu trường hình bầu dục đường kính ngắn khoảng từ 3 đến 4 thước hay hơn nữa, tùy độ gà lớn nhỏ. Hai đầu đường kính dài, đặt hai bệ tre để nhốt gà đấu. Hai chủ gà, kèm luôn tay cho nước, ngồi chễm hễm bên cạnh bệ, chờ giờ bùng gà ra trận.

Thuở trước chẳng cần trọng tài trong các trận đá gà vì sự hơn thua ai cũng nhận ra: con thua thường nằm bẹp tại đương trường, cũng đôi khi có con dở chịu đòn, bị đá đau bỏ chạy và con thắng, vỗ cánh, giương cổ gáy vang. Nhưng về sau có quá nhiều tay bợm, mảnh mung, lòng gặt trong những độ gà ăn thua lớn, nên các trường gà mới mượn Sư kê đến để dẫn dắt trước các tên lưu manh, lật tẩy các thủ đoạn của những tay chơi gian xảo như lén bôi nọc rắn hổ lên cựa gà hay xạ chồn vào lớp da non dưới nách cánh, để con nào quen lườn nách đối phương chơi "via tối", vừa mới chui đầu vào hủi phải mùi xạ liền kinh hoàng vừa kêu quang quác, vừa cấn cổ chạy, vừa ráng đập cánh bay như bị chồn rượt thật. Nếu nghi ngờ, Sư kê có quyền xét cựa gà lạ và đòi khứ độc bằng cách chùi rượu hoặc chanh cặp cựa gà trước khi đá.

Khán giả và các tay cá độ ngồi chễm hễm bao quanh vòng rào đấu trường, các vòng ngoài người coi chen nhau, kê đứng lom khom chống tay lên gối, người đứng thẳng nhón chân nhìn vào. Chỉ những trận gà vào các dịp lễ Tết mới mời các quan chức và Ban Hội Tề (Hương chức làng) và phải bày năm, mười cái ghế dựa, vài chục ghế đầu, thêm cả hàng các băng ghế dài.

Khi đó các chủ gà ở các quận xa và các tỉnh lân cận thường tới trước một hai hôm, che rạp quanh trường gà để nghỉ ngơi và dưỡng gà, nghĩa là họ vẫn ngâm lúa cho gà ăn, vô nghệ, thả gà ra khỏi bệ và dẫn gà quần sương như ở nhà, cho gà quen nơi quen chốn.

Rồi các gánh chè cháo, đồ nhậu cũng bu theo mở ra như cái chợ nhỏ. Nhân đó các tay chơi đánh cá lân la hỏi thăm các chủ gà về tông tích các con gà sẽ cấp độ và tới tận từng bệ để xem giò xem cẳng gà, có to và dài không, vậy có nhuần và thẳng hàng như hột bắp không, chun màu vàng

hay ngả qua màu xanh lá cây non, rồi coi tướng đi, nhìn màu lông, ánh mắt, đợi nghe tiếng gáy nữa, mới quyết định sẽ chọn con nào, đánh cá độ nào.

Thật ra cứ sau mỗi vụ mùa, hay các phiên chợ bán lúa, người ta đều mở trường gà, nhưng phải đợi đến Tết Nguyên Đán nhà nông được nghỉ ngơi lâu cả tháng để ăn Tết và nhà nào cũng vui vẻ để chồng con ăn chơi, cờ bạc ba ngày Tết, nên trường gà được mở dài hạn. Ngay từ 23, 25 tháng chạp đã có những độ gà tất niên và mùng hai Tết đã khai trương trường gà lấy hên năm mới. Nhưng thường các độ gà từ mùng ba Tết mới ăn thua lớn vì có các ông chủ bự ở Chợ Lớn dẫn theo đám đàn em xuống bao thầu cá độ. Rồi trường gà cứ mở tiếp tục tới ngày hạ nêu và có năm trúng mùa, vẫn còn chủ gà muốn cấp độ, vẫn còn nhiều người muốn sát phạt nhau, nên trường gà đã kéo dài thêm qua rằm tháng giêng.

Thời gian mỗi độ gà đã được tính bằng cách đốt một nén nhang, tùy thỏa thuận của đôi bên mà đốt cây dài hay cây nhang ngắn. Nếu tàn nhang mà độ gà bất phân thắng bại, thì hai người chủ được phép bắt gà ra cho nước, phun rượu, thoa nghệ những vết trầy xước, chỗ lông rụng và vô nước gà nghĩa là lấy khăn sạch nhúng vào nước trong, rồi vắt từng giọt vào mỏ gà cho gà uống từng hớp. Xong đem hai con ra nhủ lại và cho đá độ ngắn nửa cây nhang, tức cây nhang đã được cạo bỏ nửa phần dưới rồi mới đốt. Xem cặp gà đá nhau thật là lý thú vì chúng đấu rất kiên cường với nhiều thế nhảy lên đá móc, hay dùng đòn cắn cổ, kẹp mồng đối phương ghệt xuống. Có con vỗ cánh bay qua mình đối thủ, lúc đáp xuống mới dùng cựa nhọn đá ngược lại theo thế đà dao. Có con chịu đòn lúi vào lườn nách đối phương như lẩn trốn nghỉ mệt, nhưng bất ngờ vùng lên vừa dùng sức xô lẩn, đập chân, mổ cánh vật lông. Khán giả bên ngoài la hét cổ vũ, từng nhóm cá độ vẫn khuyến dụ cò mồi, thương lượng chấp thêm, thày bắt tiền cá, ồn ào không thua gì cuộc đấu võ đài, trong khi cặp gà vẫn đá nhau toi bời, rụng lông xệ cánh, cho tới khi có con ngả quỵ tại đương trường và tiếng gáy vang của con thắng quyết định hơn thua.

Chủ gà hay các tay cho nước thường chỉ phun nước cho gà đấu khỏe lại, phun rượu cho gà thêm hăng, chữa trị các vết thương trầy da sát thịt thông thường, còn Sư kê đã lẩn lộn một hai chục năm qua các trường gà, nhiều kinh nghiệm nuôi dưỡng và cho nước gà, mới là "tay tổ" trị thương, có thể vá bầu điều gà bị đá rách, sửa cẳng gà bị bong gân...

Chẳng những ông thầy gà này biết rành nguồn gốc các loại gà qua hình dáng, tướng đi, tiếng gáy, rồi đánh giá từng con gà cựa hay gà đòn, mà còn phân biệt được mấy con gà nòi lai, mới ngó qua tướng gà thịt, nhưng không ngờ lại là tay đá cũ khô, theo gần kịp gà nòi chánh hiệu, hoặc trái lại các con gà "tốt mã rã đám", cũng lông màu sặc sỡ, cánh quạt đuôi cong, nhưng như công tử bột, con nhà giàu, chỉ để làm kiếng chơi chớ đấu đá ai với thân hình bở rệu. Dân nhà nghề gọi mấy con gà cảnh này là "thủy kê" dịch chữ *gà nước*. Còn gà *rót* là gà đá đầu thua đó, nếu chỉ mới thua một hai trận mà bộ mã còn tốt, được chủ bắt về nuôi lại, o bế tân trang gọi là gà *niền*, như thùng cây nút bết, lấy vòng sắt niền lại cho khỏi bung để dùng tạm. Các con buôn mồi lái đem bán gà *niền* lại cho mấy tay chơi mới vào nghề, hoặc chính nhà chủ bắt lương đem ra trường gà dụ cấp độ, sau khi rải đàn em cò mồi len lỏi trong đám khán giả, *làm hớp*, bần ra tán vào, rồi hăm hở lên tiếng đặt lớn, khiến mấy tay mơ tưởng bở a dua đặt theo phải chịu thua tiền, sạch túi.

Không biết tục đá gà xuất hiện trước nhất ở nước nào và bao nhiêu quốc gia trên thế giới đã và đang còn tổ chức các

trận đá gà, mà hầu như khắp năm châu ai cũng gặp các loại gà *nòi* bên cạnh các giống gà thịt, tiếng nhà nghề bên ta quen gọi là gà *chạ*. Cũng không rõ, ở nước ta các trường gà được lập ra từ đời thuở nào, mà đọc sách sử chỉ biết một nhân vật lẫy lừng ở Nam Kỳ là vị Tổng Trấn đầu tiên của Gia Định thành, Tả Quân Lê Văn Duyệt, oai đức vang rền khắp miền Lục Tỉnh, rất ưa thích chơi gà nòi. Xuất thân tại làng Long Hưng tỉnh Định Tường, trong gia đình cụ Lê Văn Toại sanh được Tú Quý bốn con trai, Ngài là con trưởng, ăn nói lanh lẹ, tỏ ra thông minh đĩnh ngộ, nhưng tướng người lùn thấp. Hằng ngày Ngài thường tới lui các trại gà để cho nước và chơi đá gà theo một lý tưởng cao, vì nhìn gà qua đức tánh gan lì, thà chịu chết tại trường, chớ không lùi bước trước sức tấn công của địch thủ, nhờ đó mà Ngài nuôi được chí can trường với tinh thần bất khuất. Lúc nhỏ Ngài cũng theo học chữ nho, song không thích chốn sân Trính, lại chuyên về võ nghệ do có sức khỏe và tập luyện hơn người. Ngài đã hoài bão đến nước non, nuôi ý chí chờ thời cơ thực thi nguyện vọng, qua lời than thở với mọi người: "*Làm trai sống trong thời loạn, mà không giúp ích gì cho quê hương xứ sở là một điều rất tủi nhục*".

Năm Canh Tý (1787) Nguyễn Ánh trên đường bôn tẩu vào Nam, qua Định Tường theo rạch Ông Hồ, ghé nhà Ngài, đúng lúc Ngài còn đang mê trận ở trường gà. Ngài theo phò chúa Nguyễn vào sanh ra tử được sung Cai cơ, quản suất hai đội quân thuộc nội, lãnh bảo hộ cung quyến chúa tại Phú Quốc khi chúa Nguyễn chạy sang Xiêm La cầu viện. Từ năm Nguyễn Vương chiếm được thành Gia Định, Ngài mộ thêm binh, lệ từng Tả Quân lập được nhiều chiến công oanh liệt, như đại phá trận thủy chiến ở cửa Thị Nại, rồi cùng chúa Nguyễn ra đánh lấy Phú Xuân, nên năm Nhâm Tuất (1802), Ngài được thăng Khâm Sai Chương Tả Quân, tước Quận Công, đem bộ binh tiên phong đánh tới Bắc thành.

Có lẽ nơi gương Ngài Tổng Trấn mà dân chúng đất Nam Kỳ vẫn giữ truyền thống lập các trại gà *nòi*, mở các trường gà hầu như ở khắp Lục Tỉnh. Nếu gà thịt được chia loại theo hình vóc, cách nấu nướng; thì gà nòi được phân giống theo nguồn gốc, địa phương xuất xứ và cách chiến đấu như gà *cựa*, gà *đòn*. Rồi còn nhận dạng qua màu sắc như lông đỏ nâu gọi là gà *điều*, lông đốm trắng đen là gà *nổ* hay gà *bông*, trắng tinh như vôi là gà *nhạn*, đen tuyền là gà *ô*, còn màu vàng xanh lá cây non ngả qua trắng gọi là gà *chuối* vì lông giống màu đọt chuối, ngoài ra còn gà *xám*, gà *bông lau*. Nhóm gà thịt mập mà lùn, thịt lại ngọt mềm, gọi là gà *tàu*, có thể do người Tàu thích nuôi vì xào nấu được nhiều món ngon, hay nguyên giống từ miền Hoa Nam. Gà *ri* hay gà *ác*, nhỏ con, da đen, lông trắng xù, chân năm ngón, thịt bở, chỉ để hầm thuốc Bắc bồi dưỡng, trị cảm. Gà *tre*, miệt dưới Châu Đốc, Trà Vinh, gần Đàng Thổ (Miên) gọi gà *che*, do tiếng Miên "*mon Che*", tức gà rừng, nhỏ vóc; con trống lông màu như ngũ sắc, đuôi cong như lá cau kiểng, gáy tằm te như gà rừng. Gà *sao* to con hơn gà *ta*, lông như bông lốm đốm đen, xám lợt rất đẹp, cánh cụp ôm sát mình, có người nói thuộc giống Úc Châu, có kẻ nghe gốc Nhật Bản. Còn gà *lôi* do Tây đem theo qua gây giống bên thuộc địa, nên còn gọi là gà *tây*, cả ngày kêu ca *lót thót*, to lớn dềnh dàng và con trống thường phùng lông xòe cánh ve mái, như mấy lão thực dân Pháp galant. Giống gà này chỉ thấy nuôi làm cảnh cả năm, chờ đến dịp lễ Giáng Sinh đem đi đứt lò.

Trong khi gà *chạ*, tức gà thịt được nuôi từng bầy thả rong ngoài vườn, về sau được nhốt chung trong từng dãy chuồng dài thành gà công nghiệp; thì gà *nòi* nhứt là gà *cựa* khi vừa đủ lông đủ cánh được tách khỏi đàn, nuôi riêng trong từng bội tre, giống như chiếc nôm cá nhưng đan loe rộng ra và

lớn hơn với các song thưa, theo hình thể cái tô lớn úp. Nuôi cách biệt nhau, không cho chúng nhìn thấy nhau, để chúng khỏi lên cơn đá bóng, nhảy đá vào các chấn song thành bội mà rụng lông, trầy cánh. Trong bội chỉ để một gáo dừa đựng thóc đã ngâm nước mới này mầm và một gáo nước trong. Phải biết hớt tia lông, nâng trau cựa. Hằng ngày phải vô nghệ, mở bội dẫn gà quần sương dài nắng lâu ngày cho da săn đỏ, thịt mới rắn chắc.

Gà *nòi cựa* nổi tiếng đá hay nhứt miền Nam là gà Cao Lãnh (vùng Đồng Tháp) đúng như câu ca dao:

"*Gà nào hay (cho) bằng gà Cao Lãnh,*

Gái nào bảnh (cho) bằng gái Nha Môn".

(Nha Môn thuộc tỉnh Sa Đéc, các cô gái ở đây vừa đẹp, trắng da dài tóc, lại giỏi nữ công)

Nhưng càng về sau gà Cao Lãnh càng mất tiếng vì lý do thương mại, các chủ ham lợi lo gây giống thật nhiều để kịp bán đi các nơi, không được nuôi dưỡng cẩn thận, lại không biết tuyển giống, cho gà cùng dòng máu "*đạp má*" lẫn nhau thành hư đốn, mất dần phong độ, như các dòng vua chúa thời xưa sợ người ngoại tộc mưu triều đoạt vị, thường ép con cháu cùng huyết thống kết hôn lẫn nhau, khiến dòng dõi về sau sinh đờn trụy, u mê. Rồi bí quyết luyện gà cũng bị thất thoát, thêm người ngoài lén học được, phá được các thế hiểm, nên gà Cao Lãnh ngày nay, không còn dễ thắng độ như trước.

Kể đến là giống gà Bà Rịa, nguyên gốc Mã Lai, Ấn Độ. Đặc biệt gà mái có nhúm lông ở dưới cằm như râu, còn gà trống xương lớn, thịt nổi u, đúng là gà lực sĩ, tuy chậm chạp nhưng gan dạ hơn các giống khác, chuyên dùng sức chân tron đá tới chết nằm tại chỗ, chớ không bao giờ bỏ chạy.

Tiếp theo là gà Bà Điểm, pha giống gà Cao Lãnh, nên nhanh lẹ, vừa có sức mạnh, lại biết ứng biến có thể đá vừa cựa vừa đòn.

Các con gà nòi ở Kế Sách (Sóc Trăng), Bến Tre, Giá Rai (Bạc Liêu), Phong Điền (Cần Thơ), đều có đặc tính gần như nhau vì cùng pha hai giống gà Bà Rịa và gà Bà Điểm, nên có tài đá nhanh, bền sức, xáp trận lâu dài, nhờ giỏi chịu đòn.

Gà Rạch Giá toàn thân gân guốc, tuy không mau lẹ bằng các con gà kể trên và gà Rạch Gầm, nhưng lại dẻo dai, ra đòn thật chắc và nhắm trúng đích.

Còn gà trống Đất Đỏ "*đạp má*" gà Gò Công sanh ra giống mới cũng nổi tiếng khá lâu.

Riêng các giống gà đòn thì gà Bình Định nổi tiếng nhứt, do xuất thân từ đất võ nghệ "*đàn bà cũng biết đánh roi, đi quờn*". Gà này mắt lôm sâu, da mi dày, cổ cao, chun tron không cựa, hoặc cựa mọc ngắn, lại xoay trở chậm, lông thưa và dòn nên xáp độ vài đòn thì lông cánh rụng tã tới, thấy tội nghiệp, nhưng nhờ vóc to, vạm vỡ, chuyên dùng sức hạ địch thủ, với cặp giò to xương lớn, đã đá gà đối phương gãy cổ chết.

Tuy trường gà càng về sau này càng trở nên chốn đờ đen, sát phạt. Bọn đầu cơ thầu cá độ toa rập với đám gian manh dùng nhiều thủ đoạn bất phân phải trái, miễn hốt được nhiều tiền cá, tiền xâu; đem cấp độ những con gà lai, gà nòi, xáo trộn hơn thua để lường gạt thiên hạ, làm cho đám nông dân chất phác bị lôi cuốn theo máu mê cờ bạc, nướng sạch tiền của chất mót bởi công lao làm lụng vất vả cả năm trời, và mấy tay công tử vườn, thừa hưởng điền sản của cha mẹ, nghe theo lời xúi giục của đám chầu rìa, phải bán ruộng, cầm nhà. Trong khi người xưa đã xem đá gà như một nghệ thuật của nghề võ, sau môn đánh cờ của nhà văn, vì cũng phải dụng trí khôn ngoan, để tính nước cao thấp, xem thế đá của từng con gà, ghi nhận tánh kiên cường của từng loại gà, rồi bố trí cấp độ để khi thắng cho được vẻ vang và lúc thua cũng được tâm phục.-

Ngày Xuân



*Tìm hiểu
cách chơi
chữ lý thú*

● Trần Trọng Khoái

Người Á Đông với tinh thần "thượng học, nên trong tứ dân là Sĩ, Nông, Công, Thương, thì sĩ đứng hàng đầu. Vì vậy câu "sự học ví như cái chìa khóa thần, có thể mở được các cửa" thật là chí lý. Do đó, chính sách "khuyến nông sùng học" để mở mang về kinh tế, văn hóa song song với việc phát triển khoa học, trau dồi binh thư võ nghệ, chân chính công nghiệp và thương mại để quốc kế dân sinh được an bình thịnh trị; sinh động thăng hoa... Người Đông Phương còn có truyền thống "tri túc" và "hiếu nhân" có nghĩa là họ sống trong tinh thần khiêm cần. Biết đủ là đủ không ham muốn quá mức, ngoài việc học hành để tiến thân, làm việc để mưu sinh cho gia đình, họ dành chút ít thì giờ vui hưởng sự nhàn hạ trong các lạc thú thanh cao: cầm, kỳ, thi, họa; vịnh nguyệt ngâm phong, cảm tác, chơi chữ... để tỏ bày tâm trạng hay năng khiếu với người, lưu lại ít tác phẩm cho thế nhân thưởng thức. Nhờ vậy mà hậu thế có thể tìm hiểu phần nào trình độ văn minh của mỗi thời đại, biết được tinh hoa cốt cách của hàng thức giả qua bao cuộc thăng, trầm, vinh, nhục của thế sự biến thiên.

Thời tiết chuyển mùa, nhân tâm hoan hỷ, xa xa tiếng trống lân vang vọng, pháo nổ đi đùng, chúng tôi nhấp chén trà thơm, ngắm đóa hoa hàm tiếu viết mấy câu đối Tết, tìm hiểu cách chơi chữ lý thú sau đây, cố gắng hiển chư độc giả món tinh thần vui Xuân đón Tết:

I. Ba câu đối khai bút :

1/ Giai tiết tân xuân, thân chúc đông hưởng phúc như đông hải;
Minh niên Ất Dậu, kính mừng cô bác thọ tỷ nam san.

2/ Hoa Pháo đón Giao Thừa, kính chúc đông hưởng an khang thịnh vượng;
Long lân mừng Nguyên Đán, cầu mong nhân loại hỷ khánh tăng long.

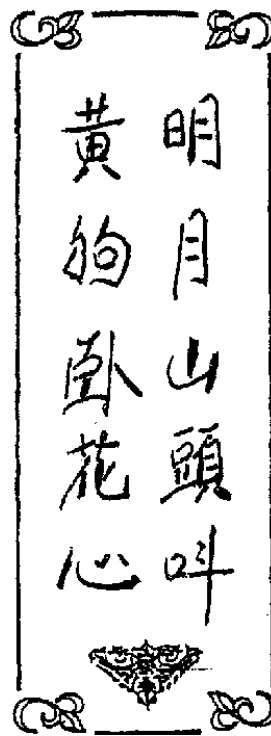
3/ Tết Nguyên Đán sơ khai, cầu thế giới thanh bình thịnh trị;
Xuân Ất Dậu khởi phát, mong đông hưởng hoan lạc hanh thông.

Vào đầu tháng 10 dương lịch, Hội Cao Niên Diên Hồng Oakland kỷ niệm đệ bát chu niên và chúc thọ hàng Trưởng Lão vừa gửi tặng chúng tôi mấy tấm hình trang trọng; mùa Trung Thu vừa rồi, các đoàn trẻ sinh hoạt rất sinh động tại Clinton Park, nhân dịp Xuân về, chúng tôi viết cặp đối kính già mừng trẻ:

Tết Nguyên Đán sắp sang, kính chúc quý Diên Hồng Trưởng Lão an khang tử ái;
Xuân Ất Dậu sẽ đến, cầu mong các hội đoàn thanh thiếu vui vẻ thăng hoa.

II. Chỉ đổi một vài chữ, làm thay đổi ý nghĩa thơ văn

Ông Vương An Thạch (1021-1086) đậu Tiến Sĩ năm 21 tuổi, đời Tống Nhân Tông (1041), làm Tế Tướng đời Tống Thần Tông, chính sự tài ba, văn chương lỗi lạc ông có bài thơ viết theo lối thư họa treo ở sảnh đường với 2 câu ngũ ngôn:



2 câu thơ của Vương An Thạch, theo sinh vật địa phương

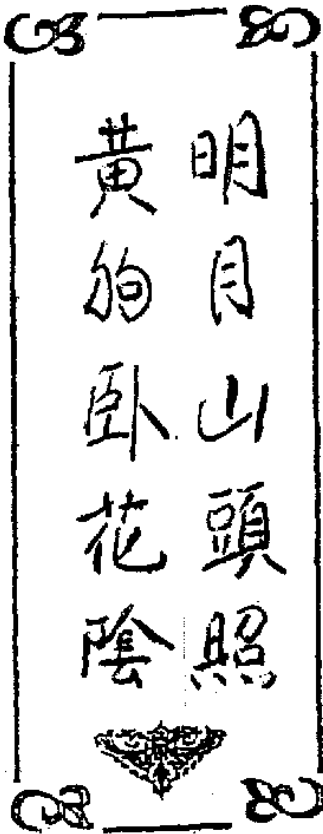
**Minh nguyệt sôn đầu khiêu
Hoàng cầu ngọa hoa tâm**
với nghĩa thông thường khá kỳ lạ:
**Trăng sáng hót đầu núi
Chó vàng nằm trong hoa**

Nếu tác giả không phải là bậc đại khoa với chức vụ đương thời Tế Tướng, cố nhiên là sẽ được thế nhân bình phẩm, hay dị nghị lắm điều.

Ông Tô Thức (1036-1101) đậu Tiến Sĩ năm 22 tuổi đời Tống Nhân Tông (sau Vương An Thạch 16 năm). Hoạn lộ của ông có lúc thăng trầm không xứng hợp với khả năng. Khi làm Phó Sứ tại Hàng Châu, Hồ Bắc, ông cất nhà tại làng Đông Pha, nên có biệt hiệu là Đông Pha Cư Sĩ, ông viết rất nhiều thi phú và nổi tiếng là 2 bài phú **Tiên-Hậu Xích Bích** (1082), nên được Tế Tướng Vương An Thạch mời vào dinh luận bàn chính sự. Trong lúc chờ đợi, Đông Pha Tiên Sinh thấy 2 câu thơ nghịch lý của quan Tế Tướng nên đã chỉnh lại:

**Minh nguyệt sôn đầu chiếu
Hoàng cầu ngọa hoa âm**
với đại ý:
**Trăng sáng soi đầu núi
Chó vàng nấp bóng hoa**

Chỉ thay đổi 2 chữ cuối và giữ nguyên vận 2 câu thơ nhưng hợp tình hợp lý, nên Đông Pha Cư Sĩ khá ưa thích và trình bày sự việc với tác giả lúc luận đàm thi thơ. Tế Tướng



2 câu thơ do Tô Đông Pha
sửa với nghĩa thông thường

Vương An Thạch biểu đồng tình nhưng nghiêng về luận bàn chính sự rất tương đắc, do đó thời gian không lâu, Tô Đông Pha nhận lệnh đi trấn thủ miền Nam. Tại nhiệm sở mới, ngoài việc ổn định công tác an dân, khuyến học... thỉnh thoảng ông đi du khảo núi non, sông núi, thích thường trăng, vui với mây bay gió thoảng, nghe chim hót thông reo để dinh dưỡng tinh thần và tìm hiểu thực tế tại địa phương. Có điều lạ là nơi đây khi trăng thanh gió mát, lại có tiếng chim hót du dương tuyệt diệu, hỏi ra mới rõ giống chim Minh Nguyệt có tiếng hót hay vào tuần trăng sáng; cũng có lúc mài miết ngắm cảnh xem hoa, ông phát hiện một loại hoa lớn hương thơm nhẹ nhàng, phảng phất trong gió, nhìn kỹ có con sâu nằm hút nhụy trong mỗi

đóa hoa! Qua thực tế nơi này, Tô tiên sinh mới vỡ lẽ 2 câu thơ của Tiến Sĩ đàn anh mà ông đã vô tình góp ý sửa chữa năm xưa là nói về phong thổ miền Nam và việc đưa ông về tận nhiệm sở với hậu ý rất tế nhị của vị Tế Tướng tài đức kiêm ưu khéo dùng người đúng khả năng, hợp hoàn cảnh. Do đó Tô Đông Pha có thư ca ngợi về kiến thức uyên bác, ứng xử cao minh của vị Chủ Quản tôn kính trong triều đình. Sau này Tô Đông Pha được triệu về công tác tại đế đô, tình sư đệ thêm ân cần thăm thiết, đức khoan hòa càng rộng rãi dung thông (a).

III. Hoán vị vài chữ làm thuận tình đẹp ý vua tôi, cha con, dù tác giả là bậc chí tôn chí kính trong triều cũng phải thần phục.

Dục Tôn Anh hoàng đế là vị vua thứ tư triều Nguyễn, rất hiền hòa, thông minh và hiếu học. Trong Việt Sử Tổng Vịnh Thi Tập, Người thường vịnh về quốc sử, danh nhân các tiền triều, cùng với Tự Đức Thánh Chế Thi Văn gồm 8 quyển và rất nhiều câu đối hay, có điều là triều Tự Đức gặp lúc quốc gia khuynh nguy, bên ngoài quân Pháp tìm cách thôn tính nước ta, nhưng bên trong một ít quan lại cục bộ không "thức thời", chẳng mong "cầu tiến" lại hiềm tị lẫn nhau, nên nhân tài không sử dụng hợp lý - Đương thời gặp Cao Bá Quát là một học giả lỗi lạc, thường tỏ ý chống đối cảnh vua quan thời quân chủ thiếu tinh thần an bang tế thế, qua nhiều giai thoại thi văn lý thú - Đơn cử về việc sau buổi triều kiến, Cao Chu Thần chỉ cặp đối treo tại điện Thái Hòa, có thể do nhà vua viết và Người ưa thích:

Tử năng thừa phụ chí.
(Con nên theo chí cha)

Thần khả báo quân ân

(Tôi lo đền ân chúa)

Ông phẩm bình là trái thường nghịch lý, để vậy việc triều chính cứ trì trệ bất thông, làm vua Tự Đức đổi sắc diện, nhưng Người cố tỏ ra hiền hòa, hỏi rõ lý do và nhờ Cao Bá Quát nhuận chính.

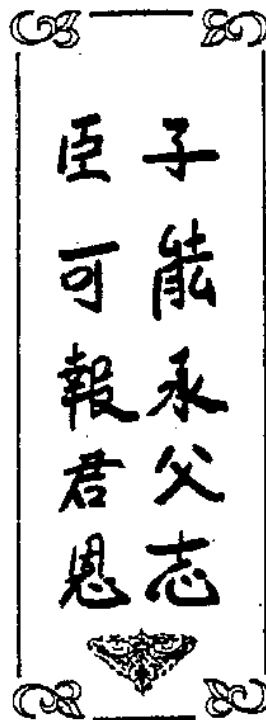
Sẵn dịp Cao Chu Thần trình bày: Muôn tâu Thánh thượng, cặp đối sắp theo chiều dọc thì chữ "tử" là con, để trên chữ "phụ" là cha; cùng lẽ đó chữ "thần" là kẻ bề tôi, đứng trên chữ "quân" là vua xem sao được? Thần thiết nghĩ như vậy là đảo lộn luân thường đạo lý, biết đâu lắm chuyện bất ổn cũng phát sinh từ đó - Giờ được bề hạ cho điều chỉnh, thì việc cũng đã muộn rồi, nhưng do thánh ý, hạ thần xin phụng mạng hoán chuyển vị trí mỗi câu hai chữ, để văn hồi thể đạo nhân tâm, không biết có nên chăng? Được nhà vua nhất trí, Cao tiên sinh xin chỉnh lại:

"Quân ân thần khả báo

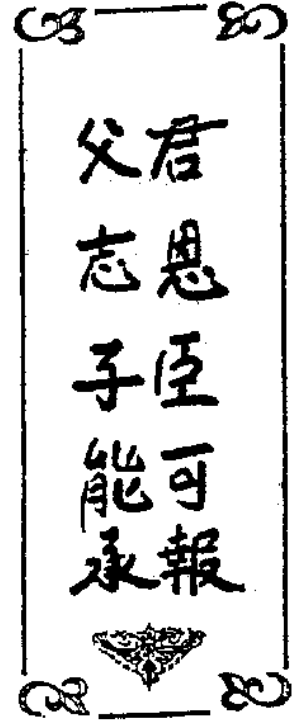
(Ân vua tôi phải nhớ);

Phụ chí tử năng thừa"

(Chí cha con nên theo).



Cặp đối của Vua Tự Đức



Cặp đối đã được điều chỉnh

Chữ đó chữ nghĩa, nhưng do cách sắp xếp tế nhị với lối tài tình linh động và hợp lý hợp tình, nên nhà vua vui hòa, thông cảm, ban thưởng ba chung ngự tửu cho người dám *sửa lưng* mình trước văn võ bá quan! Có lần nào đó, chính Dục Tôn Anh hoàng đế đã khen tặng bốn nhà thơ văn xuất chúng đương thời qua đôi câu đối:

"Văn như Siêu Quát vô tiền Hán;

Thi đáo Tùng Tuy thất thịnh Đường"

với đại ý:

"Đến như Nguyễn Văn Siêu và Cao Bá Quát, thì văn đời Hán không hẳn là hơn;

Như ông Tùng Thiện và Tuy Lý Vương, thì thơ nhà Đường vẫn chưa phải thắng" (b)

Bình tâm mà xét, ta thấy Cao Chu Thần là người thông minh lanh lợi, tuy có chút tự cao nhưng tánh cương trực, dám thẳng thắn bình phẩm thơ văn của vua Tự Đức, trong khi nhiều người hiểu rõ sự việc, nhưng với tâm lý cầu an, "nói là bạc, im lặng là vàng" nên lặng lẽ giữ mình là hơn - Qua chuyện điều chỉnh câu đối, chúng ta cảm thấy Dục Tôn Anh hoàng đế rất hiền hòa, ưa phục thiện, biết mình biết người. Trong lãnh vực văn học, vua Tự Đức được hậu thế kính yêu trọng vọng, do tính cần mẫn, cẩn trọng, hiểu học và có hiểu tâm, phải chi lúc bấy giờ nhà vua được nhiều người sáng suốt sất son, ứng dụng lời dạy của cổ nhân:

"Giàu sang không say đắm,
Nghèo hèn không đổi dạ thay lòng,
Không khuất phục cường quyền".

(phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất) thì quốc dân đâu phải chịu cảnh "thành cháy họa lây" ?

Khi vua tôi đồng tâm nhất trí, đặt quyền lợi quốc gia, dân tộc lên trên hết, thì đất nước và dân tộc ta dễ gì bị thực dân Pháp đô hộ? Hãy xét về lực lượng quân Pháp lúc bấy giờ, so với sức mạnh viễn chinh của quân Mông Nguyên làm chấn động cả Âu Á, thì quân Pháp còn kém xa, nhưng đương thời ta không tạo được chiến công hiển hách như đời Trần ba lần đại phá Mông Nguyên, hay đời Hậu Lê có Bình Ngô Đại Cáo, e cũng do thiếu tinh thần đoàn kết và thái độ cầu an, chủ hòa làm chướng ngại, đến nỗi nghĩa quân chiến đấu thắng lợi khắp trong Nam ngoài Bắc, lần hồi bị thực dân Pháp sai sứ Nam Triều giải giáp, đặt để nước ta thành một thuộc địa của Pháp ngót 100 năm!

IV. Thêm dấu phẩy, dấu chấm câu đúng vị trí, cũng đổi ý câu văn

Bàn về dấu ngắt câu, có một giai thoại lý thú, xuất phát từ thuở dùng chữ Hán ở tở di chúc dành gia sản cho con trai út mới sinh, nhưng viết văn tự kín đáo giao cho con gái và chàng rể như sau:

"Ngô thất thập sanh phi phi ngô tử dã gia tài giao dĩ tử tế ngoại nhân bất năng tranh đoạt"

Đại ý: Tôi 70 tuổi sanh bé phi nên không phải con tôi vậy gia tài giao cho con rể người ngoài không ai được tranh đoạt. (Xưa chữ Hán không viết hoa và phi có nghĩa là không phải).

Sau khi cha mất bé Phi lớn lên, chị gái và anh rể đã không nuôi dưỡng chu đáo, lại hiếp đáp đủ điều, nên chú bác bà con thương tình đưa vấn đề trên ra pháp lý, do đó, tở di chúc cũng có tại công đường - May gặp quan huyện sáng suốt thanh liêm, duyệt kỹ bản di chúc và xử giao gia tài cho cậu Phi với lối giải thích cụ thể, qua những dấu phẩy và dấu chấm để ngắt câu: **"Ngô thất thập sinh Phi, Phi ngô tử dã - Gia tài giao dĩ tử, tế ngoại nhân, bất năng tranh đoạt"**.

Dịch nghĩa:

Tôi 70 tuổi sinh bé Phi, Phi là con tôi đó. Gia tài giao cho con, rể là người ngoài, không được tranh đoạt.

V. Câu nói lập lờ, làm người vô tình, chủ quan dễ hiểu lầm

Một câu chuyện vui khác được kể lại về bà Nguyễn Thị Đào "mồ chổng ngọn cỏ còn tưới" đã vội đưa đơn xin tái giá. Khai sinh, giá thú mới được lập sau này, nhưng ngày xưa muốn hợp lệ, khi sinh con hay cưới hỏi phải có đơn trình và kèm thêm nhân chứng. Nếu là quả phụ nên cư tang chồng 27 tháng, cho trọn tình trọn nghĩa, như hai câu cuối bài thơ của nữ sĩ Hồ Xuân Hương khóc ông phủ Vinh Tường:

"Hai bảy tháng trời là mấy chốc,
Trăm năm ông phủ Vinh Tường ỏi!"

Hôm nọ phòng công văn tiếp nhận đơn bà Nguyễn Thị Đào xin tái giá, gặp lúc quan vắng mặt, nên phu nhân của quan, có thể là bà Huyện Thanh Quan, hay sự việc trên xảy ra tại nơi nào đó, do nữ sĩ Hồ Xuân Hương là trắc thất ông phủ Vinh Tường cao hứng chấp thuận qua 6 câu lục bát:

"Xét cho cô Nguyễn Thị Đào,
Nước trong leo lẻo cấm sào đội ai.
Chữ rằng xuân bất tái lai,
Cho về kiếm chút nữa mai kéo già.
Luận về truyền thống quê ta,
Hoàn tang mãn chế ai mà nói chi".

thế là bà Đào và người tình mới, yên trí chung sống với nhau hợp tình hợp lý.

Chuyện kể trong nhân gian không nói rõ về thời gian nơi chốn phát sinh nên không biết đích xác là bà Hồ Xuân Hương hay bà Huyện Thanh Quan đã phê đơn, vì hiện trạng không cách nhau lâu lắm. Thế nhưng khi có vụ kiện tụng xuất phát từ bên nhà chồng cũ của bà Nguyễn Thị Đào, văn từ được duyệt xét lại, mới vỡ lẽ chính quyền chỉ chấp thuận cho bà Nguyễn Thị Đào tái giá khi "hoàn tang mãn chế".

Người hậu học xét rằng bà Huyện Thanh Quan khá trang nhã, phân minh, còn bà Hồ Xuân Hương thường xoay sở vui đùa, ưa thích về chuyện tình. Bà có thói quen trào lộng đặc biệt và diễn đạt ý tứ phóng khoáng, nên nhiều người quyết đón sự việc nói trên hợp ý nữ sĩ họ Hồ, do đó, bà đã nhanh tay chấp thuận chứ đâu phải bà Huyện Thanh Quan, hàng nho phong khả kính, "khai khẩu như phá thạch".

Ưa thích một thú vui, hay qua câu nói lời văn có thể biểu lộ phẩm chất con người, nên khi nghe câu văn, người ta có thể biết tác giả của nó. Trong chuyện vui này, nhiều người quyết đoán là nữ sĩ Hồ Xuân Hương đã phê đơn chấp thuận cho bà Nguyễn Thị Đào tái giá sớm, cũng dựa vào phần yếu tố tâm lý vậy.

VI. Khẩu khí và khẩu nghiệp

1- Câu văn lời nói thường biểu lộ tư tưởng con người, nên người Âu Mỹ cũng có lời khuyên: "Hãy uốn lưỡi 7 lần trước khi nói". Người Việt Nam có câu nói khá mộc mạc nhưng hàm ý nhận định con người qua ngôn từ và thái độ: "Người ra rãnh, vác lê sẵn như vậy". Xin đơn cử đôi bài thơ tứ tuyệt của 2 nhà thơ nổi tiếng cận đại là 2 con vật thông thường nhưng ý tứ khác nhau. Phải chăng đây là cá tính đặc biệt của mỗi người không ai giống ai.

- Vua Lê Thánh Tôn tả con cóc ngồi trong hang:
"Bác mẹ sinh ra vốn áo sồi
Chốn nghiêm thăm thẳm một mình ngồi
Chép miệng năm ba con kiến gió

Nghiến răng chuyển động bốn phương trời".

- Bà Hồ Xuân Hương:

*"Bác mẹ sinh ra phận ốc nhồi
Đem ngày lẫn lóc bãi cỏ hôi
Quân tử có thưởng thì bóc yếm
Xin đừng ngo ngoáy lỗ trôn tôi".*

Tư tưởng của hai nhà thơ trên được hiểu người đề cập và so sánh rồi, giờ chúng tôi xin đơn cử ít câu đối, lời văn của 3 danh nhân lịch sử sau đây để chư đồng hương thưởng lãm:

a/ Vào đời nhà Trần, cụ Mạc Đĩnh Chi tuy nhỏ người không đẹp nhưng văn chương lỗi lạc, nên nhiều lần cụ được vua Trần cử cầm đầu phái đoàn đi sứ Trung Quốc. Trong lúc giao tiếp, cụ ứng đối phân minh nhanh nhẹn, có lần Nguyên triều đưa ra câu:

"Ly, mì, vọng, lượng, tử tiểu quý", tỏ ý cười cợt cụ bé nhỏ, xấu xí như quý con (qua cách viết chữ Hán thì 4 chữ "ly, mì, vọng, lượng" đều có chữ "quý" nho nhỏ về phía trái). Biết ý họ, cụ vui vẻ tự tin đối lại:

"Cầm, sắt, tỳ, bà, bát đại vương", với ý đề cao cốt cách và cử chỉ và chí lớn của phái đoàn. Câu đối lại đã kín đáo nói lên Việt Nam là một vương quốc oai hùng ở Đông Nam Á Châu (cũng lối viết chữ Hán thì 4 chữ "cầm, sắt, tỳ, bà" mỗi chữ đều có 2 chữ "vương" bên trên.

魑 魅 魍 魎 四 小 鬼
琴 瑟 琵琶 八 大 王

Do cảm phục người tài cao đức trọng, nên khi tiễn phái đoàn về nước, vua Nguyên ban ngự tữu và phong tặng cụ Mạc Đĩnh Chi là Lương Quốc Trạng Nguyên (Trạng Nguyên hai nước Hoa Việt).

b/ Vua Duy Tân húc Vĩnh San, vị vua thứ 11 triều Nguyễn, là con thứ 5 vua Thành Thái, được tấn phong ngôi vị Hoàng Đế hồi còn 8 tuổi, thay thế phụ vương bị Toàn quyền Đông Dương Broni và Khâm sứ Trung Kỳ Lévéque bắt ép thoái vị vì nhà vua bí mật giao thiệp với phái Đông Du, muốn cầu viện Nhật Bản và nước ngoài để chống chính sách cai trị của Pháp. Vua Thành Thái bị đưa vào giam giữ ở Vũng Tàu, đến năm 1915 Pháp bí mật đưa ông sang an trí ở đảo Réunion, Phi Châu. Ấu chúa với tư chất thông minh, có tinh thần yêu nước nồng nàn, khoảng 15 tuổi vua Duy Tân đã ứng đối trôi chảy với các viên chức người Pháp bằng ngoại ngữ. Không biết ai bày kế cho Công sứ De Taste, khi hội kiến với nhà vua ông ta ồm ờ chơi chữ: *"Rút ruột vương thành ba"*. Bỏ chữ vương là vua, nếu rút bớt nét số ở giữa, thành ra chữ tam là ba (c) nhưng có dụng ý dọa dẫm nhà vua và triều đình hãy coi chừng uy lực của Pháp! Người ra về đối, hay người khởi xướng với dự liệu trước, hoặc có cố vấn sắp đặt thì dễ, nhưng người ứng khẩu đối lại cho đủ nghĩa, đối chọi đúng ý người ra, để nói lên ý chí của mình mới xứng danh bậc trượng phu, hay tỏ ra mặt anh hào. Chúng ta hãy nghiêng mình thán phục câu đối của vua Duy Tân lúc bấy giờ còn dưới tuổi thành niên: *"Chặt đầu tây còn bốn"*. Theo lối chiết tự, ta thấy chữ Tây là hướng mặt trời lặn,

nếu cắt bớt phần đầu còn lại chữ tứ là bốn (d). Nhà vua dùng chữ "chặt đầu" với dụng ý sẽ kháng cự Pháp bằng vũ lực chứ không để yên đầu. Thật cao kiến hào hùng!

c/ Trong thời ly loạn, mạnh được yếu thua, hay khi bị ngoại bang uy hiếp, vương quyền không còn là uy lực thiêng liêng và tối thượng, nên hàng dưng sĩ yêu nước tự gọi đàn và phất cờ khởi nghĩa chống cường quyền. Có người sa cơ thất thế lọt vào lưới quân thù, bị kẻ mạnh bắt để hành hạ khào tra, rồi thuyết phục dụ hàng bằng cách chơi chữ:

"Thổ triết bán hoành, thuận dã thượng, nghịch dã hạ".

Chiết tự ta thấy chữ thổ (đất) được cắt dọc, thì phần thuận chiều bằng chữ thượng là trên, phần nghịch chiều thành chữ hạ là dưới (e). Hậu ý người ta muốn người đối diện hay rằng nếu anh thuận theo tôi sẽ được ưu đãi, có địa vị cao sang, bằng nghịch lại sẽ bị triệt hạ, hay đưa về âm ty địa phủ luôn. Người nghĩa sĩ dám làm dám chịu "dọc ngang nào biết trên đầu có ai", họ coi thường sự sống chết, xem thân mạng tựa lông hồng, nghiêm chỉnh trả lời:

"Ngọc tàng nhất điểm, nhập vi chủ, xuất vi vương"

Chiết tự cho hay chữ ngọc (châu ngọc) được rút bớt một chấm để lên đầu thành chữ chủ là chúa, nếu bỏ hẳn dấu chấm ấy, thành chữ vương là vua (f).

Chủ ý người đối lại là nêu cao chí khí hào hùng, sáng chói như kim cương, ta chống với bạo lực để giành lấy quyền tự trị, chứ không chịu lệ thuộc ai.

Văn chương, vật dụng, sở thích, tính tình... có thể biểu hiện về tư cách, tác phong, trình độ, kể cả cuộc sống con người. Đành rằng nơi chốn và hoàn cảnh chúng ta sinh ra, lớn lên... có sự liên hệ nhân duyên nào đó, nhưng tâm chí chúng ta có thể vượt qua tất cả, để thắng lướt mọi trở ngại thiên nhiên.

Con người là tinh hoa của giống dòng, là linh vật của trời đất, phải biết lập chí tu thân để thăng hoa với đời bằng cách chọn một chỗ đứng thích hợp, không cao vọng hão huyền, không tự ti mặc cảm, tuân tự tiến lên như kẻ đi thuyền ngược nước không buông tay chèo, dù có khó nhọc, nhưng sẽ đến đích vinh quang, thành công tốt đẹp.

2/ Do duyên nghiệp dắt dẫn, người hiền thường có đức tướng trang nghiêm, lời nói từ hòa và ngược lại. Do đó lắm lúc lời nói câu thơ ngẫu nhiên ứng hiện đời sống của tác giả. Phải chăng đây là khẩu nghiệp, chúng ta nên cẩn trọng tới đa.

*Cao Bá Quát là người có biệt tài xuất khẩu thành chương. Một hôm ông đến chơi nhà bạn gặp mưa dông, thấy đàn vịt chạy tung tăng, Tiên sinh đề nghị thịch một con để nhậu rượu, bạn nhận lời với điều kiện khi có bản án tử hình mới hành quyết nó. Tức thì Cao Chu Thần kết án:

"Ba lạng độ hà, vô tuân quốc pháp,

Lôi đình tự dục, bất úy thiên uy".

Nghĩa là:

Sóng gió cử lợi sông, không tuân phép nước,

Sấm chớp vẫn qua sấm, chẳng sợ uy trời.

Ngoại trừ các bậc tu hành, chứ con người, ai khỏi ăn thịt sinh vật để bảo tồn sự sống, nhưng khi ăn, mình không nên cười cợt trong sự chết chóc đau thương của loài vật để giữ lòng nhân hậu. Vì vậy nên sách Nho có câu: "Tâm con người cảm thông với các loài cầm thú, nên nghe nó kêu gào khi bị giết, mà không nỡ ăn thịt chúng". Phải chăng bản án

do Cao Chu Thần xử tử con vịt ngày trước, cũng chính là vòng nhân quả, kết liễu cuộc đời của Tiên sinh, khi làm quân sư cho phong trào khởi nghĩa của Lê Duy Lương thất bại, mà nhà văn hào lỗi lạc của chúng ta đã bị bắt và bị tử hình vậy?

VI. Câu nói thể hiện tinh hoa và ý chí của bậc siêu phàm thoát tục

Cuối thế kỷ thứ 5, Hoàng tử Bồ Đề Đà La, con thứ 3 vua Hương Chi Vương xứ Nam Thiên Trúc, sau xuất gia tu hành trở thành Sơ tổ Đạt Ma ở Trung Quốc và Phật Giáo Bắc Tông, lúc thiếu thời Ngài cùng với hai hoàng huynh hiện diện trong lễ Trai Tăng, cúng dường bảo vật kim cương cho Ngài Bát Nhã Đà La, là vị Tổ sư Thiên Tông thứ 27. Khi được Thầy tổ và Quốc vương hỏi: Trên đời này còn gì quý hơn kim cương chẳng? Tất cả đồng thanh trả lời chỉ có hiện vật dâng cúng Tổ Sư là bảo vật thượng thượng, có giá trị tuyệt đối trên thị trường quốc tế. Khi được chỉ định 3 vị hoàng tử góp ý, thì hai hoàng huynh cũng nhất trí với đa số tuyệt đối, duy chỉ có Ngài Bồ Đề Đà La thưa rằng: "Nếu so với trí huệ con người thì kim cương còn kém xa" rồi Ngài trình bày thêm nhiều dẫn chứng cụ thể.

Ý Ngài muốn nói nhờ văn minh khoa học con người có thể vén màn bí ẩn của vũ trụ, thì ra xưa sau thế nhân vẫn cùng một mục đích lấy văn minh trí huệ, thêm phần đạo đức làm căn bản để thăng hoa với đời.

Thể theo cặp đối Xuân khá phổ biến của người Trung Hoa:

**"Thiên tăng tuế nguyệt, nhân tăng thọ;
Xuân mãn kiên khôn, phúc mãn môn".**

Đại ý:

**"Trời thêm năm tháng, người thêm thọ;
Xuân khắp đất trời, phúc khắp nơi".**

Chúng tôi có 2 hình đệm **PHÚ C THỌ** 福壽 trong bài và cặp đối vừa nghĩ ra vào lúc viết, xin nguyện cầu Năm Mới Ất Dậu 2005 thế giới thanh bình, nhân sinh an lạc:

**Mừng đón giờ giao thừa, đèn rạng chuông ngân,
đông hưởng phấn khởi;**

Tiếp nghênh Xuân Ất Dậu, Lân chào trống giục, cảnh sắc quang huy.

Trân trọng,
Trần Trọng Khoái

Chú thích

(a & b) Phòng theo "Tâm quan trọng của kiến văn" của Khải Chính Phạm Kim Thư và tài liệu tham khảo về Cao Bá Quát.

(c) Chữ 王. Vương là vua, rút bớt nét sổ giữa ruột, thành chữ 三 tam là 3.

(d) Chữ 西 Tây (hướng Tây, chỉ người Pháp) bị cắt phần đầu, thành chữ 四. tứ là 4.

(e) chữ 土 thổ là đất, bị cắt dọc nửa trên, thì phần thuận, thành chữ 上 thượng là trên, nửa ngược lại thành ra chữ 下 hạ (là dưới) (nếu thuận sẽ nâng lên, ngược lại là tuột dốc).

(f) Chữ 玉 ngọc là đá quý, rút dấu chấm đưa lên đầu, thành ra chữ 主 chủ là chúa. Nếu bớt luôn sẽ thành ra chữ 王 Vương là vua.

Cảm ơn em, mượt mà nhan sắc

cảm ơn em,
mượt mà nhan sắc
anh chót tin trong giấc ngủ muộn phiền
tưởng đã khuây quên
tháng ngày lưu lạc
gót tiêu dao, chân xé mộng chiều nghiêng!

cảm ơn em,
cuộc tình uẩn mộng
anh vươn lên với tháng rộng năm dài
sương khói miệt mài
hư không chao động
nụ cười nào không bào ảnh liêu trai?

cảm ơn em,
thơm mùi da thịt
anh về lưng nội thềm vị ái ân
bạn với sương khuya chưa quên trần lụy
còn thương nhau
xin tha thứ lỗi lầm!

cảm ơn em,
lời thương dẫn dụ
thành nhu hương như trăng nước triều dâng
lấp liếm môi hôn,
xói mòn lữ thứ
dấu chân in trên gió cát còn trăng!

cảm ơn em,
triều dương rực nắng
trên quê hương
sương giáng hạ tà huy
nhấn nhủ nhau về mùa xuân quạnh vắng
đốt hương trầm nghe khúc hát từ ly!



cảm ơn em,
sắc không huyền nhiệm
mà nguồn xưa còn biên biệt trùng khơi
hạt khổ đau
vẫn khơi mầm vọng niệm
nên nhân duyên mãi quán quít với đời!

* **Tùy Anh**

Sinh mệnh văn hóa Việt

Con đường tiền nhân ta đi: Cứu nước để Dựng nước cho dòng Hồng Lạc muôn đời bất diệt

● VŨ KÝ

Cổ nhân có nói: "Ôn cố tri tân". Một nhà sử học Pháp là Ernest Renan nhận định: "Những con người đích thực tiến bộ bao giờ cũng lấy khởi điểm từ lòng sùng bái sâu đậm đối với quá khứ". Andreievitch Markov, nhà toán học Nga vào cuối thế kỷ 19, chuyên nghiên cứu về tính xác suất, đã tìm ra một quá trình biến đổi ở toán học mà người ta thường áp dụng để nghiên cứu văn hóa, lịch sử của một dân tộc: "Qua sự chuyển tiếp của trung gian Hiện tại, Tưởng lại nhất định phụ thuộc vào Quá khứ hay nói một cách khác, Quá khứ quyết định Tưởng lại".

Nghiên cứu về nền văn hóa Việt, từ xưa đến nay, từ trong ra ngoài nước cho thấy rằng nền văn hóa chúng ta, có nhiều đặc trưng nổi bật: các tính nhân bản, dân tộc, đại chúng, khai phóng, giao lưu đều là bao nhiêu yếu tố quyết định bản mệnh tinh thần phong phú cùng sự trường tồn hiển nhiên của nòi giống Việt.

Dân tộc Việt đã trải qua bao nhiêu giai đoạn lịch sử, biến cố văn hóa, từ Văn minh Đông Sơn (Văn Lang) đến Văn minh Đại Việt rồi đến các thời cận đại, hiện kim.

Tiền nhân ta từ một lãnh thổ khởi nguyên nhỏ hẹp đã tranh đấu với thiên nhiên, tiếp đến chiến thắng kẻ thù khổng lồ phương Bắc, rồi lấn át thổ dân phía Nam trên đường sinh lộ khó khăn của mình; để mở rộng đất đai về phương Nam mà chiếm lĩnh cả một giải giang sơn gấm vóc từ i Nam Quan đến Mũi Cà Mau, từ núi rừng dựng đứng sừng sững phương Tây đến sông dài biển rộng ở phương Đông đó vậy.

Mãnh lực tạo sinh, tự vệ của ông bà chúng ta thực vĩ đại vô cùng.

* Cuộc chiến cho tinh thần Việt Nam, cho văn hóa Việt Nam của ông bà ta còn khó nhọc gấp vạn lần: Có

lãnh thổ, có giang san rồi, còn phải trang bị cho nó một linh hồn, một vận mệnh nữa. Cuộc chiến sau này khổ cực và kiên trì khôn tả hơn cuộc chiến để mở mang bờ cõi cùng gìn giữ lãnh thổ. Tuy hết sức cam go, nguy hiểm nhưng cuối cùng cuộc chiến tổng lực trường kỳ ấy đã thắng lợi. Và thắng lợi của ông bà chúng ta về mặt tinh thần trên dòng sinh mệnh của lịch sử quốc gia và nhân loại, như vượt qua được 1000 năm chũu hầu văn hóa chưa hẳn là sự thành công hoàn toàn và cuối cùng. Mà đó mới là sự bắt đầu. Các thế kỷ 19, 20 với bao nhiêu biến cố lịch sử cực kỳ nghiêm trọng tiếp nối theo, thách thức sinh lực của giống nòi chứng minh thật hùng hồn điều nhận xét nói trên. Ngày nay đồng bào ta lại đang chấp nhận một cuộc chiến vô cùng ác liệt hơn nữa, trong cái thế một mất một còn để chống đối một nền mao hóa toàn cầu xuất phát từ ngoại lai đang đè nặng trên quê hương và dân tộc chúng ta. Các thế hệ hậu sinh về lâu về dài ở trong nước và trên bước đường lưu vong lại phải vừa cương quyết bảo tồn, phát huy các giá trị đạo đức tinh thần của nền văn hóa cổ truyền, vừa gạn lọc tinh hoa văn hóa các nước ngoài để tô bồi và phong phú hóa nền văn hóa dân tộc với một thái độ thông minh, linh động và khôn ngoan nhiều hơn nữa.

Phân tích nền văn hóa cổ truyền Việt Nam chống ngoại bang và ngoại xâm, ta phải ra được lợi khí tinh thần, văn hóa muôn đời của dân tộc, có hiệu quả quyết định quật ngã bao kẻ xâm lược bạo ngược từ Trung Hoa, đến Pháp, rồi đến Cộng Sản: Đó là tính bất khuất. Ông bà chúng ta và rồi chúng ta biết tận dụng đức tính quý hóa ấy rất thông minh, sáng suốt, linh động. Có khi vừa đánh vừa đàm, có khi tiến để mà thối, hàng mà thắng, văn yểm trợ võ, vừa đấu lý vừa dụng võ, vừa tiêu cực mà tích cực, hay ngược lại để dẫn

đến thành công cuối cùng. Trên dòng văn hóa sử, đối với tiền nhân, tính bất khuất là một công thức sinh tồn dẫn đạo chủ yếu. Nhờ đó trở lực nào trên con đường giữ nước và cứu nước của ông bà ta cũng là một điểm tựa cho vinh quang cả. Tính bất khuất ấy vừa có tác động đối kháng vừa có tác động hỗ trợ và vừa là chủ yếu chiến thắng nữa. Còn cái quyền lực tinh thần ấy, dân Việt quyết không bao giờ quy hàng mà nhất định thắng lợi. Cộng Sản Việt Nam gian ngoan khai thác đức tính bất khuất ấy để phụng sự cho ngụy nghĩa của họ suốt từ 1945 đến nay.

* Và các địch thủ, đối phương của dân tộc ở mỗi giai đoạn, đều áp dụng mỗi chính sách, mỗi chiến lược thực dân thống trị khác nhau nhằm trấn áp và tiêu diệt vũ khí tinh thần, văn hóa nói trên của ông bà chúng ta và của chúng ta ngày nay, bằng nhiều sách lược thích ứng với mưu đồ của họ. Trung Hoa, để bành trướng thế quyền, quyết lật đổ, hạ bệ uy thế các triều đại vua chúa Việt Nam mà họ khinh thường, xem như những chũu hầu muối mòng trước quyền lực tối cao của họ. Do đó, vua chúa của ta đối ngoại, chấp nhận thân phận nhược tiểu, dâng cống phẩm, quy gối bệ kiến thiên triều. Còn đối nội, uy quyền thế lực vua chúa ta sụp đổ trước trăm họ, vì thế triều thần ta khó bề trị nước, an dân.

Nhưng rồi cuối cùng:

Nực cười châu chấu đá xe

Tưởng rằng chấu ngã ai dè xe nghiêng...

Đến Pháp thực dân thì mở rộng thuộc địa bằng đại bác súng đồng, thực hiện chính sách tâm thực (tâm ăn dâu): chẳng những biểu dương và sử dụng tối đa vũ lực làm cho triều đình và nhân dân ta phải quy hàng, còn tìm

mọi cách tiêu diệt các truyền thống yêu nước của dân tộc. Điều cần nhấn mạnh là thực dân Pháp hiểm độc quyết giết chết nhân cách, tâm thuật cùng khí tiết muôn đời của sĩ phu nước Việt. Mà họ khẳng định rằng từ các con người nho sĩ bất khuất ấy dấy lên cuộc khởi nghĩa, cái nôi kháng chiến chống đối họ.

Đến Cộng Sản Việt Nam thì tinh vi và độc ác hơn, họ tiêu diệt mầm mống phản kháng và nhồi nhét ngục nghĩa, tà đạo ngay từ trong trứng nước. Họ hạ bệ tất cả những gì là cổ truyền, là truyền thống tốt đẹp trên tấm bảng các giá trị tinh thần, văn hóa Việt Nam nghìn đời. Họ lật ngược xã hội, tôn vinh anh hùng dân tộc "giả tạo", lãnh tụ của chế độ bằng cách truy nguyên lý lịch tam đời bần cố, vô sản để chỉ tuyền trạch trong đám vô học, vô đạo, ngu dần ấy những tên tay sai đích thực cho chủ nghĩa. Có như thế mới biến thành tín đồ cuồng tín, trung kiên phục vụ đắc lực chủ thuyết tam vô được. Hồng hơn chuyên là vậy đó. Càng mất cội rễ với quá khứ dân tộc, càng đốt nát về kiến thức thì càng đắc thế, tiến nhanh lên các nấc thang giá trị vô sản.

Một nhà báo quốc tế, H. Louis sang thăm Việt Nam vào năm 1980 đã viết: "Hiện nay ở Việt Nam là cả một sự nhồi sọ khổng lồ và cao độ về chủ nghĩa cộng sản, ngay từ trong cái bào thai mới thành hình!".

Cộng Sản Việt Nam phần thu khanh nho ("đốt sách chôn học trò" như đời Tần, Trung Hoa, đều được chứng minh ở phần IV của sách), đốt sạch, quét sạch, cốt xóa bỏ quá khứ, văn hóa để gieo lại từ đầu và từ thuở bé hạt giống của tà thuyết, của mào hóa phản dân tộc.

Tất cả nỗi trầm luân, thống khổ tội trời của dân tộc Việt trong hiện tại, còn kéo dài suốt hạ bán thế kỷ này, phải chăng do hậu quả của một sự áp đặt khốn nạn, tàn bạo, trọn vẹn một tà thuyết ngoại lai quái gở trên đầu cổ dân tộc mà gia phả giống nòi, lý lịch văn hóa Việt Nam nhất quyết từ chối và tiêu diệt.

"Học thuyết Mác, một linh hồn u ám

Không gốc rễ gì trên mảnh đất ông cha

Mấy chục năm phá nước, phá nhà

Đã tới lúc lũ tông đồ phải lòi ra pháp trường tất cả..."

Nguyễn Chí Thiện

* Trong công cuộc hội nhập vào nền văn minh xứ người để được thích nghi, "đồng hóa" một cách tốt đẹp, cần chú ý đến một hệ lý của tính chất hợp lưu, giao lưu văn hóa mà thể hiện sự gan lợc và tuyền trạch rất sáng suốt và bình tĩnh bản chất tinh thần cùng các thể hiện văn hóa ngoại lai. Chúng ta phải biết khai thác tính chất cộng sinh (symbiose) và thấu nhập (osmose) này của văn hóa, với thái độ thông minh và thông thái. Chúng ta không nhắm mắt chấp nhận, mù quáng bắt chước các tư trào, nhân sinh quan, triết lý xa lạ, vong bản tai hại mà ta làm tưởng cấp tiến, tiền phong của một nền văn minh vị lai nào... để được gọi là tiến bộ, thức thời chóng hội nhập với cuộc sống lưu vong chúng ta hiện nay ở nước ngoài. Đó là những thời bịnh cần phải bài trừ gấp.

Như chủ nghĩa cá nhân của Tây phương, quá đề cao cá nhân mà quên tập thể, lòi cuốn con người vào bao thói hu tạt xấu thị dục, thú tính sa đọa thấp hèn, cốt thỏa mãn cuộc sống vật chất của riêng mình, mong hưởng thụ hiện tại mà thiếu hẳn một lý tưởng cho tương lai, cho đại cuộc, cho đất nước, cho nòi giống. Một số người tôn thờ chủ nghĩa cá nhân ấy cố tình tìm hiểu và thực hiện phần thấp cạn nhất của chủ nghĩa hiện sinh để sống mạnh, sống mau và sống nhiều, trong một thế giới bị giao động toàn diện bởi thế lực của vật chất, của kim tiền, của khoa học vạn năng, sau cơn lòi vũ của các trận thế chiến.

Tây phương ngày nay cũng đã thức tỉnh về hậu quả xấu xa của sự buông thả cá nhân theo chủ nghĩa vị kỷ quá đọa lý cá nhân, tập thể, còn gây nên một quan niệm dân chủ, dân quyền quá khích, cực đoan phương hại đến chính nghĩa quốc gia, dân tộc.

Cũng như hiện nay, vào gần cuối thế kỷ 20 này, mặc dù chủ thuyết cộng sản sụp đổ trên toàn thế giới, nhưng chế độ phi nhân ấy vẫn còn ngự trị trên đất nước chúng ta. Vẫn còn một số người ngoan cố, một là vì đắm say ngu muội với ảo tưởng, hai là vì quyền lợi vật chất nhất thời nên không dứt bỏ, ly

khai với chủ nghĩa mà mình trót lỡ làm tin theo và phục vụ.

Trong khi chủ nghĩa và chế độ ấy từ lâu mất mô hình kiểu mẫu ở đất mẹ của chúng là Nga Sô thì quy luật tất nhiên của cuộc tiến hóa lịch sử sớm muộn gì cũng đào thải chúng ở Việt Nam. Chúng sẽ tan biến, để không dùng một uyển từ là thoát xác đại vận tốc đi đến tiêu vong, trước sự reo hò vui sướng của toàn thể dân tộc ta và cả thế giới.

Đó là lời nguyện cầu tối cao khẩn thiết của mọi người Việt hiện nay trong cũng như ngoài nước. Có được như thế, nền văn hóa cổ truyền với các giá trị tinh thần sáng lạn trong một quốc gia có hơn 4000 năm văn hiến như Việt Nam mới có hy vọng phục hưng trọn vẹn với những tinh hoa căn bản cao đẹp đầy dân tộc tính. Một nền văn hóa được thể hiện qua nhân sinh quan, vũ trụ quan của người Việt, được xây dựng kiên trì vững chắc lâu đời mặc bao trở lợc và thử thách. Nhờ vào sự tôn thờ các ý niệm thần linh siêu hình cùng tình nghĩa gia đình thắm thiết, tình cha mẹ, con cái, nghĩa vợ chồng, thân bằng quyến thuộc, hàng xóm, láng giềng, tình đồng bào, đồng loại cùng tình quê hương, đất nước thiêng liêng cao quý, nhất là vào thời điểm này mà quê hương gấm vóc chúng ta bị quân thù giày xéo và sinh mạng của đồng bào như treo đầu sọt tỏi!

Các ý thức truyền thống gần như bầm sinh ấy về nhân bản, về tinh tự dân tộc, về đoàn kết, về sống còn... của con người Việt Nam muôn thuở đang bị chủ nghĩa cộng sản cuốn phăng đi như làn bão tố khốc liệt thổi tạt qua xã hội Việt Nam hiện tại.

Triết lý Mác-xít gồm có nền duy vật biện chứng pháp và duy vật sử quan căn bản lập thuyết thực hoàn toàn nghịch lý với truyền thống nhân ái tín nghĩa trong nền văn hóa sử quan của dân Việt.

Tính đấu tranh giai cấp thường trực, cái xương sống của chủ thuyết Mác-Lê, các cuộc đấu tố độc hại phục vụ cho chuyên chính vô sản thắng lợi đã thẳng tay tiêu diệt cái Tinh Việt Nam, cái Nghĩa Việt Nam đến rã rời tan nát: Truyền thống về Tinh Người Nghĩa Nước ấy cao trọng vô cùng! Mà mất cái Tinh, cái Nghĩa, nói chung mất cái tinh thần Việt Nam, cái tinh tự dân tộc bất khả ly ấy của người Việt Nam,

tức là luôn cả nền văn hóa Việt cũng không còn nữa. Trọng tội của Cộng Sản Việt Nam chính là ở đây.

Chúng ta cũng không nên tự hào có bốn nghìn năm văn hiến, không lặp lại hoài là Con Rồng Cháu Tiên để rồi quên đi thực tại tủi nhục đau buồn: Hiện dân Việt là một dân tộc đại bất hạnh trên quả đất này! Giống nòi tan nát, đất nước xác xơ, văn hóa biến chất, phi nhân bản. Chúng ta không đui đờ đau buồn hiện tại bằng hoài niệm vàng son quá khứ. Hãy nhìn nhóm Ngũ Long (năm con rồng kinh tế) vùng trời Đông Á ngày nay mà có lẽ có thành viên đã thoát ra từ cái khối chung dòng Bách Việt chúng ta thuở nào. Trên con đường văn minh họ đi đôi hải vạn dặm. Còn ta, nền văn hóa ngoại lai mà kẻ "chiến thắng" bất xứng đem phủ trên mình cái mặc cảm tự mãn, tự tôn vô lối để đối xử tàn tệ, trả thù tiểu nhân với người anh em mà họ xem là kẻ thù trước đây của mình ở bên kia hàng giậu, nền văn hóa đã lấy khi làm thủy tổ của loài người, nền văn hóa truy nguyên tam đời bần cố về nguồn gốc gia tộc để đánh giá tinh hoa của giống nòi, nền văn hóa ấy chắc hẳn phải là của một bọn người vong bản và của một bộ lạc man rợ.

* Nền văn hóa Việt, tiền nhân có dày công tô bồi cũng không ngoài hai ý niệm thâm hậu và thần kỳ: Cứu nước để dựng nước.

Ta thử tìm hiểu sơ lược sự biểu dương và minh chứng quan niệm của ông bà ta qua một số rất ít chứng liệu văn hóa, văn học điển hình.

Các tác phẩm của tiền nhân chúng ta, bất kỳ về loại nào, lịch sử, địa lý, văn học, quân sự v.v... trước hết đều là công trình suy tư sâu sắc đầy hào ý về văn hóa Việt Nam, xoáy chung quanh tôn chỉ, lý tưởng tuyệt vời của các cụ đã nói ở trên là Dựng Nước và Cứu Nước. Cho nên bài học văn hóa mà các thế hệ hậu sinh trên dòng sử Việt có thể đào sâu để thấm nhuần và suy gẫm từ đấy thực bổ ích, lợi thú và giàu có vô cùng.

Từ các văn thi phẩm đời Trần vào thế kỷ 13 trong Toàn Việt Thi Lục của Lê Quý Đôn, như Hoàng Việt thi tuyển của Bùi Huy Ích, Hịch Tướng Sĩ Văn của Trần Quốc Tuấn, Thất Trảm Sớ của Chu An, Vạn Ngôn Thư của Lê Cảnh Tuân, Bạch Đằng Giang Phú của Trương Hán Siêu v.v... toàn bộ tác

phẩm đủ loại của văn hào Nguyễn Trãi (thế kỷ 14, 15) như Úc Trai Tập, Quân Trung Từ Mệnh Tập trong đó có các bài Hịch Tướng Sĩ và đặc biệt là bài Cáo Bình Ngô bất tử, các truyện ký như Lĩnh Nam Trích Quái, Truyền Kỳ Mạn Lục của Nguyễn Dữ (thế kỷ 15, 16) v.v... rồi tiếp đến các bộ Sử Ký vĩ đại của Lê Văn Hưu, Ngô Sĩ Liên, Phạm Công Trứ, các áng văn của văn hào Lê Quý Đôn vào thế kỷ 18 v.v... đến các tác phẩm chữ Nôm, chữ Hán đủ loại vào thế kỷ 19 mà Đoạn Trường Tân Thanh của Nguyễn Du là một tuyệt tác v.v... (Xin kể chừng ấy, có thể còn sót nhiều, nhưng biết dừng lại chỗ nào cho khỏi hối tiếc và được gọi là đầy đủ!), nền văn học kiến quốc cứu quốc Việt Nam quả thực phong phú quá chừng!

Nghiên cứu lịch sử, văn học Tây phương như Pháp, Đức, Hoa Kỳ... không tự tôn và tự hào quá đáng, ta có thể long trọng mà tuyên bố rằng bài Hịch do Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn sáng tác vào cuối thế kỷ 13, ngoài một áng văn về quân sự, về tâm lý chiến, hẳn nhiên còn là một tác phẩm văn hóa không tiền khoáng hậu (-cũng giống như sau này, cách một thế kỷ nữa, Bài Cáo của Úc Trai tự Nguyễn Trãi-), vừa sôi sục hùng khí, dũng lược quyết tâm nêu lên các đức tính văn hóa của nhà lãnh đạo cũng như toàn dân Việt; vừa uy nghiêm, khích động "tâm thần" binh sĩ trước nạn ngoại xâm nghiêm trọng biết là dường nào! Thực là khí phách của một đại vương quán thế khó tìm thấy trong các hùng tráng ca và văn thơ đấu tranh, động binh, tuyên chiến của các nền văn học và văn hóa sử nước ngoài!

Bên cạnh bài Hịch nói trên, bộ Binh Thư Yếu Lược của Người quả đúng là một pho sách quân sự về chiến lược chiến thuật mà mãi hơn bảy thế kỷ về sau, từ ấy đến nay, các bộ óc lớn về binh lược Việt Nam không sáng tạo thêm được chút gì để gọi là bổ sung, đúc kết thành một pho Binh Thư của Việt tộc hồng nổi chí người xưa.

Hỡi các bạn trẻ Việt Nam! Có những lúc nào, các bạn và chúng tôi cảm thấy đau buồn, tủi nhục vì thân thế điêu linh của kẻ mất nước, chán nản, bất động về nỗi bất lực cá nhân trước sức mạnh của kẻ thù cường bạo - bất kỳ từ đâu đến - thất vọng và thất chí trên hành trình của đại nghĩa muôn

vạn chông gai, nguy hiểm, đến nỗi các bạn thoảng muốn ngã lòng, buông xuôi và đào ngũ trước nghĩa vụ con người và sứ mệnh công dân, xin mời các bạn cùng chúng tôi hãy tìm đọc lại một vài chương về lịch sử chiến đấu đời Trần vào thế kỷ 13-14... là nhiệm màu thay! Tức khắc nhuệ khí, hùng chí của tiền nhân trỗi dậy, vang rền, truyền cho tất cả chúng ta sinh lực và tâm lực của một thời tốt vời oanh liệt trong dĩ vãng!

Và cũng chỉ cần 4 câu thơ ngắn của bậc anh hào Lý Thường Kiệt đủ làm nên một quyết tâm thư dựng cao ngọn cờ độc lập, là một lời thách đố uy nghi trước quân thù để giữ nước với cái thế của kẻ bách chiến bách thắng.

Nam quốc sơn hà Nam đế cử...

Trong khi Đặng Dung, vào thế kỷ thứ 14, thở than về nỗi bất lực chưa làm xong sứ mệnh của mình trước địch quân mà tuổi già đã đến:

Quốc thù vị phục đâu tiên bạch,

Kỷ độ long tuyền đá nguyệt ma.

Dịch nôm:

Thù trả chưa xong đâu đã bạc,

Guồng mài bóng nguyệt biết bao rày!

(Phan Kế Bính dịch)

thì vị danh tướng đời Trần có công lớn trong việc dẹp quân Nguyên vào thế kỷ 13 là Trần Quang Khải, khi chiếm lại Thăng Long thành đã hùng tráng thét lên về công cuộc giữ nước (2 câu đầu), dựng nước (2 câu sau) của mình trước ba quân bằng đôi vần thơ ngắn:

Đoạt sáo Chương Dương (1) độ

Cầm hồ Hàm Tử (2) quan

Thái bình tu nỗ lực

Vạn cổ thủ giang sơn.

Dịch nôm:

Chương Dương cướp giáo giặc

Hàm Tử bắt quân thù

Thái bình nên gắng sức

Non nước ấy nghìn thu.

(Trần Trọng Kim dịch)

Chú thích:

(1) Chương Dương: một xã nay thuộc phủ Thường Tín, Hà Đông).

(2) Hàm Tử: một xã nay thuộc xã Khoái Châu, Hưng Yên).

"**Thành nhân**" không những là nguyên lý làm người cao trọng của đạo đức Khổng Mạnh mà còn là con đường đi vào lịch sử đấu tranh cách mạng Việt Nam để trở thành anh hùng liệt sĩ sáng ngời công nghiệp muôn đời như 13 cái đầu siêu nhân rơi ở pháp trường Yên Bái. Có cái thành công của tên đạo tặc bán nước nhưng chúng không bao giờ thành nhân được. Thành công thấp giá hơn thành nhân là vậy đó.

Có bức thông điệp nào hùng hồn hơn, xây dựng nền văn hóa cứu nước, tráng lệ như kim cương cứng thép, bất diệt như danh ngôn trời trắng tâm huyết của nhà lãnh tụ Nguyễn Thái Học khi bước lên máy chém của thực dân mà còn can đảm các thế hệ hậu sinh:

"Chúng tôi đi trả nợ nước đây!

Cờ độc lập phải nhuộm bằng máu.

Hoa tự do phải tưới bằng máu!

Tổ Quốc còn cần đến sự hy sinh của con dân nhiều nữa, nhiều nữa.

Rồi thế nào cách mạng cũng thành công...".

* Lại nữa, xin trung dẫn bất chợt một cuốn truyện mà các nhà văn học sử chỉ nhắc sơ qua và chắc rằng có một số ít người biết đến là Truyện Kỳ Mạn Lục của Nguyễn Dữ vào thế kỷ 15, tác phẩm này tuy thể bao hàm rất nhiệt tình ý hướng, chủ đích văn hóa cô đọng của người viết truyện.

Người học trò lỗi lạc của Trạng Nguyễn Bình Khiêm là Nguyễn Dữ sống vào thời kỳ suy loạn của triều Tiền Lê, quốc thế nghiêng ngửa, cường thần tăng tiến, kỳ cương đồ nát, phong hóa suy đồi nên sử dụng văn tài mỹ diệu của nhà tiểu thuyết cốt sửa đổi phong giáo bấy giờ. Hãy nghe Trúc

Khê, Ngô Văn Triện, một học giả Việt Nam vào thượng bán thế kỷ 20 luận bàn về tác phẩm nói trên:

"Toàn bộ văn viết có những chỗ biện luận hùng hồn, có những chỗ điêu khắc tỉ mỉ, chỗ tươi đẹp như bức tranh màu lộng lẫy, chỗ vang dội như dòng suối chảy lô xô; các chuyện phần nhiều có thơ hay đoạn văn tứ lục chen vào mà những thơ văn đó đều là mỹ diệu tiêm tể lắm".

Tóm lại bộ sách này, về phần văn chương, thật có đứng như lời ông Vũ Khâm Lâm (*Tước Ôn đình hầu, người làng Ngọc Lạc, huyện Tú Kỳ*) đời Lê đã khen là "thiên cổ kỳ bút".

Nay ta lại xét đến phần tư tưởng của tác giả.

Trong tất cả hai mươi chuyện, tuy có phần thần quái hoang đường cả, song phần nhiều các chuyện, tác giả trong khi muốn được thỏa cái ý thích múa mênh mông ngời bút phun hoa nhà gấm, nhưng vẫn dụng ý ký thác vào đó một cái ý nghĩa về đạo đức luân lý, hay một lời châm biếm về những chính tục của đương thời. Chẳng hạn như ở trong "*Câu chuyện ở đền Hạng Vũ*", có những câu nói như thế này:

"*Làm người ta không ngoài trời đất để mà sống, làm chính trị không ngoài cõi nước thường để dựng nước*".

Trong "*Chuyện gã Trà đồng giáng sinh*", có những câu:

"*Đức là nền tử thiện, của là kho tranh giành. Tích đức như mầm non rở một giọt nước, sẽ nảy nở lên; tích của như lửa đỏ gieo một khối băng, sẽ tàn lụi xuống*".

"*Đạo trời công minh như cái cân, cái gương, có thần minh để ghi dấu vết, có tạo hóa để giữ công bằng; gương tất soi suốt mà không riêng, lưỡi tuy thưa thớt mà không lọt*".

Trong "*Chuyện Phạm Tử Hư lên chơi Thiên tào*" có những câu:

"*Xưa nay bàn về kẻ sĩ, tất phải kể về đức hạnh*".

"*Sự báo ứng luân hồi ở trong trời đất, chỉ có thiện ác đôi đường: kẻ chăm làm thiện, tuy hãy còn sống, tên đã ghi ở Đế đình; kẻ hay tích ác, dù đã chưa chết, án đã thành ở Địa phủ*".

Trong "*Chuyện bữa tiệc đêm ở Đà Giang*" có những câu:

"Tôi nghe thánh nhân trị vì, càn khôn trong sáng, minh vương tu đức, chim muông yên vui. Nay chúa thượng đang kỳ thái hanh, làm chủ dân vật, tưởng nên chăng lưới mà thu vét lấy những người hiền sĩ trong thiên hạ, cùng mưu hạnh phúc cho thương sinh. Có sao lại giết gấu săn hươu, lấn cướp cả công việc của kẻ Sơn-ngu (*Kinh thư: Vua Thuấn sai ông Bá Ích làm chức Ngụ Công, giữ việc núi đằm*) như vậy!".

Trong "*Chuyện Lý tướng quân*" có những câu:

"*Thiện ác tỏ ra, phải tích dần lại, báo ứng đem đến, có sai bao giờ. Cho nên luận số không bằng luận lý, tướng diện không bằng tướng tâm. Nay tướng quân ác có mà đức không, người khinh mà của trọng, mượn oai quyền mà làm dữ, vụ kiêu sa cho thỏa lòng, đã trái lòng trời, tất bị trời phạt, còn có cách gì mà tránh khỏi tội trời!*".

Trong "*Cuộc nói chuyện thờ ở Kim Hoa*" có những câu:

"*Sĩ quân tử ở trong danh giáo, thiếu gì cách vui! Hà tất lấy không làm có, trở phải ra trái, đem chữ nghĩa ra làm trò đùa*".

Cứ những câu lược trích ở trên này, tỏ rằng ngòi bút của tác giả có ý khuyến giới châm quy cho nhân tâm phóng tục bấy giờ, và tỏ rằng tác giả tin tưởng cái lý thiện ác báo ứng của nhà Phật. Những câu nói như ở trên này, quyết nhiên không phải vô tình mà vào chuyện, và ai bảo là nó đã không từng có bổ ích cho thế đạo nhân tâm.

(Xem: Nguyễn Dữ, Truyện kỳ mạn lục toàn tập. Bản dịch của Trúc Khê, Ngô Văn Triện).

Đến như một đại tác phẩm tưởng rằng thuần túy có tính chất văn chương và giải trí như Kim Vân Kiều tức Đoàn Trường Tân Thanh của thi hào Tố Như Nguyễn Du mà cũng bộc lộ không ai phủ nhận được sự nổi kết giữa tiếng nói của dân tộc, sinh huyết văn hóa Việt Nam với linh hồn Đất Nước - cả một sự đấu tranh hòa bình về ngôn ngữ!- qua lời của nhà học giả Phạm Quỳnh: "*Truyện Kiều còn... Nước ta còn*".

*Gần đây, nhà thơ họ Vũ cũng thừa hưởng tiềm thức bẩm sinh ấy, qua ý hướng văn hóa của tiền nhân, trong các sáng tạo dạt dào của mình. Tuy "SAY" với "MÂY" khỏi "RỪNG PHONG" trong mùa Đại Hội "HOA ĐẰNG", dập diu hoa bướm, thi nhân vẫn dành những vần thơ trữ tình nồng đượm linh khí núi sông, bàng bạc hồn thiêng quốc sĩ bao trùm nền văn hóa sử Việt tự thưở nào.

Hoặc thi nhân ca tụng chiến công đời Trần:

"Hội Diên Hồng đó nền Dân Chủ

Sóng Bạch Đằng kia Hịch Đại Vung".

(Chiến công đời Trần, Hoa Đẳng, Vũ Hoàng Chương)

Hay tôn vinh nhà liệt sĩ lừng danh thời cận đại:

*"Một tiếng vang trời khét Việt Đông
Người Nam coi cái chết như không
Bút thỏ dũi bước đường tranh đấu
Gan thép tung hoành chốt cảm thông".*

(Vịnh Phạm Hồng Thái, Hoa Đẳng, Vũ Hoàng Chương)

Nào đại sự réo gọi ai là trang thanh niên kiêu hùng của Đất Nước:

*"Giờ điểm rồi đây, hồi Tuổi Xanh
Có nghe nét chữ réo tung hoành?
Có nghe dòng mực sôi trang giấy
Nhịp bốn ngàn thu SỬ ĐẤU TRANH?"*

(trích Giờ Đã Điểm, Hoa Đẳng, Vũ Hoàng Chương)

thì hãy đứng lên trả lời tiếng gọi cấp cứu của núi sông bị ngoại nhân cướp mất:

"Trái bốn nghìn năm dựng nước nhà

Sông khoe hùng dũng, Núi nguy nga

"Trả ta Sông Núi!" Bao người trước

Gào thét đòi cho bọn chúng ta

Trả ta Sông Núi! Từng trang sử

Dân tộc còn nghe vọng thiết tha

Ngược vết thời gian cùng nhấn nhủ:

Không đòi, ai trả Núi Sông ta?

.....

Trả ta Sông Núi, câu hùng tráng

Là súng là gươm giữ đất đai...

(Trả Ta Sông Núi, Hoa Đẳng, Vũ Hoàng Chương)

Và đây, Thăng Long xưa kia, đất nghìn năm văn vật, là Hà Nội, bây giờ là thủ đô của tội ác, chủ rên rỉ đau thương, quần quai phai mòn vàng son cổ kính của một thời nào văn hóa sử Lạc Hồng oanh liệt. Hồ Gươm, Chùa Một Cột là chứng nhân trầm lặng của một sự phá sản văn hóa trọn vẹn đập đổ tinh thần dân tộc, từ khi chế độ vong bản hủy diệt tất cả để lên ngôi bạo Tần:

Hỡi ôi! Hà Nội bao đêm trắng

Từng đón lòng ta mỗi ngã đường

.....

Hỡi gươm đáy sóng, rùa chân tháp!

Ta hiểu rồi, Người, nỗi đoạ trường!

Gió lại còn tanh mùi phấn sáp

Và mây còn đỏ máu hiền lương

.....

Từng con mắt gỗ quen màu lệ

Tiếng khóc thầm dâng mỗi nách tuồng

Đá cũng nhàu gan bia Tiến Sĩ

Cây vườn Bách Thảo tóc phai hường.

(trích Tâm Sự Phố Phường, Hoa Đẳng, Vũ Hoàng Chương)

(Thơ của Vũ Hoàng Chương trong đoạn này rút từ bài: "Vũ Hoàng Chương, mối tâm thơ lâm lụy" (Bốn mươi năm Thơ Việt Nam 1945-1985) của Võ Văn Ái, Quê Mẹ, tháng 7/1991. Paris 1991. Say, Mây, Rừng Phong, Hoa Đẳng... là những thi phẩm của Vũ Hoàng Chương).

Thương hại cho ông bà chúng ta thưở trước và chúng ta ngày nay vô cùng (!): luôn luôn phải nuôi dưỡng một tâm lý và một ý chí đấu tranh đối kháng thường trực không rời khỏi sinh mệnh của mình! Trải qua bao chiến loạn thảm khốc, đến những thời bình trị huy hoàng để dựng nước với tất cả những nhiệt khí của toàn dân như dưới triều Đinh, Lê, Lý, Trần, Nguyễn, tiền nhân vẫn phải vô trang một nhân quan

viễn thị cảnh giác trường kỳ: Phía chân trời kia, sau lớp bụi mù của thời vị lai nào đó, vẫn ẩn hiện những đạo quân ngoại bang hùng hổ sẵn sàng chờ dịp mình sơ ý là tràn đến cửa ngõ mình, giẫm nát lãnh thổ để đày đọa con dân mình! Các địch thù ấy -nào ai biết trước được! có thể còn tàn bạo hơn hơn quân xâm lăng mà ông bà chúng ta đã đại thắng tuy khổ cực nhưng oai hùng vô cùng! "Luôn luôn cảnh giác để đối phó, tự vệ": một nhật lệnh sinh tồn của dân Việt.

Văn hóa Việt Nam, truyền thống Việt Nam: chủ yếu biểu dương công nghiệp đấu tranh giữ nước và dựng nước của người xưa truyền mãi đến nghìn sau. Nền văn hóa Đông Phương, trong đó có Việt Nam được cấu tạo bởi các yếu tố tinh thần và siêu hình đặc thù do nhiều triết thuyết như Phật, Khổng, Lão. Tất cả đều bắt nguồn từ cái tâm con người. Và dấy lên từ cái tâm vô hình ấy, nhiều giá trị tinh thần truyền thống trường cửu. Người phương Đông chúng ta cảm thức, suy nghiệm vạn vật bằng trực giác (esprit infinitif) nội quan sâu thẳm để bắt cho kỳ được bản chất và tâm linh sự vật trong khi nền văn hóa phương Tây lý giải bản chất, nội tâm sự vật bằng một tri thức suy lý, phân thân và minh giới (esprit cartésien). Một Omar Khayyam, một Rabindranath Tagore, một Phật Thích Ca, một Lão Tử, một Khổng Tử... huyền diệu, mệnh mang, hàm dưỡng (mà muốn lĩnh hội thấu lý đạt tình các tư tưởng ấy, phải nhắm mắt lại trầm mặc trong cái thế thiên vị "tập trung tâm ý" triền miên, cao độ) -hơn nhiều một Platon, một Aristote, một Socrate... bộc lộ, mãnh giác, khai phá và khám hiệu (tức là xem xét, tra cứu, so sánh xem có sai lầm không).

Từ hồi còn trẻ, tôi vốn có định kiến (có thể sai lầm!) là các nhà học giả Tây phương dù có nghiên cứu uyên bác đến đâu đi nữa vẫn không bao giờ bắt được cái sâu thẳm mà cũng là cái chập chờn cao vời vợi của nền triết phương Đông. Vì họ không làm sao có được cái Hồn chữ nghĩa (của Tàu, của Ấn...) cái Thần nhập lý, cái Thức trực giác và cái Tâm linh ứng của người Á Đông ta. Do đó, họ biết thức mà không Giác, có Tâm mà không ứng, có Lý mà không Thần thì khó mà nhập Đạo và Cảm Ứng với triết thuyết Đông Phương.

Tổng quan, chúng ta phải biết hội tụ để rồi đúc kết một cách hài hòa, thông thái cái Tâm thâm nghiêm và cái Lý khúc triết ấy của hai nền văn hóa Đông Tây để tạo dựng một tổng hợp tinh thần hoàn hảo cho văn hóa Việt Nam ta đó vậy.

Được sống đủ đầy bao vinh nhục của tiền nhân, bao kinh nghiệm đau thương và phấn chí của dòng văn hóa sử trong quá khứ, toàn dân Việt bây giờ nhất quyết cùng nhau hợp quần đốt sáng niềm tin trường cửu vào nền văn hóa dân tộc bất diệt, mặc thách đố của thăng trầm quốc vận để tái tạo vào thời hậu Cộng Sản trên Đất Nước cái THẦN TRÍ VIỆT, cái hồn việt gần như bị suy vong chối bỏ. Với tâm, với chí, với ý lực bẩm sinh của giống nòi.

Soạn giả Cao Thế Dung trong tác phẩm "**Tự Hào Là Người Việt Nam**" diễn tả tâm tư thiêng liêng và kỳ vọng bất diệt ấy của dân tộc Việt Nam như sau:

"Trong sự hiện lưu biến đổi bất tận của tạo vật, đối với Việt Nam có cái không hề biến đổi là hồn người, hồn tiên tổ trong lòng gia đình tôn tộc. Hồn ấy tụ lại thành hồn nhà, hồn nước. Nước Sông Hồng, sông Đồng Nai chảy xiết, dòng nước thay đổi mỗi phút mỗi giây, nhưng lòng sông vẫn thế, có thể sâu hơn, rộng hơn hay nông hơn, nhưng vẫn là dòng sông. Biển có thể cạn như Biển Chết, nhưng lòng cát của biển và vị mặn vẫn còn. Hồn người, hồn tiên tổ, hồn núi sông -nói một cách khác, tín ngưỡng Việt Nam, đức tin dân tộc của người Việt Nam chính là lòng sông lòng biển, là nền cát, vị mặn của biển.

Cách mạng Việt Nam đang tiên phong quyết tâm đi tới trước hết là để lật độ bạo quyền sau là trả lại dân tộc hồn người, hồn nước cùng tinh thần mà tiền nhân ta đã bảo trọng từ thuở vua Hùng. Cách mạng Việt Nam đang lãnh nhiệm vụ thiêng liêng là đấu tranh giành lại vũ trụ hoa gấm đầy tình người cho Tổ Quốc Việt Nam".

(Cao Thế Dung, Tự hào là người Việt Nam. Nxb Hưng Đạo, 1989, trang 120-121).

Và chúng tôi thêm: "*Và đấu tranh để phục hồi nền văn hóa truyền thống mỹ lệ, luông hảo cho dân tộc Việt Nam đó vậy*".

Nhắc đến các tiếng: "Hồn Việt, thần trí Việt, tinh thần Việt Nam..." hoặc một từ mới, rộng nghĩa hơn các tiếng nói trên, chịu ảnh hưởng của Pháp ngữ là Lý Lịch Việt Nam (*identité vietnamienne*), tức là nói đến một ý niệm. Mà đã là ý niệm thì khó định nghĩa hay định tính một cách đơn giản và hàm súc. Lý Lịch Việt Nam chủ về hướng ngoại cũng như Hồn Việt Nam thiên về hướng nội là một cái gì rất khái quát, vô hình, mênh mông mà không mơ hồ, bao gồm nhiều điều trừu tượng đã thăng hoa trong tâm linh con người Việt, qua dòng thời gian và đã đúc tạo vững chắc nên bản sắc Việt Nam, thần trí Việt Nam đã nói ở trên.

Đó là ý chí sinh tồn chung của cả một dân tộc, phát sinh từ một cội nguồn tiên tổ thời tiền sử, cùng lên núi, cùng xuống biển, sống chết gắn liền nhau thành một tập đoàn cùng một huyết thống bởi một lịch sử dựng nước, cứu nước hơn bốn ngàn năm lập quốc nổi trôi theo vận nước. Hiện dân tộc ấy cũng cùng mang những ưu tư, khát vọng, hoài niệm bi hùng vinh nhục trên nền quốc sử, cùng tranh đấu giành mảnh đất tạo sinh dọc theo ven biển, trải dài ở một miền Đông Nam Á. Nói làm sao cho đủ ý! Cùng có lý lịch Việt Nam, tâm hồn Việt Nam, những người đứng trong một cộng đồng cùng chung xây dựng bản mệnh tinh thần cho dân tộc mình trên dòng văn hóa sử Việt Nam, theo một quan niệm nhân sinh, một triết lý sống còn đặc thù của nòi giống.

Và từ ý niệm triết học đó bao gồm cảm tình, trí thức, ý chí của con người Việt Nam diễn trình từ quá khứ đến hiện tại, chúng tôi đề nghị các nhà văn hóa sử Việt Nam cùng nhau xây dựng trên cơ sở nhận thức nói trên một Chủ Nghĩa Nhân Văn Việt Nam (humanisme vietnamien).

Chủ nghĩa này chẳng những gồm những đặc trưng văn hóa của Việt tộc mà còn cô đọng những tinh hoa Đông Tây kim cổ mà nước Việt ta -do một vị thế địa lý chính trị đặc biệt, cái bao lơn của biển Thái Bình và còn do những đứa con của "Toàn Cầu Nghĩa Thực" hiện đại hồi xứ nữa- đã trở thành một điểm hội tụ bất dịch trên các đường kỳ hà Châu Á.

Trong sâu thẳm của thời gian và mênh mông của vùng trời kéo dài dọc

theo ven biển Thái Bình, các nghiên cứu mới nhất về khảo cổ và sử học phát hiện rằng chỉ có nhóm Lạc Việt - tức là tổ tiên chúng ta, thoát thai từ khối Bách Việt- là dần dần tiến về phía Nam để rồi kiên trì xây dựng lãnh thổ, nuôi chí lập quốc và hun đúc bản sắc riêng biệt cho cộng đồng mình. Và còn chói lòa hào quang của nền văn hóa xây dựng bằng tâm linh, xương máu mình tỏa rạng, chiếu sáng khắp vùng Đông Nam Á.

Nền văn minh Đại Việt trước kia sáng lạn do công trình huyết lệ của tiền nhân không ngoan hòa hợp tinh hoa của người cộng với sáng tạo thần tình của mình. Ngày nay dân Việt cùng thể, quyết tâm với Thần, Trí, Tâm, Lực tổng hợp, hành diện phát huy lý lịch quốc gia hầu đóng góp tinh hoa của Rồng Tiên Hồng Lạc vào dòng sinh mệnh chung của một vùng trời bao la, từ thời tiền sử chính là quê hương của nền văn hóa Trống Đờng.

Ta không quên nhắc lại nền văn minh Đại Việt trước kia tuyệt vời, sáng lạn là do công trình huyết lệ tinh thần của ông bà chúng ta hun đúc hòa hợp những tinh hoa của người cộng với thành quả sáng tạo của chính mình, để Dựng nước, cứu nước và giữ nước thành công: Biểu lộ và kết tinh THẦN và LỄ C vẻ vang của con cháu Rồng Tiên, Hồng Lạc vào dòng sinh mệnh văn hóa chung rạng rỡ của một vùng Đông Á. Nhớ đến bài học thành công ấy của văn hóa sử phong phú và đầy hiệu nghiệm, chúng ta lại có quyền hãnh diện và tin tưởng vào tương lai dân tộc.

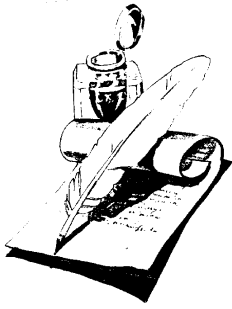
"Mỗi người chúng ta đi qua để lại một dấu chân.

Dấu chân văn hóa.

Dấu chân chúng ta đi rồi sẽ trở thành đường".•



VĂN HÓA và GIÁO DỤC:



Ý thức và Hành động

● Mạnh Bích

I- Nhân định:

1- **Toàn cầu** - Nhân loại hiện nay đã đạt đến một trình độ kiến thức khoa học kỹ thuật phải nói là kỳ diệu. Thế kỷ 21 với những kỹ xảo vi tính được áp dụng trong mọi lãnh vực đã và đang đem lại cho nhân loại những bước tiến khổng lồ làm cho các lứa tuổi 70, 80, tất nhiên phải sung sướng, vui mừng được chứng kiến, được «sống» những tiện nghi, những khám phá, những kỹ thuật mà thuở thiếu thời họ không bao giờ tưởng tượng là «có» ở trên đời. Đối với toàn thể nhân loại, đường chân trời được kéo lại gần, vòng trái đất được thu hẹp lại. Con người đến với nhau dễ dàng hơn, con người cũng gần gũi với thiên nhiên, vũ trụ hơn. Nhưng, sự tiến bộ đã đem lại cho chúng ta nhiều ngỡ ngàng. Trong việc tìm kiếm tiện nghi vật chất, chúng ta đã đạt được nhiều thành quả đáng kể nhưng cũng phải làm cho tinh thần chúng ta bị dao động: Chúng ta lại rơi vào những hệ lụy mới, môi sinh bị tiêu hao sâu rộng, thiên tai dồn dập kéo đến, các bệnh dịch mới và cũ như bò điên, cừu run, cúm SARS v.v... hoành hành dữ dội, trong ấy phải xem dịch SIDA là nghiêm trọng nhất. Nhân loại sống trong một nỗi lo sợ triền miên bị nhiễm độc bất ngờ.

Bên cạnh đấy còn phải kể những cuộc chiến tranh diệt chủng. Phía sau những cuộc nội chiến ở các nước Phi Châu, Nam Mỹ, cuộc chiến tranh ở Afghanistan, ở Irak mà các tinh thần bi quan xem như một cuộc thế chiến thứ ba, toàn cầu đang bị hăm dọa bởi một loại chiến tranh ảnh hưởng giữa nền văn minh «sản xuất tối đa để tiêu thụ tối đa» của các nước giàu có tự mệnh danh là tiến bộ và nền văn minh «bảo vệ đạo lý Hồi giáo» của các nước bị xem là lạc hậu. Căn bản là cuộc chiến tranh giữa kẻ nghèo, quá đông đảo cứ phải chịu đựng quá nhiều bệnh tật, thiên tai và người giàu chỉ là một thiểu số.

Và cái thiểu số này đang thụ hưởng một nếp sống mới với hai cái ưu thế: *Sản xuất* thật nhanh, thật nhiều và *tiêu thụ* cũng thật nhiều, thật nhanh. Hệ luận: Trong các xã hội tiến bộ, nhiều tự do và nặng dân chủ, nảy sinh cái tinh thần sống hơi hợt, tôn thờ sự thoải mái, đến độ bất cần đời, thích vứt bỏ, chối bỏ, xóa bỏ. Đây là một loại sida khác, loại sida tinh thần! Trái lại, tinh thần bạo động có mặt trong lời nói, trong các phim truyện, trong các trò chơi, giữa học đường, bệnh xúc phạm tiết hạnh với những vụ hiếp dâm trẻ em, loạn luân, bức hiếp con cái là một mối lo ngại triền miên. Nhìn chung, nhân loại hiện nay đang sống một giai đoạn suy đồi quá ư đen tối, đang trải qua một thời kỳ khủng hoảng tinh thần nghiêm trọng. Bên cạnh sự suy đồi đạo lý, chúng ta còn phải kể luôn cả sự dao động đạo đức khi sử dụng quyền năng siêu đẳng của khoa học: Các cuộc thực nghiệm về clone, về greffage v.v... tất cả những sự việc ấy là hậu quả của sự *lạc hướng tâm linh* đã manh nha từ mấy thế kỷ nay. Có nghĩa là con người, vào thiên niên kỷ thứ ba này đang lao đầu vào một cuộc chạy đua không

định hướng và không lối về. Con người không còn nhớ, không còn biết mình là ai, sống để làm gì!

Do đấy, với rất nhiều thận trọng trong việc phẩm định, chúng ta phải công nhận rằng các nước tiến bộ - G8 - đã có một cái nhìn đứng đắn về tương lai của nhân loại đang bị đe dọa trầm trọng, đang lo nghĩ cách thực hiện một thể toàn cầu hóa để tạo cho được sự quân bình, hầu bảo đảm Hòa Bình và Phúc Lợi cho nhân loại trong thiên niên kỷ thứ ba này.

Trong khi ấy thì **Đất Nước** Việt Nam của chúng ta như thế nào, **Con Người** Việt Nam là ai? Cái cộng đồng 80 triệu người Việt, trong cái thể toàn cầu hóa nói trên, chúng ta có tìm được một phương thức hành động thích hợp với thời đại để đưa Đất Nước vào một thể đứng, để đưa Con Người Việt vào một chỗ ngồi xứng hợp chưa?

2- **Con người và đất nước Việt Nam.**

Cuộc chiến tranh quốc, cộng ở nước ta đã chấm dứt ngày 30-04-1975, nhưng đã gần 30 năm rồi, sự thống nhất tư tưởng, hành động để gây dựng lại thái bình hạnh phúc cho nước Việt Nam bị tàn phá sau 30 năm nội chiến tương tàn vẫn chưa thành hình. Do đâu? Chính quyền cộng sản trong nước không đặt đúng vấn đề quốc gia dân tộc và chính sách văn hóa giáo dục của họ đã «trật đường rầy». Về phía cộng đồng người Việt lưu vong, chúng ta vẫn chưa tìm ra được phương thức hành động hữu hiệu để cứu dân, giúp nước.

2a - Đất nước Việt Nam là gì? Nước Việt Nam vẫn có mặt trên bản đồ toàn cầu, đã thoát khỏi cảnh chiến tranh nhưng Việt Nam là một quốc gia chậm tiến, bị cai trị bằng sự kiểm soát mù quáng của một đảng Cộng Sản lạc hậu: Luật pháp, luật lệ được qui định bởi Bộ Công An nhằm giới hạn quyền tự do cá nhân, tư hữu bằng qui chế đảng kỷ hộ khẩu của thời chiến tranh hay của các đội quân chinh phục. Một mặt, Việt Nam đang cố xoay xở để đạt đến trình độ của một nước phồn vinh, tiến bộ nhưng một mặt khác, Việt Nam vẫn không chịu chuyển hướng sang tinh thần dân chủ tự do. Vì vậy, Việt Nam là vùng đất gây nhiều lo ngại cho sự an bình của miền Đông Nam Á, là miền đất của những người dân không được sống an bình. Người dân của một nước phải sống dưới một chế độ đảng trị, công an trị không thể sống an bình. Người dân của một nước khi phải sống ly hương mà phải chọn lựa tình trạng lưu vong cũng không thể sống an bình được. Không cần phải nói đồng dài, Đất Nước Việt Nam hiện nay là một «con bệnh kinh tế» của vùng Đông Nam Á, là một con «bệnh tâm thần» cần chữa trị để có thể *sống hòa bình* với cộng đồng nhân loại.

2b - Con người Việt Nam là ai? Chúng ta hãy đồng thuận ở một điểm: Nói đến người Việt Nam, «người ta» có một sự trọng nề như khi nói đến một người Nhật hay người Trung Hoa không? Nếu có thì chúng ta phải có bổn phận gìn giữ lòng trọng nề ấy, bằng không thì chúng ta phải làm gì?

Để giải quyết vấn đề này, chúng ta hãy *nghiêm chỉnh*, (với tinh thần cầu tiến, công ích) *sáng suốt* (bình đẳng, không mặc cảm, không cố chấp) nghiêm xét từ đầu. Đây là dụng ý của tôi khi bàn chuyện với các bạn về văn hóa Việt Nam.

Như trên đã nói, người Việt Nam chia làm hai loại: Về địa lý, người Việt Nam ở hải ngoại và người Việt Nam sống trong nước. Về tinh thần, đa số người Việt ở hải ngoại tự xem là lưu vong có tinh thần quốc gia, bài cộng và người Việt Nam đang sống trong nước bắt buộc phải chịu áp lực của một chế độ cộng sản lạc hậu, độc tài đảng trị. Cả hai loại người này suy nghĩ về nước Việt Nam ra sao để nhận định về con người của mình, về thân phận của mình? Nói

cách khác, người Việt Nam ý thức «sự» yêu nước, Tổ quốc, Văn hóa như thế nào?

Hiện nay, ở trong nước có một số thức giả đặt lại vấn đề vai trò của cách mạng. Nhưng sự hiểu biết của họ về «tinh yêu nước» còn lúng túng, hạn hẹp vô cùng. Trong đám người «làm cách mạng» ấy, «cái sự» yêu nước trước kia, qua các triều đại độc lập Lê, Trần, Nguyễn là nợ nước, là bảo vệ cái nơi gọi là «nam quốc sơn hà» của «nam đế cư». Yêu nước là trả một món nợ được no cơm ấm áo nhờ ơn mưa móc của Vua và triều thần. Dù cho đấy là cứu nước, là chống ngoại xâm nhưng vẫn là «phản cách mạng». Về sau, trong thời kỳ Pháp đô hộ, yêu nước là chống lại chính quyền ngoại bang thực dân, là giải thoát đất nước, dân tộc khỏi vòng nô lệ. Yêu nước - lúc bấy giờ được gọi là ái quốc - vẫn còn là việc làm dành riêng cho giới nho sĩ trung quân thuộc giai cấp cầm quyền và một số chí sĩ có tinh thần quốc gia. Kiểu yêu nước này chưa được xem là «danh chính ngôn thuận». Vì yêu nước, đối với họ, là phải làm cách mạng vô sản. Và, sau khi những thành phần yêu nước «quốc gia» đã bị loại trừ, trong ba mươi năm chiến tranh đánh Pháp, đuổi Mỹ thì yêu nước đối với những người cầm quyền mới là yêu lý tưởng cộng sản với quyết tâm thiết lập chính quyền vô sản.

Yêu nước ngày nay, khi Đất nước Việt Nam đã thoát khỏi cảnh chiến tranh, đối với đa số thức giả cách mạng, có đảng tịch ấy, nói chung có cái ý nghĩa của sự tình nguyện. Đảng và Nhà Nước Cộng sản dùng chánh sách công an trị để bảo vệ địa vị của một nhóm «tư bản đỏ» muốn vinh thân phì gia kiêu mới, không đếm xỉa gì đến quyền lợi của những người đã góp công vào «sự nghiệp cách mạng». Họ là những người có cái lý tưởng tốt đẹp «vì dân vì nước» nhưng khi cách mạng thành công rồi thì họ bị Đảng bỏ rơi, trừ dập. Họ phải tình nguyện để tự cứu. Sự tình nguyện xui giục số thức giả này quyết tâm đòi hỏi tự do, dân chủ, chủ yếu là phá tan chính sách đảng trị đàn áp, bóp nghẹt tự do, ngôn luận của chính quyền. Thật ra, bàn về phúc lợi của người dân, của Đất Nước chưa phải là mối bận tâm hàng đầu của họ. Đặt rõ vấn đề giá trị của nước Việt Nam, của con người Việt, vấn đề vị thế của nước Việt trong khuôn khổ toàn cầu hóa hiện đại chưa phải là mục tiêu tranh đấu của họ. Thật lòng đặt rõ vấn đề «yêu nước» như một nhu cầu cấp bách hiện nay để cùng với đồng bào của họ - ở ngoài nước cho nên có nhiều lợi thế hơn - tiếp tay nhau trong công cuộc tái lập sự phồn vinh cho đất nước, xây dựng tinh thần dân tộc để người Việt khỏi có mặc cảm thua kém bên cạnh các sắc dân của các nước láng giềng và trên thế giới không phải là mối bận tâm của họ.

Đối với tầng lớp thanh niên sinh sau 1975, tinh thần yêu nước tất nhiên không mang tính chất «làm cách mạng vô sản» như cha anh của họ. Họ thức tỉnh kiểu khác. Không phải nhờ chính sách «đổi mới» của Trung Ương Đảng đề ra nhưng nhờ những điều tai nghe mắt thấy qua mạng lưới truyền thông. Họ không muốn nghe nói đến hận thù, không muốn biết đến những chuyện ân oán. Họ đã hiểu thế nào là tiến bộ, là phồn vinh, đã nghe nói đến tự do dân chủ và họ phải nghĩ đến tương lai của họ, họ phải có một chỗ đứng trong xã hội, dù cho cộng sản hay không cộng sản cũng thế. Cho nên họ phải lên tiếng, phải đấu tranh. Và Phong trào Tuổi Trẻ rầm rộ đòi hỏi quyền tự do ngôn luận, báo chí, thể chế dân chủ. Tình trạng chung là nổi sốt ruột vì những dấu hiệu cải tổ chưa thấy xuất hiện, trong khi lòng khao khát được sánh vai cùng tuổi trẻ trên thế giới đang trào mãnh liệt.

Họ đang cần sự tiếp hơi, tiếp sức của chúng ta, những người đang hưởng cái hạnh phúc được xử dụng quyền tự do. Chúng ta có bốn phận hỗ trợ cái tinh thần tạm gọi là «yêu nước» của những hạng thức thời ấy. Nhưng chúng ta đã làm gì? Về phía chúng ta, những người đang sống ly

hương, thân ở đất khách xứ người nhưng hồn vẫn ở quê cha đất tổ, chúng ta nghĩ gì về đất nước, về tổ quốc Việt Nam?

* Một số rất lớn trong chúng ta đang sống cảnh ly hương nhưng không xem đấy là một cuộc lưu vong, nghĩa là không bao giờ đặt vấn đề rõ rệt thế nào là Đất nước, là Tổ quốc. Chữ lưu vong thường có một ý nghĩa rất mờ nhạt vì chúng ta xem sự định cư ở xứ người, từ hơn nửa thế kỷ nay là một sự may mắn, là một thứ hạnh phúc, may mắn vì chúng ta được thoát khỏi cảnh ly loạn và sống an bình ở xứ người, hạnh phúc vì không phải sống trong cuộc chiến tranh tương tàn khốc liệt đã gây ra cảnh quốc phá gia vong hiện nay. Cho nên, chúng ta không lúc nào đặt vấn đề «yêu nước Việt Nam» một cách nghiêm chỉnh và thành khẩn.

* Đối với một số khác, bằng cách này hoặc bằng cách khác, vượt biên, hay đoàn tụ gia đình, đã thoát ly khỏi «gông cùm cộng sản» thì cuộc từ bỏ xứ sở quê hương để tìm tự do là một sự may mắn quá lớn. Hai chữ ly hương, đối với số người này là được ra nước ngoài, là thoát nạn, là tìm được nơi sống thoải mái, là được hưởng một cuộc đời có nhiều bảo đảm vật chất, nhất là thoải mái tinh thần.

Vậy, chung chung, trong cuộc sống ly hương, chúng ta không để ý đến nỗi cay đắng phải «ăn nhờ ở đậu», mới buồn tủi phải sống với danh vị «công dân hạng nhì». Cuộc sống bình an, đầy đủ tiện nghi vật chất, sự thành công trong việc hội nhập vào cái xã hội mới đã dung dưỡng chúng ta làm cho chúng ta sao lãng vấn đề lưu vong. Và cũng không còn đặt vấn đề yêu nước Việt Nam và thân phận của chúng ta và con cháu của chúng ta.

Nói như vậy, các bạn có thể xem là hàm hồ. Vì, ngay trong những tháng cuối năm 1975, ngay từ lúc vừa đặt chân lên xứ Pháp, lên các vùng đất Hoa Kỳ, Gia Nã Đại, Úc Châu, tinh thần yêu nước đã có những dấu hiệu rõ rệt qua sự xuất hiện của Lục Phương Ninh, Việt Định Phương, Tô Văn, Võ Đại Tôn, Hoàng Cơ Minh, Nguyễn Ngọc Huy v.v... và với những lực lượng, những liên minh, những mặt trận, chưa kể những đảng phái như Quốc Dân Đảng, Đại Việt v.v... đã âm thầm nhưng tích cực chấn chỉnh nội bộ và hàng ngũ ngay. Tất cả đã đặt vấn đề Đất Nước trong một tinh thần phục quốc, chống cộng rất mãnh liệt. Về sau, tinh thần chống cộng cực đoan nặng hận thù được biến cải thành những hội đoàn đấu tranh dân chủ tự do cho đất nước Việt Nam. Phong trào chuyển lửa về Quê Hương được hàng trăm hội đoàn trẻ như Hội Sinh Viên, Mạng Lưới Tuổi Trẻ Lên Đường, Thanh Thiếu Niên đa hiệu, Gia Đình Phật Tử, Thanh Niên Công Giáo, kể cả những hệ thống truyền thông đủ loại đảm trách. Một điểm son đáng ghi nhận là nhiều thành phần đã thành đạt ở xứ người gồm đủ loại chuyên gia, khoa học gia, văn học gia đang tiếp tay nhau trong việc xây dựng nước rất cấp thiết này. Điển hình là Viện Việt Học, Trung tâm tái thiết kinh tế hậu cộng sản ở Mỹ và Hội Chuyên gia Việt Nam, Trung Tâm Nguyễn Trường Tộ ở Âu Châu.

Nhưng khổ thay, ý niệm yêu nước còn mơ hồ, những chữ dân tộc, tổ quốc chưa có một ấn tượng đậm nét, chưa có một âm vang chấn động. Tuy chúng ta bài bác sự gán ghép hai chữ cao quý thiêng liêng «yêu nước» vào những danh hiệu lố bịch như Trí thức yêu nước, Việt kiều yêu nước, Phật giáo yêu nước, Công giáo yêu nước, vì đối với chúng ta, tình yêu thiêng liêng đối với Tổ Quốc Giang Sơn không ai có quyền đem ra cưỡng hiếp để dùng làm chiêu bài cho manh tâm lừa bịp dân chúng như chính quyền cộng sản đã làm - tinh thần yêu nước phải cao quý hơn vì nó đồng nghĩa với Tinh yêu Dân tộc, Tinh yêu Tổ Quốc - và nhiều - rất nhiều, quá nhiều! - Tổ chức, Hội đoàn, Hiệp hội,

Phong trào đã thành hình, kết nạp rất nhiều «đồng chí» với mục đích hoạch định những phương thức hoạt động để cụ thể-hóa lòng yêu nước, nói trắng ra là «làm một cái gì» có thể tạo phúc lợi cho dân tộc, cho đất nước Việt Nam, nhưng cái ẩn tượng của những chữ Dân tộc, Tổ quốc không được chính xác, rõ rệt lắm; vì vậy, những nguyên tắc căn bản giúp nước, cứu dân của chúng ta cách biệt nhau và lập trường này thường chống lập trường kia: Người chống cộng cực đoan không hiểu được người có tinh thần hòa hợp, người có khuynh hướng ôn hòa cũng mĩa mai nghi ngờ những người có tinh thần hòa giải. Việc «đến với nhau, người lại với nhau» để làm một cái gì cho phúc lợi của Đất Nước, Tổ Quốc Việt Nam luôn luôn bị những định kiến, tinh thần cố chấp ngăn cản. Rốt cuộc, tinh thần yêu nước bị lãng quên, mục đích cao quý «phải làm một cái gì cho Đất Nước» bị xuyên tạc, bị nghi ngờ và đã có không biết bao nhiêu công cuộc bị tan rã.

II- Từ Đất Nước đến Văn Hóa

Tôi thiết nghĩ rằng cuộc tự vấn lương tâm này phải dẫn chúng ta đến nguyên tắc này: Yêu nước là phải biết bảo vệ đất nước, là phải có lòng tự hào về nơi giống, nói cách khác, rõ hơn là phải hết lòng tôn vinh Tổ Quốc Việt Nam. Và Tổ Quốc là gì? Không ai phủ nhận được nghĩa từ nguyên của hai chữ này: *Tổ quốc hay patria là mảnh đất (quốc) do ông cha (tổ tiên) để lại, là nơi một giống người đã sinh sống, đã có một lịch sử, đã tạo cho nhau một lối sống với những tập tục, những đạo lý riêng biệt.* Vì vậy, dù sinh sống ở đâu, ngoài mảnh đất ấy, con người vẫn nghĩ đến Tổ quốc của mình để được yên lòng: «Tôi sống ở đất nước, xứ sở của anh nhưng tôi có tổ quốc của tôi». Không có mối đau thương nào lớn bằng tâm trạng thua kém của những kẻ bị liệt vào hạng «vô tổ quốc». Một số người Việt lưu vong khi mượn lời của Gustave Flaubert, của Cicero để quả quyết rằng «tổ quốc là nơi mình sinh sống an lành, ubi bene ibi patria» chỉ tìm cách tự lừa dối, che giấu một sự chán nản, một mối bất lực trong ý muốn «trở về nguồn», giữa cảnh thất thế sa cơ của họ ở xứ người, mặc dù trong thâm tâm, họ chưa bao giờ chấp nhận chủ trương vô gia đình, vô tổ quốc của những người cộng sản tranh đấu cho một thế giới đại đồng ... không-tường.

Chúng ta có thể khẳng định: *yêu Tổ quốc, là thiết tha với cái linh hồn của mảnh đất của ông cha đã gây dựng, bồi đắp cho mình*, của cái nơi mình đã chào đời, đã lớn lên, và ở đó, mình trở thành một con người với cách cảm nhận vui buồn yêu ghét riêng biệt. Yêu Tổ quốc là yêu cái nguồn gốc dòng giống của mình, là biết tự hào với «con người thật của mình». Yêu nước, yêu Tổ Quốc còn có cái ý nghĩa giản dị là yêu thứ ngôn ngữ mẹ dùng để ru ta từ lúc nằm nôi, là không ngượng với màu da không trắng, là không buồn vì cái mũi không lõ, là hành diện với mái tóc không dợn sóng, là yêu cả hương vị của hạt cơm, của nước mắm, nhất là thấy cần bảo vệ cái niềm vui, niềm hạnh diện khi có những người ngoại quốc mê thích đất nước Việt, khen quý con người Việt.

1- Vấn đề văn hóa- Đến đây, khi nói như vậy, khi chúng ta đã đặt rõ vấn đề tại sao phải yêu nước, yêu Tổ Quốc, chúng ta có thể liên kết với vấn đề VĂN HÓA VIỆT NAM. Chúng ta hết lòng yêu nước, thiết tha đến mảnh đất quê hương, nghĩ đến phúc lợi của người dân Việt thì chúng ta cũng sẽ tự hào với nền văn hóa của ta. Chúng ta biết yêu nước Việt Nam, yêu Tổ Quốc Việt Nam cho nên chúng ta phải trân trọng, phải quý yêu nền văn hóa của chúng ta vì nó xác định được những nét đặc thù của con người Việt Nam, con người Việt Nam với những cái xấu xí, với những cao quý của nó.

Và văn hóa Việt Nam là gì? Ở đây, chúng ta hãy đồng thuận với nguyên tắc này: Việc xác định giá trị văn hóa Việt Nam không nên, không cần trải qua những tranh luận về nguồn gốc con Rồng cháu Tiên, về giống dân Giao Chỉ, về huyền sử Hùng Vương. Dù cho gốc gác dân Việt Nam là người Tàu, dù cho văn minh Việt Nam là văn minh lai căng Tàu, dù cho đạo lý Việt Nam là sản phẩm của tinh thần tam giáo Phật, Lão, Nho đồng nguyên, dù cho văn hóa Việt Nam chịu ảnh hưởng văn minh Tàu đến 70%, hay bị Âu Tây hóa rất sâu đậm, con người chính thống Việt Nam cũng đã và vẫn biết bảo vệ, bồi dưỡng, kiến tạo một nền văn hóa Việt Nam với những nét đặc thù của nó. Dân tộc Việt Nam thạo việc trồng lúa, thích ăn cơm, biết dùng đũa, có lối phưu sức riêng, có tiếng nói riêng, có những nguyên tắc thẩm mỹ, hướng thiện riêng, rất hãnh diện với «đạo» tôn thờ Tổ Tiên, không có mặc cảm gì với «thói» kỳ thị chủng tộc của mình (nặng nề hơn bất cứ giống dân nào thế giới!). Ngoài ra, chúng ta cũng cần nhắc đến cái lợi khí này của dân tộc Việt Nam: Tất cả những luồng văn hóa du nhập vào nước ta đều được biến cải cho hợp với tâm lý, tâm linh Việt Nam. Và chúng ta không nên, không được nghĩ rằng vì vậy mà văn hóa Việt Nam dở, không đáng để cho ta trân trọng, tôn vinh. Chẳng lẽ vì văn hóa chính thống của mình có những cái dở - văn hóa nào chẳng vậy? - , chẳng lẽ vì con người chính gốc của mình có những cái xấu xí - văn minh nào cũng vậy - cho nên mình phải bài bác nó hoặc phủ nhận giá trị của nó? Chẳng lẽ vì mình đã may mắn «học» được những cái hay cái tốt của nền văn hóa Âu Mỹ, chẳng lẽ vì nền văn hóa Việt Nam ấy bị xuyên tạc, bị uốn nắn lại cho hợp với chủ thuyết cộng sản không tưởng cho nên mình phải tiếp sức nhau, thẳng tay hủy diệt nó?

Trở về với từ «văn hóa», chúng ta có cái định nghĩa giản dị nhất này: Văn hóa là toàn bộ sự hiểu biết của con người tích lũy được trong thời gian sinh hoạt hằng ngày, đúc kết lại thành các giá trị và chuẩn mực xã hội. Nói cách khác văn hóa là hệ giá trị xã hội gồm có *lịch sử* và *di sản tinh thần* của một dân tộc, của một xã hội. Nó phải được xem là hồn dân tộc, dân tộc với những nét đặc thù, với cái xấu xí, cái tốt đẹp riêng biệt của nó. Cho nên, xác định rằng người Việt có một nền văn hóa chính thống là để hòa giải với Tổ Quốc, với chính mình. Trân trọng văn hóa của mình, tôn vinh văn hóa của mình không có gì là bất thường là lỗ bịch cả. Trái lại chúng ta phải trân trọng nó bằng cách tô điểm, bồi đắp, chấn chỉnh nó để tỏ lòng tự hào dân tộc, để ăn năn về cái tội không biết đến Tổ Quốc, để hối cải về cái lỗi không biết yêu đất nước của mình. Trân trọng nền văn hóa chính thống Việt Nam, yêu Tổ Quốc, giống nòi là một bổn phận hàng đầu, là căn bản của mọi tư tưởng liên quan đến sự sống còn của dân tộc Việt Nam, là vấn đề then chốt trong công cuộc dựng nước Việt Nam phù hợp với cái thể toàn-cầu-hóa hiện nay.

Văn hóa chính thống Việt Nam có những giá trị nào để ta được quyền tự hào?

Trong toàn bộ tư tưởng học thuật Việt Nam, qua nền văn học dân gian với kho tàng ca dao tục ngữ truyện cổ tích, truyền kỳ, huyền sử, qua nền văn học bác học với những trước tác đủ loại bằng chữ Nôm, chữ Hán, chữ Quốc ngữ, chỉ có BA đặc điểm này đáng để chúng ta lưu tâm học hỏi, bảo vệ, đáng làm cho chúng ta hãnh diện:

Tinh thần dân chủ chính thống do chế độ mẫu hệ khởi thủy di truyền.

Tinh thần thực tiễn, nhân bản xây dựng trên nguyên tắc nam nữ bình quyền và địa vị ưu thắng của người nữ (người mẹ, người vợ).

Từ tinh thần tôn quý Trời này sinh tình yêu nước thương nòi, tính quyết tâm gìn giữ xóm làng, đất nước, di sản của tổ tiên và lòng biết ơn.

Những luận đề ấy sẽ giúp chúng ta giải phẫu, xác định giá trị của nền văn hóa chính thống Việt nam để bảo vệ nó, chỉnh đốn nó cho hòa hợp với những tư tưởng tự do dân chủ, khoa học kỹ thuật tiến bộ Âu Mỹ được dung nạp.

1a - Tinh thần dân chủ là một ý niệm mặc khởi do việc tổ chức xã hội Việt Cổ, thời dân Giao Chỉ lập quốc, định cư ở cái vùng còn sống nước thuộc hạ lưu sông Cái (Hồng Hà). Đời sống định cư được ổn định nhờ biết cách trồng lúa và dần dần phong phú nhờ sự phát triển nghề nông. Chế độ mẫu hệ thích hợp nhất cho việc tổ chức sinh hoạt gia đình, xã hội. Người chồng, người cha ngoài sự đảm trách việc đồng áng và những hoạt động săn bắn, chài lưới để tạo phúc lợi cho gia đình, đóng vai trò «xã hội» trong những vụ giao dịch, trao đổi vật thực. Người vợ, người mẹ giữ vai trò «nội tướng», ngoài việc giữ thăng bằng cho đời sống vật chất lẫn sinh hoạt gia đình tự nhiên phải đảm nhiệm việc nuôi nấng dạy dỗ con cái. Vì gia đình là nền móng của xã hội nông nghiệp nên tiếng nói của người nữ, nếu bình thường cũng được nghe, đôi khi còn có giá trị hơn ý kiến của người nam (lệnh ông không bằng công bà). Đây là hình ảnh của nếp sống khởi thủy, sơ khai của người Việt Cổ đậm nét *dân chủ*, với những đặc tính *thực tiến nhân bản*.

1b - Tinh thần tự do, dân chủ - Trong thời kỳ này, tâm linh của người Việt Cổ không bị một sức mạnh tri thức, tinh thần nào khống chế cả. Người Việt chỉ sợ, chỉ tin, chỉ yêu có mỗi một sức mạnh huyền bí, tự nhiên, thiêng liêng đã điều hành đời sống nông nghiệp của mình: Đó là Ông Trời. Người và vạn vật là những nguyên tố trong vũ trụ được cấu tạo như nhau (đồng nhất thể) nên phải sống hài hòa với nhau. Việc sinh tồn của cả đôi bên đều nhờ «ơn Trời» vì vậy chỉ cần ăn ở sao «cho vừa lòng Trời»: Đây là điều kiện ắt có và đủ để cuộc sống được an bình (kể luôn cả cái chết). Ai muốn tôn thờ Ông Trời theo kiểu nào cũng được. Không ai phải tuân theo một chủ thuyết, giáo điều nào cả: Đây là một tính chất rất đậm nét *tự do, dân chủ* của nền văn hóa cổ truyền. Tinh thần này giúp người Việt dung nạp dễ dàng những đạo lý ngoại lai lúc bấy giờ như: Phật giáo (tu để được giải nghiệp, đạt được tâm thức Niết Bàn), Nho giáo (tu thân nhằm mục đích hòa hợp Ta và Người), Đạo giáo (tự giải thoát khỏi những trói buộc của đạo lý, mẫu mực xã hội, trở về với cuộc sống tự nhiên trong thiên nhiên). Tính chất nhân bản này cũng giúp cho người Việt hiểu được dễ dàng lý tưởng nhân ái toàn cầu của Thiên Chúa giáo.

1c - Lòng tin Trời, yêu Trời giúp cho người Việt giải quyết ổn thỏa vấn đề tâm linh khi ghép nó vào cuộc sống, vào sự sống của Con Người. Lòng biết ơn Trời đã đặt mình vào cuộc sống trong vũ trụ sẽ dẫn đến tinh thần biết ơn người đã đem mình vào cuộc đời (cha mẹ) đã gầy dựng, đã tạo phúc lợi sẵn cho mình (tổ tiên, bà con, bằng hữu). Do đấy, người Việt chính thống luôn luôn trân trọng tinh thần hòa ái, khiêm cung để tạo sự an bình cho cuộc sống chung.

Ba đặc điểm của văn hóa Việt Nam ấy đã là tiêu chuẩn được dùng trong việc dung nạp văn hóa Tàu dưới thời kỳ Bắc thuộc, văn minh Tây phương trong thời kỳ Pháp đô hộ và nền văn hóa cổ truyền vẫn giữ được sắc thái dị biệt của nó. Hiện nay, chính quyền cộng sản muốn áp đặt chủ thuyết duy vật cộng sản lên tâm thức của người Việt, đồng thời cuộc tiếp xúc với những nền văn hóa Âu Mỹ sẽ làm điên đảo ý thức về giá trị của nền văn hóa chính thống Việt Nam, có thể kéo theo sự đào thải tinh thần yêu nước Việt Nam, yêu Tổ Quốc Việt Nam. Đây là mối quan tâm hàng đầu của chúng ta.

2- Vấn đề giáo dục - Sự xét nghiệm giá trị của nền văn hóa Việt Nam dẫn chúng ta đến công việc triển khai tinh thần trân trọng văn hóa Việt Nam, đến việc xác định mục đích khởi động ý thức yêu nước, yêu Tổ Quốc Việt Nam và ý thức «trở về nguồn» của những người cảm thấy mình là người Việt, còn là người Việt, vẫn là người Việt. Và nói khởi động tức là đặt vấn đề GIÁO DỤC vì giáo dục có cái mục đích rõ rệt: Hướng dẫn sự hiểu biết, định hướng sự học hỏi, kể luôn cả việc bồi dưỡng sự hiểu biết. Nói rõ hơn, trong khuôn khổ tinh thần trân trọng văn hóa Việt Nam, chúng ta phải nghĩ đến phương thức giải thích cho mọi người, quảng bá đến mọi người ý nghĩa, giá trị của tinh thần yêu Tổ Quốc, Đất Nước Việt Nam, của tinh thần «trở về nguồn».

Cũng để nhận định rõ hơn nữa, việc giáo dục phải bao gồm cả việc dạy dỗ người khác lẫn việc trau dồi sự hiểu biết của chính mình, cho nên việc giáo dục phải đặt trên những nguyên tắc căn bản sau đây:

- Chuyển trao giá trị nào của văn hóa Việt Nam.
- Ai có quyền chuyển trao hay ai có bổn phận «làm thầy».

2a- Chuyển trao giá trị nào của văn hóa Việt Nam?

Người Việt Nam chúng ta, thế hệ «già» cũng giống thế hệ «trẻ» (xin mỗi người tự xếp hạng lấy) cùng có một mối băn khoăn: Dân tộc Việt Nam, văn hóa Việt Nam có những giá trị nào để, dựa vào đấy, chúng ta đặt vấn đề bảo tồn, vinh danh văn hóa Việt Nam? Để đánh giá dân tộc Việt Nam, người ngoại quốc - là những người ngoại cuộc - và ngay chính bản thân người Việt đều đồng thuận là người Việt có cái đáng yêu và có cái xấu xí. Cái nào nhiều, cái nào ít, điều ấy không cần phải bàn luận dông dài vì nó là sự thật đối với tất cả mọi dân tộc. Nhân vô thập toàn cho nên đối với dân tộc cũng vậy. Điều cần phải lo nghĩ là: Trong cuộc sống chung - bình đẳng, hòa bình - với cộng đồng thế giới, chúng ta có nên đặt vấn đề đặc tính của người Việt (-> niềm tự hào), nghĩa là giá trị của dân Việt (lòng tự tin) không? Khi đã có những nhận định chính xác, việc giáo dục trở thành vững chắc hơn.

Xin lưu ý trước là, vấn đề giá trị của nền văn hóa Việt Nam, bảo vệ nét đặc thù của con người Việt, ý thức về Tổ Quốc Việt Nam, đối với một số người, không lúc nào là mối ưu tư vì họ xem đấy là một vấn đề vô bổ, không thiết thực, nhất là lỗi thời, phản tiến bộ. Xin thưa ngay là thái độ này sẽ di hại vô cùng cho thế hệ mai sau (con em, cháu chắt của họ) của người dân Việt trong khuôn khổ giáo dục mà chúng ta bàn đến sau đây. Chim có tổ, người có tông, vẫn biết là chim cần phải bay khỏi tổ để tìm mồi về nuôi con, người phải thấy xa nhìn rộng để kịp tiến hóa với người, nhưng chim phải trở về với tổ, người phải nhớ đến cội nguồn.

Nói như vậy để giải thích tại sao hàng năm, trong nước cũng như ngoài nước, những người có ý thức cội nguồn, văn hóa tổ chức những cuộc diễn hành mừng Xuân nhân ngày Hội Tết, kỷ niệm Đổng Đa, Hai Bà Trưng, Lê Lợi, Giỗ Tổ Hùng Vương v.v..., tại sao chúng ta đã thành lập những Trung tâm Việt ngữ, những buổi sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Những hoạt động ấy đều nhằm mục đích bảo vệ, trân trọng «cái» phần tinh hoa của văn hóa Việt Nam cần được phát hiện, biểu dương, chuyển trao. Phần tinh hoa ấy nằm ở chỗ nào? Xin dùng một giải đáp giản dị, tiện ích nhất: Đây là tinh thần *kính trên nhường dưới* và *yêu quý Trời*. Con người Việt Nam quan niệm *sống là nhờ Trời*. Được lộc Trời cũng như chịu cảnh thiên tai đều nằm trong lẽ tuần hoàn tự nhiên của Đất Trời. Sinh vật Người phải biết yêu quý Trời thì mới tìm thấy được an bình trong cuộc sống xã hội và thiên nhiên. Cho nên, sự kính trên nhường dưới không phải là bị trói buộc, làm nô lệ cho đạo trung hiếu, tam tông. Kính trên nhường dưới là biết nghe, biết trọng người khác để có sự thuận hòa trong cuộc sống chung gia đình, xã hội.

Cũng nhờ đây mà con người Việt chính thống dùng nguyên tắc «biết quý trọng nhau – *tương kính*» và «tôn quý thân linh – *tri ân*» để sống ở đời, hòa hợp với người, với Trời và thoải mái cho mình. Ý thức được những nguyên lý ấy sẽ giúp chúng ta yên lòng chuyển trao văn hóa lại cho những thế hệ sẽ đến. Phải ý thức được những nguyên lý ấy thì việc dung nạp những cái hay của các nền văn hóa mới Âu Mỹ (để làm cho nền văn hóa chính thống Việt Nam được khởi sắc) sẽ không bị lệch hướng lạc đường. Và quan trọng hơn cả là để bồi dưỡng được Tinh yếu Dân tộc và Đất Nước, Tổ Quốc của chính chúng ta.

2b- Quyền, bổn phận chuyển trao hiểu biết (ai được quyền làm thầy? - ai dạy ai?)

Hiện nay, đặc biệt đối với Việt Nam, như trên đã xét nghiệm, tinh thần Yêu nước, Yêu Tổ quốc là một ý thức rất lỏng lẻo, mờ nhạt. Việc dung nạp văn hóa để thức tỉnh tinh thần ấy đã không phải là việc dễ dàng rồi, ngoài ra, lại còn gặp phải một vấn đề khúc chiết nữa: Phương thức chuyển trao nó cho thế hệ mai sau, nghĩa là *làm cách nào để chuyển trao và ai có bổn phận chuyển trao?*

Thông thường, giáo dục là đem truyền đạt toàn bộ những kiến văn mà con người thu nhận được của văn hóa cho người khác, cho lớp người đến sau (con em, cháu chắt) hay đặc biệt cho những người không được cảm nhận văn hóa một cách tự nhiên (như trường hợp những giới sống cách rời khỏi quê mẹ). Do vậy, hàng phụ huynh, bậc trưởng thượng, là những người đã trực tiếp thu nhận nền văn hóa cổ truyền chính thống gồm có những tập tục, những học thuật đã xây đắp nền văn hóa cổ truyền. Mặc nhiên, họ đảm trách công việc giáo dục. Nhưng việc giáo dục ngày xưa đặt nguyên tắc vững chãi, tiên quyết trên sự «*làm gương*». Việc giáo dục theo phương thức cổ truyền được áp dụng trong lời ăn tiếng nói, trong cách đứng ngồi: Đây là hình tượng của phép tắc lễ nghi, của đạo làm người trong xã hội và trời đất mà «*người xưa*» chuyển trao lại cho người đến sau. Đây là những giá trị tinh thần, đây là phần tinh hoa của văn hóa Việt Nam mà những bậc trưởng thượng và giới phụ huynh ngày trước truyền đạt lại cho lớp hậu duệ của họ.

Nhưng thời thế đã thay đổi nhiều lần, phương thức ấy, những giá trị ấy trở thành bất ứng. Ngày nay, ngay trong đời sống hằng ngày, «*sự*» đi thưa về trình là một sự xúc phạm tự do, phép gọi dạ bảo vâng cũng bị xem là phản dân chủ. Nếu cứ nhắm mắt bảo vệ toàn bộ hệ thống tư tưởng cổ truyền, chúng ta sẽ bị đánh giá là lạc hậu, hơn nữa nặng tính chất phong kiến. Rất nhiều những «*bạc trên*» (hàng ông bà, hàng cha mẹ, loại thầy cô) không muốn biết đến cái cần thiết, cái «*chẳng đặng đừng*» của sự tiến hóa. Chúng ta (xin gọi tắt như thế này) quen nghĩ là danh vị giáo dục viên của chúng ta bị xúc phạm khi những lời khuyên can con cháu về điều hay lẽ phải, về đường ngay nẻo chính bị nghi ngờ, phản đối, chế giễu. Làm như vậy, cuộc tranh chấp mới cũ, giữa hai thế hệ sẽ dễ dàng nổ bùng và việc giáo dục bị loại trừ, rồi thì mạnh ai nấy sống... trong bất mãn, với rất nhiều sầu lo! Đây là vấn đề cần xét lại để việc giáo dục được hợp lý và thích ứng.

III - Kết luận

Những nhận xét ấy giúp chúng ta đặt lại hai vấn đề cần phải giải quyết ngay: Phương thức và vai trò của giáo dục. Chúng ta phải xét nghiệm lại một cách thành thật thông minh hơn hay nói khác đi, rõ hơn, làm một cuộc tự vấn lương tâm.

Ở trong nước, ai cũng biết là chính sách «*trồng người 100 năm*» của Hồ Chí Minh và nguyên tắc «*hồng hơn chuyên*» là một trở ngại lớn lao cho tinh thần tiến bộ. Hơn

nữa, con người Việt «*xã hội chủ nghĩa*» chỉ là một sinh vật chạy đuổi theo sự sinh tồn, không còn là một con người dám ý thức danh vị người của mình. Tâm trí của họ luôn luôn bị ám ảnh bởi nỗi lo sợ bị gọi ra «*làm việc*» với công an nên chỉ muốn được yên thân. Họ thành khẩn tránh né việc bàn luận về văn hóa, về ý thức dân tộc, đất nước. Và họ phó mặc việc giáo dục (trồng người) cho Đảng và Nhà Nước. Tâm lý đầu hàng chấp nhận không làm cho họ sáng suốt tìm cách tháo gỡ những ràng buộc vào một chế độ phi nhân bản hủy hoại tâm linh của họ!

Ở hải ngoại, như đã nhận định trên kia, việc giáo dục gặp phải vấn đề gần như nan giải này: Danh vị giáo dục viên của những bậc trưởng thượng như ông bà cha mẹ, ông già bà cả kể luôn cả thầy cô ở trường học không còn giữ được ưu thế nữa. Một phần, xin gọi tắt cho giản tiện, vì chúng ta quen được vâng lời, được quý trọng và vẫn nghĩ rằng những gì chúng ta làm, những gì chúng ta nói vẫn được xem là khuôn vàng thước ngọc. Khi bỗng nhiên chúng ta thấy con cháu làm những điều chúng ta chưa bao giờ làm, nói những lời chưa bao giờ chúng ta nói, phản ứng của chúng ta là la rầy, quở trách để kéo chúng nó về đường ngay nẻo chính. Đây là mầm mống đầu tiên của sự rạn nứt, của sự xung đột giữa hai thế hệ cũ và mới. Tinh thần cố chấp ấy đã không những không giúp chúng ta truyền đạt lại những điều hay lẽ phải cho con cháu còn tạo ra một hố chia rẽ giữa hai thế hệ, làm tổn thương lòng kính nể, gây tổn hại cho tinh hòa ái trong gia đình, ngoài xã hội. Lỗi này không phải riêng của một thế hệ. Về phía những «*người trẻ*» những tập quán mới Âu Mỹ thu nạp được ở nhà trường, trong sở làm, trong sự giao dịch thường thoải mái tự do hơn vì phép tắc không khe khắt bằng, lễ lối ít rườm rà hơn. Cho nên họ không muốn chấp nhận những nguyên tắc đạo lý cũ nữa. Và sự phản kháng của họ có khi trở thành một cuộc bùng nổ, nổi loạn. Và việc giáo dục, việc khởi động tinh thần «*trở về nguồn*» cũng bị loại trừ.

Nguyên nhân chính là mối dây ràng buộc với những giá trị của nền văn hóa cổ truyền quá lỏng lẻo, việc giáo dục, từ ngôn ngữ đến tác phong, từ đạo đức đến tâm linh, không được đặt cho đúng cách. Thêm vào đây là sự đầu hàng, buông xuôi của những người có trách nhiệm giáo dục. Vậy vấn đề chính yếu cần được đặt ra trong vấn đề giáo dục là phải khởi động lòng yêu Tổ Quốc Việt Nam. Khi biết yêu Tổ Quốc, Đất Nước, khi biết trân trọng nền văn hóa của mình, hành diện với nguồn gốc dòng giống của mình thì Con Người mới bình tĩnh sáng suốt lo gầy dựng tương lai của mình và của con cháu, để mong có một ngày dân tộc Việt Nam có thể sánh vai với những dân tộc khác trên thế giới trong công cuộc kiến tạo hòa bình, thịnh vượng của toàn cầu.

Muốn thực hiện được hoài bão ấy, điều kiện ắt có và đủ là mỗi người trong chúng ta, hạng «*người già*» cũng như «*giới trẻ tuổi*», đều phải thành tâm tự vấn lương tâm, tự đặt lại vấn đề để thực hiện một cuộc *cách mạng bản thân*. Công cuộc dựng nước cứu dân không cho phép chúng ta có tinh thần tự kiêu tự mãn, cố chấp hẹp hòi. Chúng ta phải từ bỏ tinh thần bè phái chủ quan và thói quen chuộng nhân, vị kỷ. Chúng ta phải có tinh thần trách nhiệm, hướng thiện mới có thể tự giải thoát khỏi cái tâm lý bị quan yếm thế của những người chưa bắt tay vào việc đã nghĩ là không đi đến đâu, thất bại là cái chắc.

Làm một cuộc cách mạng bản thân là phương thức duy nhất giúp chúng ta tự cứu để có thể thực hiện công cuộc cứu dân, dựng nước, bảo vệ Tổ Quốc.

(Paris 04-07-2004)

● Lê Văn Ân

Bạn và tôi là người Việt, chúng ta là con dân nước Việt. Cái tên "Việt" đã có từ lâu đời, ấy thế mà khi hỏi đến nguồn gốc và ý nghĩa của nó, ít có ai hiểu nó là gì ! Tại sao là Việt? Nó mang ý nghĩa gì? Thành thạo trên báo chí chúng ta thấy có nhiều học giả tìm cách giải thích, nhưng rất tiếc sự giải thích đó đều mang một ý nghĩa không mấy tốt đẹp. Hôm nay bạn và tôi thử tìm hiểu, phân tích để hiểu xem vì lý do gì tiền nhân của chúng ta lại lấy cái tên "Việt" đặt cho dân tộc mình .

Đầu tiên cái tên Việt đó được viết bằng một loại chữ mà ngày nay ít ai nhắc tới, đó là chữ Nho. Chúng ta có chữ viết ; các cụ ngày xưa viết chữ Nho, sau đó là chữ Nôm; đến khi người Pháp đến đô hộ đất nước chúng ta, họ đưa vào một lối chữ viết với mẫu tự La-tinh và gọi đó là chữ Quốc Ngữ. Chữ Quốc Ngữ dần dần thay thế chữ Nho và Nôm. Sau đó tất cả các sách vở, văn kiện đều được in bằng chữ Quốc Ngữ. Ngày nay ít ai buồn nghĩ đến chữ Nho và Nôm của ngày trước; nếu có ai tình cờ nhắc lại thì bị coi là cổ hủ , lỗi thời. Từ đó với thời gian, hai loại chữ trên đều bị rơi vào quên lãng. Sự mất mát của chữ Nho và chữ Nôm mang một ảnh hưởng rất tai hại mà ít ai nghĩ tới.

Thông thường bạn và tôi không thấy sự tai hại đó, mãi cho đến một ngày có người hỏi chúng ta, anh là người Việt, vậy chữ "Việt" đó mang ý nghĩa gì? Cái gốc của chữ "Việt" đó từ đâu mà ra? Bây giờ bạn và tôi đem chữ Quốc ngữ ra cắt nghĩa cái nguồn gốc chữ "Việt" ư? Chữ Quốc ngữ không thể giải thích nguồn gốc của chữ "Việt" ! Quay lại chữ Nho và chữ Nôm ư? Còn mấy người biết được chữ Nho và Nôm, và có chắc họ còn nhớ cái nguồn gốc của chữ đó không !

Một hôm, ông Bùi Tuấn Dũng, một người bạn thân của tôi, mang đến cho tôi một số bài báo giải thích về nguồn gốc của chữ "Việt". Tôi rất mừng và vội đăng lên đây để bạn và tôi cùng tìm hiểu nguồn gốc dân tộc mình qua danh xưng là Việt . Dưới đây là những đoạn trích từ các bài báo vừa kể :

1. Ông Phạm Cao Dương có viết bài "Việt Nam hay Đại Nam" (Một vấn đề liên hệ tới quốc hiệu nước ta) đăng trong tờ Chiêu Dương một nhật báo ở Úc. Ông viết như sau : "...

Chữ Việt trong danh xưng Việt Nam đã không được viết là Việt chỉ hai tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây mà là Việt có nghĩa là **vượt**, một chữ mà các bậc lão thành cho là có nghĩa xấu vì nó hợp với **chữ Tàu có nghĩa là chạy và chữ Tuất chỉ trong 12 chỉ tượng trưng cho chó**". Cuối cùng nếu mê tín, dị đoan mà nói, một quốc gia mà mang tên những **vượt và chạy do người ngoài đặt cho** như vậy thì khó mà sống trong hòa bình, ổn định và đoàn kết xây dựng được.

2. Ông Phan Hưng Nhơn có viết bài "Nhận thức về một số suy luận mới về sử liệu Việt Nam" đăng trong tờ Viên Giác số 135 tháng 6 năm 2003 (xuất bản ở Đức). Ở trang 135 ông viết như sau : "... Đối với những bộ lạc sống vùng Nam man mà họ không mấy biết và cho rằng những bộ lạc này có lối sống hỗn độn. Nên người nhà Chu dùng từ **Việt, có nghĩa là Vượt để gọi những dân tộc người ở vùng Nam man này mà họ cho "có lối sống Vượt ra ngoài vòng lễ giáo của nhà Chu"**. Như thế danh xưng Việt người thời nhà Chu dùng đầu tiên và chỉ có nghĩa đơn giản như vậy. Sau đó ở trang 137 ông lại viết tiếp: "... Vì vậy từ thời thương cổ cho đến cận đại, dân tộc mà ngày nay **bi gọi là Việt Nam này không bao giờ chịu nhận mình là người Việt và từ xưa cho đến nay luôn luôn tự xưng mình là dân Nam, nước mình là nước Nam** (cho đến năm 1945).

3. Ông Hoàng Văn Chí có viết bài "Nguồn gốc dân tộc" (đây là bài Tham Luận) đăng trong tờ Chiêu Dương ở Úc . Ông viết như sau : "... **Chữ Việt có nghĩa là vượt qua**, như việt quyền là vượt quá quyền hạn, việt ngục là vượt ngục. **Người Hán dùng chữ Việt để chỉ những sắc tộc ở phía Nam sông Dương Tử, mà họ coi là thấp kém** vì chẳng khác người Thượng hiện nay, họ không định cư ở một nơi để canh tác nông nghiệp. Cứ ở mỗi nơi vài năm, phá rừng làm rẫy, rồi hể đất hết màu mỡ, lại vượt sông, vượt núi, di chuyển tới một khu rừng khác .

Vì có nhiều sắc tộc Việt quá nên người Hán gọi hàm-bà-lằng tất cả là Bách Việt. Sau đó ông lại viết tiếp như sau : "... Rồi người Việt-nam được gọi tất là Người Việt, làm cho nhiều người ngộ nhận chúng ta là một trong các sắc tộc Bách Việt bên Tàu. Đáng lẽ nên gọi là Người Nam. Chữ Nam đối chọi với chữ Bắc. Ta là Nam, Tàu là Bắc.

4. Ông Trần Hữu Lễ có viết trong tờ Viên Giác số 122 , tháng 4 năm 2001 (xuất bản ở Đức) dưới đề mục "Một bọc trăm con". Ông có nhận xét như sau : ... Họ (Cao Biền) viết

chữ Việt **越** gồm hai bộ **Tuất và Tàu** . **Tuất là chó. Tàu là chạy** , với nghĩa **xách mé, như một lời chửi rủa ...** Có

một chữ Việt **粵** khác gồm các bộ **Phiệt** (gần giống âm Việt), **Quynh** (miền đất ở xa ngoài cõi), **Mễ** (lúa gạo), **Khảo** (khéo léo). Rồi ông giải thích như sau: một miền đất ở xa ngoài nước Tàu chuyên nghề trồng lúa một cách tinh xảo . Phải chăng đây là ý người xưa. Chữ Việt này nhìn giống như một trái cây, có cuống, có quả, có nhiều hạt. Có quả có nhân, có nhân có quả... Ngoài phần phân tích chữ Việt, bài viết "Một bọc trăm con" của ông viết rất đầy đủ ý nghĩa.

5. Ông Huy Việt Trần Văn Hợi có viết bài "Chữ Việt" đăng trong tờ Tư Tưởng xuất bản ở Úc như sau : "... **Nếu ta tách chữ Việt bộ Tàu ra thì ta có một bên là chữ Tàu là chạy, và một bên chữ Tuất là chó**. Đó là họ muốn ghi chiến thắng của họ là đánh đuổi dân ta chạy về Phương Nam như đuổi chó vậy".

Trong năm học giả ở trên thì có ba người cho chữ "Việt" gồm bộ Tàu và chữ Tuất ,rồi chú thích là chó chạy; còn hai người gọi Việt là vượt và cho đó là một cái tên thấp kém , sống vượt ngoài vòng lễ giáo, rồi đề nghị đừng gọi là người Việt mà nên gọi là người Nam !

Nếu bạn và tôi không biết chữ Nho và chữ Nôm, thì chúng

ta nên tin ai và bỏ ai đây ? Họ đúng hay sai, thật khó mà biết được vì tất cả đều phân tích giống nhau ! Vậy tổ tiên chúng ta không biết cái tên đó xấu hay sao mà lại chọn cái tên như vậy? Chúng tôi tin tưởng rằng tổ tiên của chúng ta phải có lý do chính đáng để chọn cái tên "Việt", tuy nhiên đám con cháu không chịu tìm hiểu cặn kẽ rõ ràng rồi quay lại hiểu lầm tiền nhân !

Với khả năng hạn hẹp và thô thiển, tôi cố gắng tìm lại nguồn gốc qua sự phân tích , dẫn chứng về chữ Việt . Biễn học thì mênh mông mà sự hiểu biết của mình thì quá hạn hẹp , nếu tôi có gì sơ xuất hay sai sót thì xin các bậc cao minh chỉ bảo để tôi có dịp học hỏi thêm.

Đầu tiên, chữ Việt được viết bằng chữ Nho. Chữ đó viết bằng hai cách :

Việt 粵 và Việt 越

Trước tiên để hiểu chữ Việt trên mang ý nghĩa gì, chúng ta thử tìm qua tự điển.

1. TÌM CHỮ VIỆT QUA TỰ ĐIỂN

Việt 粵 đây là chữ Việt đi với bộ Mễ 米. Muốn tìm chữ Việt này bạn lấy cuốn tự điển chữ Nho, hay cuốn tự điển Hán-Việt hoặc tự điển của Trung Hoa, lật tới bộ Mễ (là bộ thứ 119 trong số 214 bộ). Bộ Mễ theo cách viết gồm có sáu (6) nét hợp thành, hãy tra ở phần các bộ có sáu nét thì tìm ra bộ Mễ, sau đó tìm trong bộ Mễ ở phần 6 nét thì thấy chữ Việt này . Vì nó nằm ở bộ Mễ cho nên người ta nói chữ Việt bộ Mễ là mang ý nghĩa như vậy.

Việt 越 đây là Chữ Việt bộ Tẩu 走 (là bộ thứ 156 trong 214 bộ), bạn cũng làm giống như trên, tìm đến bộ Tẩu 走 (bộ 7 nét), rồi tìm đến phần năm nét của bộ tẩu thì thấy chữ Việt này .

Sau khi tra tự điển tìm ra chữ Việt rồi, nay bạn và tôi thử tìm coi trong tự điển chữ Nho và tự điển Hán-Việt người ta giải thích thế nào về chữ Việt đó. Ở đây chúng tôi lấy tự điển Thiều Chửu để làm ví dụ .

2. GIẢI THÍCH CHỮ VIỆT QUA TỰ ĐIỂN

A. Việt 越, chữ Việt bộ Tẩu 走 được giải thích như sau (Tự điển Thiều Chửu trang 655) :

1. Qua, vượt qua
2. Rơi đổ
3. Nước Việt, đất Việt
4. Giống Việt : ngày xưa các giống Việt như U-Việt thì ở Triết Giang; Mân-Việt thì ở Phúc Kiến; Dương-Việt thì ở Giang Tây; Nam-Việt thì ở Quảng Đông; Lạc-Việt thì ở nước ta, đều là Bách Việt cả.
5. Một âm là Hoạt : cái lỗ dưới đàn sáo.

B. Việt 粵, chữ Việt bộ Mễ 米 được giải thích như sau (tự điển Thiều Chửu trang 474) :

- Nước Việt, đất Việt, cùng nghĩa như chữ Việt 越. Tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây nguyên trước là đất của Bách Việt nên người Tàu gọi hai tỉnh ấy là tỉnh Việt .

- Bèn, tiếng mở đầu (phát ngữ), như Việt hữu là bèn có.

Nếu bạn và tôi không biết chữ Nho, có cố gắng mà tìm hiểu nguồn gốc, thì cùng lắm chỉ tìm được lối giải thích như trên. Trong tự điển chữ Nho, hay tự điển Hán-Việt hoặc tự điển thông dụng của Trung Hoa, người ta chỉ giải thích như vậy, chứ không có cuốn tự điển nào phân tích cái gốc của chữ Việt cả ! Vì không có sự phân tích chữ gốc từ tự điển, cho nên mọi người phân tích mỗi kiểu khác nhau, từ đó chúng ta không biết tin ai bỏ ai !

Bây giờ bạn và tôi thử phân tích coi chữ Việt đó như thế nào.

3. PHẦN PHÂN TÍCH CHỮ VIỆT.

A. CHỮ VIỆT ĐI VỚI BỘ TẨU

Trong các bài báo đăng trích ở trên thì phần lớn giải thích chữ "Việt" đi với bộ Tẩu và chữ Tuất; tuy nhiên có một vị cho rằng đi với bộ Tuất và bộ Tẩu, ông không gọi chữ Tuất mà lại gọi là bộ Tuất. Để tránh hiểu lầm, chúng tôi xin thưa

rằng không có bộ Tuất mà chỉ có chữ Tuất 戌. Trong 214 bộ, không có bộ Tuất. Muốn tìm chữ Tuất, ta phải tìm bộ Qua 戈 (là bộ thứ 62 của 214 bộ), chữ Tuất 戌 là

thuộc 2 nét của bộ Qua 戈 (tự điển Thiều Chửu trang 219). Ở đây có sự nhận định không rõ ràng giữa chữ và bộ. Cuốn tự điển Khang Hi lập thành vào năm 1716 sau Tây Lịch, gồm có khoảng bốn chục ngàn chữ, nhưng chỉ có 214 bộ. Vì số chữ quá nhiều, nên người xưa dùng bộ để xếp các chữ vào từng loại cho có thứ tự và dễ tìm, ví dụ tôi muốn viết chữ đó có liên quan với nước, thì tôi viết nó đi

kèm với bộ Thủy 水; tôi muốn viết chữ đó liên quan đến cây thì tôi viết kèm với bộ Mộc 木, hay nói một cách khác là nếu tôi muốn tìm một chữ trong tự điển chữ Nho hay tự điển Hán-Việt thì việc trước tiên là phải biết chữ đó nằm ở bộ nào. Ở phần sau trong phần cấu tạo chữ Nho, chúng tôi sẽ giải thích vai trò của chữ và bộ khi hợp lại với nhau.

Các học giả ở trên nói rằng Chữ Việt gồm bộ Tẩu và chữ Tuất. Bạn và tôi thử tìm hiểu chữ Tuất coi nó ra sao .

Chữ Tuất 戌, (xin xem tự điển Thiều Chửu trang 219)

,nếu chúng ta nhìn kỹ chữ Tuất 戌 chúng ta thấy bên trái có cái gạch ngang .

Vậy ngày xưa người ta viết chữ Tuất như thế nào và giải thích ra sao? Chữ Tuất ngày xưa viết là 戍 có nghĩa là

một cái qua 戈 có một nét khuyết xuống và một đường gạch ngang bên trái; đường gạch ngang tượng trưng cho vết chém, hay vết thương mà người chiến sĩ gây cho kẻ thù của mình, từ đó nghĩa xưa của chữ Tuất là tấn công, gây thương tích, sát hại. Tôi xin nhắc lại cái qua là một loại binh khí ngày xưa. Sau này người ta mới đặt chữ Tuất là chỉ Tuất, là một chi trong mười hai chi. Như vậy chữ Tuất với ý nghĩa ban đầu không dính dáng gì với chó cả !

Bây giờ xin bạn hãy coi lại cách viết của chữ Việt đi với bộ Tẩu

Việt 越

Chữ Việt bao gồm bộ Tẩu 走 và chữ 戌

Bây giờ bạn hãy nhìn chữ Tuất

Tuất 戌

Bạn hãy coi chữ Tuất 戌 và chữ 戌 có giống nhau không ?

Chắc chắn là không giống nhau rồi. Chữ Tuất 戌 có một nét gạch ngang bên trái, còn chữ 戌 có một nét

móc lên ở bên trái. Bạn sẽ hỏi tôi chữ 戌 đọc làm sao? Chữ này đọc là Việt. Các học giả ở trên nhìn lộn chữ Tuất

戌 với chữ Việt 戌! Cái chữ trong chữ Việt 越 bộ tẩu không phải là chữ Tuất mà là chữ Việt!

Vậy bạn sẽ hỏi rằng chữ Việt 戌 này ngày xưa chữ gốc của nó như thế nào và giải thích làm sao? Chữ Việt 戌

., ngày xưa viết là 戌 và được giải thích như sau: Hình một cái qua 戌 có cái móc 丿 ở phía sau.

Như vậy trong chữ Việt 越 có bộ Tẩu đi với chữ Việt chứ không phải bộ Tẩu đi với chữ Tuất!

Bây giờ bạn và tôi lại thắc mắc là tại sao đọc là Việt? Trước khi bàn đến cách đọc, tôi xin nói phớt qua về cách cấu tạo của chữ Nho.

CÁCH CẤU TẠO CHỮ NHO

Chữ Nho được chia ra làm hai đại loại:

- Loại Văn 文 là những hình thể đơn giản.
- Loại Tự 字 là những chữ hợp lại hay còn gọi là hợp tự. Các cụ nhà Nho chúng ta thường hay gọi là Văn Tự.

Loại Văn 文 được chia làm hai loại:

- Tượng hình 象形
- Chỉ sự 指事

Loại Tự 字 cũng được chia làm hai loại:

- Hội ý 會意

- Hình thanh 形聲

Ngoài bốn loại: Tượng hình, chỉ sự, hội ý và hình thanh, thuộc về Văn Tự, chúng ta còn có thêm hai loại nữa, đó là:

- Giả tá 假借

- Chuyển chú 轉注

Tóm lại:

- Văn Tự gồm 4 loại: Tượng hình, chỉ sự, hội ý và hình thanh






- Lục thư gồm 6 loại: Tượng hình, chỉ sự, hội ý, hình thanh, giả tá và chuyển Chú.

A. GIẢI THÍCH TỪNG LOẠI

1a. TƯỢNG HÌNH

Đây là những hình vẽ thô sơ để chỉ một vật gì hay một giống loại gì.


Ví dụ:

Ngày xưa vẽ		Ngày nay viết
	môn : cái cửa →	
	Thủy : nước →	
	Nhật : mặt trời →	

2a. CHỈ SỰ

Đây là những hình thể để nói lên một ý nghĩa nào đó. Tuy còn là hình vẽ, những chữ đã bắt đầu mang một ý nghĩa trừu tượng.

Ví dụ:

Ngày xưa vẽ		Ngày nay viết
	thượng : ở trên →	

3a. HỘI Ý

Mỗi chữ đều mang ý nghĩa của nó. Hội ý là do hai chữ hoặc nhiều chữ hợp lại để ra một ý nghĩa khác.

Ví dụ: 占 Chữ Chiêm. Chữ này gồm hai bộ hợp

lại thành một chữ. Ở trên là bộ Bốc 卜 và ở dưới là bộ Khẩu 口. Bốc có nghĩa là bói, và Khẩu là cái miệng, hai bộ này nhập lại thành chữ Chiêm có nghĩa là xem coi điều gì để biết xấu tốt.

4a. HÌNH THANH




Chữ Hình Thanh là do sự hợp lại của một hoặc nhiều chữ.

Chữ Hình Thanh gồm hai phần:

- Một phần là bộ để chỉ ý (nghĩa của chữ)






- Một phần là âm để nói lên cách đọc của chữ.

Ví dụ :

 +  = 
 Bộ âm
 Chỉ ý Chỉ âm Thảo (cách đọc của chữ lấy từ âm táo mà ra)
 Bộ thảo chữ táo

5a. CHUYÊN CHÚ


Là một loại chữ được dùng rộng hơn ý nghĩa ban đầu của nó. Chữ đó mang nghĩa chính, ngoài ra nó để thêm một nghĩa phụ nữa.

Ví dụ :  nhạc → là một nhạc khí để tạo ra sự vui tươi
 nhạc → chuyển âm đọc là Lạc  là vui, thích
 → chuyển thêm một âm nữa đọc là nhạo  là yêu, thích.
 (xin coi tự điển Thiều Chửu trang 310)

6a. GIÁ TÁ




Đây là một sự vay mượn do lầm lẫn hoặc thiếu sót mà ra, bắt nguồn từ :


- Do sự chép sai lấy từ chữ gốc
- Mượn chữ trùng âm hoặc chữ đồng âm để thay thế phần chữ không có trong chữ viết, mà chỉ có trong lời nói mà thôi.


Ví dụ :  đậu là một cái thố để đựng thịt cúng thần, cùng âm với chữ hạt Đậu, nên cũng được dùng để chỉ hạt đậu.





D. CHỮ VIỆT 越 THUỘC LOẠI NÀO ?

Trong 6 loại của cách cấu tạo chữ Nho kể trên, thì chữ Việt nằm trong loại Hình Thanh tức là một bên chỉ ý và một bên chỉ âm. Để dẫn chứng bạn lấy quyển CHỮ NHO TỰ HỌC của Đào Mộng Nam, Giảng Sư Viện Đại Học Huế (Xuất bản tại Saigon - 1970), ở trang 110 có viết như sau : cách cấu tạo chữ Nho, phần 3 : Chỉ âm - Chỉ ý : Lấy hai chữ vẽ hình hay gom ý có sẵn ghép lại rồi dùng một chữ để chỉ âm, một chữ để chỉ ý :



Ví dụ :   cừu : chỉ âm ừ - ừu,
 ↑ người : chỉ ý. Con người khác con vật ở điểm biết thù hằn nhau .
 đọc là cừu (lấy từ âm ừu của chữ cừu) có nghĩa là thù hằn


Bây giờ áp dụng chữ “Việt”  vào :

Các học giả ở các bài báo ở trên cho rằng chữ Việt 

gồm bộ Tẩu  đi với chữ Tuất ; chúng tôi cho rằng bộ Tẩu  đi với chữ Việt . Bây giờ chúng ta hãy xem cách đọc :

Chữ Việt gồm bộ Tẩu và chữ Tuất


Việt   Tuất : chỉ âm: âm ở đây là , âm tờ;


 tẩu : chỉ ý

Trong tự điển không có bộ Tẩu đi với chữ Tuất, nên không đọc được!



Chữ Việt gồm bộ Tẩu và chữ Việt


Việt   Việt : chỉ âm


 tẩu : chỉ ý

 đọc là Việt

Bạn thử so sánh coi, nếu lấy âm T, Tờ của chữ Tuất thì làm sao mà đọc ra Việt được! Nó phải âm Việt thì mới đọc ra Việt được . Để rõ ràng hơn tôi xin đưa ra hai ví dụ trong đó có chữ Tuất đi với một bộ khác và chữ Việt đi với một bộ khác như sau :


1. Chữ   Tuất : chỉ âm : âm ở đây là T, âm tờ

 bộ bối : chỉ ý

Vậy thì đọc như thế nào? Thừa đọc là Tặc  (xin xem tự điển Thiều Chửu trang 648).

2. Chữ   Việt: chỉ âm





 bộ Kim : chỉ ý




Vậy thì đọc làm sao? Thừa đọc là Việt  (xin xem tự điển Thiều Chửu trang 711) có nghĩa là cái búa lớn mà ta thường gọi là Phủ Việt.

Vậy có hai điểm chính ở đây. Các học giả ở trên đã chẳng những nhìn lộn chữ Việt ra chữ Tuất , và cũng chẳng soát lại coi cái âm đọc như thế nào để coi mình nói đúng hay sai . Để rõ ràng để hiểu hơn chúng ta hãy coi cách cấu tạo chữ mới như thế nào trong chữ Nho.

A. CÁCH CẤU TẠO CHỮ MỚI TRONG CHỮ NHO

Ở đây tôi xin được nói phớt qua một chút để thấy ngày xưa người ta làm thế nào để cấu tạo một chữ mới trong chữ Nho, tuy nhiên những điều viết sau đây không phải là một điều cố định vì nó còn có những trường hợp ngoại lệ. Để dễ hiểu tôi xin lấy chữ Nghệ làm ví dụ :

 nghệ →  hung →  hung →  hung

Ví dụ người xưa bắt đầu bằng chữ Nghệ  (tự điển Thiều Chửu trang 7). Bây giờ muốn tạo một chữ mới lấy gốc từ chữ Nghệ này thì họ làm sao? Họ lấy chữ Nghệ này viết kèm với một bộ khác, ví dụ bộ Khảm  thì ra chữ Hung  (tự điển Thiều Chửu tr.48). Từ chữ Hung này

muốn tạo thêm một chữ mới khác thì họ làm sao? Họ lại viết kèm nó với một bộ khác, ví dụ bộ Bao 匚 thì nó ra chữ Hung 匈. Rồi họ lại cứ tiếp tục lấy chữ Hung có bộ bao đó viết kèm với một bộ mới, ví dụ bộ Tâm thì ra chữ Hung 恟 (xem tự điển Thiều Chửu tr. 204). Rồi cứ như thế mà tạo ra một chữ mới

Đối với chữ Việt 越 cũng thế; đầu tiên nó là chữ Việt 戍, xong để tạo ra một chữ mới người ta mới nhập nó với bộ Tẩu 走 và đọc với âm Việt.

D. BỘ TẨU 走

Mặc dầu đã giải thích chữ Tuất 戌 và chữ Việt 戍 rồi, nhưng bạn vẫn còn thắc mắc rằng nếu chữ Việt 戍 này đủ để đọc là Việt thì thêm bộ Tẩu vào làm gì?

Tôi xin nhắc lại trong chữ "Việt" 越 gồm bộ Tẩu 走 và chữ Việt 戍. Chữ Việt 戍 đây chỉ là cái âm có nghĩa là cách đọc, cách phát cái âm ra như thế nào mà thôi. Còn tất cả ý nghĩa gói ghém lại nằm ở bộ Tẩu 走 là cái phần chỉ ý và đó là phần chính. Vậy tổ tiên chúng ta muốn nói cái gì khi viết bộ Tẩu 走 vào với âm Việt. Đó là điều mà bạn và tôi phải tìm hiểu đến.

Ở trên tôi có giải thích chữ Việt 戍, chữ xưa viết là 戍 là hình một cái qua 戈 có cái móc 丨 phía sau; mà cái qua là một loại binh khí ngày xưa vậy nó phải có liên quan gì với bộ Tẩu.

Bộ Tẩu 走: . Đầu tiên chúng ta thử tìm xem trong các tự điển các nghĩa thế nào về bộ tẩu này.

- Tự điển Hán-Việt của Thiều Chửu : Tẩu :1. Chạy. 2. Trốn .
- Tự điển Hán-Việt Từ Nguyên của Bửu Kế : Tẩu : bộ Tẩu «bảy nét : chạy.
- Tự điển Đại Nam Quốc Âm Tự Vị của Huỳnh Tịnh Của : Tẩu : chạy .
- Tự điển chữ Nôm của Vũ văn Kính : Tẩu : tẩu thoát, bôn tẩu .
- Hán-Việt từ điển của Nguyễn Văn Khôn : Tẩu : chạy, trốn, đi, về .
- Tự điển Trung Hoa : A New Practical Chinese -English dictionary do Công Ty Viễn Đông xuất bản : 走 zoêu : 1. to walk có nghĩa là đi ; to go on foot tức là đi bộ. 2. to run tức là chạy.

Tự điển Trung Hoa : A Chinese-English dictionary do Viện Ngoại Ngữ của Bắc Kinh xuất bản : 走 zoêu : 1. walk, go có nghĩa là đi. 2. run có nghĩa là chạy

Các tự điển Việt , phần lớn đều dịch là chạy, chỉ có ông

Nguyễn Văn Khôn dịch là đi, chạy. Tự điển Trung Hoa thì nghĩa thứ nhất là đi, và nghĩa thứ nhì là chạy. Các tự điển Việt và Trung Hoa không có cất nghĩa chữ gốc của bộ tẩu

.Vậy Tẩu 走, chữ gốc của nó viết như thế nào và giải thích làm sao?



Chữ đầu tiên vẽ một người quơ hai cánh tay của họ, với bộ túc (nghĩa là chân) ở dưới, từ đó mang ý nghĩa là đi. Nhưng sau đó chữ thành hình một người đi hơi nghiêng về phía trước, có ý nói lên một ý chí cương quyết và bước đi có vẻ nhanh nhẹn, đây là bước quân đi hay còn gọi là bước quân hành, chứ không phải là lối đi bình thường. Vậy bộ Tẩu và kể bên có cái qua là binh khí có nghĩa là người đó chẳng những đi và mà còn cầm vũ khí. Đó là hình ảnh người chiến sĩ bước đi tay cầm cái qua. Một người đi bình thường thì không có cầm binh khí. Chữ Việt là cái qua mà đi với bộ Tẩu có ý nói là người chiến sĩ cầm vũ khí, đi từng đoàn và đi với một ý chí cương quyết để ra trận. Đây là thời gian mà các nước Việt phía Nam tiến lên đánh chiếm phía Bắc. Cái ý nghĩa sâu xa của chữ Tẩu là như vậy. Nếu chúng ta chỉ

lấy chữ Việt 戍 chỉ là binh khí mà thôi, thì tự nó không đủ để giải thích cái gì cả!

Chữ Tẩu mang ý nghĩa chạy là do sau này người ta đưa vào chữ chữ gốc không có nghĩa là chạy.

Tóm lại, Chữ "Việt" có bộ Tẩu và chữ kể bên đọc là Việt có nghĩa là người chiến sĩ cầm vũ khí là cái qua, đi trong cương quyết, đi từng đoàn theo thế quân hành để ra trận. Vậy chữ Việt không dính dáng gì với chó chạy cả!

E. CHỮ VIỆT ĐI VỚI BỘ MỄ 粵

Trong số năm học giả trên, có người giải thích chữ Việt 粵 đi với bộ Mễ 米 là một bản đồ đất đai của người Việt ở từ khi mới lập quốc.

Người khác thì lại phân tích rằng chữ Việt 粵 gồm các bộ Phiệt (gần giống âm Việt), Quynh (miền đất ở xa ngoài cõi), Mễ (lúa gạo), Khảo (khéo léo). Rồi ông giải thích như sau: một miền đất ở xa ngoài nước Tàu chuyên nghề trồng lúa một cách tinh xảo; Chữ Việt này nhìn giống như một trái cây, có cuống, có quả, có nhiều hạt.

Mỗi người giải thích theo mỗi ý. Bạn và tôi thử tìm xem coi chữ Việt bộ Mễ này có nghĩa gì.

Đầu tiên chữ Việt 粵 gồm có bộ Mễ. Vậy bộ Mễ 米

ngày xưa chữ gốc của nó là gì ?



Hình 1



Hình 2



Chữ từ xưa đến nay

Đầu tiên người xưa vẽ chín hạt gạo tượng trưng cho bộ Mễ 米. Con số chín đây có nghĩa là nhiều, sung túc, đầy đủ. Xem hình 1, cây lúa có rất nhiều hạt. Sau đó hạt lúa văng đi bốn hướng; họ gạch chữ thập 十 tượng trưng cho bốn hướng. Hình 2, khi người ta đập lúa thì hạt lúa văng đi tứ (bốn) hướng. Bộ Mễ 米 ngày nay viết đôi khác hơn chữ lúc ban đầu.

Chúng ta đã có lúa gạo tức là bộ Mễ, vậy thì cái chữ mà bọc bộ Mễ là chữ gì ? Để dễ nhận thức tôi xin đưa ra một ví dụ :

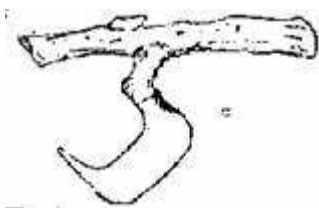
chữ Hướng 向, chữ bọc bộ khẩu cũng viết giống như chữ

bọc 粤 bộ Mễ. Chữ Hướng 向, đầu tiên viết là 向,

người xưa giải thích là cái cửa sổ (hình tròn), nằm dưới cái mái nhà 宀, là cái hướng để cho gió lọt vào. Bây giờ chúng

ta nhìn lại chữ Việt 粤, cái chữ bọc bộ Mễ đó là cái mái nhà, có nghĩa là gạo được trữ dưới mái nhà hay còn gọi là trữ trong kho.

Kế tiếp chữ ở dưới 粤 bộ Mễ là cái gì? Bạn hãy coi hình ở dưới .



Người xưa lấy một khúc cây, ráp một cái lưỡi bằng đá vào

để làm cái cày để cày đất. Rồi người ta đứng lên trên cái cày đó để làm sức nặng và đằng trước có sức vật kéo . Bạn và tôi nên nhớ là người Việt ngày xưa nổi tiếng về nghề trồng lúa .Vây chúng ta thấy có sự liên hệ giữa ba chữ với

nhau trong chữ Việt 粤 ; bộ Mễ là lúa, gạo, được trữ dưới mái nhà tức là trữ trong kho, và để tạo ra lúa gạo thì cái cày là một dụng cụ nông nghiệp.

F. Ý NGHĨA CỦA HAI CHỮ VIỆT: Việt 粤 và Việt 越

Tại sao tiền nhân của chúng ta lại dùng tới hai chữ Việt để đặt cái tên Việt? Thông thường người ta chỉ cần một chữ là đủ rồi. Chúng ta thấy trong hai chữ, mỗi chữ Việt đều mang một ý nghĩa khác nhau .

Chữ Việt 粤 đi với bộ Mễ thì có mang một dụng cụ nông nghiệp là cái cày để nói lên trong thời bình người Việt trồng lúa để sinh sống .

Còn một chữ Việt 越 có kèm theo một vũ khí tức là cái qua đi với bộ Tẩu có ý nói là trong thời chiến người Việt, từng đoàn cầm vũ khí ra đi để chống giặc và giữ nước. Vây Tổ tiên chúng ta muốn dạy điều gì cho chúng ta ở đây trong danh xưng là Việt ?

Với chữ Việt 粤 đi với bộ Mễ, tổ tiên chúng ta muốn nói rằng vào thời bình người Việt chúng ta phải lo làm lụng nuôi sống gia đình, lo cho đất nước giàu mạnh; ngày xưa đất nước của chúng ta là một nước nông nghiệp nên nghề nông là nghề chánh. Ngoài ra chữ Việt này đồng thời cũng nói lên đức tính siêng năng cần cù của người dân Việt.

Với chữ Việt 越 đi với bộ Tẩu có nghĩa là khi gặp thời chiến thì phải cùng ra đi, cầm vũ khí đứng ra chống giặc để giữ nước. Tổ tiên của chúng ta khi đặt một cái tên gì, hay để lại một câu chuyện gì, đều có kèm theo một ý nghĩa rất sâu sắc trong đó. Như vậy tổ tiên của chúng ta có ý dạy cho dân ta phải biết trách nhiệm và bổn phận của mình đối với đất nước và dân tộc: thời bình thì phải làm gì, và thời chiến thì phải như thế nào đối với đất nước .

Cái lỗi ở đây là tại chúng ta không tìm hiểu cho rõ ràng và cặn kẽ cái ý nghĩa của tên " Việt ", rồi quay lại hiểu lầm tiền nhân. Bây giờ bạn và tôi mới nhận thấy cái ý nghĩa sâu sắc của tiền nhân khi đặt cái tên Việt cho dân tộc mình.

Tuy rằng đã hiểu ý nghĩa của chữ "Việt ", nhưng bạn và tôi vẫn còn thắc mắc. Bạn sẽ nói rằng anh nói tiền nhân lấy cái qua đặt vào với tên "Việt", nhưng làm sao dám chắc rằng cái qua đó là của người Việt? Cái khí cụ đó có chắc là của người Việt hay không hay là lấy từ một chỗ nào khác đem lại? Mà nếu nó là của người Việt thì nó ra sao ? Hình dáng như thế nào ?

G. CHỨNG MINH BẰNG KHẢO CỔ

Khi một nhà khảo cổ đào tìm được một đồ vật, họ phải xác định cái đồ vật đó tìm được ở đâu, vào thời gian nào, địa điểm chỗ nào, vùng nào và cái đồ vật đó hình thức ra làm sao, có sự liên quan gì đến các đồ vật mà ông tìm thấy được ở nơi khác không v.v...Vây muốn nói cái qua là của Việt thì việc trước tiên là xác định vùng đất nào là của tổ tiên người Việt. Để làm việc này, bạn và tôi phải trở lại xem truyền thuyết họ Hồng Bàng .

Trong Việt Nam Sử Lược quyển một, cụ Trần Trọng Kim có viết lại như sau:

Họ Hồng Bàng. Cứ theo tục truyền thì vua Đế-minh cháu ba đời vua Thần nông, đi tuần thú phương nam đến núi Ngũ-linh gặp một nàng tiên, lấy nhau, đẻ ra người con tên là Lộc Tục. Sau Đế-minh truyền ngôi lại cho con trưởng là Đế-nghi làm vua phương bắc, và phong cho Lộc Tục làm vua phương nam, xưng là Kinh-Dương vương, Quốc hiệu là Xích Quỷ.

Bờ cõi nước Xích Quỷ bấy giờ phía bắc giáp Động-đình hồ, phía Nam giáp nước Hồ Tôn (Chiêm Thành), phía tây giáp Ba-Thục (Tứ-xuyên), phía đông giáp bể Nam-hải .

Kinh-Dương vương làm vua nước Xích Quỷ và lấy con gái Động-đình quân là Long nữ đẻ ra Sùng Lãm nối ngôi làm vua, xưng là Lạc Long Quân. Lạc Long Quân lấy Âu -ơ là con gái của Đế Lai, sanh được một trăm người con trai.

Trong Đại Việt Sử Ký Toàn Thư của Ngô Sĩ Liên do Nhượng Tống dịch, ông Ngô Sĩ Liên gọi trăm người con trai đó là tổ của Bách Việt tức là trăm giống Việt.

Bây giờ bạn và tôi hãy xem lại Kinh Điển, coi lại Kinh Thư, xem phần Hạ Thư 夏書 chương Vũ Cống 禹貢, phần thượng 上, có đề cập đến việc vua Vũ dựng ra 9 châu gồm có :

1. Ký châu ,
2. Ung Châu,
3. Duyện Châu,
4. Thanh Châu,
5. Từ châu,
6. Dự châu,
7. Lương châu ,
8. Kinh châu ,
9. Dương châu.

Trong truyền thuyết, khi Lộc Tục làm vua thì xưng là Kinh-Dương Vương tức là ông làm vua cai trị hai châu : châu Kinh và châu Dương. Châu Kinh và châu Dương được xem là miền Nam của Trung Hoa ngày nay, bao gồm Hồ Bắc, Hồ Nam dọc theo sông Dương Tử, ra tới biển Đông và kéo xuống phía Nam. Nước của ông bao gồm từ Hồ Bắc, Hồ nam cho tới nước Chiêm Thành. Con ông là Lạc Long Quân xuất thân từ Hồ Động Đình vì Lộc Tục lấy Long Nữ , người gốc gác ở Hồ Động Đình. Hồ Động Đình bao gồm Hồ Bắc (tức là phía Bắc của Hồ Động Đình) và Hồ Nam (tức là phía Nam của Hồ Động Đình).

Các nhà khảo cổ đã tìm được trong các mộ đào được ở Trường Sa (thuộc Hồ Nam) một số những cái qua, xin coi hình phía dưới (hình 1).



Hình 1



Hình 2

Riêng vào tháng hai năm 1971, các nhà khảo cổ có tìm được tại phía đông của Trường Sa thuộc vùng Hồ Nam, địa điểm tên là Liu-ch'êng-ch'iao một cái qua còn nguyên vẹn (hình 2). Điểm đặc biệt hơn nữa là trong quyển "Cultural Frontiers in Ancient East Asia" của William Watson có viết về những đồ vật đào lên tại tỉnh Hồ Nam rằng các nhà khảo cổ có tìm được cũng tại Hồ Nam một cái qua có khắc tên một vị vua tên là Nhược Ngao. Sau khi tra cứu trong Sử Ký Tư Mã Thiên và Xuân Thu Tả Truyện thì vị vua có hiệu là Nhược Ngao là vị vua Hùng thứ 14 tên thật là Hùng Nghi hiệu Nhược Ngao cai trị vào năm 789 trước Tây Lịch . Đây là vị vua Hùng thứ 14 trong 18 vị Hùng vương, mà chúng ta thường gọi là 18 đời Hùng vương. Những chi tiết về cái qua này tôi có viết trong bài "**Chứng tích Hùng Vương**" lấy bút hiệu là An sơn, đăng trong tờ Hoài Bảo. ở Úc.

Xuân Thu và Tả Truyện	Sử ký Tư Mã Thiên	Tên vua và hiệu	Số thứ tự	Năm cai trị
儀曰若敖	熊儀也號若敖	Hùng Nghi hiệu Nhược Ngao	14	789 tr. TL

Vậy vùng Kinh-Dương bao gồm Hồ Nam, Hồ Bắc và cả phía Nam từ vùng sông Dương Tử trở xuống, các nhà khảo cổ đã tìm được những cái qua và đặc biệt là có một cái qua có khắc tên vị vua Hùng thứ 14 là một trong 18 đời Hùng Vương của dân Việt. Như vậy cái qua là của tổ tiên người Việt .

Nhưng mà bạn và tôi vẫn còn thắc mắc là tại sao và vì lý do gì mà chế ra cái qua ? Có bao nhiêu loại binh khí khác, thế sao lại chọn cái qua trong chữ "Việt". Cái qua có tác dụng gì?

H. TÁC DỤNG CỦA CÁI QUA

Trước khi nói về tác dụng của cái qua, tôi xin nói qua một chút về Hồ Động Đình. Ngày xưa cả vùng sông Dương Tử bao gồm Hồ Bắc, Hồ Nam, An-Huy... có một cái hồ rất lớn, đó là hồ Vân Mộng. Hồ Động Đình là một phần còn lại của hồ Vân Mộng. Sau khi hồ Vân Mộng khô mất đi thì còn lại Hồ Động Đình và một số những hồ nhỏ khác. Tuy nhiên điểm đặc biệt là cái vùng của hồ Vân Mộng ngày xưa, thì trở nên những vùng đầm lầy, và có những bụi cây cỏ mọc rất cao (có thể lên tới bốn năm thước), làm lấp cả lối đi ; những bụi cây này mang tên là cây kinh, từ đó người ta mới gọi vùng

đó là vùng Kinh 荆 tức là vùng có cây kinh mọc. Vậy Châu Kinh có nghĩa từ vùng Kinh đó mà ra. Vùng phía Nam bao gồm Hồ Nam, Hồ Bắc và dọc theo vùng sông Dương Tử là vùng đầm lầy. Quân vùng phía Bắc, phần lớn là giống dân du mục nên chuyên môn dùng ngựa. Khi họ đưa quân xuống tấn công phía Nam thì gặp phải vùng đầm lầy. Vậy cái qua có tác dụng gì? Hãy nhìn hình cái qua ở dưới :



Cái qua, tác dụng của nó là phía trước dùng để đâm tới, chém ngang; phía sau là để móc lại. Khi ngựa của quân Bắc xuống bị mắc lầy, thì cái qua móc chân ngựa quy xuống và đâm tới người lính trên ngựa; cái qua có hai điểm lợi là vừa móc vừa đâm. Cái qua có lợi điểm là tấn công từ xa, có cây qua dài trên một thước, nhưng cũng có cây dài khoảng ba thước. Cây kiếm là dùng cận chiến, còn cây qua là để tấn công từ phía xa, tấn công cả người lẫn ngựa. Chính cái qua này đã chặn đứng được quân xâm lược nhờ vào tài biết lợi dụng địa thế thiên nhiên của tiền nhân chúng ta. Vì đó trong các loại vũ khí, tiền nhân của chúng ta không chọn vũ khí

nào khác, mà lấy cái qua đặt trong tên chữ Việt 越.

Bây giờ bạn và tôi mới thấy rằng tiền nhân của chúng ta có suy nghĩ vững chắc khi đặt cái tên Việt, chứ không phải là không có suy tính.

Bạn sẽ nói rằng, tôi biết tin ai bây giờ! Anh nói là cái tên Việt do tiền nhân của chúng ta đặt ra, nhưng các học giả ở trên viết đăng trong các tờ báo, cho rằng tên Việt là do nhà Chu và nhà Hán đặt ra, vậy thì làm sao xác định được? Một lần nữa bạn và tôi thử tìm hiểu coi ai đặt cái tên Việt này ra.

I. TÊN VIỆT CÓ PHẢI DO NHÀ CHU HAY NHÀ HÁN ĐẶT RA KHÔNG?

Vì nhà Chu và nhà Hán nằm trong phần lịch sử nên muốn chứng minh điều này thì dù muốn dù không chúng ta phải tra cứu cổ thư.

Khi nhắc đến chuyện xa xưa của sử Trung Hoa, người ta nhắc đến thời ông Bàn Cổ, sau đó là Tam Hoàng có Thiên Hoàng, Nhân Hoàng, Địa Hoàng; kế tiếp đến Ngũ Long, Hữu Sào, Toại Nhân; rồi đến Thần Nông, Phục Hi, Nữ Oa; sau đó là Hoàng Đế, xong đến Nghiêu, Thuấn và Vũ. Người Việt chúng ta dựa theo truyền thuyết Họ Hồng Bàng, cho chúng ta thuộc dòng dõi Thần Nông. Người Tàu thì nhận họ là con cháu của Hoàng Đế.

Từ Bàn Cổ cho tới thời Nghiêu, Thuấn các sử gia Trung Hoa rất ít chú ý đến, họ chỉ chú ý từ đời nhà Hạ do vua Vũ lập ra, qua đời Thương, đời Chu rồi Tần và Hán kể về sau, vì những triều đại này có thể chứng minh qua khảo cổ, và tài liệu cổ thư cũng đã dồi dào.

Thông thường khi bạn coi một cuốn sử Trung Hoa, bạn sẽ thấy họ đưa ra một niên biểu như sau (trích từ The Chinese exhibition do The People's Republic of China xuất bản 1977):

Niên biểu các triều đại của Trung Hoa

Nhà Hạ	2100 - 1600 tr. TL (trước Tây Lịch)
Nhà Thương	1600 - 1100 tr. TL
Tây Chu	1100 - 771 tr. TL (đến 771 tr. TL thì nhà Chu dời đô về Lạc-Dương, và đây là thời Đông Chu).
Thời Xuân Thu	770 - 476 tr. TL
Thời Chiến Quốc	475 - 221 tr. TL

Tần	221 - 207 tr. TL
Tây Hán	206 tr. TL - 24 sau TL
Đông Hán	25 sau TL - 220 sau TL

Ở đây tôi chú ý đến đời nhà Thương và nhà Chu với hai lý do: thứ nhất là họ có những bằng chứng xác định qua cổ thư và khảo cổ, thứ hai là họ có trước đời nhà Hán rất xa.

J. CHỨNG MINH QUA CỔ THƯ

a- NHÀ THƯƠNG

Tài liệu về nhà Thương thì rất nhiều. Kinh Thư, Sử Ký Tư Mã Thiên và bộ Trúc Thư Ký Niên đều có viết về nhà Thương. Theo bộ Trúc Thư Ký Niên thì Thành Thang lập ra nhà Thương, đầu tiên đóng ở đất Bạc. Đến thời Bàn Canh là vị vua thứ 19 thì dời qua Ân và có lẽ từ đó đổi tên nhà Thương thành nhà Ân. Đến thời Vũ Đinh là vị vua thứ 22, lấy hiệu là Cao Tôn, thì một biến cố quan trọng xảy ra; bộ Trúc Thư ghi như sau:

三十二年, 伐鬼方, 次于荆

Tam thập nhị niên, phạt Quỷ Phương, thứ vu Kinh

Năm thứ 32, đem quân đánh Quỷ Phương và đóng quân tại Kinh

Trong truyền thuyết của chúng ta có nói Lộc Tục làm vua phương nam, xưng là Kinh-Dương vương, Quốc hiệu là Xích Quỷ. Chữ Xích có nghĩa là chỉ đường Xích đạo, Quỷ ở đây là Sao Quỷ tượng trưng cho phương Nam. Khi vua Vũ Đinh nhà Ân đóng quân tại Kinh, tức là vùng Kinh thuộc châu Kinh. Thời điểm đó thì Sao Quỷ nằm tại vùng châu Kinh, cho nên Quỷ Phương tượng trưng cho dân của vùng châu Kinh, mà châu Kinh là của Việt nên người Việt chúng ta mới có truyền thuyết PHỤ ĐỒNG THIÊN VƯƠNG chống giặc Ân. Chống giặc Ân tức là chống quân của Ân Cao Tôn từ phía Bắc kéo xuống.

Ngoài tài liệu cổ thư, nhà Thương còn để lại một tài liệu rất là quý giá. Đó là những chữ khắc trên xương và yếm rùa còn được gọi là "Sấm Ngũ" (Oracle bones), mà các nhà khảo cổ đã đào được rất nhiều tại An-Dương. Các Sấm Ngũ còn cho chúng ta biết rằng có sự liên lạc giữa nhà Thương và dân ở miền Nam Trung Hoa và đặc biệt là dân ở vùng sông Dương Tử tức là vùng của người Việt ngày xưa. Ông Tsuen-Hsuein Tsien, tác giả quyển "Written on Bamboo and Silk" (Viết trên Tre và Lụa) do The University of Chicago Press xuất bản 1962, có viết như sau: "The oracle inscriptions also contain such divinations as "there will be tortoises presented from the south" or "no tortoises will be presented from the south", có nghĩa là các lời khắc của sấm ngũ còn chứa đựng những câu chiêm đoán như "sẽ có rùa mang đến từ miền Nam" hay "không có rùa được mang tới từ miền Nam". Ông cho biết các câu như thế được lập đi lập lại khoảng 500 lần trên sấm ngũ. Ông còn cho biết là theo cổ thư thì rùa được mang tới từ vùng sông Dương Tử. Như thế ngày xưa đã có sự hiểu biết nhau và trao đổi giao dịch giữa nhà Thương và dân Việt.

Ngoài ra ông William Meacham, một nhà khảo cổ học, có

viết một bài với tựa đề "Defining the Hundred Yue" (Định nghĩa Bách Việt) đăng trong tờ Hongkong Archaeological Society. Ông viết như sau : "The term Yue occurs fairly frequently in the oracle bone writings of the late Shang dynasty, ca 1200 BC" có nghĩa là danh từ "Việt" thường hay xuất hiện trên sấm ngữ vào cuối đời nhà Thương khoảng 1200 trước Tây Lịch . Ông William Meacham có liên lạc với ông Lefevre, cũng là một đồng nghiệp với ông, khi viết bài này, thì ông Lefevre có xác định với ông William là có một câu của sấm ngữ nhắc đến "vùng đất của Việt" , đây là lời ông William Meacham viết : "Lefevre notes one inscription mentioning" the land of Yue" .

Vậy cái tên Việt đã xuất hiện trên sấm ngữ vào thời nhà Thương. Nhà Thương xuất hiện trước thời nhà Chu, và tên "Việt" có khắc rõ ràng trên "sấm ngữ" (trên xương và yếm rùa); vậy thì làm sao có thể nói là nhà Chu đặt tên Việt cho người Việt được?

Nhà Thương xuất hiện vào 1600 tr. TL, có nơi cho là khoảng 1500 tr.TL và nhà Hán xuất hiện vào khoảng 206 tr. TL, như thế tên "Việt" xuất hiện vào khoảng trên 1000 năm trước nhà Hán, thế thì làm sao có thể nói rằng nhà Hán đặt tên Việt cho người Việt được, lấy kẻ sanh sau mà bảo đặt tên cho người sanh trước thì nghe làm sao thông được !

b. NHÀ CHU HAY CÒN GỌI LÀ NHÀ CHÂU

Khi đến phần nhà Chu thì Bộ Trúc Thư Ký Niên có viết như sau :

大王曰吾世當有興者其在昌乎
季歷之兄曰太伯知天命在昌適越

Trước khi dịch hai câu trên thì tôi xin có một đôi lời giải thích:

大王 đại vương đây có nghĩa là ông nội của Xương.

昌 Xương là tên khi còn nhỏ chưa làm vua, khi làm vua rồi thì xưng hiệu là Vũ Vương . Khi xưng là Vũ Vương thì mới thành lập ra nhà Chu.

季歷 Quý Lịch là cha của Xương, tức là cha của Vũ Vương.

太伯 Thái Bá là anh lớn của Quý Lịch tức là bác của Xương.

大王曰吾世當有興者其在昌乎

Đại vương viết ngô thế đương hữu hưng dã kỳ tại Xương hồ.

Đại vương nói thế hệ của ta mà hưng là nhờ ở tại Xương (có nghĩa là ông nội nói rằng gia đình của ông mà lên là nhờ ở Xương là đứa cháu của ông)

季歷之兄曰太伯知天命在昌適越

Quý Lịch chi huynh viết Thái Bá tri thiên mệnh tại Xương thích Việt .

Theo lời nói anh của Quý Lịch là Thái Bá, đoán biết mệnh

trời nằm ở tại Xương nên bỏ đi qua Việt .

Câu này có nghĩa là khi Xương mới sanh, còn nhỏ, chưa làm vua, chưa thành lập nhà Chu; nhà Chu chỉ được thành lập khi Xương lên ngôi lấy hiệu là Vũ Vương, còn trước đó chỉ là một bộ lạc thông thường, trú đóng tại miền Tây Bắc của Trung Hoa mà thôi. Vậy mà bác của Xương là Thái Bá đã biết nước Việt, khi Xương còn nhỏ, có nghĩa là nước Việt, hay nói đúng hơn là tên "Việt" đã được biết đến trước khi có nhà Chu.

Vậy mà một học giả ở trên viết rằng người nhà Chu dùng từ **Việt, có nghĩa là Vượt để gọi những dân tộc người ở vùng Nam man có lối sống hỗn độn mà họ cho "có lối sống Vượt ra ngoài vòng lễ giáo của nhà Chu"** .

Câu hỏi được đặt ra ở đây là tại sao bao nhiêu bộ lạc khác lại không đi qua, mà lại đi qua Việt? Ông Thái Bá có thể sai, nhưng cha của ông là người biết rộng, làm sao có thể để con đi vào chỗ chết vì theo học giả ở trên nói là dân vùng Nam man (tức là dân Việt) sống ngoài vòng lễ giáo và có lối sống hỗn độn ! Họ có thể giết con ông bất cứ lúc nào! Vậy việc ông Thái Bá đi qua Việt, có phải là lúc đó tên Việt đã có một ảnh hưởng quá lớn không, hay là vì tiếng vang của cái tên Việt nên ai cũng tìm tới. Thời đời nhà Thương, nhà Chu là thời nhiễu nhương, loạn lạc, người ta muốn tìm một nơi tá túc thì phải coi nước mà mình tìm đến đó như thế nào, có đủ khả năng để bảo vệ mình không?

Vậy tên "Việt" đã xuất hiện trước thời nhà Chu và đồng thời cũng có trước nhà Hán rất lâu, vậy thì làm sao quả quyết là nhà Chu hay nhà Hán đặt tên Việt cho người Việt được?

Sử Trung Hoa còn rất nhiều nghi vấn cần phải đặt lại sau này. Bạn muốn tìm nguồn gốc của dân Việt ư ? Bạn phải tìm tài liệu viết trước đời Tần và Hán, vì hai triều đại này đã sửa đổi tất cả sử liệu viết trên đất Trung Hoa theo ý họ rồi!

k. PHẢI HÃNH DIỆN XƯƠNG MÌNH LÀ VIỆT

Trong số năm học giả ở trên thì có hai học giả cảm thấy xấu hổ khi xưng mình là Việt, và đề nghị xưng mình là người Nam!

Sau khi tìm hiểu nguồn gốc chữ "Việt" tôi không thấy có gì là xấu hổ cả! Tổ tiên của chúng ta đã có suy nghĩ rất kỹ khi đặt tên "Việt" cho dân tộc mình. Tên "Việt" đã được ghi rõ ràng qua kinh điển và qua bằng chứng của khảo cổ trên những chữ khắc trên xương và yếm rùa mà chúng ta gọi là sấm ngữ .

Khi nghiên cứu lại tiền sử của dân Việt, chúng ta sẽ đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác, vì người ta viết không trúng về người Việt rất nhiều. Trong mỗi chặng sử của Trung Hoa , đều có sự hiện diện của tiền nhân người Việt . Những di tích của người Việt còn để lại trên đất Trung Hoa, những ảnh hưởng của người Việt còn tìm thấy qua khảo cổ, nhân chủng học, ngôn ngữ học v.v... ở trên đất Trung Hoa. Các học giả Trung Hoa đã đề xướng "Chủ Thuyết Trung Nguyên" để tìm cách loại cái ảnh hưởng của tiền nhân người Việt ra khỏi sử Trung Hoa, nhưng họ đã không làm được chuyện đó, vì lý do đơn giản là họ không thể gạt bỏ Kinh Điển và những cổ thư mà khảo cổ đào được.

Đừng bao giờ nói như một học giả ở trên viết : ... "Từ thời thượng cổ cho đến cận đại, dân tộc mà ngày nay **bị gọi là Việt Nam này không bao giờ chịu nhận mình là người Việt**". Cái lỗi ở đây là tại chúng ta không tìm hiểu cho cặn kẽ, rõ ràng rồi tuyên bố không muốn xưng mình là Việt, chứ tiền nhân của chúng ta vẫn gọi họ là người Việt. Cổ thư, kinh điển đều ghi là Việt, là người Việt, bạn và tôi đâu có bị

những chuyện đó ra đầu.

Trước khi kết thúc tôi xin tóm tắt lại như sau :

1. Nói chữ Việt 越 gồm bộ Tẩu với chữ Tuất là sai. Chữ Việt đúng là gồm bộ Tẩu và chữ Việt. Có hai cái sai : thứ

nhất là sai chữ. Các học giả trên đọc lộn chữ Việt 戌 ra

chữ Tuất 戌. Cái sai thứ hai là các học giả trên không kiểm soát lại cái âm khi đọc để biết mình nói có đúng hay không.

2. Không có ai, kể cả nhà Thương hay nhà Chu hoặc nhà Hán, đặt tên Việt cho người Việt. Tên Việt là do chính tổ tiên của người Việt đặt cho dân Việt, bằng chứng từ kinh điển và khảo cổ có cho biết là tên Việt đã có từ lâu đời.

3. Chữ Việt có hai nghĩa. Chữ Việt 粵 bộ Mễ là để nói, thời bình người Việt làm nghề nông sanh sống, lúa gạo trữ

trong kho. Chữ Việt 越 bộ Tẩu là để nói, thời chiến người Việt cầm vũ khí đi chống xâm lăng để giữ nước.

Chữ Việt 越 mà người ta lầm tưởng là chó chạy, đã giải thích trật từ lâu lắm rồi, không phải đợi tới các học giả trên viết ra mới biết là sai . Các học giả trên viết bài với tấm lòng yêu nước, nhưng chỉ lập lại cái trật của những người đi trước mà thôi. Thật ra, tôi lấy năm tài liệu này để làm cái cơ mà đính chính và giải thích chữ "Việt", chứ không có ý chỉ trích ai. Tôi xin cảm ơn năm học giả trên đã cho tôi cơ hội, giải thích lại phần nào nguồn gốc của người Việt. Nếu trong sự giải thích này có điều gì xúc phạm đến năm học giả trên, xin miễn thứ.

Trước khi kết thúc tôi xin lập lại câu nói của cụ Trần Trọng Kim ghi trong Việt Nam Sử Lược : "**Người trong nước có thông hiểu những sự tích nước mình mới có lòng yêu nước, yêu nhà, mới biết cố gắng học hành, hết sức làm lụng, để vun đắp thêm vào cái nền xã-hội của tiên-tổ đã xây dựng nên mà để lại cho mình**". Tôi hy vọng bài viết này giúp cho bạn và tôi biết được một đôi chút sự-tích nước mình để cho khỏi tủi quốc hồn, tôi chỉ có ước mơ đơn giản vậy thôi. ●



Xuân Mễ



Từng trạm thời gian lặng lẽ qua
Chập chôn hư ảnh tuyết sương nhòa
Sầu dâng trắng nỗi trời thơ cũ
Y qữ hơen động cánh nhạn xa
Tâm hương mây giăng cầu khế quốc
Đời bỏ gió lạnh khúc hoài ca
Mơ về lòng vẫn chờ mai sớm
Hàng đẹp quê mình tươi sắc hoa

● Tuệ Nga

Nghệ thuật uống trà



● Nguyễn Đăng Đức

Người ta nói đến các đồ uống từ xưa tới nay, nhưng chưa nói đến những bữa uống của người Việt Nam, có bữa ăn thì cũng có bữa uống.

Ở đây không nói tới sự uống sau mấy bữa ăn cốt để súc miệng, hoặc sự uống để giải khát khi trời nóng, mà tôi chỉ xin nói tới những bữa uống để thưởng thức hương vị trà và trong những trường hợp hay uống trà là cả một nghệ thuật. Một nghệ thuật vì uống mỗi thứ trà có một thứ cầu kỳ khác, uống trà tàu không giống uống trà sen.

Và muốn thưởng thức hương vị của trà, không phải bất cứ lúc nào uống cũng thấy ngon và cũng không phải bất cứ uống với ai cũng thấy cái hương vị thơm ngon ấy. (Ta hãy cứ tưởng tượng buổi sáng trời lạnh, với ấm trà nóng, hoặc ta thử tưởng tượng buổi tối lạnh ấm trà sen thưởng thức với vài phong bánh đậu xanh thì sẽ thấy cái thú uống trà khác nhau, tuy cũng là trời lạnh, tuy cũng là ấm trà). Phải hiểu uống trà là một nghệ thuật ta mới không thấy làm lạ khi thấy có người cầu kỳ gửi mua tận ngoại quốc mấy bao trà đầu xuân, hoặc đi tìm kiếm khắp các hiệu để mua một bao trà Thiết Quan Âm chính cống. Phải cầu kỳ thế, lúc uống chén trà mới nghiền ngẫm hết hương vị của trà.

- Uống trà Tàu

Qua nếp sống của ta, trong công việc giao thiệp chén nước trà dự phần rất nhiều, nhất là trà sen và trà tàu. Riêng về trà tàu, việc uống trà đã được người Trung Hoa nghiên cứu rất kỹ lưỡng từ xưa, và họ đã đặt ra những đồ ấm, chén, lò, siêu dành riêng cho việc pha trà. Những bộ đồ ấm chén lò siêu này cũng đã chịu nhiều biến đổi kể từ lúc bắt đầu có về đời nhà Tống qua nhà Minh cho đến đời Khang Hi nhà Thanh. Cách uống trà về đời Khang Hi càng cầu kỳ hơn và thay vì hâm trà bằng chén to, trà đã được pha từng chén nhỏ. Ấm chén, siêu lò được kén chọn kỹ lưỡng.

Chịu ảnh hưởng văn hóa của Trung Hoa, dân Việt Nam bắt chước lối uống trà của người Tàu, nó rất hợp với người mình, nhất là ở miền Bắc về mùa lạnh. Các nhà quyền quý, các người giàu có cũng kén chọn bộ đồ trà, và cũng hàng bỏ những món tiền lớn để mua cho bằng được bộ đồ trà vừa ý và trà họ cũng kén trà Long Tỉnh, trà Võ Di là những danh trà nổi tiếng không những riêng ở nước Tàu, mà ở khắp Á Đông. Thậm chí có người chuốc giống trà Chính Sơn, chịu đặt tiền sẵn để mua cho bằng được, nhất là kén bằng được trà đầu xuân. Có loại trà này trong nhà, gia chủ rất lấy làm hân hạnh và cũng là một điều vinh dự.

Người sành uống trà biết phân biệt hương vị các thứ trà, lại hiểu khí chất của mọi thứ trà. Trà nào phải pha thế nào uống mới đậm nước nồng hương, trà nào cần phải uống thật

đặc, trà nào uống đặc vừa để hương thơm đủ bốc lên diu diu; lại cũng kén chọn đồ pha trà cho hợp với trà, ấm pha thế nào thì tốt, chén uống thế nào thì ngon, cho đến lo than và siêu nước cũng phải nấu thế nào cho mau. Đây là tất cả những điều khó khăn của nghệ thuật. Người không nghiên cứu và sành uống trà không sao hiểu được, cần phải có nghiên cứu và cần phải biết tinh tường.

Mời bạn đọc hãy theo dõi một bữa uống trà sáng sớm của một ông già vào mùa lạnh.

Trời chắc phải lạnh lắm. Với xứ Bắc Việt Nam sáng ngày đây, ông già không thể rời khỏi sập gụ, nếu giàu có sang trọng thì chiếc đệm bông. Ông ngồi chồm hóm trên chiếc đệm, còn khoác trên người chiếc chăn bông, chỉ thò có cái mặt và hai tay ra ngoài.

Bộ đồ trà cũng được rinh lên chiếc sập, từ hỏa lò than, siêu nước đến bộ ấm chén. Chiếc hỏa lò không to; siêu nước cũng bé lắm, chỉ pha độ ấm trà nhỏ là hết. Nước pha trà phải kén nước mưa, nếu không cũng phải là nước giếng khơi mới không có lẫn chất vẫn khác đánh lạc mùi trà. Chiếc ấm là một chiếc ấm chuyên nhỏ màu gan gà, chén uống nước là chén hạt mít. Ngoài ra cũng có một chiếc chén tống dùng để gạn trà. Chiếc khay đựng ấm cũng không lớn bao nhiêu. Còn có thêm một chiếc bát để đựng chiếc ấm chuyên trà. Tụ tay ông già châm bếp đun bằng những thanh gỗ đóm, giữ lửa thật đều đặn để nước sôi đúng độ và cũng sôi đều.

Nước bắt đầu reo, nghĩa là gần sôi, ông mở hộp trà. Hương thơm trà từ trong hộp tỏa ra. Ông già hít hít mũi ngửi một cách khoan khoái như cố hít lấy cái hương trà, sợ để bay đi thì phí uống. Ông nhúm một nhúm trà trong hộp bỏ vào ấm chuyên. Vừa lúc ấy nước cũng sôi đủ độ, ông đổ nước sôi vào ấm chuyên. Ông đổ mau, đổ đầy cho nước tràn ra chiếc bát đựng ấm chuyên làm nước loang cả bên ngoài chiếc ấm. Đây là một cách giữ vị trà, và cũng để giữ cho ấm trà nóng đều. Đây nắp ấm chuyên lại, ông cầm cả chiếc ấm chuyên chất nước vào chiếc chén tống. Đây là chén chuyên nước nhất, do cả mùi vị thơm ngon của trà, đổ hết nước trong ấm chuyên ra, ông lại rót thêm nước sôi vào lần thứ hai.

Nước trà rót ra chén tống, lúc ấy ông mới từ từ gạn sang chiếc chén hạt mít lung lung và nhiều lắm cũng chỉ đến ba chén mà thôi.

Hai chén trà gạn được, ông sai con cháu kêu Cụ Bà lên, đưa mời một chén để tỏ lòng quý mến Cụ Bà. Rồi ông mới cầm chén trà lên nhấp nhấp từng ngụm nhỏ một. Ông say sưa với chén trà như cố tận hưởng hương vị của trà tạo hóa đã sinh ra cũng như người đã chế hóa được lên.

Cụ Bà cũng bắt chước cụ ông, cũng đưa chén trà lên miệng nhấp nhấp ngon lành lắm. Cụ Bà cũng biết thưởng thức trà, dù cho không biết thưởng thức đi nữa thì cũng làm ra bộ thường thức để ông cụ hài lòng.

Vừa thưởng thức chén trà, hai cụ vừa trao đổi một vài câu chuyện để khen chén trà ngon, Cụ Bà lựa mua trà khéo, Cụ Ông pha trà có kỹ thuật, xanh nước lại đượm hương. Thật là một bức tranh đẹp, cái cảnh hai ông bà già thuận vợ thuận chồng trong bữa uống trà sáng sớm.

Uống xong chén trà, Cụ Bà lại đi lo công việc của mình. Còn riêng Cụ Ông vẫn cứ ngồi lại trên sập tiếp tục hưởng hương vị của trà ngon bằng chén hạt mít qua những ngụm nước rất nhỏ được nhấp nhấp từ...
Thường thức trà, các cụ uống từng ít một như vậy, nên đối với những người không biết thưởng thức mùi vị hương trà,

vớ được chén trà đưa lên uống một hơi, các cụ mệnh danh là bộn ngu ầm, nghĩa là uống như trâu, uống hùng hục không hiểu trà là gì.

Ở nước ta uống trà tàu sành là một biểu hiệu phong lưu, nhiều người nghiện trà tàu, hễ sáng dậy không có một chén trà đậm thì không làm gì được cả, có người nhịn ăn thì được mà không thể nào nhịn được trà!

- Uống trà sen

Từ trên mới nói tới cách uống trà tàu, nhưng bên cạnh trà tàu, ta lại cũng có một thứ trà rất quý, đó là trà sen. Trong các thứ trà ướp hoa, chỉ có trà ướp hoa sen là được chuộng hơn cả. Hàng năm về mùa sen, những gia đình phong lưu đều mua hoa sen về để ướp trà. Uống trà tàu thì cầu kỳ là ở chỗ pha trà, trái lại uống trà sen thì cầu kỳ lại chính là khâu ướp trà với hoa sen.

Những gia đình nề nếp Việt Nam cho việc ướp trà sen là việc không thể bỏ được, nên dù túng bấn, hàng năm tới vụ sen cũng có mua hoa sen để ướp một ít trà. Chẳng nhiều thì một cân hoặc nửa cân cũng là có. Trong các nơi thờ cúng, ta thường kén trà sen để pha nước.

Trà ướp sen phải mua thứ trà mạn hảo thật tốt, lúc uống mới dụ giọng và đượm nước mà không làm lạc mùi sen. Trà mua về, con cháu trong nhà còn xúm vào nhặt để loại bớt những mảnh trà vụn, những lá trà già, những cọng trà còn lạc lông vào cân trà. Trà được nhặt kỹ lưỡng xong được ủ kín để khỏi bay hương trà, trong khi chờ mua sen và nhặt gạo sen.

Muốn ướp trà, người ta dùng những quả đựng trà sơn son thếp vàng. Trà được rải một lượt mỏng trên quả, rồi một lượt gạo sen được rắc đều lên trên, rồi lại đến một lượt trà, và sau lượt trà lại là lượt gạo sen. Cứ tiếp tục như thế cho đến khi hết. Một chiếc khăn được ủ lên và nắp quả được đậy kín lại.

Người ta để như vậy qua đêm hương sen sẽ quyện vào cánh trà. Ngày hôm sau, trà đó ta đem sàng để những hạt gạo sen được cho vào một chiếc túi bằng giấy bóng buộc kín để giữ lấy cả hương sen lẫn hương trà, rồi đặt lên sậy trên một hỏa lò than âm ỉ. Sậy chừng ba tiếng đồng hồ thì bỏ ra. Cánh trà đã khô, hương sen đã được một phần cánh trà. Lại mua một lớp sen thứ hai để ướp lần thứ hai và lại sậy như lần thứ nhất. Sau hai lần ướp trà đã đượm, khá đủ hương sen, những gia đình phong lưu thường ướp trà đến bốn năm lần để hương sen càng quyện vào cánh trà, và càng ướp nhiều lần thì trà càng thơm.

Lần ướp cuối cùng, việc sậy được kỹ lưỡng hơn cho cánh trà thật khô kiệt. Trà sen đã sậy xong rồi được cất vào hũ hoặc hộp kín để hương thơm của sen cũng như của trà khỏi bay mùi vị đi.

Lúc mua sen phải chú ý, mua sen chú đừng mua quỳ. Quỳ cũng giống sen nhưng nhụy không đượm hương bằng sen. Sen bên trong thường có cánh nhỏ. Còn quỳ lớp cánh trong nhỏ hầu như không có.

Trà sen ướp thì công phu cầu kỳ như vậy, nhưng đến lúc uống thì lại rất giản dị, không cầu kỳ như khi uống trà tàu.

Trà sen pha vào ấm cũng được, và bất cứ ngồi vào chỗ nào, trong nhà, ngoài sân ta đều có thể thưởng thức được ấm trà sen và số nhiều ít cũng không sao. Nếu uống trà tàu chỉ độc ẩm mới ngon, trái lại trà sen vẫn giữ được nguyên vị và vẫn thơm ngon, dù ẩm khách là bao nhiêu người, nhiều cũng không sao. Hơn nữa, uống trà sen với bất cứ hạng khách nào cũng đều thích hợp.

Có khách tới nhà, muốn mời ẩm trà sen, chủ nhân chỉ việc tráng ấm, bỏ trà, rồi rót nước sôi vào. Ủ trong ấm giờ bốn năm phút. Trà rót ra chén hương thơm ngào ngạt và khi uống vào chủ khách đều cảm thấy một hương vị nhẹ nhàng dịu dịu từ chén trà bốc lên, từ trong cổ họng đưa ra và từ hơi khói ngào ngạt trong ấm nước. Trà sen ngon và đặc biệt Việt Nam đã biểu dương cái tinh thần hòa dịu của người mình, nhưng trong cái hòa dịu cũng vẫn có cái gì là bất khuất như hương trà muốn tỏa lên vậy.

Thường ra uống trà sen không cầu kỳ, nhưng các cụ đồ cổ, các bậc lão nho và các cụ già chủ nhân ông các ao sen cũng có một lối uống trà sen rất cầu kỳ. Mà ai cũng phải là chủ nhân ông một ao sen thì không bao giờ có thể mà thưởng thức được, ngoại trừ trường hợp được chủ nhân ông các ao sen ưng thuận.

Mà trà sen uống theo kiểu này thì tuyệt ngon, có lẽ ngon hơn bất cứ thứ trà tàu nào.

Mọi buổi chiều, trước khi trời tối, khi mùa sen bắt đầu trở hoa, chủ nhân ông ao sen hoặc sai con cháu hoặc tự thân tìm lấy một hai bông sen sắp nở, vạch cánh hoa ra nhét vào mỗi bông một nhúm trà. Sáng hôm sau, nhúm trà được lấy ra đem pha trà, trà qua một đêm nằm trong hoa sen, những cánh trà đã được ướp trực tiếp hương sen ngay trong lòng hoa, những cánh trà đã đượm hương sen lại thấm cả hơi ẩm của hoa trong ban đêm, uống rất thơm và đậm nước. Trà ướp sen đã cầu kỳ, nhưng nước dùng để pha trà lại cầu kỳ hơn. Mùa sen nở là mùa hạ cho tới đầu thu, đêm đêm sương thường xuống và đọng trên các lá sen. Sáng ngày, muốn lấy nước để pha trà, các cụ cho con cháu đi hứng những hạt sương đọng trên lá sen đem về đun sôi pha trà. Ta hãy tưởng tượng trên mọi lá sen chỉ đọng một vài giọt sương, phải qua bao nhiêu lá sen mới hứng được đủ nước cho một ấm trà.

Các cụ nói, uống trà sen, với trà ướp trong hoa sen, với nước đọng trên lá sen, các cụ đã hưởng được tất cả cái chất tinh túy của sen qua hương thơm cũng như qua sương đọng và đồng thời cả cái khí thanh khiết của đất trời. Trà uống như vậy các cụ khen rất ngon. Có lẽ ngon vì hương sen, vì trà, nhưng cũng ngon vì cái công phu để có được ấm trà.

Có công phu, uống ấm trà sen mới càng thấy thú và cái thú này, các chủ nhân ông ao sen, hàng năm bao giờ cũng không bỏ.

Ông Lê Văn Siêu, trong cuốn Văn Minh Việt Nam, có nói đến chuyện ăn cắp hương thơm của sen bằng cách đến những hồ sen tìm những bông sen còn búp, sẽ vạch cánh hoa ra bỏ vào giữa một sợi bấc, rồi lấp lại cho cánh nó cúp lại như cũ. Đến sáng hôm sau, trước khi người ta hái đem bán, thì lại đến những bông hoa ấy mà rút những sợi bấc ra. Sợi bấc khô để trong lòng bông sen suốt một đêm thì hương thơm của sen đã có một phần lớn được hút vào sợi bấc. Một ấm trà mà cho vào một sợi bấc ấy thì thơm ngát như ướp mấy lần sen vậy.

Người ta nghĩ rằng ăn cắp hương thơm của sen như vậy, bông sen có thể bị giảm đi rất nhiều độ thơm, nhưng thực ra dùng bấc để lấy hương thơm của sen cũng không khác đặt những nhúm trà vào bông sen. Việc làm này chỉ có các chủ nhân ông hồ sen, ao sen mới làm được. Có người cho rằng dù bông sen có bị lấy hương thơm đi, nhưng hoa sen còn ở trong đầm, chưa bị hái hẳn, hương thơm dù có bị lấy đi, chẳng qua hương thơm vẫn tiết ra và hoa có tiết ra bao nhiêu hương thơm đi nữa thì cái chất thơm vẫn được cây cung ứng đầy đủ.

(Wien / Áo)

Bún Bò

quê hương



Diễm Châu TNQG

Trời bắt đầu vào thu. Những cây phong đổi màu lá từ xanh ngọc lan dần qua màu tím, màu vàng, màu nâu, màu cam... tạo nên khung trời thơ mộng, cộng thêm không gian hơi lành lạnh khiến lòng dạ tôi nao nao nhớ về quê cũ, nhất là khoảng thời gian trước Tết vài tháng.

Con đường đất đi vào nhà tôi hiện nay, kể bên bờ sông cũng tựa tựa như khung cảnh một ngày ấu thơ năm cũ, nơi tôi sinh ra và lớn lên trong tuổi măng non, có vầng trăng quê ngoại soi bóng trên mảnh vườn trồng cau và cây ăn trái, có những chén chè thơm mùi hạt sen bọc trong những trái nhãn trắng đục, được gánh đi bán bởi các 'mụ' bán hàng rong ban đêm, tiếng rao hàng "Ai... chè khô ô ô ô...ng" vang vọng, kéo dài trong đêm vắng thanh tịch. Những bà bán chè thường khoác chiếc áo dài nâu cũ kỹ lên vai mà không cần cài cúc, dĩ nhiên là bên trong họ đã có bận áo bà ba, vì tập tục cổ truyền và phong cách của dân Huế, ra đường phải ăn mặc đàng hoàng.

Đêm xuống, những con thuyền êm êm lướt trên sóng nước dòng Hương, văng vẳng lời ca Nam Bình não ruột và tiếng phách nhịp của các ca nữ xinh đẹp, cùng hợp nhịp nhàng của đàn bầu, đàn tranh, và

sáo trúc mua vui cho khách thưởng ngoạn, ngày nay là một nghề ăn khách đối với dân trong vùng, được cải tiến đẹp mắt hơn qua cách ăn mặc của các ca kỹ tân tiến và thời trang, thường là áo dài khăn đóng hoàng hậu, sang trọng kiểu cách tùy theo từng nhan sắc, chiếc thuyền cũng được sơn phết chỉnh đốn hơn, để đón chào du khách khắp nơi trên thế giới tụ về.

Huế và Vịnh Hạ Long, hay Đà Nẵng, nơi có thắng cảnh Năm Cùm Núi Quê Hương (Ngũ Hành Sơn), được coi là nơi du khách tụ vào đông, không thua chi Sài Gòn....

Có những ngày cảm thấy lành lạnh, ngồi trong khoang thuyền nhìn ra làn nước nhấp nhô, nhớ về những kỷ niệm cũ, trong lúc đói lòng được mời tô Bún Bò Huế, món ăn quốc hồn quốc túy của dân miền Trung cày lên sỏi đá, thì thật là tuyệt vời.

Có một nhà văn đã viết về Bún Bò Huế thế này: cay quá, thịt bò mà lại có giò heo đi kèm nghe không mấy 'ổn thỏa'! Rồi còn cho rằng miếng giò heo đã làm cho tô bún 'bớt phần thanh nhã'... Chao ơi, nói như thế thì tôi biết chắc rằng ông nhà văn này không phải là người miền Trung rồi. Đã thế, ông còn đi so sánh nhiều món ăn của các miền khác, dĩ nhiên không ngon bằng món ông thích.

Nhưng mà trời ạ... nhiều người thì lắm miệng, mỗi người mỗi kiểu mỗi cách, mỗi sở thích khác nhau. Tôi cũng rất thích món ăn ông tả, ngày nay có khi còn phải đi kiếm những nơi ngon mà ăn... nhưng nếu bảo rằng chỉ ăn hoài món đó thì không được, phải thay đổi mới khoái khẩu. Hôm nay Phở, mai Cơm tấm, một Bún Bò Huế, ngày kia Mì Quảng, Bánh xèo, bánh tằm bì... món nào cũng có cái ngon riêng của nó, và mỗi cá nhân có quyền thích món nào hợp với mình nhất.

Vả lại, ai cũng có cái tự hào riêng của dân vùng đó, và thức ăn lại tùy lúc, tùy thời... Nóng như đổ lửa mà cho ăn bún bò Huế hay Phở thì khó nuốt trôi, cũng như trời lạnh được mời ăn kem hay nước đá lạnh!

Khi nấu món ăn, người ta thường phân loại, món bò là bò, heo là heo, ai lại nấu lẫn lộn thì nước súp còn ra mùi gì, trừ đồ xào thập cẩm lai căng!

Nhưng với Bún Bò Huế thì lại khác! Bò và heo cộng lại thành Bún

Bò Huế được nhiều người ưa thích, một tổng hợp nghệ thuật 'nước dùng' trong ngành nấu nướng, chỉ có ở miền Trung Việt Nam, thích ăn và ưa chuộng nhất vẫn là các bà các cô.

Là dân tộc Việt, cha ông chúng ta đã biến chế ra nhiều món ăn ngon tuyệt. Cho đến bây giờ, người miền Bắc nổi tiếng với món Phở (Beef Soup), mà nhờ cuộc đổi đời, một số lớn người Việt phiêu lưu, trôi giạt khắp nơi địa cầu, đã nổi tiếng trên thế giới. Món bánh cuốn Thanh Trì cũng thi vị không kém, rồi còn bún riêu cua... ngay cái món "mộc tồn" cũng trứ danh không thua chi, dù thực khách đa số là 'phe ta'.

Người miền Trung, sinh sống nơi miền có cái eo chính giữa đất nước. Hai đầu to phình dành cho Nam và Bắc, phần teo tóp để cho miền Trung... Chính vậy mà ý chí vùng lên, cách mạng phấn đấu tiềm tàng trong tâm khảm người trai tráng của nơi này, Không ít, thành danh lỗi lạc. Một triều đình Vua Chúa ở Huế và những nhân vật chính trị, đảng phái người miền Trung đã nói lên điều đó.

Thức ăn cũng vậy, khác lạ và thơm ngon, đủ thức vị trong nồi súp, đó là Bún Bò Huế, hay tô Mì Quảng đậm đà, ngoài ra còn nhiều món khác như bánh bèo, bánh nậm, bột lọc, cơm hến, nem tré....

Trong Nam, miền đất phì nhiêu cò bay thẳng cánh, ai mà không biết đến món nổi tiếng Hủ Tiếu Mỹ Tho, cơm tấm, gỏi cuốn... và những món nhậu không ai bằng, cũng như canh chua, cá kho tộ, cá lóc nướng trui, ba khía, v.v....

Nếu nói về thức ăn ba miền, kể cả ngày cũng chưa hết...

Những ngày mùa Đông, dân miền Trung thường hay bị bão lụt, xứ dân gầy vì nghèo lại thêm xác xơ! Đất còn teo huống chi con người!

"Quê hương em nghèo lắm ai ơi, mùa đông thiếu áo hạ thời thiếu ăn, trời rằm trời hành cơn lụt mỗi năm... hờ ơi... khiến đau thương thấm tràn ngập Thuận An để lan biển khơi... ới hờ...."

Câu hát trên cho thấy lắm tai ương xảy ra trên vùng đất quê nghèo này... lụt lội thường tấn công vùng đất khô cằn, có khi hàng tuần, hàng tháng nước mới chịu rút.

Những lúc ngập lụt thì làm gì có chợ búa, thức ăn thường là nước mắm và muối ớt, trứng vịt luộc. May mắn lắm mới có một chiếc ghe chèo tới, bán cho vài thứ có thể ăn cầm cự chờ chính phủ cứu trợ. Cũng có gia đình chờ dài cổ gần chết đói mà không thấy ai tới cứu!... nói chi mơ ước đến tô Bún Bò Giò Heo cay cay, mùi mắm ruốc bốc hơi, khói tỏa bay thơm lừng trong không khí.

Những lúc trời mưa lụt, ngồi co giò trên bộ phận, nhìn dòng nước cuộn cuộn, đục ngầu lan tràn mọi nơi, trong nhà, ngoài sân, kéo theo những cọng rác rến, và xác thú vật chết trôi dơ bẩn... Đói quá đầu óc dễ mơ tưởng đến một thứ gì hấp dẫn dạ dày con người... Mùi Bún Bò Huế đầu đây... chắc mê sảng rồi! Làm gì nhà ai có bún, có thịt mà nấu trong lúc này! Chưa nói đến lửa củi cũng phải để dành nuôi thân trong những ngày tới, biết khi nào nước rút mà mong. Thôi thì đành ăn trong tưởng tượng cũng đỡ phần nào sự thèm khát của con người. Ngồi gục đầu ôm cái bụng lép xẹp kêu rọc rọc, nhớ mụ gánh Bún Bò Huế mỗi sáng cứ khoảng bảy giờ là xuất hiện đầu hẻm, hai cái thùng hai bên, một bên đặt nồi bún bò, bên kia là rổ chén bát muống dưa, cùng chanh ớt hành lá rau răm, và cái khăn lau tô chén. Phía dưới có thau nước để tráng sơ qua cái tô cho phải phép chứ cũng chẳng được sạch chi cho lắm. Muốn sạch thì mang tô nhà mình ra mua... nhưng ăn bún trong cái tô nhà mình thì lại thấy không ngon mới là phiền...

Trong tô Bún Bò Huế có cái gì mà thơm ngon, quyến rũ như thế?

Đĩ nhiên là phải có bún cọng lớn, thịt bò bắp (gân), giò hay móng heo là những thức chính phải có để nấu Bún Bò.

Trước hết là nước dùng. Muốn nước của nồi Bún Bò thơm ngon, phải biết cách nấu. Quay mắm ruốc ra với nước, để cho lỏng xuống, lấy phần nước trong nấu mới thơm ngon, đậm đà mà không hôi.

Nhớ rằng không thể thiếu sả, mắm ruốc, ớt màu và rau răm. Nếu thiếu bốn món này sẽ không thành mùi Bún Bò Huế.

Muốn cho mặt nước đỏ, có thể dùng ớt màu phi với tỏi cho thơm, rồi đổ lên trên mặt nước trong nồi súp, sẽ có màu đỏ, nếu muốn đỏ nhiều,

cho thêm ớt màu, hay có thể xài hạt điều phi cho ra màu đỏ cũng được.

Tô Bún Bò Huế làm cho lòng người ấm lại, nhất là khi trời đông tiết giá... trong cái không gian lạnh ngắt, buồn hiu. Nhìn tô Bún Bò trước mặt, màu đỏ rực, nóng hổi khói bốc lên lơ thơ, loáng thoáng vài miếng ớt nhỏ nổi bồng bềnh trên mặt nước, những cọng hành tây trắng và màu xanh của rau răm, bên cạnh miếng giò heo nửa da nửa nạc và vài miếng thịt bò gân mập mé, núp sau lá rau răm... nước miếng đã đưa lên miệng, chưa ăn đã thấy ấm lòng, nếu quán bún nổi tiếng có đầu bếp nấu ngon thì hết biết!

Thường, tô bún bò Huế cay vừa phải, không cay không phải là Bún Bò Huế, muốn ăn cay hơn, thì trước mặt khách có một hũ ớt sa tế, tức là ớt tỏi phi với dầu, cay thơm, màu mè nổi hơn khi cho thêm vào tô bún. Dĩ nhiên nhìn hấp dẫn hơn nhiều, so với những người không ăn cay hoặc ăn cay rất ít.

Ăn với Bún Bò Huế, ở kinh thành Huế, không có rau đi kèm, chỉ là tô bún thuần túy. Ăn lấy hương lấy hoa, kiểu Vương tôn quý tộc thường dùng. Thức ăn hay đựng trong những chén đĩa nhỏ xíu, như đồ chơi con nít. Tô bún cũng bằng cái chén ăn cơm loại lớn ở bên đây!

Ngày xưa ở Huế, nếu ăn uống mà 'phạm phu tục tử' quá, chẳng hạn như gọi 'tô xe lửa', 'tô tàu ngầm'... hay ăn một lúc hai ba tô, thì bị thiên hạ nhìn như một kẻ chết đói! chỉ có 'phu xe' mới ăn nhiều vậy thôi. Vì vậy, dân Huế ốm o, gầy trơ xương, đa số! nghèo thiếu ăn thì ốm đã đành, giàu cũng ít ai mập, vì phải ăn kiểu khách sáo, cho có. Quý tộc chứ không phải đầu đường xó chợ mà ham ăn ham uống! Thật là vô phúc cho những ai bị ở trong hoàn cảnh đó. Đói mà phải làm bộ làm tịch, nhiều khi trong cảnh ngộ tức chết đi được, đói quá, thèm quá mà không dám ăn thêm, khi có người mời mọc cũng phải lắc đầu, vờ vờ bụng kêu no! Giấy rách phải giữ lấy lề... Mạ ơi!

Bún Bò Huế vào trong Nam thì khác, dân miền Nam hào phóng, xú ruộng cò bay thẳng cánh, đói kêu đói mà no thì lắc đầu không ăn. Mời ai là mời thật, không đả bôi khách sáo như ở miền khác. Vì thế, ăn Bún Bò Huế ở miền Nam, đĩa rau đi kèm

to ngồn ngộn, gồm có giá sống, rau muống chẻ. Có nơi chơi bánh hớn, là có cả rau bắp chuối hồng hồng, nhìn rất hấp dẫn, ăn cũng ngon miệng. Đâu có ai khiêu nại là : "tôi không muốn đĩa rau này". Ngay chính gốc người Huế, đôi người khó tính phê bình 'Bún Bò Huế mà ăn với rau sống!', nhưng rồi họ cũng gắp rau ăn như những người khác, không bác bỏ đĩa rau 'sai trái' đó!

Trộn tô bún bò Huế cho đều, gắp một đĩa lên những cọng bún trắng mềm mại, kèm theo lát thịt bò gân, dính ít rau răm hành trắng, bỏ vào miệng... chao ơi là ngon. Vị cay cay, nước dùng ngọt của thịt bò, của xương heo, cộng với mùi thơm của sả và mắm ruốc thoang thoang, còn hương vị quê hương nào cho bằng!

Thỉnh thoảng cắn một miếng giò heo, nhai nghe sừn sực, không mềm quá cũng không dai quá, nấu như vậy mới được gọi là đầu bếp cừ khôi!

Trong miền Nam, ra hải ngoại, thức ăn dư thừa, người ta chế biến thêm, cho huyết heo và gân vào Bún Bò Huế, giá tiền thêm 50 cent cho mỗi tô, vậy mà nhiều người chiếu cố ra phết. Ngay tại Huế hiện nay, một vài tiệm nổi tiếng đông khách, cũng biến chế cho thêm những miếng thịt như mọc trong nồi bún, ăn thì có ngon, nhưng không rệt Bún Bò Huế như xưa!

Nhưng căn bản bốn món phải có khi nấu bún bò Huế, như đã nói trên, ngoại trừ bún cọng lớn, giò heo, thịt bò, là: Sả, mắm ruốc, ớt màu và rau răm. Thiếu rau răm trên mặt tô bún, coi như mất ngon một phần. Mùi rau răm đi kèm với mùi nước lèo quyện vào nhau, gây nên một hương vị lôi cuốn.

Vẫn có nhiều người gốc Huế nấu bún bò Huế không cho rau răm. Đó là vấn đề mà những người chuyên về nấu nướng hay bàn cãi với nhau, có rau răm đúng, hay không cần rau răm. Kết quả ai cũng cho rằng phần mình có lý. Riêng tôi thì đã ăn nhiều nơi nổi tiếng về Bún Bò Huế, tại Huế, Đà Nẵng, ở trong miền Nam, qua Mỹ, nơi nào có bún ngon, người ta đều có bỏ rau răm trên mặt. Và nói ngay rằng, tôi cũng thích như vậy.

Rau ăn kèm thì có bắp chuối sẽ làm cho đĩa giá thêm ngon, có cả rau muống chẻ nữa thì tuyệt. Nhớ là

không thể thiếu vài lát chanh, mấy trái ớt hiểm và hũ ớt sa tế. Ngoài ra không cần phải có rau húng quế hay tia tồ v.v...

Sở dĩ tôi phải nói rõ về tồ Bún Bò Huế như vậy, vì bây giờ, món đó là thông dụng. Để ý các tiệm chuyên bán phở, phải làm chữ néon, chạy đèn tím, đèn đỏ, duy nhất quảng cáo thêm một món: Bún Bò Huế, dù biết món ăn thông dụng và hấp dẫn như thế nào.

Có nhiều ông phàn nàn khi đi vào nhà hàng Tàu, mà bà vợ lại đòi món Bún Bò Huế... "thiệt cái món bình dân, đâu cũng có mà sao bả ăn hoài không chán!".

Đúng vậy, trường hợp của tôi ở nhà cũng na ná. Mỗi lần nấu Bún Bò Huế, y như là tôi tăng bữa ăn lên ba lần một ngày. Trưa, chiều, và một lần khoảng chín mười giờ đêm. Nếu muốn 'diet' thì tốt nhất là đừng có nấu Bún Bò Huế. Mùi thơm của nó thực chịu không nổi, nhất là khi qua lại trong bếp, mở nắp nồi lên, nhìn thấy màu đỏ sóng sánh của nước dùng, mùi thơm diu diu của sả, của mắm ruốc, của ớt cay lan tỏa, lại cồn cào trong bụng muốn ăn thêm tồ nữa, cho dù là bụng chưa đói! Nhất là khi trời lạnh thì khỏi nói, ăn cho nó ấm người... Lý luận của kẻ thích ăn!

Có những gia đình Việt định cư tại các thành phố nhỏ, hoặc những chủ tiệm Nail phải mở tiệm nơi xa phố Việt Nam, mỗi tuần ít nhất một lần phải chịu lái xe xa cả vài tiếng đồng hồ, mục đích là đi chợ Á Đông mua những thức ăn thuần túy quê hương, kiếm vài tờ báo Việt, và ăn nhà hàng có thức ăn quen thuộc, mà trong đó món Bún Bò Huế của miền Sông Hương Núi Ngự chiếm phần không nhỏ.

Tồ Bún Bò Huế hải ngoại, dù không được ăn tại mảnh đất quê hương, nhưng trong buổi sáng hay chiều lành lạnh, ngồi bên nhà thủy tạ phía sau vườn nhà mình, nhìn ra hồ sen còn sót một bông hoa màu hồng nở lớn đầy hương sắc chưa tàn, khóm tre vàng rung rinh bóng lá, tách cà-phê sữa thơm lừng và người thương ngồi đối diện, âu yếm vắt chanh vào tồ bún bò Huế nóng hổi, đang bay lên từng sợi khói mỏng... Còn hạnh phúc nào hơn... phải không các bạn!•

Hoa Xuân nở muộn



*Thêm một mùa xuân...
ngắn tuổi đời
Bàng hoàng hồi tưởng
chuyện xa xôi
Ngày xưa hai đứa chung
trường học
Đâu biết ngày mai cách
biệt rồi...
Có lần anh bảo nhỏ: Hoàng
Lan
Mơ ước cùng em chuyện đá
vàng
Nếu lỡ đời trai vì Tổ Quốc?
Lấy ai thương xót phận
hồng nhan !
Chinh chiến mang chàng
đi rất xa
Bão lòng cuộn cuộn giữa
phong ba
Chữ yêu vội vã chưa trao
gởi
Khi ngọn lửa tình... đã thiết
tha...
Từ ngày chàng khoác áo
chinh y
Biên biệt phương xa khuất
nẻo về
Để kẻ phòng khuê đành lổi
hẹn
Sương buồn giăng khắp
nẻo sơn khê...
Hai ngõ, hai nhà đã cách
xa*

*Trường xưa lối cũ cũng
phôi pha
Và người xưa một chiều
mưa đổ
Nặng gổ đầu anh đến cửa
nhà !
Chỉ còn dư ảnh chút tình
xưa
Lê kiếp thương bình, kiếp
sống thừa
Gục mặt để nghe lòng nuối
tiếc
Thân tàn theo dõi bóng
người xưa...
Rồi một ngày kia nơi viễn
phương
Gặp nhau qua màn lệ rừng
rưng
Ta còn gì để cho nhau nữa
Em góa bụa rồi... ta phé
nhân !
Ba mươi năm tình vẫn
không phai
Cố nén vào tim tiếng thở
dài
Hai mái đầu xưa giờ điểm
bạc
Cuối đời thử thử chuyện
tương lai...
Trong mắt người xưa giọt
lệ rơi
Nghẹn ngào ôm hạnh phúc
buông rơi
Vòng tay khơi dậy thân
tiền cũ
Và bóng người xưa xiêu lạc
đời...
Ngập ngừng anh bảo nhỏ:
Hoàng Lan
Có muộn màng chi chữ đá
vàng
Biết sống cho nhau dù
ngắn ngủi
Ân tình như vạn lý quan
san...*

• **Hoàng Lan Hương**

Liệp cải vườn Chùa

Thích Như Điển

Năm 1989 là năm đầu tiên chân tôi đã được đặt lên miền đất của Phật; nơi Ngài đã sinh ra, lớn lên, thành đạo và nhập Niết Bàn cách đó hơn 2.500 năm về trước. Sau khi về lại Đức, tôi có viết quyển "Lòng Từ Đức Phật", trong đó có ghi lại về chuyến đi lịch sử ấy và nghĩ rằng chỉ đi Ấn Độ có một lần thôi. Thế mà đến hôm nay (2004) đã là lần thứ bảy rồi đây! Thế thì, xứ Phật có gì lạ và điều gì đã làm cho hồn tôi vương vấn?

Phải trả lời 4 chữ đầu tiên là: "phép Phật nhiệm màu". Chỉ có phép Phật nhiệm màu mới làm cho tâm tôi luôn hướng về cõi giác ngộ ấy. Tôi nhớ, hồi ấy (1989) đang xây dựng chùa Viên Giác tại Hannover, Thầy Huyền Diệu có ghé sang thăm và khuyên nên đi qua xứ Phật một chuyến. Thế là tôi và Hòa Thượng Minh Tâm khăn gói lên đường. Đến xứ Phật lần đầu tôi đã có nhiều điều cảm ứng; nhưng vì cái dơ nhớp bề ngoài và cái nghèo khó ấy của người Ấn Độ đã làm cho tôi chùn bước lữ du. Thế nhưng những điều nhiệm màu ấy càng ngày càng thấm dần vào tâm thức của mình, cứ khơi động mãi và cứ thế, mỗi năm sau đó một lần tự nhiên tôi muốn đi Ấn Độ để về đất Phật lay tạ, đền ơn Tam Bảo.

Cũng phải kết luận rằng: Nếu năm 1989 tôi không đi về xứ Phật thì năm 1991 đã không thể tổ chức lễ khánh thành chùa Viên Giác tại Hannover và năm 1993 tổ chức lễ hoàn nguyện được. Đứng là một chuỗi dài nhân duyên nó trôi buộc nhau, như 12 mắc xích của Thập Nhị Nhân Duyên vậy. Cái này có cho nên cái kia có, cái này sinh cho nên cái khác cứ tiếp tục sinh ra. Như thế và như thế.

Đến năm 2000, trong khi tổ chức Expo diễn ra, chùa Viên Giác ở Hannover cũng phải đóng góp phần mình vào đó thì Thầy Hạnh Nguyên và Hạnh Tấn có thưa với tôi rằng quý vị ấy muốn xây tại Bồ Đề Đạo Tràng một ngôi chùa lấy tên là Trung Tâm Tu Học Viên Giác. Dĩ nhiên là tôi không chần chờ để trả lời là được hay không, mà đồng ý ngay. Vì biết rằng đó là một việc thiện đáng làm. Nếu cấm cản, té ra tôi là người: "cản duyên thiện sự" thì sau này biết ăn nói làm sao đây với học trò đệ tử và với lịch sử truyền thừa? Do vậy mà tôi đã thuận. Dĩ nhiên là tôi cũng phải đưa ra điều kiện là bắt buộc quý Thầy ấy, đặc biệt là Hạnh Nguyên phải chịu trách nhiệm chính trong vấn đề xây dựng và phần chùa Viên Giác tại Hannover thì đóng góp 10% cho công trình.

Thế là việc vận động đã bắt đầu. Thầy ấy một mình tá xung hữu đột như tôi hồi năm 89 vậy. Nghĩa là chỉ cách 11 năm sau thôi là đệ tử xuất gia đã bắt đầu đi vận động làm chùa. Thuận duyên rất nhiều. Vì là ngôi chùa ở xứ Phật nên đã có nhiều người đóng góp giúp đỡ; nhưng nghịch cảnh vẫn không phải là hiếm vì ngay các bậc Tôn Túc ở Hải ngoại lúc ấy cũng nghĩ rằng làm sao hai Thầy ấy có khả năng để xây dựng cho xong một dự án đồ sộ như vậy. Có nhiều vị hỏi tôi là có dám bảo đảm rằng hai Thầy ấy xây xong Trung Tâm Tu Học Viên Giác tại Bồ Đề Đạo Tràng hay không? Thì tôi trả lời rằng: Tục ngữ Đức có câu: Ohne Anfang Ohne

Ende. Nghĩa là không có cái bắt đầu thì sẽ không có cái chấm dứt và dĩ nhiên là những sự giúp đỡ cúng dường, trợ vốn, lạc quyền về tài chánh cứ từ từ được đóng góp. Thế mà ngôi chùa 1 triệu US dollars ấy đã thành hình và vẫn giữ lời hứa của mình; nên chùa Viên Giác tại Hannover đã đóng góp 100.000 USD vào đó. Nếu ngôi chùa ấy xây tại Âu Châu, hoặc Mỹ Châu hay Úc Châu cũng phải lên đến 3 triệu US dollars. Ở đây rẻ, vì vật liệu và nhân công so với Âu Mỹ không bằng một phần mười, thậm chí cả phần trăm nữa.

Khi đi vận động thì Thầy Hạnh Nguyên đã đến Úc, Mỹ, Canada và Hoa Kỳ cũng như Âu Châu. Đi đến đâu cũng được hỗ trợ nhiệt liệt, mặc dầu Thầy ấy không có tài ăn nói mảy; nhưng hạnh nguyện, đúng là Hạnh Nguyên với 3 ngón tay đốt để cúng dường chư Phật, trong đó có một ngón đốt để cúng dường phát nguyện cho Trung Tâm Tu Học Viên Giác được thành tựu cùng với Thầy Đồng Văn, Thầy Hạnh Tấn sau khi đi tam bộ nhất bái từ Varanasi (Lộc Uyển); nơi Đức Phật thuyết pháp lần đầu tiên, đến Bồ Đề Đạo Tràng độ chừng 240 km, đi trong vòng 40 ngày. Chỉ chừng đó thôi, mọi người đã cảm động và hỗ trợ. Cho nên tôi thường nói: Sự hình thành Trung Tâm Tu Học Viên Giác ở Bồ Đề Đạo Tràng có 3 ngón tay của 3 Thầy ấy. Riêng Hạnh Nguyên đã đốt đến ngón thứ 3 thì lại càng làm cho nhiều người nỗ lực, kính trọng hơn. Vì ở lứa tuổi 35 - 40 ấy có mấy người ở Hải ngoại này làm được việc ấy.

Đến tháng 3 năm 2002 tổ chức lễ khánh thành thì Thầy ấy cúng dường lại cho Giáo Hội. Hôm ấy có sự tham dự của Hòa Thượng Thích Hộ Giác, Trưởng Lão Thích Chơn Điền, Hòa Thượng Thích Như Huệ và đông đảo chư Tăng Ni, Phật tử chứng kiến. Tôi đã cử ra một Ban Điều Hành Trung Tâm và sau đó Hạnh Hào chịu trách nhiệm trực tiếp điều hành để Hạnh Nguyên đi học ở Trung Quốc. Một năm sau thì thay thế Thầy khác điều hành. Vì lẽ khí hậu, phong tục, cách làm việc của người Ấn, người mình khó mà duy trì lâu dài được. Với nhiệt độ trung bình vào mùa hè là 40 đến 50 độ C và cách làm việc thì hết sức tùy tiện; nên ai giới bao nhiêu đi chẳng nữa nhưng sức chịu đựng cũng chỉ có giới hạn mà thôi.

Được một cái là từ ấy đến nay (2002 - 2004) tại đây đã tổ chức được một đại giới đàn để truyền Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Thức Xoa Ma Na, Sa Di, Sa Di Ni, Bồ Tát xuất gia, Bồ Tát tại gia, ngũ giới v.v... và 2 lần khác truyền Sa Di cũng như cho xuất gia tất cả là 4 vị, gồm 3 nam và 1 nữ. Trong 3 năm ấy có một người Ấn Độ gốc Assam; Một người bạn cũ của tôi đồng tu lúc 41 năm về trước; nhưng vì gia duyên ràng buộc như trong quyển "Có và Không" của tôi đã trình bày; nên bây giờ đã xuất gia, thọ giới Sa Di và làm đệ tử của tôi. Đó là chú Hạnh Giải, người chủ làm vườn của Trung Tâm Tu Học Viên Giác mà tôi sẽ giới thiệu với quý vị sau đây. Một người nữ xuất gia cũng là một nhân duyên hy hữu. Cô ta đi du học tại Hoa Kỳ năm 1973, đã đỗ Tiến Sĩ và dạy tại Đại Học Berkley trong vòng 18 năm, nhưng sau khi xây dựng hoàn thành ngôi nhà để Đại Hồng Chung trong vườn Đại Tháp Bồ Đề cũng như hòn non bộ phía sau hồ nước thiêng nơi Đức Phật đã ngồi Thiền Định có thân long che chở, thì lần này (2004) khi tôi qua thăm xứ Phật, cô ta đã phát tâm xuống tóc xuất gia với Pháp danh Diệu Liên được đổi lại là Thiện Liên.

Chú Đồng Thuận nay có pháp tự là Thông Trị đang ở chùa Viên Giác Hannover, là cháu của Hạnh Bảo và đệ tử của Hạnh Tấn. Một chú khác người Assam ở đây đã hơn một năm. Nay thì xin xuất gia với pháp danh là Đồng Tác làm đệ tử của Hạnh Nguyên và Y chỉ với Hạnh Định. Chú này mới một năm mà nói tiếng Việt đã khá. Tuy dấu giọng chưa rõ lắm; nhưng quả là một cố gắng phi thường. Vừa đi

học kế toán ở trường đời, về chùa Hạnh Định chỉ vẽ kinh kệ, làm việc chùa v.v... thế mà mọi việc đều thành công tốt đẹp, quả là điều đáng tán thán.

Trung Tâm Tu Học Viên Giác tại đây gồm 4 tầng. Tầng trên cùng để thờ Phật, thờ Tổ và thư viện cũng như 4 phòng của chư Tăng. Tầng dưới gồm sân đường, chùa một cột và các phòng dành cho khách hành hương. Tầng trệt có Lobby, một tượng Di Lặc cao 5 mét tạc theo kiểu Bhutan, những phòng cho khách hành hương và nhà bếp. Tầng dưới cùng là nhà ăn, phòng phát hành pháp cụ cũng như phòng sinh hoạt. Diện tích sử dụng cho tất cả 4 tầng là 2.700m². Ít hơn chùa Viên Giác tại Hannover 300m². Điều đặc biệt là tất cả các tầng đều được lót đá cẩm thạch thiên nhiên. Có miếng rộng đến 2m. Những đá ấy mà ở Đức thì chỉ có mơ chứ khó có tiền để thực hiện được. Đắt vì tiền, mà đắt vì công thợ nữa. Ở Âu Châu khó thể thực hiện được điều này. Nhờ lót đá cẩm thạch thiên nhiên ấy mà mùa hè rất mát. Đang đi bên ngoài nóng nực, khi bước vào chùa, tự nhiên một không khí mát dịu, thanh lương, làm cho khách hành hương rất vô cùng dễ chịu.

Xây dựng xong là điều quý; nhưng bảo trì ngôi chùa này cũng không đơn giản. Hiện tại trong chùa có một Thầy, 2 chú và 7 người làm. Mỗi tháng trung bình để trả tiền nhân công, điện, gas, nước v.v... cũng tốn độ 1.000USD và 12 tháng trong năm như thế phải nhân lên làm 12 lần. Do vậy các đoàn hành hương sau khi đến đây chiêm bái, sau khi về nước đều tự nguyện lập danh sách kêu gọi quý Phật tử ủng hộ định kỳ để duy trì nơi linh thiêng lịch sử này. Công đức ấy quả thật không nhỏ.

Tôi vốn quan niệm rằng: Mỗi thế hệ chỉ bắt được một nhịp cầu. Nhịp cầu quá khứ của chúng tôi chỉ có thể bắt được đến hiện tại và nhịp cầu hiện tại ấy phải tiếp tục bắt đến tương lai, chứ nhịp cầu quá khứ ấy sẽ không bắt được đến tương lai. Nếu bắt, sẽ hỏng một nhịp cầu. Vì giữa quá khứ và tương lai, bắt buộc phải có một nhịp cầu hiện tại. Vị trí ấy quý Thầy đệ tử của tôi đang làm và nhiều khi còn giỏi hơn Sư phụ nữa. Điều ấy thật đáng hãnh diện về những người đệ tử của mình. Nhiều khi tôi bảo: Thầy chỉ nuôi con thôi và sẽ không nuôi cháu. Nghĩa là tôi chỉ lo giáo dục, dưỡng thành cho thế hệ đệ tử; còn đồ tôn thì quý đệ tử phải lo chứ Thầy sẽ không lo. Nếu có cho những gì cho đệ tử thì Thầy sẽ chỉ cho phương pháp làm một cái bánh, chứ Thầy không cho cái bánh hay cho bột cho đường. Vì nếu cho cái bánh thì sẽ có người trong 44 đệ tử xuất gia ấy sẽ phân bì cái bánh lớn, bánh nhỏ. Còn cho một phương pháp làm bánh thì mỗi người có tự do để giới thiệu cái bánh của mình đến với tất cả mọi giới bằng khả năng tự tạo tác của mình.

Trước vườn chùa tại đây có một vườn cải xinh xinh, trong ấy trồng nào là xà-lách, cải bẹ xanh, rau diếp cá, rau thơm, bầu, mướp v.v... đúng là một vườn rau cải Việt Nam tại quê hương của Đức Phật.

Nhìn những liếp cải xanh mơn mớn dưới ánh thái dương ban mai rọi chiếu, tôi nhớ thuở làm điệu tại chùa Phước Lâm ở Hội An năm 1964 cách đây cũng đã 41 năm rồi. Thuở ấy tôi và chú Thị Duyên (bây giờ là Hạnh Giải) cùng với những bạn đồng tu khác mỗi ngày phải gánh nước tưới cây. Mỗi đội như thế phải làm cho xong một số nhiệm vụ trước khi đi đến trường, chú ấy lạnh hơn tôi nên đã tưới xong cây cải và cây kiếng, còn tôi cứ thật tình làm việc; nên công việc đến chậm hơn. Thế mà chắc. Cũng giống như người Đức thường hay nói: langsam aber sicher (chậm nhưng chắc chắn). Chú đi nhanh nên bị vấp ngã dây chằng của cuộc đời. Sau gần 30 năm chú trở lại con đường tu, lại phát nguyện làm đệ tử của tôi, quả là điều ở thế gian này ít có, mà ngày xưa là bạn cùng trang lứa đó. Chú rất thành thực để vun xới

những liếp cải này để có những cây cải thật xanh tươi để cho phái đoàn dùng, đặc biệt là tôi, đến từ miền đất lạnh của Âu Châu và dường như trong thâm tâm đầu óc của chú làm như thế để chuộc lỗi lại thuở xưa nơi chốn Tổ Đình đã không làm tròn nhiệm vụ. Giờ đây có Phật chứng tri cho lòng thành của chú vậy.

Người Việt Nam mình đi đâu là mang quê hương theo đến đó. Quê hương ấy có cây húng, cây ngò, cây rau răm, cây diếp cá. Chính những cây rau thơm ấy đã làm nên mùi vị rất Việt Nam. Cũng như thế ấy, 100 sinh viên Tăng Ni đang ở Ấn Độ, nhận học bổng của chùa Viên Giác Đức quốc là kết quả của những cái bánh được phát hành do quý Sư Cô và quý Phật Tử tại chùa trong các dịp lễ Phật Đản, Vu Lan và Tết Nguyên Đán cũng như Rằm Tháng Giêng làm nên. Mỗi cái bánh khi làm, quý Sư cô niệm một câu Phật hiệu và 25 cái bằng Tiến Sĩ đã ra trường ở Ấn Độ này đều do chất liệu bánh của chùa Viên Giác ở Đức tạo thành và 75 cái bằng thế hệ kế tiếp trong tương lai cũng sẽ được xây dựng trên những cái bánh công đức như thế.

Ở trên đời này không có cái gì là phép lạ cả. Mà phép lạ chính là những điều mình tạo ra được và làm chủ chính nó. Từ năm 1994 đến nay (2004) là 10 năm ròng rã; Nhờ bánh trái phát hành mà chùa Viên Giác đã giúp cho 350 cái học bổng khắp nơi như thế. Từ Trung Hoa cho đến Việt Nam, rồi Thái Lan qua Hoa Kỳ, Anh quốc v.v... tất cả đều nhờ bánh. Dĩ nhiên khi giúp đỡ, tôi đã không đặt ra một điều kiện nào cả. Điều kiện duy nhất là quý Thầy quý Cô hãy cho thành tài ra trường và phục vụ cho Phật Giáo. Có nhiều người bảo tôi là trọng bằng cấp; nhưng không phải vậy. Tôi quý những người có học vị thì đúng hơn. Nếu Phật Giáo Việt Nam không có những Thầy Tuệ Sỹ, Thầy Trí Siêu Lê Mạnh Thát, Ni Sư Trí Hải v.v... thì đâu có trí thức Việt Nam. Tất cả những vị ấy đều do tu, do học mà thành tựu.

Tôi vẫn thường bảo cho học trò và đệ tử của mình rằng: Sự học và bằng cấp nó không làm cho mình giải thoát được; nhưng nếu muốn mở cánh cửa giải thoát kia, không thể thiếu sự tu và sự học được.

Ngày xưa và ngày nay tất cả đều giống nhau thôi. Các bậc trí thức Phật Giáo, những vị chứng đạo; những người làm nên lịch sử v.v... đều là những người có tu và có học. Còn ngày nay nếu bảo sự học không quan trọng thì trường ốc khắp nơi trên thế giới người ta mở ra để làm gì? Có phải là để đào tạo và tìm kiếm nhân tài chăng? Nếu Phật Giáo muốn phát triển mạnh trong tương lai, không thể thiếu những người có tu và có học được.

Ngày xưa đất Quảng Nam mới chỉ có 5 người thi đỗ Tiến Sĩ, Bạng Nhãn, Thám Hoa cùng một khoa mà Vua đã ban cho 5 con phụng cùng một lúc bay về nơi đất mẹ từ kinh đô Thuận Hóa. Cho nên người Quảng Nam vẫn luôn tự hào là xứ: Ngũ Phụng Tề Phi. Xứ của ngàn năm văn vật, xứ của địa linh nhân kiệt v.v... Còn Phật Giáo Việt Nam chừng 5, 10 năm nữa có hằng trăm vị tân khoa Tiến sĩ ra trường. Lúc ấy ngôi nhà Phật Giáo sẽ càng vững vàng hơn bao giờ hết. Tôi có quyền hy vọng và đặt niềm tin như thế.

Đã có lần tôi viết: Tôi không có tay trồng cây; nhưng trông người thì rất có kết quả. Mà quả thật như thế, ai cho tôi bắt cứ một cây gì, dẫu cho cây hoa thật đẹp, mà cây ấy được bày biện trong phòng tôi thì nhiều lắm là 4 ngày sau hoa sẽ héo và cây sẽ chết. Mặc dầu tôi đã hỏi người cho về cách tưới nước, chăm sóc cây rất kỹ càng. Chẳng lẽ tôi không có duyên với cây cảnh. Hay tại tôi mạng hỏa, mà còn là tích lịch hỏa nữa. Lửa sấm sét xảy ra trên trời và nơi trần thế nữa nên nó mạnh và làm cho cây cối không sống được. Còn con người, tôi vốn đem lòng từ bi và tấm lòng chơn thật để đối đãi; nên có lẽ vì thế mà đã gần gũi, hóa độ được nhiều người chăng? Nếu là người ấy có hư đốn đến

đầu đi chẳng nữa, qua bàn tay uốn nắn của tôi, vị ấy chắc hẳn sẽ thành người. Đó là kinh nghiệm sau 25 năm tiếp Tăng độ chúng vậy.

"Cây trái vườn chùa" là một tiêu đề mà tôi đã đặt, viết cũng như đăng trên tạp chí Viên Giác để giới thiệu người làm vườn là Bác Sáu, đã được nhiều người nhiệt liệt hoan nghinh. Đến nay tôi viết: "Liếp cải vườn chùa" không biết rằng có được đón tiếp nồng hậu như thế nữa không? Tuy nhiên dầu có sao đi chẳng nữa, những liếp rau ấy đã nuôi dưỡng thân tứ đại của mình, tạo thành huệ mạng cho Phật pháp, thì riêng chính nó đã có một ý nghĩa cao cả rồi. Còn tôi, nhiệm vụ của mình cũng ví như một ông lái đò, mà 2 câu thơ của Thầy Thiện Thuận đã đi nhân lễ kỷ niệm 25 năm thành lập chùa Viên Giác Hannover vào năm 2003 như sau:

*"Đón đưa bao kẻ qua sông
Nhớ quên mặc kệ vẫn ông chèo đờ".*

Ai nhớ, ai quên, ông chèo đò vẫn chỉ có nhiệm vụ đưa khách sang sông. Đưa qua, đón về là nhiệm vụ và bốn phận của mình, chẳng có gì đáng phiền, đáng lo. Lại càng chả phải vì danh vọng, địa vị, tiền tài mà chọn nghề lái đò như thế. Tất cả mọi việc, mọi vật trên trần gian này có xảy đến, trôi đi v.v... chúng ta đều phải quán bằng 2 chữ: như thị.

Từ trong phòng ở nơi lầu tư của Trung Tâm Tu Học Viên Giác ở Bồ Đề Đạo Tràng này từ sáng đến tối, tôi đã nghe đủ thứ âm thanh tạp chủng. Nào tiếng chú mắng vào ban trưa vọng vào; tiếng rên la của côn trùng, súc vật. Tiếng chó sủa, tiếng vịt kêu, tiếng chim hót, tiếng mèo kêu, tiếng dê hí, ngựa, trâu, bò rống v.v... đã tạo nên một âm thanh rất hỗn tạp, một cảnh sống rất xô bồ. Trong ấy có nhiều lúc tôi tự nghĩ: mình là ai đây? Là một con người với thực thể của đầu, mắt, tay, chân hay là một giả tướng như trong kinh Kim Cang đã dạy?

Thấy cái sạch và cái dơ, cái tốt và cái xấu. Cái thượng lưu trong xã hội và cái cơ cực của con người, cái sống và cái chết gần trong từng gang tấc của miếng cơm manh áo thì phải định nghĩa sao đây cho đúng? Thế mà ở nơi đây cách mấy ngàn năm trước dẫn đến hiện tại đã có biết bao nhiêu chúng sanh đã sanh ra, tồn tại rồi mất đi, rồi luân hồi biến thể. Họ đã tự chọn cho mình một nghiệp dĩ như thế. Cho nên ca dao xứ Huế mới có câu:

*"Trăm năm trước thì ta chẳng có
Trăm năm sau có cũng như không
Cuộc đời sắc sắc không không
Trăm năm còn lại tấm lòng từ bi".*

Chỉ có "tấm lòng từ bi" là còn lại thôi. Còn bao nhiêu cung vàng điện ngọc, lầu son gác tía, dinh thự, chức tước, địa vị v.v... tất cả rồi cũng chỉ là một đám sương mù của lịch sử mà thôi. Đời đúng là thế; nhưng mấy ai ý thức được việc đời?

Người ta giết nhau vì tình, chém nhau vì tiền, tranh nhau từng tấc đất, từng tiếng nói, từng chút lợi danh; nhưng khi tử thần đã đến gõ cửa rồi thì lúc ấy ai là người tranh thiệt hơn, hơn thiệt đây? Hay cũng phải nhắm mắt đành chấp nhận buông xuôi hai tay về nơi chín suối? Liệu rằng câu Phật hiệu có còn giá trị lúc ấy hay không? Hay cũng chỉ là lợi danh phù phiếm? Như Ngô Thời Nhậm và Đặng Trần Thường đã đối đáp với nhau:

*Ai công hầu, ai khanh tướng, trong trần ai ai để biết ai?
Thế chiến quốc, thế xuân thu, gặp thời thế, thế thời phải thế.*

Cây cỏ tuy vô tình; nhưng nó đã dưỡng nuôi biết bao nhiêu con người, chúng sanh để làm nên lịch sử. Còn con người nếu chẳng biết nghĩa nhân thì dầu có sống trên cõi

thế này trăm năm mà không biết nhục vinh, còn mất thì sự sống ấy nó vẫn không có giá trị chút nào.

Có những người đang sống mà như đã chết. Có những kẻ đã chết mà vẫn còn sống trong lòng của mọi người. Có những người trẻ tuổi 20 mà lối suy nghĩ như cụ già 80. Trong khi đó có những người tuy già với thân thể mà đầu óc vẫn còn son trẻ như thuở tuổi còn xanh. Vậy trẻ hay già, cao thượng hay thấp hèn, tốt hay xấu v.v... tất cả đều do quan niệm của con người tự tạo nên; rồi thức chấp thủ, chấp ngã bảo vệ nó; nên ta cho đó là đúng là sai; chứ trên thực tế thì đúng sai, tốt xấu v.v... tất cả chỉ là những đối đãi của cuộc đời mà thôi chẳng có gì đáng nói cả.

Trước khi sang Ấn Độ lần này, tôi đã có mặt hai tuần tại Phật Học Viện Quốc Tế ở North Hills thuộc tiểu bang California; nơi Cổ Hòa Thượng Thích Đức Nhuận đã làm Giám Đốc, nhằm hướng dẫn Tăng chúng của viện trong khi vắng bóng ân sư của mình. Một nỗi đau về vô thường đã lắng đọng nơi hồn tôi. Có nhiều buổi sáng tinh sương hoặc buổi chiều êm đềm nơi Viện, tôi đã dạo quanh chùa, quanh vườn để xem cây cảnh, rồi chạnh lòng nghĩ đến mình, mai sau lại còn chi? hay cũng chỉ là hư danh và ảo ảnh. Nhìn ngôi chùa đồ sộ, nhìn những cây nhãn, cây lựu, cây mơ, cây hồng, cây chanh, cây quýt sai trái, tôi liên tưởng đến Hòa Thượng cũng như người làm vườn đem hạt giống thiện để ươm và sau 20 năm, một thế hệ đã qua. Bây giờ thế hệ này đã bắt đầu gặt hái những kết quả ấy. Còn ở nơi Hòa Thượng, chắc Ngài đã chứng được pháp vô sanh? Nên sẽ mỉm cười về những gì mà mình đã đến, đã đi và đã chẳng còn để lại dấu vết? Tuy hậu thế kim cổ vẫn còn mong chờ, nhớ nghĩ về Ngài.

Bởi thế, khi nhập thất lần đầu tại Tu Viện Đa Bảo trên núi đồi tại Úc Đại Lợi năm 2003 vừa qua, tôi đã tính lui cuộc đời của mình để thấy rằng bây giờ chẳng phải còn thời giờ để làm bài toán cộng nữa, mà phải biết rằng mỗi năm phải trừ đi một tuổi rồi đây; để rồi một ngày nào đó ta phải ra đi, buông xuôi hai tay về nơi chín suối, để nhìn cuộc thế vẫn xoay, thì ta sẽ được gì? Do vậy, mỗi tối mỗi trang kinh Kim Cang màu nhiệm đã dẫn tôi vào thực tế là: Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc và vị lai tâm bất khả đắc. Để biết rằng: Như Lai giả, vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ, cố danh Như Lai. Năm nay lần thứ 2, sau khi lạy Phật dưới cội Bồ Đề ở Ấn Độ rồi, tôi và hai chú đệ tử sẽ đi về phía Nam Bán Cầu để nhập thất, dịch kinh trong khoảng gần 3 tháng như thế. Mong rằng năm nay tôi cũng sẽ dịch được nhiều trang kinh như năm rồi (2003) đã dịch Đại Đường Tây Vực Ký, đã ấn tống tại Hoa Kỳ năm 2004 này 4.000 cuốn, tại Âu châu 1.000 cuốn và tại Úc châu 2.000 cuốn sẽ dự định in vào cuối năm nay. Một điều bất ngờ là tại Việt Nam người ta đã tự động in lại quyển Đại Đường Tây Vực ký này ra nhiều ngàn bản để phát hành. Như vậy cũng tốt thôi. Vì có như thế Phật pháp mới được lưu thông.

Ngoài ra quyển: Làm thế nào để trở thành một người tốt cũng đã được xuất bản tại Đức 1.000 ấn bản, đã được Phật tử khắp nơi hưởng ứng ủng hộ. Mong rằng những dịch phẩm và tác phẩm trong tương lai cũng sẽ được quý vị hỗ trợ như thế!

Trời đã về chiều, những bẹ cải xanh của chú Hạnh Giải ngoài vườn chùa, tại Trung Tâm Tu Học Viên Giác ở Ấn Độ cũng đã từ từ xếp lại để đón những giọt sương đêm nhằm nuôi vững thân cây cho xanh cành tốt ngọn, nhằm tô điểm chất ngọt cho đời, thì ở đây tôi cũng tạm gác bút sau một ngày viết 18 trang viết tay cho bài này và lá Thư Tòa Soạn cho báo Viên Giác số 144. Kính chúc quý độc giả được vạn an.

Viết xong vào tối ngày 29-10-2004
tại thư phòng Trung Tâm Tu Học Viên Giác,
Bồ Đề Đạo Tràng, Ấn Độ.



Trẩy Hội Chùa Hương

Kính tặng các cụ già xa xứ trong dịp Xuân về

● Phạm Thăng (Calgary)

Hành trình về Hương Sơn là trở về cội nguồn. Tôi là người miền Nam nên càng ước ao được đến hành hương chùa Hương và thiện duyên đến khi tôi đến miền Bắc năm vừa qua.

Chùa Hương nằm trong xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây, cách Hà Nội khoảng 60 km. Dân chúng thường gọi đi chùa Hương, thật ra không phải chỉ đến có một ngôi chùa mà là đến chiêm bái cả một vùng chùa chiền, hang động nằm trong khu vực núi đá vôi của miền Bắc, trước đây hàng thiên niên kỷ, là những hải đảo sau này được đất bồi trở thành những núi đồi, hang động xinh đẹp có nhiều suối uốn quanh.

Mỗi năm, hội chùa Hương mở từ ngày mùng 6 tháng Giêng đến Rằm tháng 3 âm lịch đã thu hút thiện nam tín nữ và khách thập phương đổ về bằng nhiều mọi phương tiện. Thường thì du khách đi xe hơi, xe gắn máy, hay các thanh niên thiếu nữ rủ nhau đi bằng xe đạp từ Hà Nội qua thị xã Hà Đông tới Vân Đình để đến bến đò đầu tiên vào vùng Hương Sơn nổi danh như thi bá Chu Mạnh Trinh (1862-1905) đã mô tả trong bài Hương Sơn phong cảnh ca:

*Thú Hương Sơn ao ước bấy lâu nay
Kìa non non, nước nước, mây mây...*

Chúng tôi, khách hành hương miền Nam lên xe công ty du lịch rời Hà Nội từ sáng sớm còn mờ sương. Xe chạy ngang thị xã Hà Đông để chúng tôi bồi hồi nhớ lại đoạn lịch sử oai hùng của nước nhà khi thấy gò Đống Đa, nơi chôn mấy vạn quân thù phương Bắc do Tôn Sĩ Nghị kéo sang, bị anh hùng Nguyễn Huệ đánh tan tác trong mùa Xuân Kỷ Dậu 1789, nằm bên quốc lộ.

Phong cảnh vùng châu thổ sông Hồng khá đẹp nhưng đường sá còn nhỏ và gồ ghề khi từ quốc lộ rẽ vào đường nhỏ để đến Vân Đình. Dọc theo đường có đoạn trồng toàn cây vải đang mùa ra bông làm cho chúng tôi quên đi cái dằn xóc của xe hơi mặc dù đây là loại xe dành cho du khách, có máy lạnh nên đỡ được bụi đỏ dọc đường. Khi thấy đàng xa nhiều cờ xí ngũ sắc và bảng hiệu Bến Đục, vẫn chưa thấy bến nước của suối Yến đâu, mới đến chỗ đậu xe thôi, đó là bến xe Hồng Quang. Trong mùa lễ hội nên bến xe tấp nập đủ loại xe cộ mang bảng hiệu các nơi. Từ bến xe đến bến thuyền khoảng 500 thước, du khách có thể đi bộ để nhìn ngắm hoặc mua bán hàng lưu niệm, đặc biệt là hình tượng,

dây đeo cổ với hình Bồ Tát Quán Thế Âm mà người dân nơi đây tôn kính khẩn gọi là Phật Quan Âm Nam Hải hay bà Chúa Ba. Vẫn có loại xe xích-lô bề ngang khá rộng đủ ngồi hai người dành cho các cụ già yếu, nhưng các cụ vẫn thích đi bộ để dừng lại mua thè nhang đem theo cúng chùa. Các cụ nói khê với nhau: "Đi lễ chùa thì nên đi bộ để trọn lòng thành, ai lại ngồi vắt vẻo trên xe cho người khác đạp... coi sao được". Các cụ nói cũng đúng nên xe xích-lô từ bến xe đến bến thuyền ít chở khách, chỉ chở lễ vật cúng chùa do du khách mang theo thôi.

Bến Yến Vĩ có tên là bến Đục đây rồi! Có phải vì dòng nước đục lờ của Suối Yến, tên từ xa xưa là Đục Khê, mà người dân gọi là Bến Đục?

Vào mùa hội nên suốt hai tháng bến Đục lúc nào cũng có nhiều thuyền nhỏ đậu san sát hai bên bờ. Thời gian lễ hội, phải hơn 500 chiếc đang đậu chờ khách, không kể bao nhiêu chiếc đang ngược xuôi đưa khách vào vùng chùa Hương. Có đủ loại thuyền nan, thuyền nhỏ chèo bằng tay, nhưng người chèo ở đây không đứng cuối rập trên hai mái chèo như trong Nam, mà nơi đây dù là anh thanh niên khỏe mạnh hay cô gái đôi tám hoặc thôn nữ mảnh mai, họ chỉ ngồi để sử dụng bằng hai chân. Cũng có người chèo như trong Nam nhưng đò trên dòng suối Yến vào chùa Hương đa số là chèo bằng chân.

Đi vào Hương Sơn có hai cách: một là đi bằng thuyền nan do người chèo hoặc loại ghe đò gắn máy có mũi, hai là đi bộ dọc theo bờ suối, nhưng đi bộ thì mệt hơn, và lại đến đây phải đi thuyền nan mới biết được thú đi thuyền của vùng này, nên đa số khách phương xa thích chọn đi thuyền nan vì loại này ngồi rất vững, và lại khi ngồi trên thuyền ta có thể chụp hình cả một vùng non nước hữu tình quanh ta cũng như ta sẽ đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác khi thấy những núi đá vôi bị soi mòn tạo thành những ngọn núi nhỏ có nhiều hình thù xinh xắn mang tên: núi Mâm Xôi, núi Con Gà, núi Con Voi, núi Trống, núi Chiêng, núi Thuyền Rồng, núi Con Phượng trên đỉnh có khắc bốn chữ: *Kỳ Sơn Thủy Tú...* Đủ loại danh từ do trí tưởng tượng của người đời đặt ra từ ngàn xưa. Cô gái chèo thuyền bằng đôi chun dèo nhẹ, dáng ngồi thoải mái, nên với đôi tay thông thạo cô chỉ cho chúng tôi và giải thích theo hình dáng ngọn núi với nụ cười xinh xinh, chúng tôi tận hưởng không khí của mùa xuân miền Bắc giữa vùng núi non thanh tú có gió nhẹ mơn man.

Ra khỏi bến thuyền san sát, giờ đây thuyền lướt giữa dòng suối trong vắt không sâu, có thể nhìn thấy cò và các bụi rong cũng như mấy đàn cá con bơi tung tăng. Chúng tôi ngạc nhiên khi thấy vài anh chụp hình chạy theo bờ nước, vì nước cạn, để đón thuyền du khách bấm máy "bô". Các bạn này sống bằng nghề chụp dạo theo dòng suối, họ chụp hình du khách đang ngồi trên thuyền nan, rọi bóng áo màu, áo hoa xuống mặt nước lung linh, phía sau lưng là những rặng núi xanh mây trắng... Biết du khách không thể tự chụp cho mình để ghi kỷ niệm chuyển đi, các bạn chụp lia lịa, họ không bao giờ bị lỗi, vì nửa giờ sau, khi vào đến chùa Thiên Trù, họ sẽ tìm lại du khách có mặt trong hình để trao lại, lấy tiền. Không du khách nào từ chối, vì hình ảnh của ta trong đó, bỏ sao đành, mặc dù đôi lúc có hình không đẹp lắm vì họ chụp bằng máy lấy liền!

Suối Yến được nhiều nhiếp ảnh gia đưa lên bưu ảnh và tạp chí vì đẹp để thơ mộng với dòng nước trong, với hình ảnh của núi non rọi bóng. Vào ngày lễ hội, thuyền nan vào ra còn có thêm màu áo của du khách in lên mặt nước...

Nhưng hình ảnh đẹp đó mau nhạt nhòa vì mái chèo xuôi ngược.

Đọc theo dòng suối là con đường bộ với nhiều người đi trẩy hội. Đường bộ này ngày xưa nhắc nhiều thi vị qua hình ảnh ông quan cỡi ngựa, rồi đến chiếc võng của phu nhân, kế tiếp là cô thiếu nữ áo tú thân, tóc vấn đuôi gà đi bộ trước đôi mắt chăm chú của chàng trai đi sau làm cô gái lính quính, mà thi sĩ Nguyễn Nhược Pháp có bài thơ mô tả:

*" Em đi chàng theo sau,
Nhưng không dám đi mau
Sợ chàng chê em vội.
Số gian nan không giàu... "*

Ngày nay, có nhiều loại thuyền nan đưa người vào chùa vừa mau vừa không mệt nên đường bộ chỉ có các bà cụ áo nâu quần thâm, đội nón lá, chống gậy bước đều, mỗi lần gặp khách từ phía trong ra, các cụ chấp tay chào nhau. Chúng tôi ở xa không nghe rõ nhưng chắc chắn đó là lời chào đầy đạo vị: "A Di Đà Phật". Đẹp biết bao lòng người Phật tử bốn phương, dù không quen nhau nhưng vẫn chào hỏi chân thành vì biết cùng đồng đạo!

Thuyền chúng tôi đến đền Trình trước khi vào chùa chánh. Đền Trình nằm dưới chân núi Ngũ Nhạc. Theo truyền thuyết cũng như theo phong tục, khi khách đến đây phải thắp hương trình với Sơn Thần. Theo người hướng dẫn kể lại, đền Trình trước kia khá lớn nhưng qua thời chiến tranh, quân Pháp phá hủy gần hết, sau 1954 mới xây dựng lại nhưng không đồ sộ như xưa, thế nhưng suốt tháng hội, sân đền lúc nào cũng dập dìu khách hành hương tay cầm hương hoa, khói tỏa mờ mịt.

Lễ đền Trình xong, xuống thuyền, chúng tôi đến cầu Hội, thuộc làng Hội Xá. Cầu dựng cao khỏi mặt nước bằng ba nhịp. Nhịp giữa nằm trên bốn cột tròn nên ở xa trông giống như cái cổng cao cho ghe thuyền dễ dàng qua lại. Cầu Hội nối liền hai bờ tuy giản dị lại đẹp mắt. Đến cầu Hội nhìn về bên trái du khách thấy nơi chân núi đá xa xa có cây cao bóng mát và một mái trắng. Thuyền chúng tôi rẽ vào. Đó là mái che cửa động Thanh Sơn. Động Thanh Sơn tuy nhỏ nhưng ở đây nhũ đá tạo thành nhiều hình thù kỳ bí: những quả dưa, nàng Tiên cỡi thuyền rồng, con rùa đội đá... đều là những hình ảnh tưởng tượng của dân gian. Cô chèo dò nhắc nhở chúng tôi:

- Này, các ông bà chớ xem lâu ở đây, vì còn đi nhiều nơi, e không lên kịp động Hương Tích trưa nay đâu.

Thuyền trở ra cầu Hội và lướt êm ả hướng về phía trong.

Nhìn về phía trước thấy ánh mặt trời xuyên qua màn sương, núi non như mờ ảo hơn, làm chúng tôi nhớ đến bài hát của Hoàng Quý khi còn bé :

*"Thuyền trôi... lướt trên nước xanh... biết bao nhiêu tình...
Con thuyền đưa tôi... đến nơi thần tiên..."*

Suối Yến có đẹp nhưng vẫn phải qua mau để đến bến chùa có tên Bến Trờ. Đây là tên nôm của bến chùa Thiên Trù. Người địa phương quen thuộc với bóng mấy cây cổ thụ in hình trên mặt nước, nhưng đối với chúng tôi lại càng vui mắt vì mùa này hoa gạo nở đỏ ối (trong Nam gọi hoa võng). Lại cảnh bến thuyền đậu san sát, trên bến đá là hàng quán bán những hình ảnh Phật Bà, những xâu chuỗi hạt bằng cây lên nước bóng loáng, những cuốn kinh văn kể sự tích đức Chúa Ba được thiện nam tín nữ bao quanh chọn lựa mua về. Đặc biệt tại bến này có bán một loại rất thông dụng cho cuộc leo núi sắp tới. Đó gậy bằng tre rừng nhỏ bằng nửa cổ tay để khách hành hương chống nương vào gậy leo lên núi

và sử dụng lúc trở xuống. Chúng tôi đã được biết thông dụng của loại gậy nên đến hỏi mua. Tại đây có loại gậy tre còn mới và có loại gậy đã sử dụng rồi. Đó là loại gậy do đám trẻ con bán lại kiếm tí tiền còm. Khi thấy khách hành hương từ trên núi trở xuống, chúng bu lại xin gậy để bán lại cho người đến sau. Không ai muốn giữ lại làm gì nên họ cho trẻ con. Đó là những cây gậy rắn chắc chưa bị tét đầu, chớ loại tre non của chúng tôi sau khi xuống núi đã bị hư hết mấy mấu tre. Ngoài loại gậy tre còn có loại mía đường, vỏ cứng màu nâu sậm được bày bán cũng có thể vừa làm gậy mà khi dùng chân có thể cắn ăn ngon lành. Nhưng hãy coi chừng vì vỏ mía cứng có thể làm bạn mè rắng và nếu vui miệng ăn hết cây mía thì lấy gì để làm gậy chống lên núi?

Từ bến Trờ du khách phải leo một dốc độ vài trăm thước để đến chùa Thiên Trù (có nghĩa là bếp Trời) còn gọi là chùa Ngoài. Đây mới là ngôi chùa đầu tiên của một quần thể chùa và hang động của Hương Sơn. Chùa được xây từ thế kỷ 17, hiện nay còn một tấm bia cổ đề niên hiệu Chính Hòa năm thứ bảy (đời Lê Hi Tông, 1686) ghi lại sự tích ngôi chùa và biết Thiền sư Viên Quang là người có công trùng tu chùa Thiên Trù và sửa sang động Hương Tích thành danh lam thắng cảnh bậc nhất nước Đại Việt. Bia đá cho biết chúa Trịnh Sâm (1767-1782) đã cùng Vương phi viếng chùa Hương và chúa cho khắc chữ: "Nam Thiên Đệ nhất động" trong động Hương Tích. Ngày xưa chùa được xây khuất trong 4 vách núi, có đến vài chục gian nhưng đã bị tàn phá trong chiến tranh. Nam Thiên Môn được xây dựng dưới triều Gia Long (1809) cũng bị phá hủy. Chùa được xây theo kiểu ngũ môn tam cấp. Ngũ môn (năm cửa) là ba cửa ở Tam quan và hai cửa hai bên tam quan. Tam cấp là ba bậc, lên mỗi bậc gặp cái sân rộng. Qua cửa tam quan và qua ba bậc với ba sân thì đến chánh điện (ngôi Tam Bảo). Đằng sau ngôi Tam Bảo là điện thờ Thánh Mẫu, gác Tầng thư, nhà Tổ, nhà Tăng và phòng Quan cư. Bên trái sân chùa có tháp Thiên Thủy (một mòm đá mọc ngược như hình cây tháp) và bảo tháp Viên Công, nơi đặt xá lợi Thiền sư Viên Quang, được chạm khắc rất tinh vi. Bên phải chùa là động Tiên Sơn nổi tiếng với năm pho tượng tạc bằng đá, lại có vài nhũ đá trên vách động, khi gõ vào nghe âm vang như tiếng khánh, tiếng đàn. Quanh chùa là vườn tháp của nhiều vị Sư qua nhiều đời...

Chúng tôi vào lễ nơi chánh điện. Qua các lần bị tàn phá và được trùng tu, hiện nay các tượng Phật, Bồ Tát bằng gỗ sơn, bằng nan tre bọc vải phết sơn dầu, được chạm khắc, tô vẽ rất đẹp để uy nghi và tôn trí trang nghiêm trong ngôi Tam Bảo để thiện nam tín nữ khắp nơi về lễ bái. Hương trầm, khói nhang mờ mịt, tiếng chuông ngân, lời khấn cầu râm ran của Phật tử hòa với lời "kể hạnh" trầm bổng, nói về sự tích đức Quan Âm Nam Hải (bằng máy phát thanh) tạo cho chùa Ngoài một không khí linh thiêng không thể nào quên...

Lễ xong chùa Ngoài, theo sự nhắc nhở của người dẫn đường, chúng tôi vào các quán bên ngoài chùa để ăn cơm mới đủ sức leo núi.

Khác hơn trong Nam, nếu nơi chùa thờ Phật, Bồ Tát thì chung quanh thường bày bán thức ăn chay, nhưng nơi đây chỉ có quán thức ăn mặn, nào là thịt dê, thịt chim, thịt thú rừng nhỏ v.v... Dê là loại dê núi do dân địa phương chăn nuôi mà chúng tôi đã gặp trên sườn núi theo hai bờ suối Yến. Một số du khách cũ ăn thịt dê núi hay thịt rừng, riêng chúng tôi tìm mua xôi gấc, xôi dưa vậy.

Sau khi lễ Phật ở chùa Thiên Trù xong, du khách chuẩn bị leo dốc để vào chùa Trong, đó là động Hương Tích nổi danh. Từ chùa bước qua khu tháp, đã thấy khách hành hương chống gậy leo lên từng bậc đá. Đường dốc lên cao dần nhưng ít khúc khuỷu và bao thiên niên kỷ đã qua, những bậc đá được thiên nhiên tạo và có thêm bàn tay người đời phụ giúp thành những bậc bằng phẳng để đi. Thiện nam tín nữ trẻ hay già đều có thể đi độ hơn tiếng đồng hồ là tới động (chùa trong) tùy theo sức khỏe và nghỉ chân nhiều hay ít dọc theo đường. Đến đây mới thấy cây gậy tre rất tiện lợi, mọi người tựa vào nó bước lên mô đá dễ dàng. Nói thế, chớ lên cao dần độ 100 thước đã thở mệt rồi. Dù đang thở và chăm chú vào bước chân nhưng các cụ bà vẫn không quên chào nhau bằng tiếng "A Di Đà Phật" mỗi lúc gặp các cụ khác từ trên đang chống gậy xuống. Tiếng Mô Phật chào nhau giữa núi rừng tạo ra quang cảnh thành kính. Không còn tiếng đùa giỡn chàm chọc, không có lời cợt nhả dù đoàn người lên hay xuống nườm nượp có nhiều thanh niên thiếu nữ xinh tươi. Trên đường, nơi nào có vồ đá bằng phẳng dưới tàn lá râm mát là có hàng quán bán thức ăn, nước uống, cũng như sách vở kinh kệ và hình ảnh tượng Phật. Như trong Nam, trên đường lên núi Sam (Châu Đốc) hoặc núi Bà Tây Ninh, núi Tà Cú v.v... đều có hàng quán để phục vụ khách hành hương cần nước thấm giọng và nghỉ chân, đường lên núi nơi đây lại xa hơn, nên càng có nhiều hàng quán hấp dẫn du khách đang mệt. Riêng tôi và Tâm Chiếu phải nghỉ đến năm lần mới lấy lại hơi thở và là dịp để ngắm cảnh núi rừng hùng vĩ bao quanh. Có vài quán bán bằng nhựa thêu sẵn bài "Sự tích Bà Chúa Ba" theo lối kể hạnh, và nhờ nơi đây, tôi tìm mua được tập sách nhỏ, cũ xưa, in "Sự tích Bà Chúa Ba diễn ca" bằng lối văn mộc mạc của dân gian theo thể thơ lục bát được truyền tụng qua bao nhiêu thế hệ.

Đi độ 30 phút, du khách thấy xa xa lưng chừng triền núi phía trái bóng ngôi chùa vách trắng, mái ngói nâu dưới lá cờ vuông ngũ sắc. Đó là chùa Giải Oan, bên cạnh chùa có một ao nước trong vắt được gọi là Thiên Nhiên thanh trì. Trước chùa có dòng suối Long Tuyền do nhiều mạch nước chảy về mà ông cha ta tưởng tượng là chín con rồng đem nước về nên gọi là Suối Long Tuyền (suối Rồng). Ai đã đến chùa Hương đi trên suối Yến là phải vào đền Trình thì trên đường lên động chùa Hương phải đến lễ Phật tại chùa Giải Oan, để mong theo truyền thuyết ngày xưa: Công chúa Ba đã đến đây, tắm ở suối này để "tẩy sạch bụi trần" trước khi đến động Hương Tích tu hành đắc đạo thành đức Quan Âm Nam Hải. Ngày nay du khách cũng như các cụ thành tâm đứng nhìn suối khẩn vái thôi chớ không được lội xuống. Chúng ta có thể múc nước rửa mặt cho mát với lòng thành rửa hết nỗi oan khiên nghiệp chướng để quyết theo Phật đạo hầu thoát nhẹ đi kiếp người vô thường nhiều khổ não này. Gần chùa Giải Oan có động Tuyết Quỳnh (còn có tên Tuyết Xinh) và am Phật Tích. Gọi tên Phật Tích vì ở đây có tảng đá trên có dấu chân nhỏ tương truyền là dấu chân của Phật Bà chùa Hương.

Giã từ chùa Giải Oan ta trở lại đi thêm một quãng để đến chùa Hương. Trên đường sẽ qua đền Trấn Song, tục gọi Cửa Vông, thờ Bà chúa Thượng Ngàn (bà chúa Rừng). Đền có tên Cửa Vông vì ngày trước nơi đây có dây mây đan chằng chịt như vông. Thi bá Chu Mạnh Trinh đến đây đã mô tả:

Bầu trời bát ngát xa trông

Vông Trời rũ xuống mấy vòng thuốt tha...

Chúng ta đi thêm khoảng 20 phút để đến động Hương Tích (chùa Trong). Gần đến, du khách vẫn chưa thấy chùa, phải men theo vách đá, nhưng rất dễ đi vì rộng rãi mặc dầu nhiều tầng đã bị nhấn bóng dưới hàng triệu chân người từ bao thế kỷ đến nay, rồi lại leo thêm mấy mươi bậc đá xây, có tay vịn để lên trên cao, nơi có cổng đá cổ kính.

Cố gắng lên hết những bậc đá, du khách được đón gió núi thổi về để rồi khoan khoái đọc hai câu đối khắc trên hai cột cổng:

Nhứt lộ Hương Sơn thùy vạn thế,

Tam quan cổ động vĩnh thiên xuân.

Tạm dịch:

Một lộ Hương Sơn dài muôn thế,

Tam quan động cổ lưu ngàn năm.

Câu đối không biết ai là tác giả nhưng cổng tam quan có ghi ngày xây là năm Giáp Dần 1914. Bước qua cổng du khách nhìn xuống thung lũng sâu thấy hiện ra một động lớn, một động đẹp không thể tả được bằng ngôn ngữ, cho là máy quay phim, máy chụp ảnh cũng không lột được cảnh này một cách xác đáng, chỉ có người hành hương đến nơi, thấy tận mắt, hít thở không khí tại đây mới cảm nhận cái hùng vĩ của nơi mà Phật tử trong nước hay du khách mong được đến chiêm ngưỡng.

Động quá to rộng với ánh sáng lung linh mờ ảo nhờ ánh nắng mặt trời xuyên qua những tầng lá rậm rạp phía trên. Đứng trên cao, du khách chưa trông thấy hang ngách bên trong, chỉ thấy nơi cửa động phía dưới đã có hàng ngàn người đốt hương lễ bái. Trên tam quan, nơi du khách đứng có nhiều cỗ thụ che mát cửa động. Cây đã sống bao nhiêu năm tháng? Chắc rằng bao thế kỷ đã qua. Những cỗ thụ này có nhân duyên được sống cạnh thắng tích thiêng liêng để chứng kiến hàng triệu con tim thành kính lễ bái mà chúng chẳng cần nhìn cuộc đời vô thường đổi thay bên dưới núi.

Du khách theo 120 bậc cấp bằng gạch đi xuống động. Nhiều bậc gạch nhẵn lì và trơn trượt vì khí ẩm ướt quanh năm của sương núi nên phải đi dò từng bước cẩn thận. Hôm nào có mưa lại khó đi hơn, những ngày đó như để thử lòng thành của thiện nam tín nữ...

Muốn biết cái khó khăn của sự lên xuống 120 bậc đá này như thế nào đối với các cụ già mộ đạo, tôi xin đơn cử: Để có đoạn phim kỷ niệm mà bối cảnh là cửa động này, tôi phải bước xuống cửa động trước, đạo hữu Tâm Chiếu đứng trên cao quay xuống mới thu hết về hùng vĩ của động và tôi đang cùng thiện nam tín nữ lễ bái bên dưới. Mọi người trông nhỏ xíu. Sau đó tôi lại bước trở lên để quay phim Tâm Chiếu đang đi xuống. Có đi lên, đi xuống như thế mới cảm phục các cụ đang lò dò gậy tre, bước từng bậc trở lên, miệng làm thầm câu A Di Đà Phật...

Vào cửa động đã thấy trên vách đá phía trong 5 chữ Hán văn: Nam Thiên Đệ Nhất Động. Hang động sáng mờ mờ lung linh huyền ảo nhờ ánh mặt trời xuyên qua cành lá và nhờ những ngọn đèn điện treo khuất sau những mô đá tạo cho du khách cảm tưởng như vào một nơi thiêng liêng khác cõi tục. Động rất to rộng, thoáng mát nhưng khói nhang trầm vẫn bay tỏa mù mịt khắp hang. Tiếng đọc kinh, kể hạnh, tiếng nguyện cầu rì rầm lẫn trong tiếng chuông ngân. Điện thờ chánh nằm sâu phía trong. Thiện nam tín nữ trước khi lên chân tới đó sẽ thấy nhiều thạch nhũ trên cao rũ xuống cũng như nhiều mô đá nhô lên muôn hình muôn vẻ, màu sắc biến ảo mà theo óc tưởng tượng người đời đặt tên: Đụn

Gạo, đụn Tiên, cây Vàng, cây Bạc, hòn Cật, hòn Cô... Hòn đá tròn như hòn Cật, hòn Cô nhẵn bóng hơn các mô đá khác vì theo tín ngưỡng dân gian, các bà hiếm con đến đây cầu tự. Các bà vuốt ve hòn Cật, hòn Cô van vái, mong cho đức Phật ban cho một cậu hay một cô, cũng như nếu người muốn cầu xin có tiền tài thì đến vuốt ve cây Vàng, cây Bạc, muốn chăn nuôi thì đến bên hòn Buồng tằm, Nong kén... tùy theo lòng tin tưởng thành kính của họ. Trên trần còn nhô ra nhũ đá hình thành chín đầu rồng rất sinh động được gọi là tòa Cửu Long... Đẹp vô cùng, nên thi bá Chu Mạnh Trinh đã để lại mấy vần thơ sinh động:

*Đệ Nhất động hỏi rằng đây có phải?
Nhác trông lên ai khéo họa hình
Đá ngũ sắc long lanh như gấm dệt
Thăm thẳm một hang lồng bóng nguyệt
Gập ghềnh mấy lối uốn thang mây...*

Chúng ta bước đến điện thờ lung linh mờ ảo khói hương. Điện chỉ thờ đơn giản vài hình tượng nhưng rất đẹp. Trên cao là Phật Quán Thế Âm nghìn mắt nghìn tay. Tượng sơn màu cánh kiến nâu ửng vàng lấp lánh, cạnh bên có tượng Ngọc Nữ dâng trái đào. Phía dưới là tượng Bà Chúa Ba. Tượng Bà Chúa Ba (lúc còn là công chúa Diệu Thiện) rất sống động, hình dung một thiếu nữ xinh đẹp đang đứng, đầu đội mão công chúa, gương mặt trái soạn phúc hậu, thùy mỵ, áo dài tay rộng thướt tha. Đặc biệt các chùa Phật miền Bắc chúng tôi đi hành hương đều không thấy tượng đức Quán Thế Âm lộ thiên, tay cầm nhánh dương liễu, tay có tịnh bình cam lồ như trong miền Nam, mà các chùa chỉ thờ Phật Bà qua hình tượng Thiên Thủ Thiên Nhân. Ngoại trừ lúc ngang đền Cửa Vọng tôi được thấy một tượng Quán Âm lộ thiên duy nhứt bằng thạch cao trắng, khoác áo choàng xanh được thiện nam tín nữ dâng cúng.

Dù miễn mộ động Hương Tích huyền diệu, du khách phải rời động để bước trở lên tam quan, về với trần thế. Quanh động còn nhiều chùa, đền, nằm ẩn hiện trong rừng trái mơ như chùa Hình Bồng, đền Mẫu Hạ, rồi núi Thuyền Rồng, chùa Tuyết Sơn có động nhỏ tên Ngọc Long.

Trên đường xuống núi, du khách được chào mời mua hàng. Người bán biết tâm lý du khách hành hương đều muốn có quà lưu niệm (cũng đôi khi gặp sách in từ Sài Gòn mang ra hay hình Bồ Tát Quán Thế Âm bọc nhựa sản xuất ở... Chợ Lớn). Du khách chỉ nên mua đặc sản của vùng Hương Tích là vài mảnh gốc mơ già để pha nước uống, hay những quả mơ dầy cùi, hạt nhỏ. Trái mơ ở đây do chất đất của vùng núi đá vôi nên hương vị độc đáo, quả chín có vị ngọt chua mà không chát. Chọn mơ mua để làm quà hãy nhờ bạn bè rành rẽ nơi đó chọn lựa mới khỏi làm loại mơ vùng khác mang đến. Và du khách miền Nam chớ mua rau sống chùa Hương như sách vở đã nhắc đến thi hào Tản Đà thích ăn, vì làm sao chúng ta mua đúng loại rau sống để khỏi làm?

Chúng tôi trở lại chùa Thiên Trù xuống lại bến Trò, may mắn gặp cô chèo thuyền nan ban sáng. Cô lại có dịp giới thiệu chúng tôi: Nếu còn thời gian trở lại đây đi theo một nhánh của suối Yến đến thăm núi Ông Sư Bà Vải, nơi đó có chùa Long Vân, chùa Cây Khế, hang Sùng Sầm... Nhưng chúng tôi hẹn dịp khác vì trong tâm trí chúng tôi, chắc như nhiều thiện nam tín nữ khác, đang có tâm hồn lâng lâng



Có một Đòng sông

*Thở ấy một mùa Xuân nắng ấm
Mẹ ngồi trang điểm để sang sông
Các cô khúc-khích cười trên chèo
Giọt lệ vu-quy ướt má hồng.*

*Con thuyền hoa đậu chờ nơi bến
Đợi đóa hoa xuân gác mái chèo
Mẹ bước ngập ngừng trên xác pháo
Xuống thuyền bao ánh mắt trông theo.*

*Thế rồi từ đấy từng năm tháng
Mẹ nổi trôi theo những cánh bèo
Mẹ dắt con về thăm quê ngoại
Vầng trăng tròn trước vẫn còn treo.*

*Thuyền đời chở mẹ bao nhiêu chuyến
Qua những dòng sông lạ bến bờ
Mẹ vẫn mỉm cười coi thế-sự
Thăng-trầm như những truyện trong mơ.*

*Mẹ gom góp hết bao tâm-huyết
Để lại cho con một nu hồng
Rồi mẹ một mình như thỏ trước
Tìm về bến đậu một dòng sông.*

*Dòng sông ngăn cách bờ mê giấc
Nơi có con thuyền vượt bến mê
Con thuyền Bát-Nhã thuyền không đáy
Chở mẹ qua sông một cõi về.*

(Trong: Mẹ Tôi!)

thoát tục với ấn tượng được đến chốn Thiên Thai ngay trên trần gian và mang theo trên đường về hình ảnh đầy thi vị của chùa Hương, hình ảnh đức Quán Thế Âm Thiên Thủ Thiên Nhân, hình ảnh bà Chúa Ba dịu hiền trong lớp áo Công chúa Diệu Thiện, cũng như còn nghe văng vẳng tiếng chào nhau đượm tình Phật đạo của các cụ già trên đường leo dốc... nhắc nhở mọi người hãy mau thanh lọc thân tâm... -



Bồ Tát đưa thơ

● Hư Thân Huỳnh Trung Chánh

Hung cầm thơ mẹ trên tay thật lâu, nghe lòng thương yêu tràn ngập, rồi mới từ từ mở ra nghiền ngẫm từng dòng chữ ngọt ngào của mẹ. Mẹ là nhà giáo, chữ viết của bà đều đặn mẫu mực mà vẫn mang nét ẻo lả mềm mại dịu hiền của người đàn bà Đông phương thuần hậu. Bà thường gói ghém tình thương của mình vồn vện trong hai trang giấy, nâng niu gửi đến con những lời thăm hỏi sức khỏe, nhắc nhở con gìn giữ đạo đức gia phong, khuyên con nhớ đi chùa lễ Phật..., bà tuyệt nhiên chẳng bao giờ kể kể những chuyện thị phi, chuyện làng trên xóm dưới, cũng không bao giờ đòi hỏi con cung cấp tiền bạc. Ngay trường hợp lâm bệnh thình lình, tiền bạc eo hẹp bà vẫn lặng lẽ chịu đựng chớ chẳng hề thở than khiến con cái phải bận tâm lo lắng. Dầu biết nội dung thơ cũ rích nhưng chàng vẫn nôn nóng mở thơ, đọc những dòng chữ thương yêu của mẹ, để đón nhận tình mẫu tử dạt dào vượt qua bờ đại dương sang ấp ủ chàng. Ngờ đâu lần này thơ bà có vẻ khác thường, chẳng những dài đến bốn trang, mà cũng không có những cụm từ thương nhớ dặn dò thường nhật. Thơ viết:

“Con thương!

Đạo này, bỗng nhiên mẹ hay vớ vẩn nhớ nghĩ mông lung về thời còn bé bỏng xa xưa, nhớ tha thiết chuối ngày ông ẹo trong vòng tay ông bà ngoại, tại ngôi nhà ngói âm dương, vách ván, tợ lạc cạnh dòng sông Dinh thơ mộng, thuộc huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình. Ở đó, tháng nào vào ngày mười bốn và ba mươi, mẹ thường được ngoại dẫn đi chùa Giác Hải, nơi mà mẹ đã được Hòa Thượng Tâm Thành quy y từ thuở mới lên năm. Ngoại đã đưa gia đình rời Bồ Trạch vào Sài Gòn sinh sống từ năm 1954, khi mẹ mới vừa tròn bảy tuổi, nên quê hương mà mẹ thương mẹ nhớ có thể nói chính là ngõ hẻm chợ Vườn Chuối, là quận Ba với các con đường Phan Đình Phùng, Cao Thắng..., mẹ chẳng hiểu biết gì về nơi chôn nhau cắt rún tại vùng đất Quảng Bình khô cằn xa xưa ấy. Do đó, khi tham dự chuyến hành hương thập tự tại các thị xã Huế – Đà Nẵng do nhóm “Phật tử lão niên” chùa Ấn Quang tổ chức, tuy mẹ đã đọc kỹ chương trình thấy có tiết mục ngoạn cảnh động Phong Nha, một kỳ quan của đất nước thuộc huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình, mà mẹ vẫn vô tình chẳng mấy may liên tưởng gì đến nơi chôn nhau cắt rún của mình. Mãi đến khi theo phái đoàn chiêm bái chùa

Thiên Mục, trầm lặng nhìn dòng Hương Giang, bỗng nhiên ký ức thuở ấu thời bất thành linh hiện về khiến mẹ nôn nao nhớ đến ngôi chùa Giác Hải êm đềm. Chùa ấy cũng soi bóng trên một dòng sông - sông Dinh -, một dòng sông thơ mộng chẳng kém Hương Giang là mấy. Thật ra, vào ngày xưa đó mẹ ngây thơ khờ khạo nào có hiểu biết gì về chùa, về đạo, nhưng những trái chuối, chén chè, nắm xôi... mà quý Thầy nâng niu trao cho “con bé mồm mím” là những hình ảnh gợi thương gợi nhớ đã bùng dậy mãnh liệt khiến mẹ xúc động nghẹn ngào. Từ đó, mẹ thấp thỏm ăn ngủ không yên, ước mong có cơ hội ngắm nhìn lại ngôi chùa ngày xưa.

Sáng hôm sau, trong khi chuẩn bị theo đoàn hành hương xuống thuyền máy tiến vào động Phong Nha, mẹ bỗng đổi ý, bỏ chuyến du ngoạn, âm thầm thuê chiếc xe ôm, tìm đường về đến chùa Giác Hải. Thật khó tưởng tượng, cái gọi là ngôi chùa, chỉ là một ngôi nhà lá lụp xụp nép mình thoi thóp trên mảnh đất hoang phế khô cằn. Chùa vắng tanh, lạnh lẽo. Tìm mẹ quận thất xót xa. Mẹ thỉnh chuông và thấp nhang lễ Phật. Một ngôi tượng cô đơn, hư hoại loang lổ, bị phế bỏ lãng quên bao tháng năm dài vẫn khắc khổ chịu đựng và vẫn an nhiên hiện hữu ở chốn nầy. Chiêm ngưỡng tượng Phật, mẹ chìm đắm trong suy tư mệnh mang quên mất cả thời gian không gian, hốt nhiên mẹ cảm thấy tượng Phật sống động hẳn lên, Phật trao cho mẹ nụ cười thanh thoát. Thì ra, trong hoàn cảnh nào, thời điểm nào Phật vẫn hiện hữu như như tự tại ban phát lòng từ bi vô lượng cho chúng sanh các loài, cho mẹ. Nước mắt ràn rụa, niềm xúc động ngập tràn nghẹn ngào, rồi trong giây phút thiêng liêng đó, mẹ chợt ý thức trách nhiệm của mình với ngôi chùa năm xưa, nên thành tâm phát nguyện sẽ xả thân mình để bảo trợ cho việc trùng tu đạo tràng nầy.

Sau giây phút bốc đồng phát nguyện, mẹ mới giật mình suy nghĩ lại và nhận thấy rằng lời nguyện đó viển vông không phương cách nào thực hiện nổi. Ôi! Một mình mẹ làm sao đảm đương nổi trọng trách nầy! Mẹ có uy tín gì để kêu gọi quyên góp, mẹ quen biết bao nhiêu người đâu? Mẹ lại chẳng quen thuộc chốn nầy? Chẳng biết chùa do cá nhân hay cơ quan nào quản lý? Vị Trụ Trì là ai? Có đạo tâm không? Mẹ đang phân vân tự hỏi mình thì có vị Sư trẻ hấp tấp bước vào chùa. Sư ngạc nhiên trước người khách lạ, và tỏ ra ái ngại về sự lơ là chậm tiếp đón khách phương xa. Sư cho biết, thật ra, Sư có nghe tiếng chuông nhưng tưởng rằng người Phật tử địa phương đến công quả lễ bái, và vì đang bận rộn chăm sóc mấy luống khoai sắn vừa bén rễ ở sau chùa, nên ráng lo cho xong việc mới vào. Thái độ ân cần lịch thiệp, và uy nghi đĩnh đạc của Sư cũng khiến mẹ ngạc nhiên không kém.

- Xin lỗi, dường như Thầy không phải là dân địa phương?, mẹ dò hỏi.

- Kể ra thì tôi chỉ có chút xíu gốc gác Quảng Bình mà thôi. Nguyên ông cố nội tôi, là người làng Sơn Trạch, huyện Bồ Trạch, tổ đơn thân rời quê vào Nam lập nghiệp tại tỉnh Bình Dương từ thời Pháp thuộc, con cháu sau nầy

chỉ nghe nhắc nhở tên ngôi làng tổ tiên, chớ chẳng ai biết được điều gì khác cả. Tôi sanh trưởng tại Thủ Đức, xuất gia tại chùa Vạn Đức, và chỉ được Thầy gởi đi tu học các Phật Học Viện miền Nam, nên địa phương nầy cũng xa lạ lắm. Tôi vân du lang thang đây đó, rồi quyết định dừng chân ở chốn nầy chưa tròn một năm, đạo hữu ạ!

Tình cờ gặp một tu sĩ miền Nam tại xứ lạ, lòng mẹ nổi lên niềm vui như tìm được người bà con thân thuộc, mẹ tíu tít: “Thảo nào, tôi thấy phong thái của Thầy khác hẳn với những tu sĩ miền nầy! Lạ quá...!”. Mẹ thật thà định hỏi: “Sao Thầy không chọn thị tứ nào phồn thịnh để dựng chùa, mà lại thua thiệt chui vào chốn khỉ ho cò gáy đói rách như thế nầy?”, nhưng mẹ ngưng lại kịp, nên ơ...ơ kéo dài rồi lên tiếng: “Ồ! miền đất nầy khô cằn đá sỏi! Thầy lại là người Nam cô đơn, không thầy bạn, không thân nhân thì làm sao mà có thể sống nổi ở chốn nầy?”.

Thầy mỉm cười hỉ xả đáp:

- Kể ra nếu đặt vấn đề “sanh sống làm ăn” thì quả thật muốn sống còn ở đây cũng gian nan lắm, nhưng nếu nghĩ đến chuyện tu tập thì nơi nào cũng tốt, nơi nào chẳng là đạo tràng phải không đạo hữu?

- Ồ! Nhưng chắc phải có duyên có gì đặc biệt lắm Thầy mới “trụ” ở đây chớ?

Thầy ngạp ngừng, trầm ngâm khá lâu mới chậm rãi lên tiếng:

- Chuyện dài dòng và cũng có thể nói là lạ lùng hy hữu, nếu đạo hữu tò mò thì tôi cũng sẵn lòng kể rõ.

- Dĩ nhiên, là con tò mò lắm rồi!

Thầy mỉm cười:

- Đúng như đạo hữu đã biết, nếu không do nghiệp duyên chiêu cảm, nếu không được Long Thần Hộ Pháp dắt dẫn, thì chắc hẳn tôi đã không đến chốn nầy. Chuyện khởi đầu, là vào mùa kiết hạ năm trước, bỗng dưng tôi lại nảy ý xin an cư tại chùa Trúc Lâm, Huế. Khi lễ Hòa Thượng Bổn Sư xin phép lên đường, Hòa Thượng đang lơ đãng, đang đưa chiếc võng bỗng cất tiếng bâng quơ: “Gặp Phật lễ Phật, gặp tổ lễ tổ!”. Chẳng biết đó là nói vô tình hay một lời dặn dò cho riêng tôi như một thứ công án nào chăng? Tôi ngỡ ngợ câu nói có nét tương tự như công án “Gặp Phật giết Phật, gặp tổ giết tổ” của Thiền tông, nhưng chưa kịp thỉnh ý thì Bổn Sư lại vui vẻ chỉ mô hình chùa Vạn Linh, núi Cấm, Châu Đốc rồi nói tiếp: “Khi cần, khi gặp thuận duyên thì mình cũng nên phục hưng sự nghiệp của chư tổ! Con ạ!”. Thầy đưa tay tiễn khách, tôi ra đi với nỗi niềm thắc mắc giăng giăng. Mùa kiết hạ sắp hoàn mãn, liền tiếp ba đêm cuối cùng tại chùa Trúc Lâm tôi đều chiêm bao thấy rõ rệt Đức Quán Thế Âm Bồ Tát hiện đến khuyên bảo: “Con hãy mau mau về Bồ Trạch làm Phật sự để hoàn thành lời phát nguyện của con từ kiếp trước!”. Tôi vốn không tin mộng mị, nhưng giấc chiêm bao cứ hiển hiện rõ ràng trong tâm khảm, khiến tôi cũng phân vân. Do đó, khi khóa hạ chấm dứt, thay vì trở về Thủ Đức như dự tính, tôi thuê chiếc xe đạp đùn rũi về phương Bắc, với túi lương khô dự phòng. Rồi Huế, một thị xã sùng đạo, đến Quảng Trị, tôi nhận thấy sinh hoạt Phật giáo tương đối đã suy yếu, rồi khi bước

vào địa phận tỉnh Quảng Bình, tôi mới choáng váng khám phá rằng đạo Phật ở đây có lẽ đã biến dạng tự bao giờ. Dường như, phần đông dân địa phương chưa hề thấy bóng dáng chùa chiền, họ nhìn lữ khách áo lam với ánh mắt xa lạ, vừa nghi ngại, vừa lạnh lùng. Tôi viếng thăm các huyện Quảng Ninh, Lệ Thủy, Phong Lộc, Bố Trạch, tỉnh lỵ Đồng Hới, với tâm trạng hững hờ chưa xót.

Một hôm, tôi đang ngồi thọ thực lương khô dưới bóng cây bên đường quê, ngoại ô thị trấn Hoàn Lão, bỗng có một gã trung niên sồng sộc bước tới, hẩn chằm chằm nhìn tôi oang oang cất tiếng: “Này anh! Anh làm nghề Sư hử?”. Tưởng gặp phải công an, và bị đặt vấn đề hành đạo trái phép, tôi dè dặt đáp: “Đúng vậy, tôi là tu sĩ ở thành phố Hồ Chí Minh. Tôi chỉ du lịch tỉnh Quảng Bình vài ngày mà thôi”. “Ừ! Vậy thì anh phải đi theo tôi mới được!”. Thấy tôi ngần ngừ, anh ta nắm áo tôi nói một hơi: “Nội tui! Tuổi già cú để rồi! Ông bệnh liệt giường gần ngủm tới nơi mà lại sanh tật nhứt định đòi phải gặp Sư Thầy thì mới chịu chết! Tôi hỏi thăm lung tung chẳng ai biết, may tôi thấy anh mặc áo kỳ lạ nầy, hỏi nhóng chừng, dè dàu lại đúng! Vậy anh theo tui đi gặp ông nghen!”.

Nghĩ đến nguyện vọng tha thiết của người sắp chết, nên dù trong lòng vẫn e ngại gặp rắc rối bởi luật lệ “tự do tôn giáo”, tôi vẫn lót tót bước theo anh ta.

Cụ Năm, lão già bệnh hoạn tuổi đã ngoài 90, đang nhắm mắt nằm im lìm dán xuống giường như một cái xác khô đét, quây quần bởi đám con cháu vài mươi người, vừa nghe báo cáo tìm được nhà Sư, bỗng mở choàng đôi mắt tinh anh nhấp nháy ra dấu mời tôi tới gần.

Tôi lên tiếng: “Tôi xin tụng một thời kinh cầu an! Cụ nhé!”.

Cụ không trả lời, mắt đăm đăm nhìn tôi, rồi bỗng chớp tay kính cẩn: “Con cảm tạ Bồ Tát!”.

Tôi hoảng hốt dính chánh: Tôi chỉ là một tu sĩ tầm thường, xin cụ gọi tôi là Sư chú được rồi!”.

Cụ thều thào: “Thầy là Thanh Phong phải không?”.

Tôi ngạc nhiên lặng người, đáp lí nhí: “Pháp danh tôi là Hoàng Nghiệp, còn Thanh Phong chỉ là bút hiệu khi còn trẻ! Sao cụ biết?”.

Ông cụ cười, mà nước mắt cụ ràn rụa - trông ông cụ khỏe và tươi tỉnh hẳn ra – cụ không màng lý sự với tôi, chớp tay kính cẩn: “Con cảm tạ Đức Bồ Tát Quán Âm đã đáp ứng nguyện cầu của con, đã dẫn dắt thầy Hoàng Nghiệp đến gặp con trong giờ phút tối hậu nầy!...”, rồi hướng mắt sang tôi, cụ nói tiếp: “Bồ Tát Quán Âm đã báo mộng cho tôi về Thầy. Thầy ạ! Tôi có tâm nguyện cứu mang bao năm nay không giải bày cùng ai được, nên dầu bệnh hoạn già yếu khổ sở mà vẫn gắng gượng sống lây lất cho đến giờ nầy. Nay Bồ Tát đã dẫn dắt Thầy hiện diện đúng lúc cho tôi có thể ủy thác tâm nguyện của mình. Tôi thỉnh cầu Thầy hứa khả việc nầy hầu tôi có thể yên tâm nhắm mắt lìa đời!”.

Tôi ngần ngừ: “Miễn là việc cụ nhờ không trái đạo lý và không vượt quá khả năng của tôi, thì tôi sẽ cố sức mình hoàn thành tâm nguyện cho cụ!”.

Cụ trăm ngâm giây phút rồi kể lễ: “Bốn mươi năm về trước, hoàn cảnh tu tập vô cùng khó khăn. Chùa chiến bị theo dõi, Phật tử tránh né chẳng ai dám lai vãng. Rồi Sư Ông Giác Hải bị gán tội phản động, gởi đi học tập, ngôi chùa bị xâm chiếm biến thành trụ sở Ủy Ban Nhân Dân, tượng Phật, tượng Tổ bị vất ra ngoài hè chờ ngày hợp dân lại đập phá. Thương thầy, thương chùa, mến đạo... tôi đón đầu tội cùng nhưng bề ngoài vẫn giữ thái độ vô tâm, ngay đối với vợ con cũng dè dặt chẳng hé môi than thở. Một hôm, có người bạn nói khổ, cùng đi chùa lễ Phật với tôi từ xưa, đang phục vụ trong quân đội nhân dân, mang quân hàm Đại úy thuộc Sư đoàn 19 đóng tại Thanh Hóa nghe tin Sư Ông lâm nạn trở về làng tìm hiểu sự tình. Anh gặp tôi dò hỏi, lúc đầu tôi lững lơ “không thấy, không nghe, không biết”, nhưng anh cứ vặn hỏi mãi nên sau cùng đành tiết lộ hết sự thật. Dựa vào quân hàm, anh ta mạo hiểm tìm đến trại cải tạo thăm nuôi Sư Ông. Trở về, anh cho biết, Sư Ông già yếu khó sống sót, Sư Ông trần trời ủy thác chúng tôi bảo vệ tôn tượng chờ ngày trùng tu chùa, hưng long đạo pháp, ngoài ra, Sư Ông cũng tha thiết dặn dò chúng tôi rằng trong hoàn cảnh Phật Pháp bị cấm đoán hủy hoại như thế nào, chúng tôi cũng phải gắng sức thăm giữ lục tự Di Đà trong lòng. Mấy ngày sau đó, trời đổ giông, mưa cuốn cuộn như thác đổ, cơ nguy lũ lụt sắp diễn ra. Lợi dụng tình trạng cán bộ các ngành nhốn nháo lo bảo vệ nhà cửa vợ con họ, trụ sở Ủy Ban Nhân Dân bỏ ngỏ, chúng tôi lên vào mang tượng Phật, tượng tổ xuống xuống chỗ đi. Bơi lang thang khá lâu mà chẳng tìm được địa điểm nào an toàn để cất giấu, cuối cùng tôi đành bậm gan mang về nhà, khoét một ngách sâu dưới ao, bọc tượng bằng vải áo mưa, vùi vào đó. Vài tháng sau Sư Ông qua đời, anh Thanh Phong bạn tôi bị Chính ủy Trung đoàn kiểm thảo về vụ thăm nuôi Sư Ông, đoạn bị đưa vào Nam công tác rồi tử trận vài năm sau đó. Trong mấy chục năm nay, lời dặn dò của Sư Ông Giác Hải tôi vẫn canh cánh bên lòng, nhưng tôi chỉ có thể chuyên cần niệm Phật ngày đêm, còn chuyện trùng tu lại ngôi chùa xưa thì hoàn toàn vô vọng: Tôi chẳng biết tiến hành cách nào? Bàn bạc với ai đây? Khi đất nước vừa thống nhất, lợi dụng lúc đi thăm đứa con đang công tác tại thành phố Hồ Chí Minh, tôi có viếng vài ngôi chùa, tiếp xúc vài tu sĩ, hy vọng tìm được người có thể đảm trách công việc trùng tu, nhưng họ tỏ vẻ sợ sệt nghi ngại, nên tôi đành im lặng. Thế rồi, tôi chỉ biết ngày đêm niệm Phật A Di Đà và chí thành khẩn cầu Bồ Tát Quan Âm gia bị cho công cuộc trùng tu chùa Giác Hải, và nhiều lần, trong chiêm bao tôi đã được Bồ Tát an ủi và khuyên bảo hãy bình tĩnh đợi chờ Thanh Phong trở lại gánh vác trọng trách này...”

Ngay khi ông cụ kể đến giai đoạn dầm mưa bão mang tượng đem đi giấu, tôi bỗng nhiên thấy hiển hiện trước mắt tôi diễn biến của tiền kiếp với từng chi tiết nhỏ, và hiểu rõ Thanh Phong ngày đó chính là tôi chớ chẳng là ai khác. Thảo nào, thuở nhỏ, tôi có niềm thích thú đặc biệt với hai tự Thanh Phong nên mới đặc ý chọn làm bút hiệu của mình. Chẳng chút ngần ngại tôi đáp: “Thanh

Phong đã trở lại, dĩ nhiên là Thanh Phong sẽ nhận lãnh trách nhiệm. Thanh Phong sẽ xả thân nầy để trùng tu lại chùa Giác Hải, xin người bạn năm xưa hãy vững tâm”.

“Đa tạ Thanh Phong! Có thể nào Thanh Phong cho tôi nhìn lại pho tượng Phật ngày xưa, trước khi lia đời chẳng?”.

Không cần ai chỉ dẫn, tôi vội vã đưa đám thanh niên con cháu chủ nhà ra bờ ao, dưới gốc sung, nhờ họ đào sâu chừng hai thước đã khám phá ngay bảo vật trong lớp vải bọc mục nát, nhưng hai pho tượng bằng gỗ mít, chỉ bị phai màu, và lốm đốm loang lổ mà thôi. “Gặp Phật lễ Phật, gặp tổ lễ tổ”, tôi quì xuống đánh lễ rồi cung thỉnh tượng vào nhà cho cụ già gia chủ chiêm ngưỡng.

Cụ Năm được đỡ ngồi tựa vào gối, rạng rỡ ngắm tượng. Cụ yêu cầu tôi tụng thời kinh Di Đà, sau đó tôi hộ niệm cụ Niệm Phật. Tiếng niệm Phật của cụ nhỏ dần, nhỏ dần, rồi lặng yên. Cụ ra đi thanh thản, mặt mày tươi tỉnh, và cho đến khi tắt liệm, đỉnh đầu vẫn ấm áp, thân thể vẫn mềm dịu. Tôi tin chắc rằng cụ đã vãng sanh về cõi Tây Phương Cực Lạc. Nhờ đám con cháu cụ, có người đang giữ chức vụ quan trọng trên tỉnh, và huyện vận động, và cũng nhờ chánh sách chiêu dụ du khách về thăm động Phong Nha, nên khuôn viên chùa xưa được hoàn trả lại, và mười tháng sau thì ngôi chùa lá đơn sơ đã được dựng nên...

- Phật tử ở đây có lẽ chẳng mấy người mộ đạo phải không Thầy? Chắc họ cúng dường tẻ lăm, nên cả năm mà Thầy chỉ dựng được mái lá sập xệ như vậy?

- Thật ra, phần lớn tài chánh dựng ngôi chùa tạm nầy là do con cháu cụ Năm yểm trợ, còn dân chúng quanh đây nghèo kiệt xác, mình đâu mong họ cúng dường, chỉ mong họ thỉnh thoảng lai vãng tới chùa để tụng kinh, nghe pháp... nuôi dưỡng đạo tâm mà thôi. Đạo hữu biết không? Đã quá nhiều năm xa vắng đạo pháp nên họ đã mất niềm tin, họ nghi ngờ băng quơ, lo ngại tốn kém nên mời họ đến chùa gian nan lắm! Họ viện dẫn đủ mọi lý do để từ chối. Tôi phải thực hành tứ nhiếp pháp, thăm nom săn sóc họ khi ốm đau, tặng họ viên thuốc cảm, một cục xà-bông... tôi cũng theo họ ra đồng chuyện trò vừa tiện tay giúp họ nhổ cỏ, cấy lúa... nên dần dần tạo được mối tình thân rồi mới hướng dẫn Phật Pháp cho họ được. Hiện giờ, vào ngày lễ sám hối nào cũng có hơn hai mươi người tham dự, trong đó có một thanh niên vừa ngộ ý xin xuất gia vào mùa Phật Đản sắp tới.

- Thầy có dự định xây chùa lại cho khang trang không Thầy?

- Chuyện trùng tu là sở nguyện của Thầy, nhưng hiện giờ Thầy chưa dám nghĩ tới. Có hai chuyện thiết thực mà Thầy muốn hoàn thành trước. Trước nhất là cần có một Đại Hồng Chung. Tiếng chuông ngân bành bạc khắp thôn làng, sẽ đi sâu vào lòng người và khơi dậy hạt giống Phật trong tàng thức họ. Điểm thứ hai là Thầy mong hội đủ tịnh tài hàng tháng tổ chức cơm chay vào hai ngày lễ sám hối, mời Phật tử tham dự miễn phí tạo cho họ cơ hội gần gũi với chùa, với Phật...

Thầy trò thân mật bàn bạc đông dài cho đến xế trưa, người tài xế xe ô-mi đứng giờ hẹn rước mẹ về tỉnh lỵ đã lấp ló ngoài cổng, mà mẹ vẫn quyến luyến chưa muốn rời chùa. Thầy biết ý mẹ nên mời mẹ và cả người tài xế ở lại dùng cơm. Thầy lúi húi nhúm lửa, vo gạo nấu cơm, rồi ra sau chùa, hái ớt bí, ớt lang vào luộc. Mẹ vừa ái ngại vừa xót xa, tội nghiệp hoàn cảnh đơn chiếc cục nhọc của Thầy, muốn đỡ dần Thầy một tay, nhưng cái bếp "hẹp té", chẳng có chỗ chen vào thành thử chẳng có cách nào tiếp giúp cả. Có lẽ, hiểu bụng dạ của mẹ, Thầy cười hề hà trấn an:

- Nấu cơm là chuyện bình thường của Thầy mà, đừng ngại. Thầy vẫn thường nấu cơm mời người dân què ăn cơm chùa với Thầy cho vui! Ở nước Chúng Hương, Đức Phật và chư Bồ Tát cũng mời Phật tử ăn cơm, quý Ngài thuyết pháp bằng thức ăn rất hiệu quả, đạo hữu ạ!

- Thưa thầy! Con hiểu ý Thầy rồi! Con sẽ ăn bữa cơm tỉnh thức, lợi lạc như nghe pháp vậy!

Bữa cơm thanh đạm, nhưng có lẽ đây là buổi cơm chay ngon nhất đời của mẹ, vì tất cả các món ăn: cơm, ớt bí, ớt lang, tương hột, cà pháo muối dưa đều đượm nhuần một hương vị đậm đà đặc biệt mà ít khi mẹ có phúc duyên cảm nhận: đó là đạo vị.

Khi chia tay ra về, mẹ quyến luyến chào Thầy, và chân thành nói:

- Thưa Thầy! Con cũng có liên hệ đến ngôi chùa Giác Hải ngày xưa, con nguyện tích cực góp phần trùng tu chùa. Khi về thành phố con sẽ vận động thân hữu yểm trợ việc đúc chuông và tịnh tài cho phần cơm chay hàng tháng tại chùa. Con hy vọng sẽ sớm liên lạc với Thầy báo cáo kết quả.

Mẹ vét hết tiền mang theo, sau khi giữ lại vừa đủ phần tiền trả chuyển xe ô-mi, được năm trăm ngàn đồng, trao hết cho Thầy:

- Còn tạm thời con xin cúng dường Thầy số tiền mọn này!

Thầy lắc đầu:

- Thầy rất tán thán công đức của đạo hữu! Tuy nhiên, vì số tiền tương đối lớn Thầy khuyên đạo hữu nên suy kỹ lại, đừng do xúc động nhất thời trước cảnh chùa nghèo xác xơ mà cúng quá sức. Nếu vì cúng dường mà tạo ra những khó khăn tiền bạc cho gia đình thì nên bớt lại, cúng dường vừa phải thôi!

Mẹ hơi ngạc nhiên, và hơi bất mãn vì chưa bao giờ gặp trường hợp "quá dè dặt" như thế này, có lẽ Thầy nghi tiền này lai lịch bất chính chăng? Mẹ đáp nhanh:

- Con không bốc đồng đâu Thầy! Con đã suy nghĩ rất kỹ và cúng dường theo khả năng của gia đình con! Nếu Thầy nghi ngại lai lịch tiền thì con xin thưa rõ đây là tiền rất sạch do nghề nghiệp chân chánh làm ra! Con xin Thầy yên tâm nhận cho!

- Xin đạo hữu đừng hiểu lầm! Chẳng qua vì Đức Phật dạy tu sĩ chỉ nhận cúng dường vừa phải như loài ong hút nhụy mà không làm phương hại đến hoa. Do đó, dẫu chùa nghèo và cần tiền, Thầy cũng không nỡ gây phiền

toái cho những Phật tử hảo tâm có thể lâm vào cảnh khó khăn chật vật vì cúng dường mà thôi!

Về thành phố, khi nghe mẹ kể lại hành hoạt của vị tu sĩ trẻ giàu lòng từ bi, chấp nhận nếp sống cô đơn, đói rách tại một ngôi chùa lá tồi tệ để hoàng dương Phật Pháp, các thân hữu ai cũng xúc động, và ai cũng sẵn sàng đóng góp ít nhiều cho chùa Giác Hải. Tuy nhiên, giới thân hữu của mẹ toàn là các nhà giáo hữu trí, phần lớn sống cảnh chật vật gói ghém ăn tiêu, nên dù họ có mở rộng cõi lòng, chung sức gom lại cũng không đáng kể. Mới hôm qua đây, Thầy Hoàng Nghiệp có thông báo mẹ rằng pháp huynh của Thầy, trụ trì một ngôi chùa tại Tiền Giang, vừa ủng hộ chùa Giác Hải đại hồng chung cũ, vì chùa nầy vừa đúc một đại hồng chung mới lớn hơn. Như vậy, số tiền quyền góp của mẹ tuy ít ỏi nhưng đã dư thừa cho Thầy Hoàng Nghiệp tổ chức cơm chay cả năm rồi.

Mối ưu tư lớn của mẹ, là yểm trợ Thầy Hoàng Nghiệp xây dựng lại ngôi chùa nếu không khang trang, thì tệ nhất cũng lợp mái ngói, lót gạch, có kệ thờ, chuông mõ, kinh sách... như thuở xưa. Mà muốn được như thế, thì tiền tặn tặn cũng phải có một ngân khoản từ mười đến hai mươi ngàn dollars. Số tiền này dân què Quảng Bình đào bới đâu cho ra, còn mẹ dẫu có đi ăn xin trọn kiếp cũng chẳng thấm tháp gì! Khi mẹ bạo gan phát nguyện với Phật tổ, thì mẹ đã nghĩ đến con rồi. Hưng ơi! Con ráng giúp mẹ nghe con!

...

Hung xúc động bồi hồi, thương mẹ thật là thương! Mẹ chưa bao giờ đòi hỏi con cái điều gì, nay bà đã lâm vào hoàn bất đắc dĩ phải lên tiếng cầu cứu như thế này, có lẽ cũng khổ tâm lắm. Hưng hiểu rằng mẹ rất thiết tha và mong đợi từng giờ từng phút tin mình, do đó, tuy chẳng mấy hứng thú với việc xây dựng chùa chiền, hoàng pháp, quyền góp cúng dường..., Hưng vẫn tức tốc gửi điện thư về cho mẹ, chàng bảo đảm sẽ có đủ ngân khoản cho việc trùng tu chùa trong vòng vài tháng nữa.

Sau khi hăng hái hứa hẹn mạnh dạn cho mẹ yên tâm, đến lúc bắt đầu suy nghĩ hoạch định chương trình hành động, Hưng mới chới với chẳng biết phải làm cách nào cho ổn. Thỉnh thoảng, khi không tránh né được, Hung buộc lòng đóng góp linh tinh cho chùa chiền, nhưng đích thân lập danh sách lạc quyền thì chàng hoàn toàn chưa kinh nghiệm. Chàng đành tìm đến cụ Sáu, bác Gia trưởng Gia Đình Phật Tử ngôi chùa địa phương ấp ứng xin vấn kế. Sau khi nghe Hưng kể chuyện về vị tu sĩ trẻ miền Nam theo tiếng gọi của tiền kiếp đến vùng què Quảng Bình dựng mái chùa lá hoàng pháp, bác Sáu cảm động cất tiếng tán thán:

- Hy hữu! Hy hữu! Đúng là chùa đất Phật vàng, chùa nghèo Tỳ kheo đức hạnh! Thực tế là như vậy đó chú em ạ!

Tuy nhiên, khi Hưng "gạ" bác chủ trì việc lập danh sách bảo trợ thì bác từ chối quyết liệt, mời làm cố vấn bác cũng quây quây lắc đầu: "Khó lắm! Khó lắm!", rồi trầm ngâm khá lâu, bác mới ôn tồn giải thích:

- Mấy năm nay tại Âu Mỹ, chùa chiền mọc nhiều như nấm, mà chùa nào cũng xây dựng vĩ đại trị giá cả triệu

dollars và đã thường xuyên thống thiết kêu gọi Phật tử đóng góp, nên họ đã mỗi mồn lăm rôi. Do đó, tuy số tiền hai mươi ngàn dollars đối với bên này chỉ là một khoảng tiền bé nhỏ, nó chưa đủ chi phí để tráng xi-măng cho bãi đậu xe của một ngôi chùa bình thường, huống hồ gì là một ngôi chùa nguy nga đồ sộ, nhưng muốn lạc quyền được số tiền nhỏ này đâu có dễ dàng. Thời buổi này muốn vợ vét tiền thiên hạ, nẻo chánh là phải do các bậc đại tôn sư, danh tiếng vang rền, trong buổi họp mặt đông đủ những nhân vật tiếng tăm, đích thân kêu gọi thì mới hiệu nghiệm, còn lấp lửng đường tà thì phải có hơi hướm thần bí linh thiêng, có bùa chú vẽ rỗng vẽ rắn để chữa bệnh, cầu tài, mua may, bán đất thì mới ăn khách. Xem ra, lục đục thường tài như chú em dẫu có đi mò mấy đôi giày, nói sùi bọt mép thì giỏi lắm góp nhóp được vài ngàn đô là tận cùng rôi!

Thấy Hưng lộ vẻ chán nản, bác Sáu an ủi:

- Tôi phân tách cho chú em nghe chơi nhằm nhắc nhở chú em hiểu đó là chuyện khó khăn vậy thôi. Phần chú em, chú em phải can đảm đứng ra gánh vác việc lạc quyền này chớ! Mình lo cho chùa mà, miễn là vận dụng hết sức mình là đủ, kết quả không thành vấn đề, được bao nhiêu cũng quý giá cả! Phần tôi, tôi sẵn sàng cúng dường một trăm đô đây, xin chú cầm lấy!

Thực trạng còn tệ hơn bác Sáu đã dự đoán. Hưng viết thư ngỏ trên mạng lưới, gửi điện thư vi vút, điện thoại lia lịa, rồi bên chí đi gõ cửa khắp nơi bắt chặp quen lạ hơn hai tháng trời, mà chỉ gom góp được một ngàn năm trăm đồng. Bí lối, chàng phải “quyền biến” xử dụng vài tấm ảnh chụp hình trại cùi, trại tế bần, trại cô nhi... rồi mở “chiến dịch tình thương” lạc quyền tiền cứu trợ. Phương pháp này “ăn khách” với người Việt lẫn dân địa phương nên có mời khảm khá. Trong vòng một tháng chàng đã kiếm kê được gần bốn ngàn đồng, nhưng “nguồn tài nguyên” khai thác cũng sắp cạn rôi. Trong thâm tâm, Hưng muốn xuất tiền túi, bù thêm cho đủ mười ngàn gửi về Việt Nam cho tròn lời hứa với mẹ, nhưng bà xã chàng vừa nghe chồng “nói bóng gió xa gần” đã giẫy “dong đồng” như đĩa chạm phải vôi, rồi hét toáng lên:

- Ối giời! Bộ anh điên hả! Tiền bạc không dám ăn xài, lại đòi đem đi vất ngoài cửa sổ! Lan nói cho anh liệu đấy nhé! Một trăm đồng Lan cũng không đồng ý nữa, anh đừng mơ mộng bạc ngàn! Anh mà đụng tới tiền tiết kiệm hả! thì mạnh đường ai nấy đi đó!

Dĩ nhiên là Hưng không đủ can đảm chọn “con đường tự do”, chàng thua buồn ủ rũ, cố gắng tìm một giải pháp nào khác để khỏi thất hứa với mẹ, nhưng càng suy nghĩ càng thấy vô vọng. Tối hôm đó, Hưng vô tình nghe một chuyên viên tài chánh, bạn của bà xã, điện thoại gạ gẫm nằng nằng đầu tư vào thị trường chứng khoán. Vụ gạ gẫm này chẳng đi đến đâu, bởi lẽ, dù cô chuyên viên tài chánh tài ba kia chiêu dụ cách nào, vẽ vời viễn ảnh giàu sang như chớp ra sao, cũng không thể khiến cho vợ chàng, một chuyên viên thượng thặng chuyên bảo vệ kết sắt, động lòng nhả ra xu nào đầu tư cả. Thế nhưng, cuộc đối thoại đó lại ảnh hưởng đến chàng. Hưng nghe ngóng nhóm công ty liên hệ đến mạng lưới đang lên nên liêu lĩnh mang tất cả số tiền lạc quyền được, âm

thầm mua chứng khoán XYZ một hãng hoạt động về mạng lưới. May mắn làm sao là chỉ trong vòng hai tháng, chứng khoán đó lên vù vù, vốn lời đến hai mươi tám ngàn, khiến chàng thích chí quá chẳng muốn bán ra tí nào, nếu không có thơ mẹ thúc hối. Hú hồn hú vía, chỉ mấy ngày sau đó thị trường chứng khoán nói chung bỗng tuột dốc thê thảm, riêng XYZ thì tụt như chiếc dù đứt dây rơi vùn vụt, từ hai trăm nhảy xuống một trăm, rồi rớt mãi tới mức hai mươi đồng mới tạm du đưa ở đó. Ôi! nếu chàng chậm chạp thì giờ đây chắc có nước độn thổ trốn biệt tâm biệt tích, chớ tiền bạc của thiên hạ đóng góp lỗ thua lỗ hết thì biết làm sao giải thích ổn thỏa cho mẹ, cho bạn bè hiểu thấu. Kết toán vụ đầu tư chứng khoán đây lợi lạc, Hưng giữ lại phần tiền dự trừ trả thuế, cộng với hai ngàn lộ phí, vẫn còn lại trên hai mươi ngàn cho việc trùng tu chùa. Hưng gửi điện thư thông báo cho mẹ thành quả lạc quyền, hẹn sẽ mang tiền về nước vào một ngày rất gần. Sau khi chuẩn bị tinh thần thật kỹ, Hưng ung dung về nhà, khui lon bia, nhắm nháp lai rai, ngồi rung đùi cười khà khà khoe vợ:

- Hên quá xá là hên! em ơi! Sáng nay thằng Bob giới thiệu cho anh một lão cựu chiến binh Mỹ đã từng chiến đấu tại Việt Nam tánh khí rất lạ đời. Lão vừa nghe anh tả oán cảnh chùa chiến bị bom đạn tàn phá hư hoại liền động lòng ủng hộ ngay mười lăm ngàn. Chuyện dị kỳ là hần nhút định ẩn danh, căn dặn anh thật kỹ là không để tên hần, cứ ghi bùa một tên Việt nào đó, Tí, Ngọ, Mẹo, Dậu gì cũng được, miễn là anh phải đích thân về nước quay phim phát quà, sửa chùa cho lão thấy là tốt rôi! Anh ngần ngừ đòi giới thiệu người khác thay mặt nhưng lão nằng nặc nói chẳng tin ai, mới là chuyện rắc rối chớ!

- Về thì về! Cứ trích ra một ít trong số lạc quyền làm chi phí, chớ có hại gì đâu?

- Ấy! Anh thấy lão xài sang nên giả vờ bàn ra: “Tao tính không đi vì muốn tiện tận tiền lạc quyền đến mức tối đa. Minh chuyển tiền về cho người trong nước lo thì có lợi hơn nhiều”. Lão nghe anh nói như vậy, ký ngay cái chi phiếu hai ngàn đồng nữa ra lệnh: “Mấy cầm tiền này làm sổ phí, đừng nói dài dòng nữa!”.

- Trời ơi! ngon lành như vậy mà anh chưa chịu đồng ý tức khắc sao?, bà vợ hỏi dồn.

- Dĩ nhiên là anh chớp ngay cơ hội bằng vàng này chớ! nhưng anh nghĩ hai ngàn thì nhiều quá. Anh định về nước xài tiện tiện, khi trở qua sẽ mang trả lại ông ta phân nửa!

- Cái gì mà nhiều! Du tiền thì lấy vé máy bay cho em đi theo, em cũng thích làm phước lăm chớ bộ! À! còn vụ đúng tên cúng dường thì sao? Anh định chọn tên nào vậy anh?, nàng trỏ giọng không nhẽo.

Hưng ra dáng lúng kùng, đáp:

- Lúc đầu anh có ý để tên anh, nhưng tên anh thì lão ta biết, thằng Bob biết, nên không ổn. Thôi thì anh mượn đỡ tên em vậy!

Hưng cầm bảng danh sách ân nhân bảo trợ chia ra:

- Nè! Em xem kỹ hàng cuối cùng kia! Đường như ai mang tên Diệu Soie Thái Lan gì đó phải không? Ý quên! Hi... hi...! Xin lỗi! Hi... hi! Rõ ràng là tên bà Diệu Gấm Thái Cẩm Lan chỉ ủng hộ “xỉu xỉu” mười lăm ngàn đô thôi! kinh thật!

Thấy vợ thộn mặt khoái trá xem tới xem lui bảng danh sách, Hưng mỉm cười lẩm thẳm: “Điều này rồi đây bảng công đức và hình ảnh tác oai tác phúc của nàng có lẽ sẽ được lộng khung treo đầy nhà quá!”.

*
* *

Vợ chồng Hưng hí hửng mang tiền về đến phi trường Tân Sơn Nhứt. Gia đình bên vợ ở nước ngoài, bên chàng chỉ còn cha mẹ, và gia đình cô chú. Chuyển đi của vợ chồng Hưng cũng đột xuất nên chàng đinh ninh sẽ chẳng có mấy người đón rước. Chẳng ngờ, ngay khi còn đang làm thủ tục tại quầy hải quan, Hưng đã thấy lối nhỏ đông đảo bà con xa gần xông vào vây tay chào đón. Bước ra cửa, bà con xúm xích, mạnh ai nấy reo vui chúc mừng khiến Hưng xúc động, lính quính chẳng biết ai hỏi câu gì, và nên trả lời ai trước nữa. Cô con dâu thoi thới lướt nhanh tới trước, thân thiết ôm chầm bà già chồng. Bà già xúc động: “Nhờ hai con mà ước mơ của má thành tựu khiến cho má vui sướng quá chừng hà! Niềm vui của má trở nên vô tận khi má biết rằng chính hai con đã phát tâm đóng góp phần lớn cho công cuộc trùng tu chùa, công đức vô lượng này hiếm có người làm được, a con!”.

Hưng thì thào: “Đó là ý kiến của Lan! Đó là tiền mà Lan đã cực khổ làm giờ phụ trội cắt ca cắt củm để dành đó má!”. Bà già tròn xoe đôi mắt trân trối nhìn cô dâu, nét cảm phục lộ hẳn ra ngoài. Lan ứng đối thật nhanh, nàng thỏ thẻ: “Chuyện nhỏ mà má! Miễn má vui thì anh Hưng vui, và như thế thì con mãn nguyện rồi! Má biết hong! Anh Hưng đi làm về là xách sổ đi đến tối mịt mấy tháng trời, không ăn uống ngủ nghỉ gì được, khiến con xót xa quá chừng hà!... Bởi vậy, vừa nghĩ đến nguyện vọng của má khó thành, vừa thương chồng cực khổ, con mới xúi ảnh lấy đại tiền tiết kiệm bù vào cho xong, má ạ!”. Nói đến đây coi bộ Lan cảm động thật tình, nước mắt rưng rưng, khiến bà già chồng cảm kích cũng khóc ồ ồ... Nhóm đông bu quanh, ai cũng tranh nhau buong lời tán tụng, đưa Lan đến tận mây xanh, khiến Hưng lúng búng lổ tai, hoa cả mắt, chẳng biết người con gái đó có phải đúng là vợ của chàng không nữa? Bỏ mặc cho đám đàn bà tí tê tâm sự với nhau, ông già đưa Hưng đi chào cảm ơn đám thân hữu hiện diện, đặc biệt có người hoàn toàn lạ mặt: Những cụ ông cụ bà thuộc Hội Tương Tế Quảng Bình, mà mẹ mới truy tầm ra trong thời gian gần đây. Hưng hỏi nhỏ: “Ủa! Ba nói mình không mời ai kia mà?”. “Ủ! Thì tuy mình nhứt quyết như vậy, nhưng mẹ con dò kỹ danh sách cúng dường thấy vợ con dám chi một số tiền lớn lao, bả hãnh diện quá bèn cầm tờ giấy đi khắp hang cùng ngõ hẻm trong thành phố khoe khoang con dâu với bà con cô bác, thành thử mới xảy ra tình trạng tề tựu đông đảo như thế này”.

Khởi đầu chỉ là chuyện “Của người mà phước ta”, Lan được mọi người khâm phục tán thán nên phải ráng hành động chứng tỏ mình hiểu thảo, rộng rãi, giàu tình thương, khiêm cung, tóm lại nàng đúng là phản ảnh của mẫu người đạo đức thứ thiệt đã nhẹ nhàng cúng dường một số tiền to mà chẳng chút bận tâm. Do đó, Lan bỗng trở nên có những quyết định rất ngoạn mục. Nàng mở rộng hầu bao, mua nguyên gói du lịch mời cha mẹ chồng cùng đi Vịnh Hạ Long, Phong Nha, Huế, đoạn dừng

chân tại Quảng Bình, tham dự các chương trình do Thầy Hoàng Nghiệp đã tổ chức theo yêu cầu của Hưng: phát quà tại trại cùi, trại dưỡng lão, trại khuyết tật, trại cô nhi, và cuối cùng là buổi lễ then chốt: “Lễ đặt viên đá đầu tiên trùng tu chùa Giác Hải”. Cũng chính Lan bao hai chiếc xe 55 chỗ ngồi cho thân hữu được miễn phí đi tham dự các buổi lễ chánh thức tại Quảng Bình, chương trình còn ưu ái kèm theo mục hành hương thập tự tại Đà Nẵng và Huế cho ai ai cũng thỏa mãn tối đa. Trong các chương trình phước thiện, Lan chẳng những không hề “tác oai tác phúc” như Hưng dự tưởng, mà lại dịu hiền thương yêu thăm hỏi, thân mật chăm sóc mọi người, nàng xử sự tự nhiên ngọt ngào như dòng nước êm ả tắm mát lòng người. Trong các chương trình phước thiện và nhất là trong buổi lễ khởi công trùng tu chùa, nàng luôn luôn được mọi người niễ nở và tán tụng là bậc đại thí chủ, nhưng nàng luôn luôn khiêm cung không dám nhận vinh hạnh đó.

Trong khuôn viên chùa Giác Hải, khi bị mời lên phát biểu ý kiến với tư cách vị đại thí chủ, Lan ngượng ngập ấp úng:

“Kính thưa quý Thầy. Kính thưa quý ông bà cô bác. Con không dám nhận là đại thí chủ vì thật ra thì con không có lòng, cũng không có đạo tâm... hành hạnh bố thí như quý vị thương đã ban cho con. Trước đây con không biết gì là cúng dường, là bố thí cả. Nhờ theo chồng về nước con mới mở mắt ra và hiểu biết phần nào. Con học rất nhiều từ mẹ chồng con và của tất cả quý vị về tấm lòng thiết tha đối với đạo pháp, về tấm lòng thương yêu đùm bọc những kẻ bất hạnh. Con mới chính là người đang thọ ơn và vì lẽ đó con xin có lời chân thành cảm tạ. Con cảm tạ tất cả mọi người và đặc biệt là mẹ chồng con đã tạo cho con cơ hội để nhìn thấy và lắng nghe bao điều khổ đau bất hạnh trên đời, nhờ vậy lòng con mới mở rộng ra...”

Lời phát biểu mộc mạc, chẳng có xử dụng ngôn từ nhà Phật nào to tát, nhưng lại gây xúc động sâu xa trong lòng người. Tiếng vỗ tay kéo dài, có kẻ quá cảm kích còn cất tiếng hoan hô, lại có người buột miệng tán thán: “Con người dịu hiền, khiêm cung làm sao! Nhỏ tuổi mà biết bố thí không phân biệt, biết hành hạnh Bồ Tát, thật là việc hiếm có!”.

Sau phần nghi lễ là phần cơm chay tự chiêu đãi do Phật tử chùa Giác Hải tổ chức. Vợ chồng Hưng cầm đĩa thức ăn hòa nhập với nhóm Phật tử địa phương nghe họ kể chuyện bước đầu dựng chùa. Thầy Hoàng Nghiệp vô tình đi ngang bỗng dừng lại, hỏi một Cư sĩ trọng tuổi, gây yếu, nước da tái mét: “Bác Đạo khỏe chưa? Nghe bác bị lụt cuốn suýt chết phải không?”.

- Thưa Thầy! Con khỏe ạ! Thưa Thầy, con đi bằng rừng mấy mươi năm nay, gặp lũ lụt là chuyện thường nên không đến nỗi nguy hiểm Thầy ạ!

Lan tò mò:

- Xin lỗi bác làm nghề chi ạ?

- Tui là bưu tá đưa thư, cô ạ!

- Nghề phát thư sao phải lội rừng vậy? Bác đi rừng bằng xe jeep hay SUV?

Thấy ông ta ra vẻ lúng túng chẳng biết giải thích cách nào cho cô Việt kiều hiểu rõ lẽ lối hành nghề phát thư trong rừng núi, Thầy Hoàng Nghiệp vội đỡ lời:

- Bác Đạo đây là người phát thơ thuộc huyện Bồ Trạch, nhưng bác thuộc tuyến đường đặc biệt là các thôn xã cực kỳ hẻo lánh của người thiểu số nằm rải rác trên những đỉnh cao của dãy Trường Sơn, không có đường giao thông thuận tiện, chỉ có thể lội bộ, băng rừng, trèo đèo, lội suối... hàng mấy ngày trời mới có thể giao được một phong thơ mong manh cho người nhận!

- Ô! Nguy hiểm quá! Muỗi cắn chết luôn á!

- Muỗi mòng đen ghệt thì làm sao mà tránh cho khỏi! Cô coi da tui vàng khè như vậy nè! Đã sốt rét kinh niên như thế này, đâu còn sợ muỗi nữa, miễn là dự trữ đủ ký-ninh để uống khi lên cơn sốt là được rồi. Tui chỉ phải cẩn thận tránh hùm beo rắn rết, còn lũ lụt thì nó ập đến bất ngờ, thoát phen nào hay phen nấy cô ạ!

- Ghê quá! Bác thoát nạn mấy lần rồi? Làm sao mà thoát được vậy bác?

- Lớn nhỏ chừng mươi lần, nhưng chỉ có một lần suýt chết. Lần đó, mưa dầm cả tuần, nước ngập mông mênh, tui mắc võng trên cành cao, cột cứng thân mình trên đó cho khỏi té. Tui treo tồn ten như vậy, chịu đựng mưa gió, dới rá rượt đến năm ngày đêm, nước mới rút dần. Tui ráng lê lét leo xuống, lồm bồm mò tìm vài cành lá rừng không độc để nhai cầm súc, rồi cố gắng tiếp tục lên đường.

- Tội quá! Bác làm việc khổ cực như vậy, mà họ trả lương mỗi tháng bao nhiêu hả bác?

- Năm 1994 tui lãnh 15.000 một tháng. Bây giờ lương khá hơn, được 440.000 đồng, tính ra cũng gần được 30 đô cô ạ!

- Trời đất ơi! Với 30 đô thì bác làm gì để sống?

Bác Đạo nhe hàm răng cái còn cái mất nở nụ cười dễ dãi đáp:

- Cũng vừa đủ tiền mua rượu cho tui uống ấm bụng trong khi đi đường, và nếu có dư chút đỉnh thì tui mua kim chỉ, luỡi câu, thuốc cầm, thuốc rét... làm quà cho những kẻ trên non cao.

Thấy Lan vươn đôi mắt tròn xoe nhìn mình, bác Đạo xề xòa tiếp lời:

- À! Tui may mắn có được bà xã đảm đương bán buôn đủ sống rồi, nên đâu cần tiền bạc gì thêm nữa a cô!

- Lạ quá! Bác phải làm việc quá ư khổ cực, tiền bạc lại không ra gì! Sao bác không nghĩ quách đi cho rồi?

- Vợ con tui đều nói y như cô vậy đó. Tui thấy họ nóng lòng thúc hối mãi nên chiều ý đệ đơn xin nghỉ hàng mười lần, nhưng lần nào cũng tình nguyện đi làm lại, bởi vì Bưu Điện huyện không tìm được ai chịu thay thế tui đi tuyến đường này cả! cô ạ!

- Tìm không ra người thì họ ráng chịu chứ! Bác hơi sức đâu mà lo?

- Lo lắm chứ cô! Không ai mang thơ lên cho dân tộc thiểu số trên non thì tội nghiệp họ quá đi! Cô biết không thơ nào đối với họ cũng có tầm mức quan trọng cả. Như mới đây, có điện tín báo tin người con trai ở bản Kờ Ru đang làm việc tại Thanh Hóa lâm nạn. Tui phải tức tốc mang điện tín đi suốt ngày đêm không nghỉ lên cho họ. Tới nơi chưa kịp lấy sức thì lại phải dẫn đường cho họ đi Tuyên Hóa để họ kịp thời thấy mặt con lần cuối. Những

tin tức cần thiết như vậy, không mang lên cho họ thì sao đành bụng, cô ạ!

Bác Đạo bỗng ngưng lại, ngẩng nhìn về những ngọn núi xa xa, rồi mới chậm rãi nói lời:

- Thời chiến tranh, tui đã từng sống ở vùng rừng núi đó, xóm nào, bản nào tui cũng thân thiết. Ai tui cũng thương như cha mẹ anh em, đi phát thơ cho họ tui cứ coi như đây dịp tốt để tôi thăm bà con, tạo cho họ niềm vui vậy thôi! Tui nào cảm thấy khổ sở gì đâu? Mai đây, dẫu có ngày nào trên đường phát thơ bị gục ngã chết bở chết bụi, tui cũng cam lòng.

Thầy Hoàng Nghiệp tuy bận tiếp tân hàng quan khách, nhưng có lẽ vẫn lắng nghe cuộc đối thoại, Thầy bỗng tới gần chấp tay long trọng xá bác Đạo, rồi ôn tồn cất tiếng:

- Bác Đạo ạ! Bác là người mang tâm lượng của bậc bồ tát! Tôi rất khâm phục, nên xin có lời tán thán bác!

- Tội con quá Thầy ơi! Con chỉ làm việc phát thơ bình thường thôi! Con đâu có xây chùa, phát chẩn bố thí, cúng dường trai tăng mà được Thầy quá khen như vậy!

- Bác Đạo ạ! Thật ra mình chẳng có thể đánh giá nghề nào là tầm thường cả! Đắp đất xây cầu tầm thường không? Nhưng đó cũng là hạnh nguyện của Ngài Trì Địa Bồ Tát. Còn phát thơ như bác, xả thân mang tin tức cho người mà không vì danh vì lợi, cũng là hạnh nguyện của Bồ Tát chứ sao!

Lan bỗng nêu thắc mắc:

- Theo Thầy thì những đạo nghiệp như xây chùa, phát chẩn, cúng dường trai tăng có thể đương nhiên coi là hành vi Bồ Tát không?

- Có thể có cũng có thể là không! Mình không thể hời hợt nhìn bề ngoài để phán đoán được. Một đạo nghiệp lớn nếu phát xuất do lòng thành, không làm vì danh vì lợi thì đó là Phật sự, là hành Bồ Tát đạo, ngược lại, nếu thúc đẩy bởi danh lợi mà hành động là đã bỏ Phật để hội nhập với ma, hành ma đạo rồi.

- Eo ơi! Phật với Ma chỉ khác nhau tí xíu hả Thầy!

- Đúng vậy đó, đạo hữu. Ma với Phật chỉ khác nhau một niệm mà thôi! Bởi vậy Sư Phụ thầy thường nhắc nhở chúng đệ tử là phải luôn luôn cẩn mật quán sát mình, kéo suốt đời ra về hùng hục làm Phật sự mà thật ra đã mọc nanh Ma Vương tự lúc nào!

(Tháng 8.2004)

Lời cuối truyện:

Truyện này được viết với lòng thành kính tán thán một nhân vật có thực: Ông Nguyễn Duy Đạo, nhân viên hợp đồng của Bưu điện huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình. Theo ghi nhận của báo Lao Động (được Việt Báo, xuất bản tại Nam Cali ngày 25.8.2002 đăng lại), trong hơn 10 năm ròng rã, băng đèo, trèo đèo, lội suối, chịu đựng nhiều lần lạc đường, lũ lụt, cộp beo tấn công..., trong cơn đói lả, sốt rét hành hạ, Ông vẫn trì chí bươn bả một thân một mình lầm lũi giữa những con đường không mấy ai dám đi để mang thơ đến các thôn bản xa tít tắp trên rẻo cao, vách núi tai mèo ở vùng biên... cho các sắc dân: Ma Coong, Krai, Mày, Vân Kiều, Khùa... Ông Đạo chỉ được trả đồng lương vừa đủ tiền uống rượu ấm bụng trong khi đi đường (chưa đầy 30 dollars vào thời điểm năm 2002), nhưng ông vẫn vui vẻ hoàn thành sứ mạng của mình. Ông không thể nghỉ được bởi vì: "Bà con thương tui như rứa, làm rằng tui nghỉ việc được. Mà nếu tui nghỉ việc e không có ai thay tui. **Thiệt e không có ai ...**".



● Truyện: Phù Vân

Dũng ngồi trầm tư trên ghế trong phòng khách, vốn đã rộng, sau khi Quyên bỏ đi lại trở nên trống vắng hơn. Cái cảm giác này thật tình Dũng đã cảm nghiệm từ lâu, nhưng hôm nay mới trở dậy. Dũng nghĩ, chắc tại hôm qua tình cờ gặp lại Quyên trong cửa hàng thực phẩm Việt Nam khi anh đi mua sắm bánh trái và những thức cần thiết để chuẩn bị đón Tết.

Dũng reo vui thật sự khi gặp lại Quyên:

-Ô! Quyên, mạnh khỏe chứ em?

Quyên vẫn giọng lạnh lùng:

-Vâng cảm ơn anh đã có lời thăm hỏi. Em vẫn vậy?

Quyên chỉ liếc nhìn Dũng thật nhanh và vờ quay mặt đi chỗ khác như thể đang tìm kiếm món hàng nào đó.

Dũng cố gắng tạo sự gần gũi thân mật, giọng vẫn nồng ấm:

-Vẫn vậy là như thế nào? Coi bộ em vẫn còn hận anh! Nếu một ngày nào đó em hiểu ra được sự thể thì em sẽ cảm thông và khoan thứ cho hành động của anh, lúc đó anh sẽ đón em trở về như cũ...

Quyên quay lại nhìn thật sâu vào mắt Dũng hình như để đo lường hư thực trong lời nói của anh, nàng hỏi:

-Anh cũng đi sắm Tết. Độ này thấy anh tiến bộ dữ ha...

Biết nàng nói móc, nhưng anh vẫn nhẹ nhàng:

-Không có em, cái gì anh cũng đâm ra quờ quạng cả.

Dần dà rồi cũng quen trong thiếu thốn...

Rồi Dũng lắc đầu:

-Và lại hôm nay anh phải mua một vài thức cần thiết vì chiều mai anh phải chở con bé Natascha đi đón mẹ nó về. Mẹ nó được trả tự do. Nếu như có em đi theo thì thì...

Quyên đưa tay ra chặn lại, giọng vẫn pha chút hờn ghen:

-Anh vẫn còn nặng nợ nần với người đàn bà này nhĩ... và ngay cả với đứa con gái của cô ta nữa?

Dũng vẫn dịu giọng:

-Xin em hiểu...

-Em hiểu, thế cho nên em mới bỏ đi!

Rồi Quyên vội vàng ra đi. Thế là Dũng mất cơ hội giải bày...

Thực ra Dũng đã giải bày với Quyên nhiều lần hồi hai người còn sống chung, nhưng nàng vẫn khăng khăng không chịu nghe. Bởi vì...

**

Khi Dũng trở lại nhiệm sở sau kỳ nghỉ hè thường niên, anh rất ngạc nhiên khi thấy nhiều nam đồng nghiệp trẻ tuổi tụ tập trong văn phòng anh trước giờ làm việc. Đây là một điều khác thường, Dũng biết rõ những người này thường hay đổ kỵ với anh, vì khác màu da chủng tộc thì ít, mà vì cái chức vụ của anh hiện tại thì nhiều. Gặp lại anh, họ chào hỏi như thông lệ rồi lặng lẽ trở về phòng riêng. Người duy nhất còn ngồi lại trong phòng là một cô gái tóc vàng có nhan sắc. Hẳn đó là lý do làm cho phòng của anh nhận nhiệm vụ khác thường. Dũng biết, cô ta là thư ký mới của anh được công ty tuyển dụng để thay thế cho bà thư ký Steffi đến tuổi hưu. Cô vội vàng đến bắt tay Dũng:

-Chào ông Trần. Tôi là Dorota Grenzkosky, thư ký của ông.

-Hân hạnh. Xin cô cứ gọi tôi là Dũng cho thân mật, bởi vì bắt đầu từ hôm nay chúng ta cùng làm việc chung...

-Xin vâng ý ông Trần, à anh Dũng!

Dũng tiếp lời:

-Hẳn bà Steffi đã bàn giao hồ sơ và hướng dẫn cho cô những điều cơ bản?

-Vâng! Tôi sẽ cố gắng, nếu có gì thiếu sót xin anh chỉ dẫn cho...

Để tạo sự thoải mái cho công việc, Dũng đã cho Dorota biết những yêu cầu về bổn phận, trách nhiệm và thói quen của anh là yên tĩnh và trật tự...

Từ đó những buổi sáng khi Dũng đến, văn phòng chỉ còn một mình cô thư ký. Anh biết, những đồng nghiệp trẻ đã giải tán trước giờ anh vào sở. Trong số những đồng nghiệp thường bao quanh Dorota, không hẳn ai cũng vì nhan sắc, mà hầu hết đều vì những câu chuyện vui bằng quơ trước khi bắt đầu một ngày nặng nề tim óc. Dũng cũng không mấy ngạc nhiên khi biết Klaus đang đeo đuổi tán tỉnh Dorota. Nhưng Dorota chưa tỏ một dấu hiệu gì là có tình ý với Klaus mặc dù hẳn là một Playboy có nhiều gái đẹp. Klaus hiện đang cặp bồ với Manuela. Cô bé này thường hay đến thăm Klaus ở sở làm. Dũng nghĩ, ắt có ngày cũng sẽ đụng độ với Dorota...

Dorota, gốc Ba Lan, "gái một con trông mòn con mắt", đang độ thanh xuân tràn đầy nhựa sống, đã ly dị với người chồng Đức sau một thời gian sống chung, có lẽ cũng đủ theo quy định của luật pháp để nàng và con gái là Natascha được phép ở lại nước Đức. Dũng không bình luận gì về tình trạng hôn nhân có toan tính của nàng. Một loại hôn nhân không bắt đầu bằng tình yêu theo như lời tâm sự của Dorota. Anh không lạ gì, bởi vì trên các xứ Âu Mỹ chuyện hợp tan ly thân, ly dị xảy ra hằng ngày, nên anh cũng không quan tâm mấy đến những chuyện riêng tư của Dorota, của Klaus hay của Manuela.

Một hôm em trai của Dorota là Darius đến thăm nàng tại văn phòng. Dorota giới thiệu với Dũng, em nàng là chủ một cửa hàng điện toán tại Danzig- thành phố quê hương của gia đình nàng. Hai chị em ngồi nói chuyện ở phòng tiếp tân, Dorota quay mặt vào văn phòng Dũng nên anh thấy nét mặt của nàng có vẻ trầm tư. Anh đoán, chắc có chuyện gì nghiêm trọng lắm. Họ nói với nhau bằng tiếng Ba Lan, dĩ nhiên Dũng không hiểu, huống chi anh lại không muốn tò

mò về chuyện riêng tư của kẻ khác. Sau khi Darius từ giả, Dorota cho Dũng hay là em nàng đang gặp khó khăn về công chuyện làm ăn tại Ba Lan. Dũng cũng chỉ biết nói xuôi đôi lời cho trôi câu chuyện. Không ngờ từ đó đời nàng bắt đầu bước qua một ngõ rẽ và Dũng cũng bị cuốn hút vào cơn bão loạn...

Từ khi có cô thư ký Dorota, Klaus thường tìm cách gây thiện cảm với Dũng, khi điện thoại hỏi thăm sức khỏe, khi đến mời anh và Dorota đi uống cà-phê trong lúc nghỉ giải lao... Nghĩ cũng đáng thương cho Klaus, tất cả chuyện này hẳn ta cũng chỉ muốn tìm cơ hội lân la với Dorota mà thôi... Có lần Dũng đã nói với Klaus:

-Theo tao, mày nên nói thẳng với Dorota nếu mày thực sự có cảm tình với nàng. Tuy nhiên mày nên tự hỏi lòng, mày có thực sự muốn xây dựng tương lai với nàng hay không?

-Điều này làm cho tao phân vân. Dũng, theo ý kiến mày thì...

Dũng thành thật:

-Tao không dám có ý kiến gì cả. Đó là vấn đề của mày, vì bên mày còn nhiều cô gái trẻ đẹp... Nếu thực tâm mày muốn có một mái ấm gia đình thì mày nên tìm hiểu và lựa chọn một trong số những cô gái gần gũi với mày...

Klaus ngập ngừng hỏi:

-Theo nhận xét của mày, Dorota là người như thế nào?

-Câu hỏi nghe rất bình thường, nhưng thật khó trả lời chính xác. Về công việc, Dorota là người có trách nhiệm, ngăn nắp, chu đáo. Về tình cảm, thật khó nhận xét, nhưng tao thấy nàng dường như đứa con gái rất đầy đủ, vừa bổn phận làm mẹ và cả bổn phận làm cha; còn đối đồng nghiệp nàng vẫn luôn lễ độ, vui vẻ. Chung chung là như thế, nhưng...

Dũng dừng lại mỉm cười và neho mắt nhìn Klaus nói:

-Tao không hiểu, với mày là người nàng vẫn có nhiều liên hệ, chắc nàng cũng dành cho mày nhiều đặc biệt hơn...

Klaus cũng cười, thật thà nói:

-Tao mang tiếng là Playboy, nhưng "có tiếng mà không có miếng". Khi đến với tao, cô nào cũng lo thủ thân thủ thế vì sợ cái mã đào hoa của tao, nên các cô e rằng có ngày cũng bị tao bỏ rơi. Vì thế phần nhiều các cô tìm cách xa lánh tao trước. Cuối cùng tao lâm vào hoàn cảnh "lắm mối tối nằm không"!

-Còn Manuela thì sao? Lâu nay tao không thấy nàng tới công ty?

Klaus tỏ vẻ ngạc nhiên:

-Ồ hay mày không biết gì cả hay sao? Dorota cũng không kể cho mày nghe nội vụ hà...?

Dũng lắc đầu ngồi im lắng nghe. Klaus trầm ngâm một chốc rồi kể:

-Ấu cũng là lỗi tại tao hết. Chuyện xảy ra cách đây khá lâu. Hình như hôm đó mày nghỉ, thứ sáu, ngày họp chung hằng năm của công ty được chấm dứt trước giờ ấn định nên công ty cho phép nhân viên về sớm hơn thường lệ. Nhóm bạn trẻ của tao rủ thêm mấy cô đồng nghiệp đi ăn kem, nhưng giữa đường lại thay đổi chủ đích, đi vào một bar rượu. Những chuyện tiếu lâm, những nụ cười sảng khoái, nhạc kích động, rượu mềm môi tụi tao trai gái ôm nhau nhảy nhót cuồng loạn cả lên. Điều không may cho tao, là Manuela khi tới công ty không gặp, đã điện thoại qua Handy cho tao nhiều lần, nhưng trong quán rượu ồn ào quá, làm sao tao nghe được. Nàng lần mò tìm tới tiệm kem, rồi tìm đến mấy quán rượu quen thuộc. Cuối cùng nàng gặp tao đang ôm

Dorota ngà ngón nhảy theo điệu... rượu hơn là theo điệu nhạc trong ánh đèn lù mù. Không thèm chào hỏi ai, Manuela xông tới lôi cổ áo và thẳng tay tát vào mặt Dorota một tát nẩy lửa, rồi hần học nói:

-Liệu hồn, nếu mày còn liên hệ với Klaus thì sẽ biết tay tao! Đờ đi ngựa!

Trong khi Dorota ngỡ ngác sợ hãi thì Manuela quay sang tao, ánh mắt oán hận, nhổ một bãi nước bọt rồi hùng hổ bỏ đi...

**

Khi Dũng đang chúm mũi vào computer thì Dorota báo cho anh hay có bạn đồng hương đang chờ ngoài phòng tiếp tân. Đang bận rộn nên Dũng chỉ hỏi hững hờ:

-Là ai. Có cho cô biết tên không?

-Ông ta chỉ nói là một người bạn thân của anh. Gặp nhau sẽ biết liền!

-Là người như thế nào?

-Thanh lịch, nhưng trông có vẻ phong trần lắm!

Dũng vừa xếp lại hồ sơ, vừa lăm lăm hỏi thăm "là ai đấy nhỉ?". Chưa đến phòng tiếp tân, Dũng đã reo lên:

-Ồ! Cường, từ Berlin về hồi nào sao không điện thoại báo cho mình hay?

Cường, người bạn thân đồng khóa, ngồi nhóm dậy bắt tay Dũng:

-Mình có điện thoại cho cậu ở nhà, cũng may gặp chị Quyên, chị cho mình số điện thoại và địa chỉ của công ty, nên mình mới tìm đến đây thăm cậu và dành cho cậu một ngạc nhiên chơi!

-Mày chỉ về một mình?

-Mình về một mình... từ lâu, đúng ra chỉ mới hơn hai năm nay thôi.

-Thế mà tao tưởng mày có một mái ấm gia đình rồi!

Cường cười buồn:

-Mình cũng tưởng như vậy, nhưng không ngờ bạn gái của mình không kham nổi cuộc sống nông trại nên cũng bỏ rơi mình...

Cường vẫn là tốp người năng động, nói tiếp với giọng sôi nổi:

-Dũng, cậu biết không, từ hồi nước Đức thống nhất, nhà của và đất đai bên Đông Berlin rất rẻ nên mình đã bán ngôi nhà bên Tây để mua một nông trại khá lớn bên Đông Berlin. Mình là dân nông nghiệp, nên đầu tư hết thời gian và vốn liếng để canh tác. Nông trại ngày càng khang trang, nhưng dù là chủ nhân mình cũng phải làm việc suốt ngày đêm cho kịp các vụ mùa...

Cường phải tạm ngưng câu chuyện khi Dorota tiến đến hỏi thăm hai người uống gì. Dũng giới thiệu hai người với nhau. Dũng xin một ly cà phê. Riêng Cường một chai bia và đề nghị Dorota muốn uống gì thì gọi để cùng uống chung cho vui.

Dorota nói cảm ơn và nhìn Cường mỉm cười. Cường thấy niềm vui sáng lên trên ánh mắt của nàng. Khi Dorota đi rồi, Dũng nói:

-Mày vẫn bản tính cũ?

Cường cười không trả lời trực tiếp câu hỏi của bạn, nhưng lại gạt đầu thừa nhận bản chất mê gái của mình:

-Có vậy mới thấy cuộc đời đáng sống! Cậu có cô nhân viên nhí nhảnh dễ thương...

Dũng cười theo:

-Trông thì dễ thương, mà thương thì ... không dễ!

Cả hai bật cười giòn giã. Khi Dorota đem cà phê ra, Cường kéo ghế mời nàng ngồi và lặp lại câu nói của Dũng cho nàng nghe. Dorota cũng phá lên cười:

-Cảm ơn anh Dũng đã nhận xét rất đúng về Dorota. Cảm ơn anh Cường đã quá khen....

-Tôi không thêm nịnh cô đâu. Cô biết không, cô còn đẹp hơn lời tôi khen nữa là khác!

Dũng cười, lắc đầu chịu thua thằng bạn lý lợm của mình, nhưng anh thấy Cường rất thẳng thắn và thực tế.

-Em xin phép vào ngồi trong văn phòng! Dorota nói và quay đi.

Câu chuyện về nông trại của Cường cũng bị bỏ quên vì vóc dáng của cô gái tóc vàng hay vì trong Cường có chút băng khuâng xao xuyến nào khác. Cường đang mơ màng thì Dũng nói:

-Tối nay mày đi ăn cơm với tụi tao. Mày ở lại đây bao lâu, Cường?

-Khoảng một tuần. Mình đang ở khách sạn Holliday Inn, nhưng tối mai thế nào mình cũng mời vợ chồng cậu đi ăn. Không phải trả lễ đâu nha. Và nếu mình mời được... Dorota đi ăn chung thì vui quá, nhưng không hiểu có gì trở ngại cho cậu không nhỉ?

-Riêng tao thì không ngại, nhưng tao cần bàn lại với Quyên đã. Nhưng thế nào mày cũng phải đến thăm nhà tao một lần cho biết...

-OK!

✱

Dũng say khướt không còn biết trời trăng gì nữa. Hình như bao nhiêu thức ăn ngon trong buổi Party về mùa hè, Sommerfest, của công ty hằng năm tổ chức cho gia đình nhân viên đã nôn mửa ra ngoài hết. Tội nghiệp cho Dũng, lần này không có Quyên đi theo để can ngăn, nên anh bị bạn đồng nghiệp ép uống. Thật tình Dũng uống chẳng bao nhiêu, một hai ly rượu mạnh cũng đủ vật ngã anh rồi. Tim Dũng đập mạnh còn hơn tiếng trống của ban nhạc. Đầu óc anh nhức nhối, quay cuồng như những đồng nghiệp đang nhảy theo những nhịp điệu luân vũ... Dũng gục đầu xuống bàn, bên tai anh còn nghe tiếng cười trên cột của Klaus, cũng như có tiếng hỏi lo lắng của Dorota và của vài nữ đồng nghiệp khác. Có tiếng lay gọi Dũng để hỏi chìa khóa xe hơi, địa chỉ nhà ở hay số điện thoại của anh; nhưng anh đã chìm sâu vào cơn say mê loạn...

Khi tỉnh giấc, Dũng giật mình thấy mình nằm trong một phòng ngủ xa lạ, bên cạnh có tiếng ngáy đều đặn của một người đàn bà. Dorota! Trời đã sáng từ lâu. Ánh mặt trời xuyên qua phòng ngủ còn bừa bãi chăn gối, phảng phất mùi phấn son. Dũng ưu tư, không hiểu trong đêm vừa qua anh có làm gì "bê bối" hay không? Con ma men đã che mờ lý trí và anh đã có những hành động dục lạc giống như những loài sinh vật khác chẳng??? Dũng kéo tấm chăn đắp trùm lên thân thể gần như trần truồng của Dorota. Không cần suy nghĩ, Dũng cũng đoán được sự việc của đêm hôm qua. Dũng đã quá say, không ai chịu bỏ cuộc vui nửa vời để chở anh về, chỉ có Dorota, cô nhân viên của anh phải lãnh trách nhiệm đó. Không địa chỉ, không điện thoại, Dorota đành phải chở anh về nhà cô... Dũng ngồi nhòm dậy, thay áo quần và lặng lẽ ra khỏi nhà. Hình như anh có nghe tiếng trở mình ú ớ của Dorota và tiếng giật mình của cô bé Natascha ở phòng kế bên...

Mặt trời đã lên cao, ánh sáng có rửa sạch được những nỗi hăm oan của Dũng hay không? Nhưng kể từ ngày hôm đó, chiến tranh lạnh giữa anh và Quyên bùng nổ. Anh đã

giải thích, thề thốt nhiều lần nhưng Quyên vẫn không chịu nghe, không chịu hiểu và không chịu tha thứ... "Cuộc chiến" kéo dài âm thầm cho đến một ngày Quyên quyết định chia tay khi Dũng nhận được giấy khấn cấp từ Sở cảnh sát Berlin...

Dũng xin phép nghỉ đặc biệt lên Berlin. Anh gọi điện thoại cho Cường, nhưng nhân viên trong nông trại cho biết anh không có ở nhà. Dũng book khách sạn và vội vàng lái xe lên Spandau. Cơ quan cảnh sát địa phương cho biết, Dorota là nhân viên của anh và cô yêu cầu được gặp anh để gỡ gạc một vài việc. Dũng xin phép được thăm Dorota trong phòng tạm giam tại nhà tù. Dorota hết sức mừng rỡ khi gặp lại Dũng. Qua chần song sắt cách biệt, nàng nhỏ nhẹ trong nước mắt:

-Em xin lỗi anh... xin cảm ơn anh đã đến đây...

Dũng nắm tay nàng an ủi:

-Dorota cứ yên tâm, tôi sẽ lo luật sư cho cô! Câu chuyện như thế nào, mà ra nông nỗi này...?

Dorota ngậm ngùi nước mắt:

-Anh còn nhớ Darius, đứa em của Dorota, có lần gặp anh ở công ty không?

Dũng gật đầu:

-Vâng, cũng đã quá lâu rồi nhưng tôi còn nhớ!

-Hồi đó em có kể với anh là nó đang gặp khó khăn về công chuyện làm ăn về cửa hàng buôn bán máy điện toán. Nó thường liên lạc với em để tìm cách khác giải quyết về việc thua lỗ. Nhân dịp em kể cho nó nghe, anh Cường có một nông trại rộng lớn bên Đông Berlin, nó liền tính toán một chuyện làm ăn lớn. Không ngờ...

Dũng vẫn chịu khó ngồi nghe. Dorota tiếp:

-Darius yêu cầu em tiếp xúc với anh Cường. Anh ta còn độc thân, em thì gái góa, tìm đến với nhau là chuyện thường tình. Khi em được sự tin yêu của Cường, thì Darius đưa ra một kế hoạch làm ăn. Nông trại của Cường đặt mua phân bón tại Ba Lan do Darius chuyên chở, có giấy phép chuyển vận từ một hãng sản xuất tại Ba Lan. Darius cũng đảm trách luôn dịch vụ chuyên chở nông phẩm từ nông trại của anh Cường đến cung cấp cho các chợ trời ở một vài tiểu bang bên Đông Đức như Leipzig, Magdeburg...

-Thế thì chẳng có gì phạm pháp cả để...

Dorota xua tay, cười buồn:

-Xin lỗi, anh cũng ngây thơ như Cường. Mặt ngoài thì như thế, nhưng khi chở phân bón từ Ba Lan sang nông trại của anh Cường ở Đông Berlin, thì Darius chỉ chở một phần phân bón, số lượng còn lại được ngụy trang để chở thuốc lá lậu. Tội nghiệp anh Cường không hay biết chuyện này. Nông trại của anh rộng lớn lắm, kho phân bón của anh cũng rất rộng rãi. Tin em, nên anh Cường cũng chẳng quan tâm đến vấn đề kiểm soát. Thuốc lá chỉ tích trữ tại đó một hai ngày, rồi tẩu tán hết. Theo dõi nhu cầu của thị trường tại các bang Đông Đức, khi thuốc lá khan hiếm thì Darius mới tìm cách chở sang, vừa phân phối nhanh vừa khỏi phải sợ liên lụy cho anh Cường. Các chuyến chở "hàng", chở phân bón hư hư thực thực như vậy cũng đã qua mắt được các trạm quan thuế dễ dàng. Thế nhưng...

-Thế nhưng tại sao các em không biết dừng lại...

-Em cũng thấy như thế. Em đã bảo với Darius rằng, bây giờ nó không còn gặp khó khăn về tài chánh nữa thì nên trở về nghề nghiệp lương thiện với cửa hàng điện toán, nhưng nó chẳng chịu nghe em. Tiền đến một cách dễ dàng quá mà! Lòng tham của con người thật vô đáy!

Dũng trầm tư:

-Tôi nghe nói, dân thân vào nghề này còn phải đóng hụi chết cho bằng đảng Mafia nữa...

-Đúng vậy, nhưng hình như Darius cũng có một bằng đảng Ba Lan nên nó dám chơi ngang cơ với đám Mafia da vàng. Ôi thôi, giới giang hồ xã hội đen này thì em đành chịu, giành giật, thanh toán nhau như cơm bữa! Darius và em đã cam kết, mỗi khi em đến với Cường thì Darius không được chuyển hàng đến để tránh liên lụy cho em. Xui cho em, trong lần nghỉ hè hằng năm, em đến thăm Cường thì hàng chuyển đến bất thường. Khi vừa xuống hàng thì xe cảnh sát ập đến phủ vây, chẳng ai chạy lọt cả. Darius bị còng tay, Cường và em cũng bị bắt dẫn đi...

Dũng xác quyết:

-Chắc chắn có bàn tay "chỉ điểm" cho cảnh sát! Đây là hành động của "trâu cột ghét trâu ăn", tìm cách diệt đối thủ! Một sự cạnh tranh sống còn của giới giang hồ, nhưng không xứng đáng là hành động của đám "anh hùng mã thượng", bởi giới giang hồ cũng có "luật giang hồ"!

Khi hết giờ thăm viếng, Dorota năn nỉ nhờ Dũng chăm sóc nuôi dưỡng giùm Natascha, vì nàng không muốn để cho cháu bị trả về cho thân nhân của nàng tại Ba Lan, cũng như không muốn gởi cho Jugendamt trong thời gian nàng bị tù tội:

-Cho em gởi lời tạ tội với chị Quyên, chắc chị không còn giận em về hành động nông nổi ngày nào! Em xin anh chị hãy cứu giúp gia đình em, cứu con em... Anh hứa với em đi... Hãy hứa với em đi, anh Dũng...!!!

Dũng gật đầu nhận lời và quay ra vì anh không muốn nhìn thấy ánh mắt khẩn cầu và hai hàng lệ đọng đầy trên mắt của Dorota...

Khi tòa kêu án: Darius 6 năm tù ở, Drotta một năm sáu tháng và Cường nửa năm, thì chính là lúc Dũng và luật sư phải tranh đấu cam go với Jugendamt với nhiều loại giấy tờ và thủ tục gay go anh mới trở thành người bảo trợ cho Natascha. Dũng chắc lưỡi than, nếu có Quyên thì mọi việc trở nên dễ dàng; nhưng nàng đã ra đi...

Khi Dũng trở lại nhiệm sở, Klaus đã hân hoan báo tin Manuela đã trở về với nó và Dorota đã bị sa thải. Rồi hẳn mìa mai:

-Thứ đàn bà ngoại quốc lăng loàn, bất chính "vô thiên, vô pháp" như thế bị Manuela bợp tai cũng đáng đời! Chưa bị tổng cổ về Ba Lan là phước lắm rồi!

Dũng nhìn thẳng vào mặt Klaus và nói:

-Đúng vậy, cái thứ đàn bà như Dorota mà một thằng Playboy như mày đã từng chạy theo năn nỉ xin một chút tình yêu còn không được. Theo tao thì mày nên cầm cái mõm của mày lại để trở về với Manuela. Nó đã từng phun nước miếng khinh bỉ vào mặt mày trước tất cả các đồng nghiệp, mày cầm như hến thì cũng được đi. Nhưng nó lại hành hung một nữ đồng nghiệp thì mày lại không dám có một hành động nào thích đáng thì hèn quá. Thứ như mày không phải là bạn của tao!

**

Tin Dorota được ân xá trước Tết Nguyên Đán, không những là niềm vui cho Dũng và Natascha, mà còn cho Cường nữa. Cường đã được trả tự do đúng hạn kỳ sáu tháng. Từ nông trại ở Đông Berlin Cường có nhiều cơ hội thuận tiện để thăm nuôi Dorota hơn. Sự cảm thông của những người cùng cảnh ngộ cũng đã làm cho tình yêu tăng trưởng và thấm thiết hơn. Hai người ước hẹn một ngày chung xây hạnh

phúc khi Dorota được trả tự do. Cường thường liên lạc với Dũng để thăm hỏi tình hình của bé Natascha, nhất là để an ủi bạn và cầu mong cho ngày Quyên trở về...

Dũng hẹn với Cường chiều nay sẽ cùng với Natascha lên Berlin. Quay sang Natascha, Dũng bảo nó, trong vòng hai tiếng đồng hồ nữa sẽ khởi hành và hỏi nó đã sửa soạn hết đồ dùng để ngủ lại đêm tại nhà chú Cường, sớm mai đi đón mẹ trở về:

-In zwei Stunden fahren wir los. Hast du alles vorbereitet, bei Onkel Cường in Berlin zu übernachten? Und morgen früh holen wir deine Mutti ab?

-Ja, ich habe alles, Onkel!

-Und was noch? Wo ist dein Blumenstrauß ? và còn gì nữa, bó hoa đâu?

-Ja, ja natürlich muß ich mitnehmen!

Vâng, lẽ dĩ nhiên nó phải mang theo để đón tiếp mẹ nó. Natascha vội chạy đi lấy bó hoa. Còn Dũng, anh phân vân chưa biết tính sao... Bỗng nghe tiếng reo vui của Natascha:

-Hallo, Tante Quyên, Tante Quyên....

Giọng nó hướng vào phòng khách:

-Onkel, Onkel!!! Tante kommt zurück. Sie ist wieder da, wieder da! Komm schnell Onkel!!!

Dũng tưởng giọng nó vỡ ra vì sung sướng gọi "chú" Dũng khi đột nhiên thấy "dì" Quyên trở về nhà. Dũng vọt mình thật nhanh ra cổng. Anh thấy nụ cười và ánh mắt rạng rỡ của Quyên đầu tiên. Dũng chạy đến đỡ cái xách tay của nàng và ôm cứng Quyên vào lòng. Quyên cũng co chân gần như đeo dính vào người Dũng, hai tay nàng choàng qua cổ của anh. Cả hai đều rơm rớm nước mắt, trong khi đó bé Natascha cũng chạy đến ôm choàng cả hai người...

-Quyên, anh rất mừng khi có em trở lại...

-Từ nay chúng ta sẽ không bao giờ xa nhau nữa!

Cả ba ôm nhau thật lâu, rồi kéo nhau vào nhà. Quyên sửa lại quần áo thật chỉnh tề, đến trước bàn thờ Phật thành kính lên hương đèn dâng lễ, sám hối về tội nghi mạn đã qua và quyết từ nay xin đức Phật từ bi gia hộ cho thân tâm thường được an lạc. Rồi qua bàn thờ mẹ lạy tạ, Quyên cũng xin mẹ tha thứ cho nàng đã bỏ đi một thời gian không hương khói cho mẹ và không chăm sóc cho Dũng. Quyên thì thầm trong nước mắt ăn năn: "Mẹ ơi, việc làm của anh con, hành động bảo bọc cho mẹ con Dorota trong lúc hoạn nạn là một việc làm cao cả, đòi hỏi phải có từ tâm bất chấp tai tiếng thị phi. Mẹ ơi, đến nay con mới hiểu. Cũng không phải quá trễ phải không mẹ...?"

-Vâng, cũng không phải quá trễ!

Dũng chen vào

-Xin mẹ tha lỗi cho con! Xin anh tha thứ cho em!

Quyên tựa đầu vào vai Dũng nhìn lên tấm ảnh bán thân của mẹ, trong màn khói hương mờ mờ hình như có nụ cười khoan hòa bao dung vĩnh viễn của mẹ...

Ngoài hiên cảnh mai tây nở những chùm hoa vàng rực rỡ trong độ đầu Đông của xứ người, báo hiệu cho một khung trời mai vàng, đào thắm của Mùa Xuân quê hương Việt Nam thân yêu. Hạnh phúc không xa, trong tầm tay mà sao mãi đến hôm nay mới trở lại. Có phải do phước đức mà có hay do lòng khoan hồng độ lượng mà nảy sinh ra? Có phải hạnh phúc đều do nhân duyên tạo thành hay không? Điều chắc chắn là với Dũng và Quyên; với Cường, Dorota và Natascha đều có phúc duyên mới hưởng được một mùa Xuân hạnh phúc...

(Thất Sơn, tháng 11.2004)



Hoa Ta màu Nhớ Nhưng

*Bây giờ mỗi bước đường đời
Đi đâu cũng chỉ nhớ trời một phương
Cánh hoa gạo đỏ bên đường
Nhớ nhà rừng rúc hồn nương mây về*
(Nguyễn Thị Vinh)

● Nguyễn Văn Thà

Khi Trục đi tù về, tù quá lâu, anh thấy làng xóm thay đổi quá nhiều. Khu rừng sau làng tưởng muôn đời xanh lá âm u, đã bị chặt sạch trơ gốc, và cỏ tranh xâm chiếm.

Một số dân từ ngoài Bắc mới vào cất nhà ở đó, và một số từ những vùng khác ở miền Nam tới, một trong những gia đình đó là vợ chồng ông Quân, mà người trong làng gọi là "ông bà Sài Gòn".

Ông người Sài Gòn là một mẫu người chừng mực, chừng mực từng lời ăn tiếng nói cho đến bước đi; người ta thấy nơi ông một sự điềm đạm, tuy có vẻ xa cách.

Vợ ông, tên Chiêu, trẻ hơn ông nhiều và giống ông, như cha với con. Mấy tay ba trợn, nhất là mấy tên trào nha, bắt đầu bàn tán, thềm thường thấy rõ; nói tục nói tiu chuyện chồng già vợ trẻ; có kẻ còn phước đức tội nghiệp cho bà Chiêu.

Hai người sống trong một căn nhà tranh khá xinh xắn, tươm tất; trước nhà có một giàn bầu, vuông vắn, chình chu che trên một chiếc sân lát gạch thẻ đỏ, có kê mấy chiếc ghế mây và một chiếc bàn cũng bằng mây kiểu của những người nhà giàu Sài Gòn hay dùng; chung quanh giàn, ông Quân còn kê những chậu bông giấy đủ màu, và thả những bụi tóc tiên làm rèm, như một phòng khách ngoài trời.

Có những hôm, trưa nắng, đi rẫy về, Trục thấy bà Chiêu hay ngồi thêu đan dưới giàn bầu, hoặc đọc sách. Đôi khi đi rẫy qua nhà bà, Trục còn để ý thấy bà hay cài hoa, không phải trên đầu hay bên vành tai, như các cô gái Thượng hay như những thiếu nữ ở các đảo Nam Thái Bình Dương, mà lại ngang nơi miệng.

Đôi khi thấy ông Quân ngồi cạnh bà Chiêu, nhìn băng quơ lên giàn bầu. Thiệt thanh thản ở một vùng, chiến tranh tuy đã hết từ lâu, nhưng chẳng yên ổn gì. Hai vợ chồng không lam lũ gì nhiều. Người ta nghĩ là họ ra ở đây để kiểm

cách vượt biên. Chính quyền xã và đám công an biên phòng để ý theo dõi. Vợ chồng "ông bà Sài Gòn" vẫn bình chân như vại. Người ta ngứa máu bắt ông đi làm thủy lợi, nhưng có lẽ ông có tiền, có đủ để làm cái lọng che thân cho những ngày tá túc ở cái xã bát nháo cờ quạt loa kèn. Dần dần con nít trong làng không còn gọi ông bà Quân là "ông bà Sài Gòn" nữa, mà gọi là "ông-bà-hay-cho-bầu". Ông bà Quân Chiêu không những hay cho bầu, mà còn cho những người đi rẫy được mức nước mưa thoải mái từ những mái vù lớn trước thềm nhà.

Một mẫu đối thoại dưới giàn bầu giữa bà Chiêu và Trục, sau lần xin nước mưa thứ...

- Bà cười rất tươi khi có người xin nước; tại sao?
- Tôi vẫn ước ao mình là nước.
- Bà tham lắm. Nước là mẹ đẻ của muôn loài.
- A!
- Tôi không bao giờ muốn làm nước.
- A!
- Tôi muốn làm lửa.
-
- Lửa làm sôi nước.
-
- Lửa đốt cháy.
-
- Đốt cháy tấm lòng.
-
- Đốt cháy những ước mơ.
- ĐỪNG! ĐỪNG!
- Đốt cháy những bài thơ.
- ĐỪNG! ĐỪNG! ĐỪNG!
- Và bà Chiêu là nước. Nước mắt. Dập tắt lửa điên.

Lửa điên vượt biển lớn, nước ở lại.

Cuối cùng lửa điên cũng qua được tới Anh; và rồi sóng lớp phé hưng của những vun quén bản thân, dù trong trường hợp của hấn chỉ là vun quén tri thức vô bổ, đã nhận chìm, xoá nhoà mọi chuyện nhỏ lẫn chuyện to của những ngày tháng cũ quê xa.

Nhân dịp thẳng em mùa hè lái xe qua lên York ăn đám cưới một đứa bạn của nó, hấn xin quá giang cốt đến đó để xem cái trang trại làm bối cảnh cho bộ phim tập Những Nụ Tháng Năm trú danh mà hấn rất thích. Trên đường, tình cờ hấn thấy vườn nhà ai đó có trồng một giàn bầu dài sai trái thông xuống ào ào như những giọt nước mắt cầm thạch xanh, những giọt nước mắt chỉ có trong thần thoại. Hấn tính nhủ thẳng em dừng lại để xem giàn bầu, nhưng lại thôi, vì thấy nó đang vội vã; sợ làm phật lòng nó, nó lại cáu; sợ lời cay chua làm tan đi khung trời lơ mơ cũ của mình, và biết đâu nó lại mắng tạt vào mặt; vậy mà chạy thêm cả chục cây số, nó bỗng buột miệng:

-Anh Trục có còn nhớ ông-bà-Sài-Gòn-hay-cho-bầu không? Hồi tui về Việt nam người trong làng kể lại là sau một đêm gió mưa, sáng trời tạnh, đi rẫy, người ta chẳng những không còn thấy ông bà ấy đâu nữa, mà ngay nhà của họ cũng biến mất, chỉ còn rơi rớt lại mấy lá bầu xanh. Người lớn thì định ninh rằng hai ông bà đã đi lọt rồi, và cho rằng

đám dân ngoài rẫy đã hôi của, lấy đi không những đồ đoàn trong nhà, mà cả cột kèo, rui mè, tranh lạt cũng dọn đi sạch bách trong một đêm, và bọn họ phải kín miệng vì sợ công an. Nhưng mấy đứa con nít lại khời khời nói là ông bà ấy đã bay lên trời rồi.

-Khi đi quanh quần dưới những giàn hoa hồng dài các sang trọng trong trang trại ở York, hẳn lại nhớ tới giàn bầu cũ, và nghĩ miệng mấy đứa nhỏ chắc là thiêng, là đúng, vì những người có lòng lành như thế thường không ở hẳn một nơi mà hay cỡi mây lướt gió đi gieo hạnh phúc cho người.

Khu kinh tế mới La Ngà, nằm cách quê hẳn khoảng năm mươi cây số, cạnh trại cải tạo Đức Linh, còn gọi là khu kinh tế mới người Hoa vì đa số là dân từ Chợ Lớn bị đưa tới định cư ở đó. Mới tới mấy năm mà họ đã khai hoang được hàng trăm mẫu đất trồng mía và có giàn máy sản xuất đường. Cuộc sống của họ bắt đầu *phồn vinh*, *phồn vinh* thú thật, bởi làm kinh tế là nghề ruột của người Hoa. Đa số nói sõi tiếng Việt, nhiều người còn nói y boong giọng Sài Gòn, không nói lớ kiểu như kếp Văn Chung hay giễu. Họ vẫn lịch sự với đám cán bộ quản giáo, cán bộ canh tù mặt sắt thỉnh thoảng ra hạch sách kiểm chác. Với tù cải tạo họ vui vẻ, tuy kín đáo; lén lút dấm dúi com, đường, những miếng đường quý báu cho đám tù đói khổ thèm ngọt, và những quả bầu từ những giàn bầu xanh biếc, sai quả trước nhà họ.

Riêng đối với hẳn, những người Tàu ở đó còn cho hẳn một món quà khác, đó là màu đỏ rực trời của hai cây hoa gạo mà họ đã chừa lại giữa làng không đốt. Những bữa trưa nắng chang chang, vác bao lúa cả năm sáu chục ký, nặng, xót xáy, lội quăng đường lầy lội cả chục cây số về trại, thấy được bóng hai cây gạo đỏ rực xa xa, hẳn lại mỉm cười đỡ khổ. Hai cây gạo cao lớn, cành đen bóng, đường hoàng ngự trị, tuổi cây dăm cả trăm năm, nhưng chúng cứ như còn đòi vươn lên, vươn lên mãi cho đã, cho thoả chí bình sinh; chưa có những lớp vỏ sần sùi, vì đường như đất màu mỡ, ánh mặt trời quanh năm, mạch nước sông La Ngà làm cho chúng trẻ mãi, tạo cho chúng cái dáng hiên ngang bóng lưỡng hạnh phúc như của những lực sĩ chạy trăm mét huy chương vàng Mỹ Da đen. Nghe nói ông chủ làng là một người Hoa trước đây có học kinh tế ở Hương Cảng về. Ông tổ chức thành công vùng kinh tế mới về mặt kinh tế. Hẳn nghĩ ông và các người đưa đến quyết định không hạ hai cây gạo đỏ để lấy thêm đất trồng trọt là những Hồ Dzếnh mới.

Họ để lại một màu đỏ chứa chan hy vọng. Cái màu đỏ ấy khác màu cờ rất nhiều. Nhìn và cứ muốn nhìn mãi cái màu của sự sống, của máu đang luân chày châu thân, loại máu tốt chưa vương phải thán khí hoặc một loại vi trùng độc hiểm nào. Hoa gạo rơi đỏ cả nền đất bùn đen, như một tấm thảm điều Ba Tư hạnh phúc, vẫn giữ nguyên màu sáng thể tươi nguyên.

Người Tàu ở đó còn kiến tạo cả một cái phà vận hành bằng dây cáp bắc ngang sông. Người Hoa dùng, dĩ nhiên; và nhà nước của trại cải tạo cũng xử dụng miễn phí, hay còn gọi nôm na, xài của chùa. Cái phà đã giúp cho công việc khai thác rừng và làm ruộng của trại, góp phần mang lại lợi tức khổng lồ cho nhà nước. Tuy người Hoa đã khéo léo làm hài lòng kẻ có quyền, chính quyền trung ương và chính quyền địa phương, nhưng rồi, đầu năm 1981, mấy tháng sau khi hẳn ra khỏi biệt giam, được đưa trở lại toán 4 sản xuất, khi toán dừng bên bờ sông La Ngà chờ phà, hẳn thấy phà

còn đó, nhưng nhà cửa bên kia sông của người Tàu, lớp bị phá, lớp bị cháy rụi, chỉ còn trơ lại những nền đất. Mấy cái học thờ thần, cái còn ngay, cái nghiêng ngả nhưng màu sơn chưa kịp ngả màu sương gió, còn đồ tươi, những đồng rác lem nhem, những mảnh áo quần chưa cháy hết, giấy má cháy dở bay tấp vào những bụi hoa dâm bụi, bụi gai.

Hẳn nghe các bạn tù xì xào. Tiếc. Kê thì tiếc cục đường, miếng bầu, tiếc những vắt com của các *nị*, các *ngộ*, có anh lại xót vì các Hoa nữ mất lá rằm mất đầu mất tâm.

Nguyên do có lẽ là từ ngày có khu kinh tế mới người Hoa được thiết lập cạnh trại, tù trốn trại ngày càng nhiều và thường là lọt. Có một số bị bắt lại; và nghe đồn là những kẻ bị bắt lại khai là họ có nhận được sự giúp đỡ của người Tàu, nhưng cũng có lẽ chính quyền muốn chiếm đoạt hàng trăm mẫu mía đường tốt tươi của người Tàu để cho trại tù khai thác.

Một buổi trưa được phép nghỉ dưới gốc cây gạo để ăn trưa, hẳn lúi húi lượm mấy bông gạo về phơi nấu nước, hẳn bỗng thấy có mấy mảnh giấy cháy dở dính quanh một cục bùn đen khô. Vốn là người mê chữ, hẳn vạch vạch phui phui xem thử, thì thấy một mảnh có in một bài thơ tiếng Anh nói về những tiếng chuông, hẳn đã đọc đâu đó, nay đã quên tên tác giả; một mảnh khác cũng toàn tiếng Anh, ghi danh mục các đại học của Anh, có nét bút nguyên tử, có lẽ là loại bút Bic *ngoại* (vì, dù đã lấm lem mưa gió, nét chữ vẫn chưa nhoà) gạch dưới chữ Cambridge University, gạch đậm nhiều lần, và còn viết kèm bên cạnh mấy chữ Hán "*Vị hà! Vị hà! - Tại sao! Tại sao!*", với những dấu chấm than vẽ hình những giọt nước mắt to, và chúng cũng có vẻ giống như hai chiếc đinh đóng tằn nhằn xuống, nếu căn cứ theo nét sỗ sác mạnh mẽ mà đoán; lại có cả một mảnh giấy hoa tiên có lẽ là từ một tập thơ do nhà xuất bản Hoa Tiên ấn hành, có in bài thơ tiếng Việt, cháy lem nhem:

Hôm qua... (cháy lăm nhăm) ...về

Với một cành hoa gầy

Sửng nặng gieo đầu tre

Lạnh tràn theo gió đấy

(lem nhem vài dòng, đọc không được)

Đêm qua bên láng giếng

(chữ lại mờ quá, không đọc được)

Cô gái nhỏ thung dung

Qua miếng vườn hoa nhỏ

Đất nằm im dưới cỏ

Hoa tạ màu nhỏ nhưng 1

(cháy từ đây trở xuống; hẳn không biết bài thơ còn thêm câu nào nữa không?)

Bài thơ nước Việt, câu thơ xứ Anh, và tên một nơi chốn nâng trí tuệ con người lên cao, bị dính chặt vào cục đất đàn độn. Ba số mạng bùn bị trộn với trùn. Hẳn khế nhẹ cục bùn khô, cẩn trọng bóc, và cuối cùng cứu được ba mảnh giấy. Cho giấy và cho mình. Cục đất và những bầu trời vời vời. Vết cháy và những suối nguồn lộng lẫy. Và hẳn cứ dính ninh sờ hữu của ba mảnh giấy ấy phải là của một cô gái. Con gái mới có những giọt nước mắt lớn, mơ ước trộm trời, và thu

hận dữ dần như thế! Qua hàng chục lần *kiểm tra đột xuất*, rồi *chuyển trại* mấy lượt, hắn vẫn giữ được ba mảnh giấy lem lốck ấy như những chứng tử duyên trái vụ vợ.

Một năm sau ngày khu kinh tế mới La Ngà bị dẹp bỏ, hắn được thả. Hắn nhẹ tênh qua sông, nhìn lại khu kinh tế mới, nhìn phế tích của những gượng dậy gây gục mà hắn biết hắn khó mà quên.

Sau khi tốt nghiệp khoa khảo cổ, chuyên ngành trùng tu cổ bản, hắn, hên, được làm việc ngay tại đại học Cambridge, nơi hắn tốt nghiệp. Hắn là người có công phục chế một số văn bản quan trọng mới tìm được hoặc tìm được đã lâu nhưng chưa được xử lý đúng mức, như bản cổ thư bằng đất nung Kinh Uống Rượu mới đào được từ dưới chân tường cổ thành của người Assyria, nay thuộc Irắc; bản Kinh Têm Tràu, một loại Sutra tối cổ viết trên thẻ lá dứa của Ấn Độ; và một cuốn khác mới được một du khách Mỹ tình cờ tìm được ở sa mạc Gobi, mà có lẽ Thành Cát Tư Hãn (người rất thích tìm hiểu các trào lưu tư tưởng kiến thức từ các thầy cả giáo phái Kitô giáo Nestorien xa lắc cho đến các thầy chùa Trung Hoa láng giềng) đã tịch thu từ các thư khố triều đình Trung Quốc, và đã đánh rớt trên đường về quê chẳng? Sách có tên Âm vực Biểu tượng Kinh, khắc trên xương, có từ đời nhà Thương; đã được nhà xuất bản Chiêu Dương, Hương Cảng, chụp, và in lại bằng khải tự năm 197... Sách đã gây xôn xao dư luận một thời ở đó, cũng như ở các trung tâm Hoa học của các đại học trên thế giới, vì sách viết về nhiều chuyện có tầm mức quan trọng đến nỗi nó làm người ta phải xét lại lịch sử cổ đại Trung Hoa mà, qua các triều đại, các sử gia đã cương ẩu hơi nhiều. Ngoài ra, trong sách có một chi tiết nhỏ: Vua Thần Nông, vị vua thích hoa cỏ nhất của Trung Quốc vào cái thời mà tiên nhiều hơn người, đã khuyên các cô gái đồng trinh (xử nữ) nên cài hoa ở *hạ địa khẩu*, hầu xua đuổi tà thần một sừng, mà chữ Hán gọi là *độc giác chi quĩ*. Hắn rất ngạc nhiên khi đọc đến đoạn này, nên sau đó đã tò mò đọc các cổ thư, tài liệu khác của Tàu để xem lời khuyên trên vua Thần Nông có cái ý bậy bạ như hắn chợt nghĩ, hay đây chỉ là một món thuốc vườn chống độc trùng mà ngài tổ sư thuốc bắc Thần Nông kê cho các cô mới lớn. Một trong những tài liệu hắn tình cờ đọc được đó là một phúc trình của các nhà khảo cổ Trung Hoa đăng lại trong tạp chí khảo cổ của Viện đại học Hương Cảng đề cập đến những khám phá mới về nền văn minh thuộc lưu vực sông Dương Tử. Hắn thấy trong bản phúc trình đó còn có một hình chụp một cái chum bằng đất sét nung có chạm nổi hình một đoàn thiếu nữ vén váy qua khe, có cô ôm bầu trái, có nường ngậm hoa gạo ngang miệng, và dưới hình chạm còn lơ mờ hàng chữ viết bằng cốt giáp tự: *xử nữ quá giản* - gái trinh qua khe. Hắn suy nghĩ không biết chuyện ngậm hoa gạo ngang nơi miệng của các nàng gái trinh này và chuyện cài hoa ở *hạ địa khẩu* theo lời bảo ban của ngài Thần Nông kể trên có sự liên quan nào chẳng, hoặc giả chuyện ngậm hoa gạo ngang miệng như thế chỉ là một tín hiệu của các nàng đã tới tuổi cập kê gọi các chàng tài tử phong lưu.

Và thỉnh thoảng hắn cũng được mời nói chuyện trong một số chương trình truyền hình tạp lục của Anh, nói về những đề tài lảm cẩm kể trên.

Khoảng một tuần sau buổi nói chuyện cuối cùng, về đề tài hoa gạo trong khảo cổ, hắn nhận được thư do đài chuyển, viết bằng tiếng Anh. Thư có cái văn phong cẩn thận

của người ngoại quốc chưa dám phóng bút. Trong thư, vị đó thắc mắc một câu có hơi ngoài lề: Tại sao ông Trục là người Việt Nam qua Anh tỵ nạn - giống dân mà người nào trong đầu cũng đều có một ông vua - không chọn học những ngành hái ra tiền mà lại chọn cái ngành, thứ nhất, tốn nhiều thời giờ để học cho tới nơi tới chốn, thứ hai, lại là cái ngành chuyên phủ bụi thời gian như thế. Hắn đọc thư, tự nhiên lên đồng, viết thư trả lời ngông: Chẳng qua vì hoa gạo ven sông; và sợ người viết thư không biết cây gạo là gì, hắn còn chú thêm tên cây bằng tiếng La tinh cho đúng bài bản, và còn giới thiệu cuốn *Cây Cỏ Việt Nam* của Phạm Hoàng Hộ, và cuốn *Thực Vật Á Châu Nhiệt Đới* của James Lin để xem cho tường.

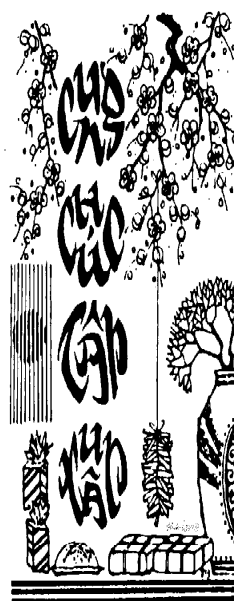
Thư đi đã lâu mà hắn chẳng nhận được một lời phúc đáp bình phẩm gì về lá thư, nhưng rồi hắn cũng quên như đã từng quên bao nhiêu ngông ngạo trong đời. Và hắn nghĩ người gởi hắn cũng hối tiếc cho cái xốc rồ vô ích tốn thời giờ của mình, vì đã mất công gởi thư, mà lại nhận được những lời lẽ mát giầy như thế.

Trong một buổi họp mặt thường niên của các cựu sinh viên đại học Cambridge, toàn ông to bà lớn. Có cả người tận bên Đài Loan, Hương Cảng, và bên Nhật qua. Ai nấy đều hi hỏ. Quần áo lịch sự chải chuốt. Họ là những người thành công, những kẻ bận rộn với cái hiện tại ngon lành của mình và cũng muốn thông báo cho mọi người biết cái ngon lành của mình dưới những bộ dạng, lối nói đầy khiêm tốn. Hắn cũng là một người đã tốt nghiệp nhưng không thành công được như họ. Vẫn chiếc quần *jeans*, áo sơ mi rề tiền và chẳng được phẳng phiu như những tờ cổ thư hắn chỉnh lý. Hắn là con người của những cổ bản hơn là cổ phần.

Xôn xao tiệc rượu vườn ngoài. Cỏ cây xanh non một màu, nhưng đặng góc vườn đứng bơ vơ một cây du Nhật Bản mỏng manh, lá đỏ, đồ rượu chất sum vầy, đồ máu bầm có lử. Và xuân tuy mới sang, mà lá du chưa chi đã đan kín cành, nhưng lá còn mềm, chưa cứng đủ để lao xao tiếng loài người, ví dụ, "Chào... anh cây gạo".

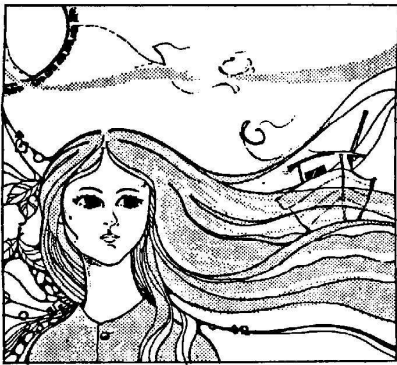
Hướng hồ còn bằng giọng Sài Gòn ngọt ngào.

Lại càng là chuyện không thể.



Chú thích:

(1) **Đêm qua thu...**: Nguyên bài thơ với tựa đề **Thu: Hôm qua thu mới về, Với một cành hoa gạo, Suông nặng gieo đầu tre, Lạnh tràn theo gió đẩy / Thu tôi trong vườn bên, Ngõ ngang màu cúc mới. Đêm qua bên láng giềng, Êm tựa nhàn thu tôi / Cô gái nhỏ thung dung, Qua miếng vườn hoa nhỏ. Đất nằm im dưới cỏ, Hoa tạ màu nhỏ nhung.** (Thi sĩ Bùi Giáng, trong cuốn *Đường đi trong rừng*, cho bài thơ này là bài thơ mùa thu hay nhất trong nền văn chương thế giới).



NHỮNG MẢNG MÀU QUÁ KHỨ

Hai mươi hai năm sau ngày vượt biên, Hưng lên phi cơ về thăm lại Việt Nam, trong mùa hè. Vừa ra khỏi cửa phi trường hơi nóng từ ngoài đã phủ lên mình anh. Hưng nhận ra ngay: Hơi hướm của quê hương, nóng... và nóng.

Về lại quê hương sau một thời gian dài xa cách, Hưng thấy không biết bao nhiêu chuyện lạ. Nhiều chuyện bất ngờ xảy ra làm anh hụt hẫng, hoang mang! Vị "Thủ Trưởng" khả kính ngày nào của Hưng, giờ tóc bạc phơ, con cái ra trường đi làm, đã có thể tình bơ đùa giỡn với anh ngay ngày đầu gặp nhau rằng:

- Mày muốn đi bia ôm tao dẫn mày đi! Ở đây thịnh thoàng tao vẫn đi.

Hưng không biết ông "nói chơi hay nói giỡn". Mời ông vào một quán ăn, Hưng thành thật nói:

- Anh muốn ăn gì cứ kêu, Hưng sẽ ăn với anh.

Ông gọi món đắt tiền nhất trong tiệm: Cua rang muối.

Kêu xong mặt ông vui, nhưng mặt cô chạy bàn không vui chút nào, cô có vẻ hơi hoang, chạy ngay vào bà chủ quán đang ngồi ở Theke. Quán ăn ở tỉnh lẻ, dù gần sông biển, nhưng đâu phải lúc nào cũng có cua có ghẹ, cũng bán được cua được ghẹ. Không biết cô bồi bàn nói gì mà bà chủ quán đi ra phía sau ngay. Một anh chàng ốm yếu tức tốc đạp xe đi. lát sau anh quay về, tay xách mấy con cua, đi nhanh vào bếp như người ăn trộm. Mỗi lần có khách kêu chắc là mỗi lần phải ra chợ mua!

Ánh sáng trong quán lờ mờ, nhưng quán này là quán cơm, quán nhậu

đàng hoàng, chứ không phải quán bia ôm, cà phê ôm nên không có các em "tiếp thị". Còn các quán khác, Hưng đã có dịp ngồi, dù đèn đuốc sáng choang nhưng đầy các em tiếp thị, rót bia, rót rượu liên tục để... kiếm tiền. Kinh tế thị trường mà! Chuyện sau hai mươi hai năm giữa hai người nhân viên và xếp ngày nào được kể ra liên tu bất tận. Từ chính trị, kinh tế, xã hội, đến nền tảng gia đình, tương lai quốc gia, dân tộc v.v...

May mắn là ông này còn nói được những chuyện khác cho Hưng nghe, chứ không như mấy ngày trước đây, đi thăm bạn bè Hưng có cảm tưởng rằng ở đây bây giờ bạn bè anh chỉ mong có dịp để nhậu nhẹt, ăn chơi. Anh nghĩ, bản thân mình chẳng tốt lành gì, nhưng thực sự anh buồn vô hạn khi hỏi ra là bạn bè cũ chỉ thích ăn nhậu, ít thích bản chuyện gì khác. Đôi khi, câu chuyện đẩy đưa về thời quá khứ, chuyện vượt biên hụt ngày trước, chuyện tù tội vì bỏ nước ra đi, chuyện cô này cô nọ, nhưng tất cả đều nhanh chóng đi qua. Trước mắt nhậu cái đã, sau đó các màn khác. Cũng lại ăn chơi!

Cứ khi rảnh rỗi Hưng lấy chiếc xe Cup của ông anh rẽ chạy vòng vòng trên những con đường. Những con đường mang đầy ắp hình ảnh của anh trong thời thơ ấu. Ngừng xe nơi bàu nước lợ, cạnh căn nhà cũ của cha mẹ và cái villa do cha mẹ làm gác-dan, thời anh còn năm sáu tuổi, trước ngày tản cư rời bỏ nơi đây để về vùng an ninh. Anh lấy máy ảnh chụp dần dần đầy trên một tảng đá nhỏ nằm cạnh đường. Trong ảnh có giàn hoa, có bàu nước, có cả cảnh biển trong buổi sáng mùa hè. Tất cả những cảnh trí, màu sắc này, đã từng bao bọc tuổi thơ anh. Hình ảnh rất gần, nhưng lại cũng rất xa. Cái bàu đó, ngày nào, trong một đêm tối, trời đen như mực, ba Hưng đã phải tiếp một người đàn ông, vô gia cư, không biết từ đâu đến. Không có lý lịch "trích ngang lẫn dọc". Giữa vùng rừng núi hoang vắng sau hiệp định Genève phân chia đất nước, ông ta đến như ma như quỷ hiện về. Ăn xong, ông xin ngủ lại trong nhà. Ba Hưng sợ, năn nỉ ông nên đến một miếu hoang trong ấp ngủ tạm qua đêm, ngày mai trình Trưởng Ấp rồi tính tiếp. Ông gật đầu đồng ý, chẳng nói chẳng rằng, Ba Hưng dẫn đường đi trước, ông theo sau, hỏi gì ông cũng không nói. Trời tối của đêm ba mươi, không trăng không sao, hai người đàn ông kẻ trước người

sau lầm lũi trong đêm. Đến gần miếu, ba Hưng quay lại định chỉ cho ông lối vào, nhưng ông đã biến mất. Người ba Hưng lạnh tanh. Sợ quá ông quày quà quay lại về nhà, đi như chạy, bên tai lại nghe tiếng huýt gió lạnh lốt trong đêm, trên những nhánh cây, trên những mái nhà.

Mấy hôm sau, nơi bàu nước này, mấy anh chặn bộ phát hiện ra có một người đàn ông nằm chết trong tu thế đau đớn, quần quại. Ba Hưng báo chính quyền xã đến điều tra. Chính là người đàn ông lạ mấy đêm trước đã vào nhà Hưng. Thân xác sinh thú của ông được vớt lên chôn cất cạnh bàu. Ông chết không một người thân đến đưa đón. Vẫn là một người vô danh, không tiểu sử! Chính quyền xã đành chịu, không điều tra được gì cả.

Mấy hôm sau, người đàn ông vạm vỡ tên Tám Trầu, gác-dan cho một villa nằm bên kia bàu nước kể rằng, chính ông này đã đến "phá đám" bữa ăn tối của chủ ông. Ông "đập" cho một trận rồi tống ra khỏi cửa, chắc sau đó ông ra bàu nằm chết! Cảnh mộ người đàn ông lạ ba Hưng xin phép chính quyền xã cho lập một ngôi miếu để thờ ông. Miếu Tiên Sư. Như vậy, sống không nơi nương tựa nhưng khi chết ông lại có nơi chốn quay về.

Nơi đây, ngày đó không chỉ có chuyện người đàn ông lạ gây ngạc nhiên cho những người dân trong ấp. Chuyện những cô gái còn trinh đến đây du lịch, chết đuối, đã gây bao nhiêu kinh dị cho khách đi đường. Những buổi trưa mặt trời đang đứng bóng, ít ai dám đi bộ ngang những eo biển, có những cây dương thật cao, nơi những cô gái đã chết. Có người kể đã gặp một cô gái thật đẹp ra đứng chặn đường giữa trưa, nói chuyện một hồi cô gái đẹp hiện thành ma. Ma giữa ban ngày! Mọi câu chuyện, miệng truyền miệng, ít được ai kiểm chứng. Tuổi thơ Hưng cứ dần lớn lên theo những truyền thuyết kinh dị, hoang đường như vậy.

Từ lớp sương mù quá khứ, trong Hưng lại hiện ra gương mặt nhăn nhúm hôm sâu, vóc người nhỏ nhắn của bác hai Nền. Gốc gác ở tận Xóm Cùi, Chợ Lớn, bác cùng gia đình trôi giạt về quê Hưng làm nghề hầm than hái củi, làm rẫy, làm vườn. Căn nhà lá của bác nằm sâu trong chân núi. Từ ngoài đường cái đi vào, phải qua những tảng đá lớn đầy bọt khi leo trèo trên những nhánh cây, bờ đá. Con đường mòn nhỏ những buổi sớm sương còn ướt đầm. Miệng bác lúc nào cũng như cười hoặc sấp cười. Ánh mắt bác hiền hậu, khi

nhìn ai như đem tin yêu, hy vọng lại cho người đó. Mỗi sáng ba Hưng dẫn Hưng vào quán cà-phê đã thấy có bác ngồi ở đó. Lúc nào bác cũng kể vài câu chuyện vui cho các khách đang ngồi trong quán. Bác đem tấm lòng nhân hậu của mình để làm trò vui cho kẻ khác. Bác kể thời kỳ còn nhỏ, ở Sài Gòn, hay theo chọc ghẹo các đào kép của các gánh hát bội nghèo. Khi kể, chân tay bác hay múa may như người đã đi hát bội từng trải. Bác nói chuyện hơi cà lăm, nên cách kể có phần vui hơn. Những đoạn Tào Tháo bị khốn với Chu Lang. Vui nhất là màn bác lén lấy "phân người" quệt vào những bộ râu của các đào kép Tào Tháo. Bác kể, chưa tới màn mình trình diễn, Tào Tháo cứ lột râu ra, vắt đại đầu đó để đi chơi, chọc đào, tán gái. Trước một hai phút tới tuồng, Tào Tháo hốt hải chạy về mang râu vào, lỡ có nhận ra rằng phân đầu đó nằm gần chỗ hai lỗ mũi cũng đã muộn rồi! Khi ra hát, màn không đáng giận mặt Tào Tháo cũng nhăn nhó, hằm hằm như giận; còn màn phải giận thì ôi thôi Tào Tháo quạu quọ thêm hơn, la mắng um sùm trên sân khấu. Mặt bác hai Nền lúc này cũng nhăn nhó trong không khác gì đang mang râu có quệt phân do chính mình làm.

Chiếc xe Cup vẫn chạy trên con đường làng, đầu óc Hưng chìm lắng sâu hơn vào thời kỳ sau ngày cùng gia đình tản cư, bỏ ấp về làng có an ninh. Ấp cũ ngày ấy chính quyền xã vẫn cho phép người dân sáng đi chiều về để thăm vườn đất, hái củi, làm vườn. Bỗng nhiên trong một thời gian ngắn người dân không được phép đến đây nữa. Phi cơ B52 bắt đầu đánh bom trên núi. Tàu chiến đậu ngoài khơi thỉnh thoảng trong đêm bắn đạn vào. Sau đôi lần đánh bom, bắn đạn, buổi chiều một đoàn trực thăng chở lính Mỹ đến đóng quân trong ấp, tào thanh Việt Cộng. Đoàn trực thăng rầm rộ đóng đảo, như những con chuồn chuồn khổng lồ bay thật thấp ngang làng, làm mọi người hốt hoảng. Sau đó mới biết trực thăng đã mang lính Mỹ đáp xuống ấp cũ để hành quân. Họ làm gì đâu ai biết, đánh giặc ra sao chẳng ai hay, chỉ biết sau hai tuần đóng quân họ ra đi và để lại cho người dân quanh vùng những ngày "hội lớn". Lính giàu đánh giặc có khác. Họ chôn hết xuống hố cá nhân tất cả những thịt hộp, thức ăn, đường sữa mà họ đã lãnh được trong lúc hành quân. Chắc về lại hậu cứ họ lại lãnh cái khác? Nhưng vì muốn bỏ nên trên mặt mỗi hộp lính Mỹ đều đục hai lỗ nhỏ hai bên. Nhưng không sao, khi khai hộp ra

cứ lấy muỗng vét sạch hai chỗ bị đục là xong. Từng đoàn người dân quê quanh ấp đã đến đây đào lên những món ngon vật lạ này. Từ thời điểm ấy Hưng mới biết đồ ăn Mỹ. Như mọi người, Hưng cùng ông già đào lên những chiếc hộp, chiếc thùng đựng đồ ăn lẫn trong bụi cát. Nếu ai sợ có mìn thì cứ cột dây vào các miệng thùng rồi đi ra xa nằm sấp mà kéo cho an toàn. May mắn không có ai bị chết vì mìn. Ngày ấy, Hưng thích nhất những chiếc hộp giệp đựng đậu phộng xay nhuyễn. Mùi vị béo, bùi bùi làm sao! Niềm vui y như ngày ấy cứ đi dọc theo bờ biển, lượm những trái cam vàng từ các tàu Mỹ trôi tấp vào. Vật nhỏ mọn nhưng lạ, vì cam Mỹ có màu vàng tươi, không giống cam Việt Nam vỏ có màu xanh. Cam tấp lên bờ nằm dài nắng dầm sương trên cát không biết bao lâu, nhưng khi người lượm bóc ra ăn, cam vàng vẫn còn rất ngon ngọt.

Buổi chiều ở thị xã, khi ánh mặt trời sắp khuất, gió từ biển thổi vào mát mẻ, quyến rũ mọi người ra ngoài, tản bộ, hoặc chạy xe vòng vòng trên những đường phố. Bỗng dưng Hưng nhớ đến cô Nga, cô giáo dạy Việt văn lúc cậu mười sáu tuổi. Ngày ấy Hưng rất yêu cô Nga, cô giáo có Cử nhân Văn chương. Mỗi tình học trò yêu cô giáo, yêu trong tâm lạnh, thầm kín. Cô Nga không đẹp lắm nếu so với các cô giáo khác trong trường, nhưng Hưng vẫn yêu. Lúc đó cô chưa có chồng, đáng cô đi khoan thai, chân khi đi về ra chữ bát như các bà Tổng bà Huyện trong các phim đồng quê. Bây giờ cô ra sao? Hưng nghe bạn bè nói, chồng đã chết, cô đang ở vậy một mình với hai đứa con. Cô nghĩ dạy lâu rồi, sống bằng nghề "bốc thuốc Nam".

Xe của Hưng hướng đến nhà cô, trên con đường có đá vụn, khi trời chiều vừa sụp nắng. Để gì cũng đã hơn ba mươi mấy năm đã qua. Cô và Hưng nhận ra nhau ngay. Cô đang bận bịu với vài con bệnh. Sơ mi cho một bé gái. Theo lời mẹ nó thì bé không chịu ăn, phải sơ mi. Vú người đàn bà vẫn còn trẻ để hở ra từ chiếc áo bà ba đã mất một hạt nút. Những cô gái quê, sau khi có một hai mặt con, không còn màng đến sắc đẹp, ý tứ, trước những người lạ mặt. Một bà già khác dẫn cháu đến mua dầu xúc ghè. Những chấm ghè trên chân. Cậu bé khóc, nước mũi nước mắt chảy ra có dòng trên mặt. Chắc cậu ham chơi không chịu cùng bà đi mua thuốc.

Khách hàng đi, cô đến ngồi bên cậu học trò cũ. Cô than:

-... Cô giờ đã già rồi! Không biết làm gì nên phải xoay sở kiếm sống bằng nghề này. Nghề của bà già để lại đó... Có một em học sinh cũ đến thăm cô, nói giỡn, ngày đó em mê nhất là cái eo của cô đó cô ơi! Tụi nó giờ ở nước ngoài nhiều lắm, mỗi lần đến đều cho cô tiền để xài! Chứ em thấy đó, làm nghề bán thuốc Nam này đâu được bao nhiêu tiền! Rảnh cô còn phải đi làm ruộng, kiếm lúa...".

Hưng thấy cô vẫn còn eo đẹp như ngày nào. Cô ốm. Có phần còn ốm hơn ngày trước cô còn là cô giáo trẻ. Thấy trên tay Hưng có vài cái mận đỏ do muối chích, cô lẹ làng lấy dầu thoa lên, như mẹ lo cho con. Lòng Hưng lâng lâng cảm giác xao xuyến. Cô trò chuyện rất vui. Già nhưng cô vẫn còn nét lắm. Không hiểu sao chồng cô lại nở bỏ cô ra đi sớm như vậy!? Muốn nói với cô ngày đó Hưng cũng đã thầm yêu cô đó cô ơi, nhưng như có ai cản, đành câm nín. Anh chỉ nhìn cô, cô nhìn anh, ánh mắt hai người đều triu mến đắp cho nhau. Hưng xót xa khi biết cô đã không còn dạy từ sau ngày ba mươi tháng tư lặn. Cô làm ruộng từ ngày đó đến nay. Ôi cô giáo có Cử nhân Văn chương một thời, giờ phải như vậy sao! Mà không, cô đã chịu vậy từ sau ngày đất nước thay da đổi chủ lặn. Chắc cũng tại vì lý lịch?

Về thăm quê ngoại, làng làm nghề biển, nơi má Hưng, thứ tư, và bốn người em gái sinh ra và lớn lên quanh quần trong căn nhà trước biển, trên khu đất của ông bà ngoại. Trong ngày này, Hưng đi thăm hầu hết mọi người, ngoại trừ người dượng rể, dù ông hiện tại đang ở đơn độc một mình, rất đáng thương, chỉ vì Hưng đã nghe tin ông vác rựa chém chết ngay đứa cháu bên vợ trong một lần cãi vã. Chuyện qua rồi, Hưng không còn giận ông, nhưng tự dưng anh không muốn gặp ông. Anh nghĩ, khi thăm có thể anh sẽ chỉ mang lại cho ông nỗi ân hận, phiền muộn, vì những chuyện đã qua. Con người có thể vì sự nóng giận một chút mà hành động đến nguy hiểm như vậy sao? Đứa cháu chết vì nhát rựa của dượng Bày, chồng dì ruột mình, trong một vụ lẩn đất qua lại ở hàng rào do ông bà nội ngoại để lại. Hưng nghĩ, hay là tại dì Bày mất đã để lại cho ông những lỗ hổng trong tâm hồn nên ông thay đổi dữ đến như vậy. Nhưng người ở tù trong vụ này lại không phải là dượng Bày, mà là Tư, người con trai thứ của dì dượng. Thấy cha đã già, sợ chịu tù lâu không nổi nên Tư đã đứng ra nhận với công an xã tội giết em để ở tù thay

cha. Công an xã biết chuyện, nhưng vẫn để yên. Tu bị ở tù mười một năm. Gặp lại Tu, Hưng vẫn thấy cậu khỏe mạnh, yêu đời, đã có vợ có con. Nhưng cậu than: "-Mười một năm ở tù cay đắng lắm anh ơi, nhưng em vẫn cần rằng chịu đựng vì nghĩ mình đã ở tù thế cho ba mình. Anh thấy, ông già như vậy làm sao ông chịu nổi trong tù?". Sau khi nghe kể, Hưng nghĩ, đúng là ngày nay vẫn có những người con như trong Nhị Thập Tứ Hiếu.

Bé Năm, bé Sáu, bé Bảy, bé Tám là những người con trai của di Tám của Hưng. Việt Nam chánh gốc, nhưng tóc và lông mi của cả bốn anh em đều hơi vàng vàng như Tây lai. Gia đình sống chuyên về nghề biển. Nghề cha sinh mẹ đẻ. Di Bảy, di Tám của Hưng mất trước năm bảy mươi lăm, lúc Hưng đang sống Sài Gòn, nên cũng không về quê dự đám táng của hai di được. Di Bảy mất vì bệnh tim. Đang đi buôn bán thì đứng tim chết. Còn di Tám mất vì thương nhớ đứa con trai, bé Sáu. Đang đi biển vào, gặp lúc hai bên đang đánh nhau, một viên đạn không biết từ bên nào đã trúng bụng bé Sáu. Ruột lòi ra nhưng vẫn còn kịp chờ lên nhà thương quận cấp cứu. Sau đó về nằm nhà tịnh dưỡng chờ lành để đi biển lại. Một buổi trưa bé Sáu nói thèm khoai mì của di Tám vừa mua về. Thương con di Tám cho bé Sáu ăn. Ăn xong Bé Sáu kêu đau, chở đến nhà thương, cứu không kịp, nên chết. Nghe nói khoai mì không tiêu! Di Tám buồn, sầu héo rồi chết theo vì nghĩ mình thương con mà đã "giết con".

Trong những ngày ở ngoại quốc, Hưng có nghe di Sáu đập miếng chai bị sưng chân, các con di lo chạy chữa nhưng vẫn không kịp! Hôm ghé thăm con Em, con út di, nghe nó kể Hưng cũng buồn. Cảnh nghèo cảnh khổ cứ quanh năm đeo đuổi những người dân già, làm biển. Khi từ già, con Em xin: "- Anh Hưng ra *quáy*, nhớ cứ khi trước Tết anh gửi địa cho em năm chục đô nha! Em chỉ cần lúc Tết thôi. Ra Giêng vợ chồng em chạy được. Tết mà không có tiền, quài lắm! Nghèo như *dày* đi *dày* mượn ai cho!". Vợ chồng con cái quanh năm với vài ba lồng lưới chắc không đủ ăn lúc mùa Bắc? Ra đi, Hưng không bao giờ quên được đôi mắt con Em lúc nói xin tiền. Cặp mắt với vợ, van lơn, khẩn cầu.

Tuần lễ cuối cùng, trước khi ra ngoại quốc lại, sau những giảng cơ trong đầu, Hưng đã đi thăm lại cô bạn cũ. Gọi là người yêu cũ cũng được. Hiện tại cô đã có gia đình, con cái

đàng hoàng. Hưng đầu quên được đêm hai đứa nằm bên đống muối biển để chờ "cá nhỏ" (thuyền nhỏ) vào đón cho chuyến vượt biên. Đêm âm u, mùi muối nồng nặc, hơi ẩm rịn rịn. Giữa cánh đồng nước mặn làm muối biển, trong đêm dẫu có hai con người, nhưng vẫn là nhỏ bé đơn độc đối với đất trời. Chưa cưới hỏi nhưng Hưng và Thiên vẫn quyết định cùng nhau ra đi tìm hạnh phúc và cuộc sống mới bên kia đại dương, chỉ vì đất nước tồi tệ, chứ không phải vì sợ lao động. Đêm ấy nằm bên nhau nhìn trăng sao, cùng thêu dệt ước mơ. Một toán khách đến, rồi một toán khác. Khi khách đi đông đủ cũng là lúc theo lệnh người dẫn đường Hưng và Thiên phải chia tay theo thành hai nhóm. Đàn ông theo đàn ông. Đàn bà theo đàn bà. Kể từ lúc chia tay đó cũng là lúc Hưng và Thiên chia tay nhau vĩnh viễn....

Thiên đang ngủ trưa trên bộ ván để trước nhà, thấy có người hỏi đến tên mình, lật đặt ngồi dậy. Thiên không ngờ Hưng đến thăm cô. Sau vài phút đầu ngỡ ngàng, Thiên kể:

... Đêm đi ấy, em đã ngồi trên ghe nhỏ rồi. Ghe chạy lên chạy xuống tìm ghe lớn để nhập bọn mà đi. Nhưng tìm mãi vẫn không được. Anh lái ghe cũng sợ vì trời mỗi lúc một gần sáng. Trời ơi lần đầu tiên ngồi ghe đi biển em mới biết sợ sóng biển như thế nào. Anh lái ghe, vì muốn tìm ghe lớn cho lẹ nên anh đã cho ghe chạy hết tốc lực. Ghe xẻ sóng đi, nước biển văng lên đầy đầu. Cuối cùng phải trở về nhà, em buồn vô hạn. Sau đó nghe nói anh đã ở trên ghe lớn và đã ra đi em càng buồn hơn...".

Thằng con trai lớn của Thiên đang nằm ngủ trên chiếc võng, cạnh hai người đang ngồi nói chuyện. Cậu ngủ mê man. Cậu bằng đứa con gái lớn của Hưng. Thời gian đã qua chỉ còn để lại nơi đây, giữa hai người, những băng khuâng! Buổi xế trưa trước nhà Thiên hơi buồn, vắng người qua lại. Thiên bây giờ mập mạp. Trong bộ đồ ngủ đồng màu, ngắn tay, để lòi ra hai cánh tay đầy đặn, có thịt. Trông Thiên không có vẻ vất vả lắm. Nhưng mặt cô buồn...

Hưng lại rời Việt Nam, bỏ lại quê hương với những dấu ấn thời gian sâu đậm để mang theo nỗi ám ảnh không nguôi. Từ phương trời xa lạ, khi nghĩ về Việt Nam, trong anh như chỉ còn những mảng màu nhợt nhạt trên tấm tranh đã cũ mèm vì thời gian. •

Làm nội trợ tâm thường



Con thành thực cảm ơn
Trời Phật từ lòng thương
Cho con ơn khá lớn
Làm nội trợ tâm thường

Con cảm ơn ở nhà
Chăm sóc cho mẹ già
Nuôi ba con còn nhỏ
Hầu ông chồng kẻ tha.

Trăm công chuyên bù đầu
Việc làm trước quên sau
Suốt ngày từ sáng sớm
Cho tới mãi đêm thâu.

Má trâu có côm canh
Sắp nhỏ được tổ thành
Cuối tuần chẳng có nhau
Nhà cửa sạch sành sanh.

Của táng tội nhà con
Kể cũng khá hoàn toàn
Nếu không vướng mắc tất
Vui bạn, mẹ bóng tròn.

Con xin Trời Phật thương
Cho con được khôn ngoan
Biết giữ gìn hạnh phúc
Làm nội trợ tâm thường.

Đồng Châu



Tiếng sủng đêm Giao Thừa

● Hiếu Đệ

Phía xã hội chủ nghĩa dồn ép con người vào đời sống của một trại lính, bắt con người phải thoát ly gia đình không có quyền vương vấn thế nhĩ. Yêu thương chỉ là cái trò tư sản cần phải xóa bỏ. Nhà thơ Hoàng Cầm thương người vợ nghèo vẫn bị phê phán:

*Tôi có người vợ nghèo
Đời vất vả gieo neo
Lần hồi rau cháo dăm phiên chợ
Ngực lép thân gầy áo tả tơi
Đêm 30 gió thổi
Tôi bỗng nhỏ con tôi
Khóc thét lặng từng hồi
Mẹ thời nước mắt nhiều hơn sữa.*

Nhà thơ Hữu Loan khóc người vợ trẻ mất ở hậu phương:
*Sao không chết người trai ngoài khơi lửa
Mà chết người gái nhỏ miền xuôi
Tôi về không gặp nàng
Mẹ tôi ngồi bên mộ con đầy bóng tối
Chiếc bình hoa ngày cũ
Nay thành bình hưởng tàn lạnh vầy quanh.*

Trong lần phỏng vấn nhà thơ Hữu Loan do đài BBC Luân Đôn thực hiện, anh ta chửi rủa: "Thuở nay vợ tôi chết tôi làm thơ khóc vợ mà nó cũng cấm nữa. Ai có chịu nổi không?". Khẩu hiệu của Đảng là chỉ có chiến đấu và sản xuất để xây dựng xã hội chủ nghĩa giàu mạnh. Nhưng muôn đời chẳng thấy đất nước giàu tí nào. Có giàu chẳng chỉ là dành cho mấy tên tham nhũng thôi.

Ngày đầu Cộng Sản cưỡng chiếm miền Nam, các loại nhạc vàng, nhạc tiền chiến bị cấm hát. Các tụ điểm văn hóa chỉ cho hát các loại nhạc tuyên truyền như *Vùng lên nhân dân anh hùng*, *Ca ngợi người du kích đồng khởi*, *Dáng đứng Bến Tre* v.v...

Đến năm 1985 chủ nghĩa CS ở Liên Xô và Bắc Âu bị suy yếu, Tổng Bí Thư Gorbachov kêu gọi Glasnot "mở cửa" phải làm ăn với các nước tư bản. Phải đổi mới hơn là chết. Bãi bỏ chế độ bao cấp, cho phép buôn bán tự do.

Ở Việt Nam, sau Đại Hội Đảng lần thứ 6, Tổng Bí Thư Nguyễn Văn Linh cũng hô hào cởi trói cho người dân, cho phép nói thẳng, nói thật. Quả bóng bị căng phồng quá lớn nay phải cho xả xú-báp, hoặc xì hơi bớt kẻo nó có thể nổ tung.

Ngồi ở Câu lạc bộ Văn Hóa tôi nghe số văn nghệ sĩ trong đảng chửi toáng lên. Bộ đảng xem bọn trí thức Bắc Hà này là trâu bò sao mà muốn trói hay muốn thả gì cũng được. Nay còn dạy nó phải biết tự cởi trói cho mình. Người Việt Nam chúng ta đã trải qua thời đồ đá, đồ đồng. Nay chúng ta đang sống dưới thời đại "đồ đều" sao?! Đúng là lúc họ khuyến khích chửi đảng. Coi như chửi được hồi nào hay hồi nấy, biết trước thế nào rồi cũng bị trói gô lại thôi. Nhà văn Nguyễn Minh Châu viết bài kêu gọi hãy trả lại độc lập trong

việc sáng tạo Văn học Nghệ thuật và chấm dứt vai trò minh họa cho các Nghị Quyết của đảng. Nhưng đó chỉ là một loại bài cuối cùng ông viết trước ngày đi nhà thương vì bệnh ung thư phổi. Nhà văn Nguyễn Tuân hôm mừng lễ thượng thọ 80 tuổi, ông có tiết lộ rằng, sở dĩ ông sống tới ngày nay là cũng nhờ ông biết sợ đảng.

Trong một buổi thuyết trình về đổi mới Văn học Nghệ thuật tại Hội quán thành phố, nhà văn Bảo Định Giang cho biết, văn học của đảng CS nay đã mất chất lửa, nó yếu hẳn ai cũng thấy rõ, không còn vùng lên, không còn sức đấu tranh như ngày trước. Ngọn lửa đó bây giờ coi như bị trao về cho bọn chống đối lại đảng; vì bây giờ chúng ta không còn kêu gọi ai vùng lên nữa, nhờ nó vùng lên giải phóng Tập Hai thì nguy hại cả đám sao!

Từ những câu ca dao trong dân gian:

*Nam Kỳ khỏi nghĩa tiêu Công Lý
Đông Khê vùng lên mất Tự Do*

Những câu bôi nhọ châm biếm chiến thắng Điện Biên Phủ và Đại tướng Võ Nguyên Giáp, như:

*Ngày xưa Đại tướng cầm quân
Bây giờ Đại tướng cầm quần chị em.*

Khôi hài đen và những câu thơ truyền khẩu trong dân chúng đã toát lên sức chiến đấu thấy rõ. Trong khi đó thi ca và âm nhạc của anh em hội viên Văn học Nghệ thuật lại hướng về yêu đương lãng mạn. Những khúc hát của Trịnh Công Sơn:

*Bao nhiêu năm rồi người vẫn ra đi
Đi đâu loanh quanh cho đời mỗi một
Đi đâu loanh quanh cũng vòng nhật nguyệt
Chỉ thấy trăm năm một cõi đi về!*

Trần Long Ẩn ngôi sao của trào lưu nhạc trẻ, lại còn bị quan hơn cả Trịnh Công Sơn:

*Anh đi qua nhà em, không còn em ở đó
Bâng khuâng chiều ba mối
Tối đen như màu trời
Đi qua mùa lá rơi, ngỡ mùa thu đã tới
Còn vượt đèo băng sông, giữa vòm trời mênh mông...*

Anh đã mất em rồi, có thể em đã đi vùng kinh tế mới hay có thể em đã vượt biên. Em hiện là thuyền nhân ở trại Palawan, trại Sikiew hay Hồng Kông cũng không chừng! Đối với chủ nghĩa CS, tình yêu và tôn giáo bị xóa bỏ, chỉ có lao động là vinh quang, lang thang là chết đói. Thành phần thanh niên không thoát ly gia đình vào đội ngũ thanh niên là những phần tử lũng chung bị đánh giá thấp.

Về phía văn nghệ sĩ của chế độ ưu việt bách chiến bách thắng nay nhận diện mình đang bị trói chẳng bao giờ được giải thoát. Việc cởi trói hay đổi mới sau Đại Hội Đảng lần thứ 6 cũng chỉ là một thứ lạt mềm buộc chặt. Ai cũng tưởng sau thời gian hy sinh cho cuộc chiến tranh Việt Nam để hôm nay được sống trong thanh bình dễ thở. Nào ngờ đất nước lại gán thêm một cuộc chiến khác càng khốc liệt hơn. Hàng ngàn thanh niên đã ngã xuống trên chiến trường Campuchia. Hàng vạn trai trẻ lại khăn gói lên đường, Việt Cộng gọi là đi làm nghĩa vụ quốc tế. Chiến tranh dai dẳng suốt nửa thế kỷ nay rồi. Người dân không còn muốn nghe những tiếng gọi bước vào lò lửa sát sinh nữa. Tại các tụ điểm văn nghệ quận, huyện và thành phố, thanh niên chỉ thích nghe loại nhạc êm dịu, nhạc tiền chiến, nhạc vàng. Những khúc nhạc đương thời: *Người nữ tử vệ Sài Gòn*, *Trường Sơn Đông*, *Trường Sơn Tây*, *Dáng đứng Bến Tre*, từ

bộ đội đến công an họ bịt tai không còn ai muốn nghe nữa. Người xuống ngôn viên chỉ mới giới thiệu tên bài thôi, khán giả đã la ó huyết sáo kêu dẹp ngay. Họ đành phải hát nhạc tiền chiến của thời bình. Những nhạc sĩ đảng viên cũng khởi sự sáng tác những tình khúc mới ca ngợi tình yêu lứa đôi.

Ngày mới ra trại trở về thành phố, tôi được nghe văng vẳng trên các làn sóng đài phát thanh Sài Gòn bản nhạc *Người lính trẻ* của Xuân Hồng:

*Đường phố ới hây lạng yên
Chim ới dửng bay nhẹ
Và hoa ới hây tỏa hương
Và cây ới hây rung thật khê
Cho đôi bạn trẻ đón xuân về.*

*Khi mặt trận bình yên
Anh lính về thăm xóm
Cô gái vừa tan ca
Họ gặp nhau, cùng chờ nhau
Cùng khát khao hạnh phúc*

*Khi tạm biệt người yêu
Anh lính về biên giới
Cô gái vào ca ba
Họ tạm chia tay, cùng chờ nhau
Cùng khát khao hạnh phúc*

*Ồi! Hạnh phúc không chỉ có cơm ăn và áo đẹp
Và mùa xuân đâu không chỉ có hoa thơm và nắng hồng
Tạm biệt rồi
Môi vẫn đọng lại những nụ hôn.*

Trong năm đó, người ca sĩ nổi tiếng với ca khúc này là Ngọc Anh, giọng ca trẻ vừa đoạt Huy Chương Vàng thành phố HCM. Cô là một tài năng mới với giọng oanh vàng lẫn át cả đám ca sĩ đàn chị. Trong thời đại đổi mới của những năm 1986, 1987, với vẻ đẹp của một cô gái lai Mỹ giống như Quang Dũng đã diễn tả trong bài thơ *Đôi mắt người Sơn Tây*, cuộc đời của nàng cũng truân chuyên đau khổ vô cùng đúng như câu thơ của Nguyễn Du "Hồng nhan bạc phận". Trong cuộc đời, bà Sáu, mẹ nàng bị mang tiếng là người có con lai nên bị đuổi đi vùng kinh tế mới, vì vậy sự học hành của con cái cũng bị gián đoạn. Qua thời gian làm ăn thất bại ở trong rừng, gia đình nàng lại trở về xóm cũ ở quận Phú Nhuận. Nàng có người yêu là Sinh, một thanh niên cùng xóm và học cùng lớp hồi những năm trước. Hai người yêu nhau từ lâu. Gia đình Sinh cũng thuộc thành phần chính trị hạng C. Sinh đánh đàn guitar và tập cho nàng học hát từ lúc còn trên ghế nhà trường. Cuộc đời trôi nổi làm khả năng âm nhạc và ngón đàn của Sinh thêm dày dặn và điêu luyện hẳn. Hiện nay Sinh đang giữ chân guitar của Ban Văn Hóa Thông Tin quận 10 ở đường Trần Quốc Toàn. Cũng nhờ tiếng đàn của Sinh thường xuyên tập luyện nên tiếng hát của Ngọc Anh vượt hẳn từ Phường, Xã, Huyện lên đến cấp thành phố và cả nước. Nhưng đến khi nàng trở thành ca sĩ nổi danh thì cuộc đời lại đổi khác. Mẹ nàng đứng ra lo cho tương lai của nàng. Bà sắp xếp cho Ngọc Anh gặp gỡ Đại úy Dũng, thuyền trưởng chiếc tàu viễn dương số 7 ở bến Bạch Đằng. Vào thời điểm này chỉ có những chiếc tàu viễn dương mới có khả năng đi buôn lậu hàng nước ngoài và đưa người đến các trại tỵ nạn ở các vùng Đông Nam Á với một giá rất cao. Dũng xây cho mẹ Ngọc Anh một căn phố lầu thật đẹp ở ngả ba Ông Tạ, Phú Nhuận, và bảo đảm đời sống cho bà. Dĩ nhiên ai cũng biết Đại úy Dũng thuộc dòng dõi con ông cháu cha, thứ cán bộ hạng gộc, đám này đang nằm trong

Trung ương đảng. Tình yêu của chàng nhạc sĩ nghèo như bị đánh bật ra ngoài bởi uy quyền và thế lực của đồng tiền. Ở ngoài mồm người ta hô hào đấu tranh giai cấp đâu chẳng thấy, chỉ thấy mình càng nghèo thì lại càng bị giai cấp và quyền lực chà đạp, khinh rẻ. Bà Sáu mẹ của Ngọc Anh có thái độ căm chỉ không muốn cho Sinh gặp nàng. Bà cũng ngó ý thuê một tay đàn guitar khác đến tập cho nàng hát các bài mới. Trong khi đó thì Ngọc Anh là một ngôi sao đang lên, nàng được những ca sĩ đàn chị trong thành phố và các nhà tài trợ lãnh đạo các ngành văn hóa thông tin để ý chiều chuộng. Bọn đảng viên còn tính chuyện đẩy anh chàng Sinh này đi thật xa, đến chiến trường Campuchia hay Lạng Sơn cho êm chuyện. Con người CS họ hiểu sai, họ thường bảo tình yêu là cái trò tư sản, cũng như tôn giáo là một thứ á phiện để giai cấp thống trị và phong kiến trói buộc con người. Nhưng bây giờ họ lại trở thành một bọn thống trị mới, một thứ tư sản đỏ cướp đoạt hạnh phúc và đức tin con người bằng uy quyền và bạo lực. Albert Camus trong quyển *L'Homme Révolté* nói: "Con người vô sản đứng lên làm tương lai của mình bằng bạo lực để sau cùng họ chết dở sống dở bởi chính quyền bạo lực của chính họ. Như vậy bắt buộc họ phải nổi loạn một lần nữa". Cũng vì thế câu chuyện sẽ đến... phải đến.

Năm 1987 giữa lúc thành phố Sài Gòn đang đón Xuân thì Sinh xuất hiện trong nhà Ngọc Anh. Chàng đi thẳng lên lầu với khẩu AK.47. Cả nhà bà Sáu đang đông đủ để đón giao thừa, Đại úy Dũng cùng đám cán bộ và đám ca sĩ đang nâng ly rượu mừng. Sinh xuất hiện trước cửa phòng, chàng lấy chiếc khăn trắng chít lên đầu để tang cho cha mẹ, rồi đưa súng ra hỏi tội đám người. Xong chàng hạ một băng AK. Tiếng súng lẫn vào tiếng pháo mừng đêm giao thừa của thành phố. Trong cảnh mờ mịt khói súng, Sinh quay súng bắn vào người tự tử...

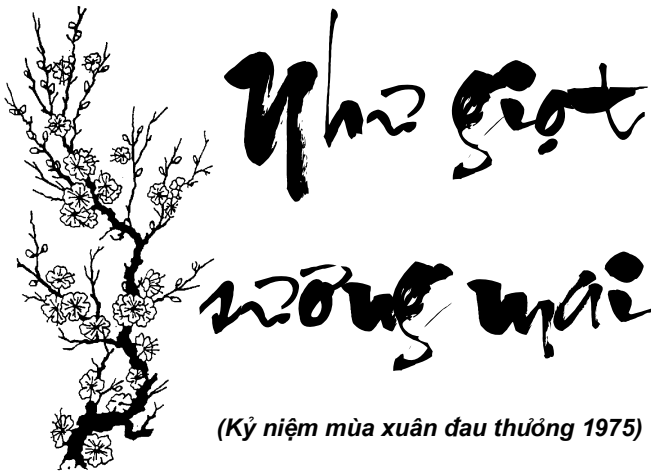
Theo bài tường thuật của báo Sài Gòn Giải Phóng thì đám cán bộ thông tin văn hóa quận 10 đang bảo vệ an ninh cho nhà hát thành phố đường Trần Quốc Toàn. Sau cũ nhậu mừng xuân chiều ba mươi Tết, tất cả ai về nhà nấy. Chỉ còn ông Ba già ở lại phụ trách vọng gác phía trước cổng. Sinh đến tử tế nói với ông Ba để cho anh gác thế cho ông, để ông được về nhà thấp hương rước ông bà. Ông Ba uống từ chiều đến giờ cũng bưng bưng cơn say, nghe Sinh nói phải quấy, ông ta rất cảm động lại còn khen anh chàng này sao tử tế quá. Bèn giao vọng gác cho anh để đi về. Không dè Sinh xách khẩu AK đi thẳng đến nhà Ngọc Anh chấm dứt cuộc tình ngang trái vào lúc đêm Giao Thừa.

Từ đêm Xuân năm đó tôi không còn nghe đài phát thanh Sài Gòn hát bài *Người Lính Trẻ* nữa và người ca sĩ nổi tiếng trong bài hát này cũng không còn.

*Khi tạm biệt người yêu
Anh lính về biên giới
Cô gái vào ca ba
Họ tạm chia tay cùng chờ nhau
Cùng khát khao hạnh phúc*

*Ồi! Hạnh phúc đôi bạn trẻ
Tuy đơn sơ nhưng nóng bỏng
Mùa xuân đâu chỉ có hoa thơm và nắng đẹp
Tạm biệt nhau rồi còn đọng lại những nụ hôn.*

Tình yêu như bùng sống trong tiếng pháo lúc giao thừa. Tình yêu đã về lại trong thành phố thân yêu, nay bị mang tên Hồ Chí Minh. Tình yêu nổ vang như tiếng pháo vang lên trong trái tim của người tuổi trẻ. Bắt đầu năm đó nhà nước không còn cho đốt pháo trong đêm giao thừa nữa...



● Đan Hà

Mấy hôm nay căn cứ Bình Điền có vẻ nhộn nhịp, khi được lệnh phân phối công tác chuẩn bị cho việc đón tiếp phái đoàn yểm trợ chiến trường lên thăm viếng cuối tuần tới. Căn cứ này là một trong những căn cứ tiền phương của Sư Đoàn I Bộ Binh, sử dụng để yểm trợ và tiếp tế cho các đơn vị hoạt động trong vùng trách nhiệm, cách Bộ Chỉ Huy khoảng từ ba đến năm bảy chục cây số. Như các vùng Bạch Mã, A Sao, A Lưới, chạy dài đến các vùng Khe Sanh, biên giới Hạ Lào. Vùng trách nhiệm này thật nặng nề, vì là vùng xâm nhập trực tiếp của cộng quân, còn gọi là vùng địa đầu giới tuyến.

Các Ban, các ngành lo phân công như Ban Khánh Tiết, Tiếp Tân. Ban Trang Trí thì lo đi chặt tre, gỗ về làm khán đài. Nói cho oai vậy chứ thật sự thì thực hiện những dây bàn đã chiến bằng tre đan lại làm mặt bàn, phía dưới đóng những cọc gỗ để giữ thế đứng; còn ghế thì cũng đóng hai cọc gỗ chéo nhau rồi đặt lên trên một khúc tre hay gỗ để làm đòn ngồi. Ban Tâm Lý Chiến lo máy móc, âm thanh cho quan khách nói chuyện. Ban Tiếp Tân chuẩn bị một bộ đồ ủi hồ cho thật láng đến mức ruồi đậu vào cũng trượt té nhào xuống hố mới được. Vì phái đoàn kỳ này có sự tháp tùng đông đảo của các trường trung và đại học, cũng như các trường học ngành nghề. Thành ra phải chưng diện để "làm le" với các cô nữ sinh mới được chứ, đâu có thể lù xì như lúc còn nằm trong giao thông hào thì coi sao được. Việc chuẩn bị một bộ đồ vỉa chẳng khó khăn gì, vì ngày nào cũng có xe về chợ, gởi đi giặt ủi vài ngày là có rồi. Nhưng ăn bộn cho choáng mắt thiên hạ, rồi về phần đón tiếp, chuyện trò thì cũng phải chuẩn bị ý tưởng ngay bây giờ mới vừa chứ. Để đến đó rồi ngồi tro mặt ngáo ra thì trông chẳng giống ai. Nên anh em xóm của mình phải ngồi lại bàn thảo, trao đổi kinh nghiệm với nhau để khỏi bị hư bọt hư đường. Rồi cuối cùng đi đến quyết định đề cử Huy làm Trưởng Ban, vì anh chàng này có vẻ cao ráo, sạch sẽ và ăn nói hoạt bát, đúng là người lính hào hoa phong nhã. Thật vậy, mặc dù đời lính chưa dạn dày phong sương như các bạn đồng đội, nhưng Huy tỏ ra là người rất mơ mộng, thình thoảng có làm thơ đăng báo. Vì ai cũng nghĩ rằng một người lính gương mẫu, không phải chỉ biết chịu đựng gian nguy, vào sanh ra tử mà còn biết đối xử với tha nhân, giao tế với mọi người, ngoại giao với đồng minh để đạt đến thắng lợi trọn vẹn. Đó mới thể hiện được tinh thần gương mẫu của người lính chiến.

Quang cảnh ngày đón tiếp phái đoàn hôm ấy thật là trang trọng nhưng không kém vui tươi. Những dây bàn phía

trên dành cho quan khách và các sĩ quan trong đơn vị. Hai dây bàn hai bên là các ban ngành, còn phía trước tập trung tất cả binh sĩ hiện diện. Mở đầu đơn vị trưởng chào mừng quan khách đến thăm viếng, và ca ngợi tình cảm của đồng bào hậu phương dành cho tiền tuyến thật nồng hậu. Sự quan tâm của chính quyền, các ngành và nhất là học sinh và sinh viên đã dành cho các chiến sĩ như một niềm khích lệ vô cùng quý báu, như đem đến cho người lính sinh lực của mùa xuân hy vọng.

Tiếp đến là vị đại diện phái đoàn thăm hỏi, chúc mừng và ngợi khen tinh thần chiến đấu của anh em binh sĩ đang ngày đêm trực diện với hiểm nguy, chịu nhiều gian khổ, nhờ vậy hậu phương mới có những ngày sống yên ổn, học sinh và sinh viên mới có cơ hội cắp sách đến trường. Sự hy sinh ấy không biết lấy ngôn ngữ nào để diễn tả cho xứng đáng, nhưng tình cảm và sự hiện diện của giới trẻ hôm nay, cũng đã nói lên ý nghĩa biết ơn và san sẻ với các chiến sĩ những gian nguy trong hiện tại.

Trên các bàn bày biện thật nhiều quà bánh, Ban Trang Trí sáng tạo thêm những bình hoa của bằng ống tre, hái hoa dại ven rừng về cắm vào trông cũng đầy mỹ thuật. Giống như một ngày hội xuân trên các bàn thượng, nhưng không có rượu cần, thịt rừng và xôi hốt. Ở đây chỉ có ăn bánh uống nước trà, và đến bữa cơm thì dùng chung cơm gạo sấy với cá thịt hộp, nấu với canh cải rừng như lá tàu bay, lá búa, dâu rừng, mấy anh "đầu bếp" cũng có dịp trở tài nấu nướng.

Chuyện trò thân mật, các cô nữ sinh hát tặng cho các anh chiến sĩ những bản tình ca, ngợi ca tinh thần chiến đấu của quân đội cũng như toàn dân đã và đang bảo vệ quê hương thân yêu. Từng lời ca tiếng nhạc như quán quện vào không gian, làm sống dậy tình cảm tràn đầy thơ mộng của những người lính trẻ khi mới bước chân vào quân ngũ: - *Hôm nay ngày chủ nhật, vườn Tao Ngộ em đến thăm anh. Trời Quang Trung nắng đổ xa xôi, mà em đâu có ngại...*

Có cô mơ mộng hơn nữa lại hát: *Nếu em không là người yêu của lính. Ai đem cánh hoa rừng về tặng em. Ai bằng gió thổi cho em đội chỏ. Và mỗi lúc anh về, ai kể chuyện đời lính cho em nghe...?*

Hay là: *Nếu có anh chiều nay ta sẽ lên đồi sim. Anh hái hoa tím giắt lên đôi làn tóc mềm. Nếu có anh ngồi bên em làm thơ...?*

Ước mơ cũng thật bình dị chẳng có gì cao vợi, nhưng trong thời chiến lại trở thành một niềm khao khát: Được chung bước với người tình, và hái những cánh hoa dại cài lên tóc em. Là hoài vọng tuyệt vời nhất, không những chỉ riêng cho người lính chiến, mà còn đối với hậu phương. Những người có thân nhân, hay tình nhân đang xông pha ngoài chiến địa.

Đáp lại, các anh lính chiến cũng hát tặng cho các cô những bản nhạc rất hùng tráng, gói ghém tâm sự của người lính kể từ ngày vừa "Xếp bút nghiên theo việc đao cung", đã kích động tinh thần hăng say của tuổi trẻ, nhưng không kém phần thơ mộng và yêu đời. Họ đã nhận chân được trách nhiệm, trong lúc quốc phá gia vong cần phải lên đường để làm tròn nghĩa vụ của người trai thế hệ.

... *bạn ơi mai này ai hỏi đến tên tôi, bạn ơi hãy nói khoác chiến y rồi... đời tôi lính chiến cánh chim tung trời, hẹn em khi đất nước hết binh đao, giữa đoàn hùng binh có tôi đi hàng đầu, trở về thành đô nắm tay ta mừng nhau...*

Hay là: *Đường trường xa ta quyết đi cho đến cùng, nhìn trời mây đoàn quân cất bước đi mau. Nói biên cương, muôn*

*quân reo, loa hét vang cổ chiến đấu, thề một lòng chung
đắp xây Việt nam quang vinh...*

Các ban ngành ngồi riêng từng nhóm, xóm nhà lá này thì anh em đề cử Huy làm "xóm trưởng" và giới thiệu Huy là người thơ của đơn vị. Được dịp các cô xúm lại bắt Huy phải làm thơ để tặng cho các cô. Làm cho Huy một lần phải bối rối, phải khớp trước sự yêu cầu có vẻ khủng khiếp như vậy. Vì tuy Huy thỉnh thoảng cũng có làm thơ, nhưng đâu có phải nghề nghiệp gì, đâu phải là người xuất khẩu thành thơ như người xưa. Sự lo lắng làm Huy cầu nhau: Anh em đừng giới thiệu hoảng như vậy, nhờ không làm nên trò trống gì để thiên hạ họ cười cho chết.

Một anh vui vẻ nói: Thôi giấu nghề làm gì nữa, đây là cơ hội tốt để cho mình trở tài, mà không chụp lấy cơ hội thì biết đến chừng nào? Rồi anh ta đọc câu ca dao: *Anh về em chẳng cho về. Em vin vật áo, em đề câu thơ...* Đó thơ như tiếng nói hàng ngày, như hơi thở hằng giờ chứ có gì cao siêu đâu mà còn làm bộ nhún nhường? Một anh khác có vẻ tếu hơn nữa với câu hát: *Mắc cỡ gì mà không chịu lẹ dùm, không chịu lẹ dùm...* Cả xóm nhao lên, làm Huy mắc cỡ muốn độn thổ luôn. Trong bầu không khí rất vui nhộn và thật dễ thương, như chưa bao giờ đến với người lính chiến miền xa. Người nào cũng thúc giục, cũng khuyến khích hãy làm tất cả những gì có thể cho nhau niềm vui trọn vẹn.

Còn các cô cứ réo gọi: Thôi anh Huy đừng thoái thác nữa, anh phải trở tài ngay bây giờ đi. Chúng em đang đợi, đừng để cho không khí vui tươi này trở thành tẻ nhạt, làm mất đi ý nghĩa của ngày hội Tết hôm nay.

Một anh bạn nghiêm chỉnh như ra lệnh cho Huy: Là lính thì phải "thi hành trước, khiếu nại sau" chứ đừng lòi thoi gì nữa. Huy phải đành chấp hành một cách gượng gạo, nhưng không tìm ra ý thơ bây giờ thì làm sao đây? Huy phân vân trước sự thúc giục của các bạn: Thi cứ thi hành đi cái đã, được đến đâu hay đến đó, nếu không bắt đầu thì làm sao có kết quả? Cứ nói lên những cảm nhận ngay bây giờ, tại đây. Có thiếu sót thì anh em bổ túc. Buộc lòng Huy phải làm theo, anh chạy vào trong ba-lô lấy xấp giấy và cây viết, rồi chạy ra hý hoáy viết:

*Áo trắng lạc vào giữa núi xanh.
Anh ngồi nhìn trộm ở bên cạnh.
Cây khô viết vội văn thơ nhỏ.
Để tặng người em ở thị thành.*

*Theo phái đoàn yểm trợ chiến trường.
Mang theo quà bánh với tình thương.
Lên đây chia sốt cho lính chiến.
Giữa chốn rừng thiêng với gió sương.*

*Không quản xa cách mấy sơn khê.
Đường xa thân gái tội chúa tề.
Những mong đóng góp công lao để.
Xây đắp quê hương một ước thề...*

*Anh viết tâm tình lên giấy thơ.
Tặng cho hiện tại một giấc mơ.
Giấc mơ anh thấy người con gái.
Áo trắng nữ sinh đứng đợi chờ.*

Anh ước giấc mơ ấy chóng thành.

*Để cho đời lính bớt buồn tanh.
Cho người em gái nổi thành thị.
Khỏi cảnh đợi chờ suốt năm canh.*

*Biển cảnh hôm nay thành thái bình.
Biển ngày hội ngộ đến đoàn viên.
Để người lính chiến còn tìm lại.
Hạnh phúc tuổi hồng tuổi hoa niên.*

*Bài thơ anh viết thật tình cờ.
Gom tử mộng ước một giấc mơ.
Anh xin gói trọn tâm tình lại.
Gửi đến cho đời để ước mơ...*

Bài thơ chỉ lẫn quần giữa một hiện tại như giấc mơ, muốn vẽ lại khung cảnh hôm nay chứa đựng nhiều tình cảm mến thương, của một buổi hạnh ngộ rất tình cờ này. Trong khung cảnh đang ngồi trò chuyện với những người em gái hậu phương đến thăm viếng, khích lệ tinh thần của các chiến sĩ. Nên lời thơ chẳng có gì mới mẻ, nếu không muốn nói là sáo ngữ, lối mòn. Bởi vì thơ là cái gì thật mong manh như giọt nắng cuối ghềnh, như giọt sương đầu núi, như đọng hờ sẽ tan. Cho nên muốn làm thơ thì cần phải đi tìm thi hứng, mà cuộc tìm cũng gian nan còn hơn trò non lợi suốt. Thơ là những gì tự nhiên đến như một tình cờ, chứ đâu phải bải tập bán mà hô lên một tiếng là tha hồ nhà đạn?

Thế mà khi đọc lên, các cô nữ sinh lại khen lấy khen để. Có thể một phần khen để lấy lòng, nhưng cũng có thể khen cảm hứng bất chợt và vội vã như vậy mà cũng thành thơ. Trong số nữ sinh ấy, có một cô đặc biệt chú ý đến Huy. Không phải vì bài thơ kia, mà có thể từ một cảm tình chân thành trong cuộc gặp gỡ đầu tiên này. Người nữ sinh ấy tên là Hoài An như khung cảnh hôm nay mà những người lính được đón hưởng. Họ đã quên đi những hiểm nguy gian khổ đã qua, cũng như đang chờ đợi tháng ngày sắp đến. Họ quên hết chỉ biết có giây phút hiện tại đây, thật hạnh phúc vô cùng. Nguồn hạnh phúc như trên trời rơi xuống cho những người lính nơi đây.

Đến với "xóm nhà lá" này là các cô nữ sinh trường Cán sự Y tế, nên các cô dặn đi hơn các trường khác. Cô Hoài An thay mặt cho các bạn của mình, cũng cố gắng làm thơ để đáp lễ, tuy không phải là sở trường như cô đã thú nhận, nhưng trong khung cảnh mến yêu này, cô cũng có đôi chút cảm hứng:

*Chúng em nay đến thăm anh.
Những người lính chiến hùng anh muôn đời.
Tinh thần chiến đấu cao vời.
Gian nguy không ngại, thanh thoi chẳng màng.*

*Tình anh cao tựa mây ngàn.
Hy sinh gìn giữ giang san đồng bào.
Lòng em ngưỡng vọng xiết bao.
Xin đem một tấm tình trao lỗi nguyện.*

*Chúc anh chân cứng đá mềm.
Hoàn thành nhiệm vụ Chiến binh Cộng hòa.
Ngày về khúc khải hoàn ca.
Chúng em đón đợi chung hòa niềm vui...*

Như những đóa hoa tinh khiết của ban mai, nó khai mở để xóa tan những vướng mắc bởi sự thiếu cảm thông, thoát khỏi những ràng buộc bởi thành kiến, bởi ý thức hệ vốn đã in sâu trong tâm hồn của mỗi chúng ta. Nên khi nghe đến tâm sự của giới trẻ thấy dễ cảm thông, họ cùng chung khởi hành đi về tương lai bằng những tấm lòng đầy nhân ái và bao dung. Ở đâu, con người không còn những tị hiềm, không còn những ganh đua vì danh lợi, không còn những oán thù vì ý thức hệ, thì nơi đó con người sẽ có một đời sống an lạc, cũng như xã hội sẽ có sự thái bình. Nền văn hóa nhân bản, bao giờ cũng sắp xếp một trật tự cho xã hội, tạo sự bình đẳng cho con người. Vì thế mà khi đọc lại những suy tư của giới trẻ, chúng ta cảm thấy như bơi lội trong dòng suối mát, như tận hưởng những hương vị ngọt ngào của tuổi thơ mới lớn, như sống lại với tuổi hoa niên bằng một cảm giác tròn đầy sung mãn, hạnh phúc đang nở hoa. Bằng chứng ấy, cũng thể hiện một tình thần bình đẳng, nên họ yêu nhau bằng tất cả tấm chân tình. Tình cảm của họ mới chỉ trong chốc lát, mà gần như đã khảng khí trăm năm, không còn ngần ngại. Nên khi gần chia tay, Hoài An đã nói với Huy lời ước hẹn...

Huy đến chung cư của trường Cán sự Y tế, lòng thấp thòm mong chờ nên có vẻ ngại ngùng. Chợt thấy một cô tú trên lầu đi xuống, Huy đánh bạo hỏi thăm:

- Xin lỗi cô, có cô Hoài An ở đây không?
- Dạ có, xin anh đợi chốc lát, em sẽ lên gọi cô ấy.

Lát sau, Hoài An đi xuống với khuôn mặt rạng rỡ vui mừng, hỏi thăm tíu tít. Hai người đi nhau đi ngược lên dốc Nam Giao, vừa đi vừa tâm tình với nhau. Huy đã kể lại cho Hoài An nghe những chuyện sau lúc phái đoàn ra về:

- Em biết không, đời lính của anh thì luôn đối diện với rừng núi, cảnh hoang vu chẳng những đã làm cho mình cảm thấy cô đơn một phần. Nên khi được đón tiếp các em đến thăm viếng là một tặng phẩm bằng cả tinh thần, mới thấy thật hiếm quý. Nhưng sau khi các em về rồi, thì cũng đã để lại cho những người lính thêm nhiều nỗi buồn khác, có lẽ là nỗi tương tư, như anh đây chẳng hạn.

Hoài An chợt cười thành tiếng và bĩu môi mà rằng:

- Ôi dà, anh làm như tụi em là "Ba cô gánh gạo lên chùa, một cô yếm thắm bỏ bùa cho sủ..." không bằng?

Trời chợt đổ mưa nên phải ghé vào quán bên đường. Nơi đây đã ghi dấu một kỷ niệm thật đẹp của đôi tình nhân. Ngồi nhìn ra hàng bông sứ trước quán, những cánh hoa trắng nõn như màu mây, giữa nụ hoa điểm màu vàng vương giả. Những giọt mưa còn đọng trên cành lá đong đưa theo chiều gió. Cảnh thơ mộng và được ngồi bên người tình nữa thì hồn thi nhân chợt lai láng. Như đang du hồn về cõi mệnh mộng nào. Nhớ những lúc trong rừng sâu ngồi dưới tàn lá đan chen, nghe lời thì thầm của lá gió như đồng vọng tiếng xa của muôn trùng sóng nước.

Không dung chợt câu hát đêm nào giữa chốn hắt hiu rừng núi ấy, đang bay về làm ấm lại cõi lòng của chinh nhân. Cảm nhận những giờ phút ấy thật tuyệt diệu, như ghi khắc vào tâm khảm một vùng trời ước mơ, có nhiều lần đã làm nên nguồn sống. Dù thực tại bây giờ cũng nửa thực nửa hư như trong câu chuyện thần thoại. Cuộc đời lính chiến mà còn có lúc thong dong như mây ngàn gió núi, lại cũng có lúc được ôm ấp những mộng ước tuyệt vời. Để rồi khi xa vẫn còn nhớ, lúc gần lại đắm thắm yêu thương. Nghĩ còn gì bù đắp cho người lính chiến hơn thế nữa? Một khúc hát nào đã nghe từ giữa rừng đêm, chỉ thoáng một vài lần mà vẫn còn

ghi nhớ. Có thể đã diễn tả đúng với tâm sự của người lính, hay mộng ước của những người đang yêu nhau. Chỉ hát lại rất khẽ để đủ cho một người nghe thôi đây nhé:

... anh biết khi đi là cách biệt người quen, mà nhờ nhiều là em. Đêm nay trời núi rừng, nhịp canh thay bằng tiếng súng, nửa trăng nghiêng đời chéch bóng, như xé hoang vu giữa rừng... đời chinh nhân mộng mở, bài thơ chưa đoạn cuối, ngày mai chép thêm vào em ới. Viết lên thiệp hồng nét chữ Hoa cuối dòng tên em vào được không?

"Dễ ghét "

Tại sao lời ca dễ thương đến thế mà bảo dễ ghét?

Vì người nào đó viết lời ca có vẻ "ngang ngược"...

Một nhận xét hơi độc đoán, có lẽ bởi mặc cảm nào đó, nên thiếu bao dung.

Thì cũng, bởi vì biết người ta có chịu mà đòi "Viết tên vào thiệp hồng... "?

Nhằm lẫn vì hiểu vội vàng! Chưa biết nên hỏi? Không thấy hai chữ "được không" sau câu ấy. Đây là một câu hỏi, một nghi vấn. Dĩ nhiên đợi chờ câu trả lời của "người ta" đó chứ.

"Dễ ghét "

Nữa, sao vẫn thái độ ngờ vực? Ngữ ấy không diễn tả được chi, vì không biểu lộ một chấp nhận hay chối từ?

Không phải vậy. Cả hai nghĩa đều không đúng. Nhưng nghe có vẻ ngược ngạo và không thành thực, vì chỉ một chiều!... Quán vắng và khung cảnh rất thơ mộng ấy, khiến Huy như ngưng ngẩn trong buổi gặp gỡ Hoài An, như ghi lại từng giây phút êm đềm nhất trong đời mình. Như là hương đời đang làm sống dậy trong kiếp sống chia ly, để ước mơ hy vọng cho ngày mai tươi sáng. Hy vọng với một tương lai rạng rỡ đón chờ... Nhưng thời gian rồi cũng qua đi, cuộc vui nào cũng đến giờ kết thúc! Huy phải giả tử người yêu để trở lại đơn vị, vì trong thời buổi tình hình không được sáng sủa lắm, nên phải cấm trại!

Về đến đơn vị, Huy vẫn còn lưu luyến những giây phút đang ngồi bên người tình, thật ấm áp và nên thơ. Bây giờ lại phải đối diện với rừng núi hoang vu, thì làm sao lòng người không chùng xuống vì cô đơn với nỗi buồn trước mặt.

Huy vội viết thư cho người yêu dấu.

Bình Điền, ngày... tháng... năm...

Em yêu dấu.

Anh đã trở về đơn vị, rất tiếc không có nhiều thì giờ để tâm sự cùng em. Nhưng buổi gặp gỡ vừa qua ấy, đã cho anh nhiều mến yêu và nguồn an ủi cho kiếp chinh nhân. Nơi đây, mỗi đêm nằm trong lều vải, ngoài trời mưa rơi tí tách khiến anh nhớ thật nhiều những giây phút bên em. Anh xin cảm tạ tình em bằng tất cả chân thành, quà cho em không có gì ngoài những cánh hoa rừng đơn sơ, và tình yêu của anh dành cho em tha thiết. Bài thơ "Tâm Sự Người Lính Chiến" anh xin gởi tặng em để cùng cảm thông cho người lính:

- Tôi vào lính đã mấy mùa thu lá đổ.

Quê mẹ bây giờ bom đạn vẫn mù bay.

Nhìn lại mình chỉ còn những đôi tay.

Vội không thấu cuộc tưởng lai trước mặt.

Nên trên đường chỉ cúi nhặt thưởng đầu.

Đêm dài thêm khi nắp dưới chiến hào.

Bóng tối ấy là tâm hồn tôi đó.

Có nhiều đêm tâm tư như mở ngõ.

Chợt sáng lòa như đóm mắt hỏa châu.

Thấy đằng sau bóng tối mờ dần.
 Và trước mặt ánh bình minh rạng rỡ.
 Tôi vội mỉm nụ cười niềm nở.
 Để đón chào khung cảnh hằng ước mơ.
 Nhưng giết mình khi chợt biết là mê.
 Đành cúi xuống lặng nhìn thân áo vải.
 Và ghi chặt khoảng tâm hồn trống trải.
 Đến bây giờ và mãi mãi về sau.
 Cho thương đau không có dịp len vào.
 Và cấu xé như thuở nào vụng dại.
 Tình tôi bây giờ với chút tình còn lại.
 Tôi đã dâng cho tất cả Quê hương.
 Nên ngày đêm ngôn ngữ tôi thường.
 Ít nói đến lời yêu đương con gái.
 Dù biết thế làm tâm hồn trống trải.
 Thế là mình không nghĩ đến tương lai.
 Nhưng ngày đêm chinh chiến vẫn kéo dài.
 Tôi để mặc cho trôi theo cuộc chiến!

Ngày 24 tháng 3 năm 1975, đơn vị Huy được lệnh cho tất cả quân trang quân dụng, hồ sơ và những gì cần thiết lên xe để về của Thuận An, đợi tàu triệt thoái vào Đà Nẵng. Huy nghe rụng rời cả tay chân, lòng nửa tin nửa ngờ. Huế sẽ mất sao? Còn dân chúng sẽ ra sao khi quân đội rời khỏi nơi này? Hoài An bây giờ thế nào? Bao nhiêu câu hỏi như đang nháy múa trong đầu như những vết chém, đau buốt tim gan.

Nhưng thực tế đã đến, ngồi giữa bến tàu Thuận An mà ai nấy cũng đều cảm thấy tan nát cả cõi lòng. Đến khoảng 6 giờ chiều ngày 25.3, nhìn lên trời thấy máy bay trực thăng liên mấy vòng trên cảng, rồi thả xuống hai chiếc dù trắng. Mọi người ứa nước mắt, thời thế là hết... Cùng lúc đã thấy xe cộ quân đến Thuận An. Chúng tập trung tất cả lại, dân sự thì cho về nhà, còn quân đội thì dùng xe GMC của đơn vị Huy, chở mọi người lên lao Thừa Phủ. Nơi đây Huy bị tạm giam trong vòng mười ngày để phân loại. Sau đó chúng đưa tất cả di chuyển ra Quảng Trị rồi đưa lên cài tạo tại Ba Lòng. Vùng rừng núi tiếp giáp với dãy Trường Sơn hùng vĩ, nơi trước đây quân xâm lăng Hà Nội đã sử dụng như những chiến lũy dưỡng quân để đánh chiếm vào Huế.

Buổi sáng đầu tiên thức dậy của người tù binh, Huy thấy thật ngỡ ngàng khi nhìn lại phong cảnh nơi đây. Vùng rừng núi quen thuộc mà Huy đã nhiều lần đi qua. Nhưng sao bây giờ thấy xa lạ. Lòng ngao ngán khi nhớ lại những bước chân mà Huy đã đi qua trong những chuyến quân hành. Lúc ấy với lý tưởng bảo vệ tổ quốc thân yêu nên không thấy gì là gian khổ, bên cạnh tình đồng đội như niền chia sẻ với nhau những buồn vui quân ngũ. Nhìn về hậu phương vẫn còn gia đình, bạn hữu, người thương nên thấy cuộc đời tràn đầy sức sống, đầy ắp hạnh phúc.

Ngày trước, khi hành quân ngang qua đây, buổi sớm mai thức dậy nghe tiếng chim hót líu lo, như một khúc nhạc thanh bình. Cùng đồng đội tâm tình với nhau, những chuyện về gia đình và những kỷ niệm của tuổi thơ sinh. Cũng như những mối tình rất thơ mộng và lãng mạn của tuổi mới vào đời. Đẹp biết bao khi ngồi với nhau ôn lại những kỷ niệm ấy, và rồi ước mơ những ngày về phép để thăm người tình.

Nhưng giờ đây, với thân phận của những người tù tội mỗi sáng thức dậy lại thấy đất trời hoang vu lạnh lẽo. Tiếng hót của chim rừng bây giờ nghe sao mà ai oán, như tiếng vọng từ ngục tối thâm u, và những giọt sương còn đọng trên cành lá, cũng rung rung như những giọt lệ xót xa... •

Tiếng nhạc trời



mùa Xuân

● Tuệ Nga

*Ai niu được cánh thời gian mùa ấy
 Có là đây mà Không cũng là đây
 Hỏi lòng mình sao lại trắng như mây
 Một cõi lạ mấy dòng thơ u tịch
 Đường như trong đáy suối nguồn tịch tịnh
 Một nguồn thơ tưới mát một dòng trăng
 Ai tìm khôi nguyên, vĩnh cửu thường hằng
 Tôi tìm tôi, suối mây hồng êm à*

*Bên bờ tịnh tôi cùng Thơ nhàn nhã
 Trái tâm tình tôi vẽ đóa hoa mơ
 Mơ cuộc đời Thiện Mỹ đẹp như thơ
 Mơ nhân loại thương yêu đầy cuộc sống
 Đạo Tử Bi, Đạo vào Đời hiển lộ
 Trong nắng chiều tịch tịch, nắng hoàng hôn
 Tiếng chuông vang, vang thanh thoát cõi hồn
 Tưởng Cực Lạc giữa Ta Bà nhân thế*

*Tiếng chuông vang... mệnh mang hòa tiếng kệ
 Đòi an bình, Xuân điểm tuyết nhân gian
 Vườn sau chùa rục rỏ cánh mai vàng
 Thơ vào hội, mây trời xanh gió mát
 Trong tiếng gió nghe chuông như tiếng nhạc
 Tiếng Nhạc Trời rung... Ba Cõi Bình An
 Lay Thế Tôn huyền diệu Ánh Đạo Vàng
 Độ muôn loài qua khỏi nhà lửa đỏ*

*Ngài là ánh trượng quang ngồi ngồi tỏ
 Khai mở đường Chân Lý lũ chúng con
 Tâm thiết thành con Kính Tạ Thế Tôn
 Hương Xuân nhẹ, mây xanh chiều viễn xứ
 Gió trầm hương láng láng hồn cô lũ
 Nghe mùa Xuân Phước Huệ đẹp nhân gian
 Nắng Bờ Đề bát ngát... nắng trải vàng ...*

Thơ Đường



● Huyền Thanh Lê Bích

Khuyến Tăng Tiên

Khuyến tăng nhất bôi tửu
Cộng khán thanh thanh sơn
Hàm nhiên vạn tượng diệt
Bất động tâm ấn nhàn
(Hoàng Phủ Tùng)

勸僧酒
勸僧一杯酒
共看青山
酣然萬象滅
不動心印閑
皇甫松

Mời Sư Rượu

Mời sư một chén rượu
Cùng ngắm núi xanh xanh
Say rồi muôn tượng mất
Chẳng động dấu lòng thanh

客中有感
天地一身在
头顧五十過
流年消壯志
空使泪成河
殷堯潘

Khách Trung Hầu Cảm

Thiên địa nhất thân tại
Đầu lô ngũ thập qua
Lưu liên tiêu tráng chí
Không sử lệ thành hà
(Ân Nghiêu Phiên)

Khách Cố Cảm

Trời đất một thân ở
Chiếc đầu năm chục qua
Thời gian mòn chí trẻ
Sông lệ khiến tuôn ra

Nhàn Ngâm

Tự tông khổ học không môn pháp
Tiêu tận bình sinh chủng chủng tâm
Duy hữu thi ma hàng vị đắc
Mỗi phùng phong nguyệt nhất nhàn ngâm
(Bạch Cư Dị)

閑吟
自從苦學空門法
銷盡平生種種心
唯每有詩魔降未得
吟

Ngâm Ngạ Lúc Nhàn Nhà

Học cực tứ theo môn Phật pháp
Bình sinh tiêu hết cấy tim gan
Chỉ có thi ma là chúa được
Gió trăng khi gặp khoái ngâm nhàn

(Trong đường thi tuyệt cú ngũ bách thủ thi tuyển sẽ in)



em vẫn yêu thương ...

Truyện: Ngô Minh Hằng

Đêm nay hình như bà Thanh khó ngủ, trong ánh sáng mờ của ngọn đèn bé như quả trứng chim, bà như thấy chập chờn khuôn mặt của chồng. Bà mở to mắt để nhìn cho rõ hơn, chỉ một vũng tối lơ mờ, không có gì hết ngoài sự cô đơn. Bà thở dài tiếc rẻ không nhìn được mặt ông lâu hơn một chút.

Ngày xưa... là một nữ sinh trung học, con gái duy nhất của một thương gia giàu có, xinh xắn, hiền hòa. Mười bảy tuổi, đời với cô nữ sinh tên Thanh vẫn còn là thơ, là mộng và tâm hồn cô trong vắt như giọt sương mai.

Nhưng trong một ngày cuối năm, sau một chuyến trường tổ chức đi ủy lạo chiến sĩ tiền đồn, người con gái trong trắng ngây thơ ấy chợt biết nhớ thương. Người con trai may mắn này là Nghĩa- một chàng Trung sĩ bộ binh, cao ráo, có chiếc miệng rộng và nụ cười tươi, có bản tính hào hùng, yêu quê hương và yêu đời lính. Sau hai năm, cả trăm lá thư qua lại giữa tiền tuyến, hậu phương, Thanh may mắn được cha mẹ là ông bà Tân Thanh thông cảm. Ông bà đặt hạnh phúc của con gái lên trên câu môn đăng hộ đối, nên chọn ngày lành tháng tốt tác thành cho đôi trẻ. Một chiều cuối hạ, nàng đã e lệ hạnh phúc trong tà áo cưới nép bên chồng giữa một đám cưới linh đình do nhà gái khoản đãi. Chú rể là một chàng nhà binh nghèo tiền, mồ côi nhưng giàu tình yêu người và yêu nước.

Thời buổi chiến tranh nên trong sáu năm cặp vợ chồng trẻ sống đời Ngưu Lang Chức Nữ. Nhưng những ngày phép hiếm hoi thì vô cùng hạnh phúc. Họ đem vào đời ba người con kháu khỉnh, hai gái, một trai.

Có những buổi tối đầm ấm, ngồi bên nhau ngắm đàn con say ngủ, Thanh ngã vào vai chồng ước mộng:

- Anh nhỉ, một ngày nào, em mong là gần thôi, hai miền Nam Bắc hết chiến tranh, bờ sông Bến Hải được nối liền, đấy là lúc anh già từ binh nghiệp để cùng em chăm lo cho bấy con. Con chúng ta sẽ được đi học ở

những ngôi trường mà ông bà ngoại chọn lựa như xưa cha mẹ chọn trường cho em vậy... Con chúng ta sẽ chăm chỉ, ngoan ngoãn và...

Chưa nói hết câu, nàng bị chồng ngăn lại bởi một nụ hôn nồng nàn. Hôn vợ xong, chàng nhìn vợ vẻ nghiêm trọng:

- Hoàng tử của anh thì anh chịu để ông bà ngoại chọn trường học. Nhưng còn hai công chúa của anh thì nhất định không!

Thanh nhìn chồng ngạc nhiên:

- Ủa, Sao vậy anh?

Trước đôi mắt tròn xoe ngạc nhiên pha chút lo lắng chờ câu trả lời của vợ, Nghĩa giả vờ như không biết, cố tình nói thật chậm:

- Tại vì... tại vì... anh không chịu...

- Lý do??? Thanh nóng ruột.

- Tại vì... tại vì... nếu để ông bà ngoại chọn trường cho con gái anh thì chúng nó chỉ chùng mười tám, mười chín là bị người ta rinh đi mất như anh rinh mẹ chúng vậy nên anh nhất định... không!!!

Hai vợ chồng ngã vào vai nhau cười vang trong hạnh phúc, bỗng Thanh nũng nịu đẩy nhẹ chồng ra, nhìn vào mắt anh âu yếm:

- Thế thì anh nghĩ em có nên phạt cái anh chàng tai quái ấy không?

Nghĩa ôm nghiêng lấy vợ:

- Phạt chứ... phạt chứ... để anh giúp em phạt cái tên lính bộ binh tàn nhẫn ấy cho...

Vừa nói, Nghĩa ôm vợ bỗng vợ lên và bế nàng sang phòng riêng. Chàng dịu dàng đặt nàng nằm trên nệm trắng và hai vợ chồng diu nhau vào vùng trời hạnh phúc long lanh. Trong vòng tay yêu thương của chồng, Thanh nhắm mắt lại để tận hưởng những phút giây bỗng bình và niềm rung cảm cao đẹp tuyệt vời của ý nghĩa tình chồng vợ.

Nhưng những ngày hạnh phúc như thế không nhiều. Rồi trong một trận giao tranh ở Bà Rịa, nàng nhận tin dữ đưa về. Nghĩa đã hy sinh... Những ngày ma chay cho chồng, người vợ trẻ đã ngất đi nhiều lần mỗi khi nhìn đứa con trai chưa tròn ba tuổi, mặc áo đại tang đứng cạnh quan tài hai tay cầm di ảnh bố. Chôn cất chồng xong, nàng đem con về nhà cha mẹ trông coi công việc buôn bán phụ với ông bà Tân Thanh và nuôi dạy con thơ.

Tháng 4 năm 1975 nước nhà mất vào tay cộng sản, cha mẹ Thanh bị đánh tư sản và cuối cùng bị tịch thu nhà. Ông Tân Thanh phản đối kịch liệt khi ban Quân Quản thành phố đến đuổi gia đình ông để lấy căn nhà nên ông bị bắt nốt. Sau khi ông bị bắt, bà Tân Thanh và con gái dọn xuống căn nhà phía sau, xưa là căn nhà kho, chứa những vật dụng văn phòng. Vì uất ức trước cảnh bắt công, ông Tân Thanh lớn tiếng la mắng tên cán bộ hồi cung nên bị đánh chết tàn nhẫn trong tù.

Bà Tân Thanh chỉ được báo tin chồng chết bằng cách chỉ định mua cho ông một cái hòm, đưa thẳng đến nhà xác của trại giam và từ đó đem ngay ra nghĩa địa. Người đi đưa đám cũng phải hạn chế, chỉ những người trong gia đình mới được đi theo quan tài ra huyết. Tuyệt đối, không được đem xác về ma chay chi cả.

Chôn cất ông xong, bà Tân Thanh đau khổ nên già yếu thấy rõ. Thanh cũng gầy hẳn. Trong căn nhà nhỏ, đã buồn lại buồn hơn. Nếu không có mấy đứa trẻ thì chắc là hai mẹ con bà chỉ nói với nhau những lời cần thiết rồi mạnh ai nấy ngồi một chỗ.

Khi có tin nhà nước VC cho đi bán chính thức, bà Tân Thanh âm thầm dùng số tiền giấu được, mua chỗ con và cháu đi vượt biên. Đến gần ngày ra đi, bà mới nói cho Thanh biết. Khi đưa một số kim cương và đô-la còn lại cho Thanh, bà nói từng tiếng:

- Thanh này, tình thế đã đến nước này, mẹ thấy con ở lại thì mấy đứa nhỏ sẽ khổ và sẽ không có tương lai. Mẹ đã mua đường cho con mang chúng nó ra nước ngoài rồi. Vàng mẹ đã đóng đủ cho họ, chỉ chờ ngày đi thôi. Con hãy chuẩn bị quần áo, đồ dùng cần thiết cho lũ trẻ. Người ta sẽ gọi và đi bất cứ lúc nào. Đây, con cầm lấy cái này để phòng khi cần đến.

Thanh đón lấy một túi vải nhỏ trên tay bà Tân Thanh. Nàng buồn rầu nhìn mẹ:

- Chỉ có con đi thôi à? Thế còn mẹ thì sao?

- Mẹ già rồi. Vả lại, nếu đi hết thì ai lo cho nhang khói mỗ mả cho ba mày?

Thanh ôm vai mẹ nức lên:

- Mẹ! Không! Mẹ không đi thì con cũng nhất định không đi. Ba mất rồi, con không thể bỏ mẹ ở nhà một mình được.

Bà Tân Thanh chỉ vào mấy đứa cháu ngoại cương quyết:

- Con phải đi. Vì tương lai của mấy đứa bé này và của con nữa! Con còn trẻ quá, không thể sống mai một ở đây. Mẹ muốn thế. Con không đi là bất hiếu. Mẹ đã lo liệu hết rồi. Con không thể vì mẹ mà để chúng nó khổ cả một đời. Chế độ này không phải là chế độ mà người dân có thể sống an lành. Sau này, nếu Trời thương, ba mày phù hộ thì mẹ con mình lại gặp được nhau.

Xót xa nhìn Thanh khóc, bà vuốt tóc con như những ngày nàng còn bé:

- Nín đi. Nín đi con. Xem đấy, khi chia đôi đất nước năm 54, nhiều gia đình chỉ đi vào Nam được một nửa hay một phần ba. Tưởng là chia cách suốt đời. Thế mà nay gặp lại nhau đấy. Nín đi con.

Ngừng một chút, bà chép miệng và như nói với chính mình:

- Nhưng tưởng gặp lại với tình thế như thế nào chứ gặp lại mà khốn khổ thế này thì dùng gặp còn hơn....

Thế là Thanh gạt lệ đem con ra đi. Vì mẹ nàng mua quốc tịch Trung Hoa cho mẹ con nàng đi bán chính thức nên chuyến ra đi cũng không nhiều vất vả. Khi đến đảo nàng mới thấy mình may mắn vì những chuyến đi sau, dù là đóng vàng cho nhà nước VC nhưng có những chuyến tàu vừa ra khơi là bị nổ và chìm. Người chết không biết bao nhiêu mà kể.

Sau khi được tin con cháu đến đảo an lành, bà Tân Thanh phần nhớ con, thương cháu, phần xót chồng bị chết một cách uất ức đau thương, đến cái đám tang cũng chẳng được quyền tổ chức đàng hoàng; phần buồn vì mất hết tài sản. Trước ngày được đi định cư ở nước thứ ba, Thanh được người dì báo tin là mẹ nàng khi mất, tay cầm tấm hình gia đình và mắt chan hòa ngấn lệ...

Trên đất khách, đã bơ vơ Thanh càng cảm thấy bơ vơ hơn nữa khi nghe tin mẹ chết. Nàng như không còn đủ nước mắt để mà khóc cho những đau thương dồn dập đến. Chồng chết không lâu thì mất nước, tài sản bị tịch thu, gia đình tan nát, ba nàng mất, sau cùng, mẹ nàng cũng qua đời. Chao ơi, mới có năm sáu năm mà cuộc đời đem đến cho nàng biết bao đau thương dập vùi, biến đổi.

Bơ vơ chốn quê người với bảy con nhỏ, đứa lớn mười một tuổi và đứa nhỏ hơn sáu tuổi, Thanh không còn thì giờ để buồn. Nàng cũng không nghĩ đến chuyện đi thêm bước nữa, mặc dầu có đôi ba người theo đuổi. Vì thế, vừa làm cha, vừa làm mẹ, một mình, nàng phải lăn vào đời làm lụng nuôi con. Số kim cương và đô-la mẹ nàng cho, vừa đủ cho nàng mua một căn nhà nhỏ rẻ tiền trong khu bình dân ở vùng này.

...

Gần ba chục năm trôi qua như cơn mộng. Nay, người con gái tên Thanh xinh xắn ngày xưa tóc đã bạc, má đã nhăn. Bị mổ tim hai lần, bà Thanh không còn khỏe như xưa nên đã nghỉ làm việc và sống khiêm nhượng với số tiền hưu trí. Đêm nay như nhiều đêm đã qua, nằm đây, vẫn trong căn nhà mua ngày mới đến, bà Thanh nhớ về quá khứ trong nỗi cô đơn. Các con bà đã trưởng thành, như chim, có cánh và đã bay khỏi tổ. Đứa thì đi làm xa, đứa thì có gia đình và bận rộn lo cho cuộc sống, cho gia đình riêng của nó. Dù buồn và cô đơn nhưng bà không những không trách con, mà còn vui vì thấy đàn con đã trưởng thành, đã tự lập. Bà Thanh nhiều lần cảm ơn Thượng Đế vì bà nghĩ, bất hạnh biết bao nhiêu nếu bây giờ, ngoài ba mươi tuổi mà các con bà vẫn còn quanh quẩn bên bà và bà vẫn phải lo cho các con như những ngày chúng nhỏ. Vì thế, bà rất bằng lòng với nỗi cô đơn, bởi bà hiểu quy luật cuộc đời và nhất là cuộc sống ở đây, con cái khi khôn lớn, rất hiếm hoi cảnh sống quây quần bên cạnh cha mẹ như ở quê nhà.

Một đôi lần Mai, con gái lớn đã có hai con, hoặc người con dâu của bà vừa sinh đứa cháu nội đầu, đã mời bà về ở chung nhưng bà từ chối cả hai. Sống ở Mỹ đã mấy chục năm bà cảm thấy rằng cha mẹ không nên sống chung với con khi chúng đã có gia đình. Sống xa con tuy buồn, nhưng bà thấy rằng thứ nhất, tránh được những va chạm, bất hòa do chung đụng hằng ngày, do lệ thuộc vào con cái và vì thế, người cha hay mẹ vẫn giữ được những tình cảm tốt đẹp với con cũng như với dâu, với rể. Thứ hai, bà được hoàn toàn tự do làm chủ đời sống trong căn nhà của bà. Lúc mệt bà nghỉ, lúc khỏe bà đọc sách, nấu ăn hay đi chùa, đi chợ, đi thăm bằng hữu.

Đã hai năm rồi, bà sống ở căn nhà này một mình. Các con bà thường đến thăm vào những ngày lễ hoặc cuối tuần. Hơn nửa năm nay, bà cho bà Mẫn mượn một phòng, vừa cho vui, vừa có vài trăm thêm tiền tiêu vật. Bà Mẫn sang đây theo diện đoàn tụ gia đình. Mới đầu, còn ở với con trai và dâu. Sau bất hòa không ở nổi, bà phải dọn ra. Con trai bà thương mẹ nhưng cũng thương vợ con và không muốn tiểu gia đình của mình tan vỡ. Vì thế, một trưa chủ nhật, Tài dúi vào tay mẹ một ngàn, phụ mẹ dọn quần áo ra xe, đưa mẹ đến nhà bà Thanh.

Bà Mẫn thấy con dọn cho đồ cho mình như đuổi mình đi thì tủi thân lắm. Bà vừa khóc vừa trả lại con tiền, nhưng bà Thanh khuyên can mãi bà mới nhận.

Trong mấy tuần đầu, bà Thanh giúp bà Mẫn đi xin tiền trợ cấp cho người già, đổi lại địa chỉ cho phiếu sức khỏe. Thấy hoàn cảnh bà Mẫn không được may mắn bằng mình, nhưng vì bà Mẫn hiền lành, bà Thanh đem lòng quý mến và luôn tìm lời an ủi. Bà Mẫn dần dà người ngoai, hiểu và chấp nhận đời sống mới. Hai người đàn bà cô đơn thân nhau mau chóng. Họ cùng đi chợ, cùng nấu ăn và chiều nào họ cũng đi bộ và nói đủ chuyện với nhau ở cái công viên gần nhà. Từ ngày có bà Mẫn ở chung, bà Thanh cảm thấy đỡ cô đơn và dĩ nhiên, bà vui hơn trước. Nghĩ đến đây, bà Thanh mỉm cười vì bà vừa nghe tiếng ngáy của bà Mẫn ở phòng bên vọng sang. Lắng nghe theo tiếng ngáy của bà Mẫn, bà Thanh lại mỉm cười và chìm vào giấc ngủ lúc nào không biết.

Sáng hôm sau bà Thanh dậy muộn, xỏ chân vào đôi dép đi vào phòng rửa mặt, bỗng nhìn thấy trong bếp, trên mặt bàn ăn cơm có một chậu hoa thược dược tươi tắn, bà Thanh nói vọng vào phòng bà Mẫn:

- Hoa thược dược vàng đẹp quá chị Mẫn ơi! Mới sáng mà chị đi mua hoa sớm thế!

Bà Mẫn từ trong phòng chạy ra cười tươi không kém gì hoa:

- Ấy, tôi có mua đâu. Hoa của vợ chồng cháu Tài đấy. Nó bảo rằng hôm nay là ngày sinh nhật tôi, lại gần Tết. Biết tôi thích hoa thược dược nên trước khi đi ra tiệm, vợ chồng cháu mua hoa ghé tặng tôi đó. Nó bảo tối nay, đặc biệt, chúng nó đóng cửa sớm, đến đón tôi và mời chị đi ăn cơm mừng tôi thêm một tuổi đấy chị ạ

Bà Thanh cười tươi không thua bà Mẫn:

- Ổ tin vui. Sinh nhật chị vào ngày 28 Tết à? Cả nước VN ăn mừng sinh nhật chị đấy! Mừng cho chị. Vậy thì trưa nay ta không nấu gì hết, tôi mời chị đi ăn. Chị em mình ăn cái gì nhẹ nhẹ thôi, chờ bữa ăn mừng thịnh soạn vào buổi tối.

Bà Mẫn nhìn bà Thanh cười, nụ cười dạt dào hạnh phúc. Bà Thanh cảm thấy vui vì chưa bao giờ bà thấy bà Mẫn vui đến thế.

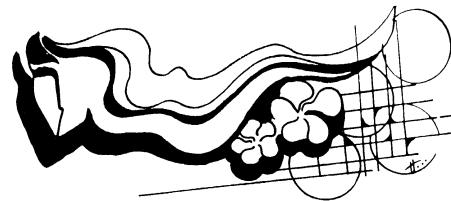
Gần Tết âm lịch, mấy dãy phố hàng quán của người Việt tấp nập hẳn lên. Các cửa hàng không thiếu một món quốc hồn quốc túy nào. Những gian hàng, những tiệm ăn Việt Nam đèn nấn sáng choang và người đông như hội. Các loại bánh, bánh chưng, giò chả, mứt ề hề... Bà Mẫn hai tay dắt hai đứa cháu nội vừa cười vừa nhìn vào một xấp bánh chưng có dán chữ Phúc bằng giấy điều nói với bà Thanh: "Cứ y như ở Việt Nam ta ngày xưa ấy, chị nhỉ!"

Ngồi trong bàn ăn, bên cạnh hai đứa cháu nội, bà Mẫn luôn miệng hỏi chuyện và gấp đồ ăn cho cháu. Hai thằng cu thì vừa ăn, vừa thích thú líu lo nói đủ chuyện với bà. Ăn uống xong, Thu, vợ Tài đứng dậy, nhìn chồng, cười nhẹ rồi quay sang nhìn bà Mẫn dịu dàng:

- Thưa Mẹ, hôm nay là ngày sinh nhật mẹ, vợ chồng chúng con và các cháu có lời kính chúc mẹ được mạnh khỏe, sống lâu trăm tuổi và mọi sự như ý.

Nàng ngừng lại một giây, nắm tay chồng, mỉm cười, tiếp:

Tiếng Gà Lăm Dậu



*Thôn thức canh khuya rộn tiếng gà
Suốt năm Ất Dậu nhắc dân ta
Khuyên người cố lý nung thù nước
Giục khách tha hương rửa hận nhà
Hậu tuyến đừng quên gương Lý Tống
Tiền phương chớ thẹn chí Kinh Kha
Ngày đêm cương quyết đem tâm huyết
Xây dựng cộng đồng cứu quốc gia.*

ĐỒNG CHÂU

(Toronto, Mạnh Đồng Giáp Thân)

- Nhân năm cũ sắp qua, năm mới sắp đến, con cũng có lời xin lỗi mẹ về những hành vi và lời nói nông nổi, thiếu suy nghĩ của con đã làm mẹ buồn. Trong những ngày mẹ ở với bác Thanh, con suy nghĩ nhiều lắm. Mẹ tuy không sanh ra con nhưng mẹ sanh ra chồng con và là bà nội của các con con. Con yêu chồng con của con thì con phải quý và kính nể mẹ. Hôm nay, với lòng ăn năn, con xin mẹ bỏ lỗi cho con. Sáng mai, chúng con sang đón mẹ và bác Thanh về ăn Tết với chúng con. Và từ nay, Thu quay sang nhìn chồng - anh nhỉ, mỗi tháng, chúng con xin gửi bác Thanh tiền nhà và tiền ăn của mẹ con, bác Thanh nhé!

Thật là một bất ngờ khiến bà Thanh và bà Mẫn không nói được gì. Nhưng qua làn nước mắt xúc động, bà Mẫn cười rất tươi. Rồi bà Mẫn một tay vòng ôm lưng hai đứa cháu, một cánh tay bà đưa ra, chòang ôm lấy vai Thu. Cùng lúc, Tài chớp nhanh hai mắt, run run cầm tay vợ đưa lên môi hôn. Chàng ghé tai Thu thầm thì:

- Em vẫn dễ thương như ngày mới cưới. Anh và các con xin cảm ơn em!

Bà Thanh không đến ăn Tết được với gia đình bà Mẫn vì các con của bà năm nào cũng dắt nhau về ăn Tết với mẹ. Và dù có thiếu bà Thanh, Tết năm đó là một cái Tết đầm ấm vui vẻ và hạnh phúc dưới mái ấm gia đình của Tài và Thu... •

Truyện :



Tình yêu hai mặt

● Ngọc An

Tiếng cười nói ồn ào ngoài cửa làm Quỳnh Châu thức giấc, đã 5 giờ chiều, sau cuộc hành trình vất vả nàng đã đến được nơi này – Người ta tiếp nhận nàng như một thượng khách, lo cho nàng ăn uống chu đáo và một căn phòng cho nàng nghỉ ngơi... Đêm qua Quỳnh Châu nhận được bức điện khẩn của Vũ gửi cho nàng, Châu quen Vũ đã hai năm, chàng hiện là Trưởng công an của huyện này – Thời gian quen nhau Vũ thường xuyên lái xe xuống thăm Châu vào cuối tuần rồi chở nàng đi xem phim, đi bát phố... Được điện tin Châu đã vội vã đón xe lúc 5 giờ sáng vậy mà đến mãi bây giờ cũng chưa thấy Vũ đến gặp nàng! Quỳnh Châu cảm thấy hoang mang, một chút gì lo sợ trĩu nặng trong óc nàng – Xưa nay Vũ rất đúng hẹn, chưa bao giờ để Châu chờ dù là một phút! Không lẽ điện tin giả mạo? Và tại sao những người xa lạ này lại đối xử với nàng quá tốt? Quỳnh Châu hồi hộp đợi chờ và suy nghĩ mãi không tìm ra câu giải đáp...

Tiếng xô cửa mạnh và Vũ bước nhanh vào, Châu mừng chảy nước mắt, chưa kịp trách người yêu câu gì thì chàng đã kéo vội Châu ra ngoài đẩy nàng lên xe rồi chạy rất nhanh về hướng trước mặt. Quỳnh Châu lo lắng nhưng thấy thái độ nghiêm trọng của Vũ nên lặng thinh không dám mở lời... Một lúc lâu Vũ mới nói:

- Em ạ! Đêm nay là đêm quyết định tương lai và sự nghiệp của anh và em – Chúng mình sẽ đi vượt biên ngay đêm nay, tàu đang chờ chúng ta dưới bến. Anh mong em chấp nhận ra đi với anh và xuống dưới đó không nên hỏi han hay nói một điều gì! Quỳnh Châu gật đầu mà nghe nghẹn nghẹn trong ngực... tại sao Vũ không bàn tính trước với nàng? Vả lại Châu còn cha mẹ già ai chăm sóc? Xưa nay nàng không bao giờ nghĩ đến chuyện vượt biên, biết bao người đã vùi thân biển cả, biết bao người tan gia bại sản mang thân tù ngục! Một chuyến mạo hiểm ngoài ý muốn của nàng, đến nước này rồi Châu không biết phải làm sao... nàng gượng gạo bước theo Vũ xuống ghe.

Màn đêm bao phủ, gió lạnh rít từng cơn, Vũ đưa cho nàng một áo lạnh và một xách tay hành lý rồi giao nàng cho một người đàn ông vừa bước đến – Châu nhìn Vũ ngạc nhiên, chàng cúi xuống hôn lên trán Châu và ra dấu lặng yên đừng hỏi: “Em xuống tàu trước, anh thu xếp cho mọi người rồi xuống ngay”. Vũ nói với Châu rồi biến nhanh trong đêm tối.

Tàu đã bắt đầu rời bến, Quỳnh Châu ngồi bó gối trong một góc tối, nàng không biết xung quanh nàng là ai chỉ thấy rất đông kẻ ngồi người đứng, ai cũng lặng im – Nàng đưa mắt nhìn lần cuối què hương yêu dấu, nghẹn ngào chào biệt mẹ cha... Tàu chạy mỗi lúc mỗi đi xa, què hương của nàng đã mờ dần theo ngăn lệ!

Đã một tuần lênh đênh trên biển cả, thức ăn chỉ cầm chừng mà hình bóng Vũ thì biệt tăm, Quỳnh Châu buồn và cảm nhận một sự lừa dối ở Vũ! Nhưng Vũ có lợi gì khi gửi nàng đi, chàng đâu có đòi hỏi tiền bạc hay chỉ vàng nào cả, vậy thì tại sao Vũ ở lại không đi với nàng?...

Tiếng reo hò inh ỏi của mọi người trên tàu cắt đứt dòng suy tư trong đầu Châu, một chiến hạm to lớn đang tiến dần đến gần tàu của Châu, nhưng rồi chiếc tàu lớn ấy đã lạnh lùng không cứu vớt đoàn người vượt biên! Lần lượt trong năm ngày như thế, bảy chiếc tàu to lớn dừng đứng, tàn nhẫn không xót thương với những lời thống thiết van xin khóc lóc của những người trên tàu... Quỳnh Châu mất hết nghị lực và niềm tin, trước mắt nàng là cõi chết!

Lại tiếng người la lối hỗn độn, rồi những người đàn ông cởi áo vẩy túi bụi trên không, tàu của Châu đi đã đến gần vào một chiếc tàu đồ sộ, còn cách chừng 150 mét. Mọi người mừng rỡ, hy vọng tràn trề, đàn bà con nít nhao nhao cả lên như bầy ong vỡ tổ, đột nhiên chiếc tàu quay hướng băng ngang làm sóng đánh tràn vào ghe nàng đi, chiếc ghe trước lượn sóng to lớn đã sụp xuống biển sâu rồi lại trôi lên mặt nước, mọi người không ai còn hồn vía, nhìn nhau mặt mày xanh lét như bị sốt rét rừng kinh niên, khi chiếc ghe đã lấy lại được thăng bằng mọi người thở ra đánh phào vì đã thoát chết, một số đàn bà và trẻ con ói mửa lung tung, cảnh tượng ghê rợn giữa biển trời mê mông, Châu rùng mình sợ hãi nghĩ thầm: “Sao họ ác thế, không cứu chúng tôi còn đánh sóng một cách bạo tàn cho chìm ghe chúng tôi, họ là người hay là loại thú không có lương tâm”. Chiếc ghe đang chòng chành trước sự kềm hãm hết sức lực của tài công, mười mấy ngày lênh đênh trên biển cả Quỳnh Châu chỉ thấy mỗi một người cầm lái và xoay sở mọi vấn đề trên ghe cũng như khi gặp sự việc bất trắc thành linh – người này không ai khác hơn là người đàn ông mà Vũ đã giới thiệu và gửi nàng lên ghe này... Khi sóng lặng gió êm nàng lần la tìm tới làm quen người đàn ông đang lái ghe:

- Thưa ông, xin ông cho Châu được biết quý danh, ông đã cho Châu cơ hội tìm tự do, một đời Châu không dám quên ơn ông.

- Không có gì đâu cô, người đàn ông vừa chăm chú lái ghe vừa trả lời nàng, tôi cầu mong cho tất cả chúng ta đến được bến bờ tự do, đó là tâm nguyện duy nhất của tôi khi quyết định mua ghe rồi chấp nhận cả những việc mà chưa từng làm bao giờ như cô đã nhìn thấy mười

mấy hôm nay đó... Còn tên tôi, cô cứ gọi Năm Nhân là được rồi, mà tôi đâu đến nỗi già mà cô gọi bằng ông dữ vậy!

Quỳnh Châu trong lòng đã nể phục người có tài này, nay nghe những lời nói khiêm nhường nhã nhặn lòng đã thấy bồi hồi vui vui một niềm vui không rõ nguyên nhân... Châu ngồi xuống bên cạnh Năm Nhân hạ giọng:

- Bao nhiêu ngày lênh đênh trên biển cả, Châu thấy chỉ có một mình anh cầm lái và xông pha mọi việc, ngay cả chuyện ăn uống anh cũng quên luôn, chỉ hơn mười ngày trông anh khác hẳn buổi đầu tiên Châu bước lên ghe, chắc anh đang mệt lắm phải không?

- Phải đó cô Châu, tôi mệt lắm, không riêng về sức khỏe mà lẫn cả tinh thần, tôi rất lo lắng cầm trong tay sinh mạng bao nhiêu con người mà tôi lại không phải là tài công, chưa từng làm hoa tiêu, trước sự việc bất đắc dĩ này, tôi phải liều mạng thôi. Thú thật với cô đây là lần đầu tiên tôi lái ghe ra biển lớn vì tôi sắm ghe mới bốn tháng nay chỉ với hoài bão hôm nay nên cứ lẫn quẩn trong bờ đánh cá với hai cháu còn nhỏ xíu cho có lệ qua mắt bọn công an mà thôi... Còn nghề hoa tiêu chằm hải bàn thì càng khổ cho tôi bởi tôi là Sĩ quan Pháo binh chuyên chằm tọa độ cho trọng pháo bảo vệ các tiền đồn, căn cứ trên đất liền – Tôi chỉ cầu xin Trời Phật phò hộ tai qua nạn khỏi vì chúng ta đi giữa mùa giông bão lớn mà lại là lúc có lệnh ngưng cứu vớt người tỵ nạn trên biển dưới mọi hình thức của các nước trên thế giới – Thôi thì cùng nhau cố mà cầu nguyện sự linh thiêng nhiệm mầu của đấng tối cao vậy.

Nói xong chàng chỉ hai đứa cháu trai đứa đứng đứa ngồi trên sàn ghe:

- Đó, hai cháu kêu bằng cậu, đứa tên Sơn, đứa tên Phong con của đứa em gái – bốn tháng trời ba cậu cháu cực khổ vô biên trên nghề đánh cá vì có ai biết gì về nghề biển cả ghe tàu gì đâu. Hôm tuần rồi lạc ghe khi tổ chức bị bể, tưởng hai đứa này và thằng Nghĩa chết đuối ngoài biển rồi đó chứ!

- Anh Nhân, Châu thân thiện tâm sự với chàng, trên ghe này ngoài hai cháu kêu bằng cậu anh có còn thân nhân nào của anh nữa không? Nếu đã sắm ghe hẳn anh phải đem gia đình vợ con đi chứ, sao từ ngày đi đến nay Châu không thấy người nào săn sóc cho anh hết vậy?

- Ô! chuyện đó dài dòng lắm cô Châu ơi, tôi đi với hai đứa con gái nhưng chúng đã bị bắt hết rồi vào hôm tổ chức tuần trước, đợt này tổ chức đi một cách khẩn cấp, hai đứa nhỏ còn đang kẹt trong tù nên tôi đành chấp nhận đi một mình với hai thằng cháu thuyền viên bé tí này thôi...

Quỳnh Châu bàng hoàng xót xa cho hoàn cảnh của anh Nhân, lòng đã quyết tìm hiểu về gia cảnh riêng tư của anh bởi trong Châu đang dâng lên một cảm tình rào rạt xen lẫn niềm trân quý anh Năm Nhân, người thanh niên mà suốt đoạn đường vượt biển đã cho nàng thấy rõ tài năng và tư cách của chàng.

- Châu có linh tính là anh đang buồn và cô độc, Châu cũng là kẻ bị bỏ rơi, người thanh niên gọi Châu lên ghe anh đã tàn nhẫn bỏ rơi Châu rồi, một chuyến ra đi Châu

không hề biết trước, anh ta sắp xếp chủ động mọi việc mà cho tới hôm nay trên chiếc ghe định mệnh này Châu chẳng thấy anh ta đâu cả?

- Cô Châu nói về Vũ đó hả! Anh ta đâu có đi vượt biên làm gì, anh ta là công an tổ chức bãi cho tôi mà, anh ta thường xuyên làm nghề này nên nghe đâu giàu ketchup, có mấy tiệm vàng và sắp lấy vợ cũng con gái tiệm vàng...

Quỳnh Châu nghe nhói trong tim, thì ra Vũ đã gạt nàng, đưa nàng đi cho khuất mắt, khỏi làm chướng ngại vật để cản Vũ trong việc hôn nhân, đối xử với nhau như vậy sao? Châu lấm bầm trong bụng, lòng dạ con người khó mà đo lường được, nhưng dù sao mình cũng cảm ơn Vũ đã giúp mình một lối thoát để không ngỡ ngàng cho cả hai nếu sự thật phũ phàng kia xảy ra! Đời người con gái của Châu đã bị Vũ chiếm đoạt rồi, nàng yêu Vũ mà không hề nghi ngờ chàng một điều gì, nào hay đâu Vũ đã có sẵn mối tình song đôi, nào hay Vũ đang tính toán lợi hại trong tình yêu, đây cũng là dịp may cho mình, nếu mình ở lại quê hương thì ngày đám cưới của Vũ... mình sẽ ra sao? phũ phàng nhục nhã nào hơn cho mình! Nghĩ được điều này, lòng Châu nhẹ nhàng thanh thản, nàng phớt lờ như chẳng có tình cảm riêng tư gì với Vũ:

- Thì do thế mà anh ta không có ý vượt biên, thôi cũng cầu chúc anh ta tròn mộng ước, Châu mới quen anh ta nên không biết gì về cuộc đời riêng tư của anh ấy, cứ tưởng mọi người ai cũng thích ra đi tìm tự do, anh Nhân sao anh không kể chuyện riêng tư của anh cho Châu nghe với có được không, Châu muốn được chia sẻ cùng anh...

- À! Chuyện vợ con thê tử ấy nhắc lại chỉ làm đau lòng thôi, vì hoàn cảnh chiến tranh vợ chồng tôi phải xa nhau, hiện nay nàng ở Hoa Kỳ với hai đứa con của tôi, tôi có 4 cháu, 3 gái, 1 trai...

- Nhưng anh có hy vọng ngày xum họp với chị không? Quỳnh Châu tò mò hỏi.

- Tôi không rõ thế nào, tuy rằng trong lòng tôi lúc nào cũng hy vọng điều đó, vợ tôi là người đàn bà hiền hậu thủy chung, nàng rất thương tôi, nàng vẫn viết thư về nói là vẫn chờ đợi tôi và hai đứa con còn kẹt lại Việt Nam...

Nhân trả lời Quỳnh Châu mà lòng nghe nghẹn đắng, chàng biết khi Mỹ Nương ra đi với người đàn ông khác thì không trông mong ngày xum họp với chàng, càng tệ hại hơn khi ông ta quen biết chàng, nhà ở cùng xóm với chàng, ông ta bỏ vợ con ở lại để ra đi với vợ chàng, thì chuyện đoàn viên e không thể có, mặc dù đôi lần Mỹ Nương viết thư về an ủi “em vẫn chờ anh và hai con” !

Quỳnh Châu im lặng thở dài không hỏi nữa, bấy nhiêu đó đủ cho nàng thấy được chỗ đứng của nàng ở đâu rồi, chàng ra đi để xum họp người xưa đang chờ đợi, mình chỉ là hoài vọng chuyện mây bay gió thoảng, Châu dần lòng để cố xem anh Nhân như một người anh, chuyến đi này nàng hoàn toàn cô độc khi đến bến bờ tự do, có một người anh kết nghĩa chả là quý lắm sao... Châu là người con gái nghị lực nên nàng không yếu mềm trước tình cảm, nàng cười tươi nói tiếp:

- Anh Nhân này! Hoàn cảnh em khi đến nước người không có một ai là thân quen, xin anh nhận Châu là em gái kết nghĩa, nếu anh bằng lòng em xin cảm ơn anh thật nhiều đã giúp em có niềm tin trên đường vượt biển.

- Gì chớ điều đó tôi chấp nhận ngay – Anh em mình đến xứ người chân ướt chân ráo ai cũng bơ vơ, có em gái cũng có miếng cơm ăn đỡ phải chui vào bếp phải không Châu?

Quỳnh Châu nghe mừng ran trong bụng không trả lời chỉ cười, như vậy là anh Nhân đâu có xum họp người xưa, chắc anh chàng đang giấu giếm sự thật nào lòng rồi đây... Nàng mỉm cười mãn nguyện và tự hứa không tìm hiểu chuyện riêng tư của anh Nhân nữa, nàng đã có niềm tin và hy vọng...

- Anh Năm ơi, có tàu lớn ở đằng xa đang tiến tới ghe mình, Long hốt hoảng vừa chạy vừa kêu to – Long là em vợ của chàng, tội nghiệp nó cũng vất vả lắm trong chuyến đi này, những ngày qua nước tràn vào ghe nó và các bạn trên ghe tát nước thay phiên, cứ 5 người này rồi thay 5 người khác tát nước liên tục, ghe đã cũ nên chẳng bảo đảm chuyện nước lọt vào các lỗ bị hư thủng khi bị sóng đánh tới bồi, mưa bão phủ đầy chiếc ghe chỉ 8 mét chiều dài, 2 mét rưỡi chiều ngang.

Năm Nhân nghe Long báo tin như thế vội nhìn theo hướng Long chỉ, đúng là một chiếc tàu đồ sộ đang tiến thẳng hướng này, mọi người trên ghe nhốn nháo cả lên, đàn bà con nít khóc òa lên, đàn ông thanh niên tay vẫy vẫy túi bụi trên không những chiếc áo, những chiếc quần dài họ cởi ra để vẫy, người chỉ còn vồn vện chiếc quần đùi với thân thể ốm teo bởi mười mấy ngày lênh đênh đói khát...

Chiếc tàu đồ sộ kia cũng tàn nhẫn không cứu giúp đoàn người tỵ nạn, đã đến thật gần rồi nó lại lách ra xa. Nhân đứng chết lặng buông cả tay lái, nước mắt chàng ứa ra, chàng phải làm sao đây nếu lần này không được vớt nữa thì tất cả sẽ bỏ mạng vì đói vì khát, vì bão giông, không còn lương thực, không còn dầu mỡ 2 ngày rồi, ghe cứ thả lều bều trên mặt biển bao la mưa bão dưng dưng ghê rợn! Bỗng nhiên chàng ra lệnh đục thủng ghe cho nước tràn vô rồi xốc mạnh một đứa bé giơ nó lên cao trên không, Nhân la lớn bằng tiếng Anh:

- “Xin các ông hãy bắn tôi chết đi, tôi không thể đứng nhìn thân nhân của tôi từ từ chìm sâu dưới lòng đáy biển, hãy bắn tôi đi, hãy bắn tôi đi”.

Đứa bé la toáng lên khi bị nhấc bổng lên cao và khóc thét, nước đã tràn vào trong ghe... Thế là hết! Quỳnh Châu nhắm mắt lại chờ thần chết đưa xuống biển sâu! Nàng không ngờ đời nàng kết thúc đau thương đến thế !!!

- Họ cứu chúng ta rồi, mau leo lên thang, mau lên! tiếng la lớn của anh Nhân, Châu mở bừng mắt ra, từng người một vội vã leo lên chiếc thang dây do chiếc tàu to lớn thả xuống, thì ra họ vẫn còn lòng nhân đạo trước hiểm nguy của kẻ khác... Quỳnh Châu bật khóc nức nở bám chặt thang dây...

Vào đảo được 3 tuần thì anh Nhân và hai cháu được chính phủ tách riêng ra theo diện Sĩ Quan QLVNCH tỵ

nạn Cộng Sản. Từ đó Quỳnh Châu không còn gặp được anh Nhân, Quỳnh Châu buồn lắm, tưởng qua xứ người sẽ được kề cận anh Nhân, cơm nước cho anh như lời anh đã nói với nàng khi còn lênh đênh trên biển cả, đúng là “tính trước bước không tới” – dù không còn gặp anh, nhưng trong lòng Châu vẫn thấy như luôn gần gũi một con người Châu kính phục, anh đã tài ba leo lái con tàu vượt tử thần, làm tài công, làm hoa tiêu, mưu trí đục thủng tàu, nói tiếng Anh lưu loát... Cứu sống bao nhiêu sinh mạng, người như thế mà sao ơn trên không cho nàng diễm phúc hầu hạ anh? Rồi những ngày dài lê thê sắp tới, cuộc đời nàng sẽ trôi giạt về đâu, nàng có quên được anh không? Nàng cầu xin dù ở đâu anh vẫn được ơn lành bù đắp, anh nhân hậu, anh tài ba xứng đáng được hưởng những gì may mắn nhất của kiếp người trên dương thế...

Một năm sau Quỳnh Châu được nhận vào Mỹ, nhờ có chút vốn Anh Văn, nàng đi làm cho một văn phòng ngoại giao của chính phủ Hoa Kỳ – Nơi đây nàng đã gặp Luật, chàng là Kỹ sư trong ngành chế tạo hỏa tiễn thuộc Bộ Ngoại Thương Hoa Kỳ, Luật du học từ năm 1973 nên chàng không hiểu được những đau thương mất mát của quê mình! Luật càng yêu quý Châu hơn khi nghe nàng kể lại cuộc vượt biển của nàng, nàng không quên nhắc đến anh Nhân với cả sự quý trọng mang ơn và kính phục, Luật bồi hồi mong ước sẽ có ngày được gặp ân nhân nơi miền đất bao la này.

Cho dù có tình cảm mới, Châu vẫn không quên cha mẹ, vẫn chưa quên Vũ, nàng định một chuyến về quê ở lại ăn Tết một tháng – Châu đã mua vé máy bay từ tháng trước, nàng cũng đã chuẩn bị một ít quà cho cha mẹ và cho cả Vũ cho dù Vũ đã phụ nàng...

Về đến quê xưa Châu mới biết Vũ đã lấy vợ, chàng lấy cô con gái nhà giàu và Vũ có hai tiệm bán vàng – Châu dò hỏi được biết sau nhiều chuyến Vũ đứng ra tổ chức cho người vượt biên Vũ đã giàu có lớn, và ngay sau ngày Quỳnh Châu đi được hai tuần Vũ đã cưới vợ. Đám cưới thật lớn tổ chức nhà hàng đến 3 ngày ba đêm, đám cưới xong Vũ xin giải ngũ không làm công an nữa... Châu nghe tin này chỉ biết mỉm cười chua chát trong lòng...

Quỳnh Châu trở về Mỹ sau một tuần thăm mẹ cha, nàng quyết định lấy Luật, nàng không còn điều gì ray rứt lương tâm khi biết rõ Vũ đã phụ nàng! Hạnh phúc đang chờ đón nàng, Châu tin tưởng rằng Luật là người trí thức cao hãn chàng sẽ khác xa Vũ... Chàng sẽ không bao giờ bán rẻ lương tâm vì vật chất, nàng sẽ có một đám cưới thật rõ ràng. Nàng sẽ là cô dâu đẹp nhất và hạnh phúc nhất trên thế gian này. Nàng sẽ qua đài phát thanh, qua báo chí tìm cho được anh Nhân, ân nhân muôn thuở của nàng. Đám cưới nàng, anh Nhân sẽ đứng chủ hôn vì Luật du học nên cũng không có thân nhân ruột thịt...

Còn gì vui hơn, sung sướng hơn với những ý nghĩ miên man thú vị trong đầu, Quỳnh Châu cười mãn nguyện, nàng không thấy oán hận Vũ nữa mà trái lại cảm ơn Vũ đã vô tình cho nàng một tương lai tươi sáng, một hạnh phúc bất ngờ...•

Gió thoảng Mây trôi



Thi-Thi Hồng-Ngọc

Tôi gặp nàng tại Đại nhạc hội Việt Nam tổ chức tại Düsseldorf vào một mùa Giáng Sinh xa xưa nhưng không bao giờ quên được dù nàng lúc đó lẩn lộn giữ rừng người đông đảo. Nàng không xinh đẹp tuyệt trần, không ăn mặc lòe loẹt nổi bật, cũng không hoạt bát ồn ào gây sự chú ý của mọi người. Nhưng đối với tôi thì nàng thật đặc biệt với dáng vẻ đoan trang thùy mị, với đôi mắt dịu dàng và với sự im lặng của nàng trong một góc vắng của hội trường. Nàng đứng đó, tay cầm một cuốn sách nhỏ, vừa đọc vừa... gặm bánh mì, thỉnh thoảng lại ngước mắt lên nhìn xung quanh coi có gì "lạ" không rồi lại cắm đầu vào cuốn sách, cứ y như trong đó có chỉ chỗ giấu kho vàng vậy!

Hết giờ giải lao, buổi ca nhạc tiếp tục, nàng biến mất và tôi đã lúng lúng cả hội trường nhưng không tìm thấy lại được màu áo trắng tinh khôi, mái tóc thề và đôi mắt nai ấy nữa. Tôi tự trách mình thậm tệ và nổi quạu lên cả đám bạn "ăn nhậu" ồn ào quanh mình.

Tôi lúc ấy, một thằng con trai mới lớn còn đang "cô đơn" giữa xứ lạ quê người sau khi được tàu Cap "vớt" lên

trước mũi... cá mập. Sau vài năm chuyên cần học tập, tiếng Đức của tôi đủ để "nói móc" lại một vài người dân bản xứ có tật hay kỳ thị chủng tộc!

Đường học vấn rộng thênh thanh nhưng đường tình duyên thì eo uột phát sợ. Tôi dễ dàng quen được với một Claudia, Jessica hay Anna nào đó nhưng chẳng biết tìm Mai, Lan, Cúc, Trúc, Thúy ở đâu. Ba má tôi thì một, hai căn dặn: "Ta về ta tắm ao ta. Dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn". Thành ra, buổi văn nghệ văn gừng bữa đó là cơ hội để tôi về "tắm ao nhà", tiếc rằng giữa rừng hoa Mai, Lan, Cúc, Đào ấy, nàng lọt vào mắt tôi như một vì... sao xẹt sáng rực lên rồi đột nhiên biến mất.

Sau buổi ca nhạc, trong đám bạn của tôi có vài đứa đã may mắn có số điện thoại của "em" để trao đổi tâm tình, riêng tôi thì thần thờ trở về "báo cáo" với "thân phụ" và "thân mẫu" rằng chưa tìm được cái "ao ta" nào thích hợp để... tắm cả!

Rồi thời gian dần trôi, tôi bù đầu vào với việc học hành và kiếm tiền để đi chơi cho biết đó biết đây, hình dáng nàng nhạt nhòa theo năm tháng. Quanh tôi toàn là mắt xanh, tóc vàng đầy quyến rũ và tôi hoàn toàn chẳng thiết tha gì nữa đến chuyện: "Ta về ta tắm ao ta". Rồi chuyện gì đến phải đến; tôi sa ngã trong "ao người" và cuối cùng phải kết hôn với một cô nàng mắt xanh, tóc nâu làm ba má tôi buồn quá vì cô con dâu chẳng biết nói gì với họ ngoài chữ "Hallo!", "Wie geht's"? và lâu lâu khi ba má tôi đến thăm toàn được "đãi" ăn... bánh mì đến nổi mụn. "Tóc nâu" tặng cho tôi hai nhóc tí để thương nhưng tình yêu của tôi càng ngày càng phai nhạt. Khoảng cách giữa chúng tôi cứ rộng ra vì tôi chẳng quên được... nước mắm và bún riêu, và lại tối ngày phải đón ý "Tóc nâu" muốn gì, chiều chuộng hầu hạ như một nô lệ vợ không phải là cá tính của tôi. Và lại, cứ "ich, ich, du, du" tối ngày cũng nản, tôi thèm được nghe tiếng: "Anh ơi!" hay "Ông xã ơi!" và tôi đành phải "lỡ bước sang ngang" lần nữa. Giã từ "Tóc nâu", giã từ cái "ao người" buồn nản, tôi biết mình có lỗi với hai đứa con thơ vì khi bước chân ra khỏi nhà tôi biết sẽ không còn cơ hội được nhìn thấy chúng nó nữa.

Tôi gặp nàng lần thứ hai tại đám cưới của một thằng bạn thân. Sau bao năm trời không gặp, tôi vẫn nhận ra nàng, vẫn khuôn mặt non non đáng yêu, mái tóc thề đen mượt và đôi mắt nai xinh xinh, nhưng trông nàng có vẻ

chúng chạc hơn, điệu dàng hơn, ít ra là không vừa đọc sách vừa... gặm bánh mì mà ngồi ăn rất nhỏ nhẹ, dáng thẳng trang nghiêm hìn để yêu làm sao.

- Ê mày! - Tôi hỏi nhỏ thằng bạn "chú rể". Cô bé áo dài trắng bông cúc vàng đó mày có quen không?

- À! Bạn đồng nghiệp của bà xã tao ấy mà. Sao hả? "Động lòng" rồi à? Báo cho mày biết đường mà... né: "Người ta" sắp lấy chồng rồi đó.

- Tên cô bé là gì vậy?

- Lệ Chung.

- Tao sẽ đặt cho nàng một cái tên mới: Sao xẹt! Tại vì mỗi lần tao gặp cô ta là y như không có cơ hội tiến xa hơn.

- Thành kính phân ưu! Dù sao nếu mày muốn, tao sẽ tạo điều kiện cho được trò chuyện với người đẹp để thỏa lòng mơ ước. Nhưng nói trước, cô bé này chỉ số thông minh trên điểm trung bình đó nha, tội cái là "hồng nhan đa truân" yêu làm một thằng vô dụng.

Giữ lời hứa, giữa bữa tiệc lúc nàng đến bên cô dâu trò chuyện thì thằng bạn thân ra hiệu với tôi. Sau vài lời giới thiệu... hai chàng, vợ chồng hẳn kéo nhau đi mất. Tôi chẳng thể bỏ phí một giây phút nào:

- Xin lỗi! Tại vì hình như anh có gặp em một lần ở Đại nhạc hội cách đây mấy năm, muốn có dịp làm quen nhưng sau đó kiếm không ra em nữa.

- Trí nhớ anh thật là tốt, chắc hồi đó em đặc biệt... kỳ dị lắm mới được anh chú ý tới chứ gì?

- Không phải đâu, tại bữa đó anh chưa bao giờ thấy ai đến Đại nhạc hội mà cầm theo sách và... nhai bánh mì hết.

Nàng bật cười, nụ cười răng khểnh dễ thương chi lạ.

- Vậy thì hôm nay anh chú ý tới em bởi vì em... nhai cái gì đấy hả?

Đến phiên tôi phì cười vì sự ranh mãnh của nàng, tôi muốn nói rằng vì nàng đáng yêu quá nhưng e rằng nàng không ưa những gã "nịnh đầm" trắng trợn như vậy.

- Hôm nay thì tại vì em mặc áo dài. Em là người con gái duy nhất mặc áo dài ở đây, thấy không?

- Ô há! Toàn là mấy bác đứng tuổi mặc áo dài thôi, vậy có nghĩa là em "lạc hậu" lắm phải không anh?

- Em không "lạc hậu" mà là "hoa hậu" chứ. Tôi nhẹ giọng. Trong tà áo dài, em thật là dễ thương.

Nàng đỏ mặt bẽn lẽn, mái tóc dài óng ả ề ập bờ vai thon nhỏ giọng nàng thật dịu dàng êm ái:

- Cảm ơn lời khen của anh, thật ra em mặc áo dài không phải vì... làm điệu mà chỉ vì muốn "còn chút gì để nhớ"... Việt Nam thôi.

Chợt nàng ngẩng lên chăm chú lắng nghe, ai đó đang hát bài "Ngày Xưa Hoàng Thị", tuy không hay bằng ca sĩ Thái Thanh, nhưng nghe cũng cảm động. Bản nhạc dứt, đôi mắt nàng long lanh thoáng ướt.

- Đó là bài hát yêu thích nhất của em và mẹ em.

- Em thích nhạc Phạm Duy lắm sao?

- Nhưng không phải là nhất, em cũng thích nhạc của nhạc sĩ Ngô Thụy Miên, Văn Cao và Y Vân; à! còn nữa, Trịnh Công Sơn nữa chứ.

- Anh nghĩ, sở thích của em chắc chắn là đọc sách chứ không phải là âm nhạc.

- Dạ! Anh nói đúng! Em đọc hết bộ "Tam Quốc Chí" lúc em mười một tuổi và say mê tiểu thuyết của nhóm "Tự Lực Văn Đoàn" lúc em mười hai tuổi. Hồi đó, mẹ em khó khăn lắm mới "thuê lậu" mấy cuốn sách quý ấy cho em đọc tại vì em cứ học thơ của Tố Hữu làm mẹ em... nhức đầu.

Rồi cứ như theo đà, tôi và nàng hết nói chuyện âm nhạc, lại qua sách vở một cách say sưa. Nếu gã chồng "vô dụng" kia của nàng không tìm ra được chúng tôi và bực bội kéo nàng qua ngồi chung với đám bạn say sưa ồn ào của hắn thì tôi đã có một buổi tối tuyệt vời nhất trong đời được trò chuyện với một người con gái đáng yêu và có học như nàng. Lâu lắm rồi, tôi mới gặp một "tri âm, tri kỷ" như vậy.

"Tóc nâu" thì chẳng thèm học lấy một chữ tiếng Việt, đám bạn thân thì từ ngày tôi lập gia đình, tụi nó xa lánh dần dần vì ngại "Tóc nâu". Có lúc, tôi tưởng như mình sống trên hoang đảo nếu không có ba má tôi an ủi thì chắc tôi phải mua hai ký bún về thắt cổ chết lâu rồi!?

Giờ tôi lại lúi thủi ngồi vào một góc tối của hội trường ngắm nàng gượng cười giữa đám bạn say sưa của người chồng chưa cưới. Tôi thầm than cho một "bông hoa lài" như nàng. Đàn bà không phải là vũ trụ đối với tôi như những ngày đầu đặt chân đến Đức, giờ tôi đã là ba của hai nhóc tí nhưng không hiểu sao tôi lại rung động tận sâu thẳm tâm hồn trước nàng. Màu áo dài trắng thướt tha ám ảnh tôi cả ngày hôm ấy, đi vào trong giấc ngủ cô đơn của tôi với toàn mộng đẹp. Những lời nói dịu dàng như còn văng vẳng bên tai tôi: "Em mặc áo dài không phải vì...

làm điệu mà chỉ muốn còn chút gì để nhớ Việt Nam thôi". Trời ơi! Em nào biết em đã là cả bóng dáng Việt Nam trong mắt anh ngày ấy với bóng hàng dừa xanh tha thướt, dòng sông hiền êm ái trôi xuôi, những con đường có lá me bay, rợp màu áo dài trắng buổi tan trường. Em đã làm nên "nỗi nhớ, nỗi buồn xa xứ của những tâm hồn ly hương khốn khổ... như tôi.

Rồi một lần vào dịp thăng bạn thân vừa cưới vợ đó tổ chức ăn "tân gia" sau mấy tháng tìm nhà vắng và, tôi được mời đến phụ... ăn. Thừa dịp đó, tôi lần la hỏi thăm tin tức của... nàng. Chẳng cần biết tới "vĩ đại" đó của tôi, hắn vừa nhai nhồm nhoàm đùi vịt quay vừa lải nhải:

- Mà về nghe Thái Thanh hát bài "Nụ tầm xuân hồi nụ tầm xuân" đi cho rồi.

- "Em" đã... sang ngang rồi sao? Tôi sống sờ.

- Tháng tới. Thiệp cưới nằm lù lù kia kia, mà lấy mà đọc để... giải độc!

- Nhưng mà nói thẳng đó... vô dụng mà?

- Ủ! Cờ bạc, rượu chè, bạn bè bù khú, làm chẳng ra tiền, vậy mà chẳng hiểu sao nhỏ Chung chịu lấy hắn? Mà hỏi, tao hỏi ai đây?

- Nhỏ Chung nói là đã "lỡ" với anh ta rồi phải lấy chứ không muốn mang tiếng nay người này mốt người nọ, không tốt. Vợ thằng bạn đột ngột xen vào.

- Điên quá! Tôi thờ dài.

- Nhỏ này đọc sách nhiều quá nên thiệt là điên, nhưng biết làm sao được, mọi việc đã an bài.

Tim tôi đau nhói, đúng là mọi việc đã an bài, tôi và nàng thực sự "hữu duyên vô phận". Tài hoa như thế, duyên dáng đến vậy mà làm gì, rồi em sẽ sống trong những chuỗi ngày đen tối với người chồng thiếu hiểu biết kia. Tôi chợt cảm thấy xấu hổ khi nghĩ những điều trên, biết đâu lấy vợ rồi, gã "lãng tử" kia sẽ "hồi đầu" chịu khó làm ăn, biết đâu vì nàng hắn sẽ nên thân và gia đình họ sẽ hạnh phúc, biết đâu... Dù sao, tôi cũng mong nàng có cuộc sống yên lành bởi vì nàng đáng yêu và mỏng manh quá, nàng đáng được che chở, nâng niu như một bông hoa quý.

Tối đó, tại nhà thằng bạn, tôi say khướt. Trong giấc mơ chập chờn hỗn loạn, nàng hiện đến thanh cao trong màu áo trắng của ngày hôn lễ nhưng không có gã chồng bên cạnh, đôi mắt nàng long lanh ngấn nước, chưa có

một cô dâu nào nhìn buồn thảm đến như vậy.

Rồi cũng đến ngày cưới thật sự của nàng, nhờ sự giúp đỡ của thằng bạn, tôi tìm đến nhà hàng nơi tổ chức tiệc cưới, đậu xe xa xa, ngắm nàng tươi cười đứng cạnh chồng chào đón quan khách. Nàng ốm và xanh xao đến tội và lòng tôi cảm thấy thật xót xa. Chợt nàng lững thững theo chân những người bạn gái thân ra một góc vắng của khu vườn bên cạnh để chụp hình với họ, tôi chợt thấy nàng thoáng buồn, đôi mi cong chớp nhanh, đôi mắt mơ màng nhìn xa xăm, u sầu vời vợi. Tôi nhận ra đây chính là gương mặt nàng trong giấc mơ đêm nào, đôi mắt đắm chiều như phủ một trời hoàng hôn lịm tắt. Đôi mắt ấy báo hiệu một cuộc hôn nhân gãy đổ nay mai. Linh tính đó lẽ ra làm tôi vui nhưng tôi lại cảm thấy đau đớn. Tôi như hòa vào nỗi đau khổ thầm kín của nàng và chỉ một mình tôi biết.

Không hiểu tại sao chỉ hai lần gặp gỡ mà tôi lại yêu nàng đến như vậy, một tình yêu kỳ quái và vô vọng, cứ y như chúng tôi có duyên nợ từ kiếp trước vậy. Nàng không xinh đẹp lộng lẫy nhưng tôi tìm thấy ở nàng dáng dấp một người thiếu nữ thật sự... Việt Nam: thùy my, dịu dàng, thông minh và... kiên nhẫn. Nhưng rồi mọi việc cũng phải qua, thời gian không xóa nhòa vĩnh viễn hình ảnh nàng nhưng cũng mờ nhạt dần, nàng ngủ yên đâu đó trong một góc tối êm đềm, sâu kín nhất của trái tim tôi.

Hai năm sau đó, tôi tháp tùng má tôi về Việt Nam thăm ngoại và được bà con họ hàng giới thiệu cho một cô hàng xóm khá xinh xắn. Cô ta còn rất trẻ nhưng rất lạnh lợi, khôn ngoan dù chỉ mới học chưa hết lớp chín. Cô nàng chẳng hề biết Trịnh Công Sơn, Phạm Duy, Ngô Thụy Miên là ai, nhóm "Tự Lực Văn Đoàn" làm cái gì và Picasso hay Van Goch là... tên gì vậy!?, nhưng cô nàng nấu ăn giỏi và biết chiều chuộng... má tôi, gọi dạ bảo vâng nhỏ nhẹ. Dĩ nhiên là má tôi "chấm" và tôi cũng "chấm" không phải vì những điều trên mà là vì cô ta có đôi mắt hao hao giống "nàng".

- Mà lấy làm gì mấy đứa học cao về chỉ tổ hầu hạ nó. Con nhỏ này dễ thương, lo việc nhà giỏi, nó sanh con đẻ cái nấu ăn cho mà, biết chiều chuộng chồng là đủ rồi. Bộ một lần gãy đổ còn chưa sợ sao con? "Ta về ta ẵm ao ta".

Thôi thì lần này má biểu con "tắm" ở đâu thì con "tắm" ở đó và thế là tôi... cưới vợ.

Đúng như má tôi nói, vợ tôi không bao giờ mở miệng phản đối tôi chuyện gì trong những tháng năm đầu tiên, cô ta sanh cho tôi hai nóc ti và đột nhiên tánh tình hoàn toàn thay đổi, còn tôi cũng từ từ chán một người vợ có cái đầu rỗng tuếch. Tôi đòi hỏi quá chăng, có thể lắm, nhưng tôi cứ như một con cá kinh ngắc ngoài giếng lòng biển hẹp. Đòi chỉ có ăn ngủ, lo cho con cái học hành, hai vợ chồng chẳng có gì để tâm sự, không một sở thích nào chung nhau. Vợ tôi quá an phận và dính ninh rằng suốt đời sẽ nương tựa vào "cây cội" là tôi nên không hề có ý muốn cầu tiến, không thêm học tiếng bản xứ, không cần giao du để mở rộng sự hiểu biết. Với một người chồng nào khác chắc sẽ hài lòng về một người vợ an phận thủ thường như thế nhưng tôi thì không.

Tôi thường xuyên bỏ nhà đến chỗ mấy thằng bạn và tệ hại hơn là sa đà vào những cuộc tình tội lỗi. Vợ tôi từ từ trở nên cục cằn, thô lỗ hơn, tiếng bác tiếng chửi và cuối cùng là những trận cãi vã dữ dội đuổi tôi càng xa gia đình hơn. Tôi biết lại làm ba má tôi buồn không ít, nhưng quả thật tôi như cảm thấy mất phương hướng, chới vơi giữa cuộc đời. Một người đàn ông không tìm thấy sự bình yên, hạnh phúc trong gia đình thì thật là đáng sợ. Sắc đẹp, tài nội trợ của vợ tôi ngày nào giờ không còn một chút nào quyến rũ nữa. Tôi trở thành một thằng chồng "khốn nạn" trong mắt vợ, chịu không nổi "địa ngục gia đình", tôi chạy về Việt Nam "ty nạn"!

Chuyện có vẻ ngược đời nhưng đó là sự thật, nước Đức trở nên chẳng có gì luyến tiếc cả. Nếu ông thuyền Trưởng tàu Cap năm xưa mà biết được chắc sẽ tặc lưỡi than: "Sao hồi đó không thả lại thằng này xuống biển cho nó bơi về Việt Nam hoặc vô bụng cá cho rồi. Thật là vô dụng! Gần hai mươi năm lưu lạc xứ người, cái thằng người "vô dụng" tôi về lại Việt Nam lần thứ hai với trái tim tan nát và một linh hồn tàn tạ, qua những cuộc vui thâu đêm suốt sáng, những mối tình cộng tiền với mắt xanh, môi đỏ càng làm tôi chán đến tận óc.

Rồi một chiều mưa buồn, chiều mưa định mệnh, tôi lang thang ghé vào một ngôi chùa nhỏ bên đường. Mấy thằng bạn từng chọc: tôi mà đi chùa thì Bụt sẽ bỏ chân xuống chạy liền, thật là

quá đáng! Bây giờ thì tôi thật đang ở trong một ngôi chùa, nghiêm trang đốt một nén nhang lạy Phật, tôi chợt cảm thấy tâm hồn lắng dịu, êm ả thật nhiều. Tôi quỳ như vậy không biết bao lâu và nghe thấy có bước chân nhẹ nhàng đi tới, mùi nước hoa đất tiền thoang thoang, ngậy ngất. Có lẽ trời mờ mờ tối mà tôi lại quỳ trong một góc nên người lạ không phát hiện ra nhưng tôi lại nhìn thấy rất rõ "người ấy".

Tim tôi đập dồn dập, đã gần mười năm xa cách, và vẫn như ngày xưa, tôi nhận ngay ra "nàng". "Nàng" không hề đổi khác với dáng vóc thanh mảnh, dễ thương, mái tóc dài tha thướt và vẫn thích mặc đồ trắng. Nàng thấp hương xong, chắp tay quỳ trước bàn thờ Phật và... nức nở khóc. Cảnh chùa im vắng, dù không cố ý nghe lén, nhưng những lời ai oán của nàng, tôi vẫn nghe không sót.

- Lạy Phật từ bi. Con thật khổ lắm, con đau lòng đến chết mất.

Nàng ngừng lại nghẹn ngào và tôi cảm thấy hình như mắt mình cũng cay cay.

- Con đã yêu thương và cố gắng làm tròn bổn phận một người vợ với chồng mình, dù anh ấy có hư hỏng đến đâu con cũng không bao giờ bỏ anh lúc cùng đường, quần bách con chỉ hy vọng anh ấy trở thành người tốt biết nghĩ tới gia đình. Ngờ đâu... khi có tiền, anh ấy lại đem lòng... phản trắc. Con không thể kể cho ai biết được là nhìn thấy anh ấy trong một quán cà phê đen môi với một người con gái lạ tình tứ. Con sợ ba má con đau lòng, du luận đàm tiếu. Con phải làm sao bây giờ? Đức Phật từ bi thương xót, con phải làm sao đây?

Nàng gục đầu sụt sướt, còn tôi cũng thoáng nóng nóng nơi gò má và hoảng hốt nhận ra mình cũng đang... rơi lệ. Trời Phật ơi! Từ nhỏ đến lớn, đau khổ cũng nhiều, tôi chưa từng để cho nước mắt mình rơi ra, vậy mà không hiểu sao lại rung động đến vậy trước sự đau khổ của "người yêu xưa cũ", "Nàng của tôi" vẫn duyên dáng như ngày nào, với đôi mắt long lanh ngấn lệ, nàng càng có vẻ "thiên kiều bá mỹ" hơn. Nhưng tôi nhận ra nàng cũng chính ra hình ảnh người vợ tội nghiệp hiện tại của mình, có lẽ vợ tôi cũng từng khóc hết nước mắt như thế vì tôi. Có lẽ vợ tôi cũng từng quỳ như thế trước Đấng Từ Bi than thở ai oán như thế mà tôi không hề hay biết?! Tôi cũng từng có những ngày hoang đàng ôm hết người này đến người kia để tìm

quên địa ngục, hay chính tôi biến gia đình thành địa ngục? Đến bây giờ, tôi mới nhận ra mình thật là xấu xa, tồi bại. Lấy "Tóc Nâu" thì tôi chán vì cô nàng không chịu... ăn nước mắm và nói tiếng Việt, lấy "Tóc Đen" thì tôi nản vì bà vợ... nói nhiều quá, ru rú ở nhà chẳng biết trời cao đất rộng là gì. Tôi đã đòi hỏi ở họ quá nhiều nhưng chính bản thân mình nào có tốt đẹp gì cho cam "học không hay, cày chẳng giỏi", lại mắc bệnh ích kỷ kinh niên nữa chứ. Trời ơi!

Nếu không tự sửa mình thì tôi sẽ còn làm hại tới... bà vợ thứ mấy nữa đây? Tới giờ, tôi vẫn còn một chút vấn vương là tôi đã, đang và chắc là sẽ mãi yêu "Nàng", nhưng tôi cố kìm mình để không bước lại bên nàng bởi tôi biết nếu một chút xiêu lòng của cả hai; nàng trong lúc yếu lòng và tôi lúc thương cảm, thì chúng tôi đều sẽ cùng đi xuống... địa ngục. Cầu Trời Phật ban cho "nàng" sức mạnh để qua được giai đoạn khủng hoảng này. Tại sao "nàng" hiền, ngoan, thông minh, tài hoa như thế nhưng lại bạc mệnh đến nhường này? Cái gã chồng ngu ngốc đáng nguyên rủa kia quả thật đã đánh mất một viên ngọc vô giá mà không biết; còn thằng chồng "ăn năn sám hối" là tôi đây lòng tràn đầy niềm tin và hy vọng trở về Đức sẽ làm lại cuộc đời và sống an phận, hạnh phúc bên vợ con.

Về lại Đức, tôi ngập ngừng đứng trước cửa nhà và ngỡ như đã xa xôi từ lâu lắm. Cánh cửa mở ra.

- A! Ba về, ba về rồi má ơi!

Tiếng hai đứa con reo lên mừng rỡ làm tôi xúc động đến rơi nước mắt.

- Ba, ba cái quái gì? Tụi bây vô phòng hết đi! "Thằng cha" đó bị gái đẹp, móc hết tiền mới quay về nhà chứ gì? Nhảm quá rồi, có giỏi thì cút luôn đi.

Cánh cửa đóng lại liền

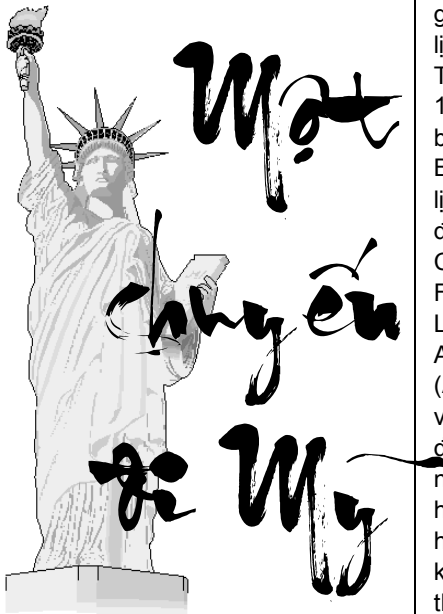
Tôi chết sững, trong tay vẫn còn cầm chiếc khăn tay hoen nước mắt của "nàng". "Nàng" đã đánh rớt chiếc khăn này trong chùa và tôi đã nhặt lấy với ý định là để mỗi khi nhìn thấy sẽ tự nhủ lòng sống hết lòng với gia đình. Nhưng bây giờ tôi muốn hét gọi to tên "nàng" như một cứu cánh cho sự thất vọng, đau đớn ê chề lúc này.

Hai đứa bé mở to mắt nhìn và cùng hét lên khi thấy tôi quay lưng đi.

- Ba! Ba ơi ba!

Lần thứ hai trong đời, tôi đã khóc và chỉ muốn được như nàng nức nở trong một ngôi chùa vắng vẻ rằng:

"Đức Phật từ bi ơi! Con phải làm sao? Làm sao bây giờ?•"



● Ngô Văn Phát

Sang ty nạn Cộng Sản tại Cộng Hòa Liên Bang Đức từ năm 1983, nhưng chưa có cơ hội nào đi Mỹ để nhìn lại nước Cờ Hoa, thấy tận mắt đồng bào tỵ nạn CS của mình đã và đang sinh sống tại Mỹ ra làm sao, nhất là ở tiểu bang California, nơi trên 1/4 thế kỷ nay có một địa danh mang tên "Tiểu Saigon" (*Little Saigon*) nổi tiếng khắp thế giới. Năm 1959 tôi có dịp đi học tại Mỹ. Nhưng nước Mỹ năm 1959 với nước Mỹ 2004 đã thay đổi một trời một vực! Tại Fort Mason ở San Francisco nơi tôi đến Mỹ tạm trú đầu tiên để chờ phương tiện đi Fort Eutis tiểu bang Virginia học, bây giờ là một khách sạn sang trọng huy hoàng.

Nhân dịp các bạn đồng khóa XI Phạm Công Quân Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt (sau đổi tên là Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam) quyết định tổ chức tại Tiểu Saigon vào ngày 7.8.2004 một Đại Hội kỷ niệm 50 năm (1954-2004) ngày vào Trường Võ Bị. Vì tôi là thủ khoa của khóa, nên các bạn tôi yêu cầu bằng mọi giá tôi phải có mặt trong ngày Đại Hội có một không hai này. Nếu tôi không tham dự được sẽ phải hối hận vì Đại Hội lần thứ hai sẽ tổ chức vào năm 2054 nơi chưa được ấn định, nhưng chắc chắn ngoài cõi Ta Bà này! Nghe nói giục mình, nên khi nhận được giấy thông báo và chương trình Đại Hội tôi quyết định đi tham dự để nhìn lại các bạn một lần cuối cùng, để biết được ai còn ai mất sau nửa thế kỷ đổi đời nghiệt ngã.

Tôi liên lạc với các hãng du lịch, họ cho biết từ 20.7 đến 15.8.04 là thời

gian cao điểm vì học sinh nghỉ hè đi du lịch nhiều nên giá vé khứ hồi rất cao. Từ Hannover đến Los Angeles trên 1450 Euro! Mắc gần gấp đôi giá vé bình thường. Trong khi đó con tôi ở Berlin liên lạc với một đại diện hãng du lịch ở trên đó, họ cho biết giá vé rẻ hơn độ 500 Euro nhưng phải đổi máy bay. Có nghĩa là tôi đi từ Hannover đến Frankfurt bằng máy bay hãng Lufthansa (Đức), từ Frankfurt đi Los Angeles bằng máy bay hãng Air-India (Ấn Độ). Tôi chọn phương cách thứ hai vì tiết kiệm được 500 Euro. Tôi mua vé đi ngày 30.07.2004. Đã có kinh nghiệm nhiều lần khi đón rước bạn bè, hầu hết ai đi máy bay mà thay đổi từ hãng này qua hãng khác trên một không trình thì hành lý gửi trước thường bị lạc. Do đó khi đem đi cân gửi cái va-li, tôi bảo con tôi hỏi cô nhân viên phụ trách hãng Lufthansa là cái va-li này tôi sẽ nhận lại tại Frankfurt rồi đem gửi cho Air-India hay là được chuyển thẳng đến Los Angeles. Cô nhân viên trả lời là ông yên tâm chúng tôi sẽ chuyển thẳng va-li của ông đến Los Angeles và ông sẽ nhận khi đến đó. Thế là tôi yên lòng. Nhưng sự yên lòng của tôi bị hụt hẫng khi đến phi trường Los Angeles, cái va-li của tôi không cùng đến với tôi trên một chuyến bay, có lẽ nó còn nằm ở Frankfurt chăng? Nhìn tới nhìn lui thấy một người Á Châu, trên ngực mang tấm bảng Air-India, tay ôm một cái cặp đi tới đi lui chỗ nhận hành lý, tôi đến khiếu nại với anh bằng tiếng Anh là cái va-li của tôi bị lạc, tôi đưa cái phiếu gửi hành lý cho anh xem. Anh không trả lời thẳng vấn đề mà hỏi lại tôi rằng tôi có phải là người Hoa không? à té ra anh là người Hoa đại diện cho hãng Air-India lo về việc hành lý. Tôi nói tôi là người Việt Nam, sau đó anh mở cặp da ra lấy mẫu in điền vào những chi tiết cần cứ vào phiếu gửi hành lý, xong anh đưa tôi giữ một bản. Loay hoay mất hơn cả tiếng đồng hồ!

Gia đình anh sui đón tôi ngoài cổng không biết có chuyện gì bất trắc xảy ra mà sao không thấy tôi khi tất cả hành khách cùng chuyến bay ra về hết. Cuối cùng tôi cũng được ra ngoài cổng chỉ có cái xách tay!

Ngày hôm sau (31.07.2004), con anh sui tôi gọi điện thoại đến Air-India, thì người bên kia đầu dây cho biết là văn phòng của Air-India nằm ở New York! Như thế là thế nào? Một ngày trôi qua tôi vẫn chưa có tin tức gì về cái va-li. Sốt ruột!

Chiều ngày 01.08.2004 tôi nhờ cháu tôi chở lên phi trường để hỏi thăm tin tức. Tại đây họ cho biết là hãng Air-India không có muôn văn phòng thường trực tại đây. Khi nào có chuyến bay của Air-India thì họ mới thuê vài quày, mang bảng Air-India để làm thủ tục với hành khách. Khi xong họ đóng cửa dẹp bảng hiệu! Bác cháu tôi đến văn phòng Lufthansa hỏi thì may quá tại đây có một người Việt Nam hướng dẫn chúng tôi gặp người đại diện phụ trách về hành lý, ông ta vào trong mở máy Computer ra xem số gửi va-li của tôi và trở ra cho biết là cái va-li của tôi đang ở Frankfurt và sẽ được chuyển đến Los Angeles trong chuyến bay sớm nhất! Sau đó sẽ cho người mang va-li đến tận nhà. Đến độ 23 giờ 50 ngày 02.08.2004 có một cô Mẽ Tây Cơ chở cái va-li đến giao.

Trên đường từ Los Angeles trở về Đức cái va-li cũng bị thất lạc 2 ngày mới tìm lại được! Khi nhận cái va-li bị mở ra khám xét lung tung nhưng không mất vật gì vì không có đồ đáng giá. Sở dĩ tôi muốn trình bày việc này ra đây để quý vị rút kinh nghiệm là nếu có đi máy bay, nhất là những người lớn tuổi không rành ngoại ngữ nên tránh việc chuyển đổi máy bay từ một hãng này qua hãng khác cùng một không trình mặc dù giá vé có rẻ thật, nhưng sẽ gặp biết bao nhiêu là phiền toái như tôi đã gặp phải.

Trước khi đi vào cuộc hành trình, tôi xin liệt kê số người Việt tỵ nạn Cộng Sản đang định cư tại Mỹ và sau đó sơ lược nói về tiểu bang California.

Theo sự điều tra dân số năm 2000, tổng số người Việt định cư tại Mỹ là 1.112.528 người trên tổng số dân Mỹ là 281.421.906. Nhưng đến mùa bầu cử tháng 11 năm 2004, tạm thời người ta nâng con số người Việt lên khoảng 1.300.000 người.

Theo thứ tự A,B,C tên của tiểu bang, người Việt được chia ra như sau:

Alabama: 4.628; Alaska: 814; Arizona: 12.931; Arkansas: 3.974; California: 447.032; Colorado: 15.457; Connecticut: 7.538; Delaware: 817; District of Columbia: 1.903; Florida: 33.190; Georgia: 29.016; Hawaii: 7.867; Idaho: 1.323; Illinois: 19.101; Indiana: 4.843; Iowa: 7.129; Kansas: 11.623; Kentucky: 3.596; Louisiana: 24.358; Maine: 1.323; Maryland: 16.744; Massachusetts: 33.962; Michigan: 13.673; Minnesota: 18.824; Mississippi: 5.387; Missouri: 10.626;

Montana: 199; Nebraska: 6.364; Nevada: 4.420; New Hampshire: 1.697; New Jersey: 15.184; New Mexico: 3.274; New York: 23.818; North Carolina: 15.596; North Dakota: 478; Ohio: 9.812; Oklahoma: 12.566; Oregon: 18.980; Pennsylvania: 30.038; Puerto Rico: 195; Rhode Island: 952; South Carolina: 4.248; South Dakota: 574; Tennessee: 7.007; Texas: 134.961; Utah: 5.968; Vermont: 980; Virginia: 37.309; Washington: 46.149; West Virginia: 379; Wisconsin: 3.891; Wyoming: 100.

Rải rác trên 51 tiểu bang đều có người Việt định cư. Ngoài ra theo bảng điều tra dân số người Việt tại Mỹ cũng được phân theo lứa tuổi như sau:

Từ 01 đến 20 là	: 280.531
Từ 21 đến 40 là	: 452.096
Từ 41 đến 60 là	: 292.478
Từ 61 đến 80 là	: 76.481
Từ 81 đến 110 là	: 3.111

Nhìn vào bảng thống kê thì lứa tuổi từ 21 đến 40 là nhiều nhất. Trong số này một số đông đã được sinh ra và lớn lên tại Mỹ, số còn lại đã theo cha mẹ chạy trốn Cộng Sản đến Mỹ lúc còn 5-10 tuổi. Họ đã hấp thụ một nền học vấn văn minh tân tiến nhất thế giới. Họ đã thành công trên mọi lãnh vực từ chính trị, khoa học, kinh tế v.v... làm vẻ vang dân Việt. Họ sẽ là những người tiếp nối chí cha ông đấu tranh để thực hiện tự do dân chủ cho đất nước và cũng sẽ là người xây dựng lại đất nước trong thời kỳ hậu Cộng Sản.

Số lược về tiểu bang California

Thủ phủ: Sacramento

Ngày gia nhập liên bang: 09.09.1850

Hình thể từ Bắc đến Nam 800 dặm (mỗi dặm 1.609m34). Từ Đông sang Tây 375 dặm.

Điểm cao nhất: Núi Whitney 14.494 bộ (mỗi bộ 30,48cm)

Điểm thấp nhất: Thung lũng chết (Death Valley) -228 bộ (trừ 228 bộ).

Diện tích: 155.973 dặm vuông (Sq. miles) (mỗi dặm vuông 2 cây số vuông 59).

Dân số: 32.686.800. Trong số này có khoảng 450 ngàn người Việt tỵ nạn CS mà hiện giờ hầu hết là công dân Mỹ. Phần lớn họ sống và lập nghiệp tại Bắc Cali độ 150 ngàn người. Nhiều nhất là ở Nam Cali khoảng 300 ngàn

người, nơi có địa danh mang tên "Tiểu Saigon" (Little Saigon).

Đến giờ chưa ai biết được người nào đầu tiên đến vùng đất cát nóng quanh năm, cây cỏ cằn cỗi này khai quang lập phố để rồi sau đó trở thành nơi "Đất lành chim đậu".

Mặc dù phải lo việc thất lạc cái vali, nhưng sáng ngày 31.07.2004, tôi cũng cố gắng tranh thủ nhờ anh sui tôi cũng là Sĩ quan Pháo Binh chở tôi ra thăm đài chiến sĩ Việt Mỹ ở Westminster để cúi đầu mặc niệm tri ân những chiến sĩ Mỹ-Việt đã hy sinh bảo vệ Tự Do cho miền Nam Việt Nam trong một giai đoạn lịch sử..., để cho chúng tôi được sống.

Ngày hôm sau 01.08.2004, tôi cũng cố mặt tham dự lễ chào cờ Việt-Mỹ tại đây được tổ chức mỗi đầu tháng.



Đài chiến sĩ Mỹ Việt

Trong thời gian chờ tham dự Đại Hội, tôi được anh chị sui hướng dẫn đi thăm hai thành phố Garden Grove và Westminster ở Nam Cali. Nơi có người Mỹ gốc Việt và Hoa sinh sống nhiều nhất. Nơi có Trung Tâm Thương Mại Phước Lộc Thọ nổi tiếng, Little Saigon nổi danh với các siêu thị ABC, Vĩnh Phát, Á Châu, Viễn Đông v.v... và v.v... đang cạnh tranh với các siêu thị 98 cents và 99 cents. Hai loại siêu thị sau này bán tất cả loại hàng từ nhỏ nhất tới lớn nhất chỉ có một giá là 98 cents hay 99 cents. Một bầu thủy tinh tròn nửa lít, trong đựng nào là tỏi, củ kiệu, hành, ớt ngâm chua, sản xuất từ Trung Quốc chỉ có 98 cents. Dân nhậu rất thích món dưa cay này. Rẻ ơi là rẻ!

Còn các tiệm ăn thì không làm sao kể ra cho hết, nào là Seafood Kingdom, Seafood World, Royal Restaurant, Fuji Sushi, Bát Đạt, Sông Hương, Quang Trung, Vĩ Dạ, Thăng Long, Cơm Tấm Trần Quý Cáp, Phở 54, Tàu Bay v.v... và v.v... Đầy đủ các món ăn Nam-Trung-Bắc, Tàu và Nhật. Mặc dù nhiều nhà hàng, quán ăn như vậy, nhưng nếu không đặt bàn trước,

nhất là hai ngày cuối tuần, khi đến phải lấy số ngồi chờ có khi cả nửa tiếng đồng hồ. Đặc biệt có những "China Buffet" tại đây có trên 60 món ăn, tha hồ chọn, ăn một nghỉ! Nào là cua, tôm, cá, gà, vịt, heo, bò, v.v... mỗi loại họ làm 5-6 món ăn khác nhau. Ngoài ra còn có một quầy thức ăn sống, xắt để sẵn kể các các loại rau tươi. Khách muốn chọn thứ nào cứ gắp bỏ vào đĩa, xong đem lại đưa cho anh đầu bếp xào ngay tại chỗ cho khách. Còn đồ ăn tráng miệng thì có trên 10 loại trái cây tươi và trong hộp, đồ ngọt, chè v.v... Thêm 3 bình đựng kem sẵn sàng phục vụ khách hàng. Giá biểu buổi trưa 5,95US; buổi tối 13,95US. Rất rẻ so với giá ăn Buffet nhà hàng ở Đức.

Ngoài ra còn có những Trung Tâm Y Tế Đa Khoa, Nha Khoa, những Văn phòng Luật Sư, Địa Ốc, Buôn bán xe v.v... và v.v... do người Mỹ gốc Việt làm chủ. Nhìn thấy sự phát triển vượt bậc trên mọi lãnh vực của cộng đồng người Việt tỵ nạn sau gần 30 năm chạy trốn CS mà hầu hết đều phải bắt đầu làm lại cuộc đời từ con số không! Câu hỏi được đặt ra là tại sao họ thành công vẻ vang như vậy? Tại vì họ đã và đang sống trong một đất nước hoàn toàn Tự Do - Dân Chủ.

Ngược lại đại bộ phận dân tộc còn ở lại trong nước thì nghèo đói, ngoại trừ đảng Cộng Sản Mafia. Làm sao dân tộc ta tiến lên được khi còn bị trói buộc trong gông cùm xiềng xích bởi một chế độ độc tài đảng trị! Làm sao đất nước ta phát triển được khi người dân không có Tự Do - Dân Chủ!

Viết tới đây tôi nhớ đến bài thơ "Nhấn Nhủ Với Khổ Đau" của Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Đệ Tử Tăng Thống Giáo Hội PGVNTN. Tôi chỉ xin ghi lại bốn câu trong bài thơ này như sau:

.....
*Nghèo đói khổ đau theo sau mỗi
bước Cộng Sản đi.*

*Gông cùm xiềng xích nơi nào Cộng
Sản tới.*

*Ánh bình minh trở thành đêm tối,
Phủ mịt mù mọi lối tưởng lai.*

.....
Tôi rất vui mừng khi được biết Hội Đồng thành phố Garden Grove có Nghị viên Trần Thái Văn và Westminster có Phó Thị Trưởng Andy Quách đã ban hành Nghị Quyết số 8565-04 và 3835-04 (tiếng Anh gọi là

No Communist Zone Resolution) với nội dung từ chối không đón tiếp, không bảo đảm an ninh cho các cán bộ hay phái đoàn Cộng Sản Việt Nam tới thăm viếng hay đi ngang qua hai thành phố này để cho ánh bình minh sẽ không trở thành đêm tối, không phủ mịt mù mọi lối tương lai của người Mỹ gốc Việt đã một lần liều chết chạy trốn bầy quỷ đỏ. Kể từ nay cho đến cuối năm 2009 (ngày hết hiệu lực của NQ) sẽ không có một trường hợp thứ hai như vụ 53 ngày đêm Hitek- Trần Trường tại Bolsa Little Saigon tháng 02.1999, sẽ không có một tên CS nằm vùng nào dám xuất đầu lộ diện và cũng sẽ không có một đài phát thanh nào dám tuyên truyền cho chế độ CS độc tài gây chia rẽ, làm xáo trộn sự an sinh của cộng đồng người Việt tỵ nạn CS tại hai nơi này. Người viết hy vọng trong tương lai cộng đồng người Việt ở khắp nước Mỹ sẽ vận động với chính quyền địa phương cho ban hành những Nghị Quyết tương tự giống như chiến dịch Nghị Quyết công nhận Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ vậy.



Chào mừng quý vị đến thăm Tiểu Saigon

Ngày 02 - 04.8.2004, chúng tôi đi Los Angeles (Tiểu bang Nevada), quê hương của André Agassi cây vợt lừng danh thế giới, trung tâm cờ bạc và Grand Canyon để nhìn tận mắt những núi đất đỏ, những thung lũng nằm sâu 5 - 6 chục thước dưới lòng đất với những hình thù lồi lõm vì bị xói mòn theo thời gian cả mấy trăm ngàn năm qua. Thật là một kỳ quan của vũ trụ.



Bryce Canyon - Công viên Quốc Gia tiểu bang UTAH

50 năm Hòp Đại Hội

Ngày 07.08.2004, chúng tôi từ khắp nơi trên thế giới hội tụ về Garden Grove tham dự Đại Hội kỷ niệm 50 năm (1954-2004) ngày vào Trường Võ Bị, để điểm danh coi ai còn ai mất sau một cuộc đời nghiệt ngã.

Này nhé! Tổng số nhập học 188 khóa sinh. Tốt nghiệp 162. Hiện còn trên dưới độ 80. Có mặt hôm nay 46!

Sau ngày Quốc Nạn 30.4.1975, chúng tôi kẻ may mắn di tản đến được bến bờ tự do làm lại cuộc đời mới trên mảnh đất tạm dung, người ở lại phải lê gót xích xiềng trong gông cùm CS. Đoàn người lam lũ, ngày ngày lăm lũi phá rừng, chặt tre, đốn gỗ, sức mòn, tật bệnh, đã ngã gục với nỗi tủi hờn quốc phá gia vong, và những người khác đã hiên ngang tử tiết trước họng súng kẻ thù vì không chịu nổi bọn phi đồ hành hạ xác thân.

Thưa quý độc giả, nói làm sao cho hết lời, viết làm sao cho hết ý những uất hận đã dâng trào, những thương đau mà toàn thể nhân dân miền Nam trong đó có Quân-Cán-Chính phải gánh chịu dưới sự thống trị dã man phi nhân của tập đoàn cầm quyền đảng Cộng Sản ở Bắc Bộ Phủ.

Rồi theo dòng đời lưu chuyển, 50 năm sau, chúng tôi gặp lại nhau, tay bắt mặt cười, mừng mừng tủi tủi khi biết được ai còn ai mất. Người thì tóc bạc răng long, người thì lưng còm phải chống gậy, ngậm ngùi thuật lại cho nhau nghe về chuyện nhân tình thế thái, về chuyện nước non, về chuyện tù cải tạo, về đời binh nghiệp với những đoạn đường vinh nhục đã trải qua...

Ngày nay mặc dù tuổi cao, sức yếu nhưng tinh thần chúng tôi vẫn mãi mãi bừng sáng như Đuốc Thiêng hun đúc, soi đường cho lớp con cháu tiếp nối chí cha ông. Vì đã có một lần, chúng tôi người cựu Sinh Viên Sĩ Quan Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam khóa XI Phạm Công Quân, quý trước bàn thờ Tổ Quốc tại Vũ Đình Trường giữa núi rừng hùng vĩ cao nguyên, thề trước Hồn Thiêng Sông Núi là trọn đời phục vụ Quốc Gia Dân Tộc. Nay mặc dù đã tan hàng rã ngũ vì bị phản bội, nhưng lý tưởng cao đẹp thưở ban đầu vẫn còn tồn tại mãi trong mỗi chúng tôi.

Năm 2004, đàn chim lưu vong gọi nhau về cùng hòp mặt, mừng tủi ôn lại chuyện 50 năm xưa nơi Trường Mẹ mà giờ đây kẻ khuất người còn.

*Mộng vẫn còn xanh, đầu đã bạc
Ai đem thành bại luận anh hùng
Ngựa Hồ, chim Việt, hồn ngổ ngác
Vận nước trôi đành lỗi kiếm cung*

*Vận nước trôi đành lỗi kiếm cung
Năm Mười Năm, gọi bạn tướng
phùng*

*Về nhỏ giang hà, nghiêng sóng
rượu*

*Chiêu Hồn Chiến Hữu biệt non
song !*

(Trần Tân Tiến)

Đại Hội chấm dứt, mỗi người nhận một cuốn Kỳ Yếu của khóa. Đây là một tài liệu lịch sử quan trọng vì nội dung trong đó mỗi người trong chúng tôi là một chứng nhân, đã viết lên một giai đoạn lịch sử thăng trầm thương đau của đất nước mà chúng tôi đã trải qua vinh cũng như nhục. Viết để con cháu chúng ta đọc biết được việc làm của cha ông chúng nó để cho chúng nó hãnh diện noi theo. Viết để cho thế hệ mai sau nhất là con cháu của những người Cộng Sản có dịp đọc hiểu rõ thế nào là một chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa hay Cộng Sản, một chế độ dã man phi nhân, phân dân bán nước, để trên con đường dựng nước và giữ nước, chúng nó sẽ không bao giờ dám tái phạm những lỗi lầm mà cha ông chúng nó đã gây ra cho Dân Tộc và Đất Nước gần một thế kỷ qua.



50 năm nâng cốc mừng hòp mặt.
Mộng vẫn còn xanh, đầu đã bạc

Ngày 08.08.2004, tôi theo xe anh chị Ngân, bạn cùng khóa, đi Santa Rosa, Bắc Cali, để ngày hôm sau đi thăm anh chị Long, người bạn còn thiếu thời cũng ba chìm bảy nổi trôi giạt sang đây. Sau đó cùng nhau đi thăm lại thành phố San Francisco mà cách nay 55 năm tôi đã có lần đặt chân tới.

Ngày 11.08.2004, buổi sáng đi viếng chùa Vạn Phật của Cổ Hòa

Thượng Thích Tuyên Hóa. Chúng tôi đến nhằm ngày tu Tịnh Khẩu nên không tiếp xúc được với quý Thầy Cô. Mỗi tuần có hai ngày tu như vậy. Tại đây có 3 Sư Cô người Việt Nam, trong đó nghe nói có phu nhân của một vị Đại Tá. Chúng tôi muốn đến dâng lễ nhưng không được phép vì khu dành riêng cho nữ giới, lại là ngày tu Tịnh Khẩu. Bạn tôi là người Công Giáo, anh cho biết là khi Hòa Thượng Tuyên Hóa viên tịch, Pháp Thân của Ngài vẫn còn nguyên vẹn không hôi thúi trong tư thế ngồi kiết già, trên cả tháng trời. Dân chúng nghe đồn đến xem và dâng lễ rất đông trong số đó có gia đình anh. Anh có dẫn tôi đến chỗ quán Pháp Thân của Cố Hòa Thượng cho tôi xem. Sau đó chúng tôi dùng cơm chay tại nhà hàng của chùa, xong đi luôn xuống San José tham dự một bữa cơm họp mặt thân mật tại một nhà hàng với Đại Tá Khanh, Cục Trưởng Cục Quân Vận và các Sĩ Quan cùng quý vị phu nhân của ngành mà sau cuộc đổi đời gần 30 năm chúng tôi mới gặp lại nhau, mới biết được ai còn ai mất. Có một điều không hẹn mà gặp, đúng là hai chữ "Tinh Cờ". Số là chủ nhân nhà hàng này không ai khác hơn là Nghệ sĩ Thành Được, người mà cách nay trên 10 năm đã bị Cộng Đồng Người Việt Tỵ Nạn CS ở Berlin "bắt cóc", khi anh cùng phái đoàn Văn Nghệ của Việt Cộng sang trình diễn tại đây. Rồi sau đó được tỵ nạn tại Đức, rồi mở nhà hàng tại Wuppertal, khi còn ở Đức anh có đến chùa Viên Giác trình diễn văn nghệ một vài lần trong kỳ lễ Phật Đản và lễ Vu Lan. Vắng bóng một thời gian khá lâu, bây giờ tinh cờ gặp lại anh ở San José cũng là chủ nhân của một nhà hàng mang tên là "**Thành Được**". Anh có nhờ tôi trình lại là trước hết anh xin dâng lễ vãn an Thượng Tọa Thích Như Điển cùng với quý Thầy Cô, sau hỏi thăm tất cả anh chị em trong Cộng Đồng Người Việt Tỵ Nạn CS tại Đức, chúc tất cả gặp được nhiều thuận duyên trong cuộc sống hiện tại.



Từ trái sang phải: Đại Tá Huỳnh Ấn, Người viết, Nghệ sĩ Thành Được, Phu nhân Đại Tá Khanh, Cục Trưởng Cục Quân Vận.

Ngày 12.08.2004, tôi rời Bắc Cali trở về Nam Cali bằng xe đò "**Hoàng**", một công ty xe đò tân tiến của người Việt Nam. Giá vé một lượt từ San José đến chợ ABC là 30 US, kể cả ăn sáng và uống nước suối! Đường dài độ 500 cây số.

Ngày 13.08.2004, tôi được hướng dẫn đi xem Seaworld ở San Diego, nơi trình diễn bởi những con cá voi, cá heo nổi tiếng nhất thế giới mà chúng ta thỉnh thoảng thấy trình chiếu trên màn ảnh TV.



Các con hải cẩu nằm phơi nắng trên phao nổi.



Cầu sắt này được xây dựng trên bãi biển để quay lại cuốn phim "Trần Châu Cảng" và "Titanic". Hiện là khu giải trí thu hút rất nhiều du khách đến xem.

Ngày 14.08.2004, trước khi kết thúc Chuyến Mỹ Du, gia đình anh sui và tôi đi Mễ Tây Cơ (Mexico) do **VN TOURS** ở Garden Grove tổ chức. Cuộc du lịch gồm có hai ngày một đêm. Đoạn đường dài độ 1.300 cây số. Giá mỗi người là 89 US, kể cả nước uống, ăn sáng, ăn tối, ngủ khách sạn có hồ tắm.

Khởi hành từ chợ ABC đi San Diego thăm thành "**Phố Cổ**" xây dựng vào năm 1769, và được trùng tu lại cho công chúng đến xem vào năm 1969 nhân kỷ niệm 200 năm của San Diego. Tại đây còn lưu giữ một nhà tù đủ chỗ cho 2 người. Vài cỗ xe ngựa phía sau có thùng dài của các nhà thám hiểm cách nay trên 200 năm.

Từ **Phố Cổ** đi **Tijuana**, xe chạy dọc theo bờ biển cong queo uốn khúc. Ngồi trên xe du khách có thể nhìn thấy Căn Cứ Hải Quân San Diego với những chiếc tàu chiến vừa mới vào ụ sửa chữa sau những ngày tham chiến ở Iraq (Vinh Ba Tu).

Tijuana là một thành phố nằm ngay biên giới giữa Mỹ và Mễ, tự do mậu dịch, mỗi năm có độ 2,8 triệu người qua lại hai cổng biên giới. Vì đi cùng đoàn do **VN TOURS** tổ chức nên chúng tôi khỏi xuống xe trình giấy tờ, mọi thủ tục đều do anh Nghĩa hướng dẫn lo (ở đây không có thủ tục đầu tiên đâu nhé!). Xe chạy ngang qua cổng sang đất Mễ Tây Cơ, nhà cửa thưa thớt nằm dọc sát theo đường trông có vẻ nghèo nàn hơn phần đất bên Mỹ. Xe chạy độ 45 phút đến khu phố đầu tiên, hay một chợ biên giới, ngừng lại nghỉ một tiếng đồng hồ để ăn trưa. Tại đây người đông như hội, phần lớn là du khách từ Mỹ sang mua thuốc Tây nhất là loại Viagra, bán không cần toa Bác Sĩ mà lại rẻ hơn bên Mỹ.

Món ăn phổ thông và bình dân của người Mễ là Tacos. Tôi gọi thử món ăn này. Cách làm: Một miếng bánh bột mì trắng mỏng tròn như bánh tráng, đường kính độ 15 cm, tùy theo thực khách chọn nhưn, như thịt bò, gà, heo v.v... Đầu bếp xào chung với gia vị xong xúc đổ lên miếng bánh mì, xếp đôi lại và bẻ hai bên vào, khi ăn chấm với nước sốt đậu. Người Mễ thích ăn đậu, nên nước chấm loại gì cũng làm bằng đậu. Do đó người Việt Nam ta mới đặt ra hai câu ca dao như sau:

Không ăn đậu không phải người Mễ

Không đi trễ không phải người Việt!

Rời chợ Biên đi **Caliente** xem đua chó. Lần đầu tiên mới được xem đua chó. Trước tiên mỗi người dẫn một con chó đi trước khán giả trình diễn. Mỗi lần đua có 9 con. Trên đường đua chó chạy có cột một con chó già vào sợi dây nylon. Khi bắt đầu cuộc đua, người ta bấm nút cho cái máy kéo con chó già chạy trước thật nhanh, 9 con chó đua chạy theo sau cho đến đích. Tôi thử thời vận mua con số 5, về nhất là con số 6!



Dẫn chó trình diễn trước khán đài.

Sau đó đi **Rosarito**, khu nghỉ mát với nhiều bãi biển và núi đồi sa mạc. Xe chạy dọc theo bờ biển quanh co, có nơi từ xa lộ nhìn xuống biển cách xa cả 100 mét! Hãng phim FOX (Fox Studio) của Mỹ thuê đất rẻ của Mễ xây dựng một phim trường to lớn sát biển để dàn dựng những cuốn phim mà chúng ta có dịp xem.

Rời **Rosarito** đi **Puerto Nuevo**, một làng đánh cá dọc theo bờ biển nổi tiếng về tôm hùm, có trên 30 tiệm ăn, quán rượu. La cà đến những quán bình dân vừa ăn rẻ tiền vừa được nghe những bản nhạc dân ca "Mariachis" của những chàng nhạc sĩ lãng tử trên vỉa hè như ở Việt Nam, du khách cảm thấy thích thú tạm quên đi những ngày mỗi mệt ngược xuôi lo làm việc để trả nợ áo cơm. Phái đoàn dùng cơm chiều tại đây do VN TOURS đãi mỗi người có một con tôm hùm rất ngon, nhưng chấm với nước sốt đậu thì nó lạt lẽo làm sao!

Rời **Puerto Nuevo** lúc 19g20 đi đến khách sạn Califonia để nghỉ đêm. Tại đây có hồ bơi, du khách nên tắm ngâm mình trong nước nóng để cho giãn gân cốt sau một ngày đi đường mệt mỏi.

Ngày 15.8.2004, rời **Califonia** đi trở về ngừng lại **Ensenada**, một thành phố duyên hải xinh đẹp, lớn thứ ba của dãy **Baja California**, có nhiều hãng xưởng chuyên đóng đồ hộp hải sản và trồng nho làm rượu vang. Năm 1952, dãy **Baja California** được nâng lên hàng Tiểu Bang. **Ensenada** là một hải cảng lâu đời nhất và là một trong những hải cảng quan trọng nhất của Mễ Tây Cơ. Cá tươi, tôm hùm, bào ngư còn tươi (10 US / 1 Kg) là những loại hải sản đặc biệt của vùng biển **Ensenada**. Tại đây có tàu chèo du khách (5 US/người) đi một vòng hải cảng để nhìn tận mắt những con hải

cầu nằm ngổn ngang trên các phao nổi dùng làm dấu cho tàu ra vào.

Rời **Ensenada** đi **Buffaroda** là thành phố cực Nam của dãy đất **Punta Banda** cách **Ensenada** độ 44 cây số. Tại đây nổi tiếng nhất là những mỏm đá lồi lõm lạ lùng dọc theo bờ biển, tạo nên những hốc gió khổng lồ cho sóng đánh vào làm thành những ngọn nước phun lên cao ngất tuyệt đẹp. Có một hang động thiên nhiên bị sóng xoi mòn rất sâu đã biến những con sóng đập vào đá tạo thành cột nước cao đến 9, 10 thước, đồng thời tạo nên những tiếng hú kỳ dị. Từ đó được mang tên là "**Mỏm Gió Hú**".

Dọc đường nhiều quầy hàng dã chiến bày bán các loại đặc sản trong vùng như Olives, mật ong rừng, hoặc bánh bột bắp Tamales, đặc biệt tan ngay trong miệng, của dân bản xứ để du khách tha hồ lựa chọn.

Trong khoảng từ tháng 12 đến tháng 3 mỗi năm, từ những chòi quan sát, du khách có thể thấy từng đàn cá voi thiên di từ **Alaska** về miền biển ấm áp **Baja**.

Rời "**Mỏm Gió Hú**", trên đường về ai nấy đều mệt mỏi nhưng rất thích thú và hài lòng với chuyến Mễ du này. Khi đến cổng biên giới Mễ-Mỹ, lần này tất cả phải xuống xe mang theo hành lý đứng sấp hàng một để cảnh sát biên phòng Mỹ kiểm soát giấy tờ và hành lý. Sau đó lên xe về lại chợ ABC lúc 20 giờ 10.

Qua hai ngày đi du lịch do VN TOURS tổ chức, người viết có vài nhận xét khách quan như sau:

1/- Người Mễ nói tiếng Tây Ban Nha, rất hiền lành, hiếu khách, vui vẻ, mời khách mua hay không mua vẫn nở một nụ cười và nói câu tạm biệt. Không thấy một người ăn xin. Theo lời hướng dẫn viên cho biết là trong 3 năm anh đã hướng dẫn rất nhiều phái đoàn đi Mễ, chưa có ai bị cướp giật hay bị móc túi một lần nào.

2/- Hệ thống phân phối xăng dầu do nhà nước quản lý. Do đó đi đâu cũng thấy cây xăng xây dựng giống nhau, cùng một màu sắc và cùng

mang một tên là Pemex (Petrolos Mexicanos).

3/- Anh Nghĩa, một cựu quân nhân, làm hướng dẫn viên, anh vui vẻ, nói năng hoạt bát, trào phúng, thuyết minh rõ ràng và rành rẽ những địa danh mà chúng tôi đã đến xem. Thay mặt đoàn du khách xin cảm ơn VN TOURS và nhất là anh Nghĩa, hẹn gặp lại nhau lần sau nếu có dịp. Quý vị nào chưa có cơ hội đi Mễ nên đi một lần cho biết. Địa chỉ liên lạc: VN TOURS - 14144 Brookhurst St.- Garden Grove, CA. 92843 - Tel. 714-210 2180.

Ngày 16.8.2004, tham dự buổi cơm chiều họp mặt thân mật với Đại Tá Nguyễn Đình Thông và các Sĩ Quan ngành Quân Vận cư ngụ tại Nam Cali.

Ngày 17.8.2004 đi Shopping ở Los Angeles và chuẩn bị đồ đạc để trở lại Đức ngày 18.8.2004.

Mười tám ngày ở Mỹ, đã được gia đình anh chị sui tôi cung cấp phương tiện và tạo mọi điều kiện thuận lợi để tôi được đi đây đi đó. Xin chân thành cảm ơn anh chị và hai vợ chồng cháu Tâm & Lệ. Hẹn gặp nhau lại tại Đức.

Xin chào tạm biệt quý vị cùng bạn bè thân mến mà tôi đã gặp trong chuyến Mỹ du này.



Lời mở đầu cho Tam Quốc Chí Việt Nam

Phạm Nguyễn Lương

- Có Tam Quốc Chí tại Việt Nam hay không?
- Có ba nước đại chiến tại An Nam hay không?

Theo định nghĩa, một quốc gia hay một nước, chỉ có khi nước đó có lãnh thổ, có kinh đô, có quân đội riêng; nhất là có vua, có dân với sinh hoạt tự trị... Hiểu như thế thì rõ ràng từ năm 1527 đến 1802 tại An Nam có ba nước rõ rệt:

Mạc Đăng Dung sau khi cướp ngôi nhà Lê năm 1527 đã đóng đô ở Đông Đô (Thăng Long cũ). Cha truyền, con nối, làm vua được 150 năm, gồm 5 đời vua ở Đông Đô là:

Mạc Đăng Dung (1527-1529);
Mạc Đăng Doanh (1530-1540);
Mạc Phúc Hải (1541-1546);
Mạc Phúc Nguyên (1546-1561);
Mạc Mậu Hợp (1562-1592); và
ba vua Mạc đóng đô tại Cao Bằng là:
Mạc Kính Cung (1592-1625);
Mạc Kính Khoan (1623-1638)
Mạc Kính Vũ (1638-1677).

Thấy nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê, trung thần Nguyễn Kim chạy sang Sầm Châu - Lào, gây lực lượng, rồi cùng Trịnh Kiểm phò Hoàng tử Lê Duy Ninh chiếm lại được Thanh Hóa và Nghệ An làm đất căn bản. Lê Duy Ninh được tôn lên ngôi, tức là vua Lê Trang Tôn (1533-1548). Triều đình của ông vua đầu tiên đời Lê trung hưng đó, đóng đô tại làng Vạn Lại, thuộc Tây Đô, Thanh Hóa...

Nguyễn Kim và Trịnh Kiểm liên tiếp đem quân từ Thanh Hóa đi tấn công nước của vua Mạc để mong chiếm lại Thăng Long. Nhưng phải đến đời Thái sư Trịnh Tùng, con thứ của Trịnh Kiểm, quân Lê mới chiếm được Đông Đô và đuổi vua, quan nhà Mạc chạy lên Cao Bằng...

Sau khi Nguyễn Kim mất, Trịnh Kiểm có ý thoán nghịch nên dung dưỡng cho cận tướng bày mưu đầu độc con trưởng của Nguyễn Kim là Nguyễn Uông. Con thứ là Nguyễn Hoàng sợ hãi, bèn bàn cùng người thân là Thái phó Nguyễn Ứ Ty để xin chị nói với Trịnh Kiểm cho vào trấn thủ Thuận Hóa. Tại đây, Nguyễn Hoàng nhờ những tướng giỏi, tổ chức mọi việc để lập nước riêng ở Thuận Hóa. Nguyễn Hoàng lập hành điện lúc đầu ở căn cứ Ái Tử, Quảng Trị, sau dời về Phú Xuân (Huế) ...

Ba nước, ba nơi, có quân đội, kinh đô, tự trị riêng, dùng mọi thủ đoạn để thanh toán lẫn nhau:

Quân Lê-Trịnh cố đánh quân Mạc để chiếm Thăng Long.

Quân Nguyễn của Nam Hà, dùng mưu để lấy lòng chúa Trịnh cũng đem quân ra Bắc đánh quân Mạc...

Ngược lại, quân Mạc cũng tìm cách diệt quân Lê-Trịnh để chiếm lại Thanh Hóa và Nghệ An.

Quân Mạc cũng vào đánh cả Thuận Quảng: Năm 1572, tướng Mạc Lập Bạo đem thủy quân Mạc vào đánh Hồ Xá và Lạng Uyển của Nam Hà. Nguyễn Hoàng phải dùng mỹ nhân kế đánh đuổi quân Mạc để bảo vệ lãnh thổ...

Với thời gian và tình hình chính trị của cả ba nước, cuộc chiến khiến nước Mạc bị tiêu diệt vào năm 1677. Tuy nhiên

giữa hai nước còn lại, trận chiến dai dẳng từ 1627 đến 1672 giữa Bắc Hà và Nam Hà vẫn bất phân thắng bại.

Chỉ khi nhà Tây Sơn nổi lên từ năm 1771, chúa Trịnh Sâm mới đem quân Bắc Hà chiếm được Thuận Hóa.

Khi nhà Tây Sơn hùng cứ, xưng đế, chiếm Qui Nhơn, Quảng Nam, Phú Yên. Nguyễn Nhạc đóng đô tại Đờ Bàn hay Hoàng Đế thành. Chúa Nguyễn phải chạy vào Nam, xưng vương và đóng đô ở Gia Định...

Đất nước An Nam khi đó lại chia làm ba nước... Tây Sơn đánh cả Bắc Hà và Nam Hà rồi tiêu diệt cả họ Trịnh lẫn vua Lê. Nhưng rồi cuối cùng Nguyễn Ánh đánh thắng nhà Tây Sơn, thống nhất đất nước, đổi tên nước là Việt Nam từ 1802...

• Quan niệm về trung thần và nghịch tặc trong Tam Quốc Chí Việt Nam ?

Để diễn nghĩa Tam Quốc Chí Việt Nam, không gì bằng dùng ngay chính sử có được với những nhân vật có thật, cùng những sự kiện cụ thể đã xảy ra trong sử Việt... Tuy nhiên, các sách sử đã có nhiều điểm khác nhau: Cùng một sự kiện xảy ra cho cùng một nhân vật, bốn quyển sử Việt của bốn tác giả khác nhau đã diễn tả và viết tên nhân vật đó khác nhau! Vì thế, căn cứ vào sự kiện diễn tả bởi quyển sử này, sẽ hơi khác quyển sử kia. Có khi còn trái ngược!

Chúng tôi đã cố gắng tìm hiểu từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau, từ những truyện trong nhân gian, những truyện truyền khẩu, đến các gia phả ghi lại những dòng họ đã trực tiếp góp phần trong các biến cố lịch sử thời ấy... để cố diễn nghĩa mọi việc sao cho càng sát với những gì đã xảy ra của thời kỳ "Tam Quốc" trong sử Việt.

Tuy nhiên chúng tôi biết rằng bộ Tam Quốc Chí Việt Nam này vẫn mang tính cách diễn tả lại nhiều dã sử xen lẫn với chính sử! Cho nên khi có những phương tiện khoa học tìm ra sự thật, hoặc có những nhân chứng rõ ràng, nhất là trong tương lai, khi có được một "Hàn Lâm Viện Việt Nam" nghiên cứu về sử liệu đất nước, rồi xác định những gì là chính sử, hiện tại không ai có thể xác định một trăm phần trăm điều gì đã xảy ra trong sử Việt!

Để thoát cảnh bẻ phải, hoặc lấy tư cách là hậu duệ của dòng họ này, nhân vật kia, gây ra sự thiên kiến, cổ bênh vực dòng dõi, tự cho mình là chính phái, gọi người khác là tà phái, là giặc v.v... tác giả đã cố gắng đóng vai người kể truyện của ba nước với ngòi bút không thiên vị tới mức tối đa... Vì thế, ba nước, ba vua riêng rẽ. Kể trung thành với vua của mỗi nước sẽ được coi là trung thần của vua nước đó; dù rằng các nước kia sẽ gọi trung thần đó là nghịch tặc!

Tam Quốc Chí Việt Nam, độc giả sẽ thấy:

Vua nhà Mạc có những trung thần như Mạc Kính Điển, Nguyễn Ngọc Liễn, Mạc Đôn Nhượng...

Nước của vua Lê và chúa Trịnh có những trung thần như Nguyễn Kim, Trịnh Kiểm, Nguyễn Hữu Liêu, Hoàng Đình Ái...

Nước Nam Hà của các chúa Nguyễn có trung thần như Nguyễn Hữu Dật, Đào Duy Từ, Nguyễn Hữu Tiến v.v...

Mỗi trung thần đều đáng được đề cao vì họ hết lòng với vua với nước của họ.

Rải rác trong Tam Quốc Chí Việt Nam có nhiều gương anh hùng, liệt nữ, với những nếp sống gương mẫu của người xưa, rất đáng nêu gương cho hậu thế... Một số người Việt, từ xưa chỉ thích đọc những truyện của Tây, của Tàu. Họ cho rằng những danh nhân ngoại quốc mới cho những điển tích

thú vị. Họ thán phục những mưu thần, chúc quý của những vị quân sư, hoặc những danh tướng của ngoại bang...

Đọc kỹ sử Việt của thời Tam Quốc Việt Nam độc giả sẽ thấy những anh hùng, liệt nữ của An Nam không thua kém các danh nhân thế giới mà nhiều vị còn trội hơn là đấng khác! Thật vậy, Đại Đế Nã Phá Luân trong sử Pháp được coi là bách chiến, bách thắng, nhưng lại thua trận cuối cùng ở Waterloo, rồi bị quân đồng minh hời đó bắt đi đày đến chết... Trái lại Hoàng Đế Quang Trung của thời Tam Quốc trong sử Việt không những luôn chiến thắng, lại chưa hề chiến bại hoặc chết trong tay kẻ thù.

Trong truyện Tam Quốc Chí của Trung Hoa, nhân vật Khổng Minh được coi là có mưu lược thần sâu, quý khóc... Thời Tam Quốc Chí Việt Nam có Nguyễn Hữu Dật, quân sư của chúa Nguyễn, mưu mẹo xuất chúng. Tiếng hét như sấm của Trương Phi trong truyện Tàu để liên tưởng đến danh tướng Nguyễn Hữu Liêu hét ra lửa trong sử Việt.

Về mặt gian hùng, nếu độc giả truyện Tàu cho rằng Thái sư Tào Tháo của vua nhà Hán là nhân vật gian hùng hơn cả, khi đọc sử Việt sẽ thấy Thái sư Trịnh Tùng của vua Lê trong thời Tam Quốc Việt không những quý quyết không kém, mà còn có nhiều hành động gian hùng hơn nữa.

Trong truyện Tam Quốc Chí của Trung Hoa ta thấy có truyện Lã Bố hí Điêu Thuyền rất sống động, trong Tam Quốc Chí Việt Nam ta cũng có truyện Lập Bạo hí Ngọc Lâm kỳ không kém. Lập Bạo là tướng tài giỏi của nhà Mạc vào đánh Thuận Hóa, Ngọc Lâm là tuyệt thế giai nhân, ái thiếp của chúa Nguyễn Hoàng...

Vấn đề tìm các sử liệu đầy đủ cho Tam Quốc Chí Việt Nam không phải là dễ. Thật vậy, chúng tôi đã cố gắng làm sao để có những câu chuyện vừa sát với sử liệu, vừa dễ hiểu, thú vị cho người đọc; lại vừa có thể giúp độc giả vừa giải trí, vừa đọc biết thêm những nét chính đã xảy ra trong sử Việt vào thời đó.

Đọc Tam Quốc Chí Việt Nam người đọc sẽ thấy khá đầy đủ những bài thơ đặc sắc và nhất là những câu sấm "tiên tri" của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm. Tác giả lại tìm cách diễn giải được trong hoàn cảnh nào Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều (1741-1789) đã hoàn thành tác phẩm "Cung Oán Ngâm Khúc" ? Không những thế, độc giả sẽ ngạc nhiên về những dẫn chứng để có thể hiểu được những "chua chát" khi nói về khả năng sáng tác "Chinh Phụ ngâm" của Đặng Trần Côn ?

Dù sao đi nữa, với một tác phẩm trường thiên như Tam Quốc Chí Việt Nam, nếu quyết lấy công tâm viết về những truyện của gần 500 năm trước, những thiếu sót về tài liệu cũng như những vụng về, sai lạc trong việc diễn nghĩa lịch sử để có thể có lỗi với người xưa, hoặc những sự việc thay vì đáng được đề cao lại làm ngược lại... đã khó thể tránh hết!

Tam Quốc Chí của Trung Hoa đã được tác giả La Quán Trung viết lại nhiều lần. Với thời gian lại được bổ túc bởi nhiều văn thi sĩ, mới được thấy thích thú và sống động như bản ta vẫn đọc hiện tại...

Chúng tôi cũng mong rằng với lần xuất bản này "Tam Quốc Chí Việt Nam diễn nghĩa" sẽ được những bậc cao nhân, hoặc những vị có tài liệu chính xác bổ túc cho, để truyện dài lịch sử Việt Nam này sẽ thêm phong phú và chính xác cho các lần tái bản. Để rồi, chúng ta sẽ có một tác phẩm không thua kém gì bất cứ những pho truyện lịch sử nào trên thế giới. Đó là một hành diện không những cho tác giả Phạm Nguyên Lương mà còn là một tự hào chung của dân Việt tại quốc nội cũng như hải ngoại... Mong lắm thay!•



Vấn Nợ Ai... Lời Trần Trối!

* Trần Ngọc Nguyên Vũ

(Xin cúi đầu tưởng-niệm những anh-hùng, liệt-nữ của dân-tộc đã tuấn-quốc trong giờ phút cuối cùng của cuộc chiến chống cộng-sản tháng Tư năm 1975)

Tôi đứng lặng dưới trời mưa tháng Sáu
Nghĩa-trang buồn nhìn năm mộ vô-danh
Kèn truy-diệu trời âm hồn u-uất
Thoảng bên tai nghe tưởng khúc quân-hành.

Ai sùng sững thân làm bia đỡ đạn (1)
Cản bước thù em hãy thoát theo cha
Rồi mai một trở nên người hữu-dụng
Nhớ về đây và lại mảnh sơn-hà.

Ai bốc cháy giữa trời đêm tang tóc (2)
Trần trối lời dao nhọn xoáy trong lòng
Đi đi nhé lo chu toàn đại-cuộc
Để sau này tô thắm lại non sông.

Bao lâu rồi bao nhiêu mùa lá rụng
Mà tưởng chừng như thoáng mới hôm qua
Cả dân-tộc vẫn ngày đêm khắc-khoài
Đợi đoàn quân về giải-thoát quê nhà.

Quê-hương ta đó Tiên-Nhân khai phá
Đổ xuống bao đời xương máu cha ông
Bồi đắp thành dải giang-sơn gấm vóc
Cho đàn sau hãnh-diện giống Tiên Rồng.

Hỡi em bé ngày xưa giờ đã lớn
Hỡi người trai nay tóc đã phai màu
Có nghe vọng từ những trang sử máu
Tiếng hồn thiêng sông núi réo canh đầu.

Chú Thích: (1) Những chiến sĩ anh-hùng Dù và Bộ Binh của Quân Đội VNCH, bắt chấp lệnh đầu hàng của tân Tổng Thống và Thủ-Tướng, ngày 29 & 30 tháng 4 năm 75 đã hiên-ngang tử-chiến không cho cộng-sản vào thành phố. Các anh đã tuấn-quốc ngay trên những con đường thân yêu của Thủ-Đô.

(2) Đêm ngày 28 rạng ngày 29 tháng 4 năm 75, những phi-công anh-hùng của Không-Lực VNCH, các Phi-hành-đoàn Tinh Long AC119 **Trung Úy: Thành (tuấn quốc), Trung Úy: Hiên (tuấn quốc)**, và phi-hành-đoàn Phi-Long Khu-trục A1 Đại Úy Phúc, **Thiếu Tá Phùng (tuấn quốc)** đã cất cánh dưới làn mưa pháo của địch, bay lên để tiêu-diệt những ổ pháo địch và bảo-vệ thủ-đô Sài Gòn. Mờ sáng ngày 29 tháng Tư, phi-cơ của các anh đã bị trúng đạn phòng-không của địch, và nổ tung giữa bầu trời tang tóc. Riêng **Đ/Ư Phúc** đã đáp an-toàn sau khi hết bom đạn.

Lời giới thiệu cho

TAM QUỐC CHÍ VIỆT NAM

Trần Ngọc Ninh

Trong cả gần 2000 năm nằm trong luân khoách của Trung Hoa, bắt đầu là một đất nội thuộc, rồi thành một nước độc lập, nước ta thấm nhuần văn minh và học thuật của Tàu đến độ rằng, tuy một phần nào vẫn giữ được bản sắc của dân tộc và vẫn kiêu hùng bảo vệ được đất nước, núi sông, nhưng đã nhận Khổng giáo là gốc của giáo dục chính thống. Phong tục, lễ nghĩa cũng vẫn dựa theo văn hóa cổ của Trung Hoa với một số hình thức thay đổi nông cạn.

Gần đây, khi Trung Quốc cương quyết dứt bỏ với quá khứ. Đạo Khổng, Mạnh, bị biếm vào hạng học thuật phong kiến, lạc hậu; xã hội và kinh tế cổ truyền bị đảo xối, phá nát, thì ở thôn quê Việt Nam, gia đình vẫn còn giữ được một chút keo sơn và việc lễ bái lại bắt đầu sầm uất ngay sau khi toàn cõi Việt Nam được thống nhất trong một chế độ dựa vào ý thức hệ bắt nguồn từ Liên Xô và Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc. Và tất nhiên, tự nhiên ở khắp nước Việt Nam lại thấy xuất hiện, ngoài những truyện kiếm hiệp, có đủ Thiếu Lâm, Võ Đang, Nga Mi, Hoa Sơn, Cái Bang... những truyện cổ, văn xuôi, như Phong Thần, Tây Du, Tam Quốc Chí diễn nghĩa... Không những thế, trên sân khấu hát bội, cải lương, những tuồng "Lã Bố hí Điêu Thuyền", "Huê Dung tiểu lộ" ... rút từ Tam Quốc Chí, dĩ nhiên với lời hát thay đổi và cờ, quạt, đổi mới... vẫn "ăn khách" hơn những tuồng cách mạng!

Cùng với Thủy Hử và Tây Du Ký, Tam Quốc Chí đóng một vai trò quan trọng trong nhân sinh quan của dân Trung Hoa cho đến thời Đại Cách Mạng Văn Hóa. Ở Việt Nam giới sĩ ngày xưa cũng mê "Tam Quốc". Tôi còn nhớ đã được ngồi nghe một ông đồ hồng thi nói chuyện về Quan Vân Trường bằng tiếng Hán Việt và đọc những câu Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa mà ông thuộc lòng! Người bình dân phần nhiều chỉ biết Tam Quốc Chí từng đoạn theo từng vở tuồng đã được xem. Còn cách học mới như tôi, thì phải đọc bản dịch thuật khá sát, văn nửa kim, nửa cổ, của ông Phan Kế Bính (1875-1921), mới vào được thế giới của Tam Quốc. Ở Sài Gòn hồi ấy cũng có một bản dịch đặc giọng người miền Nam mà chúng tôi ở Hà Nội cũng khoái lắm, vì khi giả bộ Trương Phi hay Lữ Bố với nhau, dẫn bản miền Nam thấy hào hứng hơn.

Có nhiều người không hề hay biết rằng Tam Quốc Chí diễn nghĩa của Tàu không phải là cuốn sách của một người, trong một thời. Truyện xảy ra chỉ trong một giai đoạn ngắn của lịch sử là thời Hậu Hán; bắt đầu từ lúc có loạn nông dân Khăn Vàng (Hoàng Cân) nổi lên do ba anh em đạo sĩ họ Trương cầm đầu. Rồi xuất hiện ba hào hán người địa phương, đào viên kết nghĩa, anh cả là một anh dật chiểu, bán dế, có họ Lưu như vua Hán. Sau một thời đại náo ở cung đình với những nhân vật rất màu mè, cải lương như Đổng Trác, Lã Bố, Điêu Thuyền, thì thành cái thế chia ba thiên hạ: Ngụy, Thục, Ngô.

Nhà Ngụy có Tào Tháo dựa vào ông vua bù nhìn Hiến Đế, như nhà chùa thờ tượng Phật bằng đất nung để được ăn oản, cho đến ngày ngôi tượng bị lật đổ thì chết theo một cách thảm hại. Như Nguyễn Du đã viết trong "Bác Hành Thi Tập" (Đồng Tước Đai): "Ôi, Như thử anh hùng, thả như thử" (Anh hùng như thế mà như thế!).

Nhà Thục có Lưu Bị, người gian hùng, không những đánh lừa được tên đệ nhất gian hùng Tào Tháo (trong hoạt cảnh, giả sợ sấm mà đánh rơi chén dĩa), lại lừa vua Hán để được phong là "Hoàng Thúc", còn lừa được cả thiên hạ hai nghìn năm sau, để được tiếng là chính thống nhà Hán.

Nhà Ngô có Tôn Quyền, một người văn dốt, vũ rớt, lại tráo trở, vừa liên hiệp với Thục để giải nguy đất nước tại trận Xích Bích, đã trở mặt thành thù địch... Nhưng Tôn Quyền lại là kẻ tương đối được bình an nhất.

Những khảo sát văn học sử mới nhất cho biết rằng đã có những mảnh truyền kỳ được kể lại trong dân gian và được chép lại bởi những nhà biên niên ký và tiểu thuyết ký, trước khi được gom thành truyện, rồi lại được cất xén, chỉnh đốn lại mà thành hình như bộ truyện hiện nay.

Thời Tam Quốc của Tàu bắt đầu từ năm 220 đến 265 (45 năm). Ba nhân vật chính là:

- Ts'ao Ts'ao (Tào Tháo, tức Tào A Man) : 150-220.
- Liu Pei (Lưu Bị, tức Lưu Huyền Đức) : 162-223.
- Sun Ch'uan (Tôn Quyền) : 187-252.

Những người đã giúp Lưu Bị lập nghiệp, được tả như những thần tượng, đại biểu cho những đức tính cao quý nhất của xã hội phong kiến, đại loạn thời ấy:

- Chu Ko Liang (Gia Cát Lượng) (181-254) là một đạo sĩ biết thiên văn, bấm độn, biết hô phong, hoán vũ và cũng là người rất trung thành với chủ.

- Kuan Yu (Quan Vũ) và
- Chang Fei (Trương Phi) cùng chết khoảng năm 219.

- Riêng Chiao Yun (Triệu Vân, tức Triệu Tử Long) là một trong những tướng gần như Thánh Thần; quân, tướng địch không những khiếp sợ mà còn kính phục nữa!

Ngược lại Tào Tháo bị vẽ ra như một đại gian hùng, tráo trở, nhát gan, ti tiện...

Trong khi Chu Du, vị quân sư và chỉ huy trưởng của nước Ngô, thì chỉ là một bị thịt tối tăm, mà Khổng Minh còn coi như một thằng trẻ nít!

Sự thực lịch sử của Tàu có lẽ không giản dị như thế. Theo các học giả Trung Quốc, Tào Tháo là một trong những đại thi sĩ của nhà Hán (Thi phái Kiến An) và là một tư tưởng gia, đã chú giải binh pháp của Tôn-Ngô (Tôn Tẩn và Ngô Khởi). Chu Du là người đã tổ chức hải quân của nước Ngô. Khổng Minh đã phải nhờ đến lực lượng hải quân này, để đánh bại đoàn chiến thuyền (Armada) của Tào Tháo, trên sông Xích Bích...

Trận Xích Bích đã thực sự là trận chiến then chốt, quyết định sự chia đất đai của nhà Hán thành ba nước. Vì Ngụy vẫn ở thế mạnh nhất, nên Gia Cát Lượng vẫn có chủ trương cần sự liên minh giữa Thục và Ngô. Hơn nữa, cả Ngô và Thục đều phải mở mang về phương Nam. Thục thu phục Mạnh Hoạch (Meng Huo), nhưng rồi cũng không dùng được quân Nam Man một cách hữu hiệu. Nước Ngô trái lại cưỡng

bách Bắc Nam Việt vào Lương Quảng, nhưng cũng không tránh nổi họa diệt vong sau đó...

Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa của Tàu dựa vào ít nhất là bốn sách đã viết từ trước. Quan trọng nhất trong bốn sách này có lẽ là quyển Tam Quốc Chí (San Kuo Chi) của Trần Thọ (Ch'en Shou: 233-297), được bổ túc với những lời chú, lời bàn của Sùng Chí (P'ei Sung Chih : 372-451). Trần Thọ lúc thiếu thời ở nước Thục, sau theo Tấn khi họ Tư Mã cướp ngôi của Ngụy, rồi bình định đất Thục, thôn tính đất Ngô.

Tam Quốc Chí của Tàu gồm nhiều tiểu truyện của những nhân vật đã có trong thời đó. Chân dung Hoa Đà, người thầy thuốc giải phẫu tiên tiến, đã nạo xương cho Quan Công khi Quan Công điếm nhiên ngồi đánh cờ. Tuy vậy, Hoa Đà đã bị Tào Tháo hạ ngục và giết chết vì đã định bệnh là Tào Tháo có một cái nhọt, hay cái ung trong óc, cần được mổ sọ ra để chữa! Giai thoại về Hoa Đà này là một tuyệt phẩm và đã được chép lại gần như nguyên vẹn vào quyển Tam Quốc Chí diễn nghĩa của Tàu.

Ngoài ra, cuộc đời của Tào Tháo, Lưu Bị, Triệu Vân, Quan Công, Trương Phi cũng được kể một cách rõ ràng với nhiều trung thực. Triệu Vân là một tướng cướp tại núi rừng. Quan Vũ và Trương Phi đều có án giết quan sớ tại trước khi về kết nghĩa với Lưu Bị và tranh giành với giặc Khăn Vàng...

Ba cuốn sau là:

- Hậu Hán thư (Hou Hanshou): do Fan Yeh (Phạm Diệp): 398-446.

- Tzu Chih Tung Chien: Tư Mã Quang (Ssu su Kuang: 1019-1086).

- Thông Kiến Cương Mục (Tung Chien Kang Mu): do Chu Hi (Chu Hsi: 1130-1200).

Cả ba cuốn này đều dựa vào Tam Quốc Chí của Trần Thọ với những lời bàn về đạo lý.

Gần đây có một cuốn truyện bằng tranh vẽ, với một ấn bản đầy đủ: Toàn Tương Tam Quốc Chí bình thoại (Ch'uan Hsiang San kua Chieh P'inh hoa: 1321-1323) và một ấn bản thô sơ hơn (1294), đã được tìm thấy.

Trong tương lai, rất có thể, sẽ tìm được tại một kho lười cày, căn cước nào đó, đầy mạng nhện niêm phong từ năm mười thế kỷ, được moi ra một vài tiền thân khác, đã rách nát, của bộ truyện tài tử này, khiến các học giả lại nhao nhao phẩm bình!

Tác giả của Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa của Tàu thường được cho là La Quán Chung (Lo Kwan Chung), sống vào cuối thế kỷ thứ mười bốn. Nhưng không có bằng chứng gì chắc chắn. La Quán Chung có thể là một người, và cũng có thể là một nhóm người cộng tác với nhau. Họ thu thập nhiều truyền thống truyền kỳ để thêm thắt vào những tài liệu đã viết. Sách của họ được chào đời từ năm 1522 và có bài tựa đề năm 1494. Sách được đón nhận khá nồng nhiệt, tuy sự cấu tạo có phần lỏng lẻo, truyện kể dài dòng, cũng như có khá nhiều mâu thuẫn, lủng củng...

Năm 1679, một bản Tam Quốc Chí diễn nghĩa mới của Tàu được xuất bản do Mao Luân (Lao Lun) xếp đặt lại, và lược bỏ đi khá nhiều, thành 120 hồi. Con của Mao Luân là Mao Tôn Cương (Mao Tsung Kang: 1632-1709) còn viết

thêm những lời bàn sau mỗi hồi. Bản cuối cùng này là bản lưu truyền cho tới ngày nay.

Một nhà phê bình cận đại viết rằng: Tam Quốc Chí diễn nghĩa của Tàu là bảy phần sử với ba phần đặt bày (hu cấu). Tôi nghĩ rằng những tỷ lệ ấy phải đảo ngược lại mới đúng!

Thật vậy, nhân vật Quan Công, mặt đỏ như quả táo chắp với một bộ râu dài đến rốn mà vẫn nhét được vào trong một túi gấm (thời ấy chắc chưa có zipper của Mỹ?) cưỡi con Xích Thố, múa thanh long đao nặng 120 cân, đẩy xe cho hai bà chị bị giữ làm con tin ở trại binh của Tào Tháo... thì thực xứng đáng làm đức Thánh Quan để giữ cửa cho các tiệm bán vịt quay! Trong tất cả những truyện Tàu mà bi nhân đã được đọc, chưa từng thấy một nhân vật nào hợm mình và ngổ đến như thế! Ở đường hẻm Huệ Dung, thấy Tào Tháo và đám tàn quân đói khát, thất thểu, đi tới, kể ơn... (Ồi ơn sâu, nghĩa trọng!) và rồi Quan Vũ đã hạ đao xuống, ngoảnh mặt đi... thì mấy năm sau có bị Tào Tháo cắt đầu cũng là đúng... Thế mà vẫn được nước Tàu thờ là Võ Đế!

Hôm nay tôi ngồi viết bài này là để giới thiệu cuốn sách mới cũng có tựa đề là Tam Quốc Chí, nhưng là Tam Quốc ở Việt Nam. Tác giả Tam Quốc Chí Việt Nam là ông Phạm Nguyên Lương mà tôi đã biết từ lâu. Ông Phạm trước hết là một bác sĩ y khoa, và như nhiều y sĩ Việt Nam, bắt đầu từ thời Hải Thượng Lãn Ông, cũng như nhiều thầy thuốc người Pháp, khởi thủy từ Rabelais, và tiếp tục với Littré, George Duhamel... đã có một cái nhìn về sự nghiệp vượt xa ra ngoài y học.

Kể viết những dòng chữ này không cần phải thuyết nhiều về sự đáng khen của những người làm việc về khoa học, khoa học áp dụng, mà lại mở rộng tầm hiểu biết của mình ra ngoài chuyên khoa và có những tham gia đóng góp vào một lãnh vực văn hóa chung. Tuy nhiên, không thể quên được rằng trên phương diện thuần túy khoa học, cái học của Lãn Ông Lê Hữu Trác, của Rabelais, của Littré, Claude Bernard... đều đã bị vượt quá xa. Nhưng, một tập "Thượng Kinh ký sự", hoặc bộ truyện "Gargantua- Pantagruel"; bộ sách "Hippocrate toàn thư"; bộ Từ điển Ngôn ngữ Pháp", cùng với bộ "Mỏ đầu vào Y khoa thực nghiệm" ... là những tác phẩm bất hủ và bất tử, làm vinh danh các y sĩ đã hoàn thành chúng, hơn là công việc chữa bệnh của các vị ấy!

Tôi không nói rằng tác giả đại tác phẩm Tam Quốc Chí Việt Nam sẽ bất tử trong nền văn học Việt Nam như Lãn Ông, hay Rabelais trong văn học Pháp, hoặc Chekhov trong văn chương Nga và thế giới. Đó là một điều ở ngoài sự suy tư nông cạn của tôi và sẽ chỉ do hậu thế, trong ba trăm năm, hay một nghìn năm nữa, quyết định! Trong hiện tại, tôi chỉ dám nói rằng đây là một lịch sử tiểu thuyết rất hay, của một người viết chân thành, đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của toàn dân Việt Nam, trong lúc này và mai hậu, dọc theo sự vinh cửu của lịch sử...

Tam Quốc Chí Việt Nam không chỉ thu hẹp trong bốn mươi lăm năm như Tam Quốc Chí của Tàu. Thời gian nước Việt bị tam phân bắt đầu từ lúc họ Mạc cướp ngôi của nhà Lê vào năm 1527, kéo dài đến lúc nhà Tây Sơn bị mất nghiệp vào tay Nguyễn Ánh và kỳ nguyên nhà Nguyễn bắt đầu năm 1802, tổng cộng là 275 năm. Như thế, thời kỳ Tam Quốc Chí Việt Nam dài hơn thời kỳ Tam Quốc Chí của Tàu là hai trăm ba mươi năm. So với thời chiến quốc thì dài hơn hai mươi năm!

Hai truyện có nhiều điểm tương đồng. Khởi thủy ở Trung Quốc là cuộc nổi loạn của giặc Khăn Vàng gồm nông dân dưới sự lãnh đạo của đạo sĩ Trương Giốc. Ở Việt Nam bắt đầu cuộc khởi nghĩa của Trần Cao, cũng là một thứ đạo sĩ giả mạo, với những trò chữa bệnh làm phúc hoang đường, và hô phong, hoán vũ để lừa bịp dân chúng... Nhưng ông Phạm Lương Nguyên đã không sơ lược vấn đề như các tác giả Trung Quốc. Ông đã kể những lỗi lầm và suy đồi, bắt đầu từ thời Lê Thái Tổ và càng ngày càng tai hại trong những đời sau...

Trừ 38 năm thịnh trị dưới thời vua Lê Thánh Tông, vua các đời sau càng ngày càng hoang dâm, bạo ngược, ham thích sa đọa, khinh thường đạo nghĩa... Triều đình thì ngoài một vài người hiếm hoi dám can ngăn sự vô đạo, còn thì a dua, xu nịnh, hèn nhát, ngu tối... Hai đời vua cuối cùng đã dẫn đến nạn Tam Quốc, được dân chúng và ngoại nhân, vinh là "Lợn vương" và "Quỉ vương". Còn trong triều cũng có những Đồng Trác, Lã Bố và Tào Tháo Việt...

Trần Cao không phải là bọn "giặc" độc nhất làm ngôi vua lung lay. Giặc cướp thực sự cũng có vài đám lớn. Như ở Kinh Bắc thổ dân nổi lên, và đó là một trong những cái họa tâm phúc của ta đã bùng cháy lên vào đầu thời Tam Quốc ở cực Bắc và sẽ nổ lên nữa ở cực Nam vào cuối thời Tam Quốc. Cho tới ngày nay, chưa bao giờ, người cầm quyền có được một chính sách vừa chung, vừa riêng, đủ tiến bộ cho những sắc dân ít người, để tạo ra sự hòa hợp thực tâm của tất cả mọi sắc dân vào trong cái đại khối của nhân dân Việt Nam.

Cái nguy cơ thứ hai dọn đường cho những nội chiến trong lịch sử Việt là những loạn nông dân mà một số người phiêu lưu có thể lợi dụng, để dựng lên những phong trào ít nhiều "cách mạng"; với mục đích thực tế là cướp ngôi vua, cướp chính quyền và khai thác sức lao động của toàn dân cho phúc lợi riêng...

Nguyên nhân nổi lên của các loạn nông dân có thể gồm thành hai nhóm: Một là thiên tai (hạn hán, nào cào cào, châu chấu, chuột, bọ...); hay chính sách nhất thời, gây ra sự đói kém của cả một vùng. Hai là sự cướp đất, xung công, sưu cao, thuế nặng. Nếu đồng thời biết những tin về sự sa đọa của chính quyền trung ương hay địa phương, thì người ta tin rằng thời cơ đã đến và có sự dựng cờ khởi nghĩa. Nhiều khi loạn xảy ra nhiều nơi, tựa như cháy rừng, chỗ này bốc lên thì chỗ kia cũng bắt lửa, năm khu, bảy đám, nhiều khi không nhập vào với nhau, mà bập bùng riêng rẽ...

Trong Tam Quốc Chí của Tàu cái thế chia ba thiên hạ được Gia Cát Khổng Minh ngồi trong lều cỏ tại Ngọa Long Cương, phác họa cho Lưu Bị nghe, trúng vào tâm lý của ông sứ quân vô gia cư, sắp bị thua xiểng liểng ở cái cầu dài Tương Dương.

Còn trong Tam Quốc Chí Việt Nam, cũng có một bậc kỳ tài là Nguyễn Bình Khiêm, mà người ta thường gọi là Trạng Trình... Nguyễn Bình Khiêm đổ Trạng Nguyên dưới thời nhà Mạc, nhưng biết rằng nhà Lê rồi sẽ được trung hưng nên cũng ngầm giúp Lê. Rồi khi Nguyễn Hoàng bị Trịnh Tùng tìm cách giết, Trạng Trình cũng chỉ đường cho Nguyễn Hoàng thoát nạn...

Nếu thực lịch sử là do Trời định đoạt, thì bề ngoài lúc này chính là như thế, và Trạng Trình quả là người hiểu rõ cơ Trời và tiên đoán vận nước An Nam rồi sẽ bị chia làm ba, dân chúng sẽ làm than khổ sở vì nội chiến giữa ba tiểu quốc!

Các chuyện xảy ra sẽ phức tạp hơn, nhưng các sử liệu biên niên đã không soi sáng thêm vấn đề. Những tương quan lực lượng giữa ba nước của họ Mạc, Trịnh và Nguyễn hãy còn mù mịt...

Trạng Trình có trách nhiệm rất lớn trong tình thế của Việt Nam bắt đầu từ thời ấy. Ông biết rằng: Thập niên dự chiến. Thiên hạ cứu binh (Hơn mười năm chiến tranh, rồi mới yên).

Ông lại biết rằng: Bắc Nam, thời thế đại nhiễu nhương...

Trạng Trình còn tiên đoán cả thời Tây Sơn: Biện Lại lên làm vua và Nguyễn Huệ chỉ được oanh liệt mười bốn năm tròn. Rồi, theo lời sấm, ông biết cơ sự nước Việt sẽ bị Pháp chiếm làm thuộc địa khai thác... Trạng Trình đã viết:

Dục lòng chim chích u mê

Thập trên, tứ dưới, nhất dè chủ tâm

Để loài bạch quỉ Nam xâm

Làm cho trăm họ, khổ trầm, lưu ly

Ngai vàng gập buổi khuynh nguy

Gia đình một ở, ba đi dần dần...

Trạng Trình biết trước cả như thế, nhưng ông không làm gì để cứu khổ nhân dân, lại chỉ lo cho đền thờ của mình không bị phá!

Tam Quốc Chí Việt Nam có rất nhiều chi tiết lịch sử mà lịch sử "Chính Biên" đã bỏ qua không ghi chép. Tôi không được biết xuất xứ của nhiều sự kiện mà tác giả đã kể ra, nhưng tin rằng, hơn hẳn Tam Quốc Chí của Tàu. Tam Quốc Chí Việt Nam có hơn bảy phần lịch sử, với không đầy ba phần hư cấu. Rất có thể chuyện sẽ hấp dẫn hơn, nếu phần lịch sử được lược đi và tiểu thuyết hóa nhiều hơn, cho có những nhân vật rất tài ba, nhưng ngu ngốc như Lã Bố, hoặc những "Quân tử Tàu" kiêu mạn và khinh thị như Quan Công; hoặc những ông tướng vừa lỗ mãng vừa tình cảm như Trương Phi...

Nhưng, lúc này, tôi nghĩ rằng sự thực lịch sử vẫn quan trọng hơn sự quyến rũ của cốt truyện! Vì theo sự suy nghĩ, có lẽ quá thiên cận hay quá đa sự của tôi khi so với người khác, thì từ thời ấy, chính là lúc bắt đầu của những rạn nứt làm quốc dân Việt Nam không bao giờ có thể kết thành được một khối nhất tâm, nhất trí, trong một công cuộc lớn lao nữa!

Nước nào cũng có lúc phân tranh và gần như không nước nào tránh được một hay nhiều thời đại nội chiến. Lớn như Trung Quốc, Hoa Kỳ, Liên Xô. Nhỏ như Anh, Pháp, Nhật... nội chiến nào cũng để lại những vết thương mà sau cả thế kỷ vẫn chưa lành lặn. Nhưng, nước người ta thì rồi có thể tạm yên, mà người Việt mình thì sao khổ ải mãi không thôi, đến nỗi trước con mắt của một sử gia ngoại quốc, nước Việt Nam chưa bao giờ là một nước, mặc dù, theo triết gia Fichte, có tất cả các điều kiện khách quan để là một "thực thể quốc gia" (Nationalität).

Rất sớm, trong lịch sử Việt, ngay từ khi thoát ra khỏi những móng vuốt của con chim ưng miền Bắc, nước Việt còn là một mớ hỗn độn với mười hai "sứ quân". Mỗi người là một thứ chúa công thảo khấu kiểu Lưu Biểu, Viên Thiệu... không hề nhìn quá cái đồn canh trên mảnh đất của mình! Đinh Bộ Lĩnh đã thắng được tất cả, và tự phong là Tiên

Hoàng (có lẽ bắt chước Thủy Hoàng bên Tàu?) và đặt tên nước là Đại Cồ Việt, chỉ là để xác định rằng, nay chỉ còn một mình mình là Chúa Tể. Đó là nghĩa chữ "Cồ". Nhưng cái uy thì "cồ", mà lòng dân đâu có "cồ"? Trong khi đó, chỉ nhờ có hai lần quân Tàu của nhà Tống xâm lăng mà lòng dân Việt kết thành một mối, rồi một lòng thần phục nhà Lý (1009-1225), tụy các vua nhà Lý là những Bồ Tát về tâm hiền từ và vô ngã...

Khi nhà Trần cướp ngôi nhà Lý, làm những việc thất đức, lại phạm những tội về thuần phong, mỹ tục, dân gian cũng có những lời phê bình không tốt. Nhưng rồi, khi quân Nguyên, dưới sự chỉ huy của những hung tướng Mông Cổ, đã sang xâm lược: Mặc dù lúc đầu đã có những người phản loạn, nhưng những sự tàn ác, ngang ngược của quân Nguyên đã làm toàn dân và quân Việt một lòng chống giặc.

Trần Quốc Tuấn là người đầu tiên đã thấy rõ sức mạnh của sự đoàn kết. Những lời của vị anh hùng ấy nói trước khi chết, đáng được ghi khắc thiên cổ như những châm ngôn lịch sử:

"... Mới rồi, Toa Đô, Ô Mã Nhi, bốn mặt đánh phá, bao vây; lúc ấy vua, tôi cùng lòng, anh em hòa thuận, cả nước góp sức chiến đấu... nên giặc phải bó tay! ...".

"Phải làm thế nào thu hút được binh lính như cha, con một nhà, mới có thể dùng để chiến thắng được! Và phải bớt dùng sức dân để làm cái kế "thâm căn cố đế", đó là thượng sách giữ nước, không còn gì hơn!".

Chỉ sau khi Lê Lợi đã đánh đuổi được quân Minh (1428), bình định được toàn thể đất nước, thì nhân dân Việt mới lại tương đối một lòng như trong thời nhà Lý, nhà Trần... Nhưng rồi, chỉ một trăm năm sau thì nhà Lê bị Mạc Đăng Dung cướp ngôi (1527), để rồi xảy ra vụ Tam Quốc phân tranh; nạn Trịnh, Nguyễn tương tàn; Vụ anh em Tây Sơn bất hòa; rồi nhà Nguyễn, đạo mới, đạo cũ... Rồi đến các thời theo Tây, theo Tàu, theo Nhật, theo Nga, theo Mỹ... Cảnh nời da xáo thịt tiếp diễn, không còn là ba nước mà là năm phe, bảy đảng, chín, mười nhóm... không biết kéo dài đến bao giờ!

Nạn Tam Quốc phân tranh giữa ba nhà Mạc, Trịnh và Nguyễn, quả đã hiển nhiên! Tác giả Phạm Nguyên Lương có cái hay là tả rõ được những cuộc chiến đầy gay go giữa ba tiểu quốc An Nam từ năm 1527 tới 1802. Đọc đại tác phẩm Tam Quốc Chí Việt Nam, với 101 hồi, độc giả có thể thấy được những sự việc xảy ra trong chính sử Việt, từ việc vua Lê Cung Hoàng nhường ngôi cho Mạc Đăng Dung, rồi bị chết thảm. Nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê đã phải vất vả chống trả với các trung thần của vua Lê như Nguyễn Kim, Trịnh Kiểm, Phùng Khắc Khoan v.v... để rồi, khi Trịnh Tùng thêm gian hùng, khiến Nguyễn Hoàng phải lập mưu về lập nghiệp tại phương Nam, lập ra một nước thứ ba, rồi đem binh đánh cả nhà Mạc và họ Trịnh, tạo thế Tam Quốc phân tranh trong sử Việt... Những trận đánh kinh hoàng, ác liệt, với những mưu sâu, kế hiểm, qua bảy cuộc ra binh giữa họ Trịnh và Nguyễn đã được tả rất rõ...

Với ngòi bút của Phạm Nguyên Lương, độc giả còn thấy rõ những sở trường, sở đoản của các danh nhân Việt trong thời Tam Quốc phân tranh như: Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan, Lê Quí Đôn, Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều, Đặng Trần Côn, Đào Duy Từ, Nguyễn Hữu Dật, Hải Thượng Lãn Ông, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, vua Quang Trung Nguyễn Huệ, La Sơn Phu Tử, Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân, Ngô Thì Nhậm... Cả những kẻ được coi là đầy gian

THƠ : Kim Chi Viên Thành

Nam Mô A Di Đà Phật



*Luôn luôn niệm Phật Di Đà
Tâm ta sẽ nở đóa hoa sen vàng
Đẹp sắc, si, bỏ lòng tham
Ta Bà tâm nở sen vàng khắp nơi
Gặp nhau tay bắt, miệng cười
Như Phật Di Lạc thành thời vô cùng
Thuyền từ Bát Nhã xuôi dòng
Từng chiếc nhỏ nhỏ lòng không vọng cầu
Di Đà bến đỗ nhiệm màu
Tây Phương Tịnh Độ thoát cầu tử sinh.*

hùng như Trịnh Tùng, như Nguyễn Hữu Chinh v.v... cũng được tả một cách sống động, cùng những văn, thơ có được từ mỗi cá nhân đó...

Ba nước phân tranh trong sử Việt đã khác nhiều với Tam Quốc Chí của Tàu. Thật vậy, thời ba nước chiến tranh bên Tàu từ năm 220 đến 265, trận chiến khi ấy chỉ dựa vào những mưu kế, cùng sức mạnh của quân tướng, với các vũ khí thô sơ gồm cung, tên, dáo, mác, đao, kích... Chiến thuyền chỉ là những thuyền chèo tay, hay thuyền buồm. Quân tham dự chỉ có bộ binh, thủy binh và kỵ binh.

Trong khi ấy, Tam Quốc chiến tranh trong sử Việt có những trận chiến máu lửa hơn, với những mưu lược thâm sâu, với sự tham chiến của đủ cả bộ binh, thủy binh, kỵ binh và cả tượng binh. Về khí giới cũng khác nhiều. Các trận chiến thêm máu lửa, điều tàn, vì có súng hỏa mai, súng điều thương và cả súng thần công cùng những tàu chiến, dù còn thô sơ và đa số là do quân Nam Hà mượn của ngoại quốc.

Thời nào cũng có những anh hùng, liệt nữ, được đa số kính nể. Vấn đề là làm sao biết được những người ấy? Dùng căn bản nào để gọi họ là những người đáng làm gương cho mọi người? Tác giả Phạm Nguyên Lương đã cho thấy trong Tam Quốc Chí Việt Nam có khá nhiều những vị xuất chúng, không thua kém gì những danh nhân khác trên thế giới. Độc giả có đồng ý hay không là tùy ở cảm quan mình khi đọc Tam Quốc Chí Việt Nam này.

Xin ân cần giới thiệu đại tác phẩm Tam Quốc Chí Việt Nam đến toàn thể độc giả.

Y DƯỢC THƯỜNG THỨC

**Nhận thức về một lối
chữa bệnh bằng cách
phối hợp dược thảo:**

CANH DƯỠNG SINH

Phan Hùng Nhón

Lời nói đầu: Gần hơn nửa năm nay, cộng đồng người Việt Nam khắp thế giới, nhất là tại Úc Châu và Hoa Kỳ đều phân vân rất nhiều sau khi được đọc sách CANH DƯỠNG SINH của ông Tateishi Kazu (Lập Thạch Hòa). Có người cho rằng sách có nhiều điều rất lý thú nhưng có nhiều điều có hơi quá đáng. Thậm chí có người đã phê bình là "phi khoa học". Ông Tateishi Kazu trả lời rằng: "Tuy canh dưỡng sinh không phải là thủ thuốc được điều chế bằng kỹ thuật khoa học nhưng đã chữa được lành bệnh thì các người thủ nghĩ mình nên theo phương pháp nào?". Những đa số người tin tưởng về khả năng của canh dưỡng sinh cũng khá nhiều cho nên số lượng người đua nhau đi tìm mua vật liệu đã quá đông làm giá cả các vật liệu đó gia tăng.

Nhiều người đã dùng thử và đã thấy sức khỏe tăng tiến nhiều. Nhiều bác sĩ ở trong nước cũng như ở hải ngoại cũng đã khuyến khích nhân dùng canh dưỡng sinh.

Tiến sĩ Tateishi Kazu thuộc một gia đình mà người cha và người anh của ông đều mang bệnh ung thư. Chính ông cũng mắc bệnh đó nhưng ông cương quyết phấn đấu để sống còn, bằng cách nghiên cứu cùng thử nghiệm cả hơn ngàn loại thảo mộc để cuối cùng tìm ra một lối chữa bệnh bằng cách phối hợp dược thảo mà hiện nay có tên là CANH DƯỠNG SINH.



CANH DƯỠNG SINH

Theo Tateishi Kazu thì Canh Dưỡng Sinh bao gồm các loại rau củ sau đây:

- Nấm đông cô
- Củ cà-rốt

- Củ cải trắng và lá
- Cây Gobo

Theo Tateishi Kazu thì Canh Dưỡng Sinh giúp ngừa hoặc chữa trị hầu hết những bệnh khó chữa ngay cả các bệnh ung thư và Aids.

Sau đây là những bệnh mà ông Tateishi Kazu nói rằng Canh Dưỡng Sinh có thể chữa trị được, cùng cho biết tiến triển hành trình của bệnh:

- Ung thư lá lách (Pancreatic cancer) tối thiểu 2 tháng.
- Ung thư bao tử (Stomach cancer) : 2 tháng.
- Ung thư gan (Liver cancer) : một năm.
- Phong thấp (Rhumatism) : một năm.
- Mắt đục có vảy cá (Cataracts) : 4 tháng.
- Mắt ngủ, viêm xoang, mệt nhọc (insomnia, Sinusitis, fatigue) : 10 đến 20 ngày.
- Bệnh chốc lờ (Eczema) : 4 đến 7 tháng.
- Vết đốm do bệnh gan (Liver Spots) : 3 đến 6 tháng.
- Rụng tóc (Hair grov) : 6 đến 12 tháng.
- Trúng phong, kinh gián (Epilepsy) : 3 đến 6 tháng.
- Đột quất (Stroke) : 6 đến 12 tháng.
- Nhịp tim bất thường (Irregular heart beat) : 20 ngày.

Tateishi Kazu còn cho biết sau 3 ngày dùng Canh Dưỡng Sinh thì tế bào ung thư ngưng phát triển. Sau một tháng các tế bào bình thường bắt đầu tái phát triển.

Tateishi Kazu cho biết rằng ông đã nghiên cứu và thử nghiệm 1500 loại thảo mộc để hình thành công thức kéo dài sự sống dựa theo sự quân bình hóa của ngũ hành: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Mỗi vật liệu để thực hiện Canh Dưỡng Sinh đều có những mẫu riêng rẽ: Xanh lá cây: lá củ cải; Đỏ: cà-rốt; Vàng: Gobo; Trắng: củ cải; Đen: nấm đông cô.

Về các bệnh nhân ung thư đến thời kỳ chót và những bệnh nhiễm phải các chứng nan y đã đến giai đoạn nghiêm trọng thì nên dùng Canh Dưỡng Sinh và Niêu Liêu Pháp để chữa trị. Theo ông phải dùng nước tiểu của chính bệnh nhân để sử dụng những vi khuẩn có tính phản kháng lại bện để hòa chung với Canh Dưỡng Sinh hòng tạo thành một loại thuốc giúp cho cơ thể có đủ sức đề kháng với bệnh. Phương pháp lấy nước tiểu được nói rõ: Buổi sáng sau khi thức dậy khi đi tiểu lần đầu tiên được một tí thì ngưng lại rồi

hứng ở giai đoạn này khoảng 30 cc rồi đem hòa chung với 300 cc Canh Dưỡng Sinh.

Phưởng Pháp Nấu Canh Dưỡng Sinh

Cắt củ cà-rốt tùy lớn nhỏ làm hai hay làm ba.

Cắt củ cải trắng làm tư

Một nắm Đông Cô lớn, nếu nhỏ thì 2 nắm.

Cắt rễ cây Gobo làm tư.

Vài nhánh lá củ cải trắng.

Tất cả vật liệu này đều phải còn ở tình trạng tươi tốt.

Nên rửa củ và lá cho thật sạch để đất và thuốc diệt côn trùng không còn bám vào nữa.

Đùng gọt vỏ các loại củ vì ở lớp vỏ có nhiều chất liệu bổ dưỡng.

Không nên cắt nhỏ quá.

Dụng cụ để nấu phải bằng thủy tinh có nắp đậy và chịu đựng được lửa nóng. Không nên dùng những dụng cụ được chế tạo bằng chất liệu khác có thể làm mất đi hiệu nghiệm của Canh Dưỡng Sinh.

Nước để nấu phải nhiều gấp ba lần vật liệu định nấu và khi đã sôi vặn nhỏ lửa đun lâu từ 2 đến 3 giờ tùy theo vật liệu nhiều hay ít.

Tính chất của các vật liệu

Cũng nên tìm hiểu tính chất của cà-rốt, củ cải trắng, nấm Đông Cô và cây Gobo, để hiểu được khả năng chữa bệnh của Canh Dưỡng Sinh.

Củ Cà-rốt

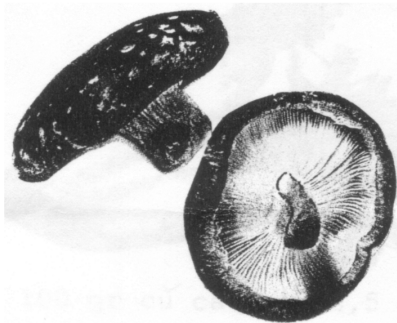
Cà-rốt có tên khoa học là Dactus Carota thuộc họ Umbelliferae. Cà-rốt có hàm lượng rất lớn sinh tố A có khả năng hỗ trợ cho thị giác, và chất Beta-Karotine một chất có khả năng chống ôxít hóa cơ thể để ngừa trị được ung thư. Chất Alpha-Karotine cũng có tính chất như vậy. Ở Việt Nam cà-rốt được dùng để chữa trẻ em đi tả và để chế thuốc để chữa bệnh đau thắt ngực cấp tính và mãn tính. Cà-rốt còn có khả năng hỗ trợ hệ thống miễn nhiễm của cơ thể cùng sự lưu hoạt của hệ thống tuần hoàn.

Nấm Đông Cô (Shihi-take)

Nấm Đông Cô hay nấm Hương có tên khoa học là Agaricus Rhizinonensis (Lentinus sedodes) thuộc họ Nấm Tán Polyporaceae.

Trong nấm Đông Cô có chất đạm, chất protid, chất glucid, sắt, natrium, lân calcium, kalium, nhiều enzyme cùng nhiều sinh tố B1, B2, PP và C và rất nhiều sinh tố D. Trong nấm Đông

Cô có các dược liệu đặc biệt như Lentinan, Eritadenen và Lem có tác dụng điều chỉnh được lượng cholesterin trong máu, hỗ trợ khả năng miễn dịch của cơ thể hoặc ngăn chặn được sự phát triển của các bướu ung thư. Chất Ergosterin cũng có tác dụng ngừa trị ung thư. Chất Lentysin có tác dụng hạ thấp mức độ chất béo trong

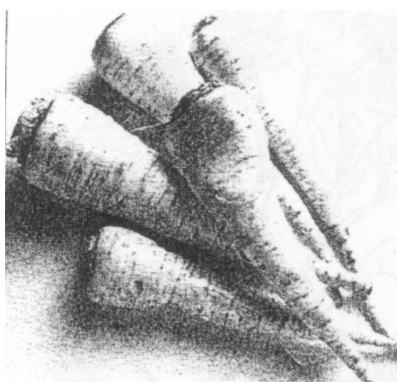


máu, chất Pentothensaure rất cần thiết cho da và tóc cùng chất Biotin để hỗ trợ sự hình thành các hồng huyết cầu. Ngoài ra chất Lentinan được thí nghiệm thấy có khả năng chặn vi trùng bệnh Aids.

Nấm Đông Cô cũng được dùng để chữa trị cảm cúm, viêm ở hệ thống hô hấp, ung sang dạ dày.

Củ cải trắng (Pastinake)

Cải trắng này có tên khoa học là *Pastinaca Sativa* cùng dòng họ với cà-



rốt. Người Mỹ gọi là Parsnip, người Pháp gọi là Panais, còn người Đức thì gọi là Pastinake.

Trong loại củ cải trắng này có nhiều hydrocarbonate, nhiều Pektin, nhiều sinh tố B và C cũng như Kalium, Calcium Magnesium, Lân, cùng nhiều tinh dầu. Tinh dầu này được dùng để làm dịu những cơn đau bao tử và dạ dày, và ngừa phòng sự hình thành của ung thư. Trong dân gian Tây phương thường dùng Pastinake để chữa đau bụng, đau thận, sốt và suyễn.

Củ cải trắng *Raphanus sativus*

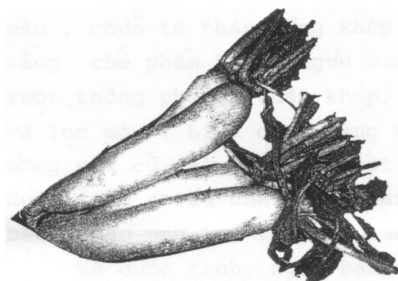
Ở Việt Nam, nhiều người nói rằng củ cải trắng được kê làm vật liệu để

nấu Canh Dưỡng Sinh phải là củ cải trắng *Raphanus Sativus* L. họ *Brasicaceae*.

Củ cải trắng này thường được nhân dân Việt Nam dùng làm thức ăn như luộc, làm muối dưa, kho hay xào hoặc làm gỏi.

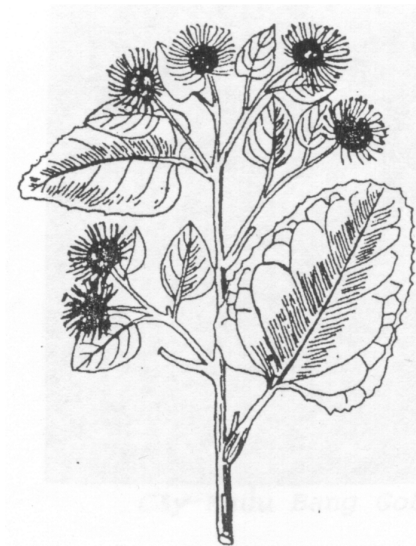
Phân chất theo y học hiện đại, cứ 100 gr củ cải có 93,5 gr nước, 0,6 gr protein, 0,1 gr chất béo, 5,3 gr đường, 32 mg calci, 21 mg phospho, 0,6 mg sắt, 0,41 mg mangan, 7 mg boron, 0,02 mg sinh tố B1, 0,03 mg sinh tố B2, 0,30 mg niacin, 25 mg sinh tố C.

Loại củ cải trắng này được dùng để chữa các bệnh ho, hen, đàm, suyễn, tức ngực, ho ra máu, lao, bệnh ở bộ máy tiêu hóa, ăn không tiêu, táo bón, bệnh về máu và đặc biệt dùng để giải độc.



Tây y thường dùng cải này để khai vị, giúp ăn ngon miệng, chống hoại huyết, chống còi xương, sát khuẩn, lọc gan thận và làm lỏng đàm giải ho.

Cây Ngưu Bàng (Gobo)



Cây Ngưu Bàng có tên khoa học là *Arctium Lappa* Lin, thuộc họ *Cúc Asteraceae*. Người Nhật gọi là cây Gobo, người Pháp gọi là Bardanne, người Mỹ gọi là Burdock. Ở Việt Nam cây Gobo ngoài Ngưu Bàng còn có tên Á Thực, Hắc Phong Tử, hay Thủ Niệm Tử. Vì cây trông xấu xí, sần sùi, sắc sạm như da trâu nên được gọi là Ngưu Bàng.

Thuốc Ngưu Bàng Tử (*Fructus Artii-Fructus Bardanae*) là quả chín phơi sấy khô của cây Ngưu Bàng. Đông y thường dùng quả, Tây y thường dùng rễ.

Cây Ngưu Bàng (Gobo) có

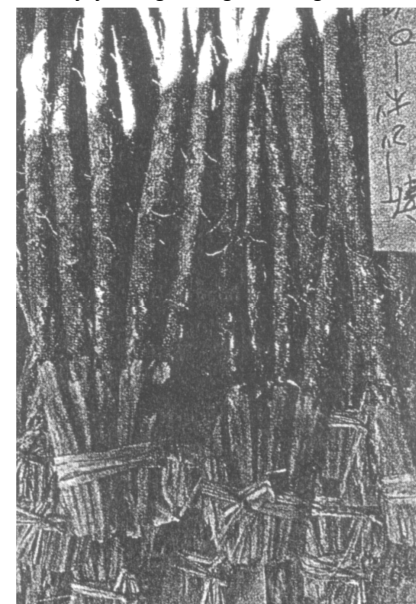


Polysaccharid-micinages, acid organique, Inuli, Dillgnans và Lignans.

Trong quả Ngưu Bàng có khoảng 27% chất béo và chất glucoset gọi là actiin (C27H34O11H2O). Ngoài ra còn chất lappin-

Trong rễ Ngưu Bàng có 57% inulin, một ít chất béo, chất nhầy và một ít nitrat và carbonat. Trong lá, có men oxydaza rất mạnh.

Tây y dùng rễ Ngưu Bàng Gobo để



làm thuốc thông tiểu, tẩy máu, chữa tê thấp sưng khớp và lở loét. Dược điển của Đức ghi rằng chế phẩm từ rễ Ngưu Bàng dùng trị rối loạn và đau dạ dày, ruột, thống phong, thấp khớp, hoặc làm thuốc ra mồ hôi, lợi tiểu và lọc máu. Liều dùng hàng ngày tương ứng với 30 gr rễ khô sắc uống với củ cải trắng, cà-rốt và nấm đông cô. Ở Hoa

Kỳ, Nguu Bàng được dùng nhiều nhất dưới dạng trà thuốc Essiac tea dùng cho các bệnh nhân ung thư từng bị bác sĩ cho là hết phương cứu chữa.

Về dược tính, Nguu Bàng đã được chứng minh có tính hạ sốt, kháng sinh, chống ung thư, lợi tiểu và phát hàn. Nguu Bàng còn có tính chất kháng ngưng tập tiểu cầu và hạ mức đường trong máu. Về độc tính rễ Nguu Bàng được xem là an toàn.

Nhiều cuộc nghiên cứu ở Đức và ở Nhật năm 1986 xác nhận chất Polyacetylenes trong cây Gobo có tính chất kháng sinh chống lại hiện tượng viêm cùng chống lại sự phát triển của các bướu ung thư. Chất artigenin trong cây Gobo cũng có khả năng ngăn chặn phần nào sự phát triển của các tế bào ung thư.

Nhiều cuộc nghiên cứu đã được thực hiện để hiểu về những khả năng trị liệu đặc biệt của cây Gobo: cá ông Ryu, Umbehara, Morita Dombrade và các cộng sự viên đã nghiên cứu về tính chất chống lại sự phát triển các bướu của cây Gobo. Năm 1992, Iakawi ở Nhật đã nghiên cứu về tính chất chống viêm và khả năng chống lại hiện tượng làm đông máu hay nghẹt mạch máu và vào năm 1997 Collins nghiên cứu về khả năng ngăn chặn vi trùng Aids.

Nước Gạo Lứt

Tateishi Kazu có giới thiệu một phương thuốc khác là chế nước gạo lứt để dùng đi đôi với Canh Dưỡng Sinh.

Ông khuyên nên lấy một cốc (240 cc) gạo lứt rang cho vàng, đứng để cháy, đổ vào 8 cốc (8 x 240 ml) nước sôi. Tắt lửa đun trong vòng 5 phút. Sau đó gạn ra lấy nước số 1. Đổ thêm 8 cốc nước nữa vào bã gạo, vặn lửa vừa đun thêm 5 phút rồi gạn ra lấy nước số 2 chung vào nước số 1. Khi chế chỉ dùng nồi bằng thủy tinh hay loại stainless steel.

Tateishi Kazu nói rằng đó là phương pháp tốt nhất để bài tiết ra ngoài các chất nước dư thừa trong cơ thể. Ở trường hợp các người bị bệnh tiểu đường thì giảm được lượng đường trong máu xuống và tiết ra nhiều Insulin cho cơ thể. Nước gạo lứt làm sạch máu, rửa sạch các mạch máu, tổng khứ xuất được những chất mỡ xấu; ông còn nói rằng những người bị bệnh tim có thể dùng nước gạo lứt 3 ly một ngày cùng Canh Dưỡng Sinh thì trong vòng 20 ngày sẽ thấy kết quả khả quan.

Nhận thức

Phương thức phối hợp một số dược thảo làm Canh Dưỡng Sinh để chữa

bệnh của Tiến sĩ Nhật Tateishi Kazu, đã được phổ biến khắp nơi nhất là trong giới cộng đồng người Việt Nam hải ngoại, nhất là ở Úc Châu và Hoa Kỳ. Nhiều người đã áp dụng nấu Canh Dưỡng Sinh để chữa bệnh cho mình tạo ra một phong trào tìm mua những dược thảo đó nhất là cây Gobo, làm cho có người nghĩ rằng các doanh thương đã lợi dụng thời phồn giá trị của bài thuốc Canh Dưỡng Sinh để tạo thêm thị trường bán dược thảo.

Trước phong trào rầm rộ chữa bệnh bằng Canh Dưỡng Sinh thì ở Hoa Kỳ thấy có bài báo của một vài Bác sĩ Việt Nam phê bình lối chữa bệnh bằng Canh Dưỡng Sinh. Họ cho rằng không có bằng chứng khoa học nào chứng tỏ Canh Dưỡng Sinh có thể ngừa trị được bệnh ung thư... Họ nói rằng Tateishi chủ trương người bị bệnh ung thư chỉ cần uống Canh Dưỡng Sinh trong 3 tháng sẽ khỏi không cần phải giải phẫu là một sai lầm vì theo họ hiện nay với phương tiện tìm bệnh ung thư sớm bằng Mammogram thì phần lớn ung thư đều có thể được chữa khỏi hẳn bằng giải phẫu, nếu được khám phá trễ người bệnh mới cần được chữa thêm bằng xạ trị hay hóa chất trị liệu. Theo họ đó là nguyên tắc cơ bản tìm bệnh sớm, chữa bệnh sớm, phòng bệnh hơn trị bệnh.

Họ cũng chỉ trích phương thức Niệm Liệu Pháp của Tateishi Kazu để chữa các bệnh nhân ung thư đến thời kỳ trầm trọng. Họ nói rằng việc Tateishi cho rằng nước tiểu có các kháng thể từ vi trùng, vì vậy có thể giúp làm tăng tính đề kháng của cơ thể. Họ nói rằng về phương diện bệnh lý, nước tiểu thường không có chứa vi trùng, một khi có vi trùng người bệnh có triệu chứng nhiễm trùng đường tiểu.

Về bệnh tiểu đường thì Tateishi có cho biết chỉ cần dùng Canh Dưỡng Sinh trong 10 ngày thì 63% người bệnh không thấy đường trong nước tiểu. Nhưng có bác sĩ nói rằng phương pháp đo đường trong nước tiểu thường không chính xác và cổ xưa và hơn nữa đường chỉ xuất hiện trong nước tiểu khi lượng đường trong máu cao hơn mức 180 mg/ml. Vì vậy theo họ muốn biết bệnh nhân bị tiểu đường có giảm bệnh hay không, cần phải đo đường trong máu và đo chỉ số đường HbA1c trung bình trong 3 tháng và vị bác sĩ đó còn nói rằng các dược thảo được dùng để chế Canh Dưỡng Sinh không có khả năng ngừa trị hay ngăn cản sự phát triển của các tế bào ung thư.

Nói như thế thật không đúng vì hiện nay nhiều thư liệu của nhiều Bác sĩ chuyên trị ung thư ở Á Châu, Nhật Bản và ngay cả tại Hoa Kỳ cũng công nhận các dược thảo đó đều có những tính chất hoặc khả năng ngừa trị ung thư hoặc hỗ trợ việc chữa bệnh này.

Trong cà-rốt có sinh tố A và Beta-karotine có khả năng chống óc-xít hóa. Trong nấm Đông Cô có các chất Lentinan, Eritadenen và chất Ergosterin có khả năng điều chỉnh được lượng cholesterol trong máu và ngăn chặn được sự phát triển các bướu ung thư. Củ cải trắng Pastinake ngoài dược liệu còn có tinh dầu ngừa phòng được sự hình thành của ung thư. Chất artigenin trong cây Gobo cũng có khả năng ngừa được sự phát triển của các tế bào ung thư.

Nói tóm lại dùng Canh Dưỡng Sinh để chữa bệnh không thấy có thể gặp những biến chứng trầm trọng như khi dùng thuốc. Hiện các bác sĩ danh tiếng đều công nhận dược thảo hiện đóng vai trò quan trọng trong việc chữa bệnh. Họ đang cố động việc sử dụng cây trái, rau để giúp nhiều cho cơ thể chống lại bệnh.

Dùng Canh Dưỡng Sinh có phải là một lối chữa bệnh thần kỳ như Tateishi Kazu đã đề cao hay không thì cần có thời gian sử dụng để xác nhận kết quả mà Tateishi Kazu từng nêu cao nhưng thành thực mà nói phương thức chữa bệnh này có thể đem lại một số lợi ích nào đó vì các dược thảo dùng để chế Canh Dưỡng Sinh đều có nhiều khả năng ngừa trị nhiều bệnh.

Hiện nay giới Tây y cũng đã công nhận dược thảo hiện đóng vai trò quan trọng trong việc ngừa trị và chữa bệnh. Hiện cũng có nhiều trường hợp bệnh nhân nặng mà Bác sĩ vô phương cứu chữa cho rằng chỉ còn sống vài ba tháng nữa đã quay về với dược thảo và hai ba năm sau vẫn còn sống. Vì thế khắp nơi trên thế giới đều có khuynh hướng cố động sự nghiên cứu và sử dụng các dược thảo trong việc chống lại bệnh và khuynh hướng này cũng đã đem lại nhiều kết quả khả quan, ví dụ như biết được trong nấm Đông Cô có những dược liệu ngừa trị được ung thư hoặc trong củ nghệ có kurkumin có khả năng tiêu diệt các bướu ung thư hoặc bảo vệ các tế bào lành mạnh và ngăn chặn sự phát triển của các bướu ung thư hay cây Chó Đẻ răng của (Phyllanthus urinaria) mọc hoang nhiều ở Việt Nam lại có khả năng chống ung thư./-



Xuân năm Dậu Kéo dài tuổi thọ Rhodiola Rosea Bông Hồng Vàng

● Quỳnh Hoa

Sự sống lâu phải chăng là một đặc lợi, đặc ân tùy thuộc vào sự di truyền của gia đình hay chỉ là sự tình cờ ngẫu nhiên ?

Các nhà nghiên cứu về "gen" di truyền sống lâu ở Kiel (Đức Quốc), đã tìm hiểu ở một số người sống lâu. Phải chăng bà con họ hàng của người 100 tuổi có cơ may lớn sống lâu như vậy? Các khoa học gia đã thử máu những người trên 90 tuổi, cô lập ra "chất di truyền", mục đích là họ muốn nghiên cứu về quá trình già để góp phần cho nền y học trong tương lai không phải là họ muốn tìm cách làm ngưng quá trình lão hóa (già) mà là họ muốn giúp cho những người tuổi cao niên sức khỏe được tốt hơn. Họ đã làm vô số thử nghiệm cần thiết, thử máu, DNA, "chất di truyền", "thừa kế" lấy ra từ nhân tế bào, giải mã, trong số 10 triệu mẫu tự của mã số phần tử di truyền, họ đã tìm ra được hàng trăm với máy tính cao siêu tối tân kỹ thuật cao... để truy tìm phần tử di truyền giống nhau, họ muốn góp phần để khả năng chữa bệnh được tốt hơn như tùy theo "gen" (phần tử di truyền) để xác định một loại thuốc nào đó phù hợp với bệnh nhân hoặc cho thể sửa lại "gen", tạo điều kiện hoặc hạn chế những phần tử di truyền có nguy cơ gây bệnh. Người ta lấy chất đạm ambumin mà "gen" sản xuất, từ phòng thí nghiệm họ tìm cách sao chép và tạo ra các dạng thuốc uống hay tiêm chích.

Trong phòng thí nghiệm, họ đã thành công "thao tác nuôi cấy gen" kéo dài tuổi thọ ở chuột bạch và giun. Nhưng ở loài người trước hết vẫn còn là ảo tưởng. Giấc mơ trường sinh cũng vẫn là giấc mơ cao như ngọn núi Alpe.

Nhưng viễn cảnh tương lai sống lâu không phải chỉ là màu hồng tươi vui. Già như "Methusalem", nhưng bị bệnh nặng, cần có sự chăm sóc hay trí nhớ hỗn loạn lúng túng. Ước mơ cho đến mức cao của tuổi già con người có thể còn giữ được sự khỏe mạnh, sáng suốt và sắc đẹp, sự thật và thực tế thường khác hẳn.

Tuy nhiên không thể nào biết được những ai là người giữ được sức khỏe và tích cực đối với việc kéo dài tuổi thọ. Một người 89 tuổi kể rằng: "Mẹ tôi chết ở tuổi 30, cha tôi qua đời khi vừa đến tuổi 70; và tháng giêng sắp tới này tôi bước vào tuổi 90".

Nói về kéo dài tuổi thọ thì cần nhắc đến một dược thảo với "lịch sử huyền thoại" từ nhiều thế kỷ vua chúa Trung Hoa đã phái gởi người đi Siberie (Nga) để tìm "Bông Hồng Vàng", để làm thuốc mang lại sức mạnh cơ thể trí tuệ cho con người.

Ở Siberie có ngọn đồi núi linh thiêng "như biểu tượng sự chiến thắng và sự hồi sinh của loài người". Tại đây mọc lên từ nền đất cằn cỗi ở nơi cao 4.500 m từ mặt biển, một loại

dược thảo *Rhodiola rosea* còn được gọi là **Bông hồng vàng**. Thành phần chứa trong bông hồng vàng được đánh giá là mang lại năng lượng và sức mạnh cơ thể trí tuệ bộ não cho con người. Nhưng nếu thời gian hái dược thảo chuyên chở mang về các nước khác quá lâu, khả năng tác dụng dược thảo bị giảm đi.



Rhodiola rosea



Rhodiola rosea thuộc họ hoa hồng. Cây này trở hoa vào giữa tháng 4 và tháng 8, dược thảo có màu vàng từng phần đỏ tràn vào cánh hoa làm cho hoa thêm sáng chói. Hương thơm rất quyến rũ gần giống hương thơm hoa hồng đỏ.

Ở nhiều nước trên thế giới, dược thảo được dùng dưới dạng trà hay rau cải để ăn uống, người ta chiết xuất hoạt chất từ hoa,

nguồn dự trữ của cây và rễ cũng được dùng.

Người ta nói (ở Siberie) cho đến ngày nay, có người uống trà *Rhodiola rosea* sống trên 100 tuổi. Từ 30 năm nay các khoa học gia Âu Á Châu cũng đã tìm hiểu phân tích *Rhodiola rosea* về tác dụng tích cực của nó đối với cơ thể và xác định tác dụng làm tăng khả năng hoạt động bộ não, mang lại năng lượng cho não bộ. *Rhodiola rosea* kích thích sự phát tín hiệu trong não và giúp sự liên hệ đúng chính xác giữa tất cả các chất phát tín hiệu với nhau. Làm tăng khả năng tập trung, tăng cường sự cảm nhận tri giác, hồi sinh (sống lại) trí nhớ.

Rhodiola rosea làm tăng sự linh động tinh táo, chú tâm và hạn chế sự căng thẳng mệt mỏi trí não trong cuộc sống và trong công việc làm.

Tăng sức chịu đựng của cơ thể khi bị stress, *Rhodiola rosea* còn chứa chất chống oxy hóa, giữ gìn bảo vệ tế bào não trước những tác động tấn công của gốc tự do, gốc tự do đó là những tác nhân làm rối loạn và gây nguy hại cho tế bào não.

Sự phối hợp *Rhodiola rosea* với chất khoáng Magnesium và vitamin B1 có thể trong tương lai là chất chống già lão hóa về trí óc, giúp tăng thể lực và khả năng trí tuệ.

Chuẩn bị một chuyến đi xa

BỆNH DẠI

(Tollwut - Rabies - Rage)

Dr. Tôn-Thất Hứa

(Missionsaerztliche Klinik / Wuerzburg)

Từ ngàn xưa tổ tiên chúng ta đã biết: Khi bị chó dại cắn thì con người sẽ bị bệnh dại, ngôn ngữ dân gian gọi là "bệnh chó dại". Thật ra không phải chỉ có chó mắc bệnh dại mà tất cả loại động vật có vú (các loại gia súc + thú rừng) đều là những "binh chứa vô tận và di động virus - siêu vi khuẩn - mang bệnh dại có khả năng truyền bệnh sang người. Chúng tôi dùng từ "bệnh dại" cho đúng với sự hiểu biết của y học hiện tại thay vì danh từ truyền khẩu "bệnh chó dại" được dùng từ lâu trong cộng đồng người Việt.

1. Bệnh dại là một con bệnh viêm não, màng não do thú vật truyền qua người - Zoonose - loại virus nhóm hướng thần kinh (neurotrope) sống nhờ các loài động vật có vú (Rhabdoviren, Genus Lyssaviren). Vi-rút dại truyền từ động vật này sang động vật khác và truyền qua người thường do những vết cắn hay dằm dài tiếp xúc với các màng nhầy.

THÚ VẬT TRUYỀN BỆNH: (ngoại trừ nhóm gia cầm có cánh)

- **tất cả thú nuôi trong nhà:** chó, mèo, heo, ngựa, trâu, bò, dê, lừa, cừu, lạc đà... đều có thể mang bệnh và truyền bệnh dại cho người.

- **loại thú rừng** sau đây có khả năng mắc bệnh và truyền bệnh đến cho các thú vật khác và cho người: nai, hoẵng, cáo, chó sói, heo rừng, gấu mèo và đại gia đình loài chồn: chồn hương, chồn hôi, chồn mướp, chồn đèn; sóc không đáng kể, loài dơi được ghi nhận trong những năm gần đây là loại thú truyền bệnh dại nguy hiểm nhất cho nhân loại,

- rắn, chim (không thuộc loài có vú) + chuột là những động vật không truyền bệnh dại (chuột chết ngay sau khi bị chó, mèo cắn, không thể sống được để truyền bệnh)

2. **Dịch tễ học:** Thống kê của Tổ Chức Y Tế Thế Giới - World Health Organization - WHO:

- Có đến 40.000 - 70.000 được chính thức ghi nhận trên thế giới chết hàng năm vì bệnh dại - chắc chắn còn có một con số "chìm" khổng lồ, nằm trong các nước chậm tiến, đã không đăng ký và không được biết đến.

- 10.000.000 trường hợp hàng năm được chủng ngừa sau khi bị thú vật nhiễm hay bị nghi là nhiễm bệnh cắn phải.

- Trung bình hàng tháng có 500 - 1.000 khách du lịch bị thú dại cắn.

- Các quốc gia sau đây được WHO ghi nhận là **không** có bệnh dại:

➤ **Á Châu:** Nhật Bản.

➤ **Âu Châu:** Vùng bắc Âu Na Uy, Thụy Điển

Vùng Trung Âu: Anh, Tây Ban Nha,

Bồ Đào Nha, Ý Đại Lợi, Hy Lạp,

➤ **Mỹ Châu:**

- Nam Mỹ => Uruguay (vì không có thống kê)

- Bắc Mỹ => Tiểu bang Hawaii của Hiệp Chúng Quốc.

➤ **Phi Châu:** WHO không có thống kê rõ ràng

➤ **Úc Châu:** Úc và Tân Tây Lan

Chú ý: con số mới nhất đã cho thấy được một số bệnh dại tại Anh Cát Lợi và Úc do loài dơi truyền bệnh sang.

3. **Âu Châu** .- Thống kê vào năm 2001 có đến 10.423 trường hợp người mắc phải bệnh dại tại Âu Châu, 1/3 do gia súc và có đến 2/3 do thú rừng truyền bệnh. 3 nước có con số cao nhất là Nga, Ba Lan, Ukraine, tiếp theo là các nước khối Đông Âu, rồi đến Thổ Nhĩ Kỳ. CHLB Đức có 3 người bị thú nuôi trong nhà và 47 người bị thú rừng cắn.

4. Trong số 47 trường hợp trên được ghi nhận tại CHLB Đức bị thú dại cắn, thì được chia ra: - thú rừng: 35 lần do cáo, 9 do dơi, 2 do hoẵng, 1 lần do chồn hôi.

- thú nuôi trong nhà: dòng họ bò, ngựa và mèo; mỗi loại đã "đớp" một mạng người.

5. Vùng nguy hiểm nhất của CHLB Đức nằm ở biên giới 2 tiểu bang Bayern - Hessen.

6. Trên phần đất Âu Châu thì

➤ phía Đông Âu thì gấu mèo,

➤ Trung và Tây Âu thì chồn hôi

➤ còn vùng miền Nam Âu và Alaska thì do cáo.

7. **Hoa Kỳ**- Năm 2.000 đã có trên 7.000 trường hợp dại đã được ghi nhận, miền đông chiếm đa số. Ngoài trừ Hawaii, tất cả các tiểu bang Hợp Chúng Quốc đều có chứa mầm bệnh dại.

8. trong số 7.000 trường hợp xảy ra tại Hoa Kỳ thì loài dơi là thủ phạm của 1.240 trường hợp. Các quốc gia khác tại lục địa Mỹ cũng đưa ra thống kê như trên cho ta thấy thú vật gây bệnh của 2 lục địa Mỹ - Âu Châu khác hẳn nhau.

9. Số người chết do gia súc gây nên tại nước Mỹ kể từ năm 1955 đang trên đà giảm dần, trong giai đoạn này có 4.000 người chết vì bệnh dại có đến trên 2.000 trường hợp do chó dại cắn. Số người chết vì chó dại trong những năm gần đây chỉ còn độ vài trăm mạng. Các nước kỹ nghệ tình trạng chung cũng khả quan hơn nhờ điều kiện tài chánh dồi dào đã có những biện pháp ngăn chặn và phòng ngừa thật hữu hiệu.

10. Để chặn đứng sự lan tràn bệnh chó dại, có 2 phương hướng như sau:

- thú vật nuôi trong nhà : chích ngừa => thú vật tự tạo kháng thể.

- thú rừng: cho thú ăn mồi có tẩm virus đã làm giảm độc tố (bằng nhiều phương pháp khác nhau: ví dụ: hoá học...) => thú vật tự tạo kháng thể chống bệnh.

Chú ý : mặc dù độc tố virus dại dùng làm mồi cho thú rừng đã giảm bớt nhiều khi so sánh với độc tố tìm thấy ở nước miếng của thú mang bệnh, các chuyên gia chống bệnh chó dại khuyên **phải chích ngừa** mỗi khi mà nạn nhân đã vô ý đụng chạm đến các mồi thú có tẩm virus.

11. Không những các nước thuộc Trung Âu và một vài quốc gia khối Đông Âu, các quốc gia nghèo như: Thổ Nhĩ Kỳ, Tunesien, Ai Cập, Thái Lan, Venezuela cho thấy có cơ năng giảm bệnh. Trong lúc đó các nước vùng Baltique, nước

Nga, Madagaskar, Ma Rốc, Nambia và Nepal thì số bệnh đang trên đường đi lên. Tuy thành công trong việc chặn đứng sự lan tràn bệnh dại cho các thú nuôi trong nhà, Hoa Kỳ vẫn chưa làm giảm được số lượng bệnh từ thú rừng lây qua.

12. Con người bị lây bệnh chó dại bằng:

- vết cắn.

- sự va chạm với thú qua lớp da bị trầy: vết thương có hay không có chảy máu

- qua các màng nhầy với nước dãi có chứa virus dại.

* **Á Châu:** Trong số 1.349 người mắc bệnh có đến 97,3% do chó cắn

* **Nam Mỹ:** Chó là thú vật truyền bệnh nhiều nhất, loài dơi chiếm 16,1% trong bảng tổng số.

* **Phi Châu:** Trong tổng số 72 ca chết vì chó dại, thì có đến 91,7% do chó cắn.

* **Âu Châu:** Khối Đông Âu có đến 22,6% do các loại cáo, xếp hạng đứng sau chó.

13. Điểm ghi nhận:

- Chó là nguồn gây bệnh dại quan trọng nhất cho loài người.

- **Phải thận trọng:** Ngay khi chó đang ở trong trạng thái bình thường, chó vẫn có thể đã mang mầm bệnh.

- Virus bệnh dại đã tìm thấy được trong đờm dãi chó 3 - 7 ngày trước khi chó bắt đầu có triệu chứng mang bệnh.

- Khi bị chó cắn, nếu điều kiện cho phép, lập tức nhốt chó ít nhất là 10 ngày => sau 10 ngày, nếu chó không có triệu chứng bệnh dại thì ngưng ngay chích thuốc.

- Một trường hợp vô cùng hy hữu đã xảy ra: Người truyền bệnh cho người => qua ghép giác mạc mắt.

14. Số tử vong và thời gian phát bệnh do dại được căn cứ theo:

- Số lần bị cắn: Bị cắn nhiều lần thì con bệnh càng nguy hiểm

- Độ sâu của vết cắn

- Nơi bị thú cắn

- Vết cắn gần đầu & cổ: Thời gian ủ bệnh càng ngắn, bệnh phát càng sớm.

- Nơi bị thú cắn gây nguy hiểm đến tánh mạng: Khi bị cắn gần đầu & cổ => 10 - 60%, khi bị cắn vùng tay chân sự nguy hiểm ít hơn => 5% .

- Thời gian phát bệnh sau khi bị thú cắn trung bình 1-3 tháng, ngắn nhất là 4 ngày và dài nhất được ghi nhận có thể kéo dài những 7 năm sau.

15. Loài dơi là con vật truyền bệnh dại nguy hiểm nhất tại lục địa châu Mỹ (cả Nam lẫn Bắc Mỹ). Tuy nhiên con số ghi nhận chắc chắn phải là thấp hơn con số thật => dơi cắn người trong giấc ngủ say, mà con người không biết được. Y học đang còn bàn cãi liệu loài dơi có thể chuyển bệnh đến con người qua đường thở ????

Một điểm cần chú ý là: Không phải chỉ loài dơi sống bằng hút máu người, ngay những loại loài dơi sống bằng ruồi, muỗi, sâu bọ, sinh vật nhỏ, rau lá... cũng là những loại thú giết chết người rất ghê gớm mà chúng ta thường nghĩ là vô hại.

16. Trong khoảng thời gian từ 1977-2000: Có tất cả 281 người Âu bệnh dại bị nhiễm sau một cuộc hành trình phương xa, 30 trường hợp do du lịch; 3 trong 5 trường hợp du khách người Đức mang bệnh theo từ vùng nhiệt đới về.

17. WHO ghi nhận Á Châu là cái nôi chứa bệnh chó dại. Chắc chắn còn cất giấu một con số nhiễm bệnh rất khổng lồ mà WHO không thể kiểm chứng được; số người

chết hàng năm lại càng khó khăn hơn vì các quốc gia phát triển không cung cấp cho WHO đủ tài liệu chính xác.

- Ấn Độ là quốc gia có số tử vong vì bệnh chó dại cao nhất thế giới: 30.000 / 1 năm.

- Bangladesh: 2.000, - Philippinen: 321, - Trung Quốc: 209, - và Việt Nam: 145.

Phức trình các nước gửi đến WHO thường không có tài liệu của phòng thí nghiệm, giải phẫu bệnh... để xác định bệnh rồi lại quên không nêu rõ loại thú đã cắn.

18. Từ thuở khai thiên lập địa đến năm 1885 chưa hề một ai có thể sống sót vì bệnh chó dại, bệnh đã gây cho nhân loại một mối đe dọa thường xuyên và cho đến ngày cả ngày hôm nay một khi mà bệnh chó dại đã lên cơn thì chỉ còn có một lối thoát là cùng đi vô nhà hòm... không một ai có thể chạy thoát nổi !!!!

Vào năm 1885, cha mẹ của cậu Joseph Meister, một bé trai lúc đó được 9 tuổi, đã van nài nhà bác học lừng danh Pháp, Louis Pasteur, cứu cho con mình vì bị chó dại cắn. Louis Pasteur đã chích cho nạn nhân mầm sinh bệnh sau khi đã làm giảm độc tố virus. Trước đó vào năm 1882 Pasteur đã cấy virus dại vào não thỏ, nhận thấy độc tính gây bệnh yếu đi do tính đột biến. Joseph Meister là người đầu tiên trong lịch sử nhân loại đã không nhận được "giấy mời đến trình diện Diêm Vương" sau khi bị chó dại cắn.

Cũng bắt đầu từ thời điểm này các khoa học gia bắt đầu thử nghiệm cấy virus trên tế bào não của nhiều loại thú vật khác nhau. Phương pháp này vẫn còn thông dụng tại nhiều quốc gia chậm tiến vì giá thành của thuốc còn rẻ.

Có những tài liệu gần đây cho biết... một khi người bệnh trước khi bị thú vật mắc bệnh cắn đã được chích ngừa trước đó chỉ có một vài mũi trước, thì may mắn thay... họ đã thoát khỏi lưỡi hái của tử thần... hay là tại họ cao số chưa chịu chết... Nhược điểm của loại thuốc này:

- Phản ứng thuốc: có thể mang đến những triệu chứng thần kinh.

- Thuốc không chắc chắn 100% để cơ thể con người tạo nên sinh kháng thể chống bệnh.

- 23 mũi thuốc cần phải chích để có kết quả, ... rất đau.

Kể từ năm 1967 thuốc chữa bệnh chó dại nhờ cấy virus vào mô sinh vật : Gewebekultur Impfstoffe - Tissue culture vaccine đã thành sự thật. Thuốc tác dụng làm cho cơ thể con người có khả năng miễn dịch rất tốt, rất hợp với thể trạng con người, ít bị dị ứng nhưng... mà giá thành còn rất cao 40 - 70 Euro / 1 ống thuốc.

19. Thuốc chủng ngừa bệnh có hai nhóm:

- Hoặc cấy vào tế bào người - **Human Diploid Cell- HDC - Vakzine**

- Hay được cấy vào tế bào động vật, ví dụ Primäre Hühnerembryoblasten - **Purified Chick Embryo Cells (PCEC)** :

Với phương pháp cấy này các nhà khoa học đã tìm ra được những loại thuốc chủng chống dại được thông dụng khắp cả thế giới và liệt kê như sau:

- PVRV = purified vero rabies vaccine

- RLCV = rhesus lung cell vaccine

- FBRV = fetal bovine kidney cell vaccine

20. Một khi đã bị thú dại cắn + khi tay chân đụng chạm đến môi thú có tẩm thuốc chống dại:

- Rửa ngay vết thương với thật nhiều nước, xà-phòng hay thuốc tẩy.

- Sau đó sát trùng vết thương bằng Jod hay cồn 70%

- Không được khâu vết thương lại.

Có 2 loại thuốc Chích ngừa bệnh chó dại:

A.- Huyết thanh (Rabies - Immuglobin) ngựa hay người: có chứa kháng thể chống bệnh dại, vì đã có kháng thể cho nên **có khả năng chống lại bệnh dại ngay lập tức.**

B.- Thuốc chủng ngừa (vaccin - vakzin) giúp cơ thể con người tự tạo ra kháng thể để chống bệnh, **phải cần có thời gian để có thể tự chế tạo ra được kháng thể.**

- Chích huyết thanh có kháng thể chống bệnh chó dại quanh vết thương, tối đa là 20 IU / kg,

- Nếu vết thương quá lớn thì hòa loãng huyết thanh có chứa kháng thể thêm với Na Cl.

Huyết thanh ngựa rất được thông dụng tại các quốc gia chậm tiến.

⇒ Theo lời khuyên của WHO thì chỉ nên chích huyết thanh ngựa - vì cơ thể con người hay dị ứng - trong trường hợp không có huyết thanh người,

⇒ Trước khi chích huyết thanh ngựa đúng lượng thuốc => nên chích một ít dưới da để xem có phản ứng thuốc hay không !!!.

⇒ Huyết thanh có kháng thể nên chích mỏng (vì dung tích thuốc chích rất nhiều) thay vì chích dày. Thuốc chủng (Zellkulturvackzin - Tissue culture vaccine) được chích vào bả vai, thuốc kích thích cơ thể con người tự tạo ra kháng thể (antigene) chống bệnh => do đó cần phải có thời gian.

⇒ Thuốc được chích vào những ngày 0, 3, 7, 14 và 30.

⇒ Trường hợp không đủ số lượng thuốc chủng:
- Ngày đầu tiên chích ngay 2 ống thuốc: 2 bả vai trái + phải
- Sau đó vào ngày 7 + ngày 21 => một lần 1 ống.

21. Phải chích ngừa bệnh:

- Nhân viên thường có tiếp xúc với virus bệnh chó dại như: Làm việc tại phòng thí nghiệm để định bệnh chó dại, làm việc trong các viện bào chế thuốc chủng ngừa bệnh chó dại 4 tuần sau khi chủng ngừa và cứ 6 tháng phải lấy máu định lượng kháng thể, nếu định lượng kháng thể dưới 0,5 IE /ml thì phải chủng ngừa trở lại.

- Công việc có liên hệ với thú dại: Thú y sĩ, nhóm người khảo cứu loài dơi, nhân viên làm rừng như kiểm lâm và nhóm người ham mê săn bắn...

- Những người thường thăm viếng hang động, sinh sống, làm việc lâu dài trong những vùng có dịch bệnh dại. Một khi đã chích thuốc chủng, bị thú dại cắn thì không cần phải chích huyết thanh có kháng thể, mà chỉ cần chích thuốc ngừa 2 lần từ ngày bị cắn và sau đó 3 ngày. Trường hợp không chắc chắn thì phải làm định lượng kháng thể trong máu.

22. Với trẻ con thì luôn luôn để ý không cho trẻ chơi đùa với thú vật lạ ngay cả những thú vật còn nhỏ và rất chi là dễ thương... Chó mèo mang theo trong chuyến du hành phải tiêm ngừa bệnh.

Những điểm quan trọng phải luôn ghi nhớ :

I. Một khi đã chích thuốc ngừa bệnh dại tại nước du lịch => **nhớ ghi lại tên thuốc đã được chích.**

- Bệnh viện Misionsaerztliche Klinik / Wuerzburg => khu chuyên khoa bệnh nhiệt đới của bệnh viện đã tiếp nhận

bệnh nhân du lịch từ Việt Nam về sau khi bị thú cắn => nhiều nhất là chó, sau đó là khỉ.

- Tại Việt Nam: Các bệnh viện lớn Hà Nội, Huế, Sài Gòn, Nha Trang, Đà Nẵng => có thuốc chủng chó dại

II. Đã tiếp nhận bệnh nhân được chích ngừa bằng những thuốc chủng hiện đại tại các Bệnh Viện Pháp - Việt (do Pháp đầu tư)/ tại VN tại các tỉnh lớn.

III. Human Diploid Cell- HDC - Vakzine Primäre Hühnerembryoblasten - (PCEC) : Purified Chick Embryo Cells .

IV. Hiện nay các cơ quan bảo hiểm sức khoẻ tại Đức không trả tiền chích ngừa chó dại để đi du lịch.

IV. Nhưng khi bị thú dại cắn hay nghi ngờ mang bệnh dại cắn => vì nguy hiểm đến tính mạng: Bảo hiểm sức khoẻ trả 100% tất cả phí tổn chữa bệnh.

Trước khi rời nước Đức, nên bảo hiểm sức khoẻ trong thời gian du lịch - tối đa 6 tuần (12 Euro): Cơ quan bảo hiểm sẽ đón nhận bằng máy bay bệnh nhân hay nạn nhân từ nước du lịch trở về lại Đức (Ruecktransport)

CẢM NANG BỆNH DẠI

Độ nguy hiểm	Cách thức truyền bệnh chó dại	Phương thức chích ngừa	
	Bị cắn => do thú vật nuôi trong nhà hay thú rừng	Đụng chạm + sờ mó bằng tay & chân => bị thương vào môi thú rừng có tẩm virus dại giảm độc tố	
I	Vuốt ve / cho thú ăn / thú vật có bệnh dại liếm & ngửi trên lớp da không bị trầy	Sờ mó môi thú có tẩm virus giảm độc tố => lớp da da không có vết trầy hay bị thương	Không cần chích thuốc ngừa hay chữa bệnh
II	Thú ngửi & liếm hay cào trên lớp da bị trầy "mặc dù" không chảy máu => lớp da không được nguyên vẹn	Đụng phải vào chất dịch có virus đã giảm độc tố nơi môi thú => tay chân bị thương	Chích huyết thanh có kháng thể
III	Bị cào + cắn hay màng nhầy cơ thể đụng chạm phải chất dờm dãi thú mang bệnh	Lớp bọc môi thú không được nguyên vẹn => va chạm vào da hay màng nhầy hay một vết thương	1.- Chích huyết thanh có kháng thể 2.- Chích thuốc chủng

PHÒNG NGỪA VÀ CHỮA BỆNH DẠI 12 ĐIỀU TÂM NIỆM

A.- Thâu góp những thông tin cần thiết về bệnh dại:

1. Qua thông tin báo chí, truyền thanh, truyền hình và internet để tìm hiểu về dịch dại trên thế giới.

2. Xác định rõ ràng các nơi chích ngừa: Bệnh viện, trạm y tế & ty y tế chích ngừa khi cần đến và loại thuốc chích ngừa hiện đang có tại quốc gia sắp đến du lịch.

3. Nhờ tin tức cập nhật của WHO - WHO Expert Committee on Rabies.

B.- Lời khuyên của người thầy thuốc => nên biết rõ là:

4. Bị thú dại cắn là nguyên nhân chính để truyền bệnh qua người.

5. Nơi đến: Du lịch & công tác ngắn hay dài hạn => hiện đang có hay không có dịch dại!

6. Nên chủng ngừa bệnh dại trước khi lên máy bay => ngày 0, thứ 7 và ngày 28.

◆ Khi đến công tác dài hạn => nhiều hơn 2 tháng.

◆ Chỉ đến trong thời gian ngắn tại một nơi mà dịch dại đang hoành hành.

◆ Du lịch ba-lô tại những vùng thường phát hiện có bệnh dại.

7. Trường hợp bị thú dại cắn:

◆ Tìm đến ngay người thầy thuốc để chích người bệnh.

◆ Rửa sạch vết thú cắn nếu phải cần có nhiều thì giờ để tìm thấy được bác sĩ, nhà thương, trạm y tế & ty y tế chích ngừa.

8. Phải xác định ngay kiến thức chuyên môn của người thầy thuốc địa phương... coi chừng lang băm, tìm kiếm để nhận biết sớm các loại thuốc đang có tại chỗ.

Không nghe theo những lời khuyên âm ỉ của các lang vườn và dùng thuốc chủng cổ lỗ sĩ...

◆ Không chần chờ vô ích và phải rời bỏ ngay những phòng mạch, bệnh viện và trạm y tế & ty y tế nếu tại đây không cung cấp đầy đủ thuốc men đúng mức.

◆ Tìm đến những văn phòng y tế vùng kế cận hay là quay trở về nước tạm trú ví dụ:

CHLB Đức, Pháp, Bỉ, Hoa Kỳ, Bắc Âu...

C.- Lời khuyên của WHO:

9. Rửa sạch vết thương, không vá vết thương lại, trường hợp vết thương sâu và lớn: chích quanh vết thương huyết thanh ngựa hay người có kháng thể chống bệnh chó dại.

10. Khi đã bị thú dại cắn: chích huyết thanh có kháng thể + thuốc chủng (vaccin - vakzin).

◆ Chích thuốc chủng: vào bả vai.

◆ Chích vào những ngày bị thú cắn 0, 3, 7, 14, và 30 không phải chích thêm lần cuối vào ngày 90.

◆ Sau khi bị thú dại cắn và đã chích thuốc chủng, kiểm tra lại thú **không** mắc bệnh dại: nên chích 3 mũi => để cơ thể có sức đề kháng chống lại bệnh lâu dài.

11. Huyết thanh có kháng thể chống bệnh dại: cùng chích 1 lần với thuốc chủng.

◆ Chích quanh vết cắn, phần dư còn lại thì chích mông (20 đơn vị quốc tế/ kg trọng lượng cơ thể - 200 IU /kg/G.)

◆ Không được chích quá liều lượng đã quy định.

◆ Nếu vết thương lớn quá => pha huyết thanh với nước NaCl.

12. Khi trở lại nơi đang sinh sống: công việc chữa trị tại đây phải là => tiếp tục loại thuốc vaccin đã được khởi đầu chích tại nơi mà thú dại đã cắn. •

Mang mang thiên vị

Có ai quy ẩn giữa Hoa Kỳ?

Thiên thượng phù vân thị bạch y (1)

Chê thóc nhà Chu lên núi ở

Thú Dưỡng còn đặng chuyện rau Vi (2)

Ta đâu chê được xe hơi tốt

Có chối từ đâu những tiện nghi

Cũng lại Đinh Hùng quần áo đẹp

Mà hưởng man dại vẫn mê si (3)

Đạt Ma từ Ấn sang Trung Quốc

Phá chấp ngược đời sống dọc ngang

Lập phái Thiếu Lâm, truyền võ nghệ

Ngàn năm thiên vị củ mang mang

Xưa ở đâu và nay ở đâu ?

Oán thay! Giận bậy chuyện tâm đầu !

Tâm Không mà Có trong muôn vạn

Diệu giác bùng lên chỉ một câu (4)

Tâm hồn là chính Thiên Tông đó

Võ thuật âu là xác Đạt Ma

Dạy võ thế nhưng không phải võ

Nói ta mà thực chính không ta!

Ta nói gì đâu? Có viết gì (5)

Thiên kinh vạn quyển có còn chi!

Xưa nay vẫn tự là xuyên tạc

Câu nệ thêm làm chuyện thị phi.

Hà Thượng Nhân

Chú thích:

(1) Thiên thượng phù vân như bạch y (Thơ cổ đối đi một chữ)

(2) Bá Dy, Thúc Tề chống nhà Chu lên núi ở sống bằng rau Vi (một loại rau sam)

(3) *Ta thêm một chút hưởng man dại*

Rời ngủ như loài muông thú kia (Thơ Đinh Hùng)

(4) Thơ Lương Võ Đế tưởng niệm Đạt Ma Sư Tổ:

Thấy như chẳng thấy, gặp như chẳng gặp

Đổi mặt như chẳng đổi mặt

Xưa đâu? Nay đâu? Oán bậy! Hận bậy!

(5) Lời Phật dạy: Ta có nói gì đâu?... Ta có viết gì đâu?

TIN PHẬT SỰ

■ Tân Ban Chấp Hành Chi Hội PTVNTN Karlsruhe & VPC

Ngày 17.07.2004, sau buổi lễ Phật cầu an định kỳ, Phật Tử trong Chi Hội Phật Tử VNTN Karlsruher & VPC đã bầu lại Ban Chấp Hành nhiệm kỳ 2004-2006, với thành phần như sau:

- Chi Hội Trưởng: ĐH Thiện Mỹ Lương Văn Xinh
- Chi Hội Phó Ngoại Vụ: ĐH Đồng Ngọc Nguyễn Ngọc Lâm
- Chi Hội Phó Nội Vụ: ĐH Thiện Nghiệp Phạm Giác Doanh
- Tài Chánh: - ĐH Tâm Thành Thơi Ngô Minh Huệ
- ĐH Thiện Trí Đỗ Thị Huệ
- Thư Ký: ĐH Thiện Hùng Vũ Cao
- Ban Hương Đăng: - ĐH Giác Tấn Nguyễn Tấn Hổ,
- ĐH Tịnh Trí Vũ Minh Hằng
- Ban Trai Soạn: - ĐH Đồng Huệ Phạm Thị Lan,
- ĐH. Diệu Tuyết Tạ Nguyệt Trinh.

■ Hội Xuân Ất Dậu tại Reutlingen

Trân trọng kính mời quý Đạo Hữu, Phật Tử và Đồng Hương đến tham dự Hội Xuân Ất Dậu 2005 do Chi Hội Phật Tử VNTN Reutlingen & VPC tổ chức.

Thời gian: Từ 10 giờ sáng đến 23 giờ khuya ngày thứ bảy 19.02.2005, nhằm ngày 11 Tết tháng giêng âm lịch.

Địa điểm: Hội Trường Saint Andreas, số 186 Nürnberger Str. - Reutlingen (nơi thường tổ chức các Lễ Phật và Thọ Bát Quan Trai)

Ngoài phần Lễ Cầu An, Cầu Siêu, Cúng Sao giải Hạn, còn có tổ chức Xổ Số Tombola, phát lộc lì-xì, tiệc mừng Xuân và ca vũ nhạc với một chương trình Karaoke độc đáo, âm thanh tuyệt hảo, ánh sáng rực rỡ, nhiều bài hát đủ thể điệu, hợp với mọi lứa tuổi được ưa thích hiện nay.

Trân trọng kính mời

Chi Hội PTVNTN Reutlingen & VPC

■ Một Ngày Tịnh Tâm trong Đạo Tràng Thọ Bát Quan Trai Giới tại Frankfurt:

Mặc dù thời tiết bắt đầu giá lạnh, nhưng trong đạo tràng thọ bát quan trai giới được tổ chức vào hai ngày 06, 07.11.2004 tại Chi Hội Phật Tử VNTN tại Frankfurt vẫn quy tụ được khoảng 40 Giới tử tham dự.

Khóa tu được đặt dưới sự chủ lễ của Đại Đức Thích Hạnh Tấn, Chi Bộ trưởng Chi Bộ PGVNTN tại CHLB. Đức và Đại Đức Thích Hạnh Từ, Trụ trì Niệm Phật Đường Viên Âm và các Sư Chú Thông Trụ và Hạnh Tuệ.

Thay mặt cho các giới tử tu học, Đạo hữu Tâm Lượng đọc lời phát nguyện thọ bát quan trai một ngày một đêm. Đại Đức chủ lễ hoan hỷ hứa khả và truyền giới pháp trang nghiêm cho các giới tử, đồng thời sách tấn việc tu học từ thân khẩu ý để có thể tiếp thu được kết quả viên mãn.

Buổi chiều từ 14 giờ là thời tụng kinh cầu an, trong đó có lồng thêm pháp môn Tịnh Độ. Từ 16 giờ Đại Đức chủ lễ thuyết pháp về 12 Hạnh nguyện của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Phật. Từ 19 giờ Đại Đức Thích Hạnh Từ thuyết pháp về Lịch Sử của Đức Phật Thích Ca.

Qua ngày hôm sau, sau thời công phu khuya, trì tụng thần chú Thủ Lăng Nghiêm; là cử hành nghi thức hoàn mãn và lễ Quy Y Tam Bảo cho ba cháu từ 6 đến 13 tuổi.

Sau đó, theo thông lệ, đúng 11 giờ khóa lễ cầu an được cử hành với sự hiện diện thêm của đông đảo Phật Tử vì công việc nhà đa đoan không đến tu học khóa thọ bát quan trai, nay đến dự lễ cầu an cho gia đình, cầu quốc thái, dân an và cho thế giới được sống trong cảnh thanh bình, hạnh phúc, an lạc.

(Thiện Lâm Phạm Văn Mộc)

■ Nam Cali Biểu Tình Chống Pháp Lệnh Tôn Giáo Của Việt Cộng

WESTMINSTER Khoảng 200 Thanh thiếu niên, Oanh-vũ của nhiều Gia Đình Phật-Tử thuộc MIỀN QU NG ĐỨC do Huỳnh Trưởng Tâm Cảm Hồ Văn Quỳnh (Trưởng Ban Điều Hành GDPT Huệ Quang, Miền Quảng Đức) cùng nhiều Huỳnh Trưởng GDPT khác hướng dẫn, hồi 1 giờ trưa Chủ Nhật đã mở cuộc biểu tình trước bãi cỏ khu thương mại Chợ Á Đông đối diện Phước Lộc Thọ nhằm phản đối chính quyền Cộng Sản VN đàn áp tôn giáo qua pháp lệnh tôn giáo vừa ban hành "và mới nhất là sự kiện cấm Huỳnh Trưởng Phật Tử VN qua Ấn Độ tham dự đại hội các Gia Đình Phật Tử Trên Thế Giới", theo sự loan báo của Ban Tổ Chức.

Với nhiều biểu ngữ có nội dung lên án CSVN và bảo vệ Đạo pháp, đoàn người đã trương cao quốc kỳ VNCH cùng cờ Phật giáo tuần hành trên đường Moran đến Ngã tư Bolsa, đi một quãng trên đại lộ đông đảo người Việt này, rồi tụ tập trên bãi cỏ đối diện khu Phước Lộc Thọ. Họ giữ trật tự và không gây trở ngại lưu thông như thế một lúc, sau đó tuần hành trở lại nơi xuất phát là bãi đất rộng cuối đường Moran nơi có nhiều trụ sở báo, đài phát thanh.

Đoàn Phật Tử biểu tình có mặt anh Nguyễn Chí Đào Ngọc Quan thuộc Ban Hướng Dẫn Trung Ương GDPT Việt Nam hải ngoại tại Hoa kỳ, các Huỳnh Trưởng và Đoàn viên Phật Tử Chùa Huệ Quang, Bát Nhã, Kỳ Viên, v.v...

Các anh Chí và Quỳnh cho biết việc biểu tình thưa nay có sự chỉ đạo của Giáo Hội Phật Giáo VNTN Văn Phòng 2 Viện Hóa Đạo. Anh Quỳnh nói "Gia Đình Phật Tử VN có sinh hoạt 60 năm nay, vậy mà chính quyền VN ngăn cấm các Huỳnh Trưởng Phật Tử qua Ấn độ dự đại hội, cho thấy sự việc này là vật tế thần đầu tiên của Pháp-lệnh Tôn-giáo của CSVN".

Cùng lúc cuộc biểu tình diễn ra, một chương trình phát thanh thân Phật giáo trên làn sóng FM kêu gọi đồng bào đang lái xe trên đường hãy bày tỏ sự ủng hộ bằng cách khi



đi ngang vị trí biểu tình hãy bấm còi lớn tiếng! Và người ta đã ghi nhận có nhiều chiếc xe đang lái trên đại lộ Bolsa, đã bấm còi ủng hộ.

Cuộc biểu tình được giải tán lúc gần 2 giờ trưa.

■ THÔNG BẠCH - Chùa Tịnh Quang Guelph và Pháp Môn Chấn Trâu

Cơ sở Phật Học Tịnh Quang, Canada, trân trọng thông báo cùng quý đồng bào và Phật Tử khắp nơi được biết:

1/ Một ngôi Tam Bảo đang được xúc tiến thành lập tại thành phố Guelph, cách thành phố Toronto (Canada) khoảng 80 km về phía Tây theo xa lộ 401, mang tên là "**Chùa Tịnh Quang Guelph**". Đây là một cơ sở Phật học, sinh hoạt văn hóa dân tộc, nhằm phục vụ cộng đồng người Việt tại thành phố Guelph và lân cận. Ban Vận Động sẽ ra mắt quý đồng bào và Phật tử tại thành phố Guelph vào trung tuần tháng 11.2004.

2/ Chúng tôi đang tiến hành việc ấn tống 1.000 tập sách "**Pháp Môn Chấn Trâu**", in lần thứ hai, để chào mừng việc thành lập "**Chùa Tịnh Quang Guelph**".

3/ Vây quý đồng bào và Phật Tử khắp nơi phát tâm góp phần công đức vào việc kiến tạo ngôi Tam Bảo với chức năng cơ sở Phật học, hoặc hùn phước vào việc ấn tống và phát hành tập sách này, hoặc thỉnh sách hoàn toàn miễn phí, xin hoan hỷ thư và tịnh tài về địa chỉ sau đây:

Thích Chân Tuệ

302-2 DORADO CT. Toronto, ON, M3M 2E8, CANADA

Chi phiếu xin ghi: "Tịnh quang Temple"

Nay thông bạch,
Tỳ Khưu Thích Chân Tuệ

TỬ THIÊN XÃ HỘI

Ban Giám Hiệu

Trường Trung Cấp Phật Học Tỉnh Bình Định

Tu Viện Nguyên Thiều

PL 2548, Bình Định ngày 12.09.2004

Kính gửi: Thượng Tọa Thích Như Điển

Kính bạch Thượng Tọa,

Vừa qua, chúng tôi đã nhận được 3000 Euro (Ba ngàn Euro) do Đại Đức Thích Hạnh Tấn vâng lệnh Thượng Tọa chuyển đến Trường Trung Cấp Phật Học Nguyên Thiều Bình Định cúng dường tịnh tài góp phần vào việc Giáo Dục Đào Tạo Tăng Tài tại bản trường.

Thay mặt Ban Giám Hiệu và Tăng Ni Sinh chúng tôi thành kính tri ân Thượng Tọa, Đại Chúng chùa Viên Giác và Quý Phật Tử hảo tâm tại Đức đã phát tâm cúng dường vào sự nghiệp Giáo Dục Đào Tạo Tăng Tài tại Việt Nam nói chung và tại tỉnh nhà nói riêng.

Kính chúc Thượng Tọa, Chư Tăng và Phật Tử chùa Viên Giác thân tâm thường an lạc, Phật sự viên thành, cát tường như ý.

Kính thư,

TM. Ban Giám Hiệu

Hiệu Trưởng

Thượng Tọa **Thích Nguyên Chơn**

(Ký tên và đóng dấu)

Thơ : chುವುಂಗಮಿಣ

Một

*một vòm nước đục
một vòm nước trong
hết trong lại đục
hết đục lại trong
cũng một dòng sông
dòng trong dòng đục
cũng một dòng đời
người đục người trong*



Hỡi này

*chúng mình xa muôn dặm
gặp lại nhau chốn này
có duyên hay có nợ
mỉm cười hay khóc đây
cũng không phải là lá
mà sao lác đác bay
cũng không phải là chim
chiều vội khuất nơi này*

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

CỦA PHÒNG THÔNG TIN PHẬT GIÁO QUỐC TẾ

*Lưu nhiệm toàn Ban Lãnh Đạo các Hội Đồng thuộc Giáo Hội PGNTN tại Hoa Kỳ:

Nhân danh Viện Tăng Thống, GHPGVNTN, Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Đệ Tứ Tăng Thống gửi lời chào mừng Đại Hội Khoáng Đại kỳ III của PGVNTNHN tại Hoa Kỳ tổ chức vào các ngày 8, 9 và 10.10.2004 tại Chùa Diệu Pháp, thành phố San Gabriel, California, Hoa Kỳ, Ngài không quên nhắn nhủ:

... Thấm thoát đã mười hai năm, kể từ ngày tôi thay mặt Hội Đồng Lưỡng Viện, ra Quyết Định hôm 10.12.1992, ủy thác Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ thiết lập Văn Phòng II Viện Hóa Đạo, đại diện Giáo Hội nơi quê nhà góp mặt cùng thế giới và nói lên những ước vọng của Phật giáo ở trong nước những khi hữu sự. Quý Liệt vị Giáo phẩm cao cấp, trung cấp, chư Tăng Ni cùng Cư sĩ Thiện tri thức, Phật tử các giới đã xiển dương Chánh Pháp ngày càng rực rỡ và hoàn thành những công tác vận động quốc tế to lớn, hiệu quả, làm vang xa tiếng nói chính nghĩa của Giáo hội và nhân dân thầm lặng trong nước.

Đây cũng là dịp Đại Hội hồi tưởng công ơn sâu dày của Đức Cố Đệ Tam Tăng Thống Thích Đôn Hậu. Công ơn đã làm cho tất cả chúng ta xích lại gần nhau trong việc kiện toàn và phát huy Giáo Hội. Bức Tâm Thư và Thông Điệp của Ngài viết ra và gửi đi cuối năm 1991 đã là tiếng trống Bát Nhã qui hồi những người Con Phật ly tán vì thời cuộc nhiễu nhương. Công ơn ấy cần được nhắc nhở trong ngày khai hội. Lời Ngài dạy dỗ cần được ghi tâm khắc cốt và xướng lên trong mọi thâm tâm làm kim chỉ nam hướng tiến công trình bảo vệ và phát huy Đạo Phật Việt Nam. Đại Hội hãy tiếp nhận và thực thi lời nhắc nhở nghiêm trọng của Ngài. Ngài nói rằng:

"Lịch sử truyền bá Phật Giáo Việt Nam cũng như thế giới, có lúc rất bi thảm đầy tủi nhục, nhưng có lúc vẻ vang cũng đáng tự hào. Lúc bi thảm là lúc bản thể của Tăng bị lu mờ, nội bộ của Tăng bị phân hóa và thành phần của Tăng có nhiều quan điểm dị biệt, giới hạnh suy kém và hiểu biết đạo lý một cách cục bộ và phiến diện. Trái lại, lúc vẻ vang là lúc nội bộ chúng Tăng hòa hiệp, biết gạt bỏ những quyền lợi riêng tư, những ngã chấp tầm thường để tiến xa trên con đường tịnh hạnh, lấy giác ngộ giải thoát làm cứu cánh, lấy bản nguyện độ sanh làm sự nghiệp (...) Tôi thiết tha kêu gọi quý vị hãy phát huy hơn nữa bản thể của Tăng Già mà đoàn kết hòa hiệp, hãy cùng nhau thể hiện tinh thần tương kính tương thuận tương giáo tương sám như luật dạy. Hãy vì sự tồn tại của Giáo Hội, vì sự quang vinh của Đạo Pháp và Dân Tộc mà gạt bỏ những quan điểm dị biệt để cùng nhau hoằng dương Chánh Pháp".

Hai điều tôi muốn lưu ý và đề nghị Đại Hội: Một là, trong việc phác hoạch chương trình hoạt động cho nhiệm kỳ tới, cần chú tâm hơn hết việc hướng dẫn Tăng tín đồ tu học. Không học hỏi, tu trì, thì không thể tăng trưởng trí tuệ hầu phá trừ vô minh. Hai là, vì tình thế khẩn trương và bức bách ở trong nước, công cuộc vận động quốc tế cần tiếp nối cấp bách hơn bao giờ với những nhân sự đã quen nề nếp hoạt động, xin Đại Hội tạm thời lưu nhiệm toàn Ban Lãnh Đạo các Hội Đồng thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ - Văn phòng II Viện Hóa Đạo một nhiệm kỳ nữa. Hẳn nhiên, theo nhu cầu đáp ứng với kế hoạch và tình hình trong nhiệm kỳ sắp đến, việc bổ sung nhân sự vào các Hội Đồng Lãnh Đạo cũng có thể đặt ra.

...
Tôi cũng ngỡ ngàng tán dương Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Hải Ngoại nói chung, và tại Hoa Kỳ nói riêng, luôn trung kiên giữ vững tinh thần và đường lối sinh hoạt trong những lúc Giáo Hội nơi quê nhà gặp khó khăn, nguy biến. Thật đáng khen ngợi.

(Trích Đạo Từ của Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Đệ Tứ Tăng Thống gửi Đại Hội Khoáng đại kỳ III / TCBC ngày 13.10 24 tại Los Angeles / Hoa Kỳ)

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam
Hải Ngoại
Văn phòng II Viện Hóa Đạo
Đại Hội Khoáng Đại Kỳ III
Tăng Thống Thích Huyền Quang

***Một Tăng Đoàn hòa hợp là nền tảng làm vững mạnh Giáo Hội, đồng lúc khai thông các bế tắc xã hội:**

Trong phần Huấn Từ gửi Đại Hội Khoáng đại kỳ III, Hòa Thượng Viện Trưởng Viện Hóa Đạo có nhắc nhở: ... Sau nhiều năm điều linh, Giáo Hội trong nước vụt chuyển mình sống dậy tại Đại Hội Bất Thường ở Tu viện Nguyên Thiều ngày 1 tháng 10 năm 2003 với một thành phần nhân sự đông đảo tham gia Hội Đồng Lưỡng Viện, mà mười ngày sau đó, Văn Phòng II Viện Hóa Đạo, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ cùng Giáo Hội các Châu khai triển huy hoàng tại Đại Hội ở Melbourne, Úc Châu. Đây đã là sự phối hợp nhịp nhàng giữa trong và ngoài nước, đưa Giáo Hội sang bước ngoặt hồi sinh. Một kỳ công hy hữu...

..
Vai trò của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại trên các Châu lục, trong đó có Giáo Hội tại Hoa Kỳ, rất quan trọng trong những ngày tháng tới. Một Tăng đoàn hòa hợp là nền tảng làm vững mạnh Giáo Hội, đồng lúc khai thông các bế tắc xã hội. Gặp đủ thuận duyên thì "đa đa ích thiện". Duyên lành chưa kết thì hắng "quí hồ tinh". Xin Đại Hội Khoáng Đại kỳ III hết sức quan tâm đến vấn đề nhân sự. Nói đến nhân sự là nói đến hai yếu tố bất khả phân giữa năng lực và sự tuân hành đường lối của Hội Đồng Lưỡng

Viện trong và ngoài nước. Tuân hành đường lối như chiếc la bàn giúp tàu thuyền không lạc lối giữa phong ba bão táp. Làm cho Tiếng Nói của Chánh Pháp và Dân Tộc phát huy chí nguyện tông đồ, thu nhiếp cảm tình và hậu thuẫn của thế giới. Một Tiếng Nói đại biểu cho tuyệt đại quần chúng thầm lặng không-tiếng-nói, thay vì xu phụ theo các luận điệu tư kỷ, mị dân nhất thời.

Vì vậy, trước hoàn cảnh khó khăn, truy bức và hiểm nguy hiện tại của Giáo Hội trong nước, và để vai trò quốc tế của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại trên thế giới nói chung, và Giáo Hội tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo nói riêng, được tiếp nối trong thời gian cấp bách nhưng sinh tử, tôi nhất tâm cung kính tán đồng Giáo Lệnh của Đức Tăng Thống qua Đạo từ Ngài ban trong dịp này: Một là cần chú tâm hơn hết việc hướng dẫn Tăng tín đồ tu học, vì như lời Ngài dạy, không học hỏi, tu trì, thì không thể tăng trưởng trí tuệ hầu phá trừ vô minh. Hai là tạm thời lưu nhiệm toàn Ban Lãnh Đạo các Hội Đồng thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo một nhiệm kỳ nữa. Hẳn nhiên, theo nhu cầu đáp ứng với kế hoạch và tình hình trong nhiệm kỳ sắp đến, việc bổ sung nhân sự vào các Hội Đồng Lãnh Đạo cũng có thể đặt ra.

(Trích: Huấn Từ của Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo / TCBC ngày 13.10 tại Los Angeles / Hoa Kỳ)

*** Đại hội Khoáng đại kỳ III GHPGVNTNHN-HK - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo họp tại California thành công viên mãn trước hàng trăm chư Tôn đức Tăng Ni và hàng nghìn Phật tử - Quyết Nghị 15 điểm của Đại Hội và Danh sách các Hội Đồng lãnh đạo Giáo hội**

Đại Hội Khoáng Đại kỳ III Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo đã thành công rực rỡ và kết thúc chiều ngày 10.10.2004 sau các khóa họp tiền Hội Nghị 7 và 8.10 và sáu khoáng đại trong hai ngày 9 và 10.10.2004. Lễ khai mạc diễn ra tại Tu viện Bảo Pháp giữa vùng núi hùng vĩ với số lượng 8000 Phật tử tham gia chào đón Đại biểu Đại hội gồm có 300 Trưởng Lão, Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni đại diện các cơ sở Giáo Hội tại Hoa Kỳ, Canada, Châu Âu, Châu Úc và các Tổ chức Quốc tế đến từ Cam Bốt, Bangladesh, Miến Điện, Hoa Kỳ, Thái Lan, Tích Lan, Trung Hoa, và 130 phái đoàn các cấp Giáo Hội trên toàn quốc Hoa Kỳ. Thượng Tọa Thích Viên Lý, Trưởng Ban Tổ Chức đã đọc diễn văn cảm tạ chư Tôn đức giáo phẩm và quan khách quan lâm tham dự, sau đó chúc mừng các phái đoàn đại biểu phó hội: "Chúng tôi hy vọng quý vị sẽ tìm thấy qua mấy ngày Đại Hội này một ốc đảo của tình thương và thông cảm để cùng chung lo Phật sự, mang lại cho cõi Ta Bà sự tươi mát của chánh pháp, vị cam lồ của giác ngộ và tình huynh đệ trong bốn biển". Rồi Thượng Tọa gợi ý cho một đường hướng suy nghĩ của người Phật tử hải ngoại: "Đạo Phật là đạo của Từ Bi. Làm sao chúng ta có thể làm ngơ trước sự nghèo thiếu của tám mươi triệu dân trong nước? Đạo Phật là đạo của Trí Tuệ. Làm sao chúng ta có thể thụ thủ bàng quan để cho một chính sách ngu dân hoành hành trên quê hương?"

Tất cả đã xúc động lắng nghe Hòa Thượng Thích Hộ Giác và Hòa Thượng Thích Chánh Lạc tuyên đọc Đạo Từ của Đức Tăng Thống Thích Huyền Quang và Huấn Từ của Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo từ trong nước gửi ra. Ngoài ra còn có Thông điệp chào mừng của Tổng Thống và Phó Tổng Thống Hoa Kỳ, Thống Đốc Bang California, Bộ Trưởng Tư Pháp bang California, các

Thượng nghị sĩ, Dân biểu Quốc hội Hoa Kỳ (Loretta Sanchez, Edward R. Royce, Christopher Cox, Barbara Boxer, Diana Feinstein, Judy Chu) và Quốc hội châu Âu (Marco Pannella).

...
Tổng Thống Hoa Kỳ Georges W. Bush hoan nghênh lòng mộ đạo của Đại hội: "Tôi xin gửi lời chào mừng đến chư vị tham gia Đại Hội Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ năm 2004 (...) Tôi hoan nghênh lòng mộ đạo và công trình bảo tồn di sản của các Đại biểu tham dự Đại hội. Nhờ nỗ lực của quý vị mà những thế hệ tương lai được kế thừa nguồn truyền thống và văn hóa".

Còn Nữ Dân biểu Quốc hội Hoa Kỳ Loretta Sanchez thúc giục sự dẫn thân cho những ai đang bị đàn áp tại Việt Nam: "Thật cấp bách việc chúng ta phát ngôn cho những ai đang đau khổ trong vòng tay siết chặt của chế độ Việt Nam để có một ngày, tất cả dân tộc Việt Nam được hưởng các quyền con người và các quyền tự do tôn giáo phổ quát. Vừa qua, tôi rất hài lòng thấy Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ liệt Việt Nam vào danh sách các quốc gia cần đặc biệt quan tâm, vì Việt Nam đã vi phạm quy mô và quá đáng đối với nhân quyền và tự do tôn giáo. Biện pháp này, mà từ lâu tôi công khai ủng hộ, là một thông điệp cứng rắn gửi tới nhà cầm quyền Việt Nam, họ phải hiểu rằng nhất cử nhất động gì của họ không còn bị làm ngơ. Những ai trong các bạn chưa hiểu rõ sự chỉ định này, thì nên biết rằng biện pháp ấy cho phép Chính phủ Hoa Kỳ sử dụng thêm các công cụ bổ sung, kể cả những biện pháp trừng phạt để khuyến khích Việt Nam gia nhập vào các tiêu chuẩn được quốc tế công nhận".

Dân biểu Edward R. Royce nhắc lại kỷ niệm chuyến đi Việt Nam của ông: "Hồi tôi sang thăm Việt Nam, tôi chứng kiến tận mắt Đảng Cộng Sản sách nhiễu những công dân Việt Nam nào có quan điểm bất đồng về chính trị hay tôn giáo. Tôi đã gặp Hòa Thượng Thích Quảng Độ và ông Lê Quang Liêm. Hai vị bị nhà cầm quyền theo dõi thường trực. Tội phạm của họ chỉ là: rao giảng đức tin khác với chủ trương của Đảng Cộng Sản tại Việt Nam. Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ phải bênh vực mạnh mẽ cho nhân quyền, đặc biệt khi những tự do cơ bản bị xâm phạm bừa bãi, như đang diễn ra tại Việt Nam ngày nay. Xin các Bạn hãy an tâm, tôi không ngừng hoạt động để làm sáng tỏ vấn đề Việt Nam".

Dân biểu Quốc hội Châu Âu Marco Pannella ca tụng cuộc đấu tranh cho tự do và công lý của Phật Giáo Việt Nam: "Tôi quyết tâm hậu thuẫn và khích lệ những nhân vật tuyệt vời của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, như Đức Tăng Thống Thích Huyền Quang, Hòa Thượng Viện Trưởng Viện Hóa Đạo Thích Quảng Độ cùng chư vị Tôn túc và Cư sĩ khác của Phật Giáo Việt Nam, là những vị không ngừng vận động bảo vệ tự do tôn giáo, nhân quyền và dân chủ. Tôi hãnh diện đã hậu thuẫn những vị anh hùng này, những vị dám quên thân xác và sự nghiệp riêng tư của họ để đem hết tâm tâm phục vụ cho người dân Việt. Tôi tự đặt cho tôi bốn phân cứu hộ các vị này trước một quyền lực độc tài đang độc tôn thống trị một cách phi nhân tại Việt Nam ngày nay.

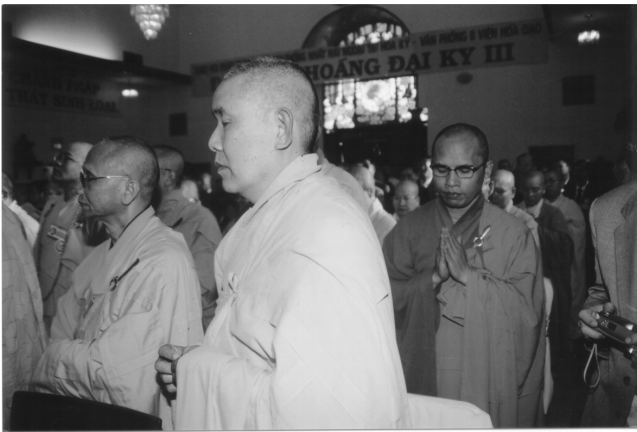
"Nhân đây, tôi cũng muốn biểu tỏ lòng khâm phục của tôi đối với Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế đã từ rất lâu, tuy phải sống xa cách Việt Nam, vẫn không ngừng giương cao ngọn lửa sống cho tự do và công lý. Tôi quen biết anh Võ Văn Ái từ 37 năm qua và cùng anh hoạt động, nhiều năm qua lại có thêm Ý Lan Penelope Faulkner. Phải nói rằng, không có hai người bạn này, không có sự quyết tâm của họ, chúng tôi sẽ chẳng biết những chuyện gì đang xảy ra tại Việt Nam. Không có hai người bạn ấy, Quốc hội Âu châu

cũng như Đảng Cấp Tiến Liên Quốc Gia đành bó tay mà chẳng có hành động gì thích ứng trước hoàn cảnh Việt Nam.

"Đảng Cấp Tiến Liên Quốc Gia và bản thân tôi mong mọi tiếp tục đóng góp cho sự trỗi dậy của một nước Việt Nam dân chủ, và tôi tin tưởng vào quý vị để chúng tôi có thể làm kẻ đồng hành, bởi vì Giáo Hội của quý vị không thể bỏ dở công cuộc nửa chừng. Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất chỉ dừng nghỉ khi tự do tôn giáo, nhân quyền và dân chủ trở thành những giá trị đích thực của thế kỷ XXI".



Hình : Tham dự Đại Hội Khoáng Đại Kỳ III của GHPGVNTN Văn Phòng II Viện Hóa Đạo tại Hoa Kỳ.



Thượng Tọa Thích Như Điển Tổng Thư Ký GHPGVNTN Âu Châu cùng với T.T. Thích Viên Lý, Tổng Thư Ký Văn Phòng II Viện Hóa Đạo Hải Ngoại tại Hoa Kỳ tham dự Đại Hội với những đại biểu khác.

*** Thành phần Chư Tôn Đức của Hội Đồng Giáo Phẩm PGVNTN Hải Ngoại tại Hoa Kỳ được thành lập qua Đại Hội khoáng đại kỳ III tại Hoa Kỳ: Đệ nhất Chứng minh Đạo sư :**

- Đại Lão Hòa Thượng Thích Tâm Châu

• **Hội Đồng Giáo Phẩm:**

- Hòa Thượng Thích Hộ Giác
- Hòa Thượng Thích Chánh Lạc
- Chánh Văn Phòng: Hòa Thượng Thích Thăng Hoan
- Hòa Thượng Thích Trí Chơn
- Hòa Thượng Thích Chơn Thành
- Hòa Thượng Thích Thanh An
- Hòa Thượng Thích Nguyên Lai

- Hòa Thượng Thích Giác Lương
- Hòa Thượng Thích Viên Thành
- Hòa Thượng Thích Trí Lãng
- Hòa Thượng Thích Tín Nghĩa
- Hòa Thượng Thích Nguyên An
- Hòa Thượng Thích Chơn Trí
- Hòa Thượng Thích Giác Chân
- Thượng Tọa Thích Nguyên Trí
- Thượng Tọa Thích Viên Lý
- Thượng Tọa Thích Nguyên Siêu
- Thượng Tọa Huyền Việt
- Thượng Tọa Thích Vân Đàm

***Hội Đồng Thường Vụ GHPGVNTNHN-HK - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo:**

- **Chủ Tịch:** Hòa thượng Thích Hộ Giác
- **Phó Chủ Tịch:** Hòa Thượng Thích Chánh Lạc
- **Phó Chủ Tịch:** Hòa Thượng Thích Chơn Thành
- **Phó Chủ Tịch:** Pháp Sư Niên Trưởng Thích Giác Đức
- **Chánh Văn phòng:** Thượng Tọa Thích Viên Lý
- **Thành viên:** Hòa Thượng Thích Thăng Hoan
- **Thành viên:** Hòa Thượng Thích Trí Chơn
- **Thành viên:** Hòa Thượng Thích Giác Lương
- **Thành viên:** Hòa Thượng Thích Tín Nghĩa
- **Thành viên:** Thượng Tọa Thích Nguyên Siêu
- **Thành viên kiêm Phụ tá Đặc biệt HT Chủ Tịch:**
Thượng Tọa Thích Giác Đăng
- **Thành viên:** Giáo sư Võ Văn Ái

*** Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHN-HK - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo:**

- **Chủ Tịch:** Hòa Thượng Thích Hộ Giác
- **Phó Chủ Tịch Nội Vụ:** Hòa Thượng Thích Chánh Lạc
- **Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ:** Hòa Thượng Thích Trí Chơn
- **Phó Chủ Tịch Giải trừ Pháp nạn:** Hòa Thượng Thích Giác Lương
- **Phó Chủ Tịch Nghiên cứu Kế hoạch:** Pháp sư Niên trưởng Thích Giác Đức
- **Tổng Thư Ký:** Thượng Tọa Thích Viên Lý
- **Phó Tổng Thư Ký:** Thượng Tọa Thích Minh Dung
- **Giáo sư Huỳnh Kim Quang**
- **Tổng Thủ Quỹ:** Sư Bà Thích Nữ Nguyên Thanh
- **Phó Tổng Thủ Quỹ:** Ni sư Thích Nữ Tịnh Thường
- **Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Tăng Sự:** Hòa Thượng Thích Nguyên An
- **Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Hoằng Pháp:** Hòa Thượng Thích Chánh Lạc

- **Tổng Vụ Trường Tổng Vụ Văn Hóa:** Thượng Tọa Thích Nguyên Siêu
 - **Tổng Vụ Trường Tổng Vụ Giáo Dục:** Thượng Tọa Thích Văn Đàm
 - **Tổng Vụ Trường Tổng Vụ Cư Sĩ:** Hòa Thượng Thích Tín Nghĩa
 - **Tổng Vụ Trường Tổng Vụ Thanh Niên:** Thượng Tọa Thích Huyền Việt
 - **Tổng Vụ Trường Tổng Vụ Xã Hội:** Hòa Thượng Thích Trí Lăng
 - **Tổng Vụ Trường Tổng Vụ Tài Chánh:** Thượng Tọa Thích Nguyên Trí
 - **Tổng Vụ Trường Tổng Vụ Pháp Chế:** Trưởng Lão Thích Huyền Dung
 - **Tổng Vụ Trường Tổng Vụ Truyền Thông:** Thượng Tọa Thích Giác Đăng
 - **Tổng Vụ Trường Tổng Vụ Ngoại Vụ:** Giáo sư Võ Văn Ái
 - **Tổng Vụ Trường Tổng Vụ Nghiên Cứu Kế Hoạch:** Giáo sư Trần Quang Thuận
 - **Tổng Vụ Trường Tổng Vụ Kiến Thiết:** Hòa Thượng Thích Viên Thành
 - **Tổng Vụ Trường Tổng Vụ Nghi Lễ:** Thượng Tọa Thích Thông Đạt
 - **Vụ Ni Bộ:** Sư Bà Thích Nữ Giác Hương
 - **Vụ Trường Gia Đình Phật Tử kiêm Trường Phòng Công Tác:** Htr Tâm Kiểm Bạch Hoa Mai
 - **Trường Phòng Kỹ Thuật Tin Học:** Htr Quảng Hoàng Lê Hữu Minh Huy
- (Làm tại Chùa Diệu Pháp, thành phố San Gabriel, bang California, Hoa Kỳ Phật lịch 2548 - ngày 10.10.2004)

*** Hòa Thượng Thích Quảng Độ Phản Đối Việc CSVN Quản Thúc Phi Pháp**



"Chúng tôi chỉ mong công lý được thi hành trên đất nước này, pháp luật được áp dụng, pháp quyền được tôn trọng cho mọi công dân"

← (Hòa Thượng Thích Quảng Độ)

Nhân danh Viện Trường Viện Hóa Đạo, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, Hòa Thượng Thích

Quảng Độ vừa viết một bức thư gửi giới lãnh đạo ở Hà Nội phản đối tình trạng quản chế phi pháp đối với Đức Tăng Thống Thích Huyền Quang và Hòa Thượng từ một năm hơn...

Bức thư của Hòa Thượng Thích Quảng Độ đã được gửi đi từ Saigon hôm sáng thứ hai, 25.10.2004, bằng đường bưu điện bảo đảm có hồi báo. Hòa Thượng viết: "Kể từ cuộc đàn áp bắt bớ không lý do hàng giáo phẩm thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất ở Lương Sơn gần thành phố Nha Trang sáng ngày 9.10.2003, trong ấy có Đức Tăng Thống Thích Huyền Quang và tôi, Thích Quảng Độ, tính đến nay đã 378 ngày tôi bị quản chế hành chính tại Thanh Minh Thiền Viện theo khẩu lệnh của Công an thành phố Hồ Chí Minh. Trong thế giới, chưa hề có quốc gia văn minh nào quản chế công dân bằng "khẩu lệnh" như ở nước ta! Còn Đức Tăng Thống Thích Huyền Quang thì bị dẫn độ về quản chế, cũng bằng "khẩu lệnh", tại Tu Viện Nguyên Thiều, tỉnh Bình Định. Tuyệt nhiên chúng tôi không biết quản chế về tội gì, vì chưa một lần xét xử nên chẳng có án lệnh. Hơn bốn năm nay, đường dây điện thoại của tôi bị cắt, công an canh gác cẩn mật trước chùa, không ai được tự do thăm viếng tôi...".

Tuy Hòa Thượng có nghe rằng "ông Lê Dũng, người phát ngôn Bộ Ngoại Giao, tuyên bố với báo chí quốc tế hôm thứ sáu 10.10.2003, rằng lý do bắt bớ Đức Tăng Thống và tôi là do hai chúng tôi tàng trữ "bí mật Nhà nước". Nhưng Hòa Thượng Thích Quảng Độ bác bỏ lý do ấy khi viết: "Nếu đã tìm thấy "bí mật Nhà nước", thì tại sao cơ quan công an hay Nhà nước không công bố các "tài liệu" ấy ra cho nhân dân trong nước và công luận thế giới được am tường? Sự im lặng này kéo dài trên một năm hơn rồi, chứ đâu còn là chuyện mới xảy ra hôm qua?" (...) "Tôi muốn nhấn mạnh thêm rằng, trong Bộ luật Hình sự của CHXHCNVN không thấy một điều nào quy cho tội tàng trữ "bí mật Nhà nước". Như vậy thì sự vu cáo Đức Tăng Thống Thích Huyền Quang và tôi có cơ sở pháp lý để bắt và quản chế suốt hơn một năm qua không?".

Rồi Hòa Thượng nêu ra câu hỏi với giới lãnh đạo ở Hà Nội, phải chăng lý do trên "vốn vô tội chiếu theo bộ Luật Hình sự, chỉ tạo tiền đề cho một vụ cáo khác" nhằm "khép vào "tội gián điệp" là tội có thể lĩnh án 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình" hoặc "tội cố ý làm lộ bí mật Nhà nước", chiếu điều 263 có thể bị phạt tù đến 15 năm?". Theo Hòa Thượng, thì đây chính là "thực trạng phi pháp phổ biến đang tồn tại trong xã hội nước ta ngày nay nhằm khủng bố người hiền lương". Hòa Thượng xác định rằng Đức Tăng Thống Thích Huyền Quang cũng như Hòa Thượng "không mắc vào bất cứ một tội nào cả, ngoài sự kiện chúng tôi bị các cơ quan công quyền vu hãm và lăng nhục suốt một năm hơn...".

Kết thúc bức thư, Hòa Thượng Thích Quảng Độ cho biết rằng Đảng và Nhà nước bắt đầu công cuộc cải thiện luật pháp gọi là "Chiến lược phát triển hệ thống Pháp luật Việt Nam" thực hiện trong vòng bảy năm, bắt đầu từ ngày 4.9.2003. Đảng và Nhà nước đã nhận được của thế giới một khoản tài trợ năm (5) triệu Mỹ kim cho bốn năm đầu. Do đó, Hòa Thượng viết: "Với ý chí phát triển và cải thiện nền pháp luật Việt Nam, với số tiền to lớn mà thế giới cung cấp, tôi hy vọng rằng làm sáng tỏ việc bắt bớ, quản chế Đức Tăng Thống Thích Huyền Quang và tôi suốt một năm qua, và việc vu cáo chúng tôi tàng trữ "bí mật Nhà nước" cần được giải quyết nhanh chóng và công minh theo hướng phát triển nền pháp luật mới trên đất nước này". (Trích TCBC ngày 27.10.2004)

*** Nhà cầm quyền Cộng sản ngăn chặn 21 Huynh Trưởng Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại phi trường Tân Sơn Nhất không cho lên đường**

sang Ấn Độ hành hương đất Phật và tham dự Lễ hội Gia Đình Phật Tử Việt Nam trên thế giới

21 anh chị Huỳnh Trường lãnh đạo Gia Đình Phật Tử Việt Nam trên đường đi hành hương đất Phật ở Ấn Độ đã bị chặn tại phi trường Tân Sơn Nhất, Saigon, trong các chuyến bay từ ngày 1.11 cho đến sáng nay 3.11.2004. Công an niêm yết tại phi trường một danh sách ghi rõ tên họ 21 Huỳnh Trường Gia Đình Phật Tử Việt Nam bị cấm không cho rời nước sang Ấn Độ. Nhưng không nêu rõ lý do.

Tuy nhiên, sau khi các Huỳnh Trường này làm việc với công an tại phi cảng thì lý do cấm xuất cảnh nêu trong biên bản là "vì lý do an ninh quốc gia". Sự kiện này gây xúc động lớn trong giới Phật tử trẻ trong nước, vì các Huỳnh Trường đại diện họ chỉ muốn làm một chuyến đi hành hương các Phật tích ở Ấn độ và tham dự Lễ hội Gia Đình Phật Tử Việt Nam trên thế giới tại Bồ Đề Đạo Tràng, bang Bihar, là nơi Đức Phật thành đạo cách nay trên 2500 năm.

Gia Đình Phật Tử Việt Nam là một tổ chức giáo dục ra đời vào đầu thập niên 40, cách nay trên 60 năm, nhằm xây dựng tuổi trẻ của Phật Giáo Việt Nam theo giáo lý đạo Phật (qua ba ngành thanh, thiếu và đồng niên từ 6 đến 18 tuổi). Số đoàn viên Gia Đình Phật Tử trong nước hiện nay có trên 300.000, và ở hải ngoại có trên 20.000 đoàn viên sinh hoạt tại Hoa Kỳ, Canada, châu Âu và châu Úc.

Sau năm 1975, do chính sách đàn áp Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, nên bộ phận trẻ của Giáo hội là Gia Đình Phật Tử cũng bị cấm hoạt động. Mãi đến giữa thập niên 80, Gia Đình Phật Tử tự động hoạt động trở lại một cách âm thầm nhưng rộng khắp trên toàn quốc. Khi phong trào bộc phát trở lại như trước năm 75, một Đại Hội Huỳnh Trường toàn quốc được tổ chức tại Đà Lạt ngày 19.2.1995 để công cử nhân sự vào Ban Hướng Dẫn Trung Ương. Một vài tháng sau đó, Nhà cầm quyền Cộng sản liền phản ứng bằng những biện pháp nhằm giải thể Gia Đình Phật Tử Việt Nam bằng cách thay đổi danh xưng thành "Nam Nữ Phật Tử" và giao cho Giáo Hội Phật Giáo Nhà nước quản lý... Sau đó lại đổi thành một tổ chức mới mang tên "Chi Hội Liên Hiệp Thanh Niên Việt Nam" trực thuộc Đoàn Thanh Niên Cộng Sản Hồ Chí Minh, tức biến một tổ chức giáo dục trẻ của Phật giáo trở thành một tổ chức chính trị làm công cụ cho Đảng Cộng Sản.

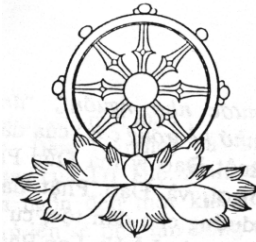
Nhưng trước phản ứng mạnh mẽ của Phật giáo đồ Việt Nam nói chung và phong trào Gia Đình Phật Tử Việt Nam nói riêng âm mưu nói trên đã thất bại. Nên từ đó đến nay Gia Đình Phật Tử Việt Nam vẫn tiếp tục hoạt động như trước, tổ chức nhiều trại huấn luyện các cấp Huỳnh Trường cho các đoàn viên...

Danh sách 21 anh chị Huỳnh Trường thuộc Ban Hướng Dẫn Trung Ương Gia Đình Phật Tử Việt Nam cùng đại diện các Ban Hướng Dẫn thuộc các tỉnh Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam - Đà Nẵng, Nha Trang, Đà Lạt, Saigon, v.v... gồm có các anh chị : Nguyễn Châu, Trưởng Ban Hướng Dẫn Trung Ương (BHDTƯ), Lê Văn Sơn, Tổng thư ký BHDTƯ, Phan Đình Thăng, Ủy viên Nội vụ BHDTƯ, Nguyễn Đức Thương, Ủy viên Giáo dục BHDTƯ, Đỗ Thị An, Ủy viên Danh tế BHDTƯ, Nguyễn Đình Khôi, Ủy viên Tu thư BHDTƯ, Lê Mai, Đại diện BHD Đà Nẵng, Lê Văn Lợi, Đại diện BHD Quảng Đức, Saigon, Nguyễn Thị Nguyệt, Tôn Nữ Ngọc Lan, Nguyễn Đễ, Nguyễn Thị Mỹ Khánh, Nguyễn Hoàng Phụng, Dương Thị Mai, La Thành Ty, Nguyễn Thị Hường, Huỳnh Kim Xảo, Bửu Ấn, Nguyễn Văn Cối, Nguyễn Thị Phúc và Lê Thiện Mẫn. (Trích TCBC ngày 03.11.2004)•

Mừng Đại Hội Khoảng Đại Kỳ Ba

(Chùa Diệu Pháp, ngày 8. 9. 10/10/2004)

• Thủy Trúc



Chùa Diệu Pháp mừng mừng Đại Hội
Bốn phương trời Tứ Chúng về đây
Bên nhau Liên Hữu sum vầy
Vui làm việc Đạo mấy ngày thành thời
Viên Bảo Pháp bầu trời cảnh Bụt
Tứ Động Tâm thu hút Dân Na
Mặc cho Không Sắc Sa Bà
An nhiên tự tại chim ca cửa thiền
Suối róc rách trên miền năm tháng
Hoa nở cười đã cũng làm duyên
Sá chi suy thịnh mắt còn
Tha phương cầu tạo đầu non cuối ghềnh
Sáu chữ Phật Di Đà chuyên niệm
Cõi Niết Bàn nguyện chiếm ngôi vinh
Ai ơi thương lấy thân mình
Ăn chay học Phật - Tung Kinh - Thiền
hành
Lúc làm chung Tây Phương Tam Thánh
Tiếp dẫn về thắng cảnh Lạc Bang
Giao lưu chín phẩm sen vàng
Thoát ly Tam Giới vô vàn an vui !!!

■ Lễ hội Gia Đình Phật Tử Việt Nam Trên Thế Giới thành công viên mãn tại Bồ Đề Đạo Tràng, Ấn Độ, và ra Quyết Nghị phản đối Nhà cầm quyền Cộng sản ngăn cấm 21 Huynh Trưởng quốc nội phó hội cũng như xác định vị trí trung kiên của Gia Đình Phật Tử làm lực lượng hậu bị cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất



Lễ hội Gia Đình Phật Tử Việt Nam Trên Thế giới tổ chức thành công viên mãn trong ba ngày 7, 8, và 9.11.2004 tại Bồ Đề Đạo tràng (Bodhgaya) ở bang Bihar, Ấn Độ, là nơi trên 2500 trước Đức Phật Thích Ca đã thành đạo dưới cội Bồ Đề mà ngày nay cây cảnh còn rậm rạp, tốt tươi.

Phong trào Gia Đình Phật Tử Việt Nam ra đời tại miền Trung Việt Nam đầu thập niên 40, trên 60 năm trước, làm nền tảng giáo dục Phật giáo cho giới trẻ từ 6 đến 18 tuổi. Từ đó phong trào đã lan rộng khắp ba miền Bắc Nam Trung vào đầu thập niên 50, phát triển rục rờ thập niên 60. Mặc dù những ngăn cấm và đàn áp của Nhà cầm quyền Hà Nội sau năm 1975, nhưng phong trào vẫn âm thầm tái hoạt động giữa thập niên 80 và đang phát triển mạnh mẽ những năm vừa qua. Số đoàn viên Gia Đình Phật Tử Việt Nam trong nước hiện nay có trên 300.000 người, và ở hải ngoại có trên 20.000 đoàn viên sinh hoạt tại Hoa Kỳ, Canada, châu Âu và châu Úc.

Bây phái đoàn đại diện các Ban Hướng dẫn Gia Đình Phật Tử Việt Nam (GDPTVN) tại Hải ngoại, GDPTVN tại Hoa Kỳ, GDPTVN tại Âu châu, GDPTVN tại Úc Đại Lợi, GDPTVN tại Canada, Phái đoàn Cựu Huynh Trưởng GDPTVN tại Hải ngoại và Phái đoàn Ban Bảo Trợ GDPTVN tại Hải ngoại đã về tham dự đông đảo Lễ hội ở Ấn Độ.

Riêng Phái đoàn Quốc nội gồm 21 Huynh Trưởng đại diện đành vắng mặt vì sự ngăn cấm vào phút chót tại phi trường Tân Sơn Nhất của Nhà cầm quyền Hà Nội, dù các thủ tục nhà nước như xin cấp hộ chiếu, xuất cảnh, cho đến mua vé máy bay đã hoàn tất. Sự kiện này gây chấn động và bất mãn trong dư luận thế giới thể hiện qua các báo, đài quốc tế, sau khi bản tin của Phòng Thông tin Phật giáo Quốc tế đánh đi ngày 3.11.2004.

Dù Phái đoàn Quốc nội không đến được, nhưng tiếng nói của anh Trưởng Phái đoàn Việt Nam, Huynh Trưởng Nguyễn Tín Nguyễn Châu, Trưởng Ban Hướng Dẫn Trung Ương Gia Đình Phật Tử Việt Nam kiêm Vụ Trưởng Gia Đình Phật Tử Vụ, đã được thu bằng gửi đến làm Diễn văn Khai mạc Lễ hội một cách hùng hồn khi anh xác định tâm lòng kiên trung trực thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất của toàn thể Gia Đình Phật Tử Việt Nam.

Qua các Khoáng đại suốt ba ngày hội nghị tại Bồ Đề Đạo Tràng đã đưa tới 4 thành quả :

1. Hội nghị Cựu Huynh Trưởng GDPTVN đã công cử được Ban Chấp Hành và Huynh Trưởng Tâm Duy Phan Duy Chiêm làm Trưởng Ban ;

2. Hội nghị Ban Bảo Trợ GDPTVN cũng đã thành lập được Ban Chấp Hành, Sư huynh Thích Phổ Hòa (tức Cựu Huynh Trưởng lãnh đạo GDPTVN Phan Cảnh Tuân) đã hoan hỉ nhận chức vụ Trưởng Ban. Đây sẽ là Ban Bảo Trợ hùng hậu yểm trợ cho Ban Hướng Dẫn GDPTVN ở Hải Ngoại dồi dào từ tinh thần đến vật chất;

3. Hội nghị Huynh Trưởng GDPTVN Hải Ngoại đã công cử tân Ban Hướng Dẫn nhiệm kỳ 2004-2008. Huynh Trưởng Tâm Huệ Cao Chánh Hựu được Đại Hội công cử vào chức vụ Trưởng Ban ;

4. Hội nghị Huynh Trưởng Gia Đình Phật Tử Việt Nam Trên Thế Giới đã thông qua và chính thức hóa "Ban Hướng Dẫn Trung Ương Gia Đình Phật Tử Việt Nam Lâm Thời" thành lập một năm trước vào ngày 1.1.2003. Hội nghị công cử Huynh Trưởng Nguyễn Tín Nguyễn Châu, Vụ Trưởng Gia Đình Phật Tử Vụ kiêm Trưởng Ban Hướng Dẫn Trung Ương Gia Đình Phật Tử Việt Nam làm Trưởng Ban. Kể từ nay, hai chữ Trung Ương chỉ được dùng cho Ban Hướng Dẫn Trung Ương Gia Đình Phật Tử Việt Nam Trên Thế Giới, và không sử dụng cho các cấp khác như Ban Hướng Dẫn Hải Ngoại, Ban Hướng Dẫn các Châu và các quốc gia.

Lễ hội Gia đình Phật tử Việt Nam Trên Thế giới được tổ chức dưới sự chứng minh của Thượng Tọa Thích Viên Lý, Phó Tổng Thư ký Viện Hóa Đạo kiêm Tổng Thư ký Hội Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ - Văn phòng II Viện Hóa Đạo, Thượng Tọa Thích Như Điển, Tổng Thư ký Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu và cũng là Phương Trưởng chùa Viên Giác tại Bồ Đề Đạo Tràng, Ấn Độ, và Thượng Tọa Thích Nguyên Siêu, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Văn Hóa, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ - Văn phòng II Viện Hóa Đạo.

Kết thúc Đại hội ở Bồ Đề Đạo tràng hôm thứ ba 9.11.2004, Gia Đình Phật Tử Việt Nam Trên Thế Giới đã ra hai bản Quyết Nghị. Bản Quyết nghị thứ nhất phản đối Nhà cầm quyền Cộng sản ngăn cấm không cho Phái đoàn Quốc nội sang phó hội bằng lời lẽ như sau :

"Toàn thể Đại biểu của "Lễ Hội Gia Đình Phật Tử Việt Nam Trên Thế Giới" đồng thanh quyết nghị : 1. Cực lực phản đối việc ngăn chặn, hù dọa phái đoàn đại biểu Huynh Trưởng Gia Đình Phật Tử Việt Nam tham dự Lễ Hội Gia Đình Phật Tử Việt Nam trên Thế Giới, qua hành động này chứng tỏ nhà cầm quyền nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã không tôn trọng luật pháp quốc gia, cũng như công pháp quốc tế, là một hành vi thiếu văn hóa mang tính đàn áp, chúng ta không thể chấp nhận được". Và 2. "Kêu gọi các cơ quan bảo vệ nhân quyền, các cơ quan văn hóa xã hội, và các cơ quan truyền thông quốc tế hỗ trợ sự lên tiếng của chúng tôi và đòi hỏi nhà cầm quyền nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam phải tôn trọng luật pháp quốc gia, và công pháp quốc tế".

Bản Quyết nghị thứ hai xác định vị trí của Gia Đình Phật Tử Việt Nam trước sau như một *"trong bất cứ tình huống, không gian, thời gian quốc độ nào vẫn luôn là đứa con trung kiên và cũng là lực lượng hậu bị của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất"*, để *"phụng sự đạo pháp, dân tộc và nhân loại"*, và **"không để bất cứ một thế lực vô minh nào có thể chi phối hay phân hóa"**.

(Trích TCBC ngày 10.11.2004)

■ **Dư luận quốc tế cực kỳ xúc động trước bệnh tình Đức Tăng Thống Thích Huyền Quang - Bà Mairead Corrigan Maguire, Giải Nobel Hòa bình, góp lời nguyện cầu bình phục và yêu cầu Hà Nội tôn trọng quyền tự do tôn giáo của Phật giáo đồ - Chư tôn đức Tăng, Ni, Phật tử trong và ngoài nước chỉ thành làm lễ Cầu an cho Đức Tăng Thống**

"Quý Bằng hữu Phật tử thân mến,

"Cảm tạ những dòng tin các bạn gửi đến.

"Tôi thật tình âu lo cho sức khỏe trầm trọng của Đức Tăng Thống Thích Huyền Quang hiện đang phải nhập viện. Xin hoan hỷ chuyển trình Đức Tăng Thống lời tôi cầu nguyện và cầu chúc Ngài sớm bình phục.

"Tôi muốn được góp tiếng nói của tôi cùng với hàng triệu tiếng nói quanh địa cầu gửi tới Nhà cầm quyền Việt Nam, yêu cầu họ hãy tôn trọng tự do tôn giáo, nhân quyền và cải cách dân chủ tại Việt Nam, đặc biệt là tôn trọng các quyền của người Phật Tử Việt Nam cũng như các truyền thống tín ngưỡng khác, để họ được tự do hành đạo mà không bị sách nhiễu hay đàn áp.

"Kính cầu An lạc

"Mairead Corrigan Maguire

"Giải Nobel Hòa bình"

Khi được tin Đức Tăng Thống lâm trọng bệnh, hàng triệu Phật tử trong và ngoài nước đã cử hành lễ Cầu an cho Đức Tăng Thống trong khắp các chùa viện và tại tư gia.

Hòa Thượng Thích Hộ Giác, Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo kiêm Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải ngoại tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo đã ra Thông tư Khẩn gửi đến Chư tôn giáo phẩm, Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni và chư Thiện nam Tín nữ Phật tử ở Hoa Kỳ, Canada và các Châu Âu, Châu Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan kêu gọi: *"Để biểu tỏ lòng tri ân và báo ân của chúng ta đối với bậc lãnh đạo cao cấp của Giáo hội đã nhiều năm bị tù tội vì sự sống còn của đạo pháp, kính yêu cầu chư liệt vị tùy theo khả năng và hoàn cảnh, hoan hỷ tổ chức trọng thể lễ cầu nguyện để Đức Đệ Tử Tăng Thống sớm được bình phục hầu tiếp tục sứ mệnh thiêng liêng cao cả của Ngài"*.

Từ Huế, trong tình trạng bị quản chế khắt khe tại chùa Báo Quốc, Hòa Thượng Thích Thiện Hạnh, Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống cũng ra một Thông bạch Khẩn báo tin và *"thỉnh cầu Chư Tôn Đức cùng toàn thể các Phật tử, tùy nghi tổ chức cầu an để Đức Tăng Thống sớm bình phục, tiếp tục lãnh đạo Giáo hội"*.

Theo tin tiếp xúc sáng nay giữa Phòng Thông tin Phật giáo Quốc tế và Bình Định, thì tình trạng Đức Tăng Thống đã vượt qua hiểm nguy và trên đường ổn định. Bệnh viện đã ngưng tiếp máu, chỉ còn chích nước biển. (Trích TCBC ngày 20.11.2004)

■ **Cùng lúc Phái đoàn Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ đến Thanh Minh Thiền Viện vấn an Hòa Thượng Thích Quảng Độ, ông Đại sứ Hoa Kỳ vào bệnh viện Qui Nhơn thăm Đức Tăng Thống Thích Huyền Quang**

Tại Thanh Minh Thiền Viện ở Saigon vào lúc 2 giờ rưỡi chiều chủ nhật hôm nay, 21.11, Phái đoàn Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ đến vấn an Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Viện

Trưởng Viện Hóa Đạo, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Phái đoàn do bà Elizabeth Dugan, Trợ lý Ngoại Trưởng Hoa Kỳ đặc trách Dân chủ, Nhân quyền và Lao động, cầm đầu. Tháp tùng bà Trợ lý còn có hai nhân viên cao cấp Bộ Ngoại Giao, ông Seth D. Winnick, Tổng lãnh sự Hoa Kỳ tại Saigon cùng với ba viên chức cao cấp Tòa Tổng lãnh sự.

Kể từ cuộc bắt bớ hàng giáo phẩm lãnh đạo ngày 9.10.2003 sau Đại hội Bất thường của Giáo hội tại Tu viện Nguyên Thiều ở Bình Định, đây là lần đầu tiên Hòa Thượng Thích Quảng Độ tiếp khách. Hơn một năm qua, cơ quan công quyền ra khẩu lệnh quản chế Hòa Thượng nên Hòa Thượng phải sống như một tù nhân tại chùa. Tháng 10 năm ngoái, nhân chuyến viếng thăm Việt Nam, ông John Handford III, Đại sứ đặc trách về Tự do tôn giáo của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ đề nghị được đến thăm Hòa Thượng Thích Quảng Độ. Nhưng Hà Nội không chấp nhận, nêu lý do là Hòa Thượng "đang ở trong thời kỳ điều tra vì tàng trữ bí mật nhà nước".

Ngay sau cuộc tiếp xúc và qua điện thoại viển liên, Hòa Thượng Thích Quảng Độ đã cho ông Võ Văn Ái, Giám đốc Phòng Thông tin Phật giáo Quốc tế và cũng là Phát ngôn nhân của Viện Hóa Đạo, biết thêm về nội dung cuộc gặp gỡ này. Theo lời Hòa Thượng thì cuộc tiếp xúc diễn ra gần hai tiếng đồng hồ trong không khí thân tình, thông cảm và rất tích cực trên phương diện trao đổi. Hòa Thượng trình bày hiện trạng khó khăn, nguy cấp mà Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đang phải đương đầu, và kêu gọi chính phủ và nhân dân Hoa Kỳ khẩn cấp gây sức ép nhằm chặn đứng những vi phạm nhân quyền trầm trọng cũng như hậu thuẫn các nỗ lực vận động cho tự do tôn giáo và cải cách dân chủ tại Việt Nam. Phái đoàn Hoa Kỳ thông báo cho Hòa Thượng biết rằng vừa qua Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ đã quyết định liệt Việt Nam vào danh sách những quốc gia "cần đặc biệt quan tâm" vì lý do đàn áp tôn giáo, mà sắc luật Tự do Tôn giáo trên Thế giới được Quốc hội thông qua năm 1998 có những biện pháp chế tài thích nghi áp dụng cho những quốc gia bị liệt kê vào danh sách này.

Hòa Thượng Thích Quảng Độ thông báo tình trạng sức khỏe nguy ngập của Đức Tăng Thống Thích Huyền Quang và cho Phái đoàn Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ biết là Hòa Thượng lấy quyết định lên đường vào 6 giờ sáng thứ hai, 22.11, ra Bình Định thăm Đức Tăng Thống.

Cũng trong chiều chủ nhật này, sau khi Phái đoàn Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ vừa ra về, thì Hòa Thượng Thích Quảng Độ nhận được Giấy mời của Ủy Ban Nhân Dân Quận Phú Nhuận yêu cầu Hòa Thượng trình diện vào 8 giờ sáng ngày mai thứ hai để làm việc. Nhưng không ghi rõ làm việc gì. Hòa Thượng không ký vào giấy mời và ra lệnh cho chư Tăng Ni ở Thanh Minh Thiền Viện không ai được thay mặt Hòa Thượng ký vào giấy triệu tập, vì Hòa Thượng đã quyết định lên đường ra Bình Định cũng vào sáng sớm mai.

Hòa Thượng nói với ông Võ Văn Ái rằng: **"Không riêng gì người Tăng sĩ, mà bất cứ ai ngoài đời, bất cứ ai là người Việt đều phải có bổn phận thăm viếng cha mẹ, bà con khi đau yếu. Đức Tăng Thống Thích Huyền Quang đang lâm bệnh nặng, tôi là vị Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, tôi không thể không đến bên giường bệnh thăm Ngài, dù khó khăn nguy hiểm đến đâu. Nếu Nhà cầm quyền Việt Nam ngăn cấm tôi đi, thì chỉ càng chứng tỏ tính cách vô nhân đạo của Nhà nước mà thôi"**.

Cuộc lên đường ngày mai của Hòa Thượng Thích Quảng Độ ra Bình Định thăm Đức Tăng Thống sẽ là một thử

nghiệm về các lời xác định của Nhà cầm quyền Hà Nội trước Liên Hiệp Quốc.

Cùng thời gian Phái đoàn Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ và ông Tổng Lãnh sự Hoa Kỳ tại Saigon đến tiếp xúc Hòa Thượng Viện Trưởng Viện Hóa Đạo Thích Quảng Độ, thì tại Bệnh viện Đa khoa ở Qui Nhơn, vào lúc 15 giờ chiều chủ nhật, 21.11, ông tân Đại sứ Hoa Kỳ, Michael W. Marine, cùng với phu nhân đã đến thăm Đức Tăng Thống Thích Huyền Quang.

"Do sức khỏe còn quá yếu, nên ông Đại sứ chỉ ngồi thăm và hàn huyên trong vòng mười lăm phút", đó là lời Đức Tăng Thống Thích Huyền Quang cho ông Võ Văn Ái biết qua cuộc điện đàm chiều chủ nhật này. (Trích TCBC ngày 21.11.2004)

■ Tại Saigon công an ngăn cản xe chở Phái đoàn chư Tăng Viện Hóa Đạo ra Bình Định thăm Đức Tăng Thống lâm bệnh nguy ngập - 50 chư Tăng bao quanh xe bảo vệ từ 5 giờ 30 sáng tại Ngã ba Trường Vệ quận Bình Thạnh

Hôm nay sáng thứ hai, 22.11, một chiếc xe gồm 10 chư Tăng do Thượng Tọa Thích Viên Định hướng dẫn lên đường sang Thanh Minh Thiên Viện đón Hòa Thượng Thích Quảng Độ cùng đi. Nhưng xe vừa rời khỏi chùa Giác Hoa vào lúc 5 giờ 30 sáng (giờ Việt Nam) chạy được chừng vài trăm thước thì bị công an chặn lại ở Ngã Ba Trường Vệ, ngay trước Công ty Điện lực Gia Định ở góc đường Phan Đăng Lưu và Đinh Tiên Hoàng để xét giấy tờ. Mọi giấy tờ tùy thân của chư Tăng cũng như xe cộ đều hợp lệ. Nhưng công an vẫn chặn xe tại chỗ không cho đi. Thượng Tọa Thích Viên Định, Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo và cũng là Viện chủ chùa Giác Hoa, hỏi lý do chặn xe. Công an im lặng, không nêu một lý do nào cả.

Nửa giờ sau, công an yêu cầu xe quay đầu trở về đồn công an làm việc. Nhưng Thượng Tọa Thích Viên Định cương quyết nói rằng : **"Đức Tăng Huyền Quang của chúng tôi đang đau nặng thập tử nhất sinh nằm ở bệnh viện Qui Nhơn, chúng tôi phải ra đó hầu thăm Ngài. Tại sao các ông nhần tâm ngăn cản chuyện thăm viếng người già cả đau yếu như vậy ? Nếu các ông không cho đi, chúng tôi quyết ngồi tại chỗ ở đây cho đến lúc nào được giải tòa để đến rước Hòa Thượng Thích Quảng Độ cùng ra Bình Định. Chúng tôi sẽ không đi bất cứ nơi nào khác !"**

Dân chúng quanh vùng kéo nhau đến rất đông, nhưng đã bị công an giải tán. Chư Tăng ở chùa Giác Hoa nghe tin liền kéo nhau ra chỗ chặn xe để bảo vệ phái đoàn, 50 Tăng sĩ làm thành một vòng vây bao quanh xe, không cho công an lôi kéo xe đi. Đây là tình hình mà Thượng Tọa Thích Viên Định thông báo cho ông Võ Văn Ái, Giám đốc Phòng Thông tin Phật giáo Quốc tế ở Paris, qua nhiều lần điện đàm từ 6 giờ sáng đến 8 giờ sáng (giờ Việt Nam, tương đương với 12 giờ khuya đến 2 giờ sáng giờ Paris) khi chúng tôi viết bức Thông cáo này. (Trích TCBC ngày 22.11.2004).

THÔNG BÁO

Kính nhờ tất cả quý Phật Tử Bồ Tát Giới tại Đức, gửi về Chùa Viên Giác:

Tên - Họ, Pháp danh

Ngày, tháng, năm sanh

Ngày, tháng thọ giới

Tên vị Hòa Thượng Đản Đầu

Địa chỉ, số Tel., email hiện tại + 1 hình Passport- để tiện việc quản lý hành chánh và thông tin khi cần thiết. Mong quý vị hỗ trợ cho.

Kính báo

Tỳ Kheo Thích Hạnh Tấn

HỘI TÌNH THƯƠNG /ĐỨC QUỐC CỨU TRỢ TPB. QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA

Ngày 9-10.04 vừa qua, Hội Tình Thương Đức Quốc đã tổ chức đêm Văn Nghệ Tình Thương IV để quyên góp cứu trợ Thương Phế Binh Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, với sự tham dự ủng hộ của hơn 150 đồng hương theo danh sách như sau:

• NHỮNG TẤM LÒNG VÀNG

- **Reutlingen:** Chi Hội Phật Tử Reutlingen & Vùng Phụ Cận: 100 Euro. Ông bà. TT: 50 Euro. +1 ký Hẹ, ÔB Vũ Văn Cường: 50 Euro, ÔB Nguyễn Tiến Hóa & Thu: 50Euro, (mua giải thưởng Tombola) + 4 két nước ngọt (48 chai 0,5 l Bonaqua Sports), AC Phan Ngọc Trung & Hoa: 50Euro, Bà Nguyễn Thị Sửu: 50Euro, ÔB Trần Quốc Doanh: 20Euro, ÔB Lâm Kiến Huệ: 20Euro, ÔB Dương Tỳ: 20Euro, ÔB Phạm Văn Túc: 15Euro, ÔB Phạm Văn Quý: 15Euro, Bà Cúc: 30Euro, Bà Nguyễn Thị Phàm: 15Euro, ÔB Nguyễn Văn Hình: 10Euro, AC Hoàng Tiên: 20Euro, Ấn danh: 20Euro, ÔB BS Phan Ngọc Minh: 20Euro + 40 bánh Crème, ÔB Dương Tường: 1 nôi Bún Bò, ÔB Hàn Cường: 50 miếng Đậu Hũ, ÔB Trần Văn Huyền 50 miếng đậu hũ, ÔB Đặng Ngọc Trân: 50 miếng đậu hũ, ÔB Đoàn Mậu Can & Phương: 2 giải Tombola 3 & 4 (trị giá 70Euro), ÔB Chúc Nga: 30 lít sữa Đậu Nành. Tại Hãng Hugo Boss do bà Phương vận động: Bà Anna Marigic: 10Euro, Bà Keller Anna: 5Euro, AC Tâm Thảo làm ủng hộ 500 vé số Tombola.

- **Stuttgart:** ÔB Nguyễn Thành Nam: 60Euro (mua giải thưởng Tombola), Ông Chủ hãng OTT Alarmsystem GmbH: 150Euro (do Ông Đỗ Văn Yến vận động), ÔB Đỗ Văn Yến 100Euro, ÔB Bùi Thế Dân : 50Euro, Bà Hương (Nhà. hàng Mekong- Stuttgart): 83 bánh Bao.

- **Liên Hội Võ Bị Âu Châu:** 50Euro, ÔB Trần Duy Hoàn (Bad Wurzach) 1 đầu máy DVD+4 chai rượu làm giải thưởng Tombola + rau thơm và Hẹ; Bà Lại Thị Minh Tâm (Magstadt) 30Euro, Ông Trần Văn Sáu: (Ulzen): 30Euro, Ấn nhân ấn danh Düsseldorf: 20Euro, ÔB Trần Định (Rottenburg) 100 Giò cháo quẩy, Bà Nguyễn Định (Metzingen) 330 Bánh Cam, Ấn nhân ấn danh (Wanweil) 100 tô+100 đĩa+150 muống+150 nĩa nhựa, ÔB Quách Kim Lê (Lichtenstein): 72 lon nước ngọt. Không Ghi Địa Chỉ: 1 Chiến hữu ấn danh: 20Euro, Ông Nguyễn : 20Euro.Thu: Cháo Lòng (Anh Chị Dương Tường và cháu Phương): 240Euro.

Gỏi Cuốn (Chị Trường, Chị Cường, Chị Hoàn,): 115.

Đậu Hũ (Chị Huyền, chị Trân, Chị Cường): 102Euro;

Các loại bánh Bao, Cam, Bèo, Ít, Su Sê, Da Lợn, Crème, Giò Cháo Quẩy: 1066Euro ;

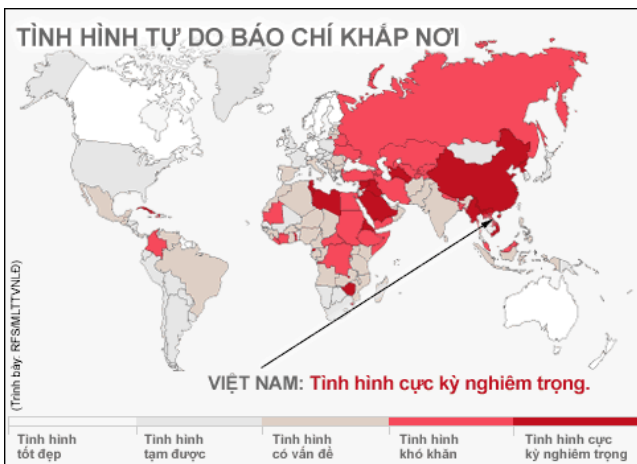
Xổ số Tombola:396 Euro; Bia, Nước ngọt:196,84 Euro.

DANH SÁCH TPB cứu xét tháng 10.04, Hội đã gửi tiền về trợ giúp, nhưng chưa nhận được giấy hồi báo TPB.

(Vh tran ghi)

SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG

■ Hội Phóng Viên Không Biên Giới Tổ Chức CSVN Đền Áp Báo Chí



(Genève - VNN) Bản Tin của Liên Hội Nhân Quyền Việt Nam ở Thụy Sĩ phổ biến ngày 26-10 cho biết "Phóng Viên Không Biên Giới đã tổ chức và xếp hạng Việt Nam Cộng Sản vi phạm nghiêm trọng Quyền Tự Do Báo Chí." Bản tin như sau:

Ngày 26.10.2004, Phóng Viên Không Biên Giới cho công bố Bảng Xếp Hạng Thế Giới kỳ thứ ba về sự Tôn Trọng Quyền Tự Do Báo Chí ở 167 quốc gia. Giống như năm 2003, tình trạng ở Á Châu bị coi là tồi tệ thảm hại nhất, với 9 trong số 15 nước đứng ở cuối bảng Xếp Hạng Thế Giới.

Từ lâu, chế độ Cộng sản Hà Nội được biết tiếng là đỉnh cao của chính sách kiểm duyệt, trấn áp và bóp nghẹt ngôn luận. Một lần nữa, thực tại Việt Nam đen tối được Phóng Viên Không Biên Giới xác nhận qua tài liệu nói trên.

Trong số 167 nước được đánh giá và chấm điểm, "Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa" của Nông Đức Mạnh chiếm hạng thứ 161 và bị Xứ Chùa Tháp láng giềng đứng ở hạng thứ 109 bỏ xa đằng sau.

Mười lăm nước bị tổ chức vi phạm nghiêm trọng Quyền Tự Do Báo Chí nhất thế giới trong 12 tháng qua là: Lào (153), Libye (154), Syrie và Zimbabwe đồng hạng (155), Maldives (157), Ba Tư (158), Arabie Saoudite (159), Népal (160), Việt Cộng (161), Trung Cộng (162), Erythré (163), Turménistan (164), Miến Điện (165), Cuba (166) và Bắc Hàn (167).

Bảng Xếp Hạng do Phóng Viên Không Biên Giới thiết lập năm nay cho thấy, sau khi khối Liên Xô-Đông Âu sụp đổ, tất cả 5 chế độ độc tài cộng sản còn sót lại tiếp tục tranh nhau độc quyền chiếm hữu thành tích hủy diệt Quyền Tự Do Báo Chí. Phóng Viên Không Biên Giới còn ghi rõ rằng tại các nước tội phạm đó, không hề có báo chí độc lập. Nếu có thì các nhà báo đều bị nhà cầm quyền trấn áp và bị một chế độ kiểm duyệt kèm kẹp hàng ngày. Chẳng có sự bảo đảm nào cho quyền tự do thông tin và an ninh cho tính mạng của ký giả và phóng viên hành nghề.

Tổ chức quốc tế bênh vực Quyền Tự Do Báo Chí cũng nhắc đến số phận của rất nhiều đồng nghiệp bị cầm tù. Và xác quyết rằng Trung Cộng và Cuba - hai chế độ anh em thân thiết của Việt Cộng, là hai nhà tù lớn nhất thế giới đối với những người hoạt động trong ngành thông tin báo chí. Chúng ta còn nhớ trong kỳ Đại hội Mạng Lưới Pháp Thoại đầu năm nay, Việt Cộng (hạng nhì) đã đoạt giải "Cai Tù" của Phóng Viên Không Biên Giới về số tù nhân bị bắt vì "tội"

phát biểu trên Mạng Lưới, còn chế độ Bắc Kinh (hạng nhứt) thì lãnh huy chương vàng.

(Theo Bản Tin của Liên Hội Nhân Quyền Việt Nam ở Thụy Sĩ)

■ Buổi Tâm Tình của Đức Dalai Lama với tuổi trẻ



(Irvine, California) - Gần 5 ngàn sinh viên, học sinh, giáo viên và các phụ huynh trong cộng đồng quận Cam đã tràn ngập hội trường UCI Brend Event Center.

Mở đầu chương trình, Đức Dalai Lama đã thuyết trình về phương cách giáo dục. Sự quan trọng của lòng nhân ái trong trường lớp. Gạt bỏ những đổ kỹ, tức giận để tự tìm sự bình yên và tìm tình hữu nghị.

Trong buổi tâm tình, Đức Dalai Lama đã nhấn mạnh sự quan trọng của tình thương, lòng trắc ẩn (Compassion). Ngài Phật Sống đã tâm sự về phương thức để tạo cho mình một tình yêu thương & đạo đức lãnh đạo trong trường học & trong đời sống. Để nối kết giá trị của đạo đức lãnh đạo với đời sống hàng ngày, nối kết trách nhiệm chung, và phát triển giá trị lãnh đạo trong xã hội. Từ gia đình đến cộng đồng để ảnh hưởng đến toàn cầu.

■ Phim "First Morning" của người Việt đã đoạt giải điện ảnh tại đại hội điện ảnh Á châu San Diego



(Cali Today News) - Đêm thứ Bảy ngày 23 tháng 10, 2004 tại Double Tree Hotel, San Diego. Đại Hội San Diego Asian Film Festival (SDAFF) kỳ 5 đã long trọng làm lễ trao giải thưởng Gala Awards Night. Có khoảng hơn 140 phim từ

nhiều quốc gia Á Châu gửi phim tham dự như: Nhật Bản, Đại Hàn, Trung Hoa, Singapore... Ban Giám Khảo gồm các thành phần đạo diễn, nhà sản xuất phim đã tuyển chọn những phim xuất sắc trúng giải. Trong đó, phim First Morning (Buổi sáng đầu năm) của Việt Nam hải ngoại đã đoạt giải phim hay nhất (Best Feature Film) tại Đại Hội Điện Ảnh Âu Châu San Diego. Phim First Morning của đạo diễn Victor Vũ, với thành phần tài tử quen thuộc của điện ảnh Việt Nam hải ngoại như: Kathleen Lương, Catherine Ái, Đặng Hùng Sơn, Long Nguyễn, Trí Johnny Nguyễn, Linh Lê và Tom Huang. Đạo diễn Victor Vũ đã lên nhận giải thưởng và ngỏ lời cảm ơn Ban Tổ Chức, Ban Giám Khảo và toàn thể những tài tử góp mặt trong phim.

Nội dung cuốn phim nói lên nỗi khó khăn của đời sống người tỵ nạn "Boat people" muốn hướng về tương lai tốt đẹp hơn. Sự xung đột khắc nghiệt trong gia đình vì những khó khăn của quá khứ. Sau cuộc chiến bi thảm bao trùm đời sống họ như những bóng đêm.

Theo bài điểm phim của Đại Hội SDAFF thì phim First Morning là một phim mà đạo diễn khi làm phim đã không sợ đối đầu với những nghịch cảnh khó khăn. Sự xung đột gia đình qua những gì anh thể hiện qua hình ảnh với một câu chuyện bi thảm, một dàn diễn viên xuất sắc tương xứng (A powerful story with an equally powerful cast). Được biết phim này là phim truyện đầu tay của Victor Vũ quay vào năm 2003. Phim đã được chiếu tại nhiều Đại Hội Điện Ảnh trước khi chiếu tại rạp. Victor Vũ đã từng đoạt giải phim ngắn Firecracker tại Hamptons, Long Island, New York (1997), Newport Beach và Singapore International Film Festival (1998). Sau FIRST MORNING, anh tiếp tục là phim và mới đây SPIRITS (Oan Hôn) đã được chiếu vòng quanh như ở Edwards Southcoast gần Little Saigon, San Jose, Seattle...Phim SPIRITS đang tham dự tại Hawaii International film festival tại Honolulu, Hawaii vào cuối tuần này.

Phim FIRST MORNING đã đoạt giải thưởng cao quý tại Đại Hội Điện Ảnh Âu Châu San Diego. Tên tuổi của đạo diễn Victor Vũ, những tài tử điện ảnh: Kathleen Lương, Catherine Ái, Đặng Hùng Sơn, Long Nguyễn, Trí Johnny Nguyễn, ... được nhắc tới bên cạnh những tài tử ngoại quốc khác. Thành tích này đã làm nức lòng giới quan tâm tới điện ảnh Việt Nam hải ngoại và đã là những đóm lửa hồng làm rạng rỡ phần nào nền điện ảnh Việt Nam hải ngoại trong suốt chiều dài lặn dạn.

■ Chương trình về Việt Nam của Thiên sư Thích Nhất Hạnh được chính thức hủy bỏ

Oct 31, 2004

LTS: Chúng tôi vừa nhận được bản tin sau đây từ Thư Viện Hoa Sen gửi đến, xin giới thiệu đến quý độc giả bản tin này.

Chương trình về Việt Nam của Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh và Tăng Đoàn Làng Mai từ ngày 12 tháng Giêng đến ngày 11 tháng Tư năm 2005 đã chính thức được hủy bỏ. Bản thông cáo báo chí bằng tiếng Anh do Plum Village Meditation Center, France, gửi đi ngày 4.10.2004 cho biết như vậy. Bản tin gửi đi rất vắn tắt và sẽ cho biết thêm vào một thời gian thuận tiện.

Được biết, theo bản tin chính thức của Sư cô Chân Không, trợ lý của Hòa Thượng Nhất Hạnh đề ngày 5.7.2004 cho biết vào đầu năm 2004 các viên chức thuộc tòa Đại sứ Việt Nam tại Hoa Kỳ đã đến thăm Tu Viện Lộc Uyển và đồng thời các viên chức tại tòa Đại sứ Việt Nam tại Pháp đã đến thăm Làng Mai ngỏ lời mời Hòa Thượng Nhất Hạnh về thăm viếng Việt Nam. Hòa Thượng Nhất Hạnh đã nhận lời và cử hai vị Tỳ Kheo đệ tử về Việt Nam để tiếp xúc và phối hợp tổ

chức chuyến đi kéo dài ba tháng, bắt đầu từ đầu tháng Giêng năm 2005.

Theo chương trình đề ngày 7.6.2004 đã được phổ biến thì chuyến đi ba tháng này diễn ra như bốn khóa tu tập thiền quán ở miền Bắc, miền Nam, vùng Bình Định, Đà Nẵng và Huế. Phật tử trong nước và ở nước ngoài phải được tự do tham dự và nhiều người đã ghi tên. Ngoài 100 Tăng Ni còn có khoảng 200 Cư sĩ Phật tử tháp tùng theo phái đoàn.

Một chương trình chi tiết hơn đề ngày 15.8.2004 được Fax về Việt Nam mà chúng tôi có được thì tại Hà Nội sẽ có hai buổi thuyết pháp công cộng tại Cung Văn Hóa vào ngày 22.1.05 và 20.3.05 và một khóa tu 5 ngày dành cho Cư sĩ Phật tử mỗi chiều từ 5 giờ chiều đến 9 giờ tối tại sân vận động quốc gia Mỹ Đình từ 23.3.05 đến 27.3.05. Tại Qui Nhơn có hai buổi thuyết pháp tại sân vận động thành phố từ 7 giờ đến 9 giờ tối ngày 3.4.05 và tại Viện Đại Học Qui Nhơn ngày 8.4.05. Tại Thành Phố Hồ Chí Minh sẽ có buổi thuyết pháp công cộng tại rạp hát Hòa Bình vào ngày 6.2.05 từ 7 giờ đến 9 giờ tối. Tại Huế Thừa Thiên sẽ có một cuộc xuống đường khất thực cổ truyền từ 8 giờ sáng đến 12 giờ trưa ngày 12.3.05 từ chùa Từ Hiếu đến đàn Nam Giao và trở về chùa Từ Hiếu.

Cho đến nay việc hủy bỏ chuyến đi về nước của Hòa Thượng Nhất Hạnh và Tăng Đoàn Làng Mai chưa được chính phủ Việt Nam chính thức xác nhận. Chúng tôi đã liên lạc với văn phòng Mặt Trận Tổ Quốc cũng như Ban Tôn Giáo tại Hà Nội để hỏi tin xác nhận nhưng không được trả lời. Một nguồn tin khá tin cậy tại Việt Nam, yêu cầu chúng tôi giấu tên, đã nói rằng chính phủ Việt Nam đối ý (không muốn Hòa Thượng Nhất Hạnh về Việt Nam) vì chương trình của Hòa Thượng Nhất Hạnh có nhiều "exposes" và "tiếp cận" với quần chúng quá, nhất là các buổi thuyết pháp công cộng tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Qui Nhơn và bốn giờ đồng hồ xuống đường khất thực tại thành phố Huế, nơi châm ngòi cho cuộc vận động của Phật Giáo chống chế độ kỳ thị tôn giáo của chính phủ Ngô Đình Diệm năm 1963. Họ (chính phủ Việt Nam) không lượng định được trước số lượng đồng đảo và tâm lý quần chúng như thế nào trong hoàn cảnh hiện nay của đất nước. (Tịnh Thủy)

■ Giải "25 người nổi bật ở Orange County" Luật sư Trần Thái Văn được vinh danh

Oct 30, 2004

(Theo SBTN) - Một bán nguyệt san thương mại nổi tiếng tại quận Cam là tờ OC Metro, trụ sở đặt tại Newport Beach đã tổ chức lễ phát giải thưởng hàng năm cho 23 cá nhân và 2 tổ chức đã có thành tích nổi bật nhất phục vụ cộng đồng địa phương về nhiều lãnh vực kinh tế, chính trị, xã hội.

Đây là lần thứ 14, cơ quan truyền thông uy tín OC Metro tổ chức giải thưởng "Hottest 25 People of Orange County 2004". Trong số 23 người được nhận giải thưởng có Luật sư Trần Thái Văn là người Việt duy nhất được tuyên dương trong tối phát giải thưởng tại Bảo tàng viện Marconi trong thành phố Tustin vào tối thứ Năm vừa qua. Ông Steve Thomas, Trưởng Ban Tổ Chức, mô tả Luật Sư Văn là một nhà chính trị trẻ tuổi gương mẫu, có 20 năm sinh hoạt phục vụ cộng đồng trong lúc tuổi đời mới vừa 40, đáng để cho tuổi trẻ noi theo. Ông Thomas nói rằng anh Trần Thái Văn làm việc rất hăng say để trở thành là người lãnh đạo tại quận Cam với dân số hơn 3 triệu. Tưởng nên biết trong cuộc tranh cử chức Dân biểu trong địa hạt 68, trong vòng 1 năm, Luật Sư Văn đã ghi danh hơn 10.000 tân cử tri, khuyến khích hơn 6.000 cử tri ghi danh trực tiếp với Cơ quan công quyền tổ chức bầu cử tại Santa Ana. Nói về thành tích gây quỹ, hai ông Văn và Andy Quách được xem

là vô địch so với các ứng cử viên khác. Hai ông đã gây quỹ hơn 1 triệu Mỹ kim, đã gây ngạc nhiên và ngưỡng mộ trong báo giới và các nhà chính trị dòng chính địa phương. Đó là một trong nhiều yếu tố để Ban Tổ Chức "Giải 25 Người Nổi Bật Tại Quận Cam" trao giải thưởng cho Luật Sư Văn trước 1.000 thương gia và chính trị gia danh tiếng tại quận Cam.

■ Thống đốc tiểu bang Florida công nhận cờ vàng

(Theo SBTN) - Nguồn tin từ cộng đồng người Việt tỵ nạn tại tiểu bang Florida qua Trưởng ban vận động là ông Chu Bá Yến vào ngày hôm qua đã thông báo đến với tất cả mọi người là Thống đốc Tiểu Bang Florida Jeb Bush vừa ký văn bản ngày 29.10.2004 công nhận Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ là cờ Tự Do và Di Sản của Cộng đồng người Mỹ gốc Việt tại tiểu bang Florida.

Trong bản quyết nghị của tiểu bang, ông Jeb Bush nói rằng ông chính thức đại diện cho tiểu bang này, chính thức công nhận lá Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ là lá cờ biểu tượng cho cộng đồng người Mỹ gốc Việt, và ủng hộ cho cộng đồng này để vận động cho tự do và dân chủ ở quốc gia nơi họ xuất phát. Ông cũng khuyến khích việc tôn trọng và tình nguyện treo lá cờ biểu tượng của người Mỹ gốc Việt tại Florida. Ông cũng xin chúc mừng đến tất cả những người tôn trọng lá cờ vàng trong cộng đồng người Mỹ gốc Việt tại Florida. Như vậy tiểu bang Florida là tiểu bang mới nhất công nhận lá cờ vàng, nâng tổng số các tiểu bang chính thức tham gia phong trào này lên tới 6 tiểu bang và hơn 70 thành phố. Đây là một tin vui cho người Việt tại hải ngoại nói chung và người Việt cư ngụ tại Florida nói riêng.

Người Việt đã định cư tại Florida từ năm 1975 khi phong trào vượt biển tìm tự do đưa hàng trăm ngàn người Việt đến những trại tỵ nạn ở miền đông Hoa Kỳ. Nhiều người đã tìm đến khu vực thành phố Orlando nơi có những trung tâm giải trí lớn như Disney World, và định cư tại đây rồi kéo sang những thành phố lân cận như Tampa, Saint Petersburg, Miami, Tallahassee, vân vân.

Cộng đồng người Việt tại Florida hiện lớn mạnh và có những sinh hoạt văn hóa, kinh tế cũng như chính trị rất hữu hiệu tại địa phương.

■ Tin Đặc Biệt: Ước Mơ 30 Năm Nay Thành Sự Thật - Úc Vinh Danh Quốc Kỳ VNCH!



CABRAMATTA: Người Việt Tự Do tại NSW nói riêng, Úc Châu nói chung, vừa giành được một chiến thắng có ý nghĩa lịch sử: Lần đầu tiên trong suốt 30 năm, kể từ khi cộng đồng người Việt tự do hiện diện tại Úc, một hội đồng thành phố đã chính thức chấp thuận đề nghị của cộng đồng người

Việt tự do, xây dựng kỳ đài Úc Việt để quốc kỳ Việt Nam Cộng Hòa tung bay ngạo nghễ bên cạnh quốc kỳ Úc.

Trong văn thư gửi Kỹ sư Phan Đông Bích, Chủ tịch CĐNVTD/NSW, Hội Đồng Thành Phố Fairfield cho biết, Kỳ Đài Úc Việt sẽ được xây dựng ngay tại Đài Tưởng Niệm Chiến Binh Úc Việt Cabra-Vale Park, Cabramatta, và HĐTP Fairfield cũng sẽ hân hạnh tình nguyện được đóng góp một nửa phí tổn xây cất. Cho đến nay, việc xây cất đã hoàn tất, và 4 cột cờ cao 6 thước đã vươn cao trên nền trời Cabramatta, sẵn sàng chờ ngày quốc kỳ Úc, Việt được kéo lên vào sáng Chủ Nhật, 28 tháng 11 sắp tới.

Để chào mừng chiến thắng vô cùng quan trọng này, Ban Chấp Hành CĐNVTD/NSW cũng cho biết, một Ban Tổ Chức Lễ Thượng Kỳ đã được thành lập, bao gồm Trưởng Ban Tổ Chức, cùng các tiểu ban Nghi Lễ, Ngoại Vận, Tài Chánh, Tiếp Tân, Văn Nghệ, Trang Trí, Trật Tự... Chương trình Lễ Thượng Kỳ sẽ gồm 2 phần chính. Phần thứ nhất là Lễ Truy Diệu, được tổ chức vào lúc 7 giờ tối, Thứ Bảy 27 tháng 11, 2004. Phần thứ hai là Lễ Truy Diệu (Memorial Services) và Lễ Thượng Kỳ, sẽ được tổ chức vào lúc 10 giờ sáng, Chủ Nhật 28 tháng 11, 2004.

Rõ ràng, đây là một chiến thắng lịch sử chưa từng có tại Úc. Với chiến thắng đặc biệt này, cộng đồng người Việt tại Úc từ nay có thể tự hào sánh vai với cộng đồng người Việt tại Mỹ, cùng chung lưng đấu cật, thực hiện chiến dịch "Dựng Lại Cờ Vàng", mà cộng đồng người Việt tại Mỹ đã theo đuổi trong suốt thời gian hơn một năm qua.

■ Mạng Lưới Nhân Quyền Việt Nam Quyết Định Trao Giải Nhân Quyền Việt Nam Năm 2004 cho Bác Sĩ Nguyễn Đan Quế và Ông Phạm Quế Dương

California, 14.11.2004- Trong buổi gặp gỡ giới truyền thông tại trụ sở mới của Mạng Lưới Nhân Quyền Việt Nam (MLNQVN) vào hồi 10 giờ sáng Chủ Nhật, 14 tháng 11.2004 tại Little Saigon, California, Ban Phối Hợp MLNQVN đã thông báo quyết định trao Giải Nhân Quyền Việt Nam năm 2004 cho Bác sĩ Nguyễn Đan Quế và Ông Phạm Quế Dương vì những hoạt động đấu tranh nhân quyền cho Việt Nam của hai vị. Buổi lễ trao Giải Nhân Quyền Việt Nam 2004 sẽ được tổ chức vào hồi 14 giờ ngày 12 tháng 12 sắp đến tại Trường Đại Học Cộng Đồng Santa Ana, bang California, nhân dịp kỷ niệm Ngày Quốc Tế Nhân Quyền.

Bác sĩ Nguyễn Đan Quế, 62 tuổi, là một nhà đấu tranh nhân quyền kiên cường không mệt mỏi. Ông đã trải qua nhiều lần vào tù ra khám, thời gian tổng cộng gần 20 năm. Đầu năm 1978, ông và 47 thành viên trong Mặt Trận Dân Tộc Tiến Bộ, một tổ chức tranh đấu bất bạo động do ông thành lập, bị nhà cầm quyền Cộng sản Việt Nam bắt và giam cầm không xét xử. Năm 1988, ông được phóng thích. Năm 1990, ông thành lập tổ chức Cao Trào Nhân Bản và công bố "Lời Kêu Gọi của Cao Trào Nhân Bản", tiếp tục đòi hỏi nhà cầm quyền Cộng sản phải tôn trọng nhân quyền, đa nguyên chính trị và tuyển cử tự do. Ông bị bắt lại ngay sau đó, và bị kêu án 20 năm khổ sai, cộng thêm 5 năm quản chế tại gia, vì tội "âm mưu lật đổ chính quyền". Đầu tháng 9.1998, trước áp lực của quốc tế, nhà cầm quyền Cộng sản Việt Nam trả tự do cho ông, nhưng ông đã cương quyết từ chối rời khỏi Việt Nam khi được đề nghị. Ngày 11.5.99, ông ra một thông cáo kêu gọi nhà cầm quyền Cộng sản phải dân chủ hóa đất nước. Tháng 3.2003, ông lại bị bắt giữ. Ngày 29 tháng 7.2004, Tòa án Cộng Sản Việt Nam lần nữa kết án ông 30 tháng tù về tội "Lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước". Tin mới nhất cho

hay nhà nước CSVN đã di chuyển ông đến một nhà giam xa xôi tại tỉnh Thanh Hóa Bắc Việt, tạo các khó khăn cho việc gia đình thăm nuôi ông.

Ông Phạm Quế Dương, sinh năm 1933 tại Hà Nội, nguyên là đảng viên kỳ cựu của Đảng Cộng Sản Việt Nam, cựu Đại tá quân đội Bắc Việt, và từng là Tổng biên tập tạp chí Lịch Sử Quân Sự thuộc Viện Lịch Sử Quân Sự của CSVN. Tháng Giêng năm 1999, ông đã trả lại thẻ đảng để phản đối hành động mà ông gọi là bất xứng của giới lãnh đạo Hà Nội đối với cựu Tướng Trần Độ, một người bất đồng chính kiến khác. Sau đó, công an đã theo dõi, tìm cách cô lập và bắt giữ ông nhiều lần. Mặc dù vậy ông vẫn không ngừng lên tiếng chỉ trích chính sách bưng bít và độc đoán của nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam, đòi tự do dân chủ thực sự, đồng thời bênh vực những người đấu tranh cho nhân quyền đang bị bắt bớ, tù đày. Ông bị bắt ngày 28 tháng 12.2002, sau khi từ Hà Nội vào Sài Gòn tiếp xúc với một số bạn hữu đang tranh đấu cho dân chủ, nhân quyền. Ông bị giam cầm không xét xử mãi cho đến tháng 7.2004, trong một phiên tòa xử lấy lệ, nhà cầm quyền Cộng Sản đã kết án ông 19 tháng tù về các tội "lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích nhà nước" và "không chấp hành quyết định quản chế hành chính". Vì đã bị giam cầm không xét xử quá thời hạn bản án, Ông Phạm Quế Dương được thả sau đó và hiện bị quản thúc tại gia.

Giải Nhân Quyền Việt Nam do MLNQVN thành lập từ năm 2002 nhằm tuyên dương thành tích tranh đấu vì nhân quyền cho nhân dân Việt Nam. Năm 2002, MLNQVN đã tuyên dương hai nhà đấu tranh bất bạo động hàng đầu cho quyền tự do tôn giáo tại Việt Nam là Hòa Thượng Thích Quảng Độ và Linh Mục Nguyễn Văn Lý. Năm 2003, Giải Nhân Quyền Việt Nam được trao cho bốn chiến sĩ nhân quyền thuộc thế hệ trẻ là Bác sĩ Phạm Hồng Sơn, Luật sư Lê Chí Quang, nhà báo Nguyễn Vũ Bình, và cựu chiến binh Nguyễn Khắc Toàn. Cho đến nay tất cả, trừ Lê Chí Quang, vẫn còn bị giam cầm và tình trạng sức khỏe đang rất đáng quan ngại.

Ngoài mục đích ghi nhận và vinh danh sự nghiệp của những người đã hy sinh mọi sự, kể cả mạng sống của chính mình cho lý tưởng nhân quyền và dân quyền, Giải Nhân Quyền Việt Nam còn nhằm bày tỏ sự liên đới và quyết tâm của người Việt khắp nơi trong nỗ lực đấu tranh giành quyền làm người cho mọi người dân Việt Nam.

● Xin đón nghe! Xin đón nghe!

ĐÀI PHÁT THANH VIỆT NAM HẢI NGOẠI

Phát thanh từ Hoa Kỳ qua Âu Châu bằng vệ tinh Hot Bird 24 giờ trên 24 giờ mỗi ngày. Chương trình rất hấp dẫn, lành mạnh với các tiết mục thông tin, bình luận, tôn giáo, văn nghệ, giải trí, tiếp vận các đài BBC, VOA, RFA, RFI... và các đài phát thanh khác từ Texas, California, Washington D.C...

Muốn theo dõi nếu đã có máy vệ tinh HotBird xin Rescan với các dữ kiện sau đây:

Frequency : 12,111.000 Mhz

Symbol Rate: 27,500

Polarization : Vertical

Để biết chi tiết chương trình phát thanh xin vào website

www.radiohaingoai.com

Xin liên lạc với chúng tôi qua điện thoại

001-703-533-0011

hay qua Email radiohaingoai@aol.com

● Ban Liên Lạc Việt Y Đạo Đức Quốc.

Trong Khoá cấp 1 và 2 Diện Chẩn - Điều Khiển Liệu Pháp *Bùi Quốc Châu* từ ngày 13 đến 17.09.2004 tại Hannover, Giáo Sư Tiến Sĩ Khoa Học Bùi Quốc Châu, Tổ sư phát minh và sáng lập Việt Y Đạo, cùng toàn thể môn sinh đã thành lập một Ban Liên Lạc Việt Y Đạo Đức Quốc.

Mục đích:

* duy trì và phát huy trường phái Việt Y Đạo trong tinh thần „Tôn Sư Trọng Đạo“.

* liên lạc và thắt chặt tình đồng đạo giữa các môn sinh thuộc đại gia đình Việt Y Đạo.

* trao đổi kiến thức học hỏi và kinh nghiệm trị liệu theo trường phái Việt Y Đạo.

* hỗ trợ nhau trong mọi việc làm với đi sự đau nhức thân thể của mọi người.

Địa chỉ liên lạc:

Trưởng Ban Liên Lạc Việt Y Đạo Đức Quốc

Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp,

Karlsruherstr. 21, 30519 Hannover,

Tel. 0511-9824 316; Fax. 0511-9824 317

Mobil: 0179 – 6268694.

Website tạm thời: www.familie-ngole.net

(bấm vào link Việt Y Đạo/Ban Liên Lạc Đức Quốc)

TÌM BẠN - TÌM THÂN NHÂN - NHẮN TIN

● **Tim bạn cũ** : Tôi tên là **Pham Viet Hung** ở San Diego, California, USA. Có người bạn tên **Nguyễn Tấn Đức** du học ở Tây Đức năm 1968. Trước đây chúng tôi cùng học ở trường Pertus Ký Sài Gòn. Nay anh Đức ở đâu, hoặc quý vị nào biết anh Đức xin vui lòng liên lạc với địa chỉ: Pham Viet Hung - 9589 Pipilo Street. San Diego, CA, 92129 - USA Tel.(858) 484-3317. hoặc: Email: hungpham2k@yahoo.com. Thành thật cảm ơn.

● **Tim con** : **Ba Lý Hồng Nhân, mẹ Trần Thị Nhứt**, tìm con là: **Lý Hồng Toàn và Bùi Thị Hưởng**. Các con nhận được tin này liên lạc gấp về địa chỉ: **Hồ Chí Cường - Kortum Str. 97 - 44747 Bochum** hoặc điện thoại: **0234 - 68727704** hay Fax: **68727706**. Ba má rất trong tin con.

● **Tim thân nhân** : Muốn tìm Bà quả phụ **Phan Thọ Hay**, Đốc Phủ Sứ Hà Nội năm 1950, có con gái là **Phan Thị Mộng Hà**, trước năm 1975 là Quả phụ của cố Trung Úy **Lê Phùng Hoàng Cảnh**, công tác tại TTĐH Tỉnh Long Khánh. Các bà Thọ Hay và Mộng Hà nay ở đâu hoặc quý cô bác nào biết tin, xin, làm ơn liên lạc với: **Ô. Nguyễn Ngọc Đệ**, nguyên Chủ Sự Phòng Bảo Trì tỉnh Long Khánh, địa chỉ: **Ernst-Mittel Bach Ring 33, 22455 Hamburg / Germany**, Phone: **(+49) 40 - 403 849**. Thành thật cảm ơn.

● **Chúc mừng**: Được tin cháu **Nguyễn Thị Đoan Trang** Trưởng Nữ của Ông Bà **Nguyễn Hữu Huân** tại Hamburg đẹp duyên cùng **Dr. Lê Vinh Hiệp** Thứ Nam của Bà **Lê Thị Thanh Loan** tại Việt Nam. Hôn lễ cử hành ngày 30.10.2004 tại Hamburg.

Gia đình các Bác và các Chú chúc hai cháu Đoan Trang - Vinh Hiệp "Bách Niên Giai Lão", đồng thời xin chúc mừng gia đình hai họ Nguyễn - Lê có dâu hiền và rể thảo.

* Gđ. Nguyễn Văn Tôn, Nguyễn Ngọc Đệ, Nguyễn Hòa, Trần Ngọc Thạch, Huỳnh Thoàng, Hoàng Văn Toàn.

TIN TỨC NƯỚC ĐỨC

● Lê Ngọc Châu

■ Đại hội đảng, PDS bầu lại đảng trưởng

Potsdam: Trong hạ tuần tháng 10.2004 vừa qua, đại hội đảng PDS (hậu thân đảng CS Đông Đức cũ) đã được tổ chức tại Potsdam. Kết quả là ông Lothar Bisky, 63 tuổi, đã được tái tín nhiệm trong chức vụ đảng trưởng với sự ủng hộ của gần 90% số đại biểu tham dự. Riêng Gysi thì còn chần chừ chưa muốn trở lại chính trường với tư cách là ứng cử viên hàng đầu của PDS. Ngay sau khi tái đắc cử, Lothar Bisky lên tiếng cảnh cáo những đảng viên “thuộc cánh tả PDS” và nhấn mạnh rằng ông ta sẽ quyết liệt hơn trên phương diện chống đối đường lối chính trị của liên minh cầm quyền Xanh-Đỏ. Ông còn nói thêm là sẽ cố gắng đưa đảng PDS trở lại Quốc Hội Đức trong kỳ bầu cử vào 2006 tới. Cũng nên nhắc lại, Bisky đã cùng với Gysi rời bỏ Hội đồng Lãnh đạo đảng PDS vào năm 2000. Nhưng khi thấy PDS thất bại bị loại ra khỏi nội các Đức sau cuộc bầu cử Quốc hội năm 2002 vì không đạt được 5% số cử tri đi bầu (đảng PDS chỉ có hai Nghị sĩ được bầu trực tiếp vào Quốc hội!) nên ông ta lại trở ra nắm chức đảng trưởng PDS. Riêng Gysi, một nhà chính trị rất được dân Đông Đức mến chuộng thì còn ngần ngại nên chưa thể cho biết có ra ứng cử lại vào năm 2006 hay không, lý do ông ta viện dẫn là vì sức khỏe kém cũng như vì lý do nghề nghiệp, Gysi là một luật sư thời DDR!



Lothar Bisky (PDS)

■ Dân Đức ít đi khám Bác Sĩ

Berlin: Sự cải tổ về y tế đã đem lại kết quả khả quan. Kể từ khi luật cải tổ sức khỏe có hiệu lực thì số bệnh nhân khám Bác sĩ không phải trả tiền đã sút giảm cách rõ rệt so với trước đây. Theo lời của phát ngôn viên Roland Stahl dựa theo thống kê tạm thời của Hiệp hội quỹ bệnh viện Bác sĩ liên bang (KBV) cho biết thì số

người đi khám Bác Sĩ trong quý 3 năm 2004 vừa qua giảm bớt đi khoảng 8% so với cùng thời điểm năm 2003. Lý do là bệnh nhân không muốn trả thêm lệ phí 10 Euro cho ba tháng. Bị ảnh hưởng nặng nề là các Bác Sĩ chuyên khoa, nhất là các bác sĩ mắt bị mất khách khá nhiều. Vào cuối năm 2003, trước khi đạo luật cải tổ y tế có hiệu lực, dân chúng Đức đã đổ xô đi khám mắt để còn có thể lấy giấy Bác sĩ mua được cặp kính mới. Nhưng từ đầu năm 2004 trở đi thì bệnh nhân không còn được sự trợ cấp của các quỹ bảo hiểm trên phương diện này nữa. Ngay cả những ông bác sĩ da cũng lên tiếng than phiền là mất nhiều khách vì bệnh nhân phải tự móc túi trả tiền khi chỉ mua kem thoa da thôi, nên đầu cần đi Bác sĩ! Căn cứ vào sự nghiên cứu của quỹ bệnh viện Bác sĩ Bá Linh, ông Stahl còn cho biết thêm là riêng tại Bá Linh, vùng nào khả năng tài chính yếu thì số người đi khám bác sĩ càng sút giảm nhiều so với những khu vực khá giả hơn. Lý do chính làm cho dân Đức ít đi khám bác sĩ, vì họ sợ mất chỗ làm trong thời kỳ mà số người thất nghiệp đang cao.

■ VW, tranh chấp lương bổng chấm dứt

Hannover: Sau sáu tuần thương thảo, một thỏa hiệp trong cuộc tranh chấp về lương bổng giữa nghiệp đoàn và VW, một hãng chế tạo xe hơi lớn hàng thứ 6 tại Âu Châu đã được hai bên thông qua. Kết quả là công nhân viên sáu chi nhánh thuộc hãng VW tại Tây Đức chấp nhận không tăng lương trong vòng 28 tháng tới và bù vào đó đổi lấy một sự bảo đảm công ăn việc làm cho chính họ! Qua đó, chuyện sa thải công nhân có điều kiện sẽ không xảy ra tại hãng VW cho đến cuối năm 2011. Ngoài ra, hai bên cũng đồng ý là 103 ngàn công nhân viên hãng VW sẽ nhận được số tiền là 1000 Euro cho năm 2005. Xa hơn nữa, VW được quyền trả ít hơn so với mức lương theo biểu lương hiện hành ấn định khi thuê nhận công nhân viên mới. Đại diện nghiệp đoàn và hãng VW, hai bên đều lên tiếng ngợi khen sự thỏa hiệp nói trên cũng như nhấn mạnh rằng đây là cuộc thương thảo rất khó khăn. Trưởng phái đoàn đại diện phía công nhân, ông Harmut Meine nói là họ đã tìm ra được một sự thỏa thuận đúng đắn bảo đảm chỗ cũng như công ăn việc làm trong tương lai. Trong khi đó đại diện hãng VW, ông Josef-Fidellis Senn còn đề cao thêm là kết quả đạt được nói trên đã liên kết sự bảo đảm về việc làm cho nhân viên cùng với sự tiết kiệm cần thiết cho hãng VW. Trong khoảng thời gian khi bắt đầu thương thảo, VW đã cho biết là VW bằng mọi cách muốn tiết kiệm 1 tỷ Euro! Cũng nên nói thêm là sự thỏa hiệp đã được nghiệp đoàn thông qua và thành công cũng nhờ vào sự biểu tình của công nhân viên hãng VW, đình công cảnh cáo nếu không nhượng bộ là họ sẽ làm dữ hơn nữa!

■ Thuế thu nhập của Đức ít đi 5 tỷ Euro

Berlin: Ủy Ban phỏng tính về thuế má đã cho biết trong một buổi họp tại Bremen là tiền thuế thu nhập của Đức trong năm 2004 và 2005 sẽ bị giảm sút mất 5 tỷ so với ước tính của Bộ Tài Chánh vào tháng 5.2004. Bị thiệt hại nặng nề nhất là quỹ liên bang. Tiểu bang chỉ bị thiệt thòi nhẹ trong khi thuế thu nhập tại các làng xã thì lại tăng!

Tính chung thì thuế thu nhập liên bang bị giảm đi 5,8 tỷ Euro; 2,3 tỷ Euro cho năm 2004 và 3,5 tỷ Euro cho năm 2005. Thuế thu nhập tại các tiểu bang bị sút giảm khoảng 1,8 tỷ Euro trong vòng 2 năm tới; 800 ngàn cho 2004 và 1 tỷ Euro cho 2005. Trong khi đó thì các làng xã thu nhập nhiều hơn được 2,3 tỷ Euro: 1,5 tỷ Euro cho năm 2004 và 800 ngàn cho 2005! Theo tin của Bộ Tài Chánh cho biết nguyên nhân đưa đến sự thâm thủng là vì số tiền thuế thu nhập về nhiên liệu và thuốc lá bị giảm sút. Tiền thuế về nhiên liệu ít đi 1,5 tỷ Euro trong hai năm 2004 và 2005. Riêng về thuế thuốc lá thì theo các chuyên gia nói trên sẽ ít đi khoảng 800 ngàn trong năm 2004 nhưng sau đó vào 2005 sẽ thu nhập nhiều hơn 1,1 tỷ Euro. Ngoài ra, dựa theo tin từ Bộ Tài Chánh Đức, liên minh cầm quyền Xanh-Đỏ còn cho biết thêm là chính phủ sẽ đạt được chỉ tiêu mà chính phủ đề ra là vào năm 2005, Đức sẽ không vi phạm tỷ số lạm chi thường niên cao hơn 3% ngân sách nhà nước do qui ước Masstricht ấn định.

■ Đức kỷ niệm 15 năm bức tường Bá Linh sụp đổ



Berlin: Tổng Thống Đức Horst Koehler đã đánh giá ngày 09.11 cách đây 15 năm là một ngày lịch sử đáng kể! Trong cuộc thăm viếng Viện Bảo Tàng ở biên giới Đông và Tây Đức ngày xưa tại vùng Marienborn, TT Koehler còn nói thêm rằng chúng ta (dân Đức) có quyền hãnh diện về diễn tiến cách đây 15 năm đã đạt được dân chủ và tự do bằng một phương sách rất ôn hòa. Dĩ nhiên chúng ta còn nhiều vấn đề phải giải quyết nhưng cũng vì thế rất ư quan trọng là trong tương lai phải luôn luôn nhớ đến sự phân chia nước Đức trước đây. Dân chúng hai bên nên trao đổi tiểu sử lẫn nhau và đừng quên truyền lại cho con cháu biết. Quan trọng là phải duy trì những Viện Bảo Tàng liên hệ đến sự chia đôi nước Đức, điển hình là Viện Bảo Tàng Marienborn. Nhiều khu vực xưa bị rào và nhiều cơ quan kiểm soát trước đây hiện vẫn còn được bảo tồn nguyên vẹn và được sửa chữa lại tại Marienborn.

Trong một buổi lễ kỷ niệm công khai vào chiều ngày 09.11 tại Marienborn thuộc bang Sachsen-Anhalt, Thống Đốc Wolfgang Boehmer (CDU) nhấn mạnh rằng

sự sụp đổ bức tường Bá Linh là một chiến thắng của chế độ dân chủ. Tây Đức đã nhận được “món quà dân chủ” sau năm 1945 và riêng dân phía Đông thì đã tự tranh đấu để giành lại nền dân chủ mà họ mong muốn. Vì thế ngày nay chúng ta có thể hãnh diện về ngày lịch sử này! Tại Bá Linh, bà Chủ tịch đảng CDU, Angela Merkel lên tiếng kêu gọi dân chúng Đức hãy cùng chịu trách nhiệm chung trong tương lai, hãy sẵn sàng cùng nhau vượt qua những trở ngại cũng như hãy can đảm chấp nhận những cải tổ cần thiết.

■ Khối đối lập không còn dẫn đầu nữa

Berlin: Sự ủng hộ đảng CDU, kể từ đầu năm 2004 ngày càng sút giảm. Thước đo về tình trạng chính trị của đảng CDU qua kết quả cuộc thăm dò ý kiến mới đây của Forsa cho thấy là đảng CDU sút nhiều so với tháng trước, chỉ còn độ 38% số cử tri Đức ủng hộ CDU mà thôi, không hơn đảng SPD (33%) bao nhiêu. Ngay cả bà Chủ tịch đảng CDU cũng không còn được ủng hộ như trước đây nữa.

Nếu bây giờ bầu cử Quốc Hội Đức thì kết quả bầu cử sẽ như sau: SPD (33%), Xanh (12%), CDU / CSU (38%), FDP (8%) và PDS (5%). Theo kết quả cuộc thăm dò ý kiến của Viện nghiên cứu về bầu cử Forsa thì vào tháng 2.2004 khối đối lập và FDP được 51% cử tri Đức ủng hộ, nay sút giảm chỉ còn có 46%, trong khi Xanh+Đỏ lại tăng lên đến 45%.

Ngoài ra, dân chúng Đức còn cho biết thêm qua cuộc thăm dò ý kiến nói trên là họ bị quan chưa từng có dựa trên sự phát triển về kinh tế của Đức trong tương lai. Khoảng 51% dân chúng Đức nghĩ rằng kinh tế Đức sẽ còn sút giảm nữa, chỉ có 21% tin rằng rồi đây sẽ khá hơn và 27% thì nghĩ rằng tình hình kinh tế sẽ không thay đổi gì hết! Như vậy, theo Forsa, dân Đức quá sức bi quan về tình hình kinh tế nước Đức, chưa từng xảy ra như thế bao giờ kể từ tháng 11 năm 2002.

■ Schroeder và Eichel khó ăn khó nói

Berlin: Nhằm lấp đi lỗ hổng ngân sách quốc gia, Bộ Trưởng Tài Chánh Đức Hans Eichel và Bộ Trưởng Kinh Tế Clement nảy sinh ra đề nghị là muốn hủy bỏ ngày Quốc Khánh 3.10 của Đức (kỷ niệm ngày nước Đức thống nhất từ 15 năm nay) và Thủ Tướng Schroeder lên tiếng ủng hộ ngay sau đó vì lẽ nếu dân Đức làm việc vào ngày 3.10 thì Eichel có thể thu nhận được tiền thuế trên 500 triệu Euro, đỡ cho ngân sách nhà nước bị thâm thủng biết bao nhiêu vì riêng cho năm 2005 thôi ngân sách nhà nước thiếu hụt khoảng 3,5 tỷ Euro. Ngay sau khi sự việc được báo chí Đức loan tải thì gặp phải sự chống đối từ nhiều phía, ngay từ nội bộ đảng SPD và đảng Xanh đang cùng chia quyền với SPD. Điểm đáng nói là Tổng Thống Đức Koehler lên tiếng chỉ trích và viết thư cho Schroeder yêu cầu xét lại sự việc. Chủ tịch Quốc hội và Chủ tịch công đoàn Đức ông Sommer cũng lên tiếng phản đối. Nhiều chuyên viên kinh tế tỏ thái độ hoài nghi sự tính toán và đề nghị của Eichel. Giới truyền thông Đức thì viết báo chế nhạo Schroeder và Eichel. Xa hơn nữa Chủ tịch các đảng phái đối lập, từ bà Merkel (CDU), đến Stoiber (CSU) và Westerwelle (FDP) đã lên

tiếng kết án Schroeder qua những cơ quan truyền thông Đức là người lãnh đạo thiếu tinh thần yêu nước nên mới đồng tình định hủy ngày Quốc Khánh, ngày lịch sử khó quên của một nước Đức thống nhất.

Nhận thấy không thể thông qua được tại Quốc hội và nhất là sợ bị mất mặt nếu ngay từ nội bộ đảng và đảng Xanh có nhiều Thượng nghị sĩ bỏ phiếu chống thì uy tín sẽ không còn, khó ăn khó nói nên Schroeder đành phải lên tiếng đính chính, rút lại dự định đòi hủy bỏ ngày Quốc Khánh Đức 3.10. Điều mà có lẽ Schroeder khó chịu nhất là sau khi Schroeder tuyên bố vẫn duy trì ngày Quốc Khánh thì báo chí Đức cho chạy nhiều tit lớn lên tiếng cảm ơn Tổng Thống H. Koehler vì nhờ ông ta mà dân chúng Đức không mất đi một ngày nghỉ, đó là chưa kể đến những lời khen ông ta là người có tinh thần ái quốc!

■ CDU, chính trị gia Merz bỏ cuộc

Berlin: Đầu tháng 10.2004 khi được báo chí hỏi là có phải ông có ý định sẽ không ra tranh cử vào ban lãnh đạo CDU thì Merz, xuất thân từ Sauerland, ngập ngừng trả lời rằng ông rất thích làm chính trị nhưng một tuần rưỡi sau, hôm 12.10.2004, ông Friedrich Merz, đại diện cho bà Merkel, Chủ tịch khối Dân biểu CDU/CSU tại Quốc hội, (Merz là cựu Chủ tịch khối Dân biểu CDU/CSU tại Quốc hội và là một chuyên gia về tài chính, thuế má và kinh tế của CDU, một Nghị sĩ có tài tranh luận và là đối thủ đáng ngại của Bộ Trưởng Tài Chánh Đức tại Quốc hội!) bất ngờ gửi thư cho bà đảng trưởng Merkel xin từ chức và còn cho biết là ông ta sẽ không ra tranh cử trong kỳ đại hội đảng của CDU vào tháng 12 sắp tới tại Duesseldorf cũng như sẽ không giữ một chức vụ nào trong Hội đồng Lãnh đạo đảng CDU nữa. Qua sự từ chức của Merz, giới truyền thông và chính trị gia bàn tán xôn xao và đã đưa ra nhiều giả thuyết. Theo những chuyên gia am tường tình hình chính trị Đức thì sự rời bỏ chính trường của Merz là dấu hiệu cho thấy Merz hầu như mất ảnh hưởng và không còn tiếng nói nào trong nội đảng CDU. Lý do, gần đây hầu như những chính sách do Merz đề xướng đều không được giới lãnh đạo hai đảng CDU và CSU quan tâm, lưu ý đến. Ngay cả những đề nghị của Merz liên quan đến sự cải tổ về thuế má không nhiều thì ít cũng bị lơ đi, cho ra rìa. Cuối cùng đề nghị của ông Falthäuser, Tổng Trưởng Tài Chánh bang Bayern liên quan đến sự cải tổ về thuế má Đức được thông qua và sẽ được đem ra áp dụng nếu khối đối lập thắng trong kỳ bầu cử Quốc Hội vào 2006, trong khi đó chương trình cải tổ thuế ba giai đoạn của Merz chỉ được ghi nhận là có thể sẽ được lưu ý đến vào một thời điểm khác sau đó. Nhiều chuyên gia về kinh tế và chính trị gia Đức lên tiếng luyến tiếc thì sự ra đi của Merz, nhưng cũng chỉ gây nên tiếng vang nhỏ trong nội đảng CDU mà thôi. Tuy bà đảng trưởng cũng đã nói là lấy làm tiếc vì F. Merz bỏ cuộc nhưng giới thông thạo thì lại cho rằng Merz ra đi chỉ vì giữa Merz và bà Merkel vốn đã có sự rạn nứt kể từ khi Merz bị bà Merkel hất ra khỏi chức Chủ tịch khối Dân biểu CDU/CSU tại Quốc hội sau khi khối đối lập thất bại trong

cuộc bầu cử Quốc Hội Đức vào tháng 09.2002 trước đây.

Sau khi Merz bỏ cuộc, bà Merkel đề nghị đưa ông Wolfgang Schaeuble vào thay thế chỗ trống của ông Merz. Schaeuble (từng là cựu đảng trưởng đảng CDU, trước bà Merkel!) sau khi suy nghĩ lên tiếng từ chối viện dẫn lý do là ông ta muốn tiếp tục giữ trách nhiệm trong vai trò đại diện Chủ tịch đảng, phát ngôn viên về chính sách an ninh đối ngoại của CDU. Tuy nhiên giới thông thạo trên chính trường Đức thì lại cho rằng sự từ chối của ông Schaeuble là một hình thức gián tiếp trả đũa bà Merkel vì trước đây bà Merkel, thay vì ủng hộ ông ta vào chức vụ Tổng Thống Đức đã công khai lên tiếng ủng hộ ông Horst Koehler (đương kim TT Đức). Qua sự từ chối của Schaeuble, nội đảng CDU xôn xao, bàn tán về uy tín của nữ đảng trưởng. Cho nên ngay sau đó, bà Merkel đã đề cử ngay hai chính trị gia của đảng CDU mà lâu nay ít ai biết đến là hai ông Michael Meister và Ronald Pofalla thay thế Friedrich Merz vào chức vụ đại diện Chủ tịch khối Dân biểu CDU/CSU tại Quốc Hội. Ông Meister, 43 tuổi, sẽ là phát ngôn nhân về ngân sách và tài chính nhà nước; còn ông Pofalla, 45 tuổi, sẽ giữ vai trò phát ngôn nhân về kinh tế và lao động cho khối đối lập CDU/CSU, một trách vụ mà Friedrich Merz đã một mình kiêm nhiệm trước đây.



(F. Merz và Angela Merkel, CDU)

■ Cải tổ luật thuê nhà ở Đức

Berlin: Theo tin báo chí loan tải thì liên minh cầm quyền Xanh-Đỏ dự tính là sẽ thay đổi luật thuê nhà ở Đức để từ đó những người muốn nhà ở có thể hủy bỏ hợp đồng thuê nhà dài hạn mà họ đã ký kết dễ dàng hơn trong tương lai.

Như nhật báo Handelsblatt, căn cứ vào dự luật của chính phủ, cho biết thì người đi muốn nhà ở có thể hủy bỏ hợp đồng thuê nhà trong thời gian ba tháng, kể cả trường hợp họ đã thuê nhà lâu năm rồi (vì thời gian hủy hợp đồng tùy thuộc vào thời gian ở trong nhà đang muốn, đôi khi sau 12 tháng hợp đồng thuê nhà mới hết giá trị!). Luật mới này sẽ ảnh hưởng đến khoảng 14 triệu hộ khẩu. Ngoại lệ chỉ trong trường hợp hai bên thỏa thuận riêng với nhau một thời gian nhất định nào đó để hủy bỏ giao kèo trên hợp đồng ký kết. Qua dự định cải tổ luật thuê nhà ở Đức, liên minh cầm quyền Xanh-Đỏ muốn lấp đi chỗ trống mà cơ quan lập pháp Đức đã để lại sau sự cải tổ về luật thuê nhà tại Đức vào năm 2003. Vào năm 2001,

thời hạn người ở thuê có quyền hủy hợp đồng thuê nhà là ba tháng nhưng vào năm 2003, Tòa án tối cao liên bang Đức đã tuyên án là luật nói trên vô giá trị dựa theo những hợp đồng hiện hữu đã ký kết với nhiều khoảng thời gian khác nhau để hủy bỏ hợp đồng, tùy theo thời gian đương sự đã trú ngụ trong căn nhà.

Nay với đạo luật mới này, chính phủ Đức chỉ muốn tu chỉnh lại bản án cũng như luật thuê nhà ở Đức trong tương lai.

■ Hậu quả song hôn, mất quốc tịch Đức

Lueneburg: Vì tội song hôn nên một người ngoại quốc, đầu đã nhập tịch Đức nhưng bây giờ thì bị mất quốc tịch. Đây là kết quả trong một vụ kiện tụng tại Tòa án hành chính tối cao (OVG) vùng Lueneburg. Tòa án OVG Lueneburg cũng có cùng quan điểm với Tòa án hành chính Braunschweig và đã bác bỏ đơn kháng án của bị can, một người đàn ông ngoại quốc có hôn thú với một bà Đức và đồng thời cũng là chồng của một người đàn bà cùng chủng tộc, gốc Pakistan (Hồ sơ số: 14 LA 58/04).

Đương sự nhập tịch Đức năm 1998. Vào thời điểm này y không những kết hôn với một người đàn bà Đức mà lại còn có hôn thú hơn 10 năm với một người đồng hương. Căn cứ vào dữ kiện này Tòa án OVG Lueneburg đã tuyên án rút lại quốc tịch Đức, lý do viện dẫn vì đương sự đã không rõ ràng trên phương diện muốn “sắp xếp mình vào một đời sống chung” theo luật vợ chồng Đức đã qui định.

Đối với luật Đức, song thê không những bị cấm mà còn bị trừng phạt!

■ Nữ Hoàng Anh viếng thăm Đức



Berlin: Ngày 02.11.2004, Nữ Hoàng Anh Queen Elisabeth II đã viếng thăm Đức trong 3 ngày vì đã nhận lời mời của cựu Tổng Thống Johannes Rau trước đây. Tân Tổng Thống Đức Koehler là người kế vị nên phải làm tròn nhiệm vụ ông Rau để lại. Lý do Queen Elisabeth II thăm Đức vì nước Đức là một trong những đồng minh thân cận của Anh quốc và xa hơn nữa, lần viếng thăm nước Đức sau cùng cách đây đã 12 năm.

Theo lời của Đại sứ Anh tại Đức, ông Peter Torry cho biết thì đây là lần viếng thăm thứ 4 của Queen Elisabeth đệ nhị sau 1965, 1976 và 1992. Đây cũng là một ngoại lệ và vinh dự cho nước Đức vì cho tới giờ Nữ Hoàng Anh chỉ thăm viếng bốn lần hai quốc gia trên thế giới là Mỹ và Pháp. Đức là quốc gia thứ ba! Trong chuyến công du này, Nữ Hoàng Anh Elisabeth đệ nhị viếng thăm thành phố Bá Linh, kế đến là Postdam thuộc tiểu bang Brandenburg và sau cùng là ghé thăm tiểu bang Nordrhein Westfalen (NRW).

Cũng nên nói thêm là nước Đức mời Queen Elisabeth II sang nên quý quốc gia phải đài thọ tất cả phí tổn như chuyên chở và ăn ngủ cho bà nữ hoàng, phu quân và 15 người tháp tùng trong phái đoàn đại biểu Anh quốc.

Đây là luật thường được áp dụng trong khối Liên Âu. Những vị nguyên thủ quốc gia sang viếng thăm Đức thường ở trong những khách sạn sang trọng và riêng tại Bá Linh, phần nhiều ngủ ở khách sạn Adlon.

■ Platzeck, tân Thống Đốc Brandenburg

Potsdam: Ba tuần sau khi thắng trong cuộc bầu cử Nghị viện bang Brandenburg, Nghị viện Postdam (gồm 88 Nghị sĩ) đã tái tín nhiệm và bầu tỉnh bộ trưởng SPD Brandenburg, ông Matthias Platzeck, 50 tuổi với 47 phiếu thuận (trong tổng số 87 phiếu vì 1 Nghị sĩ khiếm diện) vào chức vụ Tân Thống Đốc tiểu bang Brandenburg sau khi đã thỏa thuận liên minh với CDU để cầm quyền tại đây. Tính ra có 6 Nghị sĩ không bầu cho Platzeck vì SPD/CDU chiếm 53 ghế trong chính quyền và đây là ngạc nhiên lớn đối với những nhà quan sát chính trị bang Brandenburg mà theo họ, nguyên nhân không được sự ủng hộ tuyệt đối vì Platzeck đã thay đổi tân nội các của ông làm cho vài Tổng Trưởng trong nội các của Platzeck trước đây mất chức, điển hình là hai vị Tổng Trưởng Giáo Dục và Kinh Tế. Cũng nên nhắc lại, đảng PDS đứng hạng nhì sau SPD trong cuộc bầu cử Nghị viện vừa qua nhưng vì đường lối chính trị hai đảng SPD và PDS quá khác biệt nhau nên hai bên đã từ chối không chịu liên minh và SPD đành phải thương lượng với CDU, điều dễ hiểu thôi vì hai đảng này đã từng có kinh nghiệm làm việc chung với nhau từ năm 1999, trong nhiệm kỳ trước.

■ 100 ngàn nhiều hơn thống kê

Nuernberg: Thống kê về số người thất nghiệp có lẽ sẽ nhiều hơn khoảng 100 ngàn như đã tính vào đầu năm 2005! Như vậy những người sống chung với những ai thất nghiệp kinh niên cũng phải đăng ký thất nghiệp dựa theo luật trợ cấp thất nghiệp ALG II qui định.

Theo lời của bà phát ngôn nhân của Tổng Cục Lao Động Liên bang Đức cho biết qua báo Stuttgarter Zeitung thì sẽ có thêm một số người mới nữa lọt vào thống kê thất nghiệp. Cho đến nay, vợ của một người nhận tiền trợ cấp thất nghiệp không phải đăng ký để tìm việc làm. Người chồng vẫn nhận được trợ cấp nếu người vợ ở nhà làm nội trợ. Nhưng kể từ tháng giêng 2005 trở đi, số tiền ALG II sẽ không còn được tính theo mức tiền lương sau cùng nữa mà tùy theo sự cần thiết chung.

Luật mới đã ấn định là không phải chỉ có người thất nghiệp thôi mà tất cả những ai cùng sống chung trong một hộ khẩu cũng phải góp phần vào việc giải quyết tình trạng “cần sự giúp đỡ...” Vì thế người vợ cũng phải đăng ký để cho thị trường nhân dụng sử dụng. Bộ Kinh Tế liên bang chưa có được một con số nhất định nào cả nhưng phỏng đoán là sẽ có độ 100 ngàn người thuộc diện này. Ngoài ra còn có thêm khoảng 200 đến 400 ngàn người lãnh tiền thất nghiệp nhưng hội đủ tiêu chuẩn “có khả năng làm việc”, cũng lọt vào thống kê dựa theo sự cải tổ Hartz IV. Bên cạnh đó Tổng cục Lao động liên bang dự tính là sẽ có khoảng 400 ngàn không được nhận trợ cấp ALG II dựa vào tiêu chuẩn gặt gao của Hartz IV, vị chi sẽ không còn nằm trong số thống kê. Những ai lãnh trợ cấp ALG II trong tương lai sẽ nhận được giấy báo của Tổng cục Lao động, bắt đầu từ ngày 08.11.04.

■ Thất nghiệp Đức giảm nhẹ

Nuernberg: Theo tin Tổng cục Lao động cho biết thì số người thất nghiệp giảm nhẹ trong tháng 10 vừa qua nhưng vẫn còn nằm ở mức độ rất cao vì kinh tế Đức chưa đủ sức hồi sinh để có thể tạo thêm nhiều chỗ làm! Hiện tại trên toàn nước Đức có 4,22 triệu người thất nghiệp, tính ra giảm bớt khoảng 20 đến 40 ngàn so với tháng 09.2004 và theo giới chuyên gia thì sự sút giảm kể trên chỉ ở mức độ trung bình giống như trong thời gian từ năm 2001 đến 2003.

Những chuyên gia phân tích ngành ngân hàng ước tính rằng số người thất nghiệp ở Đức tăng lên khoảng 63 đến 85 ngàn. Tuy nhiên, nếu kể luôn số người thất nghiệp đang hàm thụ trong những biện pháp thực tập (vì kể từ đầu năm 2004 này họ không bị tính vào tổng số người thất nghiệp ở Đức!) thì số người thất nghiệp cao hơn so với con số Tổng cục Lao động đã công bố và cũng theo những chuyên gia này, có lẽ chiếm kỷ lục cao nhất trong tháng 10 kể từ khi nước Đức thống nhất.

Ngoài ra những nhà phân tích đã có cùng một nhận định là nền kinh tế Đức hiện đang ở thể quân bình. Vào mùa đông sắp tới, họ ước tính là số người thất nghiệp sẽ vượt qua mức 5 triệu. Lý do vì qua Hartz IV tiền trợ cấp thất nghiệp ALG II có hiệu lực kể từ đầu năm 2005 sẽ làm cho thống kê số người thất nghiệp ở Đức tăng thêm độ 300 ngàn, số người xưa nay lãnh tiền trợ cấp xã hội nhưng bắt đầu từ tháng giêng 2005 trở đi sẽ không còn hội đủ tiêu chuẩn để lãnh tiền trợ cấp xã hội nữa, dựa theo sự cải tổ Hartz IV.

■ Georg Milbradt gặp khó khăn vòng đầu

Dresden: Đường kim Thống Đốc Milbradt CDU đã được bầu vào chức vụ Tân Thống Đốc bang Sachsen nhưng ông ta không được sự ủng hộ nhất trí của liên minh CDU/SPD tại nghị viện bang này.

Milbradt, 59 tuổi, sau khi thất bại đợt bầu cử đầu vì chỉ có 62 phiếu (không đạt được 63 số phiếu tuyệt đối ủng hộ cần phải có trong tổng số 124 ghế tại Nghị viện, nên phải bầu lại và đã được tái tín nhiệm vào chức vụ Thống Đốc bang Sachsen vào đợt hai qua một cuộc bầu cử kín với 62 phiếu thuận trong 122 số Nghị sĩ hiện diện. Tính ra có đến 5 phiếu chống, lý do liên minh CDU/SPD có

đến 68 Nghị sĩ, ngoài lá phiếu của một Nghị sĩ vắng mặt vì bị bệnh.

Điểm đáng lưu ý là đảng cực hữu NPD cũng cử đại diện là ông Uwe Leichsenring ra tranh chức Thống Đốc với Milbradt. Cho ông Leichsenring có 14 Nghị sĩ ủng hộ và như vậy ít ra Leichsenring cũng nhận được 2 phiếu từ các đảng dân chủ tham chính trong Nghị viện. Như chúng tôi đã tiên liệu trong số báo trước, liên minh CDU và SPD cần thiết cho bang Sachsen (mặc dầu SPD thua PDS trong kỳ bầu cử cách đây 7 tuần) vì đảng CDU đã mất đi 16% số cử tri đi bầu ủng hộ so với năm 1999 và không còn chiếm đa số tuyệt đối tại Nghị viện bang Sachsen nữa!



(Georg Milbradt, CDU)

■ Năm 2005 công nhân Đức sẽ trả thuế ít hơn

Những ai đi làm ở Đức sẽ vui mừng hơn vì qua sự cải tổ về thuế má họ sẽ nhận được nhiều tiền lương vào túi hơn sau khi đã trừ thuế rồi vào năm 2005!

Luật cải tổ thuế Đức giai đoạn ba có hiệu lực bắt đầu từ tháng giêng 2005 trở đi. Qua đó thuế ít nhất phải đóng được giảm từ 16% xuống còn 15%. Tính ra nếu ai còn độc thân, không con, ví dụ với số lương hàng năm là 35 ngàn Euro sẽ lãnh nhiều hơn 254 Euro. Ai kiếm được 50 ngàn Euro / năm lãnh nhiều hơn 716 Euro. Tuy nhiên đối với ai có gia đình và không con thì chẳng được ảnh hưởng tốt là bao nhiêu. Một cặp vợ chồng tỷ dụ có số lương là 35 ngàn thì thay vì phải trả thuế 3.178 Euro như trước đây thì tiền thuế đóng trong năm 2005 là 3.114 Euro, vị chi lãnh thêm vồn vện có 64 Euro. Cặp vợ chồng nào kiếm được 50 ngàn Euro/năm thì tiền thuế tối đa chỉ giảm được 148 Euro!

LNC (Munich Tháng 10–11.2004)

Sưu tầm và phiên dịch từ các báo der Spiegel, SZ, AZ, TZ, Bild, FAZ, die Welt,, Handelsblatt, Focus, N-TV....





Phân tích tình hình

THẾ GIỚI NĂM 2004

Phan Ngọc

■ NGA.

Vladimir Poutine không cần chờ đợi lâu hơn để tăng cường quyền lực sau thảm kịch Breslan. Tiến đến quyền hành bằng cách phóng ra chiến tranh Tchetchenie lần 2 vào mùa thu năm 1999, Tổng Thống Nga không còn che đậy mưu toan của ông. Ông còn thích thú phô bày quan điểm của ông về chính sách và cái nhóm của ông liên quan đến mối liên hệ quốc tế. Quan điểm của ông còn chịu ảnh hưởng đến nghề nghiệp của ông thời Liên Bang Xô Viết: Nhân viên mật vụ KGB ở Đông Đức. Qua những lời phát biểu, ông luôn luôn nhắc đến Liên Xô. Điều này không có nghĩa là Poutine còn luyến tiếc một hệ thống lạc hậu bị đảo thái không hợp thời trước một sự mở mang hiện đại. Nhưng ông đưa ra một phân tích tương quan lực lượng hết sức cặn kẽ: Liên Xô là một sức mạnh đáng nể sợ mà Nga có thể ẩn sau để thủ một vai trò xứng đáng với lịch sử của mình. Sự sụp đổ của hệ thống Xô Viết xem như một phương pháp tổ chức xã hội, một yếu tố tổ chức trật tự thế giới, để chia lại các lá bài mang lợi điểm cho Tây phương nói chung, cho Mỹ nói riêng.

Trong những lần so sánh với Mỹ, mục tiêu của TT Nga là làm thế nào để Nga tìm lại chỗ đứng khuất tởng sau khi Liên Xô bị tan rã. Mỹ vừa là kiểu mẫu, người đối thoại chủ yếu vừa là đối thủ, nếu không muốn nói là địch thủ. Theo quan điểm này, Âu Châu chỉ thủ một vai trò phụ, hoặc khá hơn vai trò khách hàng nguồn tài nguyên năng lượng vô tận, hoặc xa hơn là một con chốt để Nga sử dụng hầu châm chọc Mỹ hoặc gia tăng uy thế của Nga.

Nhưng mỗi ám ảnh đích thực của Poutine là Nga có thể gánh chịu số phận của Liên Xô. Lãnh thổ Nga đã co lại nếu so sánh với thời Nga Hoàng vì Nga đã mất 3 nước Balte, Ukraine và vùng Crimée lịch sử. Cho nên Tchetchenie tự nó không phải là một mối lo, nhưng có thể tạo nên một tiền lệ vết dầu loang ở vùng Caucase như báo trước quyền lực Nga sẽ tan vỡ ở địa phương. Dưới mắt Poutine, Tchetchenie là một thao trường, từ đây kẻ địch có bàn đạp phóng ra những cuộc tấn công thẳng vào trung tâm của Nga.

Theo ước tính của Poutine, những cuộc tấn công có thể đến từ 2 phía: Hồi giáo cực đoan tấn công Nga xem như thành trì của nền văn minh Thiên Chúa giáo; như thời chiến tranh lạnh, một vào phe Tây phương còn nghĩ Nga yếu thế sẽ có lợi cho khối Tây phương. Nhưng họ không nghĩ rằng Nga hùng mạnh là một pháo đài chống bạo tàn.

Nếu dựa vào quan điểm của Mạc Tư Khoa, pháo đài này đang lung lay, ít nữa ở phía sườn phía Nam Đông Nam. Poutine luôn nhấn mạnh Nga không có biên giới nói theo nghĩa quốc phòng. Nói đúng hơn, Nga kiểm soát được biên giới phía Tây, nhưng không mang đến một lợi ích nào. Ngược lại, biên giới rất lỏng lẻo hoặc không có thật ở phía

Nam và Đông Nam, phía vòng cung Rập, nơi cực đoan hoành hành.

Biên giới Xô Viết không còn khi các nước Cộng Hòa vùng Caucase hoặc vùng Trung Á thu hồi độc lập. Các nước này hợp thành một chảo nước sôi hơn là vùng trái độn. Ví dụ: 6.000 km biên giới Nga- Kazakhtan không được kiểm soát.

Mạc Tư Khoa có 2 chọn lựa: Hoặc thành lập những chốt kiểm soát dọc theo biên giới mới, nhưng giá phải trả quá cao; hoặc mang quân đến kiểm soát biên giới Liên Xô cũ, bây giờ là biên giới của những nước độc lập, có nghĩa là bắt buộc phải đặt các nước này dưới trướng, có nghĩa là tìm cách thống trị, xúi giục ly khai như ở Georgie. Nhưng các nước vùng Caucase không đồng ý với điều gọi là hơi hướng đế quốc. Cuộc tấn công Beslan cũng như những khó khăn dai dẳng ở Georgie nhắc nhở cho biết vùng Caucase chứa đầy căng thẳng lúc nào cũng có thể bùng nổ. Vì lý do này, sự có mặt của Mỹ ở các nước Cộng Hòa Trung Á vừa là một yếu tố ổn định vừa là một thách thức.

Mặc cảm bị bao vây càng sâu xa hơn được thổi bùng bởi 10 năm chuyển tiếp hậu Cộng Sản đã làm cho xã hội và nền kinh tế Nga quá suy yếu. Dĩ nhiên, Poutine không thể trở lại với hệ thống kinh tế chỉ huy. Dù ông muốn, ông vẫn biết con đường này không thể là con đường phẳng lặng, nên ông muốn Nga hội nhập vào nền kinh tế thế giới.

Tuy nhiên, TT Nga hy vọng mang lợi về cho quốc gia qua sự kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp những địa hạt chiến lược, năng lượng chẳng hạn xem như những công cụ chính trị, đồng thời là nguồn ngoại tệ thuế má to lớn. Vì vậy, ông tấn công công ty dầu hỏa loukos; việc làm gây chia rẽ trong hàng ngũ kinh tài Nga, gây lo ngại cho các nhà đầu tư ngoại quốc, nhưng được quần chúng hoan nghênh, nhất là khi chính quyền chống các nhà đầu cơ Nga gốc Do Thái.

Niềm tin chắc chắn của Poutine là chưa đúng lúc để Nga có một nền tự do dân chủ. Kết luận: Phải kiểm soát chặt chẽ và người ta tin tưởng Poutine trong nhiệm vụ này. Ông đã chứng tỏ ý đồ của ông qua sự kiểm soát các cơ quan ngôn luận, bãi bỏ sự đối lập ở Quốc Hội. Theo ông, những gì thích hợp với Nga cũng thích hợp với những nước Cộng Hòa chung quanh, nhất là ở vùng Caucase, nơi mà theo chủ nhân điện Cẩm Linh, nguyên tắc một người dân một lá phiếu là dẫn đến “chế độ bộ lạc”.

Khi Poutine nói mỗi dân tộc đều có quyền sử dụng những công cụ dân chủ theo cách riêng của mình, theo truyền thống lịch sử và xã hội, ông diễn tả một quan niệm và quyền hành; một quan niệm dính líu đến sự thụ lùi trên mọi khía cạnh, đối chứng với những tiến bộ vào những năm gần đây, từ khi Cộng Sản tàn lụi.

Khuynh hướng độc tài đang xuất hiện giữa thanh thiên bạch nhật. Nó sẽ chùng lại không phải vì người ta sẽ tôn trọng Nhà nước pháp quyền và luật pháp mà vì xã hội Nga đang ở trong thời kỳ tha hóa trầm trọng.

■ LIÊN HIỆP ÂU CHÂU.

Kể từ khi Hiệp ước La Mã được ký kết vào năm 1957, Âu Châu nhiều lần nở rộng. Nhưng chưa bao giờ Âu Châu quá dè dặt như lần này khi Âu Châu chuẩn bị thu nhận một nước mới, ở đây là Thổ Nhĩ Kỳ. Một hồ sơ không ngọt gây sôi nổi trong chính giới và dư luận, chưa kể đến Mỹ cương quyết duy trì mối liên hệ song phương với Thổ.

Kể từ đầu thập niên 1990, Thổ có 3 sự lựa chọn về địa lý chiến lược: Thiên về Âu Châu; xích lại gần thế giới Rập Hồi giáo; liên kết với các dân tộc gốc Thổ ở vùng Trung Á

Châu. Đối với Thổ, lựa chọn Âu Châu là một sự lựa chọn hấp dẫn nhất. Nhưng nếu Âu Châu hoặc lần nữa hoặc không chấp nhận, 2 sự lựa chọn còn lại sẽ trở thành quan trọng.

Hai sự lựa chọn khác, Hồi giáo hoặc Đại Thổ sẽ có những hậu quả ghê gớm cho sự ổn định ở sườn Đông Nam Âu Châu. Chỉ cần Thổ mưu toan thống trị các dân tộc gốc Thổ, thì một trung tâm khủng hoảng sẽ thành hình và cộng với bài toán Caucase, nó sẽ có những kích thước đáng lo ngại. Âu Châu mong muốn bài toán Trung Đông, kể luôn Irak vì bài toán rìa xung quanh Địa Trung Hải của cựu Liên Xô không lẫn lộn với nhau. Và giữa 2 vòng khủng hoảng ấy, 2 nước Iran và nhất là Thổ hợp thành một cái chốt cực kỳ quan trọng. Chơi lá bài Đại Thổ là phá vỡ cái chốt ấy và Âu Châu sẽ mất tất cả ảnh hưởng. Do đó, Âu Châu sẽ lệ thuộc vào thái độ của Mỹ, vào sách lược mở hoặc khóa cái chốt đó của Mỹ. Sự lựa chọn thứ ba, xích lại gần thế giới Hồi Giáo cũng gây nguy hiểm không kém. Kể từ nhiều thập niên, vùng Cận và Trung Đông là vùng gây nhiều khó khăn trở ngại cho nền ngoại giao quốc tế.

Nếu không thấy viễn ảnh hội nhập Liên Hiệp Âu Châu, Thổ sẽ xích lại gần vùng bất ổn định nêu trên, như thế lôi kéo trung tâm khủng hoảng Cận Đông đến gần trung tâm Âu Châu. Trong trường hợp này, Âu Châu có một biên giới trực tiếp với thế giới Rập Hồi giáo. Vấn đề tiên quyết là Âu Châu có cơ may nào để ảnh hưởng đến sự mở mang chính trị, kinh tế ở vùng đó. Âu Châu không thể đứng xa những bài toán của thế giới Rập Hồi giáo. Cho đến giờ, mỗi cơn khủng hoảng của thế giới ấy đều tác động tức khắc đến Âu Châu. Sự hội nhập của Thổ sẽ giúp Âu Châu can thiệp tích cực vào đường lối chính sách của thế giới Rập. Điều này cũng có thể gây nên nhiều nguy hiểm, nhưng nếu Thổ đứng ngoài Âu Châu, nguy hiểm sẽ nhiều hơn.

Sườn Đông Nam của Âu Châu, đặc biệt vùng Balkan cũng là một vấn đề lâu dài của Âu Châu. Người ta không thể tạo ổn định trật tự ở vùng Balkan qua sự hội nhập của Lỗ Ma Ni và Bào Gia Lợi. Điều này có thể có được với sự hội nhập của Thổ. Mỹ luôn luôn nắm vững điều này, cho nên thời Đông Tây chạm trán, ngoài Tây Đức, Thổ là đồng minh quan trọng nhất của Mỹ ở NATO. Cũng vì lý do này, Mỹ không thể ngồi yên nhìn Thổ trôi giạt đến thế giới Hồi giáo, Thổ kết hợp với thế giới Hồi giáo là tăng ảnh hưởng của quân đội, hoặc quân đội có thể cướp chính quyền. Nếu điều này thành sự thật, người ta sẽ mất đi một khâu quan trọng góp phần tăng cường dân chủ ở địa phương, vùng xa hơn nữa, sự xung khắc giữa Thổ và Hy Lạp có thể bùng nổ trở lại. Liên Hiệp Âu Châu có thể nói rộng vô tận mà không mất linh hồn? Nói rộng có thể tương xứng với sự thống nhất về mặt chính trị? Nhưng chấm dứt sự nói rộng trước khi thân nhận Thổ sẽ mang đến hậu quả tai hại. Âu Châu bắt buộc phải tạo ổn định ở biên giới và vùng xung quanh. Thân nhận Thổ là một phương sách củng cố Âu Châu. Từ chối chính sách này là bỏ rơi Âu Châu vào vòng quỹ đạo của Mỹ.

■ IRAK.

Ba tháng sau vụ mưu sát World Trade Cenier, một nhà bình luận tuần báo Newsweek viết: Để Irak chờ đợi, thanh toán Al Quaida. Tại sao TT Bush không lưu tâm đến lời cảnh báo này. Không có một giải thích nào về phía chính quyền. Nhưng người ta biết Thứ Trưởng Bộ Quốc Phòng Mỹ, Pail Wolfowitz và một cố vấn khác khuyên nên đánh Irak, không cần chờ đến ngày 11-9-2001.

Mang quân đánh Irak, TT Bush nhắm vào 4 mục tiêu:

1. Ngăn chặn không cho S. Hussein tác hại đến thế giới nói chung và Do Thái nói riêng.

2. Lật đổ một trong những chế độ phi nhân nhất.

3. Giúp đỡ dân tộc Irak có những thiết chế dân chủ như một bài học cho toàn vùng, nhất là cho Vương quốc Saoudite.

4. Nhờ tất cả các điều ấy, nhờ cuộc đối thoại Do Thái - Palestine, đặt nền tảng cho một Đại Trung Đông hòa bình bảo đảm an ninh và mở mang toàn vùng và tạo ổn định cho thị trường dầu hỏa. Nhưng sau chiến thắng quân sự, giai đoạn hậu chiến tranh đã chấm dứt ào ạt.

Mỹ đã đạt một trong những mục tiêu: Lật đổ S. Hussein. Nhưng Mỹ phạm một sai lầm là xem Hussein như một Bin Laden khác. Bin Laden chủ yếu là 1 nhà Hồi giáo cực đoan, tin tưởng có nhiệm vụ thiêng liêng giải phóng đồng đạo thoát khỏi tay của Mỹ. Dù quá giàu có, nhưng Bin Laden sống thanh đạm không như những ông Hoàng vùng Vịnh. Ngược lại, Hussein rất yêu thích những dinh thự lộng lẫy, thích xi-gà, vui sống, một người không tin đạo, một thời đã thu hút nhiều nhà lãnh đạo Tây Phương và Liên Xô.

Mỹ đã gây chiến tranh không chính đáng, ở một nơi không thích hợp và chống một kẻ thù thứ yếu. Dân Irak không mang vòng hoa đến đón tiếp quân Mỹ. Mỹ đổ vào chiến tranh hàng tỷ đô-la. Chính phủ Irak lâm thời được đa số dân Irak xem như công cụ của Mỹ. Không còn vấn đề biến cựu Mesopotamie thành một viện thí nghiệm dân chủ cho vùng và bất ổn xung quanh các giếng dầu, các ống dẫn dầu hình như góp phần vào cơn khủng hoảng dầu hỏa với hậu quả tai hại.

Một vấn đề khác là chế độ Hussein sụp đổ có mang lại hiệu quả nào trong công cuộc chống khủng bố Al Quaida? Tướng cướp thành Bagdad là một kẻ vô tín ngưỡng từng có uy tín nhờ chống lại chủ nghĩa cực đoan Iran. Đối với Hussein, không bao giờ có vấn đề hợp tác với Bin Laden. Sự can thiệp vũ trang của Liên Quân Anh-Mỹ đã mở biên giới cho các nhà tu hành cuồng tín đến Irak hoành hành, tổ chức các vụ ám sát mưu sát, các vụ chặt đầu con tin.

Cuộc huy động chống khủng bố Nga, TQ, Lybie chắc chắn đã ngăn chặn được nhiều thảm kịch. Hiện giờ, không có vụ khủng bố nào ở Mỹ, nhưng có vụ Madrid, nhiều vụ ở Phi Luật Tân, Mã Lai Á, Arabie Saoudite, Thổ Nhĩ Kỳ, Tunisie, Maroc. Không ai có thể biết chắc khủng bố sẽ đánh ở đâu.

Bin Laden và đồng bọn có nhiều tài nguyên, buôn lậu thuốc phiện ở A Phú Hãn, được một vài tổ chức xem như từ thiện ở Arabie Saoudite tài trợ. Nhiều kẻ chiến đấu đến tận huấn luyện các trung tâm huấn luyện của họ. Những kẻ này có học thức cao, biết lái phi cơ và sử dụng các loại vũ khí tối tân. Họ tử cố vô thân, dành hàng tháng hàng năm để chuẩn bị các vụ mưu sát, giương Đông kích Tây và biến mất không để lại dấu vết. Điều này nhân danh về một cái nhìn về lịch sử, tổ cáo Tây phương đã xâm chiếm và cướp phá thánh địa của đấng Tiên tri, từ Jerusalem đến Medine, Fallouja và Nadjaf, có tội thích trụ lạc.

Có thể tóm tắt tình hình hiện nay như sau:

1) Mỹ có đủ khả năng tiêu diệt bất cứ chính quyền nào không phân biệt với Mỹ. Điều này không được lòng dân nhưng làm cho người ta sợ hãi.

2) Nghèo đói, chủ nghĩa dân tộc Rập, thiên kiến Tôn giáo, các chế độ Rập suy yếu sẽ gây thất bại cho Mỹ nếu Mỹ không có một đường lối xây dựng. Sự có mặt dai dẳng

của Mỹ có thể gây tổn hại lâu dài cho hòa bình và uy tín của Mỹ trên thế giới.

Đa số dân Irak muốn Mỹ rút quân. Từ đó, người ta nghi ngờ ý đồ tổ chức bầu cử của Mỹ và của chính phủ lâm thời Irak. Nhưng tổ chức bầu cử tự do công bằng là một dịp duy nhất để cho Mỹ thoát khỏi cái bẫy do Mỹ giăng ra cho mình. Vì thế Hoa Thịnh Đốn đang đứng trước 4 sự thật:

1. Khối Rập thù hận Mỹ vì đường lối của Mỹ ở thế giới Rập. Thật vậy, cho đến lúc chiến tranh 6 ngày năm 1967 xảy ra, sức mạnh bị Rập căm ghét là Pháp, không phải Mỹ. Một nước Pháp tra tấn các nhà kháng chiến Algerie, tham dự cuộc tấn công Ai Cập năm 1956, một nước Pháp cung cấp vũ khí cho Do Thái và giúp đỡ Do Thái sản xuất vũ khí nguyên tử. Trong thời gian này, Mỹ được Rập yêu mến. Điều này có nghĩa là Rập thay đổi đường lối một khi mà Mỹ thay đổi đường lối.

2. Irak tiếp tục kháng chiến nếu Mỹ tiếp tục chiếm đóng. Mỹ đang xây dựng 14 căn cứ cố định tại Irak. Ứng cử viên Kerry đề nghị duy trì quân đội ít nhất trong vòng 4 năm, TT Bush đề nghị 20 năm.

3. Không có một chính phủ Irak nào đứng vững nếu Mỹ rút lui, nếu chính phủ Mỹ không tỏ bằng chứng chống sự chiếm đóng.

4. Một chính quyền dân chủ là một chính quyền phản chiếu thành thật nguyện vọng của dân. Một chính phủ Rập nào dân chủ là một chính phủ chống Mỹ.

Một khi mà 4 chân lý nêu trên được chấp nhận, thì người ta có thể thấy ánh sáng ở cuối đường hầm. Kịch bản có thể diễn tiến theo những giai đoạn sau đây:

1. Bầu cử tự do dẫn đến một chính phủ Irak đòi hỏi Mỹ rút quân trong thời gian từ 3 đến 6 tháng.

2. Mỹ thật sự rút quân và cam kết viện trợ xây dựng và tái thiết Irak. Một sự viện trợ với giá rẻ hơn sự chiếm đóng và sẽ được Irak hoan nghênh tiếp nhận.

3. Mỹ cam kết cho những người Irak hợp tác với Mỹ được hưởng quyền tỵ nạn chính trị.

4. Mỹ đưa ra những cố gắng vượt bực để văn hồi hòa bình giữa Do Thái và Palestine.

Nếu kịch bản này được áp dụng, các nhà kháng chiến Irak không còn lý do nào để kháng chiến. Dĩ nhiên, vẫn còn một số cực đoan luôn tìm cách "tử vi đạo", nhưng họ sẽ gặp muôn vàn khó khăn để tuyển quân mới. Không biết TT Bush vờn tái đắc cử có thể theo kịch bản này không?

■ IRAN.

Ai thắng sau khi S. Hussein sụp đổ? Nước đứng đầu danh sách các nước thu lợi là Iran. Từ hơn 3 nghìn năm, Iran duy trì với Irak một mối liên hệ thống trị về mặt chính trị, văn hóa. Trong những thập niên gần đây, Iran từng đánh nhau với Irak: Chiến tranh 1980-1988 với 1 triệu dân Irak chết và chiến tranh lũng đoạn ở biên giới 1969-1975.

Hiện nay, Iran vững mạnh về mặt chính trị và Mỹ đã hủy diệt kẻ thù truyền kiếp của Iran. Đồng minh chính trị của Iran là Irak là khối dân Kurde và phe Chiite, hai khối này đã gia nhập cơ cấu chính quyền mới và tỏ ra vững mạnh hơn bao giờ hết. Bây giờ, Iran có thể thủ một vai trò quan trọng, nếu không muốn nói là quyết định trong việc kiến tạo một hệ thống chính trị, xã hội mới ở Irak. Tuy nhiên Iran để lộ ở nhuộc điểm:

1. Nếu kinh tế Iran dưới sự quản lý của các thầy tu là nền kinh tế dầu hỏa, cho nên rất suy yếu. Công thức của nhà lãnh đạo tôn giáo Khomeiny: Kinh tế chỉ dành cho con lừa bị 70 triệu dân Irak hết sức chế nhạo.

2. Iran lặp đi lặp lại nhiều lần là Mỹ không thể cùng lúc đối diện với 2 cuộc khủng hoảng: Dính líu đến Irak, Mỹ không thể xâm chiếm Iran. Đây là một điều hiển nhiên. Nhưng Iran đang xúc tiến chương trình sản xuất vũ khí nguyên tử và yểm trợ khủng bố. Điều này đã gây ra nhiều cơn ác mộng cho Do Thái, vì Do Thái xem Iran là mối đe dọa trầm trọng nhất.

Mỹ, Do Thái có thể phóng ra các phi vụ tấn công Iran, nếu Mỹ và Do Thái nhận diện được mục tiêu nguyên tử theo kiểu mẫu phi cơ Do Thái phá hủy lò nguyên tử Osirak của Irak năm 1981. Nhưng Mỹ bắt buộc phải hòa hoãn và thảo luận với Iran về tương lai của Irak và A Phú Hãn, hai nước mà tiếng nói của Iran có một giá trị quyết định. Nhưng cũng có thể thái độ dè dặt phải thối lui nếu Do Thái càng ngày càng quyết liệt chi định Iran là nước yểm trợ tổ chức Hamas Palestine về mặt ý thức hệ, tài chính, quân sự.

3. Vấn đề thứ ba gây không ít lo ngại cho Iran: Mối liên hệ giữa Hồi giáo Chiite và Sunnite tại A Phú Hãn và Pakistan. Hiện giờ, quan điểm của Iran là chiến tranh Irak đánh dấu sự có mặt của khối Chiite trên diễn trường quốc tế sau hơn 2 thập niên cô lập tại Iran, một quốc gia Chiite duy nhất. Chiite cất cánh sau 2 thập niên bạo lực tại Pakistan và A Phú Hãn. Iran cũng như Irak đều nuôi dưỡng cuộc xung đột sau cách mạng Hồi giáo Iran 1979 và qua chiến tranh Iran-Irak.

Nếu như cuộc cách mạng Iran và chiến tranh A Phú Hãn đã góp phần gia tăng căng thẳng giữa hai trào lưu Hồi giáo Chiite Sunnite, thì sự chiếm đóng Irak bây giờ đặt 2 trào lưu này trước một cuộc đấu tranh chính trị gay go kịch liệt. Khi hai phương diện giáo phái và chính trị của sự gây đổ Sunnite Chiite hợp lại thì nó có thể sinh ra bạo lực hủy diệt hết sức tai hại.

■ DO THÁI - PALESTINE.

Không ai có thể khẳng định phong trào kháng chiến Antifada lần II sẽ chấm dứt mau chóng. Không ai có thể tuyên bố Antifada lần thứ I đã chấm dứt. Cuộc xung đột vũ trang giữa Do Thái và Palestine từ 29.9.2000 bây giờ đang biến đổi.

Kể từ khi quân đội Do Thái giải quyết các vụ bạo động tại Jerusalem sau khi Ariel Sharon đến viếng thăm, bạo lực không bao giờ chấm dứt hoặc suy giảm. Mỗi ngày đều ghi nhận có người chết. Nhưng lần đầu tiên từ 4 năm nay, một tiến trình hòa bình đang được khởi động: Do Thái đơn phương rút quân khỏi Gaza, tháo gỡ các khu di dân Do Thái được xây cất từ 30 năm trước, vào cuối năm 2005. Tiến trình này, nếu Sharon thực hiện đầy đủ, sẽ hoàn thành chuỗi diễn tiến mà 4 năm Antifada đã gây ra.

Diễn tiến thứ nhất kết thúc rõ ràng là từ đây, hai xã hội từng sống chung với nhau bây giờ xa cách lâu dài. Thật sự, sự chia cách đã xảy ra trước Antifada II, lúc Do Thái áp dụng chiến thuật khóa chặt vì lý do an ninh, sau khi Hiệp ước Oslo được ký kết 9.1993.

Sự phân chia thể hiện qua hàng rào an ninh kẻ dọc theo phần đất phía Tây Cisjordanie. Hàng rào này sẽ thay đổi sâu rộng các mối liên hệ kinh tế giữa Do Thái - Palestine.

Nếu các sản phẩm tiêu dùng Do Thái tiếp tục đến với 2 triệu dân Palestine, thì công nhân Palestine không còn đến với thị trường lao động Do Thái, nền tảng của sự cất cánh của nền kinh tế Palestine. Trong tương lai, hai xã hội sẽ gặp nhau xung quanh các trại giam. Xây cất hàng rào không có nghĩa là các cuộc hành quân sẽ chấm dứt.

2. Sự rút lui của Do Thái bắt đầu kể từ khi các diễn viên bên ngoài, nhất là Mỹ dần dần rút lui. Kể từ khi TT Bush đắc cử. Sau kế hoạch “lịch trình đi đường”, kế hoạch hòa bình dẫn đến sự thành lập một quốc gia Palestine năm 2005, chính quyền Mỹ quản lý từ xa cuộc khủng hoảng, giới hạn sự can thiệp trong lời kêu gọi không nên vượt qua làn mức đỏ như đụng chạm đến mạng sống của Arafat, tuy nhiên mất hết tín nhiệm đối với Mỹ.

Lịch trình đi đường đã thất bại, nhưng nó vẫn là tín hiệu của nền ngoại giao quốc tế, cho dù Sharon khẳng định nó không còn hợp thời. Tình hình đi đường không tương hợp với sự rút lui khỏi Gaza, bởi nó không tác động gì đến Cisjordanie, trừ 4 khu di dân Do Thái cô lập.

3. Điều này dẫn đến điều thứ 3, chung cuộc 4 năm bạo lực Do Thái - Palestine: Không thể giải quyết cuộc xung đột trong ngắn hạn. Đường lối từng bước một gây ra bầu không khí tin cậy để cuối cùng giải quyết các điểm gút mắc nhất (biên giới Palestine, tương lai của các khu di dân Do Thái, của Jerusalem, của dân Palestine tỵ nạn) đã thất bại và sinh ra ngờ vực. Với viễn ảnh Do Thái rút khỏi Gaza, Hiệp ước Oslo không còn hợp thời, sự biến chuyển triệt để song song của 2 xã hội - phe cực hữu Do Thái và phong trào Hamas làm cho người ta thất vọng.

Sau 4 năm bạo lực chưa từng có trong lịch sử chung, trong khi tương quan lực lượng nghiêng hẳn về phía Do Thái, giờ đây hai bên chỉ có thể nhận lỗi lầm phân tích: Do Thái không bị bạo lực bẻ gãy như Palestine dự tính, Do Thái cũng không thành công bẻ gãy Palestine.

Hơn 10 năm sau hiệp định Oslo, sau chiến bại mà Arafat có phần trách nhiệm, Ban Lãnh Đạo Palestine đã thua cuộc đánh cá. Ban Lãnh Đạo đang đi vào lãng quên, trùng hợp với sự ra đi của thể hệ thành lập chủ nghĩa quốc gia dân tộc Palestine.

Sự ra đi của Yasser Arafat có thể buộc Do Thái xét lại sự phân tách cuộc xung đột diễn tiến trong mấy năm sau cùng.

Từ 02.01 đến 06.02, mục tiêu của Thủ Tướng Do Thái Sharon là bẻ gãy biểu hiệu phong trào quốc gia Palestine, qua sự phá hủy các thiết chế tiền quốc gia là chính quyền Palestine chính thức, Do Thái trừng phạt một chính quyền thụ động. Trên thực tế, Do Thái ngăn ngừa không cho các nhóm vũ trang Palestine bạo động.

Quản thúc Arafat (12-01) sau khi Hamas khủng bố, Sharon đặt một thành tích bậc thầy: Arafat ở vào thế không thể làm những gì mà người ta đòi hỏi. Thái độ thờ ơ của quốc tế trước tình thế bất thường này, sự liên kết của Mỹ với Do Thái đã đặt Thủ Tướng Do Thái vào ở thế mạnh với quan điểm: Thiếu vắng một người yêu chuộng hòa bình tham dự vào cuộc thương lượng.

Không có Arafat, một chu kỳ mới mở đầu cho cuộc xung đột. Chủ đề không có người tham dự không còn đứng vững. Do Thái luôn xem những vụ khủng bố là do ý đồ của Arafat thành lập một Đại Palestine từ bờ biển đến sông Jourdain. Từ đây, Do Thái đối diện với một kíp lãnh đạo khác biệt với Arafat: Mahmoud Abbas, nhân vật số 2 sau Arafat của phong trào giải phóng Palestine và Thủ Tướng Ahmad Qorei, hai người góp phần gây dựng Hiệp ước Oslo.

Nội trong vài tuần, hai biến chuyển quan trọng mang đến hy vọng. Quốc hội Do Thái thông qua kế hoạch rút khỏi một phần Đại Do Thái, cái chết của Arafat; cả hai biến cố này tăng cường phe hòa bình. Trừ phi sự nổi nghiệp Arafat suy biến, bây giờ phía Do Thái có ở phía bên kia một người để nói chuyện. Những trở ngại chính trị và ý thức hệ đã được giải tỏa.

Vừa mới đắc cử chính đảng vững mạnh, TT Bush có một dịp lịch sử để tiến đến mục tiêu thành lập một quốc gia Palestine mà ông không ngót nêu lên từ năm 2002. Nhà lãnh đạo Palestine mà ông chối bỏ không còn nữa. Đề tài chính yếu của sự bất hòa giữa Liên Hiệp Âu Châu (luôn công nhận Arafat) và Mỹ đã tan mất. Không còn điều gì cản trở “lịch đi đường” nhằm giúp dân tộc Palestine có một quốc gia và Do Thái hội nhập địa phương.

■ TRUNG QUỐC.

Sau gần 15 năm đánh dấu một tỷ lệ phát triển 79%, hình ảnh Trung Quốc trên diễn đàn quốc tế hết sức đổi mới. TQ là một nước lớn, có một lãnh thổ rộng lớn và một khối dân khổng lồ. Tiếp theo đảng Cộng Sản nắm quyền và vụ chia rẽ TQ - Liên Xô, TQ trở thành một quốc gia cô lập. Năm 1971, TQ hội nhập LHQ bằng cách đuổi Trung Hoa Quốc Gia ra khỏi ghế ngồi.

Nhưng không vì thế mà TQ không còn là một nước cực quyền độc tài và nghèo đói. Tìm một hướng đi kinh tế độc đáo, TQ vẫn còn lạc hậu và tổ chức nạn đói chính trị lịch sử (30 triệu người chết năm 59-61). Mục tiêu ý thức hệ (đánh gạt phe tư bản, cạnh tranh nắm quyền lãnh đạo với Liên Xô) đã ngăn cản TQ tỏa sáng trên chính trường quốc tế. TQ hụt hơi sau các vụ yểm trợ các phong trào du kích địa phương.

Năm 1978, TQ định hướng lại sách lược từ bỏ nguyên tắc cứng cố chế độ nhờ vào tự lực tự cường và noi theo sách lược đổi mới và mở cửa. Điều này cho phép TQ thực hiện giấc mơ đeo đuổi từ thế kỷ 19: Xóa bỏ mối nhục trước Tây phương tiên tiến về mặt khoa học kỹ thuật.

Động lực nội bộ của đường lối mở cửa cải tổ được các diễn tiến bên ngoài tiếp sức (liên quan đến chiến tranh lạnh) chiến tranh lạnh chấm dứt, biến cố 11.9.01, cuộc huy động quốc tế chống khủng bố; TQ đã quay lưng với vị thế bị ruồng bỏ.

Nếu như mọi người đều đồng ý TQ ngày nay là một sức mạnh đáng kể thì nhiều tiếng nói không đồng ý trong sự đánh giá mức độ tiến hóa của tiến trình này. Vậy thì mức độ sức mạnh của TQ hiện nay là mức độ nào? Những bài toán liên quan đến các dữ kiện cho phép sự so sánh cũng như khía cạnh đáng tin của những thống kê TQ, không phải là một vấn đề duy nhất. Sự đánh giá càng khó khăn hơn, lơ mơ hơn bởi sức mạnh TQ không thể không có những hậu quả trong sự bố trí lại các cân bằng toàn bộ và người ta vẫn chưa nhất trí về những biểu hiệu sức mạnh của TQ.

Sự phát triển mau chóng từ 1978 hình như cho phép TQ chiếu ra một sức mạnh trên sân khấu quốc tế. Trên lãnh vực kinh tế, một chiến lược chinh phục thị trường đã thay thế chiến lược mở mang tập trung tự tại. Cuộc cải tổ các xí nghiệp Quốc doanh được tung ra để thành lập các xí nghiệp đa quốc gia. Sách lược thu thập vốn đầu tư ngoại quốc đi song song với sách lược mở mang đầu tư bên ngoài, đặc biệt trên lãnh vực năng lượng, nguyên liệu.

Trên địa bàn chính trị, TQ đã hợp tác với các nước lớn. TQ thỏa mãn yêu cầu của Mỹ, đi làm trung gian cạnh Bắc

Hàn và đáp lời mời của Pháp, đến dự cuộc họp G8 ở Evian. Nhưng không vì thế mà TQ tự cho mình ngôi thứ của sức mạnh thực sự. TQ tự xem như một nước lớn đang mở mang để tránh né trách nhiệm quốc tế, đồng thời hưởng thụ điều khoản ưu đãi những nền kinh tế hiện tiến triển.

Kể từ 11.9, ngôi thứ quốc tế của TQ được công nhận. Thị trường lao động rẻ mạt thu hút phong trào dời bộ phận sản xuất của các nước kỹ nghệ tiên tiến. Cùng lúc TQ thu về đa số vốn đầu tư ngoại quốc trực tiếp, gây thất lợi cho các nước Á Châu khác. Sức mạnh của TQ là một thực tế khó chối cãi. Và thể hiện qua 3 khía cạnh: Kinh tế, chính trị và quân sự.

Nếu đo lường tổng sản lượng nội địa, nền kinh tế TQ đứng vào hàng thứ 6. Hiện nay, TQ đang nhắm đến mục tiêu nhân 4 lần tổng sản lượng nội địa từ đây đến năm 2020. Đến năm 2020, nếu ít lạc quan nhất, tỷ lệ phát triển đạt 6,5%, một con số gây thêm thường cho các nước Tây phương. Kinh tế phát triển cao từ năm 1978 cho phép lợi tức một đầu người tăng 4 lần, tuy nhiên còn xa lợi tức mỗi đầu người ở các nước kỹ nghệ (< 1.000 đô-la, Pháp 23.000 đô-la) TQ còn đứng vào hàng thứ nhất về vốn đầu tư trực tiếp ngoại quốc (50 tỷ đô-la).

Sự lệ thuộc của các nền kinh tế Tây phương chứng tỏ tính chất không thể bỏ qua của nền kinh tế TQ. Nó góp 4% cho tổng sản lượng nội địa của thế giới. Nhất là nó trở thành cơ xưởng chế tạo của thế giới và một thị trường có tiềm năng rất lớn. Nó còn yểm trợ trực tiếp nền kinh tế Mỹ qua số trữ kim biến thành trái phiếu kho bạc. Từ đây, sự phát triển của thế giới đều lệ thuộc vào sự xác định của nền kinh tế TQ.

Về mặt ngoại giao, Bắc Kinh mang gương mặt một quốc gia đảm nhận trách nhiệm của một hội viên thường trực Hội Đồng Bảo An. TQ chọn đường lối ngoại giao thực tiễn, cách xa hơn bao giờ hết một chế độ có thành kiến ý thức hệ. TQ khẳng định như một sức mạnh địa phương, xích lại gần Ấn, Nhật và khu vực Đông Nam Á, liếc sang khu vực Trung Á. Khai triển khái niệm thế kỷ XXI là thế kỷ Á Châu, TQ xúc tiến một kiểu mẫu thành lập một vùng đất mà TQ là trung tâm. Cuối cùng TQ tham dự APEC, ASEM.

Trên lãnh vực chiến lược, công việc hiện đại hóa quân đội giải phóng, TQ chưa thể cho phép mình trở thành một sức mạnh quân sự quan trọng trên mọi địa hạt. Quân đội TQ đi sau các quân đội hiện đại 25 năm, 5-10 trên lãnh vực nguyên tử.

Theo bản báo cáo thường niên của Quốc Hội Mỹ, TQ sẽ gia tăng từ 3 đến 4 lần ngân sách Quốc Phòng từ đây đến năm 2020. Mức tiến bộ sức mạnh quân sự TQ cho thấy cân bằng chiến lược ở eo biển Đài Loan có thể gây đổ giữa năm 2005-2010.

Dự đoán trên đặt ưu tiên trên các con số mà không chú ý đến yếu tố xã hội chính trị trong sự đánh giá lực lượng không được mọi người đồng ý. Sức mạnh của TQ được công nhận, được khẳng định có nghĩa là TQ phải tham dự việc quản lý thế giới theo cân nặng của mình và tiếp tục tiến trình đuổi bắt các nước kỹ nghệ tiên tiến về mặt kinh tế. Điều này sẽ cho phép giảm thiểu dân số sống dưới mức nghèo đói (< 1 đô la/ ngày): 270 triệu = 1/5 dân số nghèo đói thế giới. Từ đây đến năm 2020, với tỷ lệ phát triển 6,5%, mức lợi tức trung bình mỗi đầu người hiện nay bằng Ba Tây có thể đạt mức lợi tức của Bồ Đào Nha, Á Căn Đình và Nam Hàn.

Tuy nhiên, sức mạnh TQ có những dấu hiệu một người khổng lồ với đôi chân đất sét. Nền kinh tế TQ vẫn còn lỏng lẻo: Tình trạng căng thẳng sắp có lạm phát liên quan đến sự đầu tư quá mức từng khu vực đầu cơ (bất động sản), nguy

cơ phải lạm phát (giá sản phẩm thực phẩm nông nghiệp cao, thời giá sản phẩm kỹ nghệ thấp), tiền cho vay không bảo chứng trong chu trình tài chánh, tiêu dùng nội địa thấp, lệ thuộc vốn đầu tư ngoại quốc và xuất cảng, tái kiến trúc địa hạt công cộng nhà nước rất khó khăn.

Mặt khác, nền tảng sự phát triển cao (không phải dựa vào sự đuổi bắt sâu rộng) chưa được vững chắc, TQ gây không biết bao nhiêu ngạc nhiên cho thế giới khi phóng người bay vòng quanh thế giới, hy vọng đưa người lên cung trăng từ đây đến năm 2020. Tuy nhiên, những địa hạt chung bày phô trương như không gian không thể lừa phỉnh được ai về khả năng nghiên cứu của TQ.

Ngân sách dành cho ngành nghiên cứu đạt 1,2% tổng sản lượng nội địa (Mỹ 2,8%, Nhật 3,1%). TQ trở thành một cường quốc không gian trước khi trở thành một cường quốc khoa học kỹ thuật?

Sự phát triển của TQ còn phải đương đầu với các căng thẳng xã hội. Sự cách biệt giàu nghèo, dư thừa công nhân, thất nghiệp đô thị (30% dân lao động) là những thách đố. Trước một ý thức hệ hết ăn khách, chế độ Bắc Kinh có thể sa vào cái bẫy chủ nghĩa dân tộc ví như xi-măng hồ kết hợp xã hội. Ngoài ra, chính trị vẫn bế tắc: Thất lời hứa về Hong Kong, đàn áp các dân tộc thiểu số, triệt hạ những ai không đồng quan điểm với chính quyền, duy trì mở rộng quần đảo ngục tù để phục vụ kinh tế. Trong bối cảnh này, sức mạnh đang lên của TQ đặt ra hai thách thức cho Cộng đồng Quốc tế: - Yểm trợ một sự phát triển ở TQ hầu phòng ngừa tư thế khiêu khích ở eo biển Đài Loan, ở quần đảo Senkaku, ở biển Đông) ví như một lối thoát trước căng thẳng xã hội; lối kéo sức mạnh TQ vào khuôn khổ thể thức dân chủ như chân trời quản lý thế giới. Cho nên, trên lãnh vực quân sự chiến lược có tầm vóc nguy hiểm thật sự, sự phát triển kinh tế và ảnh hưởng chính trị của TQ có thể ví như một tiến trình hướng về sự hội nhập Cộng đồng Quốc tế, hơn là một tiến trình cần thiết cho sự bố trí lại các cân bằng thế giới.

Sức mạnh TQ phải được đo lường đúng mức. Cản trở TQ mở mang hoặc đánh giá sai yếu tố lệch đường do tiềm lực quân sự cho phép là những trở ngại mà đường lối hợp tác xây dựng có thể tránh khỏi.

■ NHẬT.

Lần đầu tiên kể từ khi Nhật bại trận 1945, quân Nhật hoạt động trở lại nơi vùng chiến trận, Nhật gởi quân đến Irak trong khuôn khổ tái thiết và viện trợ nhân đạo.

Gởi quân đến Irak là giai đoạn đầu dẫn đến sự thay đổi quan trọng liên quan đến vai trò của ngành quân lực Nhật, kèm theo sự tăng cường hệ thống phòng thủ của Nhật. Hai sự khai triển nhằm biến Nhật thành một sức mạnh để thực hiện đặc quyền quân sự của một nước có chủ quyền, đồng thời báo hiệu Nhật sẽ xét lại đạo luật căn bản theo đó Nhật từ bỏ vũ khí.

Là một nước dân chủ, Nhật chắc chắn có những đặc cách phẩm chất, trình độ để tìm lại ngôi thứ cũ giữa các cường quốc quân sự. Irak là một sự nghiệp chính đáng để Nhật quay lưng với nguyên tắc yêu chuộng hòa bình từng quyết định vận mệnh của Nhật trong vòng 50 năm? Một thời điểm đúng lúc cho dù có thể gặp khó khăn khi hợp thức hóa một chiến tranh mà xã hội đang gay go tranh luận? Một chọn lựa mà ngày kia Thủ Tướng Koizumi phải giải thích. Luot trên làn sóng chống khủng bố và mối đe dọa Bắc Hàn, Nhật đặt vấn đề bình thường hóa để trở thành một trong những cường quốc quân sự trên địa cầu.

Song song với sự xét lại vai trò của lực lượng cảnh vệ, còn có sự tổ chức lại 3 binh chủng với sự thành lập bộ chỉ huy liên quân. Và sự tăng cường kho vũ khí, là một quân đội chuyên nghiệp, lực lượng cảnh vệ gồm 280.000 người, có một ngân sách 38 tỷ Euro, đứng vào hàng thứ 3 trên thế giới. Nhằm khinh binh hóa, Nhật giảm 30% trang bị nặng (chiến xa, pháo binh) và trang bị 4 tàu khu trục chờ trực thăng với trọng tải 13.000 tấn cho phép Nhật phóng ra các cuộc hành quân bất cứ nơi nào trên thế giới.

Mối lo chính của Nhật là kẻ địch tấn công bằng hỏa tiễn (hỏa tiễn Bắc Hàn bay ngang Nhật năm 1998). Hiện nay, Nhật có một sức mạnh quân sự có một tầm vóc, Hải quân Nhật đóng liền sau Hải quân Anh. Nhật đang tăng cường hệ thống phòng không với 4 tuần dương hạm trang bị hệ thống hướng dẫn Algio tối tân, với hỏa tiễn MS-3 của Mỹ. Nhiệm vụ của 4 tuần dương hạm này là chặn đánh hỏa tiễn địch từ lúc mới phóng lên. Chính phủ vừa phê chuẩn kế hoạch mua hỏa tiễn Patriot đời mới trị giá 1.000 tỷ Yen. Sau cùng, vũ khí nguyên tử là một yếu tố phòng thủ từ đây không còn là một giả thuyết nữa.

Chưa ai biết đích xác khả năng tác chiến của lực lượng cảnh vệ như thế nào. Nhưng sự dàn quân tại Irak như báo trước sự thay đổi sâu rộng liên quan đến tư thế quân sự của Nhật. Trước kia, sự yêu chuộng hòa bình là một ngoại lệ giữa các cường quốc, bây giờ dưới sự thúc đẩy của Mỹ, Nhật bình thường hóa hình ảnh của mình, nhưng gây ra nhiều lo ngại cho các nước xung quanh. Nhật muốn chứng tỏ Nhật không những là một cường quốc kinh tế mà còn là một cường quốc quân sự. Một trong những mục tiêu là cạnh tranh với Trung Quốc ở địa phương.

Cách đây một thế kỷ, năm 1904, Nhật đánh chìm Hạm đội Nga ở Port Arthur (Lu Shun). Một năm sau, Nhật thắng một nước thuộc Âu Châu lần đầu tiên và bước lên sân khấu thế giới như một nước ngang hàng với các cường quốc thời ấy. Bây giờ, bước đi những bước nhẹ nhàng và mang nhiều tham vọng mới, Đông Kinh xét lại vị thế của mình trên bàn cờ thế giới.

■ MỸ.

Toàn thể thế giới tham dự cuộc bầu cử Tổng Thống Mỹ, chắc chắn đây là một điều hết sức phi lý. Nhưng điều phi lý này cũng có chút ít ý nghĩa. Nó chứng tỏ số mệnh của nước Mỹ và kiểu mẫu liên hệ với thế giới bên ngoài của cường quốc chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa số 1 đều tùy thuộc vào kết quả của cuộc bầu cử này.

Đây là một cuộc bầu cử đặc biệt. Một cuộc bầu cử đầu tiên sau ngày 11.9.01 mang đến cho Tổng Thống đương nhiệm một dịp phục thù đối với ai từng khẳng định là người ta đã cướp lấy chiến thắng của họ vào mùa thu năm 2000, khi Tòa án Tối cao phán quyết G.W Bush đắc cử Tổng Thống.

Từ đó đến nay, 4 năm đã trôi qua. Trong thời gian này, Mỹ đã sâu xa thay đổi. Trước nhất, tầm vóc của Mỹ bề thế hơn. Dân số Mỹ tăng từ 275 triệu lên đến 293, đặc biệt nhờ vào trào lưu di dân đến từ Nam Trung Mỹ. Với 39,9 triệu, dân gốc Tây Ban Nha là thiểu số quan trọng nhất (13,72% dân số), lần đầu tiên vượt qua thiểu số da đen (35,6 triệu trên 12,24% dân số). Các nhóm thiểu số này cũng như dân Mỹ thâm lặng rất thiết tha với các “giá trị” đạo đức, tôn giáo, chống phá thai và hôn nhân đồng tính.

Mỹ còn thay đổi nhiều về mặt kinh tế, xã hội. Nhờ vào chính sách giảm thuế của chính phủ, nhóm dân giàu thu đạt

lợi tức 11 lần cao hơn nhóm dân nghèo. Dân nghèo đại diện 12,5% dân số trong tuổi lao động. Mỹ có tất cả 8 triệu công nhân với lương bổng quá thấp. Còn phải kể đến 45 triệu người (13,6% dân số) không được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội. Nhóm này gia tăng theo mức độ dời bộ phận sản xuất và sự sa thải công nhân. Kể từ 71 năm nay, TT Bush là vị Tổng Thống đầu tiên có một bản tổng kết âm với 538.000 người thất nghiệp trong thời gian 4 năm cầm quyền của ông. Phát triển vươn lên 5% sau cơn suy thoái 2001, nhưng từ 6 tháng có dấu hiệu “khó thở” xuống còn 3,6%. Ngân sách thiếu hụt 413 tỷ đô-la. Mỗi ngày Mỹ phải vay mượn 1,1 tỷ đô-la và phải xài 159 tỷ đô-la, một số tiền cao hơn ngân sách giáo dục, an ninh, tư pháp, cảnh sát, cựu chiến binh, thám hiểm không gian và viện trợ quốc tế cộng lại. Muốn cho guồng máy chạy đều, Mỹ thu hút 80% tiền tiết kiệm của thế giới.

Cuộc bầu cử kỳ này trình bày 2 nước Mỹ trên đất nước Mỹ. Tại Âu Châu, người ta chê bai TT Bush là một người ngây thơ đần độn, nghèo trí tưởng tượng, thiếu óc tò mò. Nhưng ông là một người giàu cảm xúc và sùng đạo. Điều mà ông chờ đợi nơi các cố vấn không phải là mở rộng kiến thức, tầm nhìn của ông mà tăng cường các niềm tin chắc của ông. Theo ý nghĩa này, TT Bush là đại diện của nước Mỹ thâm lặng, lực địa, thẩm nhuần sức mạnh và quyền hạn. Ngày 11.9 đã xô đẩy Mỹ vào số phận chung của các quốc gia gặp nguy hiểm và dễ bị tổn thương. Làn chấn động tiếp tục lan tràn. An toàn lãnh thổ bị đe dọa, Mỹ phải phục thù bằng mọi cách và Irak là miếng mồi ngon. Cuộc chinh phục Irak xuất phát từ giao điểm giữa niềm tin chắc của nước Mỹ thâm lặng, với chủ nghĩa đế quốc dân chủ của các nhà tân bảo thủ. Cho nên ai dám cản trở bầu nhiệt huyết này, nếu không muốn nói là xung năng sâu sắc, sẽ bị kết tội bác bỏ lý lịch của Mỹ.

Nước Mỹ của J. Kerry rất khác biệt. Đó là nước Mỹ ven biển trải dài từ bờ biển phía Đông đến bờ biển phía Tây, từ Nữu Ước đến Los Angeles, nhày qua miền đồng bằng Midwest và rặng núi Đá. Nước Mỹ này cởi mở, phóng khoáng, đôi chút hoan lạc, biết có một thế giới bên ngoài với những lý do mà nước Mỹ của G.W. Bush không hiểu nổi.

Nước Mỹ của G.W. Bush là nước Mỹ không bao giờ xin xỏ Liên Hiệp Quốc, nhất là Pháp, quyền tự vệ. Nước Mỹ rắn rỏi này đã mang chiến thắng về cho Tổng Thống mãn nhiệm kỳ.

Sự thắng cử này sẽ ảnh hưởng sâu rộng đến mối liên hệ của Mỹ và thế giới còn lại. Câu hỏi trước nhất: TT Bush sẽ tiếp tục theo con đường cũ? Nhưng tiền lệ cho thấy nhiệm kỳ II không giống như nhiệm kỳ I. Các nhà quan sát dự đoán Mỹ sẽ trở lại với đường lối ngoại giao cổ điển, thực tiễn, đấu chứng của TT Bush cha. Luôn luôn cổ xúy một nền ngoại giao thực tiễn, cựu Ngoại Trưởng Henry Kissinger nghĩ TT Bush sẽ trở lại trường ngoại giao của cha.

Với đa số tại Quốc hội và Thượng viện, TT Bush bày giờ rành tay để vận dụng ý tưởng của ông. Không còn chờ đợi một sớm một chiều Mỹ quay theo chủ nghĩa đa phương nhất là đa cực được TT Pháp Chirac ưa thích. Nhưng TT Bush và một vài cộng sự viên không quá tự kỷ để không thừa nhận thực tế. Tín điều mà họ giương cao trong cuộc chống khủng bố khi thực hiện cuộc phiêu lưu Irak đã thất bại. TT Mỹ sẽ rút tỉa bài học này.

Rồi đây, ngôi sao của các nhà tân bảo thủ sẽ lu mờ, chủ nghĩa đế quốc dân chủ thụt lùi, sức lôi cuốn của các cuộc phiêu lưu quân sự sẽ giảm thiểu. Nhưng chưa chắc TT Mỹ

sẽ sẵn sàng phân chia với các đồng minh truyền thống những quyết định dính dáng đến nền an ninh quốc gia. Về những hồ sơ quan trọng khác Irak, cuộc xung đột Do Thái - Palestine, chống tăng sinh vũ khí giết hại hàng loạt, chống khủng bố. Mỹ và Liên Hiệp Âu Châu không thể không hợp tác chặt chẽ.

Trong mọi trường hợp, TT Mỹ sẽ hòa hoãn, tìm thỏa hiệp, chia tay ra bắt. Nhưng trong chiều sâu, TT Bush sẽ trở về với đường lối ngoại giao cố hữu của các vị tiền nhiệm, từ Truman đến Clinton, ngang qua Reagan: Quyền lãnh đạo và bàn tính với nhau, hoặc nói theo ý thích, bàn tính với nhau và quyền lãnh đạo.

Đã tìm được số cử tri sẵn sàng để cho ông thí nghiệm lần thứ hai, TT Bush sẽ trả lời họ bằng một nhiệm kỳ tốt đẹp hơn, có thể làm cho ông bình dân hơn khi ông rời khỏi Tòa Bạch Ốc. Ông còn một nhiệm vụ không kém khó khăn: Phục hồi uy tín, tín nhiệm của Mỹ trên thế giới bởi "sự Mỹ hóa thế giới là số mệnh của chúng ta", Theodore Roosevelt viết lời này năm 1898, 3 năm trước khi đắc cử Tổng Thống. •

■ VIỆT NAM.

Năm 2004 Việt Nam đạt nhiều thành tích đáng kể về mặt hội nhập quốc tế. Hà Nội đã ký kết Hiệp ước thương mại với Nam Hàn, Thái Lan, Liên hiệp Âu Châu; được Liên Hiệp cam kết ủng hộ việc gia nhập Tổ chức Mậu dịch Thế giới.

Trên lãnh vực kinh tế, sức phát triển của Việt Nam đặc biệt vượt cao trên dưới 7%. Việt Nam phát triển mạnh về sản xuất, buôn bán. Hơn 100.000 xí nghiệp tư nhân góp phần đến 1/4 tổng sản lượng nội địa, 1/3 sản xuất kỹ nghệ. Nền xuất cảng đạt 18 tỷ Euro, hơn 10 lần số tiền viện trợ ngoại quốc. Mặt khác, còn phải kể đến 3 tỷ Euro của người Việt tỵ nạn gửi về cho thân nhân.

Những ưu điểm nêu trên có thể đánh lừa, vì tình hình Việt Nam còn phơi bày nhiều vết đen. Tiền bạc hóa nền kinh tế sinh ra bất bình đẳng về lợi tức, học vấn, đào tạo, về số phận v.v... Thiếu số cán bộ có thể lực thì giàu sang, một sớm một chiều trở thành triệu phú đô-la, còn đa số dân đen thì ngày càng hẩm hiu. Tội ác được tổ chức có khoa học, tội phạm hoạt động tinh vi. Mãnh lực đồng tiền nuôi dưỡng tham nhũng và được tham nhũng nuôi dưỡng. Tham nhũng gây nên sự gây đổ xã hội, đạo đức. Xét về mặt kinh tế, xã hội, chế độ đang gặp nhiều khó khăn. Hiện nay, khó khăn lan đến chính trị và chính trị đến điểm hẹn với hiện đại, không phải phát triển kinh tế.

Khó khăn toàn bộ của tiến trình cải tổ đổi mới là sự mất trật tự và ngô bết tắc gàn xa dính liền đến sự sống chung tương phản giữa hai yếu tố:- Gia sản Mác Xít - Hồ Chí Minh; những biến đổi liên quan đến nền kinh tế thị trường hay nói theo Hà Nội, đến cơ chế thị trường và sự mở thông cửa ra thế giới bên ngoài.

Biến đổi dễ thấy nhất là biến đổi xã hội, kinh tế. Biến đổi này len lỏi trong một nền kinh tế đang lấy lại sức sống sau bao năm chịu chính sách tự cấp tự túc, làm cho hệ thống huy động nông thôn, kỹ nghệ, hệ thống bao cấp những thiếu hụt thua lỗ tan vỡ. Đứng đầu các biến cố ấy là đô thị cất cánh bay cao với kết quả khả quan:- Địa hạt tư nhân đầu đạt lợi tức cao, khuynh hướng tiến đến thị trường bên ngoài; ngược lại, dù chế độ không còn duy trì sách lược kế hoạch hóa, điều cấm kỵ vẫn còn tác hại đến địa hạt Quốc doanh (Nhà nước kiểm soát việc tự cấp công nhân, xí nghiệp Quốc doanh đảm trách bảo hiểm xã hội).

Mặt khác, nhiều trào lưu tương phản nhào trộn xã hội. Luật thị trường và mức sống ngày càng cao đã tăng cường, cơ cấu gia đình. Tuy nhiên, làn gió huy động mới đang thổi đến không có nghĩa là cá nhân và giá trị đặc thù của một xã hội hiện đại thảng thốt: Xã hội Việt Nam chưa thành công tạo dựng một xã hội dân sự đúng nghĩa của nó. Trong một hệ thống hết sức đua tranh và cạnh tranh, nơi mà sự tích lũy tài sản, giàu sang là một ván bài, một dấu hiệu thành công, lắm phe cánh chống đối, đương đầu với nhau hoặc chống đối chính quyền, hoặc cá nhân. Bất bình đẳng càng được đào sâu. Tại nông thôn, hạ tầng cơ sở cho một nền canh tác hiện đại không được chính quyền lưu tâm, vệ sinh sức khỏe không được coi trọng. Đường lối trung ương tập quyền không thể tương hợp với sự tự quản của địa hạt quốc doanh, cũng như tự độc lập của địa hạt tư nhân.

Hệ thống thư lại tăng cường các mảng lưới địa phương hoặc các phe phái nắm quyền. Vì vậy, chính sách kinh tế mới không thành công thành lập một thị trường cạnh địa hạt nhà nước, với vô số ngõ ngách dưới quyền kiểm soát và khai thác của một thiểu số giàu thế lực. Nhóm này chuyển đổi đặc quyền chính trị chính thức thành đặc quyền kinh tế không chính thức. Sự chuyển đổi này quá dễ dàng vì Việt Nam chưa có một nhà nước hiện đại. Quyền lợi riêng tư cá nhân phải chịu áp lực của chính quyền địa phương liên quan đến sự che chở hoặc việc cấp giấy phép mua bán, hành nghề. Hệ thống tư pháp gần đây tuy được quy tắc hóa, nhưng muốn kinh doanh suôn sẻ phải đi tắt. Ví dụ: phải chi 0,1% giá trị công trình.

Kiến tạo các thành phần xã hội. một quốc gia pháp quyền, công khai quản lý các quyền lợi trong một xã hội đa dạng: Việc làm cân bằng này rất quan trọng vì nó là một bài toán thuộc chính trị và giải pháp bài toán cũng thuộc chính trị. Nhưng sách lược của chế độ là đóng khung chính trị, có nghĩa là cấm đụng đến chính trị. Cụ thể là đàn áp Tôn giáo (Hà Nội vừa ra đạo luật về Tôn giáo, theo đó các hoạt động Tôn giáo phải xin phép chính quyền, cưỡng ép các Mục sư Tin lành phải ký giấy cam đoan bỏ đạo), khóa miệng đối lập, chà đạp nhân quyền ngày càng dữ dội cho đến nỗi Đại sứ Mỹ tại Hà Nội phải lên tiếng chỉ trích. Chung quy, ưu tiên của chế độ là dựa vào thành quả kinh tế để tách rời chính trị ra khỏi kinh tế.

Chủ thuyết kinh tế độc nhất này không bước theo những tiến triển mà nó cho phép. Hai điều kiện cần thiết và đầy đủ cho sự thành công:- Kiểm soát và đạo đức hóa sự phát triển kinh tế, tránh sự phản kháng của các nhóm xã hội (Tôn giáo, đối lập, trí thức). Hiện nay, chưa có điều kiện nào thực hiện.

Nói cho cùng, đổi mới là một ván bài không mang lợi ích lớn như chế độ mong muốn:- Chế độ không thành công hoàn toàn kiểm soát xã hội; xã hội tiếp tục tranh đấu chống chế độ, thư lại giữ thái độ ù lì hoặc tìm mọi cách để giữ vững đặc quyền đặc lợi do sự thực thi quyền lực mà có; chế độ bám víu vào một hệ thống chính trị lỗi thời hóa đá để sống còn.

Hà Nội luôn luôn khẳng định Việt Nam đang tiến đến mức hiện đại dựa vào phát triển. Nhưng tinh túy của nền hiện đại là nhân phẩm, công bằng xã hội, tự do và hạnh phúc. Xét dưới khía cạnh này, hiện đại là một điều gì rất khó tìm ở Việt Nam dưới chế độ Cộng hòa Xã Hội Chủ Nghĩa! •

PHÁP LỆNH TÔN GIÁO HAY PHÁP LỆNH ĐÀN ÁP TÔN GIÁO CỦA ĐẢNG CSVN

Nguyễn Phú Trọng Hoàng

Ngày 18 tháng 6 năm 2004, Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội của Nhà Nước CSVN đã ban hành Pháp Lệnh về tín ngưỡng và tôn giáo để kiểm soát, bóp chặt tất cả các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng tại Việt Nam. Bài viết này sẽ trình bày những điều kìm kẹp trong bản Pháp Lệnh Tôn Giáo để thấy rõ sự nham hiểm, cách thức và dã tâm của người Cộng Sản trong việc đàn áp, kiểm soát và chế ngự tất cả các hoạt động tôn giáo qua một chính sách đã được hệ thống hóa.

Pháp lệnh này gồm có 6 Chương và 41 Điều thì đã dùng tới 20 Điều để bóp chặt tất cả các hoạt động của tôn giáo.

o0o

Mở đầu, Chương 1, Điều 1, CSVN quý quyết đề cao quyền tự do tín ngưỡng của mọi công dân Việt Nam như sau:

"Điều 1:

Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào.

Nhà nước bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân. Không ai được xâm phạm quyền tự do ấy.

Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật.

Công dân có tín ngưỡng, tôn giáo hoặc không có tín ngưỡng, tôn giáo cũng như công dân có tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau phải tôn trọng lẫn nhau".

Liên lập tức Điều 2 cho thấy những điểm người CSVN áp đặt mà nếu không để ý sẽ vô tình không thấy.

"Điều 2:

"Chức sắc, nhà tu hành và công dân có tín ngưỡng, tôn giáo được hưởng mọi quyền công dân và có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công dân.

Chức sắc, nhà tu hành có trách nhiệm thường xuyên giáo dục cho tín đồ lòng yêu nước, thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân và ý thức chấp hành pháp luật".

Thế nào là "trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công dân"? Theo Hiến Pháp của Nhà Nước CSVN, Chương V: Quyền Và Nghĩa Vụ Cơ Bản Công Dân, Điều 77 là:

"Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân.

Công dân phải làm nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng quốc phòng toàn dân".

Chiếu theo Điều 2 thì Nhà Nước CSVN có thể buộc các "chức sắc và nhà tu hành" phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công dân mà nghĩa vụ quân sự là một trong những nghĩa vụ công dân; có nghĩa các nhà sư hay linh mục phải làm nghĩa vụ quân sự, cầm súng giết người, đi ngược lại niềm tin của họ để không bị vi phạm Pháp Lệnh và tuân hành Hiến Pháp, vì Điều 2 cũng nói "phải có ý thức tuân hành pháp luật" mà Pháp Lệnh là luật! Điều này nói rõ ràng trong Điều 2 của Pháp Lệnh; và Hiến Pháp, Chương 5, Quyền Và Nghĩa Vụ Cơ Bản Của Công dân đã định nghĩa một cách hiển nhiên nghĩa vụ công dân là gì!

Cũng thế, trong Chương 1, Điều 2 của Pháp Lệnh, họ ra luật, bắt các nhà tu hành trở thành cán bộ cộng sản trong việc tuyên truyền vì "Chức sắc, nhà tu hành có trách nhiệm thường xuyên giáo dục cho tín đồ lòng yêu nước", mà "lòng yêu nước" chính là yêu Đảng Cộng Sản Việt Nam như đã được viết trong Điều 4 Hiến Pháp: "**Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội!**" Đảng Cộng Sản Việt Nam là "đại biểu quyền lợi của cả dân tộc và là lực lượng lãnh đạo Nhà Nước và xã hội", Đảng CSVN theo như trong Hiến Pháp chính là nước VN, và Pháp Lệnh ra luật bắt các nhà tu hành phải thường xuyên giáo dục cho tín đồ lòng yêu Đảng CSVN! Có nghĩa trong các khóa học tập, trong các buổi thuyết giảng hay nói chung là trong các hoạt động tôn giáo, phải giảng dạy về đảng, để các tín đồ yêu đảng, tức yêu nước. Điều này thì thường thấy nhan nhản trong các bài viết, các khẩu hiệu của những người CSVN từ bao lâu nay khi đồng hóa yêu nước là "yêu ĐCSVN". Nếu "thường xuyên" nói về Đảng CSVN thì còn đâu thời giờ để nói về Chúa, về Phật, về những bậc cứu rỗi khác!

Vừa vào đề, tuyên bố tự do tín ngưỡng; ngay câu sau đã chà đạp quyền tự do của người ta bằng cách ra luật, đặt vị trí Đảng CSVN ngang hàng với các tôn giáo và bắt buộc phải giáo dục, dạy dỗ thường xuyên về đảng rồi!

Sau đó Pháp Lệnh định nghĩa những cụm từ chú trọng đến việc tổ chức của một tôn giáo trong Điều 3.

"Điều 3

Trong Pháp lệnh này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Hoạt động tín ngưỡng** là hoạt động thể hiện sự tôn thờ tổ tiên; tưởng niệm và tôn vinh những người có công với nước, với cộng đồng; thờ cúng thần, thánh, biểu tượng có tính truyền thống và các hoạt động tín ngưỡng dân gian khác tiêu biểu cho những giá trị tốt đẹp về lịch sử, văn hóa, đạo đức xã hội.

2. **Cơ sở tín ngưỡng** là nơi thực hiện hoạt động tín ngưỡng của cộng đồng, bao gồm đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ và những cơ sở tương tự khác.

3. **Tổ chức tôn giáo** là tập hợp những người cùng tin theo một hệ thống giáo lý, giáo luật, lễ nghi và tổ chức theo một cơ cấu nhất định **được Nhà nước công nhận**.

4. **Tổ chức tôn giáo cơ sở** là đơn vị cơ sở của tổ chức tôn giáo bao gồm ban hộ tự hoặc ban quản trị chùa của đạo Phật, giáo xứ của đạo Công giáo, chi hội của đạo Tin lành, họ đạo của đạo Cao Đài, ban trị sự xã, phường, thị trấn của Phật Giáo Hòa Hảo và đơn vị cơ sở của tổ chức tôn giáo khác.

5. **Hoạt động tôn giáo** là việc truyền bá, thực hành giáo lý, giáo luật, lễ nghi, quản lý tổ chức của tôn giáo.

6. **Hội đoàn tôn giáo** là hình thức tập hợp tín đồ do tổ chức tôn giáo lập ra nhằm phục vụ hoạt động tôn giáo.

7. **Cơ sở tôn giáo** là nơi thờ tự, tu hành, nơi đào tạo người chuyên hoạt động tôn giáo, trụ sở của tổ chức tôn giáo.

giáo và những cơ sở khác của tôn giáo **được Nhà nước công nhận**.

8. Tín đồ là người tin theo một tôn giáo và được tổ chức tôn giáo thừa nhận.

9. Nhà tu hành là tín đồ tự nguyện thực hiện thường xuyên nếp sống riêng theo giáo lý, giáo luật của tôn giáo mà mình tin theo.

10. Chức sắc là tín đồ có chức vụ, phẩm sắc trong tôn giáo".

Điều 3 này cho thấy Nhà Nước CSVN phân biệt rất rõ ràng giữa "tín ngưỡng" và "tôn giáo"! Họ định nghĩa và phân biệt các hoạt động và cơ sở tín ngưỡng khác với các hoạt động và cơ sở tôn giáo. Đứng ra tôn giáo nằm trong phạm trù tín ngưỡng. Chỉ cần ra Pháp Lệnh về tín ngưỡng là đã bao gồm cả tôn giáo trong đó rồi. Vì theo tự điển thì:

Tín ngưỡng: Tin theo một tôn giáo nào đó.

Tôn giáo: 1. Hình thái ý thức xã hội gồm những quan niệm dựa trên cơ sở tin và sùng bái những lực lượng siêu tự nhiên, cho rằng có những lực lượng siêu tự nhiên quyết định số phận con người, con người phải phục tùng và tôn thờ. *Tôn giáo nảy sinh rất sớm, từ trong xã hội nguyên thủy.* 2. Hệ thống những quan niệm tín ngưỡng một hay những vị thần linh nào đó và những hình thức lễ nghi thể hiện sự sùng bái ấy; đạo. Ở Việt Nam có nhiều tôn giáo: đạo Phật, đạo Thiên Chúa, đạo Cao Đài v.v... [Từ Điển Tiếng Việt, 1997, Nhà Xuất Bản Đà Nẵng, Trung Tâm Từ Điển Học].

Tôn giáo chính là sự tín ngưỡng được hệ thống hóa và có tổ chức, trong khi đó tín ngưỡng bao gồm tôn giáo và cả những việc như thờ cúng thần thánh như thần làng, thánh Gióng v.v... và những nhân vật lịch sử như đức Trần Hưng Đạo, các đức Hùng Vương v.v...

Nếu tôn giáo chính là tín ngưỡng thì tại sao lại phải phân biệt một cách cố ý như vậy? Câu trả lời là để kìm kẹp và kiểm soát tôn giáo dễ dàng hơn. Thí dụ, nếu không phân biệt thì không lẽ mỗi cái đình, mỗi cái miếu là cơ sở tín ngưỡng đều phải được Nhà Nước công nhận? Nhưng các cơ sở tôn giáo bắt buộc phải được Nhà Nước công nhận như được ghi trong khoản 7 của Điều 3, trong khi đó khoản 2 của Điều 3 về cơ sở tín ngưỡng thì lại không cần phải có sự công nhận của Nhà Nước. Cũng vậy, tín ngưỡng như việc thờ cúng tổ tiên không cần có sự công nhận của Nhà Nước, vì không có một tổ chức theo cách hệ thống hóa; nhưng các tôn giáo thì bắt buộc phải được Nhà Nước công nhận như được ghi trong khoản 3 của Điều 3, vì có sự tổ chức theo một hệ thống. Đảng CSVN rất sợ bất cứ một tổ chức nào có quy củ hay hệ thống, vì tổ chức đó có thể trở thành lực đối đầu với đảng và đe dọa vị thế độc tôn của đảng.

Cũng thế các hoạt động tôn giáo đều được phân biệt để dễ dàng kiểm soát hơn.

Chỉ mới trong phần định nghĩa của Pháp Lệnh, Nhà Nước CSVN đã để lộ rõ manh tâm thống trị và kiểm soát chặt chẽ mọi tôn giáo mà họ cố che dấu qua các từ được dùng.

"Điều 5

Nhà nước bảo đảm quyền hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật; tôn trọng giá trị văn hoá, đạo đức tôn giáo; giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tưởng niệm và tôn vinh những người có công với nước, với cộng đồng nhằm góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đáp ứng nhu cầu tinh thần của nhân dân."

Trong Điều 5, Nhà Nước CSVN bảo đảm quyền hoạt động tôn giáo nhưng phải theo quy định của pháp luật, mà Pháp lệnh này chính là luật. Và "Nhà nước giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tưởng niệm và tôn vinh những người có công với

nước, với cộng đồng". Câu này và câu trước được lập lại từ phần định nghĩa của Hoạt Động Tín Ngưỡng là "hoạt động thể hiện sự tôn thờ tổ tiên; tưởng niệm và tôn vinh những người có công với nước, với cộng đồng; thờ cúng thần, thánh, biểu tượng có tính truyền thống và các hoạt động tín ngưỡng dân gian khác tiêu biểu cho những giá trị tốt đẹp về lịch sử, văn hóa, đạo đức xã hội." Nhưng câu "thờ cúng thần thánh" đã được cố tình lấy ra. Có nghĩa Nhà Nước không gìn giữ và phát huy những giá trị tích cực thờ cúng thần thánh! Vì thần thánh bao gồm cả "Chúa, Phật và các đấng siêu nhiên khác của các tôn giáo"! Điều đơn giản Cộng Sản là vô thần, không thể nào trông mong việc "gìn giữ và phát huy" những giá trị tích cực của tôn giáo, mà trái lại họ còn sợ rằng nếu những giá trị tích cực của tôn giáo được phát huy thì sẽ dành mất ảnh hưởng của Đảng CSVN! Từng câu, từng chữ đã được điều nghiên kỹ càng trong pháp lệnh này.

Và Nhà Nước đã đặt để các tín đồ tôn giáo nằm dưới quyền của Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam (một tổ chức ngoại vi của Đảng CSVN) như khoản 1a) của Điều 7 cho thấy qua cụm từ "tập hợp" mở đầu, và cho phép MTTQ theo dõi, kiểm soát và xen lấn vào các đoàn thể tôn giáo như khoản 1b) 1c), 1d) và khoản 2 của Điều 7 cho thấy.

"Điều 7

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Tập hợp đồng bào có tín ngưỡng, tôn giáo và đồng bào không có tín ngưỡng, tôn giáo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

b) Phản ánh kịp thời ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của nhân dân về các vấn đề có liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Tham gia tuyên truyền, vận động chức sắc, nhà tu hành, tín đồ, người có tín ngưỡng, các tổ chức tôn giáo và nhân dân thực hiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo;

d) Tham gia xây dựng và giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

2. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các cơ quan nhà nước chủ động phối hợp với Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong việc tuyên truyền, vận động và thực hiện các chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo."

Sau đây là những Điều tiếp theo được đặt ra để xiết chặt và kiểm soát mọi tôn giáo với lời chú của người viết đặt trong ngoặc [].

"Điều 11

1. Chức sắc, nhà tu hành được thực hiện lễ nghi tôn giáo trong phạm vi phụ trách, được giảng đạo, truyền đạo tại các cơ sở tôn giáo.

[Ở đây cho thấy lý do thâm độc tại sao họ lại định nghĩa "cơ sở tôn giáo", vì ngoài những cơ sở này ra, không ai được giảng đạo hay truyền đạo tại những nơi khác. Điều này cho thấy họ cấm truyền đạo, giảng đạo tại tư gia như một số các nhà truyền đạo Tin Lành hay Cơ Đốc Giáo đã làm, hay một nơi nào khác thí dụ như dùng hệ thống Internet để truyền đạo đều không được, vì phải được Nhà Nước công nhận đã, như được định nghĩa trong Điều 3. Một nhà sư ngồi nói chuyện đạo với vài tín hữu tại tư gia cũng bị nghiêm cấm vì vi phạm luật. Các chức sắc và nhà tu hành cũng không được làm lễ ngoài phạm vi của mình. Có nghĩa linh mục họ đạo làng A, không được làm lễ ở làng B. Sư ở chùa C không được làm lễ, thuyết pháp tại chùa D.]

2. Trường hợp thực hiện lễ nghi tôn giáo, giảng đạo, truyền đạo ngoài quy định tại khoản 1 Điều này phải có sự chấp thuận của Ủy Ban Nhân Dân huyện, quận, thị xã,

thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy Ban Nhân Dân cấp huyện) nơi thực hiện."

[Mọi hoạt động tôn giáo ngoài phạm vi đã được ấn định đều phải được thông qua và chấp thuận bởi Ủy Ban Nhân Dân (UBND) Huyện, tức bị kiểm soát và bóp chặt.]

"Điều 12

1. Người phụ trách tổ chức tôn giáo cơ sở có trách nhiệm **đăng ký chương trình hoạt động tôn giáo hàng năm diễn ra tại cơ sở đó với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã); trường hợp tổ chức hoạt động tôn giáo ngoài chương trình đã đăng ký thì phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.**

[Tất cả các hoạt động tôn giáo tại cơ sở trong năm đều phải được trình báo và phải được chấp nhận bởi UBND Xã mỗi năm! Những hoạt động ngoài chương trình đã được chấp thuận phải xin Nhà Nước để được chấp thuận hay không! Thí dụ do có một tin vui gì đó, nhà thờ họ đạo hoặc một ngôi chùa nào đó phải xin phép, nếu được Nhà Nước chấp thuận, mới được tổ chức ăn mừng vì cuộc tổ chức này đã không có trong danh sách hàng năm và đã được chấp thuận khi trình báo trước đây. Không một hoạt động tôn giáo nào được nằm ngoài tầm kiểm soát của Đảng CSVN!]

2. **Thẩm quyền chấp thuận việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng do Chính phủ quy định."**

[Ở đây, cụm từ "tín ngưỡng" được dùng, có nghĩa tất cả lễ hội, không cứ gì của tôn giáo, đều bị nghiêm cấm nếu không có sự cho phép của chính phủ. Đây là họ ngăn ngừa và kiểm soát những buổi tụ họp đông đảo quần chúng.]

"Điều 13

1. Người đang **chấp hành án phạt tù** hoặc đang bị **quản chế** theo quy định của pháp luật thì **không được** chủ trì lễ nghi tôn giáo, truyền đạo, giảng đạo, quản lý tổ chức của tôn giáo và chủ trì lễ hội tín ngưỡng.

[Đây là hình thức kiểm soát, ngăn ngừa những trường hợp các nhà lãnh đạo tinh thần chống đối đã bị họ bắt tù, quản thúc tại gia, không cho phép được tiếp xúc với đám đông qua hình thức giảng đạo, làm lễ như trường hợp của Hòa Thượng Huyền Quang, HT Quảng Độ, TT Tuệ Sỹ ... hay linh mục Nguyễn Văn Lý để ngăn ngừa quần chúng bị khích động.]

2. Đối với người **đã chấp hành xong các hình phạt hoặc biện pháp xử lý hành chính quy định tại khoản 1 Điều này, chỉ sau khi được tổ chức tôn giáo đăng ký hoạt động và được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới được chủ trì lễ nghi tôn giáo, truyền đạo, giảng đạo và quản lý tổ chức của tôn giáo."**

[Và ngay sau khi không còn bị tù giam, quản thúc, cũng phải được sự chấp thuận của họ mới được làm lễ, giảng đạo. Điểm này cho thấy những nhà lãnh đạo tinh thần nào có thể có ảnh hưởng lớn mạnh tới quần chúng sẽ bị họ dùng Pháp Lệnh này trói chặt, không cho tiếp xúc với khối quần chúng.]

"Điều 16

1. **Tổ chức được công nhận là tổ chức tôn giáo** khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Là tổ chức của những người có cùng tín ngưỡng, có giáo lý, giáo luật, lễ nghi không trái với thuần phong, mỹ tục, lợi ích của dân tộc;

b) Có hiến chương, điều lệ thể hiện tôn chỉ, mục đích,

đường hướng hành đạo gắn bó với dân tộc và **không trái với quy định của pháp luật;**

c) **Có đăng ký hoạt động tôn giáo** và hoạt động tôn giáo ổn định;

d) **Có trụ sở, tổ chức và người đại diện hợp pháp;**

đ) **Có tên gọi không trùng với tên gọi của tổ chức tôn giáo đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận.**

[Muốn gì đi chăng nữa, bất cứ một tổ chức và hoạt động tôn giáo nào cũng phải trình lên Nhà Nước, họ có thuận cho mới được phép hiện hữu và hoạt động.]

2. **Thẩm quyền công nhận tổ chức tôn giáo:**

a) **Thủ tướng Chính phủ công nhận** tổ chức tôn giáo có phạm vi hoạt động ở nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

b) **Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương công nhận** tổ chức tôn giáo có phạm vi hoạt động chủ yếu ở một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

3. **Việc đăng ký hoạt động tôn giáo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này; hoạt động tôn giáo của tổ chức đã đăng ký và trình tự, thủ tục công nhận tổ chức tôn giáo do Chính phủ quy định."**

[Nói chung là tất cả các cơ sở, tổ chức tôn giáo nào cũng đều bị kiểm soát gắt gao. Vị thế càng lớn thì lại càng bị khó khăn và gắt gao hơn, như tòa Tổng Giám Mục thì phải được Thủ Tướng chính phủ công nhận mới được hoạt động. Các cấp thấp hơn sẽ có thẩm quyền công nhận những cơ sở tôn giáo ở dưới cấp hơn. Không một hoạt động tôn giáo nào bị bỏ sót. Nguyên việc chấp thuận đi từ cấp thấp tới trung ương cũng đã trải qua nhiều khó khăn, và có nghĩa có thể bị "ngâm tằm" vô hạn định trong khi chờ đợi được "chấp thuận".]

"Điều 17

1. Tổ chức tôn giáo được thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất các tổ chức trực thuộc theo hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo.

2. **Việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo cơ sở phải được sự chấp thuận của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).**

3. **Việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này phải được sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ."**

[Ngay cả việc sáp nhập (sợ sẽ càng ngày càng lớn mạnh), hay chia tách (sợ một cơ sở hay bộ phận tôn giáo nào đó thân chính phủ sẽ bị tách rời ra để cô lập và không thể gây ảnh hưởng) cũng đều phải có sự chấp thuận của Nhà Nước CSVN. Nói chung Nhà Nước CSVN đã tự cho mình cái quyền xen lấn vào nội bộ của tất cả các tôn giáo.]

"Điều 18

1. **Việc tổ chức hội nghị, đại hội của tổ chức tôn giáo cơ sở được tiến hành sau khi có sự chấp thuận của Ủy Ban Nhân Dân cấp huyện nơi diễn ra hội nghị, đại hội.**

2. **Việc tổ chức hội nghị, đại hội cấp trung ương hoặc toàn đạo của tổ chức tôn giáo được tiến hành sau khi có sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo ở trung ương.**

3. **Việc tổ chức hội nghị, đại hội của tổ chức tôn giáo không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tiến hành sau khi có sự chấp thuận của Ủy Ban Nhân Dân cấp tỉnh nơi diễn ra hội nghị, đại hội"**

[Tất cả các buổi hội họp có tính cách quy mô đều bị kiểm soát và phải có sự chấp thuận của của Nhà Nước CSVN. Không một cuộc tụ họp nào mà họ không được biết. Thật bi ôi khi Hiến Pháp, Chương V, Điều 69 khẳng định: "Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí có quyền được thông tin; **có quyền hội họp, lập hội, biểu tình** theo quy định của pháp luật". Xảo trá, trơ trẽn đến thế là cùng! Hiến Pháp quy định đó là quyền công dân nhưng gài thêm câu "theo quy định của pháp luật", xong ra luật tước đi quyền đó của mọi công dân và thay vào đó bằng sự ban phát được cho hay không, chứ không phải là cái quyền được nữa!

"Điều 19

1. Hội đoàn tôn giáo **được hoạt động** sau khi tổ chức tôn giáo **đăng ký** với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Việc đăng ký hội đoàn tôn giáo được quy định như sau:

a) Hội đoàn tôn giáo có phạm vi hoạt động trong một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh **đăng ký** với Ủy Ban Nhân Dân cấp huyện nơi hội đoàn hoạt động;

b) Hội đoàn tôn giáo có phạm vi hoạt động ở nhiều huyện, quận, thị xã, thành phố trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương **đăng ký** với Ủy Ban Nhân Dân cấp tỉnh nơi hội đoàn hoạt động;

c) Hội đoàn tôn giáo có phạm vi hoạt động ở nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương **đăng ký** với cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo ở trung ương".

[Các hội đoàn tôn giáo như Thiếu Nhi Thánh Thể, Gia Đình Phật Tử, Đoàn Oanh Vũ v.v... ở bất cứ cấp nào cũng đều bị kiểm soát của Nhà Nước CSVN mới được phép sinh hoạt. Một đoàn vũ thiếu nhi của tôn giáo, nếu muốn hoạt động cũng phải đăng ký xin phép với Nhà Nước CSVN! Như vậy một đoàn vũ thiếu nhi của một ngôi trường nào đó, thí dụ, có phải đăng ký và xin phép không? Nếu không thì rõ ràng là Nhà Nước đang có một chính sách kỳ thị tôn giáo! Kỳ thị giữa người hữu thần và người vô thần!]

"Điều 20

Dòng tu, tu viện và các tổ chức tu hành tập thể khác của tôn giáo **được hoạt động** sau khi đã **đăng ký** với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Việc đăng ký hoạt động của dòng tu, tu viện và các tổ chức tu hành tập thể khác của tôn giáo được áp dụng như đối với hội đoàn tôn giáo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Pháp lệnh này.

[Điều này áp dụng cho các chủng viện, tu viện hoặc các cơ sở đào tạo các tu sĩ đều phải được Nhà Nước chấp thuận. Các hoạt động của các chủng sinh, tu sĩ đều phải được trình báo và cho phép mới được hoạt động].

"Điều 21

1. Người đi tu tại các cơ sở tôn giáo phải trên cơ sở tự nguyện, không ai được ép buộc hoặc cản trở. Người chưa thành niên khi đi tu phải được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý.

2. **Người phụ trách cơ sở tôn giáo khi nhận người vào tu có trách nhiệm đăng ký** với Ủy Ban Nhân Dân cấp xã nơi có cơ sở tôn giáo".

[Bất cứ một chủng sinh mới hay một tu sĩ mới nào vừa nhập viện đều phải khai báo với Nhà Nước. Không một sự đến hoặc đi nào (Điều 23) của bất cứ ai mà Nhà Nước không biết để kiểm soát].

"Điều 22

1. Việc phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử trong tôn giáo được thực hiện theo hiến chương, điều lệ

của tổ chức tôn giáo và đảm bảo điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này; trường hợp có yếu tố nước ngoài thì còn **phải có sự thỏa thuận trước** với cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo ở trung ương.

2. Người được phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử phải đáp ứng các điều kiện sau đây **mới được Nhà nước thừa nhận:**

a) Là công dân Việt Nam, có tư cách đạo đức tốt;

b) Có tinh thần đoàn kết, hòa hợp dân tộc;

c) Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật.

3. Việc cách chức, bãi nhiệm chức sắc trong tôn giáo được thực hiện theo hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo.

4. Tổ chức tôn giáo có trách nhiệm đăng ký về người được phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử; **thông báo về việc** cách chức, bãi nhiệm chức sắc trong tôn giáo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền".

[Các cuộc phong chức từ nước ngoài. thí dụ như Đức Giáo Hoàng phong chức Tổng Giám Mục, Hồng Y ... cho ai trong nước, phải có sự chấp thuận của Nhà Nước CSVN. Ngay cả những người được phong chức trong nước cũng phải được Nhà Nước chấp thuận dựa trên khoản 2a), 2b) và 2c). Đây là cách thức Nhà Nước gây ảnh hưởng, muốn nắm các nhà lãnh đạo tôn giáo phải "thần" với họ mới được chấp thuận, hoặc ngăn ngừa những người chống đối họ và cản trở không cho gây thế lực qua việc nắm quyền lãnh đạo].

"Điều 23

Khi chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm **thông báo** với Ủy Ban Nhân Dân cấp huyện nơi đi và **đăng ký** với Ủy Ban Nhân Dân cấp huyện nơi đến.

Trường hợp chức sắc, nhà tu hành **vi phạm pháp luật về tôn giáo** đã bị Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân cấp tỉnh xử lý vi phạm hành chính hoặc đã bị xử lý về hình sự thì khi chuyển nơi hoạt động tôn giáo còn **phải được sự chấp thuận** của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đến theo quy định của Chính phủ".

[Mọi sự đi lại, thay đổi đều bị theo dõi. Các nhà tu hành nào đã bị họ bắt bỏ tù hay quản thúc trong quá khứ, ngay cả đến việc "vi phạm pháp luật về tôn giáo" (thí dụ như không đăng ký với Nhà Nước một lần nào đó trong quá khứ là đã vi phạm pháp luật về tôn giáo rồi) thì sự chuyển chuyển còn phải được sự chấp thuận của Nhà Nước. Nhà Nước đã hiển nhiên vi phạm quyền công dân, kỳ thị các chức sắc và nhà tu khi ra luật để chà đạp quyền công dân của họ như đã được minh định trong Hiến Pháp, Chương 5, Điều 68 rằng: "**Công dân có quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, có quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước theo quy định của pháp luật.**" Các chức sắc và nhà tu hành có quyền tự do đi lại và cư trú bất cứ nơi nào ở trong nước, tại sao ra luật bắt họ phải thông báo nơi đi và nơi đến của họ!]

"Điều 24

1. Tổ chức tôn giáo được thành lập trường đào tạo, mở lớp bồi dưỡng những người chuyên hoạt động tôn giáo.

2. Việc thành lập trường đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo **phải được sự chấp thuận** của Thủ tướng Chính phủ.

Việc chiêu sinh của trường đào tạo tôn giáo phải thực hiện theo nguyên tắc công khai, tự nguyện của thí sinh và **điều lệ hoạt động của trường đã được phê duyệt.**

Môn học về **lịch sử Việt Nam, pháp luật Việt Nam là các môn học chính khóa** trong chương trình đào tạo tại trường đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo.

3. Việc mở các lớp bồi dưỡng những người chuyên hoạt

động tôn giáo **phải được sự chấp thuận** của Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân cấp tỉnh nơi mở lớp.

4. *Trình tự, thủ tục thành lập, giải thể trường đào tạo, mở lớp bồi dưỡng tôn giáo do Chính phủ quy định*".

[Các trường đào tạo các linh mục, sư, sớ, ni cô v.v... hoặc các khóa tu học đều phải có sự chấp thuận của Nhà Nước CSVN. Trong chương trình tu học, CSVN bắt buộc phải có lịch sử và pháp luật Việt Nam. Lịch sử VN ở đây phải được hiểu là sẽ phải học về Đảng CSVN như đã được giải trong Điều 2 về "lòng yêu nước", kèm theo với những luật lệ tôn giáo quy định các vị tu sĩ được làm và không được làm những gì].

"Điều 25

Các cuộc lễ của tổ chức tôn giáo diễn ra ngoài cơ sở tôn giáo được thực hiện theo quy định sau đây:

1. *Cuộc lễ có sự tham gia của tín đồ trong phạm vi một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh phải được Ủy Ban Nhân Dân cấp huyện nơi diễn ra cuộc lễ chấp thuận;*

2. *Cuộc lễ có sự tham gia của tín đồ đến từ nhiều huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc từ nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải được Ủy Ban Nhân Dân cấp tỉnh nơi diễn ra cuộc lễ chấp thuận*".

[Tất cả các cuộc lễ lạc như lễ rước Đức Mẹ, lễ Giáng Sinh, lễ Phật Đản, lễ Vu Lan v.v... đều phải được Nhà Nước chấp thuận thì mới được cử hành hoặc đón rước. Họ ngăn ngừa tất cả các cuộc tụ họp đông đảo có thể biến thành những cuộc xuống đường gây đột biến, và có thể tạo thành một phong trào đối kháng như vụ Hòa Hảo].

"Điều 28

1. *Cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo được tổ chức quyên góp, nhận tài sản hiến, tặng, cho trên cơ sở tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân ngoài nước theo quy định của pháp luật.*

2. *Việc tổ chức quyên góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo phải công khai, rõ ràng mục đích sử dụng và trước khi quyên góp phải thông báo với Ủy Ban Nhân Dân nơi tổ chức quyên góp.*

3. *Không được lợi dụng việc quyên góp để phục vụ lợi ích cá nhân hoặc thực hiện những mục đích trái pháp luật*".

[Các cơ sở tôn giáo thì thường là do các tín đồ, tín hữu đóng góp, hình thức cho, tặng, hoặc do quyên góp mà có. Tất cả các cuộc quyên góp và mục đích sử dụng đều phải khai báo với Nhà Nước trước. Có nghĩa quyên tiền làm gì, được bao nhiêu và cách sử dụng số tiền này ra làm sao, đều phải khai báo. Nếu Nhà Nước điều tra và ra luật bắt tất cả cán bộ CS khai báo những số tiền mà họ "quyên được cho riêng họ" thì chắc chắn họ đã dẹp được nạn tham nhũng rồi!].

"Điều 30

Việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các công trình thuộc cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo phải thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Khi thay đổi mục đích sử dụng của các công trình thuộc cơ sở tín ngưỡng phải có sự chấp thuận của Ủy Ban Nhân Dân cấp huyện; khi thay đổi mục đích sử dụng của các công trình thuộc cơ sở tôn giáo phải có sự chấp thuận của Ủy Ban Nhân Dân cấp tỉnh.

[Việc sử dụng các cơ sở về tín ngưỡng và tôn giáo nếu thay đổi đều phải trình báo và phải có sự chấp thuận của Nhà Nước. Ở đây, tín ngưỡng và tôn giáo lại được phân biệt rõ ràng. Các cơ sở tín ngưỡng như miếu, đền là nơi thờ phượng nhưng nếu nay dùng làm nơi hội họp của Ban Trị

Sự chẳng hạn; hoặc thư viện của tôn giáo nay được đổi thành nhà nguyện thì phải có sự chấp thuận của Nhà Nước. Với các cơ sở tín ngưỡng thì chỉ cần sự chấp thuận của cấp thấp như UBND Huyện, trong khi đó các cơ sở tôn giáo thì phải lên tới cấp tỉnh chấp thuận mới được đổi. Tức họ ngăn ngừa những cơ sở có thể biến thành những nơi đào tạo, tụ họp, rao giảng tới số đông quần chúng].

"Điều 35

Khi tiến hành các hoạt động quan hệ quốc tế sau đây phải có sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo ở trung ương:

1. *Mời tổ chức, người nước ngoài vào Việt Nam hoặc triển khai chủ trương của tổ chức tôn giáo nước ngoài ở Việt Nam;*

2. *Tham gia hoạt động tôn giáo, cử người tham gia khóa đào tạo về tôn giáo ở nước ngoài*".

[Mọi việc giao tiếp với các tổ chức và người ngoài nước đều phải có sự chấp thuận. Điều này nhắm mạnh vào đạo Công Giáo và Tin Lành, Cơ Đốc Giáo (nói chung là Cấp Tiến Giáo) v.v... Và kiểm soát luôn cả việc những người trong nước ra nước ngoài để tham gia các khóa đào tạo về tôn giáo].

"Điều 36

Chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài được giảng đạo tại cơ sở tôn giáo của Việt Nam sau khi được cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo ở trung ương chấp thuận, phải tôn trọng quy định của tổ chức tôn giáo của Việt Nam và tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam."

[Những tu sĩ, chức sắc ngoại quốc hay cả những người Việt sinh sống ở ngoại quốc về giảng đạo tại Việt Nam phải được Nhà Nước chấp thuận và tuân hành những quy định về tôn giáo Việt nam mà Pháp Lệnh này là một.]

o0o

Thật mỉa mai thay cho cụm từ "tự do tôn giáo, tự do tín ngưỡng" của người Cộng Sản. Qua Pháp Lệnh này, mọi sự đều phải được phép, qua danh nghĩa theo đúng quy định của pháp luật, từ Nhà Nước Cộng Sản VN. Qua những điều bố buộc ở trên, thử hỏi "tự do" ở chỗ nào! Từ sự di chuyển, tới các sinh hoạt thường niên, truyền bá, tu học, khóa học, xây dựng trường ốc, nơi thờ phụng, lễ lạc, tu sinh, tu sĩ, thụ phong, bãi chức v.v... nhất nhất cử động đều phải được cho phép và khai báo, không khác chi dưới hình thức bị giam lỏng. Chỉ còn mỗi điều mà chưa thấy họ ra điều khoản là những nhà tu hành và các vị chức sắc khi ăn uống gì thì phải khai báo trước và phải được sự chấp thuận của Nhà Nước!

Nhà Nước CSVN thường hay phản đối các nước ngoại quốc là "xen lấn vào việc nội bộ của nước khác" khi họ có những lời chỉ trích về nhân quyền hay vi phạm tự do tôn giáo. Nhưng Nhà Nước CSVN lại xem nó là một điều bình thường, và coi như là quyền mặc nhiên của Nhà Nước để xen lấn vào chuyện nội bộ của các đoàn thể, tôn giáo. Họ không đếm xỉa đến sự kiện đây là những hội đoàn riêng, tổ chức riêng không phải của Nhà Nước. Hãy thử tưởng tượng chính quyền ở các nước VĂN MINH khác cũng ra một Pháp Lệnh tương tự như Pháp Lệnh này tại nước của họ! Chắc chắn cái chính phủ xuẩn động đó sẽ bị dân chúng phản đối khắp nơi, không từ chức thì cũng bị lật đổ.

Và Hiến Pháp của Nhà Nước CSVN thường được ví như tờ giấy lộn cũng không gì là quá đáng. ♣

BẢN THAM LUẬN CỦA BAN HƯỚNG DẪN TRUNG ƯƠNG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM TẠI HOA KỲ

NAM MÔ BỐN SỨ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Kính bạch...

Kính thưa...

Chúng con, Ban Hướng Dẫn Trung Ương Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Hoa Kỳ (BHDTU/GĐPT), lần đầu tiên được góp tiếng nói của mình vào Đại Hội của Giáo Hội, chúng con xin đọc bài tham luận đã được thông qua tập thể Anh Chị Em chúng con về một đề tài rất cũ nhưng cũng rất mới, vì đã làm chúng con băn khoăn trăn trở, đặc biệt là nó liên quan đến tất cả chúng ta có mặt ở đây, từ chư Tăng Ni đến hàng Phật tử tại gia nói chung, và GĐPT nói riêng. Đó là: Vấn Đề Giáo Dục Tuổi Trẻ Việt Nam theo Phật ở hải ngoại.

Kính thưa liệt quý vị,

Tuổi trẻ Phật giáo trong nước thì "được" giáo dục để quên đi quá khứ, để không còn biết đến Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất là gì, đã cố gắng hiến những gì cho sự nghiệp văn hóa, giáo dục, hòa bình dân tộc, trong những giai đoạn cực kỳ hiểm nghèo của lịch sử. Máu và nước mắt của chư Tăng Ni và Phật tử đã đổ ra dưới nhiều hình thức, bằng bi nguyện và hùng lực của mình, đã chịu tù đày và cả lăng nhục, v.v... tất cả đã xảy ra trên đất nước nhỏ bé của mình, chỉ mới đây thôi, nhưng tuổi trẻ Việt Nam hôm nay cơ hồ như không hề hay biết. Ở hải ngoại, tuy không bị "bịt mắt bịt tai" như trong nước, sách vở, báo chí, phương tiện truyền thông... lại rất phong phú nhưng các em ở lứa tuổi thanh thiếu niên phần đông sinh ra và lớn lên ở hải ngoại, "tiếng mẹ đẻ" không còn là tiếng Việt nữa mà là tiếng Anh, nên không thể và không ham thích đọc sách báo, nghe radio... tiếng Việt, kết quả cũng không khá hơn các em bên nhà: Không biết GHPGVNTN là gì, đã làm gì cho quê hương xứ sở. Chính vì vậy, các em thiếu giáo dục căn bản để biết những điều đáng lẽ ra các em phải biết!

Những điều thiếu sót này là do tất cả Thầy Trò chúng ta không quan tâm lẫn nhau trong hơn một phần tư thế kỷ qua.

Vì vậy, bài tham luận của chúng con hôm nay xin được bàn về những điểm sau đây:

I. Vai trò của tuổi trẻ PG ở hải ngoại đối với tương lai Đạo Pháp và Dân Tộc

Tuổi trẻ Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ là sức sống, là tài nguyên phong phú đối với tương lai Đạo Pháp, Dân Tộc. Đó là một thực thể mà Giáo Hội cần quan tâm và xây dựng nền tảng công việc đầu tư có tính tấn lâu dài, đa dạng cho nên chúng ta cần phải đem hết tình thương, tâm huyết và sự dắt dìu để những mầm non có thể đâm hoa kết trái và tương

lai PGVN tại Hải Ngoại có được những đóa sen thơm mùi đạo hạnh và những hạt giống lành cho vườn hoa dân tộc.

Vì thế công việc giáo dục tuổi trẻ PGVN ở hải ngoại là một trọng trách vô cùng quan trọng, chúng ta cần quan tâm và chia sẻ.

II. Sứ mệnh giáo dục tuổi trẻ

Sứ mệnh giáo dục tuổi trẻ PGVN ở hải ngoại thuộc về nhiều nhà giáo dục. Đội ngũ này gồm có thầy cô giáo của nhà trường, những người có trách nhiệm giáo dục ngoài xã hội cũng như trong Cộng đồng người Việt, Thầy, Tổ, Sư Phụ... ở chùa, Phụ huynh ở gia đình, và anh chị Huynh Trưởng ở GĐPT cũng như không thể loại trừ những phim ảnh, sách báo, truyền thanh truyền hình và tất cả những gì mà ngành truyền thông rộng lớn trên mạng internet đem lại cho con em chúng ta.

Như vậy, con em của chúng ta hư hay nên, tốt hay xấu, không phải chỉ có chúng ta ảnh hưởng lên và trách nhiệm mà có thể nói do cộng đồng xã hội nói riêng và toàn thể chúng sanh nói chung. Tuy nhiên, chúng ta vẫn phải trách nhiệm về phần của mình mà không thể yêu cầu, đòi hỏi, kiểm soát, v.v... bất cứ điều gì ở lãnh vực khác. Vì vậy chúng ta luôn luôn phải rà xét lại xem trong công việc giáo dục con em, chúng ta có đi đúng mục tiêu đường lối, có cập nhật hóa phương pháp truyền đạt, có là tấm gương sáng cho con em về những gì mình đã dạy... hay không. Giáo dục Phật Giáo vì thế có những nét đặc trưng riêng không thể đồng hóa với những nền giáo dục thế gian mà con em chúng ta có thể tiếp xúc.

III. Nội dung giáo dục

1) Mục tiêu giáo dục của Phật Giáo:

Con người là một sản phẩm của xã hội mà nó đang sống; ngoài ra, mỗi thế hệ có vấn đề riêng của nó, do sự biến thiên của môi trường, hoàn cảnh chung quanh cũng như những biến cố dao động mang tính thời đại; vì vậy, tuy cùng được hấp thụ một nền giáo dục PG nhưng một em đoàn sinh GĐPTVN tại Việt Nam không giống một em GĐPTVN ở Mỹ, một em đoàn sinh GĐPT ở Mỹ không giống một em ở Pháp, Đức hay Úc v.v..., thậm chí một đoàn sinh GĐPT hôm nay ở Việt Nam cũng không giống anh chị em chúng ta, cũng là đoàn sinh GĐPT nhưng thuộc về những ngày xưa cách đây 40, 50 năm. Tuy nhiên, mục tiêu giáo dục dù ở đâu cũng đều nhắm đến những yêu cầu đào tạo sau đây:

* **Có đạo đức hơn:** Giáo dục PG nhằm đào tạo cho con người PT khả năng nâng cao phẩm chất đạo đức nơi mình; đó là sự giữ giới, tu giới v.v... mà bất cứ tổ chức nào của Phật Giáo đều có thực hành (Tam quy, Ngũ giới, tu Bát quan trai giới v.v...) để trang nghiêm bản thân mình và quốc độ mình đang sống.

* **Có tài năng:** Có tài năng đây không phải là có đầy kiến thức đại học hay hậu đại học, với thật nhiều bằng cấp, tước vị thế gian, cũng không phải là dó tài nói đủ các thứ tiếng trên thế giới. Những cái này không phải là không cần nhưng nó không nằm trong mục tiêu đào tạo của một nền giáo dục Phật Giáo vì những thế này đã có nhà trường với

nền học vấn thế gian bao la bát ngát, ai muốn học đến bao giờ cũng được, lên cao bao nhiêu cũng được v.v... không làm trở ngại gì đến ai cả nếu mình đã có đạo đức và an lạc. Mấy chữ "có tài năng" ở đây có nghĩa là óc sáng tạo, có trí tuệ giải thoát để đối diện với những tình huống vô thường, bất như ý của cuộc đời mà không bao giờ thất vọng, mất niềm tin, dù cho có vấp ngã, cũng có khả năng và dũng cảm đứng dậy bằng chính đôi chân của mình, nhìn bằng cặp mắt của mình và đi tới mục tiêu mình đã nhắm đến.

* **Có an lạc:** Xã hội càng phát triển, con người càng văn minh thì áp lực trên con người càng lớn, càng có nhiều người bị bệnh tâm thần, càng có nhiều người mất ngủ, rối loạn thần kinh v.v... Đó là chưa nói những tác động của chiến tranh, thiên tai, bạo lực, kỳ thị chủng tộc, kỳ thị tôn giáo... xảy ra hằng ngày ở khắp mọi nơi trên thế giới làm cho con người gần như luôn sống trong tình trạng bất ổn, không có giây phút nào được thanh thản thoải mái. Giáo dục PG cũng chịu phần trách nhiệm về những bất ổn của thế giới. Bởi vậy, "có an lạc" là châm ngôn và cách thực hiện là giáo dục lòng từ bi (bao gồm tình thương yêu rộng lớn, sự bao dung, tình đoàn kết, sống hiền thiện...) và trí tuệ (thấy biết như thật, không cố chấp, không thành kiến...) là mục tiêu rất quan trọng và rất cần thiết trong giáo dục Phật Giáo.

Để có an lạc, PG dạy tín đồ của mình rằng: Ý nghĩa thực sự của cuộc sống là sống với những gì đang là, trong giây phút hiện tại, mà không tham đắm nó (chánh niệm), do lối sống đó, sẽ có an lạc.

2) Đặc tính nền Giáo Dục Phật Giáo

* **Đúng chân lý:** mặc dù 2 chữ "chân lý" là đầu đề tranh luận của mọi người; mặc dù "bên này dãy Pyrénées là chân lý, bên kia là sai lầm (Au decì de les Pyrénées est la verité, au delà est faux)" nhưng ở một chừng mực nào đó chúng ta có thể chứng minh rằng nền giáo dục PG là đúng chân lý. Thật vậy, theo Schumacher thì ngày nay, có 3 lý thuyết giáo dục được chấp nhận, đó là:

- mục tiêu duy nhất của GD là cung cấp các cơ hội phát triển là loại bỏ các ảnh hưởng gây trở ngại sự phát triển.

- mục tiêu của GD là đem đến cho cá nhân sự phát triển tri thức đến cao điểm.

- giáo dục phải được xem là có mối liên hệ với cộng đồng hơn là liên hệ cá nhân, và công việc chính của GD là đào tạo những công dân hữu dụng.

Còn theo Einstein, nhà vật lý học vĩ đại của thời đại chúng ta thì:

- nhà trường luôn luôn là phương tiện quan trọng nhất truyền thừa sản nghiệp truyền thống từ thế hệ này qua thế hệ khác.

- nhưng nếu nhà trường chỉ là công cụ truyền đạt kiến thức thì đó là sai lầm. Kiến thức là "chết" mà nhà trường thì phục vụ sự sống.

- vì vậy nhà trường cần phải phát triển những phẩm chất và khả năng nào của tuổi trẻ có giá trị đem lại an lạc và hạnh phúc cho cộng đồng.

Như vậy chúng ta thấy rõ quan điểm giáo dục của PG bao gồm tất cả các yêu cầu trên, nghĩa là một nền giáo dục khai phóng, đem lại lợi ích không chỉ cho bản thân mà còn

"lan rộng muôn nhà" (cho cả tha nhân), không phân biệt màu da, ranh giới quốc gia, tôn giáo, giai cấp xã hội v.v...

* **Căn cứ vào kinh điển Phật Giáo**

Nền giáo dục PG tất nhiên là dùng tài liệu từ giáo lý của Đức Thế Tôn hay 3 tạng kinh điển rồi! Nhiều học giả Tây phương đã dày công nghiên cứu và công nhận giá trị phổ quát của kinh điển PG, nghĩa là Đức Phật không chỉ dạy cho chư vị Tỳ Kheo mà còn dạy cho cả tứ chúng nữa (kinh Thiện Sinh, kinh Hiền Nhân, kinh Hiền Ngu v.v... là những bộ kinh dạy về hiếu kính, cách xử thế, về cả kinh tế và chính trị nữa).

Xin khởi triển khai phần này.

IV. Người giáo dục (Sư Phụ, Thầy giáo, Huỳnh trưởng)

1) **Phương pháp truyền đạt:** Phật Pháp không bao giờ cũ. Có cũ chẳng là do phương pháp truyền đạt lỗi thời. Vì vậy, phương pháp truyền đạt cũng là vấn đề cần thiết cho giáo dục tuổi trẻ. Nếu chúng ta dạy một bài Phật Pháp cho các em bằng phương pháp thuyết giảng hoàn toàn thì bài học sẽ trở thành tẻ nhạt, các em sẽ buồn ngủ.. nhưng cũng với bài học đó, mà chúng ta dùng những trợ huấn cụ với phương pháp thính thị hiện đại, với băng Video, với máy chiếu lên màn hình v.v... thì các em sẽ theo dõi một cách hứng thú ngay. Ngoài ra, nếu chúng ta chỉ "độc thoại" cũng dễ gây không khí buồn chán cho lớp học. Người giảng phải cho học trò "vấn đáp", bầu không khí giữa thầy trò sẽ có sự giao cảm ngay. Tuy nhiên, muốn được như vậy, người thầy phải đầu tư nhiều thời gian, tâm huyết và trí tuệ cho bài giảng của mình.

2) **Tư cách: đạo đức, tài năng và tu học:** Đây là vấn đề thân giáo. Một ông thầy giáo ở ngoài đời có thể tri hành không hợp nhất. Ví dụ một ông giáo sư thực sĩ về văn phạm (grammar) có thể thuyết giảng về luật văn hằng giờ, hằng tuần... trên giảng đường, nhưng trên thực tế, ông ta nói không có câu nào đúng văn phạm cả. Với ông *thầy giáo đạo* thì khác, một Sư Phụ dạy cho đệ tử của mình, một Huỳnh Trưởng GDPT dạy cho đoàn sinh của mình... thì không thể như vậy được. Chúng ta không thể dạy cho các em ăn chay niệm Phật mà bản thân chúng ta thì đi câu cá, săn bắn... chúng ta không thể dạy các em "tôn trọng sự thật" mà đồng thời chúng ta nói dối trắng trợn trước mặt các em. Chúng ta không thể dạy các em "Quy y Phật Pháp Tăng..." mà bản thân chúng ta phản lại Thầy Tổ của mình... Vì vậy người thầy giáo đạo, người Huỳnh Trưởng GDPT phải luôn luôn soi rọi lại mình, cố gắng sống theo 5 hạnh, 5 điều luật mà mình đã phát nguyện. Người Huỳnh Trưởng GDPT không bao giờ đóng kịch trước mặt đoàn sinh của mình, không bao giờ khoe khoang về mình, mà phải luôn sống trong chánh niệm tinh thức. Người Huỳnh Trưởng GDPT luôn đặt mình vào trong tình trạng được các em nhìn ở mọi nơi trong mọi lúc... để đừng bao giờ làm điều gì có lỗi, cần phải che giấu. Người Huỳnh Trưởng GDPT phải luôn trau dồi tài & đức song hành với sự tu học và tu tập thường xuyên vì tu học như bơi thuyền trong dòng nước ngược của cuộc đời, không tiếnắt phải lùi.

Người thầy giáo đạo cao hơn người Huỳnh Trưởng GDPT một bậc nữa nên phải luôn luôn dùng giới luật để trang

nghiêm thân tâm của mình, làm gương sáng cho học trò và đệ tử của mình noi theo.

3) Tinh thần bao dung của người Thầy: Một vị thầy giáo đạo, ngoài những đức tính trên đây còn có thể cảm hóa học trò của mình, đệ tử của mình, đàn em của mình bằng đức tính bao dung hơn là kỷ luật sắt hay những hình thức phạt, kiểm điểm... Tu viện của Thiền sư Bankei kỷ luật rất nghiêm. Các Thiền sinh không được trở về tu viện quá khuya. Khuya nào Sư cũng đi kiểm tra các phòng để xem học trò của mình đã về đủ chưa. Một hôm Sư phát hiện ra đã quá nửa đêm mà một Thiền sinh vẫn chưa trở về tu viện. Vào phòng, Sư nhìn thấy một chiếc ghế ở dưới cửa sổ, Thiền sinh dùng để leo qua cửa sổ ra ngoài rong chơi. Sư dẹp chiếc ghế đi và đứng vào chỗ đó. Gần sáng, người học trò đi chơi về, anh ta vừa đặt chân xuống chỗ mà anh ta tưởng là chiếc ghế thì đứng vào đầu của Sư phụ! Anh ta hốt hoảng quỳ xuống lạy Thầy xin sám hối. Sư nhẹ nhàng bảo: "Bên ngoài lạnh lắm con coi chừng bị cảm! Lần sau có đi ra ngoài phải mặc áo cho ấm".

Đĩ nhiên sẽ không bao giờ có lần sau nữa và anh học trò từ đó tu học tinh chuyên không ai bằng. Quả thật lòng bao dung của người Thầy, có những diệu dụng "không thể nghĩ bàn" như vậy đó!

V. Đối tượng giáo dục

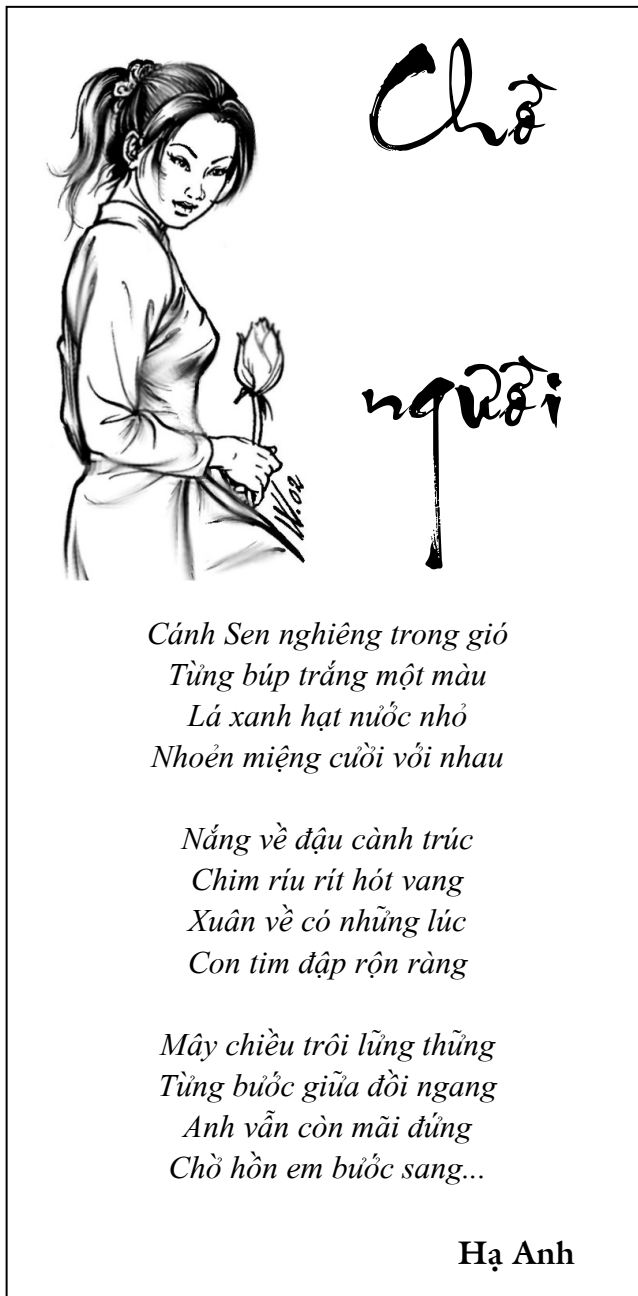
1) Tu Sĩ Phật Giáo: Tăng Ni sinh chính là đối tượng cần được quan tâm hơn hết; vì họ là thế hệ kế thừa, sẽ đóng vai trò nòng cốt trong công cuộc hoàng dương chánh pháp và giáo dục đạo Phật cho thế hệ trẻ.

Tăng Ni sinh trẻ ở trong nước hay ở hải ngoại đều có chiều hướng sinh hoạt khác với Sư phụ của họ ngày xưa rất nhiều - nên có thể bị quần chúng hiểu lầm là buông lung, phóng dật.

2) Cư sĩ Phật Tử: Cũng rất cần sự quan tâm của quý Thầy giáo dục tu học, kinh điển v.v... Ở Âu Châu, quý Thầy có lịch tu học hằng năm dành cho Cư sĩ (bao gồm GĐPT) nên anh chị em PT ở đó được tu học đều đặn hơn, do vậy, trình độ thông hiểu kinh điển cũng nhiều hơn anh chị em chúng con ở Hoa Kỳ này; mặc dù chúng con được biết rằng những kỳ tu học ở Âu Châu, luôn có sự hiện diện, giảng dạy của rất đông quý Thầy từ Mỹ sang.

3) Thanh thiếu niên Phật Tử (bao gồm GĐPT): Các em cũng như các anh chị Trưởng của chúng, chưa được sự quan tâm đầy đủ của quý Thầy. Quý Thầy ở chùa (đối với các Đơn vị) cũng thường đi thuyết giảng các nơi, Huynh Trưởng GĐPT và các em khó gặp được Thầy giảng cho. Đối với các trại huấn luyện của trung ương, nhiều khi chúng con đã mời quý Thầy từ mấy tháng trước nhưng đôi khi cũng bị "hụt" vì một số quý Thầy đã có thời khóa biểu đi giảng ở nơi khác rồi!

4) Tất cả mọi người: Những bài viết trên net, những buổi giảng trên các forum tu học v.v... của quý Thầy, rất lợi lạc cho Phật Tử nói riêng và mọi người nói chung; nhiều người không phải là Phật Tử cũng rất thích nghe Pháp. Đúng như Đức Phật đã nói: "Dù cho chư Phật có ra đời hay không, Phật Pháp vẫn tồn tại và ai thực hành Phật Pháp sẽ được sống đời an lạc" không phân biệt.



VI. phương án thực hiện

1) Các viên nghiên cứu Phật học: Hoàn thiện nội dung giáo dục và phổ biến khắp nơi.

2) Các cơ sở đào tạo người kế thừa (Phật học viện, Thiền viện v.v...): Tiếp tục đào tạo Tăng Ni sinh đầy đủ phẩm chất và tài năng.

3) Các khóa tu học thường xuyên và định kỳ: Làm giống như Âu Châu.

K T

Trên đây là những nỗi niềm trần trở và mong ước của chúng con trong vấn đề giáo dục tuổi trẻ Phật Giáo Việt Nam ở hải ngoại đối với tiền đề Đạo Pháp và Dân Tộc, chúng con ngưỡng mong Chư tôn Giáo phẩm và Đại chúng hãy bắt đầu cho một sự đầu tư có tính lâu dài và vô cùng quan trọng. Trong sứ mệnh xiển dương và bảo vệ chánh pháp, hành trình còn nhiều chông gai và thử thách nên cần có sự hỗ trợ ghi hiến và tiếp nối của nhiều thế hệ trong mọi thành phần, trong quần chúng PTVN. Chúng con xin Đại Hội quan tâm, chia sẻ và bao dung. •

Qua HARTZ IV, thử nhìn lại những biến chuyển chính trị của Đức từ năm 2002

● **Lê Hoàng Thanh**

Đối với những người thường quan tâm và theo dõi tình hình chính trị của Đức đều nghĩ rằng, cuộc bầu cử Quốc Hội Đức vào mùa thu 2002 khối đối lập CDU/CSU với ứng cử viên Edmund Stoiber, đương kim Thủ Hiến bang Bayern thế nào cũng thắng cử dựa theo kết quả thăm dò ý kiến cử tri Đức trong nhiều tháng trước đó. Nhưng kết quả đã đi ngược lại sự phỏng đoán của dân chúng và của nhiều chuyên gia nghiên cứu bầu cử cũng như những bình luận gia tên tuổi ở Đức. Gerhard Schroeder đã thắng và tiếp tục cầm quyền nước Đức trong chức vụ Thủ Tướng qua sự liên minh với đảng Xanh, nhiệm kỳ thứ 2 đến năm 2006.

Thử xét đến nguyên nhân nào đã làm cho Schroeder thắng cử vào giờ chót, dầu không vẻ vang mấy; nguyên nhân nào đã làm cho Stoiber thất bại, chôn theo cái tham vọng sẽ là người đầu tiên của đảng Xã Hội Thiên Chúa Giáo (CSU, chỉ có ở bang Bayern) đánh đổ được Gerhard Schroeder ra khỏi chính quyền để lên làm vị nguyên thủ quốc gia Đức?

Chúng tôi chỉ muốn đơn cử ra vài nguyên nhân chính đưa đến sự thành công “bất ngờ” mà ngay cả ông Schroeder cũng không lường ước được. Schroeder tuy là “một chính trị gia lão luyện”, đã từng là Thống Đốc bang Niedersachsen, nhưng ông ta vẫn không giải quyết được những khó khăn tại Niedersachsen do chính ông ta lãnh đạo. So với bang Bayern vào năm 1998 thì Niedersachsen thua xa Bayern. Ngân sách tiểu bang Niedersachsen thâm thủng, nạn thất nghiệp cao, trong khi đó thì Bayern là một tiểu bang có ít người thất nghiệp nhất trên toàn nước Đức cho tới nay và nền kinh tế ở Bayern phát triển mạnh.

Trước hết, do khôn ngoan và mưu lược nên Schroeder đã loại được đối thủ của ông trong nội đảng SPD là ông Oskar Lafontaine (cựu chủ tịch đảng SPD, người đã từng ra tranh cử với cựu TT Kohl, CDU) khi Gerhard Schroeder tuyên bố trong cuộc tranh cử Thống Đốc Niedersachsen vào 1998 là nếu ông ta không chiếm được đa số sự ủng hộ của dân chúng bang này thì ông sẽ không là ứng cử viên Thủ Tướng của SPD, ra tranh cử với Kohl. Lúc đó, dân Đức có cảm tình nhiều với Schroeder hơn là với Lafontaine nên họ chọn Schroeder. Ông ta không những đã thắng cử tại Niedersachsen mà còn được bầu làm ứng cử viên Thủ Tướng của đảng

SPD. Lafontaine cay cú nhưng vì chiến thuật của Schroeder quá siêu, cao tay ẩn nên cuối cùng Lafontaine đành phải nhượng bộ để cho Schroeder tung hoành và kết quả, Schroeder hất được Helmut Kohl ra khỏi chính quyền vào năm 1998!

Cũng nên nói thêm là ông Kohl, người Thủ Tướng đầu tiên của một nước Đức thống nhất, thất bại trong cuộc bầu cử Quốc Hội 1998 mà lý do chính là vì chính quyền thời bấy giờ bị tố tham nhũng, có quỹ đen và điều quan trọng hơn hết là không thực hiện được những điều đã hứa hẹn đối với dân chúng phía Đông (DDR cũ) nên họ đâm ra bất bình, quên ơn và không ủng hộ ông Kohl nữa. Thêm một lý do khác, vì dân chúng Tây Đức lúc đó quá vui mừng sau khi đất nước vừa mới được thống nhất nên chưa đo lường được hậu quả do DDR đem lại sau 40 năm theo chủ nghĩa cộng sản, rốt cuộc phải còng lưng gánh món nợ khổng lồ do Cộng Sản Đông Đức để lại. Do đó chính quyền Kohl đã đem đổ biết bao tiền qua các biện pháp như tăng thuế, công nhân viên Tây Đức phải xuất lương giúp đỡ đồng hương (Solidaritätsbeitrag) nhằm mục đích cải tiến đời sống nghèo khổ bên Đông Đức. Chính vì vậy chính quyền cũng bị dân chúng phía Tây chán ghét và hậu quả là CDU thất cử sau 16 năm liên tiếp cầm quyền.

Schroeder kế vị ông Kohl, liên minh với đảng Xanh lên nắm quyền nước Đức. Trong nhiệm kỳ đầu, 4 năm, Schroeder được dân Đức ủng hộ nhưng về lâu về dài, dân chúng nhìn thấy Schroeder thực tài chẳng bao nhiêu, có vẻ đóng kịch và thích được chú ý qua Ti Vi (cho nên được gọi là Medien-Kanzler), tùy trường hợp lúc nào cũng vượt ve làm vừa lòng dân nên uy tín Schroeder ngày giảm dần.

Mấy tháng trước cuộc bầu cử năm 2002, SPD và Schroeder xem như tuyệt vọng. Dựa theo kết quả thăm dò cử tri, liên minh cầm quyền Xanh-Đỏ và Schroeder nghĩ là mình sẽ thất cử, sẽ thua Stoiber và khối đối lập lên cầm quyền. Nhưng có lẽ lòng trời thương ông chưa dứt nên vào tháng 8.2002, một cơn lũ lụt khốc liệt đã tàn phá và gây thiệt hại nặng nề cho nhiều vùng thuộc Đông Đức. Cơn lũ lụt chưa từng có từ 100 năm nay, đã gây thiệt hại tại Passau, Bayern và đặc biệt dọc theo dòng sông Elbe lan tràn từ Nam đến Bắc Đức gây tổn thất nặng ở nhiều nơi thuộc những tiểu bang như Mecklenburg-Vorpommern, Brandenburg, Schleswig-Holstein, Niedersachsen và Sachsen. Theo ước tính của những người có thẩm quyền thì sự thiệt hại sau cơn lũ tại các vùng nói trên hơn 25 tỷ Euro. Riêng tại Dresden thuộc bang Sachsen (nơi mà mức độ nước lụt lên cao nhất từ năm 1845 cũng như bị cơn lũ tàn phá nhiều nhất cho tới nay) sự thiệt cũng đã lên đến 15 tỷ Euro, tính ra tương đương với 1/3 ngân khoản hàng năm của tiểu bang Sachsen. Năm lấy cơ hội ngàn năm một thuở này, Schroeder liền đi thăm viếng các vùng bị lũ lụt và bỏ tiền từ ngân sách nhà nước ra giúp dân chúng phía Đông. Trong khi khối đối lập vì không hội đủ điều kiện tài chánh thuận lợi như Schroeder đang có vào thời điểm này nên chẳng kiếm được điểm tốt từ người dân.

Một điểm quan trọng khác cũng cần được nêu ra là xuyên qua vụ không tặc ở Mỹ ngày 11.9.2001 tại Hoa kỳ, Schroeder đã khôn ngoan gài đúng chỗ ngựa của dân Đức “không thích chiến tranh” nên đã đi đêm với Nga và Pháp, lên tiếng khẳng định từ khước không giúp Mỹ trong việc Mỹ muốn được sự ủy nhiệm của Liên Hiệp Quốc để Mỹ đánh I-Rắc, nhằm mục đích trút phé Saddam Hussein mà Mỹ cho là có liên hệ với các nhóm khủng bố cũng như đang âm thầm chuẩn bị chế tạo vũ khí nguyên tử...

Schroeder từ đó bỗng trở thành đối tượng và được sự ủng hộ của dân hai phía Đông và Tây. Kèm theo đó, trong nội đảng FPD (dự tính sẽ liên minh với CDU/CSU nếu CDU/CSU thắng cuộc bầu cử Quốc Hội vào năm 2002) lại xảy ra việc tranh chấp nội bộ. Ông Moellerman (đã tự tử chết) trong tuần cuối đã vận động tranh cử bằng cách bỏ tiền túi ra để in và phổ biến những tờ truyền đơn có tính cách bài Do Thái nên bị cộng đồng người Đức gốc Do Thái chỉ trích và chống đối mãnh liệt; ngay cả dân chúng Đức cũng không còn có cảm tình nhiều với FDP. Kết quả là liên minh cầm quyền thắng cử bất ngờ trong cuộc bầu cử Quốc Hội Đức vào ngày 22.09.2002.

Như ở trên đã đề cập, Schroeder gặp nhiều vận hên nên tái đắc cử trong chức vụ Thủ Tướng Đức nhiệm kỳ 2002-2006. Ông ta đã biết nắm lấy thời cơ và phất cờ đúng lúc như trong hai năm qua, từ mùa thu 2002 cho đến tháng 9.2004. Tuy vậy vì tình hình kinh tế toàn cầu có nhiều đổi thay nên chính phủ Schroeder đã vấp phải rất nhiều khó khăn trong nội bộ như nền kinh tế Đức ngày càng sút giảm, nạn thất nghiệp tăng cao, đời sống dân chúng khó khăn hơn, và cho đến bây giờ vẫn chưa bình thường hóa được tình trạng kinh tế ề uột do CS Đông Đức để lại và cũng chưa ổn định được đời sống dân chúng phía Đông.

Nước Đức đã mất đi cương vị là một cường quốc về kinh tế. Chính phủ Schroeder đâm ra lúng túng, liên tục thay đổi luật lệ và ban hành luật mới, lấy thịt đè người (vì liên minh Xanh-Đỏ có đa số phiếu tại Hạ Viện) thông qua nhiều luật (những luật không cần phải có sự chuẩn y của Thượng Viện Đức) liên quan đến sự cải tổ về di dân, kinh tế, hưu trí, y tế, xã hội, thất nghiệp; đề xướng Agenda 2010 v.v... không ngoài mục đích tạo điều kiện thuận lợi trên thị trường nhân dụng nhằm giải quyết chuyện thất nghiệp (như đã hứa sẽ giảm xuống 3 triệu trong nhiệm kỳ mới trước khi bầu cử!) làm dân chúng lo ngại, không còn tin tưởng liên minh cầm quyền Xanh-Đỏ nữa.

Nhận thấy sự ủng hộ của dân Đức dành cho SPD ngày càng sút giảm qua kết quả nhiều cuộc thăm dò ý kiến cử tri và thêm vào đó, sự chỉ trích và chống đối Schroeder ngay trong nội đảng ngày càng mạnh. Điển hình là tỉnh bộ trưởng bang Hessen Ypsilanti yêu cầu Schroeder nên nhường lại chức đảng trưởng cho người khác. Cựu Thủ Hiến bang Niedersachsen, ông Gabriel phê bình đường lối chính trị và chương trình cải tổ của Schroeder. Tỉnh bộ trưởng bang Niedersachsen yêu cầu

Schroeder thay đổi nhân sự nội các v.v... Ngày 06.02.2004 Schroeder đã bất ngờ tuyên bố từ chức Chủ tịch đảng SPD. Ông viện dẫn lý do là ông ta sẽ có nhiều thì giờ hơn để lo cho việc nước, đồng thời ông ta cũng đã đề nghị với Hội đồng Quản trị đảng đưa ông Franz Muentefering vào chức vụ này, hy vọng đảng SPD qua sự lãnh đạo của Muentefering sẽ khá hơn. Nhưng thực tế vẫn không thấy có dấu hiệu gì khả quan hơn.

Món quà đầu tiên dành cho vị tân đảng trưởng là sự thất bại thê thảm của SPD trong cuộc bầu cử lại Nghị Viện Hamburg vào ngày 29.02.2004, sau khi Đô Trưởng von Beust quyết định giải tán chính quyền ba thành phần tại đây sau nhiều tuần lễ tranh chấp dữ dội giữa đảng Schill và CDU. Trong kỳ bầu cử này, đảng CDU đã thắng lớn, chiếm được 47% (+21%) sự ủng hộ của số cử tri đi bầu, một thắng lợi chưa từng có trong lịch sử bầu cử Nghị Viện Đức dành cho một đảng phái kể từ năm 1948 cho tới nay, trong khi đó SPD chỉ được có 30,5%!

Tuy không còn bận bịu với chức đảng trưởng và chỉ còn lo cho nhà nước trên cương vị Thủ Tướng nhưng Schroeder vẫn loay hoay trong những cải tổ mà ông cho là cần thiết để giải quyết các khó khăn nội bộ trong hoàn cảnh hiện tại. Cho đến nay dân chúng Đức chưa thấy có triển vọng gì khả quan nên càng ngày dân chúng Đức càng bày tỏ công khai thái độ không thích chương trình cải tổ của liên minh cầm quyền.

Qua một cuộc thăm dò ý kiến 1.000 người Đức của Viện nghiên cứu về bầu cử Mannheimer Forschungsgruppe cách đây vài tháng thì có 64% dân Đức cho rằng chương trình cải tổ mệnh danh là “Agenda 2010” hoàn toàn sai. Đặc biệt, những người đã về hưu rất giận dữ và phản ứng mạnh vì họ cảm thấy bị thua thiệt qua sự cải tổ hưu trí. Trong tháng 2.04 có 55% và tháng 3.04 có đến 58% dân chúng Đức ủng hộ chương trình cải tổ của liên minh cầm quyền Xanh-Đỏ nhưng chỉ vài tuần sau đó thì chỉ còn vồn vẹn 35%...

Xa hơn nữa, ngân sách quốc gia ngày càng thâm thủng nặng, số nợ mới nhà nước vay tăng vọt. Dân Đức bị thiệt thòi, điển hình qua sự cải tổ về sức khỏe nên gần đây 50% dân chúng đã lên tiếng yêu cầu Thủ Tướng Schroeder SPD phải cải tổ nội các và người Bộ Trưởng đầu tiên mà dân Đức muốn Schroeder sa thải là Bộ Trưởng Tài Chánh Hans Eichel, kế đến là bà Bộ Trưởng Y Tế Ulla Schmidt. Trong danh sách những người mà Schroeder cần phải sa thải còn có thêm ba vị khác nữa là các ông Juergen Trittin (Xanh, môi sinh), Manfred Stolpe (SPD, giao thông) và siêu Bộ Trưởng Wolfgang Clement (SPD, Lao động và Kinh tế). Nhưng Schroeder vẫn lờ đi và tiếp tục bàn thảo về các chương trình cải tổ, tu chính các đề nghị từ Hartz I, II, III... Và kết quả cuối cùng là một thỏa hiệp về trợ cấp thất nghiệp loại II (ALG II), nằm trong chương trình cải tổ của Hartz IV, được sát nhập chung lại thành một từ tiền trợ cấp xã hội và thất nghiệp, đã được Thượng Viện Đức chuẩn y vào ngày 09.7.2004.

Hartz IV sẽ có hiệu lực kể từ tháng 01.2005. Đạo luật này ảnh hưởng không ít đến khoảng 2,5 triệu người bị thất nghiệp lâu năm tại Đức nói chung. Vì thế đã bị sự chống đối rất dữ dội từ phía các nghiệp đoàn công nhân Đức cũng như từ phía dân chúng Đức nói chung, nhất là dân ở phía Đông. Ngay cả trong nội đảng SPD, cánh tả cũng lên tiếng chỉ trích chương trình cải tổ của Schroeder một cách nặng nề. Thậm chí có nhiều thành viên nòng cốt của SPD muốn đứng ra lập một đảng SPD mới, đi ngược lại với đường lối chính trị mà Schroeder đang đeo đuổi. Chính ông Lafontaine còn lên tiếng đòi hỏi Schroeder phải từ chức và buộc tội Schroeder đã đánh lừa dân chúng Đức vì Schroeder không làm đúng những gì đã hứa trước khi bầu cử.

Cao điểm chống đối lại chương trình cải tổ Agenda và Hartz là sự đồng loạt xuống đường biểu tình tại nhiều nơi trên nước Đức, đa số là ở những tiểu bang phía Đông vào ngày thứ hai, tương tự như các cuộc biểu tình chống lại chính phủ Honecker, trước khi chủ nghĩa cộng sản Đông Đức sụp đổ trước đây 15 năm. Trong tháng 8.2004 đã có liên tục nhiều cuộc biểu tình rất lớn yêu cầu Schroeder hủy bỏ Hartz IV, đặc biệt là tại Leipzig, Berlin, Magdeburg... với khoảng 40 ngàn người tham dự trong lần đầu. Ngày thứ hai 16.08.04 có hơn 90 ngàn tham dự biểu tình tại 90 thành phố trên toàn nước Đức và sau đó, lan rộng ra và biểu tình đồng loạt tại 140 thành phố nhưng số người tham dự ít đi. Đặc biệt là trong cuộc biểu tình ngày 30.8.2004 có sự tham dự và phát biểu của Lafontaine ở Leipzig. Riêng trong cuộc biểu tình ở Sachsen-Anhalt thì có Ottmar Schreiner (SPD, cánh tả) và Gysi (PDS) tham dự và phát biểu trước đoàn biểu tình. Cả hai, Schreiner và Gysi đều kết án và đòi hỏi phải thay đổi Hartz IV. Gysi còn nói thêm, chính quyền đã gạt bỏ dân chúng qua một bên và cho rằng chương trình cải tổ Hartz IV là "bản cùng hóa dân bằng luật" (Armut per Gesetz). Hàng loạt bích chương biểu ngữ có nội dung chỉ trích sự cải tổ của Schroeder là sai, Schroeder là kẻ nói láo, "Đẹp Hartz IV đi, chúng tôi muốn có việc làm"; chúng tôi là nhân dân". Có người quá khích còn ném trứng vào Schroeder, nhưng may là không trúng!

Chủ tịch hiệp hội chủ nhân, Dieter Hundt cho hay là ông ta không hy vọng rằng sẽ có ngay nhiều chỗ làm vào thời gian tới như chính quyền đặt kỳ vọng vào Hartz IV. Qua nhật báo Berliner Zeitung ông Hundt đã nói là trên thực tế sự cải tổ Hartz IV chỉ tạo được thêm nhiều việc làm ít lương mà thôi. Ngoài ra cũng theo Hundt, sự cải tổ Hartz IV tuy có thể giúp cho những người thất nghiệp lâu năm mau trở lại với công ăn việc làm nhưng ngược lại, sự tăng trưởng về kinh tế hiện tại không đem lại một hứa hẹn nào để cho thấy là sẽ tạo thêm được nhiều việc ăn việc làm!

Tuy Schroeder bị chống đối từ nhiều phía nhưng bên cạnh đó cũng có vài chính trị gia của CDU lên tiếng ủng hộ Schroeder. Như Đô Trưởng Hamburg, von Beust, chẳng hạn. Ngày 19.8.2004, von Beust, trong một cuộc

phỏng vấn đã nói qua nhật báo die Welt và Hamburger Abenblatt rằng sự cải tổ thất nghiệp là đúng và cần thiết. Von Beust còn chỉ trích nặng nề những thành viên CDU đã lên tiếng chống lại Hartz IV! Qua tờ báo Abendblatt, von Beust còn nói thêm là dân chúng Đức sẽ chẳng tán thưởng việc làm này đâu. Dân chúng chỉ muốn có sự nhất trí và tin tưởng, họ không thích một đường lối chính trị là gió thổi chiều nào ngã theo chiều đó! Liên quan đến Hartz IV, von Beust còn lên tiếng khen SPD và chính phủ cầm quyền. Ngoài việc bày tỏ sự kính phục của riêng ông đối với Chủ tịch đảng SPD, Muentefering và một phần nào đó với Thủ Tướng Schroeder qua sự cứng rắn của họ đã vượt qua sự chống đối từ nội đảng, nhất là từ cánh tả SPD, để thông qua luật cải tổ Hartz IV nói trên; von Beust còn nói là ông ta không thể nào hiểu được việc mà vài chính trị gia CDU ở Đông Đức khi họ cho biết rằng họ có ý định muốn tham gia biểu tình!

Bà đảng trưởng CDU, Merkel, hôm 20.8.04 cũng lên tiếng ủng hộ Schroeder và chấp nhận chương trình cải tổ Hartz IV. Merkel đã khẳng định qua nhật báo die Welt rằng sự sát nhập tiền trợ cấp xã hội và thất nghiệp chung lại với nhau là cần thiết. Đảng CDU đã bỏ phiếu chấp thuận Hartz IV bởi vì trên căn bản, sự cải tổ là đúng, nhưng liên minh cầm quyền chưa cải tổ đúng mức. Merkel nói thêm, để Đức chiếm được trở lại vị trí hàng đầu thì sự cải tổ trên chưa đủ! Bà cũng chỉ trích phương thức áp dụng Hartz IV của chính phủ đương nhiệm, cũng như những lỗi lầm đang vấp phải thì người ta đừng ngạc nhiên tại sao dân chúng Đức thiếu tin tưởng vào chính quyền!

Hắn bà Merkel đã dựa theo kết quả cuộc bầu cử Nghị viện Saarland vào ngày 05.09.04 vừa qua. Đảng CDU với Thống Đốc Peter Mueller chiếm đa số tuyệt đối; được thêm 2 ghế tại Nghị viện so với nhiệm kỳ 5 năm trước, nên từ đó có thể cầm quyền thoải mái hơn so với nhiệm kỳ trước, với 3 phiếu nhiều hơn khối đối lập tại Nghị viện. Đảng SPD, do sự bất bình từ phía quần chúng đã thất bại thê thảm, sự ủng hộ giảm đi gần 14%. Một điểm đáng lưu ý là dân chúng Đức chọn giải pháp đa đảng, tránh chuyện một mình một chợ như trước đó do CDU cầm quyền nên lần này bầu thêm Xanh và FDP vào Nghị viện tiểu bang hầu có thêm tiếng nói đối lập.

Sau khi thất bại tại Saarland, Ban lãnh đạo đảng SPD, từ Muentefering cho tới Schroeder đều lên tiếng sở dĩ SPD thua là tại vì Lafontaine trước đó khuấy phá (?) và biểu tình chống Hartz IV. Xa hơn nữa Muentefering còn trách ứng cử viên Maas, tỉnh bộ trưởng SPD Saarland là người phải chịu trách nhiệm vì Maas không thống nhất tư tưởng với Ban lãnh đạo SPD, bởi lẽ Maas trong thời gian vận động đã tỏ thái độ chống đối đường lối chính trị của Schroeder. Trong khi đó, Lafontaine và ngay cả Maas nói rằng, không chờ đợi kết quả bầu cử nào khác, khá hơn tại Saarland vì sự ủng hộ SPD trên bình diện liên bang chỉ nằm ở mức độ 26% mà thôi! Số phiếu SPD bị mất gần 14%, một phần bầu cho CDU, Xanh và FDP nhưng điểm khác khá quan trọng là dân

Đức đã biểu lộ sự bất bình của mình bằng cách bỏ phiếu cho các đảng có khuynh hướng chính trị cực đoan. Chẳng hạn, đảng NPD từ số không nhảy vọt chiếm 4% số cử tri đi bầu, tuy không được tham chính nhưng cũng làm cho các chuyên gia nghiên cứu bầu cử Đức lo ngại. Họ sợ rằng trong cuộc các bầu cử Nghị viện tại hai bang Sachsen và Brandenburg vào ngày 19.09.04 sắp tới, NDP có thể đạt được mức tối thiểu 5% và cùng tham chính. Tại các tiểu bang ở phía Đông, theo sự thăm dò ý kiến mới đây liên quan tới hai cuộc bầu cử vào ngày 19.09.04, đảng PDS, hậu thân của đảng Cộng Sản Đông Đức lên hạng hai sau CDU và đã đẩy lùi SPD xuống hạng ba! Trong trường hợp này, chưa biết đảng nào liên minh với đảng nào, nhưng việc SPD liên kết với PDS để cầm quyền như đã xảy ra thì chuyện không tránh khỏi và đường lối chính trị Đức có thể từ đó sẽ bị ảnh hưởng không nhiều thì ít, chẳng biết khi ấy Đức sẽ đi về đâu. Liệu CDU, FDP hay SPD có đủ khôn ngoan và khả năng để vượt qua những mưu mô chính trị của PDS, bằng mọi cách muốn trở lại chính trường Đức sau khi bị loại khỏi Quốc hội trong cuộc bầu cử 2002. Có thể PDS muốn tìm hậu thuẫn của dân DDR cũ nên mượn chiêu bài chống Hartz IV và chống Agenda 10. Các cuộc biểu tình chống đối đều do chính Gysi cầm đầu (một kẻ nhiều mưu lược đã từng bị nghi làm việc cho cơ quan tình báo Stasi thời DDR cũ) đang ra mặt kêu gọi dân Đức ở phía Đông (DDR cũ) rầm rộ xuống đường, một mặt chống phá chính phủ Xanh-Đỏ và mặt khác, làm suy giảm sự ủng hộ của cử tri dành cho CDU...

Đúng theo như sự phỏng đoán của các chuyên gia nghiên cứu bầu cử cũng như của những bình luận gia về chính trị tên tuổi ở Đức, cuộc bầu cử tại hai bang Sachsen và Brandenburg vào ngày 19.09.2004 đã đem lại kết quả thê thảm cho hai đảng "dân chủ" là CDU và SPD. Tại bang Sachsen, lần đầu tiên kể từ khi Đức thống nhất, CDU không còn chiếm đa số tuyệt đối tại Nghị viện này và SPD, nã nề hơn, chưa đạt tới 10%, một kết quả tệ nhất của đảng SPD kể từ khi có nước Đức, trong khi đó đảng cực hữu NPD chỉ thua SPD có 0,6%! Riêng tại tiểu bang Brandenburg, nơi mà NPD không ra tranh cử, thì đảng cực hữu DVU lần nữa được lọt vào Nghị viện bang này, hai đảng SPD và CDU bị mất đi hơn 7% sự ủng hộ của cử tri nhưng PDS lại tăng, chiếm hạng nhì sau SPD. Cũng dựa vào sự nhận xét của những chuyên gia nghiên cứu về tình hình chính trị Đức, số dĩ các đảng cực hữu được dân chúng ở phía Đông ủng hộ hơn là vì dân ở vùng này có nạn thất nghiệp cao và họ không vừa lòng với đường lối chính trị hiện hành của liên minh cầm quyền. Ngoài ra, 75% cử tri tại Sachsen cho biết họ ủng hộ các đảng cực hữu nguyên nhân là vì bất đồng với chính sách cải tổ thị trường nhân dụng của chính phủ Schroeder cũng như vì tình trạng kinh tế kém cỏi tại đây, mà theo họ, các đảng phái lớn không đủ khả năng giải quyết nhanh chóng được tình trạng này!

Điểm đáng lưu ý là qua kết quả bầu cử tại bang Sachsen, dấu muốn dấu không CDU cũng phải liên minh với SPD để lên cầm quyền. Bên cạnh đó, Sachsen còn

lo sợ rằng sẽ gặp nhiều khó khăn trên phương diện đầu tư và ngành du lịch của người ngoại quốc trong tương lai sẽ sút giảm qua sự lớn mạnh của đảng NPD tại đây. Ở Brandenburg, ngay sau khi thắng cử, SPD thương lượng với PDS để thành lập chính phủ nhưng thất bại vì SPD nhất định không chịu nhượng bộ yêu sách của PDS là phải sửa đổi lại Hartz IV nên cuối cùng đành phải nói chuyện với CDU, đang cùng với SPD cầm quyền tại Brandenburg từ 1999. Ba tuần sau khi bầu cử, SPD và CDU đã thỏa thuận với nhau trên mọi phương diện và liên minh SPD/CDU sẽ tiếp tục nắm quyền thêm một nhiệm kỳ 5 năm nữa.

Đức sẽ bầu lại Quốc Hội vào mùa thu 2006. Dương kim Thủ Tướng Đức, Gerhard Schroeder cho biết là sẽ ra tranh cử lại. Riêng đối với SPD, Schroeder vẫn còn là "con ngựa giời" vì nhìn đi nhìn lại, những người cùng trang lứa thì đâu có ai có khả năng hơn ông ta. Còn lớp trẻ, thì chưa hội đủ kinh nghiệm. Các đảng nhỏ như Xanh, FDP hay PDS nếu có lọt vào được nội các Đức thì cũng phải liên minh với một trong hai đảng lớn, không thể cầm quyền một mình.

Riêng hai đảng cực hữu DVU và NPD, sau khi thắng cử vào Nghị viện tại Sachsen và Brandenburg thì liền thay đổi chiến lược. Ban lãnh đạo hai đảng này cho biết là họ sẽ liên kết với nhau, cùng đứng chung một liên danh trong các cuộc bầu cử Nghị viện tại bang Nordrhein-Westfalen và Schlesig-Holstein vào 2005 cũng như cuộc bầu cử Quốc hội vào 2006 sắp tới. Lý do, theo đảng trưởng Udo Voigt (NPD) và Gerhard Frey (DVU) là vì từ trước đến nay vì tranh giành ảnh hưởng nhau nên họ thất bại. Nhưng bây giờ khác hẳn, trong tương lai chúng tôi phải kết hợp vì mục đích chính là DVU và NPD muốn đắc cử vào quốc hội Đức năm 2006 với liên danh "Nationales Buendnis" (xin tạm dịch là Liên minh các phong trào quốc gia) để có tiếng nói tại đây! Nếu DVU và NPD thành công trong những cuộc bầu cử sắp tới với chiến lược mới này thì có lẽ đây cũng là điều mà các đảng phái, tổ chức quốc gia của cộng đồng người Việt tỵ nạn ở hải ngoại nên lưu tâm: phải kết hợp mới có sức mạnh. Phải biết đâu là phương tiện và đâu là cứu cánh nếu thật sự chúng ta muốn tranh đấu cho một VN tự do và dân chủ! Hãy lấy Đức làm thí dụ. Dù đảng Xanh và SPD đôi khi có những chủ trương đường lối khác nhau, tranh cãi dữ dội (phải nói là họ tranh luận trong tinh thần tương kính và dân chủ, sau đó là xong) nhưng khi nhu cầu đòi hỏi thì họ cũng phải nhượng bộ nhau để đạt cho bằng được mục tiêu đã được đặt ra là chính phủ phải thông qua các đạo luật mà liên minh cầm quyền muốn thay đổi: điển hình là sự cải tổ về sức khỏe, về luật di dân và gần đây nhất là sự cải tổ Hartz IV...

Phần CDU/CSU thì cho đến nay chưa thấy họ có một đường lối chính trị nào rõ ràng. Nói chung, đảng nào cũng nói là sẽ cải tổ thị trường nhân dụng, cũng nói đem lại công ăn việc làm, sẽ làm giảm thất nghiệp v.v... nhưng chưa thấy đề ra một chương trình cụ thể. Hãy nhìn kết quả thăm dò ý kiến mới nhất có thể phẩm định được

ngay. CDU từ hơn 50% vào đầu năm 2004, giờ chỉ còn có 39% sự ủng hộ của cử tri! Còn hai năm nữa mới bầu lại Quốc Hội, đến lúc đó chắc chắn sẽ còn nhiều thay đổi trên chính trường Đức. Ngay trong nội đảng cũng chưa dứt khoát sẽ chọn ai là ứng cử viên Thủ Tướng của khối. CSU muốn Stoiber thủ lần nữa, CDU nói Stoiber đã ra tranh cử nhưng thua nên lần tới phải nhường cho bà Merkel. Bên cạnh đó còn có Roland Koch, Thống Đốc bang Hessen, một người trẻ, có tài, ăn nói rất hấp dẫn, khôn khéo đang... ngồi chờ thời. Lâu lâu Koch phát biểu vài câu hơi "giật gân" làm cho Ban lãnh đạo CDU phải phân bua này kia với báo chí. Nội bộ của CDU thì vẫn còn rối ren.

Hôm 12.10.2004, đại diện chủ tịch khối dân biểu CDU/CSU tại Quốc hội, ông Friedrich Merz (cựu chủ tịch khối dân biểu CDU/CSU tại Quốc hội và là một chuyên gia về tài chính, thuế má và kinh tế của CDU, một Nghị sĩ có tài tranh luận và là đối thủ đáng ngại của Bộ Trưởng Tài Chính Đức tại Quốc hội!) bất ngờ gửi thư cho bà đảng trưởng Merkel xin từ chức và còn cho biết là trong tương lai ông ta sẽ không giữ một chức vụ nào trong Hội đồng Lãnh đạo đảng CDU nữa làm cho uy tín của bà Merkel từ đó giảm thêm qua sự phê bình của thành viên cũng như của những chính trị gia tên tuổi thuộc khối đối lập nên phải chờ đến 2005 mới biết được là ai sẽ đại diện cho CDU/CSU ra tranh cử với Thủ Tướng Gerhard Schroeder.

Còn đảng PDS, hậu thân của đảng Cộng sản Đức trước đây, trên căn bản có lẽ chưa lột xác được tư tưởng "xã hội chủ nghĩa" sau 40 năm sống dưới chế độ Cộng Sản thì đang thực hiện chiến thuật tầm ăn dâu, đang âm thầm lo củng cố thực lực tạo sự ủng hộ, nhất là của dân thuộc phía Đông (DDR cũ) và chờ khi cơ hội đến tay thì PDS sẽ phát cờ đứng lên cùng nắm quyền ở Đức.

**

Hitler đã đưa nước Đức lâm vào cảnh chiến tranh, giết chết biết bao nhiêu người ngoại quốc vô tội, nhất là dân Do Thái và cuối cùng đã bị các cường quốc Âu Mỹ đánh bại trong kỳ đệ nhị thế chiến cũng chỉ vì quá cực đoan với "chủ nghĩa quốc gia dân tộc". Bài học đau thương còn đó.

Bài học của Honecker - kẻ cũng được cộng sản quốc tế móc nối, huấn luyện để làm tay sai - sau 40 năm lãnh đạo đã đưa dân Đông Đức đến tình trạng bần cùng lạc hậu như thế nào. Bài học khốn cùng vẫn còn đó!

Hy vọng dân chúng và các đảng phái dân chủ của Đức không quên hai bài học lịch sử này và sẽ không bao giờ để những chuyện đó tái diễn trong tương lai....

(Munich, Trung tuần tháng 10.2004)



Chiến Thắng Đông Đa

*Một phen sấm chớp thần sầu
Là hai mươi vạn giặc Tàu tiêu tan
Ngọc Hồi đang lúc quân quan
No say mừng đón xuân sang tung bồng
Bồng đầu đất chuyển, trời rung
Gươm thiêng chính khí Quang Trung sáng lò
Mình voi, liệt lẫm, xông pha
Giặc Tàu, họ Hứa ra ma, trận tiền
Họ Sầm trốn nợ chinh yên
Tướng Tôn Sĩ Nghị hồi nguyên về Tàu
Nhị Hà, giặc lán chen nhau
Qua sông, quân tướng, sập cầu, nước trôi
Năm ngày thần tốc tinh khôi
Giặc hai mươi vạn tơi bời quân quan
Đống Đa chiến thắng huy hoàng
Thăng Long thành cũ, vinh quang tiệc mừng
Mồng Năm, sử Việt anh hùng
Dan thơm, gương sáng Quang Trung muôn đời
Tám gương ái quốc rạng ngời
Để cho hậu thế muôn người cùng soi*

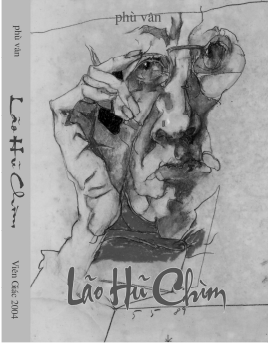
*Vui xuân, dân Việt ta ơi
Bốn phương lưu lạc quê người, biết chăng
Có nghe sóng dậy đất bằng
Nam Quan, Việt cộng cắt phăng, cống Tàu
Ai người thương nước, lòng đau
Gương Quang Trung đó, xin mau cứu đời
Để Mồng Năm Tết, ngày vui
Việt Nam lại một xuân tươi sơn hà
Lại mừng Chiến Thắng Đống Đa!*

● Ngô Minh Hàng

GIỚI THIỆU SÁCH BẢO MỚI

● Phù Vân phụ trách

■ **LÃO HỮ CHÌM** của Phù Vân, gồm 15 tuyển ngắn phản ánh một quãng đời buồn vui của tác giả hay có thể nói chung về thân phận của những người bị "lưu đày trên chính quê hương mình" sau cuộc đổi đời từ 1975; về những nỗi thao thức khôn nguôi của những người lưu lạc tha phương; về những bộ mặt rất thực của "con người mới Xã Hội Chủ Nghĩa", những lương tri và tình người hiếm hoi còn sót lại trong hoàn cảnh nhiễu nhương của đất nước...



Phù Vân, Chủ bút báo Viên Giác, sinh hoạt trong Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại / Trung Tâm Âu Châu từ năm 1987, cộng tác với nhiều tờ báo ở hải ngoại. Đã xuất bản 3 thi tập với bút hiệu **Tùy Anh**.

Sách dày 300 trang. Thượng Tọa Thích Như Điển giới thiệu. Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Đức xuất bản tháng 10.2004. . Giá ủng hộ: 12, Euro (chưa kể cước phí bưu điện)

Địa chỉ liên lạc: Chùa Viên Giác
Karlsruher Str. 6. 30519 Hannover - Germany
Phone: 0511 - 87 96 30. Fax: : 0511 - 87 90 963
Email: baoviengiac@viengiac.de

hoặc:

Mr. Nguyễn Hòa
Bogenstr. 11 . 22926 Ahrensburg - Germany
Phone: 04102 - 45 91 82. Email: phuvan@viengiac.de

■ **NHỮNG DỮ ẨM CŨ** của Nguyễn Thanh Ty, đây là một tập truyện hay có thể nói là một hồi ký của tác giả về một xóm nhỏ có thực với những con người có thực và những chuyện có thực nơi ông đã sinh ra và lớn lên thời thơ ấu. Cái xóm đó, nói đúng theo thực trạng là cái Xóm Cồn- một cồn đất ở cửa sông Cái, Nha Trang. Do nhiều đặc thù, tập truyện của Nguyễn Thanh Ty mang nhiều sắc thái khác nhau gần như một loại tiểu thuyết phong tục...

Sách dày 330 trang do tác giả tự xuất bản, tháng 8.2004. Giới thiệu: Hoàng Long Hải. Bạt: Trần Hoài Thư. Không ghi giá bán. Địa chỉ liên lạc: Email: tythanh2001@yahoo.com

■ **VỀ MỘT QUẢNG ĐỜI CỦA TRỊNH CÔNG SƠN** (của Nguyễn Thanh Ty).

"... Sau khi Trịnh Công Sơn qua đời, trong quan hệ bạn bè, tôi (Lê Thanh Tâm) được biết Nguyễn Thanh Ty có một thời gian lâu dài sống chung với nhạc sĩ họ Trịnh này... Theo dư luận trong số những người yêu nhạc họ Trịnh không mấy ai biết tới quá trình của ông khi ông còn trẻ, hình như ông giấu thật kín thời gian khi ông học ở Trường Sư Phạm Qui Nhơn và nhất là thời gian khi ông dạy ở Trường Sơ Cấp Bảo An, thuộc Ty Tiểu Học Lâm Đồng... Vì vậy, sau khi Trịnh Công Sơn qua đời, không ít người viết báo, đăng đàn diễn thuyết, tự vẽ vời mình như là những người "bạn thân", "đồng chí", có

khi cả "đồng tịch đồng sản" nữa... (Lê Thanh Tâm, trong Lời Giới Thiệu), và ngay chính tác giả Nguyễn Thanh Ty: "... Hãy để Sơn yên nghỉ, bởi vì Sơn không có ai là bạn cả, như Sơn đã có lần tự thán: ..."rồi một hôm chợt thấy hoang vu quanh mình!"

Sách dày 256 trang, do tác giả xuất bản, Giá: 12 Mỹ Kim. Liên lạc theo địa chỉ Email: tythanh2001@yahoo.com

■ **CÓ NHỮNG SỰ KIỆN LỊCH SỬ CẦN PHẢI XEM LẠI** của Huỳnh Văn Lang. Tác giả thú nhận "... không phải là nhà văn, lại càng không phải là sử gia, chỉ là một người đọc sử, tìm hiểu sử theo nhãn quan và trình độ văn hóa của mình, cố bỏ qua những gì không phải là sử, tức là loại ra những phần huyền thoại, những phần truyền thuyết, những phần dã sử, loại ra những phần có tính cách quá cường điệu đi đến chỗ lố bịch, loại ra những phần ý thức hệ làm méo mó sự thật lịch sử hay có tính cách tranh đấu, xuyên tạc, tuyên truyền. Lê dĩ nhiên người viết phải giữ lại những phần hào hùng, hãnh diện, nhưng phải xác thực, không chú quan mà cũng không mặc cảm..."

Tác giả muốn "Thử tìm một mẫu số chung đoàn kết những thế hệ con em VN lưu vong ở hải ngoại".

Sách dày 320 trang, tác giả tự xuất bản.
Giá: 15 Mỹ Kim, nước ngoài thêm 3 Mỹ Kim.

Liên lạc bằng điện thoại:

-Ô. Lang (203) 792- 7058. -Ô. Chu (416) 241 - 4346
-Nhà Sách Nam Á hay Cô Anh: 4257 1648

■ **NHỮNG CÔNG CHÚA SỬ GIẢ** (Trung Hoa và Việt Nam) của Huỳnh Văn Lang. Theo văn hóa Khổng Mạnh của Trung Hoa và của Việt Nam, người đàn bà dù ở cương vị nào, dù bản lãnh như thế nào trong xã hội, nhiều khi cũng bị xét xử lệch lạc không công bình như nam giới. Tuy bất công như thế, nhưng đôi khi cũng có ghi lại sự nghiệp về sự thành bại của nhiều bậc nữ lưu trong hoàng tộc hoặc do thời thế được nhà vua giao cho một sứ mạng quan trọng, hoặc dùng nhan sắc của người đàn bà để lung lạc uy quyền của vua chúa, hoặc cũng dùng trí tuệ và mưu lược của mình để giúp nhà vua kinh bang tế thế...

Sách ghi lại nhiều mẫu chuyện lịch sử Trung Hoa và Việt Nam.

Giá 14 Mỹ Kim, Ngoài nước Mỹ thêm 3 Mỹ Kim
Liên lạc: như trên.

THÔNG BÁO

BAN BIÊN TẬP BÁO VIÊN GIÁC THÔNG BÁO

I. Về việc thay đổi địa chỉ

Mặc dù chúng tôi đã nhiều lần lưu ý quý độc giả mỗi khi thay đổi địa chỉ nên viết thư về chùa cho biết:

- Họ & Tên
- Địa chỉ cũ
- Địa chỉ mới

Nhưng trong thời gian qua, chúng tôi vẫn nhận được thư của quý vị đổi chỗ ở mà chỉ ghi có **địa chỉ mới, không có địa chỉ cũ**. Do đó, khi bị trùng Họ & Tên và cùng tỉnh, chúng tôi không biết ai đổi địa chỉ? Một lần nữa xin quý vị lưu ý cho.

II. Địa chỉ phải được viết thật rõ ràng (nhất là chữ n hay chữ u - tốt hơn hết là viết chữ in Hoa. Thí dụ: **NGUYỄN VĂN HOÀNG**). Ngoài ra, **người nhận báo phải có tên nơi hộp thư**. Vì kể từ đầu năm 2005 báo gửi đến địa chỉ mà không đúng tên người nhận, tờ báo sẽ không đến tay quý vị được cũng như không hoàn lại cho chùa kể cả việc quý vị thay đổi địa chỉ nhận báo tại bưu điện cũng không thông báo cho chùa. Tốt nhất kể từ nay mỗi lần thay đổi địa chỉ nhận báo quý vị nên thông báo cho chùa được biết bằng: Thư,, Postcard, Email hoặc Fax để kịp thời cập nhật hóa.

III. ỦNG HỘ BÁO VIÊN GIÁC

Báo Viên Giác mỗi năm phát hành 6 kỳ, mỗi kỳ trên 6.000 số trong đó có số Xuân đặc biệt dày 200 trang, được gửi đi 34 quốc gia trên thế giới. Kể từ tháng 10.2004 giá giấy đã tăng thêm 10%, nên giá thành của mỗi số báo cũng tăng theo, tuy nhiên chúng tôi vẫn xin sự ủng hộ của độc giả mỗi năm **15 Euro** trong nước Đức và **30 Euro hay Mỹ kim** ngoài nước Đức.

Số tiền trên, quý vị có thể gửi bằng Check, Money Order, hoặc chuyển vào Trương Mục (có ghi trên mỗi tờ báo) của Chùa hay gửi tiền mặt trong phong bì nên gói kỹ và dán kín. Xin cảm ơn quý vị trước.

✂

PHIẾU ỦNG HỘ

Họ và Tên
 Địa chỉ

 Số tiền

Giấy chứng nhận khai thuế Có Không

Độc giả mới: Độc giả cũ:

LỊCH ẤT DẬU NĂM 2005



Giá phát hành tại chùa Viên Giác như sau:
 • **Lịch Tủ Vi 13 Euro**
 • **Lịch Treo Tường 10 Euro**
 Nếu Chùa nhận được tiền trước gửi lịch đi (trong nước Đức) thì giá thành + tiền cước + bao bì như

sau:
 • **Lịch Tủ Vi 15 Euro** • **Lịch Treo Tường 14 Euro**
 Đề nghị quý vị nên gửi tiền trước về Chùa bằng ngân phiếu (Check) hoặc tiền mặt gói kỹ bỏ trong bao thư hoặc chuyển vào Konto như sau:

Cong.d.Verein.Vietn.Buddh.Kirche
Konto Nr. 109594-307. BLZ 250 100 30
Postbank Hannover

Trong thư hoặc trên phiếu chuyển tiền xin ghi rõ loại lịch và số lượng để khỏi bị nhầm lẫn và địa chỉ rõ ràng để gửi lịch. Khi nhận được tiền chùa sẽ gửi lịch ngay đến quý vị.

Không nhận gửi Nachnahme
 (chuyển hóa giao ngân) vì tiền cước quá đắt.
 Kính mong quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần ủng hộ cho.

GIẤY CHỨNG NHẬN KHAI THUẾ

Trân trọng thông báo đến quý Đạo Hữu và quý Phật Tử việc như sau:

Từ trước đến nay tất cả mọi sự cúng dường, định kỳ hoặc những lễ lạc khác cho Chùa Viên Giác, quý vị đều có thể lấy Giấy Chứng Nhận (bằng tiếng Đức) để cuối năm khai khấu trừ thuế với Chính Phủ.

Quý vị nào cần Giấy Chứng Nhận xin liên lạc về Chùa bằng thư hoặc bằng điện thoại, chúng tôi sẽ gửi Giấy Chứng Nhận đến quý vị.

XIN LƯU Ý: Để tiện việc làm sổ sách báo cáo với Bộ Tài Chánh, Chùa sẽ cấp Giấy Chứng Nhận của năm trước cho đến cuối tháng 4 năm sau là không còn cấp cho năm trước nữa.

Thí dụ: Giấy Chứng Nhận của năm 2004 được cấp cho đến cuối tháng 4 năm 2005 là chấm dứt cho năm 2004.

Vậy xin thông báo đến quý Đạo Hữu và quý Phật Tử lưu ý cho.

ĐIẢ DVD KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP ÂU CHÂU TẠI Ý

Trân trọng thông báo đến quý Đạo Hữu và Phật Tử cùng tất cả quý học viên tham dự khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 16 tại Ý được rõ:

Đĩa DVD khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 16 tại Ý từ ngày 4.8 đến 13.8.2004 đã thực hiện xong. Hình ảnh rất đẹp, rõ ràng. Trọn bộ 2 đĩa.

Giá phát hành tại chùa: 12 Euro
 Gửi qua Bưu Điện trong nước Đức 15 Euro
 - Âu Châu 17 Euro. Ngoài Âu Châu 20 Euro.

Quý vị muốn có bộ đĩa trên xin gửi tiền về chùa bằng cách bỏ tiền trong bao thư dán kỹ, hoặc gửi qua Konto :

- Trong nước Đức:
Cong d.Verein.Vietn.Buddh.Kirche
Konto Nr. 109594-307 BLZ 250 100 30
Postbank Hannover

- Ngoài nước Đức:
Cong.d.Verein.Vietn.Buddh.Kirche
IBAN DE15 2501 0030 0109 5943 07
BIC PBNKDEFF
Postbank Hannover

Xin ghi rõ thành DVD/Tu học tại Ý. Sau khi chuyển tiền xin quý vị vui lòng Kopy phiếu chuyển tiền gửi về chùa để tiện theo dõi. Khi nhận được tiền, chùa sẽ gửi bằng ngay đến quý vị.

*** Ngoài ra quý vị đã có đặt đĩa DVD của khóa học tại Ý mà chưa nhận được. Xin liên lạc với Ban Hình nh qua : Email : **banhinhanh@vieny.net** hoặc liên lạc với Minh Phát qua Điện thoại : **(0049) 07541 31027** từ 20 giờ đến 22 giờ.

BÁNH TẾT, BÁNH CHỨNG VÀ NHỮNG ĐẶC SẢN CHAY NGÀY TẾT

Chùa Viên Giác có phát hành các loại bánh tết, bánh chứng, bánh xanh, chả chay, mứt thái chay và các loại khác... để Phật Tử vui Xuân trong 3 ngày Tết.

Quý vị cũng có thể thỉnh tại Chùa hoặc gửi qua Bưu Điện, giá thành như sau:

-Bánh tết nhún chuối / nhún đậu	5€ / 1 đòn
-Bánh tết loại nhỏ	3€ / 1 đòn
-Bánh chứng lớn	5€ / 1 cái
-Bánh chứng nhỏ	3€ / 1 cái
-Mứt thái chay	13€ / 1 kilô
-Bánh bao	1€ / 1 cái
-Bánh da lợn loại lớn	2€ / 1 cái
-Bánh da lợn loại nhỏ	1€ / 1 cái
-Bánh ú nước tro	1€ / 1 cái
-Bánh bột lọc	1€ / 1 cái
-Bánh tổ	5€ / 1 cái
-Bánh giò	1€ / 1 cái
-Xôi lá dứa	0,50€/1 miếng
-Bánh xôi vị miền Trung	0,50€/1 miếng
-Bánh oản	5€ / 3 cái
-Mè xừng	0,50€/1 miếng
-Bánh bò	0,70€/1 cái
-Bánh ít lá gai	0,50€/1 cái
-Bánh ít trần	0,50€/1 cái
-Bánh xanh	0,50€/1 cái
-Bánh qui nhún dừa / nhún đậu	0,50€/1 cái
-Bánh cam	0,50€/1 cái
-Bánh tiêu	0,50€/1 cái
-Bánh giò cháo quẩy	0,50€/1 cái
-Bánh phu thê có gân dừa	1€/1 cái
-Bánh ít có gân dừa	1€/1 cái
-Bánh khoai mì nướng	3€/1 miếng
-Chả chay tàu hủ ky (đòn nhỏ)	3€/1 đòn
-Chả chay tàu hủ ky (đòn to)	5€/1 đòn
-Chả cuốn chay tàu hủ ky	5€/1 đòn
-Chả ổ chay bằng tàu hủ ky	10€/1 ổ
-Chả giò chay	0,80€/1 cuốn
-Mì căn sả ớt	5€/1 túi
-Bì chay	13€ / 1 kilô

(Số tiền trên chưa có cước phí Bưu Điện)

Theo cước phí Bưu Điện, gửi trong nước Đức như sau: Trong vòng 2 kilo = 4,10€. Từ 2 đến 5 kilo = 6,70€. Từ 5 đến 10 kilo = 9,70€. Từ 10 đến 20 kilo = 13€.

Lưu ý: Bánh giò, Xôi lá dứa và Xôi vị, gửi trên 10 cái.

Quý vị muốn có bánh Tết, xin gửi tiền về chùa bằng cách bỏ tiền trong bao thư dán kỹ, hoặc gửi qua Konto :

- Trong nước Đức:

Cong d.Verein.Vietn.Buddh.Kirche
Konto Nr. 109594-307 BLZ 250 100 30
Postbank Hannover

- Ngoài nước Đức:

Cong.d.Verein.Vietn.Buddh.Kirche
IBAN DE15 2501 0030 0109 5943 07
BIC PBNKDEFF. Postbank Hannover

KHÔNG NHẬN GỬI NACHNAHME

Sau khi chuyển tiền xong xin quý vị vui lòng Kopy phiếu này gửi về chùa và ghi rõ địa chỉ người nhận. Khi nhận được tiền hoặc phiếu chuyển tiền chùa sẽ gửi hàng ngay đến quý vị.

Mong quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần hỗ trợ để gây thêm quỹ trả nợ xây chùa.

Xin thành thật biết ơn quý vị trước.

TIN VIỆT NAM

Nhà Đất Bị CSVN Lấy Trước 1993 Sẽ Bị Mất Luôn

Nếu bạn có nhà đất bị chính phủ CSVN tịch thu trước ngày 15-10-1993, thì sẽ không được khiếu nại hay đòi trả lại, trong khi CSVN chuẩn bị xét đơn giải quyết các đơn khiếu nại xin trả lại các trường hợp nhà đất bị chính phủ CSVN cướp hoặc mua rẻ mạt.

Quyết định trên của chính phủ CSVN sẽ mang ý nghĩa lớn đối với nhiều tôn giáo tại Việt Nam - đặc biệt với các giáo hội đang được phép hoạt động chính thức. Bởi vì ngay sau 1975, chính phủ đã tịch thu rất nhiều trường học của các tôn giáo - như hệ thống trường Bồ Đề của Giáo Hội PGVNTN, hay hệ thống trường La Salle, Regina Pacis của Giáo Hội Công Giáo, hay Đại Học Hòa Hảo và Đại Học Cao Đài... - và như thế nghĩa là các cơ sở địa ốc này sẽ vĩnh viễn không xét trả lại. Đặc biệt, nhiều cơ sở này đã bị CSVN lấy với cớ là "được người trách nhiệm sở tại hiến đất, hiến nhà, hiến trường cho chính phủ..." .

Bản tin của BBC ghi nhận về bản văn gọi là "siêu nghị định" như sau.

"Siêu nghị định" về đất đai ở Việt Nam

Một nghị định được nói là "đặc biệt quan trọng về thi hành Luật Đất Đai" vừa mới được ban hành tại Việt Nam.

Theo Nghị định về thi hành Luật Đất Đai do Thủ Tướng Việt Nam ký ngày 29-10, Việt Nam không thừa nhận việc đòi lại đất và không xem xét giải quyết khiếu nại về đòi lại đất mà Nhà nước đã giao cho người khác sử dụng theo các chính sách ruộng đất trước ngày 15-10-1993.

Nghị định số 181/2004/NĐ-CP bao gồm 186 điều, 14 chương, 145 trang, và được nhà chức trách nói sẽ tạo ra những thủ tục lành mạnh trong lĩnh vực đất đai.

Bộ Trưởng Bộ Tư Pháp Ưông Chu Lưu được dẫn lời trên báo Tuổi Trẻ gọi nghị định này là một "siêu nghị định".

Trong các nội dung mới gây chú ý, có việc các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất mà không có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất (QSDĐ) quy định trong Luật Đất Đai vẫn được cấp Giấy Chứng Nhận.

Nếu đó là đất không tranh chấp; đất được sử dụng trước thời điểm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị hoặc quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn.

'Không giải quyết đòi lại đất trước 1993'

Nghị định cũng nói Nhà nước không xem xét giải quyết khiếu nại về việc đòi lại đất mà Nhà nước đã giao cho người khác sử dụng theo các chính sách ruộng đất trước ngày 15-10-1993 trong các trường hợp sau:

a) Đất bị tịch thu, trưng thu, trưng mua khi thực hiện cải cách ruộng đất ở miền Bắc; chính sách xóa bỏ triệt để tàn tích chiếm hữu ruộng đất và các hình thức bóc lột thực dân, phong kiến ở miền Nam;

b) Đất đã hiến tặng cho Nhà nước, cho hợp tác xã và tổ chức khác, cho hộ gia đình, cá nhân;

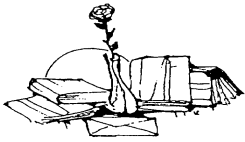
c) Đất đã góp vào hợp tác xã nông nghiệp theo quy định của Điều lệ hợp tác xã nông nghiệp bậc cao;

d) Đất thổ cư mà Nhà nước đã giao cho người khác để làm đất ở; đất ở và đất vườn đã giao lại cho hợp tác xã để đi khai hoang; ruộng đất đã bị thu hồi để giao cho người khác hoặc điều chỉnh cho người khác khi giải quyết tranh chấp ruộng đất;

đ) Đất đã chia cho người khác khi hưởng ứng cuộc vận động san sẻ bớt một phần ruộng đất để chia cho người không có ruộng và thiếu ruộng tại miền Nam sau ngày giải phóng.

Theo Nghị định, việc giải quyết các trường hợp khiếu nại, tranh chấp về đất đai phải căn cứ vào pháp luật về đất đai tại thời điểm xảy ra các quan hệ đất đai dẫn đến khiếu nại, tranh chấp.

Cùng với nghị định 181/2004/NĐ-CP, Chính phủ Việt Nam cũng ban hành nghị định 182/2004/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai." •



HỘP THƯ VIÊN GIÁC

Trong thời gian qua VIÊN GIÁC đã nhận được những thư từ, tin tức, tài liệu, bài vở, kinh sách, báo chí của các Tổ Chức, Hội Đoàn, Tôn Giáo và các Văn Thi Hữu khắp nơi gửi đến.

● THƯ TÍN

Hòa Thượng Thích Trí Chơn (USA), Nguyễn Đăng Đức (Wien/Áo), Trần Tri Khách; Đông Châu (Canada) TS. Lâm Như Tạng (Úc), Tạ Văn Dương (Đức), Võ Thu Tịnh (Pháp), Ban Hướng Dẫn GĐPTVN tại Hoa Kỳ, Hương Giang Thái Văn Kiểm (Pháp), Đỗ Văn Thông (Đức), Trọng (Áo), Kim (Áo), Tu Viện Nguyên Thiều (VN), Trần Ngọc Nguyên Vũ (USA), Nhật Trọng (Đức), GS. Huyền Thanh Lữ (Đức), Thiện Hạnh (Đức), Hạ Anh (Đức), Phạm Thắng (Canada), Hà Ngọc Bích (Pháp), Nguyễn Cầu (Đức), Dr. Tôn Thất Hứa (Đức), Nguyễn Văn Thà (Na Uy), Ngô Văn Phát (Đức), Phù Vân (Đức), Vũ Nam (Đức), Trần Trung Đạo (USA), Hòa Thượng Quảng Độ (VN), GĐPT VN (VN), Trần Trọng Khoái (USA), Thiện Căn Phạm Hồng Sáu & Hồng Nhiên (Đức), Tuệ Nga (USA), Hiếu Đệ (USA), Nguyễn Minh Hiền (Đức), Bèo Hoa (Suisse), Thúy Trúc (USA), Thích Chân Tuệ (Canada), Đan Hà (Đức), T. Le (Đức), Ngô Minh Hằng (USA), Trai Nam Kỳ; Thiện Lâm Phạm Văn Mộc (Đức), Lê Hoàng Thanh (Đức), Trần Thị Hồng Châu (Ý), SH Hà Đạu Đồng (Đức), Phan Ngọc (Đức), Ngọc An (USA), Quỳnh Hoa (Đức).

● KINH SÁCH, BÁO CHÍ

* **Đức:** Buddhismus Aktuell Nr. 04/2004; Thánh Thể số 246; Thông Tin Berlin số 23; D&C und E&Z 10/2004 & 11/2004; AMFN Nr.25; Dân Văn số 100; Diễn Đàn Việt Nam số 154. Asien số 03/04. Tibet & Buddhismus Nr. 71; Dân Chúa số 265; Thông Tin số 29; Eine Welt eine Familie 1.4/2004.

* **Pháp:** Sinh hoạt Cộng Đồng số 181; Đặc San Nặng Gỗ số 25; Nhân Bản số 35 & 36; Việt Nam Dân Chủ số 97 & 98; Tiếng Nói Người Việt Quốc Gia số 34; Bản Tin Khánh Anh số tháng 10/04.

* **Hoa Kỳ:** Bồ Đề Hải 04; Bản Tin Tổng Hội Cựu Tu Nhân Chính Trị VN số tháng 9/04; Bản Tin Đại Hội Khoáng Đại kỳ III; Tin Miền Nam News Agency số 102; Tự Do Dân Bản số 110; Tin Lành số 104 & 105; Thế Giới Ngày Nay số 185; Trúc Lâm số 28.

* **Canada:** Tỉnh Mộng Đời của HT Thích Tâm Châu; Pháp Môn Chấn Trâu của Thích Chân Tuệ; Có những sự kiện cần phải xem lại & Những Công Chúa Sứ Giả của Trung Hoa và Việt Nam tác giả Huỳnh Văn Lang.

* **Nhật:** Nguyệt San Mekong số 112.

* **Đài Loan:** Thiên Phật Sơn số 185; Hiện Đại Phật Giáo số 279. •



THƯ TRẢ LỜI ĐỘC GIẢ

● Phù Vân phụ trách

- **VH. Nguyễn Song Anh (Cham / Đức):**

Bật tin từ lâu, nay anh mới trở lại với Viên Giác với bài viết "Bài Thơ Cuối Đời của Trương Vĩnh Ký" bằng máy vi tính nhưng lại không thấy anh gởi đĩa mềm đĩa cứng gì cả! Được biết anh cũng có vào internet, nhưng lại không thèm chuyển bài bằng Email. Làm khó dễ anh em đến thế là cùng! Đề nghị lần sau anh viết một vi thư, kèm thêm bài viết này để cho tòa soạn khỏi nhọc lòng. Thân.

- **VH. Huyền Nga / Thổ Chi Việt (Metz / Pháp):**

"Đôi lời cho anh Tư" viết cảm động lắm, nhưng viết về Huy Giang đã quá nhiều nên đành lại vào dịp giỗ đầu của người quá cố. Nhớ sửa lại đôi chút cho phù hợp với thời gian. Bài viết có thể gởi đến cho Tòa Soạn bằng Email hay bằng bưu điện kèm theo disc. Cảm ơn hai lá thư đã viết riêng cho PV. Chúc gia đình luôn an lạc. Thân.

- **Nhạc sĩ Trịnh Hưng (Creteil / Pháp):**

Cảm ơn anh đã gởi bài cho VG, nhưng khi gởi bài cũ đã đăng trên một tạp chí nào đó thì xin anh nhớ ghi rõ xuất xứ và thời gian để chúng tôi lượng định, như trường hợp bài viết của anh "Bài thơ độc đáo chưa ai biết của Hồ Chí Minh và cái chết bí ẩn của Huỳnh Thúc Kháng" đã đăng trên tờ báo Sự Thật. Xin anh thương giùm, PV cũng đã đeo kính "lão" từ lâu, bài copy của anh gởi muốn đọc được, chắc cũng phải thay kính mới! Chúc anh luôn vui khỏe và viết bài mới. Có chuẩn bị phát hành thêm CD Nhạc Trịnh Hưng nữa hay không? Thân kính.

- **Hương Bèo Lê Vạn Lộc (Viersen / Đức):**

Chúng tôi vô cùng buồn ngủi khi đọc đoạn cuối của thư anh: "... Kính chúc quý vị thân tâm an lạc, (đứng bệnh hoạn như tôi, một thời sống như con thuyền không bến; tâm linh không có chỗ tựa, bây giờ nằm trên giường bệnh ngặt được thì đã có chút ít muộn rồi...". Anh đã "ngộ" tức là anh đã đặt những bước chân đến bờ giác không xa. Trên giường bệnh xin anh chuyên tâm niệm Phật để quên những khổ đau mà ai cũng có. Bài thơ 3.000 chữ "T" của anh đọc nghe cũng thú vị, riêng hai bài thơ dài đầu tay của anh, hai bài thơ Đạo vào Đời với khá nhiều triết lý Phật giáo. Tuy nhiên, PV vẫn thích hai câu thơ mở đầu:

Hoa cau trắng,

nắng lung linh

Ruộng sâu bóng nước in hình

Dáng gầy mẹ đứng đợi tin con về...

Nhớ tiếp tục sáng tác và gởi cho VG những bài thơ ... ngắn hơn. Thân.

- **Cô Đào Mai (Wedel / Đức):**

Cảm ơn cô đã gởi cho chúng tôi tập bản thảo viết tay được trân trọng lồng trong plastik. Lần trước cô đã gởi những bài thơ này trong cuốn tập học trò khổ lớn, bài được chọn thì đã cho đăng trong báo VG rồi. Mong nhận được những sáng tác mới như lời thư cô viết "nguyện xin được làm người bạn đồng hành của Viên Giác mến yêu". Thân. •

**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT
ÂU CHÂU**

Văn Phòng Tổng Thư Ký - Chùa Viên Giác

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Được biết thân mẫu của Hòa Thượng Thích Minh Tâm,
Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt
Nam Thống Nhất Âu Châu :

Cụ Bà HỒ THỊ LANG

Pháp danh Nguyên Mỹ

Vãng sanh ngày 16.09 năm Giáp Thân (29.10.2004)

Thượng thọ 87 tuổi

Toàn thể Tăng Ni & Tín đồ trong GHPGVNTN/ÂC kính
cầu nguyện Hương Linh Cụ Bà được cao đăng Phật
quốc.

TM. GHPGVNTN/ÂC

Tổng Thư Ký

Thượng Tọa Thích Như Điển

Phưởng Trưởng chùa Viên Giác

**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT
ÂU CHÂU**

Chùa Viên Giác

Chi Bộ Đức Quốc

Hội Phật Tử Việt Nam Ty Nạn tại Đức Quốc

Ban Biên Tập Báo Viên Giác

THÀNH KÍNH CHIA BUỒN

Bàng hoàng được tin thân mẫu của Hòa Thượng Thích
Minh Tâm, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN
/ ÂC đã xả thân về cõi tịnh.

Chúng con toàn thể Tăng Ni, Phật Tử tại Đức Quốc
đồng hướng về Cụ Bà trong niềm tri ân đã ban cho
chúng con một vị lãnh đạo tinh thần sáng suốt không
ngại gian lao trong sự giáo hóa và hành đạo.

Nguyện cầu Hương Linh :

Cụ Bà HỒ THỊ LANG

Pháp danh Nguyên Mỹ

Vãng sanh ngày 16.09 năm Giáp Thân (29.10.2004)

Thượng thọ 87 tuổi

Tốc kiến Phật A Di Đà

TM. Chi Bộ GHPGVNTN tại Đức Quốc

Chi Bộ Trưởng

Thích Hạnh Tấn

CẢM TẠ & TRI ÂN

Tang quyến chúng con / chúng tôi xin chân thành cảm tạ và
tri ân:

-Thượng Tọa Thích Minh Phú, Trụ trì chùa Thiện Hòa
Mönchengladbach.

-Đại Đức Thích Hạnh Tấn, Trụ trì chùa Viên Giác Hannover.

-Đại Đức Thích Đồng Văn, Trụ trì chùa Tâm Giác München.

-Đại Đức Thích Từ Trí, chùa Phật Huệ Frankfurt.

-Đại Đức Thích Giác Hạnh, du Tăng sinh Ấn Độ.

-Ni Sư Thích Nữ Diệu Ân, Trụ trì chùa Quan Thế Âm
Aachen.

-Ni Sư Thích Nữ Diệu Hạnh, Trụ trì chùa Phật Bảo Barntrop.

-Chú Hạnh Tuệ, chùa Viên Giác Hannover.

-Chú Huyền Đạo, chùa Thiện Hòa M'Gladbach.

-Chú Trung Lưu, chùa Phật Huệ Frankfurt.

-Sư Cô Diệu Linh, chùa Quan Thế Âm Aachen.

-Ban Hộ Trì Tam Bảo chùa Phật Huệ Frankfurt.

-Ban Hộ Trì Tam bảo chùa Tâm Giác München.

-Quý vị đồng hương, bà con, bạn bè, thân hữu xa gần gởi
vòng hoa chia buồn, phúng điếu và tiễn đưa Linh Cữu của
Em, Anh, Hôn Phu, Chú, Cậu của chúng con / chúng tôi là:

NGUYỄN MINH ĐỊNH

Pháp danh Nguyên Huệ

Sinh ngày 29.07.1977 tại Qui Nhơn, Bình Định, VN

Tạ thế ngày 26.07.2004, lúc 10 giờ 28 phút,

nhằm ngày mùng 10 tháng 6 năm Giáp Thân.

**Lễ thọ tang, lễ hỏa táng đã được cử hành vào thứ sáu
ngày 30.07.2004 tại nghĩa trang Ostfriedhof München.**

Trong lúc tang gia bối rối, có điều chi sơ suất xin quý vị niệm
tình tha thứ.

Tang gia đồng kính bái

-Anh,Chị:

Nguyễn Minh Dũng & Nguyễn Thị Mộng Thu (Đức Quốc).

Nguyễn Thị Dung & Đinh Văn Đò (Thụy Sĩ).

Nguyễn Thị Đò & Ngô Văn Thanh (Đức Quốc)

-Em: Nguyễn Minh Thanh (Đức Quốc)

-Hôn thê: Nguyễn Thị Thu Thủy (Đức Quốc)

-Cháu: Nguyễn Hà Mi, Hà Lai, Nguyễn Thanh Nhi (Đức Quốc)

-Cháu: Đinh Trường Phú, Phước Thắng, Diệu Hiền (Thụy Sĩ)

Số tiền phúng điếu chúng tôi đã nhận được là 2.330 Euro. Tang
quyển chúng tôi sẽ cúng dường:

-Chùa Viên Giác 300 Euro

-Chùa Tâm Giác 300 Euro

-Chùa Phật Huệ 500 Euro

-Chùa Khánh Anh (Pháp Quốc) 830 Euro

-Phóng sanh 400 Euro.

để cầu siêu cho Hương Linh của em chúng tôi sớm được siêu
thoát.

PHÂN ƯU

Nhận được tin

Cụ Bà TẠ NHỮ THỦ

Nhũ danh Giang Thị Nhị

đã tạ thế ngày 14.10.2004 tại Hòa Lan

Thượng thọ 83 tuổi

Chúng tôi xin chân thành phân ưu cùng nhà thơ Vĩnh Liêm
và tang quyến, đồng thời xin thành kính nguyện cầu cho
Hương Linh Cụ Bà sớm siêu thăng miền Tịnh Độ.

-Ban Biên Tập Báo Viên Giác.

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin cùng tất cả thân bằng quyến thuộc, thân hữu xa gần rằng: Con, Chồng, Cha, Anh, Bác, Cậu của chúng tôi là:

PHAN HÙNG NGHĨA
Bác Sĩ & Dược Sĩ

Sau thời gian lâm trọng bệnh đã tử trần ngày
24.10.2004. Hưởng dương 52 tuổi.

Đồng thời chúng tôi xin chân thành cảm tạ quý ông Stüppe, Dr. Marinos, quý L.M. Hạnh và Kaplan, Sư Huynh Hà Đậu Đồng, ông Trần Văn Biểu, Đại Diện Hội Đoàn Phật Giáo, Đại Diện đoàn Tín đồ Công Giáo, cùng các thân hữu quyến thuộc xa, gần, đã đến phân ưu, phúng điếu, tham dự lễ Cầu Siêu và tiễn đưa Linh Cữu của người quá cố.

Trong lúc tang gia bối rối, không sao tránh khỏi sơ suất, kính mong quý Vị niệm tình thông cảm.

Tang gia đồng kính bái

- Cha: Phan Hưng Nhơn
- Vợ: Phan Nguyễn Thị Tuyết và các con.
- Em: Phan Hưng Hiệp, vợ và con.
- Em: Phan Thị Lan Hương.
- Em Nguyễn Phan Ái Liên, chồng và các con.
- Em Phan Thị Ngọc Lan.
- Em: Nguyễn Phan Thị Thúy Nga, chồng và con.

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin cùng quý thân bằng quyến thuộc gần xa: Mẹ, Bà Ngoại, Bà Nội của chúng tôi là:

Bà LA THỊ BUỒI
Sinh năm 1929

Tử trần ngày **22.10.2004 (mùng 9.9 Giáp Thân)**
tại **Cần Thơ, Việt Nam**

Lễ mai táng đã cử hành ngày **28.10.2004**
tại **Cần Thơ, Việt Nam.**

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ và tri ân:

Quý Bà Con đồng hương, quý Thông Gia, quý Niên Trưởng, các bằng hữu, quý anh chị gần xa đã điện thoại chia buồn cùng gia đình.

Tang gia đồng tri ân và cảm tạ:

- Trưởng Nữ: Nguyễn Thị Hồng Vân, Chồng, Em và các con, cháu ở tại Đức.

PHÂN ƯU

Được tin anh

PHAN HÙNG NGHĨA

(Bác sĩ & Dược sĩ)

sinh năm 1952 tại Việt Nam, mất ngày 24.10.2004 tại Münster, Đức Quốc, hưởng dương 52 tuổi, là Trưởng Nam của Ông Phan Hưng Nhơn, cộng sự viên của Báo Viên Giác.

Chúng tôi xin chân thành phân ưu cùng Ông Phan Hưng Nhơn và tang quyến, đồng thời xin cầu nguyện cho hương linh của anh Phan Hùng Nghĩa sớm được về cõi vĩnh hằng.

- Thượng Tọa Phương Trượng Chùa Viên Giác, sáng lập Chủ Nhiệm Báo Viên Giác.
- Phù Vân, Chủ Bút và toàn thể Ban Biên Tập, Kỹ Thuật, Ấn Loát Báo Viên Giác.

Tử

Tâm
tử bi
Đạo
tử bi

Bi

Lìa ba chướng ngại
Tham-Si-Giãn cường

Khổ đau
bồi đảo điên lòng

Nhất tâm
thiền định

Thiền trường nơi ta!



● Bèo Hoa

PHÂN ƯU

Được tin buồn

Bạn **PHAN HÙNG NGHĨA**

Đã tử giả bạn bè ra đi vào ngày **24.10.2004**
tại **Münster. Hưởng dương 52 tuổi.**

Xin chân thành chia buồn cùng với Bác Phan Hưng Nhơn, chị Nghĩa và toàn thể tang quyến.

Nguyện cầu hương linh bạn Nghĩa sớm tiêu diêu miền Cực Lạc.

Thành kính phân ưu

Nhóm Cựu Sinh Viên Du Học tại Aachen, Köln, Krefeld, Dortmund, Stuttgart.

PHÂN ƯU

Vô cùng thương tiếc được tin

Cụ: **Trần Dưởng**

Pháp danh **Nguyễn Hải**

Sanh năm 1918 (Kỷ Mùi)

Tạ thế ngày **17.11.2004** tại **Việt Nam**

Thượng thọ **86 tuổi**

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng gia đình bạn Trần Xuân Hòa và tang quyến. Thành tâm nguyện cầu Hương Linh Cụ sớm về cõi Phật.

* Gia đình: Lương Văn Thuộc & Trần Thị Hồng Châu

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi vô cùng đau buồn và thương tiếc báo tin cùng thân bằng, quyến thuộc, bạn hữu xa gần: Vợ, Mẹ, Em, Chị, Dì, Bà của chúng tôi là:

PHẠM THỊ HẰNG

Sinh ngày 20.11.1963 tại Hải Phòng, Việt Nam

Tạ thế ngày 20.08.2004 lúc 07:15' nhằm ngày mùng 5 tháng 7 năm Giáp Thân tại Kassel, Đức Quốc.

Tang lễ được cử hành vào lúc 13:00 ngày thứ Tư 25.08.2004 nhằm ngày 10 tháng 7 năm Giáp Thân tại Kapelle Hauptfriedhof thành phố Kassel, Đức Quốc.

Gia đình chúng con/chúng tôi xin chân thành cảm tạ và tri ân:

- Đại Đức Thích Hạnh Từ, Trụ trì NPĐ Viên Âm
- Thầy Từ Nguyên

Cùng tất cả thân bằng, quyến thuộc, bạn hữu gần xa đã đến viếng thăm, điện thoại, phân ưu, phúng điếu, cầu nguyện cũng như tiễn đưa Linh cữu Vợ, Mẹ, Em, Chị, Dì, Bà của chúng tôi đến nơi an nghỉ ngàn thu.

Trong lúc tang gia bối rối, chắc chắn không sao tránh khỏi sơ suất. Kính mong quý vị niệm tình tha thứ.

Tang gia đồng kính bái

- Chồng: Tô Duy Bình (Germany)
- Con trai: Tô Phạm Anh Tuấn (Germany)
- Chị gái: Phạm Thị Hợp (Bi)
- Em chồng: Tô Duy Sỹ (Germany)
- Cháu: Phạm Thị Hiền cùng chồng & con (Germany)
- Cháu: Phạm Đình Thành, Phạm Đình Trung (Bi)
- Cháu: Phạm Thùy Hương cùng chồng & con (Bi).

PHÂN ƯU

Nhận được hung tin

NGUYỄN VĂN QUÂN

Sinh năm 1957

Đã đột ngột từ trần vào ngày 28.09.2004 tại Hòa Lan

Thành thật chia buồn cùng tang quyến, nguyện cầu Linh Hồn Nguyễn Văn Quân sớm siêu thăng Cực Lạc.

- Gđ. Nguyễn Văn Kế (Đức Quốc)
- Gđ. Châu Văn Bình (Đức Quốc)
- Gđ. Huỳnh Bá Minh (Đức Quốc)
- Gđ. Lê Tấn Hưng (Đức Quốc)
- Gđ. Hoàng Tôn Long (Đức Quốc)
- Gđ. Phan Đình Lợi (Đức Quốc).

PHÂN ƯU

Ban Chấp Hành và các Đạo Hữu trong Chi Hội Phật Tử VNTN Saarland-Trier & VPC vô cùng thương tiếc Báo:

ĐỒNG HỮU TRỊNH HY

Đã tạ thế lúc 17 giờ ngày 29.08.2004, nhằm ngày 14 tháng 7 năm Giáp Thân, tại Bệnh Viện Saarbrücken.

Chi Hội chúng tôi chân thành chia buồn cùng Bác trai Lý Mộc Hân, Pháp danh Đồng Mỹ, và gia đình các anh chị Lý Kiến Cường, Không, Siêu, Kiên, Hoàng, Mai, Phi... và thành kính cầu nguyện chư Phật từ bi gia hộ cùng tiếp dẫn Hương Linh Đạo Hữu Đồng Hữu Trịnh Hy sớm về cảnh giới Cực Lạc.

- Chi Hội Phật Tử VNTN Saarland-Trier & VPC.

PHÂN ƯU

Được tin

Chị Nguyễn Văn Tộ

nhũ danh Têrêsa Nguyễn Thị Thu

sinh năm 1942 tại Hà Đông Bắc Việt

đã được Chúa gọi về vào lúc 23 giờ 50 ngày 23.11.2004 tại Reutlingen

Hưởng thọ 62 tuổi

Lễ an tang sẽ được cử hành vào lúc 10 giờ 00 sáng ngày 26.11.2004 tại nghĩa trang Römerschanz Reutlingen

Chúng tôi xin chân thành chia buồn với Chiến Hữu Nguyễn Văn Tộ cùng với toàn thể tang quyến. Nguyện cầu cho linh hồn Têrêsa Nguyễn Thị Thu sớm vào hưởng Nhan Thánh Chúa.

Thành kính phân ưu

- Hội Cựu Chiến Sĩ Việt Nam Cộng Hòa tại Cộng Hòa Liên Bang Đức
- Ngô Văn Phát - Đại diện Đại Gia Đình Bình Chủng Quân Vận Quân Lực VNCH

PHÂN ƯU

Được tin hiền thê của Anh Nguyễn Văn Tộ là:

Chị TÊRÊSA NGUYỄN THỊ THU

Sinh năm 1942 tại Hà Đông, Bắc Việt.

Vừa mãn phần lúc 23 giờ 50 ngày 23-11-2004

Tại Schaeffle Weg 33- 72760 Reutlingen.

Hưởng thọ 63 tuổi.

Tang Lễ được cử hành tại Nghĩa Trang Römerschanz Reutlingen lúc 10 giờ thứ Sáu 26.11.04

Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng Anh Nguyễn Văn Tộ và tang quyến.

Xin thành tâm cầu nguyện Hương Linh Chị TÊRÊSA NGUYỄN THỊ THU sớm hưởng An Lạc cõi Vĩnh Hằng.

- Toàn thể Hội Viên Hội Tình Thương Đức Quốc.
- Niệm Phật Đường Tam Bảo Reutlingen.
- Chi Hội Phật Tử VN tị nạn Reutlingen & Phụ cận.

Các Gia Đình Thân Hữu:

- GĐ Lê Hòa. GĐ Phan Ngọc Minh. GĐ Trần Xuân Hiền. GĐ Nguyễn Thành Nam. GĐ Trần Duy Hoàn. GĐ Hàn Cường. GĐ Vũ Văn Cường. GĐ Nguyễn Anh Tuấn. GĐ Trần Văn Huyền. GĐ Nguyễn Tiến Hóa. GĐ Cổ Kim Trường. GĐ Đoàn Mậu Can, GĐ. Phù Văn



PHƯƠNG DANH CÚNG ĐƯỜNG

(Tiếp theo VG 143)

• VU LAN

ĐH. Nguyễn Thị Nương (Aachen) 20€. Ông Nguyễn (") 30€. Gđ. Bùi Hoài Nam, Nguyễn Thị Phương (Achim) 15€. Phạm & Bùi (") 10€. Tam & Hiệp (Ahlten) 5€. Huỳnh Kim Huê (Aalen) 20€. Fam. Trương (") 30€. Nguyễn Thị Ngọc Trâm (Altenburg) 20€. Đào Thị Kim Oanh (Arnstadt) 10€. Thiệp Đăng Nguyễn Thị Bình (") 20€ HHHH Nguyễn Văn Chính. Lê Văn Hiền (") 10€. Trịnh Thị Thúy Liễu (") 10€. Tạ Thị Mười Kiên (Apolda) 30€. Phạm Thị Văn Hương (") 50€. Trương Ngọc Hùng (Aschau/Inn) 20€. Nguyễn Thị Liễu (A' burg) 20€. Nguyễn Thị Việt Anh (") 20€. Lê Thị La (") 30€. Nguyễn Danh Tịnh (Aschersleben) 35€. Lê Thị Tân (Augsburg) 5€. Lê Anh Tuấn (") 10€. Vũ Quốc Hưng (") 20€. Nguyễn Văn Thắng (") 20€. Lê Ngọc Báu (") 20€. Trần Hải Vinh (") 10€. Lê Thị Tèo (Aurich) 10€. Trần Thu Hằng (") 10€. Fam. Bùi Xuân Đình (") 10€. Dương Văn Út (Bad Bentheim) 20€. Fam. Nguyễn Ngọc Hào (") 20€. Bùi Thị Vụ (Bad Dürrenberg) 20€. Đoàn Văn Hiếu (Badler) 20€. Nguyễn Văn Sơn (Bad Iburg) 10€. Nguyễn Phương Hoa (") 15€. Lý Hương (") 20€. Nguyễn Thị Yến (Bad Kissingen) 20€. Võ Trung Thứ (Bad Pyrmont) 30€. Tuấn Hoa (Bad Lauterberg) 20€. Ngô Thị Thích (Bad Nenndorf) 5€. Nguyễn Thị Chúc (Bad Oeyenhausen) 5€. Phạm Hồng Thịnh (") 30€. Phạm Sỹ Đạt (") 10€. Dương Thị Thanh Hải (Bad Schmiedeberg) 10€. Phạm Thị Hải (Bad Segeberg) 20€. Gđ. Vũ Duy Hạnh, Vũ Thị Hoa, Vũ Mai Hương và Vũ Hải Anh (Bamberg) 10€. Gđ. Nguyễn Trọng Kiêm & Nguyễn Thị Nga (") 10€. Phạm Thị Tân (") 10€. Gđ. Phan Hùng & Đỗ Thị Phương Thảo (") 10€. Nguyễn Trí & Nguyễn Trương (Barntpr) 50€. Lê Chánh Trường (Bayern) 20€. Nguyễn Đức Thủy & Nguyễn Bích Hằng (Bayreuth) 20€. Nguyễn Kim Anh (Berg Gladbach) 20€. Fung-Ling Mach-Ha (") 20€. Manfred Prah (Bergheusen) 25€. Au Châu (Bielefeld) 16,40€. Mai Thị Lan (") 10€. Trần Văn Sáng & Trần Wiriya (") 50€. Nguyễn Thị Hậu (") 10€. Thu Hiền Wittkowsky (") 10€. Đoàn Tường Khánh (") 20€. Phan Kim Hương (Beckum) 10€. Vũ Thị Phương Liên (Bittfeld) 20€. Nguyễn Thị Lương (Bochum) 10€. Gđ. Nguyễn Thị Mai (Bonn) 20€. Gđ. Nguyễn Không Vũ Văn Thênh, Diệu Lạc và Giác Hải (Böhlen) 150€. Nguyễn Duy Đô (Böniigheim) 30€. Lê Thị Kim Oanh (Borgholzhausen) 10€. Vương Khắc Vũ (Borkum) 50€. Vũ Đức Khanh (Bremervörde) 20€. Đỗ Thị Kim Thoa (Brüchsel) 5€. Nguyễn Đức Hiệp (Aschensleben) 20€. Phạm Phương Anh (") 50€. Nguyễn Thị Chung Thủy (") 20€. Nguyễn Hữu Nhân (") 10€. Ngô Thị Vân (Berlin) 20€. Bùi Minh Hải (") 40€. Nguyễn Bích Phương (") 10€. Đoàn Thị Lai (") 15€. Gđ. Quảng Hiệp (") 20€. Nguyễn Thị Tuyết (") 5€. Đàm Lan Hương (") 10€. Lan & Hoa (") 10€. Hà Thị Minh Tý (") 70€. Bùi Đức Hinh & Phạm Thị Hằng (") 20€. Đinh Thị Lăng (") 20€. Nguyễn Tuấn Anh (") 20€. Nguyễn Tiến Dũng (") 10€. Mai Thị Tuyết (") 10€. Nguyễn Thị Minh Hằng (") 5€. Gđ. Chu Thị Hà (") 20€. Vũ Văn Trúc (") 20€. Fam. Lê Hữu Tuấn (") 10€. Đỗ Ngọc Hà (") 10€. Từ Thị Hồng Oanh (") 40€. Nguyễn Thị Huyền (") 10€. Lê Thị Hai (") 30€. Nguyễn Thị Thu Hiền (") 30€. Nguyễn Thị Hương Anh (Burg) & Bùi Thị Hương (Berlin) 40€. Gđ. Nguyễn Văn Công & Nguyễn Thị Lợi (") 10€. Nguyễn Thị Nga (") 15€. Nguyễn Thị Hương (") 10€. Lê Thị Thoa (") 20€. Hiền Tarrago (") 10€. Lê Thị Liên (") 20€. Đỗ Ngọc Hà (") 10€. Gđ. Trần Văn Lý & Bùi Thị Hồng (") 10€. Ngô Thanh Hương (") 20€. Nguyễn Thanh Hà (") 10€. Trần Đình Thanh & Trần Kim Hòa (") 20€. Trần Trung Tuấn (") 5€. Lê Mạnh Dương & Vũ Thị Xuân Hà (") 20€. Nguyễn Châu Hà & Vương Anh Việt (") 20€. Fam. Tse (") 15€. Nguyễn Thị Thanh Dung (") 20€. Đồng Lê Trần Thị Kim Lê (") 20€. Triệu Bàn & Triệu Tiến (") 100€. Nguyễn Văn Xuân (") 10€. Nguyễn Thanh Hương (") 10€. Diệu Duyên Nguyễn Thị Ngọc Cơ (") 20€. Nguyễn Quốc Lệnh (") 30€. Trần Hoài Thanh & Nguyễn Công Hùng (") 20€. Nguyễn Thị Tố Nga & Đoàn Bảo Thái (") 10€. Thiệp Châu Vũ Đình Quang (") 10€. Bùi Thị Thảo (") 20€. Lê Đăng Khương (") 20€. Như Hồng (") 20€. Khang Vi (") 10€. Diệu Nhân Tăng Kim Lang (") 10€. Đoàn Thị Mỹ Duyên (") 10€. Dương Đình Tú (") 20€. Đoàn Vinh Đức (") 10€. Dương Đình An Hưng (") 10€. Dương Kim Hương (") 10€. Nguyễn Thị Kim Trinh (") 10€. Lê Thị Yến (") 40€. Trần Thị Tuyết (") 10€. Diệu Loan (") 10€. Nguyễn Thị Huệ (") 20€. Trần Thị Yên (Berkamen) 10€. Mathes, Thị Hồng Nga (Bernburg) 30€. Phạm Thị Tuyết Mai (") 50€. Nguyễn Thị Kim Sinh (") 10€. Yến Thắng (Burgdorf) 10€. Nguyễn Quý Hạnh (") 5€. Phạm Thị Hồng Vinh (") 20€. Gđ. Phạm Thị Bích Ngọc (Burgwedel) 10€. Đồng Thị Xuân (") 5€. Cao Thị Ngọc Dung (Brakel) 10€. Nguyễn Thị Dung (Brandenburg) 20€. Phạm Văn Tân (") 20€. Vũ Thanh Tâm (") 50€. Phạm Thị Hoa (") 5€. Đinh Đăng Vĩnh (") 50€. Nguyễn Thị Nga

(") 10€. Phan Ngọc Dương (") 5€. Đoàn Thị Thanh Thủy 20€. Cúc Henke (") 10€. Trần Thị Thuận (") 5€. Trần Quốc Túy (") 10€. Trần Thị Hương (") 35€. Lý Thị Phon (") 10€. Lê Văn Minh (") 15€. Phan Ngọc Dương (") 5€. Lâm - Cẩm (") 10€. Giáp Văn Lai (") 10€. Châu Ngọc Lan (") 20€. Nguyễn Văn Nam & Hồ Thị Lương (") 20€. Liêu Thị Thà (") 10€. Hàn Thị (") 20€. Đỗ Văn Kiên (") 30€. Quảng Thiệp (") 20€. Cao Ngọc Lang (") 10€. Trần Thiện Châu (") 20€. Tăng Mão (") 10€. Vi Thiếu Hùng (") 10€. Hiền Nhu (") 10€. Lý Thanh Nhiên (") 50€. Trần Thị Hương (") 10€. Hà Hương Giang (Braunlage) 10€. Phương Dung Heise (") 20€. Kha Tiên & Hong O Doan (Bremen) 30€. Kha Hiếu Han, Kha Hiếu Chí, Kha Bảo Hạnh (") 20€. Kha Hiếu Han (") 10€. Kha Hie Minh (") 10€. Hang Nhựt Toàn (") 40€. Zhang Ly-Hu (") 10€. Trần Văn Các (") 30€. Lương Ba Truyền (") 30€. Lý Tuyết Liên (") 10€. Tojo Tim Nguyên (") 5€. Vũ Lê Thủy (") 5€. Nguyễn Thị Hoài Thu (") 10€. Võ Quang Châu (") 50€. Wu (") 10€. Loh (") 5€. Phung (") 5€. Fam. Quan (Bückeburg) 5€. Đỗ Thị Bích Nga (") 20€. Dương Liên Siêu (Celle) 30€. Hoàng Thị Thân (") 40€. Nguyễn Thị Thúy Hiền (") 10€. Phung (") 10€. Nguyễn Thị Minh Hạnh (") 10€. Trang Thoại Cường (") 20€. Trần Vinh Cam (Coesfeld) 30€. Hoàng Thị Lan (Cottbus) 10€. Hồ Yến (Cuxhaven) 5€. Nguyễn Thị Phương (Chemnitz) 10€. Cao Thị Kim Thi, Cao Bá Vũ, Nguyễn Văn Thi (") 10€. Nguyễn Thị Phương (") 20€. Nguyễn Thị Mùa (") 10€. Vũ Minh Nghĩa (") 10€. Nguyễn Thị Nhâm (") 20€. Lâm Anh Ngọc (") 10€. Đỗ Kim Vân (") 5€. Phùng Thị Nhiên (") 5€. Lâm Anh Ngọc (") 20€. Đoàn Văn Thành (") 20€. Nguyễn Văn Luật & Nguyễn Thị Liên Hợp (") 20€. Trần Sĩ Thành (") 10€. Đỗ Kim Vân (") 5€. Nghiêm Xuân Hoàng (") 10€. Nguyễn Thu Hương (") 20€. Phạm Minh Nguyệt (") 20€. Đào Ngọc Bảo (") 20€. Nguyễn Văn Bấy -Kiên (Clausthal /Zellerfeld) 5€. Lưu Công Huyền (") 10€. Hoàng Hồng Hà (") 5€. Trần Đăng Ninh (") 20€. Văn Cón (Cloppenburg) 10€. Dương Chánh Quan (") 20€. Đoàn Khánh Toàn & Trần Thúy Hương (") 10€. Vũ Trọng Nguyên (") 10€. Trần Văn Tâm (Đan Mạch) 50€. Trần Thị Mỹ Phương (") 500Đkr. Trần Văn Hải (") 50€. Ấn danh (") 50€. Lê Quế Hương (Dachau) 10€. Gđ. Nguyễn Minh Hải (Delmenhorst) 40€. Nguyễn Văn Phương (") 50€. Đỗ Thị Hòa 20€. Nguyễn Văn Lâm 20€. Nguyễn Thị Thắm 10€. Nguyễn Thị Mỹ Hương 10€. Nguyễn Thị Mỹ Hồng 10€. Nguyễn Văn Há (") 1€. Phương Văn Tuyền (") 10€. Đinh Thị Nga (Dessau) 20€. Mạch Tố Trinh (Dingolfing) 20€. Nguyễn Hồng Hải 5€. Nguyễn Lệ Luân (Dissen) 10€. Hồ Kim Lang (Dortmund) 20€. Lê Thu Hà (") 30€. Vương Quan Sen (Dorsten) 15€. Nguyễn Thị Thu Hồng (Donaueschingen) 30€. Nguyễn Long Biên (Dresden) 20€. Nguyễn Thị Tính 40€. Lê Thị Giỏi 20€. Nguyễn Thanh Bình 20€. Nguyễn Hữu Ve (") 10€. Nguyễn Bích Phương (") 10€. Nguyễn Thị Nhung (") 10€. Nguyễn Thanh Hải (") 10€. Nguyễn Đức Hoàn (") 10€. Nguyễn Thị Quý (") 1€. Chu Thị Bích Vân (") 20€. Nguyễn Thị Hồng Nga (") 20€. Gđ. Trần Thị Thủy Hương (") 20€. Ceidel Ngọc Bích (") 10€. Phạm Anh Hoa (") 20€. Ấn danh (") 10€. Nguyễn Hồng Nga (") 5€. Phạm Bảo Tôn (") 5€. Nguyễn Bảo Marco Long (") 5€. Nguyễn Thị Lụa (Dreieich) 5€. Vũ Kỳ Anh (Duderstadt) 25€. Trương Công Trường (Duisburg/ Neudorf) 20€. Trương Quang Nhựt (") 10€. Mỹ Hiền Hứa (D'dorf) 20€. Lâm Thị Kim Anh (") 20€. Lê Xuân Hồng (") 20€. Ấn danh (") 50€. Đào Thị Phú (") 10€. Hứa Mỹ Hiền (") 20€. Nguyễn Thị Thân (") 100€. Nguyễn Thị Trường (") 50€. Nguyễn Thị Minh Lý (Eckernförde) 20€. Trương Mỹ Yên & Trương Mỹ Kỳ (Elchesheim-illing) 20€. Fam. Đăng Tuấn Anh (Emden) 20€. Lai Nhơn 50€. Hương (") 5€. Nguyễn Hồng An & Nguyễn Kim Yến (") 10€. Hồ Hùng & Nguyễn Thị Thanh Hương (") 20€. Linh Giang (Emlichheim) 10€. Nguyễn Thị Thu Nhân (Eichenau) 5€. Nguyễn Đức Quang & Ngô Thị Hoàng Lan (Einbeck) 10€. Nguyễn Đức Quang (") 10€. Dũng Lượm 10€. Trang Anh (") 5€. Vũ Tuấn Anh (") 10€. Lê Phương Thủy (Eisflth) 5€. Đỗ Thị Hoan (Elmshorn) 20€. Đoàn Văn Thao & Nguyễn Thị Yến (Elsterwerda) 10€. Nguyễn Bình An (Empelde) 10€. Huỳnh Thị Ngọc Thủy (Erbach) 20€. Gđ. T. Lành & bé Tina (") 20€. Trần Văn Huân (") 20€. Nguyễn Thanh Nga (Erlangen) 20€. Lê Hồng Tâm (Egeln) 10€. Bùi Văn Tài (Erfurt) 50€. Phạm Thị Khanh (") 10€. Bùi Thị Vích (") 20€. Nghiêm Trần Thương (") 5€. Lê Thị Lan Anh (") 20€. Nguyễn Thị Hương Mai (") 110€. Dương Thị Nguyệt (") 50€. Đỗ Thị Minh Hào (") 20€. Nguyễn Việt Hùng (") 50€. Lại Thị Thảo Ngọc (") 20€. Bùi Thị Thu Hà (") 30€. Nguyễn Hoàng Anh & Trần Thị Hằng (") 100€. Nguyễn Huy Toàn (") 10€. Nguyễn Ngọc Yến (") 20€. Lê Thị Tuyết + Vũ Thanh Thúy + Nguyễn Thu Huyền (") 30€. Vũ Thị Nga (") 10€. Nguyễn Văn Tuyền (") 10€. Đỗ Thị Thanh Hà (") 10€. Nguyễn Văn Nam (") 10€. Nguyễn Thị Huyền (") 10€. Đỗ Ngọc Lan (") 10€. Mai Thị Tuyền (") 10€. Nguyễn Xuân Hoàn (") 10€. Phan Lân Huy (") 10€. Đỗ Đức Chính (") 25€. Nguyễn Thủy Tuấn (Erkerode) 10€. Vũ An Hiến (Erfstatdt) 20€. Phạm Thị Oanh & Hilmar Breanski

(Eschwege) 20€. Ninh Traci Kowski (") 15€. Loi To & Nguyễn Tô Thị Mai Hương (Essen) 5€. Quách Thị Chót (") 15€. Điền Văn Phương (") 10€. HHHH Nguyễn Văn Thịnh. Thiện Hà Nguyễn Thị Thanh Hằng (") 50€. Nguyễn Thị Lan (") 10€. Kujawski Thị Nhuần (Esens) 10€. Aydan Behren 10€. Nguyễn Thị Hoa (") 10€. Nguyễn Khánh Vân (Esslingen) 10€. Ngô Ái Hoa (Flensburg) 10€. Nguyễn Thị Kim Dung 10€. Liên Tuyết Hoa (Frefeld) 5€. Trần Thị Thu Quỳnh (Frechen) 10€. Lê Văn Hoàng (Freiburg) 10€. Đinh Thị Kim Thu (") 5€. Trương Chánh (Friesoythe) 50€. Trần Xuân Hòa (Flöha) 20€. Phạm Minh Nguyệt (") 20€. Trần Văn Hùng (Frankfurt/M) 20€. Nguyễn Thị Thái Bình (") 10€. Nguyễn Ngọc Linh (") 20€. Dương Kiệt Thanh (") 5€. Dương cảnh Mỹ (") 10€. Dương cảnh Nhung (") 10€. Benbt (") 3€. Phạm Thị Hoa (Frankenberg) 10€. Nguyễn Gia Vinh (Frankental) 10€. Mạch Trước Khung (Friedrichshafen) 20€. Đỗ Anh Hùng & Đỗ Thủy Trang (Fürth) 5€. Fam. Nguyễn (Garbsen) 10€. Đoàn Trung Cường (") 5€. Phạm Xuân Thế & Nguyễn Thị Thu Hiền (") 5€. Hàn Hữu Trang & Trần Thị Anh Minh & Hàn Ngọc Hà Chi (") 10€. Lê Mạnh Hiền (") 15€. Nguyễn Minh Tuấn (") 10€. Nguyễn Minh Nguyệt (") 10€. Phạm Thị Tuất (") 10€. Trần Thanh Mai (") 10€. Nguyễn Văn Nhiệm (") 10€. Nguyễn Thị Phương (Gardelegen) 10€. Nguyễn Bích Vân (") 20€. Trần Xuân Thịnh (") 10€. Trần Mạnh Hùng (") 20€. Nguyễn Thị Thúy Hiền (") 15€. Lê Ngọc Anh (") 5€. Đặng Thị Liễu (") 10€. Đỗ Thu Hà (") 10€. Nguyễn Thị Thái Hà (") 20€. Lê Thị Mạn (Gelsenkirchen) 10€. Trần Thị Trinh (") 20€. Tịnh Ý Nguyễn Thị Tâm (") 10€. Lewy Thisakhone (") 30€. Mai Văn Cầm (Geseke) 50€. Hau Lüdtko (Gifhorn) 10€. Trần Tú Ngọc (") 20€. Hoàng Thu Hà (Gießen) 10€. Phạm Thị Mai Liên (") 20€. Trương-Nga (Glückstadt) 20€. Trương Gia Dịch (") 50€. Nguyễn Việt Hùng (Goslar) 20€. Phạm Thị Nhung (") 70€. Hà Thị Thanh Huyền (") 5€. Hoàng Thị Xuân Ngọc (Gotha) 30€. Lê Hoa To (G'Hütten) 20€. Đào Văn Tân (Göttingen) 20€. Hoàng Văn Lâm (") 20€. Võ Thị Thu Mai (") 10€. Dương Ngọc Thiện (") 15€. Thu (") 10€. Nghiêm (") 20€. Gđ. Graul, Cúc (") 30€. Thi Liêng Thăng & Vương Tiểu Bình (") 10€. Liêu Thị Tự (") 10€. Nguyễn Văn Det (") 15€. Nguyễn Thị Nhi (") 40€. Gđ. Phan Thị Hồng Lan & Nguyễn Hoàng Lương (") 20€. Trịnh Văn Chung (Greifswald) 10€. Nguyễn Thanh Hương & Vũ Thanh Tùng (Gronau) 5€. Nguyễn Quốc Thịnh (Güstraw) 20€. Au Bích Thuận (") 20€. Cao Văn Anh (") 50€. Gđ. Hoa Thành (Haldensleben) 20€. Quán Thị Kiềm (Halle/S) 10€. Hoàng Thị The (") 20€. Trần Thị Đăng (") 7€. Vũ Thị Lộc (") 10€. Lê Đức Lam, Lục Thị Ngọc Thủy, Lê Nghi Thủy Tiên (") 10€. Hoàng Thị Lai & Hoàng Thị Tuyết & Zerner Klaus (") 10€. Kim Tiến Erdmann (") 10€. Đỗ Ngọc Bảo (") 10€. Đinh Thùy Dương (") 20€. Đinh Duy Đức (") 20€. Bác Kiệt (") 5€. Phan Quang (Hagen) 20€. Lâm Thuận Hi (") 10€. Đỗ Đại (Hamburg) 20€. Phước Hoa Nguyễn (") 5€. Götz Nickel (") 10€. Cao Huy Ninh (") 20€. Nguyễn Ngọc Linh (") 10€. Hoàng Quỳnh Nguyên (") 50€. Gđ. Đào (") 20€. Mai Thị Tâm (") 10€. Lâm Đức (") 50€. Trịnh Đình Nhung (") 40€. Bùi Văn Hưng (") 20€. Biện Thị Mai (") 20€. Nguyễn Thị Ngọc Ánh 13 tuổi & Nguyễn Thị Ngọc Bích 10 tuổi (") 10€. Triệu Trung Tâm (") 30€. Gđ. họ Phạm (") 10€. Nguyễn Kiên Trinh (") 10€. Phạm Ngọc Công (") 10€. Gđ. Trần Thị Hòa & Đào Văn Tuấn & Đào Thảo Vy Michelle (") 50€. Đinh Thị Thu Hà (") 20€. Phan Ngọc Lâm (") 20€. Bùi Văn Hưng (") 20€. Büschges, Gregor (") 10€. Đỗ Đại Dương (") 20€. Trần Thị Hồng (") 10€. Nguyễn Thị Hương (") 20€. Lý Thanh Mai (") 10€. Diệu Thiện Nguyễn Thị Hiền (") 50€. Nguyễn Thị Nhân (") 20€. Lưu Kim Khánh (Hamm) 10€. Thiện Học Đỗ Thu Hà (Hammstein) 20€. Triệu Thị Thục (Hameln) 20€. Lê Hải Yến (") 10€. Gđ. Hải & Hà (") 10€. Fam. Nhung Gusler (") 10€. Đỗ Đình Công (") 10€. Gđ. Trương Quang Sơn (") 10€. Nguyễn Kim Qui (") 10€. Hào, Lê (Hanau) 20€. Dương Thị Hên (") 10€. Thuận Trang (") 20€. Ngô Mỹ Châu (Hannover) 10€. Tạ Đình Quý (") 10€. Gđ. Đặng Thanh Nhã (") 10€. Bùi Thị Hạnh & Phạm Hồng Phúc (") 20€. Thiện Phú Lê Thị Bích Lan (") 50€. Nguyễn Văn Thắng (") 50€. Phan, Lê Trung Quốc & Bá, Thị Kim Loan (") 10€. Tống Thị Kim Liên (") 10€. Lê Thị Lan (") 5€. Tô Quang Vinh (") 50€. Nguyễn Thị Hương (") 10€. Nguyễn Văn Chúc (") 5€. Nguyễn Thị Đạt (") 10€. Liên Suko, Đặng Giang Hương, Đặng Lâm Quang, Liêm Su Long, Liêm Su Linh, Trần Thị Lan, Đặng Hải Lâm & Đặng Nhật Minh (") 100€ Tuấn & Tuyết. (") 20€. Nguyễn Thị Tuyết Nhung (") 5€. Trần Thị Luyến (") 5€. Vũ Thị Bích Liên & Bùi Thị Thanh Vân (") 10€. Thu & Vũ (") 10€. Edgar Glomb (") 5€. Gđ. Đặng Künnere (") 10€. China Restaurant "Lotus Garden" (") 50€. Trần Văn Lý (") 10€. Duyệt Khanh Trần (") 20€. Trần Minh Tuấn & Mã Lệ Tuyết (") 20€. Vũ Thị Hường (") 5€. Phùng Thị Hiền (") 10€. Nguyễn Bích Thủy (") 20€. Trần Anh Tuấn (") 10€. Hoàng Thanh Liêm & Huỳnh Thị Hà Hưng (") 5€. Vũ Thị Hường (") 10€. Đinh Văn Hiền (") 10€. Vũ Minh Thoa (") 5€. Phạm & Trần (") 30€.

Helmut Hannefeld (") 5€. Ngô Gia Huy (") 5€. Gđ. Nguyễn (") 5€. Đỗ Thị Anh Minh (") 40€. Như Thân Hà Phước Nhuận (") 30€. Bùi Văn Dân (Haren) 20€. Huỳnh Thị Hoa (") 20€. Nguyễn Phúc Hùng & Nguyễn Thị Thanh Hằng (Harpstedt) 10€. Phạm Thị Thu (Helmstedt) 20€. Lê Đình Thuận + Nguyễn Thị Ánh Hồng + Lê Nguyễn Quỳnh Trang (") 10€. Fam. Siggı Brikmann & Huyền (") 5€. Nguyễn Xuân Xá (") 5€. Lưu Anh (") 25€. Gđ. Dương Chí Kiên (") 10€. Huỳnh Thị Bê (") 20€. Hoàng Ngọc San (Heilbronn) 20€. Phạm Thị Dung & Nguyễn Ngọc Thanh (Heiligenstadt) 20€. Đỗ Thị Út (") 10€. Lê Trường Sinh (Hessental) 10€. Lê Bích Hà (Hildesheim) 10€. Đinh Hùng Minh (") 10€. Zeh Thị Thoa (") 5€. Trần Hoàng Anh (") 5€. Lê Thị Kim Oanh (") 40€. Hồng Minh Kiệt (") 30€. Gđ. Nguyễn (") 10€. Trần Đức Toàn (") 10€. Đặng Văn Hiền (") 10€. Lê Thị Thọ (") 5€. Fam. Nguyễn (") 10€. Lý Tâm (") 10€. Phạm Anh Dũng (") 20€. Đinh Hùng Minh (") 5€. Vũ Chí Trung (Hildburghausen) 20€. Lê Thị Tinh (") 10€. Vũ Văn Khiên (Herne) 5€. Phạm Mỹ Hạnh (Hessisch Oldendorf) 5€. Võ Huy Chiến (Hoyerswerda) 10€. Phùng Thị Hải (Hunteburg) 20€. Trịnh Thị Thu Hằng (Husum) 20€. Nguyễn Thị Thanh Hoa (") 10€. Nguyễn Văn Thông & Nguyễn Thị Nhiên (Hòa Lan) 15€. Trần Nam Tiến (") 10€. Gđ. Hồng (") 10€. Wi & Việt (") 5€. Trần Thị Ánh Hoa (") 50€. Lương Thị Phương Dung (") 20€. Trà Mi & Thảo Mi (") 60€. Hoàng (") 100€. Dương (") 20€. Đỗ Thị Thanh Tâm (") 10€. Trương Đức Hạnh (") 10€. Trần Thị Dạ Thảo (") 10€. Diệu Trí Trần Thị Huệ (") 35€. Yang Fat Yam (Hồng Kông) 10€. Gđ. Lê Đình Hiệp (Isernhagen) 20€. Tư Sám Mệnh & Nguyễn Thị Ngọc Lan & Tư Quỳnh Anh (Iserlohn) 10€. Xú Xích Lương (Kaltenkirche) 20€. Đinh Thị Thủy & Nguyễn Văn Quảng (Kassel) 20€. Huệ Tường, Huệ Phước, Huệ Lộc (Pháp) & Huệ Kiệt, An Dũng, Thiện Bảo (Kassel) 100€. Nguyễn Văn Thanh 20€. Lưu Tiến Đức & Lưu Diệu My Maria (") 20€. Trần Thị Hoa (") 20€. Lê Quỳnh Ngọc & Lê Nguyễn Nguyệt Anh (") 10€. Trần Văn Hùng (") 25€. Nguyễn Thị Họt (") 10€. Lại Thế Hiền (") 10€. Phạm Ngọc Hùng (Koblenz) 10€. Trần Xuân Thủy (") 20€. Nguyễn Thị Lê Sâm (") 20€. Hoàng Thúy Nga (") 5€. Đồng Thế Trần Nguyệt Phương (") 20€. Trương Văn Tinh (") 10€. Fam. Zawlin (Köln) 50€. Đinh Thị Đào 10€. Điền Kim Thoa (") 10€. Hùng (") 5€. Nguyễn Đàm (") 10€. Vũ Thị Hiền (Köthen) 10€. Trần Thị Thu Hà (") 5€. Du Hue Binh (Königsheim) 20€. Quan Long Thành (Königsutter) 20€. Lương Lệ Bình (") 10€. Nguyễn Thị Ngà (Krefeld) 20€. Nguyễn Thủy Vi (") 5€. Chiếu Hoàng (") 10€. Lý Anh Kiệt & Trần Thị Viễn (Künzelsau) 20€. Trần Hùng Sơn (") 20€. Phạm Thị Ngọc hương (") 20€. Gđ. Nguyễn Trọng Thạch (Leipzig) 50€. Gđ. Hoàng Văn Cảnh (") 50€. Nguyễn Bích Thủy (") 20€. Thịnh Cẩm Vân (") 10€. Bùi Thị Minh (") 20€. Đỗ Khắc Hoa (") 10€. Phạm Thị Thuần, Phạm Thị Ngát, Nguyễn Thị Tường (Việt Nam) 40€. Hoàng Văn Thanh, Nguyễn Thị Mai, Hoàng Tuấn Anh, Hoàng Tuấn Dũng (") 20€. Dương Thị Hoa (") 10€. Nguyễn Đỗ Cường Hường (") 30€. Nguyễn Thị Hoài (") 5€. Nguyễn Văn Tăng (") 20€. Nguyễn Ngọc Mai (") 10€. Nguyễn Thị Nhung, Đỗ Kim Dục, Đỗ Kim Thành, Đỗ Nguyễn Nhân (") 20€. Thịnh Cẩm Vân (") 10€. Phạm Thị Bình (") 10€. Gđ. Phạm Thanh Bảo (") 30€. Nguyễn Quốc Hưng (") 20€. Nguyễn Thị Vân Yến (") 10€. Trần Hà (") 10€. Đặng Thị Kim Oanh (") 20€. Trương Thị Thuận (") 15€. Nông Thị Nhung (") 10€. Nguyễn Thị Lê (") 10€. Nguyễn Thị Ngọc (") 20€. Giáp T. Nguyệt Lan (") 20€. Hiền Mỹ Treichel (") 30€. Nguyễn Thu Hà (") 40€. Nguyễn Thị Nhâm (") 15€. Lê Thị Thanh Hà (") 10€. Fam. Hùng Huệ (") 10€. Nguyễn Thị Mai (") 5€. Trần Minh Đức (") 30€. Fam. Trường Thanh (") 20€. Phạm Thị Yến (") 20€. Trần Thị Thủy Hằng (") 10€. Nguyễn Thị Mai (") 5€. Nguyễn Thị Ngọc Thúy (") 50€. Lê Anh Sơn (") 20€. Nguyễn Thị Hiền (") 30€. Nguyễn Hương Giang (") 30€. Đỗ Tiến Dũng & Lê Thị Thu (") 20€. Nguyễn Văn Sinh & Trần Thị Yến (") 20€. Đào Thị Hương (") 10€. Nguyễn Văn Tôn (") 10€. Trần Thị Huyền (") 10€. Nguyễn Thị Thanh (") 10€. Nguyễn Thị Hiền (") 20€. Nguyễn Thị Nga (") 10€. Kim Bùi Hải (") 10€. Tăng Quốc Cơ (Laatzten) 50€. Phạm Văn Thọ (") 10€. Chung Thái Nhac (") 10€. Huỳnh Thị Thu Hiền (") 5€. Lê Thị Bích Thủy (Landgraf) 50€. Thị Hậu & Khanh & Thu Hương (Langenhagen) 10€. Hùng Mai (") 10€. Fam. Thang (") 10€. Trần Thị Liên (Langeorg) 10€. Nguyễn Văn Quang (Lauenburg) 10€. Hoàng Kim Tuấn (Lehrte) 10€. Đặng Thị Thanh (") 10€. Gđ. Phan Thanh Hai & Đoàn Bích Ngọc (") 5€. Thiều Văn Mười (") 5€. Nguyễn Đình Thắng (") 10€. Trịnh Ngọc Bích (") 10€. Khổng Thị Thủy Mai -Klein Mai (Limbach) 40€. Nguyễn Thị Thanh Van (") 20€. Phan Thị Thu Cúc (Lindenberg/ Bodensee) 10€. Đào Văn Đức (Löbau) 20€. Phạm Thị Hồng Hạnh (") 20€. Đặng Ánh Tuyết & Đào Văn Đức (") 50€. Hồng Chương Kim (Löningen) 20€. Du Tấn Tùng (Lörrach) 20€. Lê Minh Hồng (Ludwigshafen) 20€. Diệu Yến Nguyễn Lệ Xuân (") 20€. Khuu Mỹ Yên (") 20€. Nguyễn Thị Hôn (Lübben) 20€. Nguyễn Anh Dũng (Lünen) 25€. Lý Muối

(Lüneburg) 5€. Phùng Quang (") 10€. Nguyễn Ngọc Chung (Löning) 10€. Hà Thị Hồng (Lüchow) 20€. Trần Tiến Siêu (") 20€. Gđ. Đức & Công (Lützelbach) 20€. Gđ. Trần Văn Mùi & Mai Thị Nhâm (Magdeburg) 20€. Trần Thị Thanh Huyền (") 20€. Trần Thị Thanh Hương (") 20€. Dương Thị Thảo & Nguyễn Việt Hùng (") 5€. Nguyễn Thị Ánh Tuyết (") 20€. Đỗ Anh Minh (") 10€. Nguyễn Thị Sói (") 30€. Nguyễn Phương Nga (") 10€. Đỗ Hùng Văn (") 10€. Nguyễn Ngọc Hải (") 10€. Vũ Thị Tuyết Mai (") 10€. Nguyễn Thuyết Minh (") 10€. Trần Thị Yến (") 10€. Tống Thị Thu Huyền (") 10€. Ngô Thị Nguyên (") 20€. Hán Minh Thắng (Malchim) 20€. Thiên Vân (Mainz) 20€. Nguyễn Hiệp (Mannheim) 10€. Trần (") 20€. Nguyễn Quốc Nam (") 10€. Vũ Minh Châu (Marburg) 50€. Hoàng Thị Thủy (") 25€. Hải Năng (Meckelfeld) 10€. Huỳnh Tịnh & Phạm Liên (") 10€. Nguyễn Việt Hùng & Nguyễn Thị Thanh Hương (Melle) 30€. Phạm Thị Thanh Huyền (") 5€. Huỳnh Anh Kiệt (Meppen) 20€. Bùi Thị Ngọc Lan (Meseburg) 10€. Lê Thị Thuộc (") 10€. Lê Chí Tôn, Lê Đức Quang, Trần Thị Hồng và Nguyễn Bảo Tuấn Anh (") 5€. Bùi Thị Hoa (") 10€. Bùi Thị Vân (") 10€. Nguyễn Thị Dung (") 50€. Gđ. Nguyễn Đức Hào (Mettingen) 50€. Quách Huệ Linh (Minden) 20€. Phan Mỹ Lệ & Nguyễn Quốc Phong (M'Gladbach) 10€. Nguyễn Xuân Thị Mỹ Hân (") 10€. Lê Việt Hai (Moringen) 10€. Nguyễn Thị Ly (Mühlhausen) 10€. Vũ Thị Phương (") 5€. Ngô Quang Đức (") 10€. Đinh Thị Lý (München) 20€. Phạm Văn Hùng (") 30€. Phạm Hồng Thanh (") 20€. Nguyễn Thị Thanh Thúy (") 5€. Lưu Thị Hằng (") 2€. Nguyễn Thị Ninh (") 20€. Lưu Thị Thu Huyền (") 5€. Phạm Thị Huyền Trang (") 5€. Nguyễn Thị Thanh Hương & Phạm Tiến Dũng (") 25€. Sinh & Châu 10€. Gđ. Tạ Quang Vinh & Vũ Phương Lan (") 20€. Nguyễn Phương Linh (") 10€. Gđ. Ngô Thị Khi (") 30€. Nguyễn Mikchel & Phùng Thị (") 70€. Thành & Nguyễn 10€. Bạch Thị Xuân Thu (") 20€. Ân danh (") 20€. Phạm Lâm Thao (") 20€. Danh (") 2€. Ân danh (") 10€. Nguyễn Xuân Hương (") 10€. Minh Kiến (") 10€. Nguyễn Thị Thu (Münster) 30€. Nguyễn Chương (") 20€. Cao Doan Minh (") 10€. Trương Vĩnh Khương (") 20€. Fam. Mã (") 20€. Nguyễn Triệu Tiên (Nienburg) 10€. Vũ Thanh Xuân (") 10€. Bùi Thị Nguyễn (Neuruppin) 20€. Liên & Nguyễn 10€. Tan Ngọc Nga (Neumünster) 40€. Ngô Kim Liên (") 50€. Daniel Maier (Neu-Ulm) 10€. Đinh Xuân Long (Neumark) 30€. Phạm Lương Khanh (Neuss) 15€. Thanh Tùng & Thu Hiền (Neuwied) 20€. Fam. Nguyễn Frevert (Norden) 10€. La Quốc Dũng (Nordhorn) 10€. La Tỷ (") 20€. Lưu Giỏi (") 10€. Nguyễn Thị Thúy Hồng (") 5€. Nguyễn Trần (") 20€. Bùi Xuân Tiến (Norderstedt) 20€. Sandra Seidel (Nürnberg) 10€. Trần Thị Nga (") 20,10€. Nguyễn Ngọc Thang (") 50€. Mai Phương & Tuấn Đức (") 50€. Đặng Phúc Tiên (") 10€. Trâm Thuận Đạt (") 10€. Huỳnh Hoàng Văn (") 50€. Nguyễn Văn Thắng (Obersdorf) 20€. Chong Minh Chi (Oberhausen) 10€. Chong Tan Khoan (") 10€. Dung, Ngu Mai (") 10€. Ting-A Pat (") 20€. Dương Cảnh Hồng (") 10€. Vũ Thị Ngân (Oberkirchen) 20€. Gđ. Ngô Chung Sơn (Oldenburg) 20€. Đông & Linh (") 5€. Trần Thị Mến (Osnabrück) 10€. Đỗ Công Minh (") 50€. Nguyễn Thị Thanh Bình (") 10€. Đỗ Công Minh (") 20€. Gđ. Trần Ngọc Hưng (") 5€. Trần Duy Co (") 25€. Nguyễn Xuân Thịnh (Pháp) 2€. Tô Thị Mai (") 80€. Diệu Chính Nguyễn Thị Ngọc Chi (") 20€. Lê Michelle (") 20€. Hồ Thị Mai (") 15€. Nguyễn Thị Mạnh Hà (") 10€. Hà Văn Kiến (Phân Lan) 20€. Lâm Thúc Anh (") 20€. Mai Thị Thu Vân (Paderborn) 20€. Sầm Tô Hà (") 10€. Kim Thanh Lê (") 20€. Gđ. Nguyễn Văn Phong (") 50€. Sam Thu Hà (") 20€. Châu Thị Thanh (") 10€. Trần Quốc Thành (") 20€. Nguyễn Thái Bạch Hồng (Pecke) 10€. Đặng Thị Gái (Peine) 5€. Hoàng Xuân Bốn (") 10€. Phạm Văn Đam (Pinneberg) 50€. Châu Thanh Long (Pflakofen) 20€. Ngô Thị Thanh Bình (Plauen) 20€. Phạm Văn Khanh (Pforzheim) 10€. Hoàng Thị Hiền (Potsdam) 10€. Phạm Ngọc Hoàng (") 30€. Mai Thị Nhân (Preetz) 5€. Phan Tú Anh (Proseken) 5€. Vũ Minh Thông (Löning) 20€. Diệu Minh, Mỹ Hồng, Minh Đức, Trâm, Kiều Mi 60€. Phạm Minh Thiện + Phạm Thị Mai 15€. Đoàn Phương Linh 20€. Gđ. Lê Trọng Cường (Bad Arolsen) 20€. Trần Thị Kim Thao 10€. Ngụy Hứa Thu Ngọc 10€. Phạm Xuân On 10€. Trần Thị Kim Chao 10€. Nguyễn Thị Ngạn 10€. Đỗ Thị Thanh Hà 10€. Trần Văn On 10€. Nguyễn Thị Hồng Diệp 10€. Phương Dung Heise (Braunlage) 10€. Vũ Thái Hiệp 10€. Gđ. Cấn Oanh & Đức Hương 10€. Vũ Chí Hồng 10€. Nguyễn Chương Mỹ 5€. Gđ. Bé Nhật Long & Trần Thị Thúy Hằng (Brinkum) 20€. Gđ. Nguyễn Đăng Hải (") 10€. Nguyễn Cao Thang 25€. Ân danh 10€. Lý Thanh Hương (Pforzheim) 20€. Trần Thành (") 20€. Đặng Thị Ngọc Minh 10€. Lê Ngọc Hải 10€. Trần Thị Xuân Hồng 5€. Gđ. Vũ Tiến Long (Markranstädt) 5€. Trần Anh Quyết 10€. Ân danh 10€. Phùng Quang Tho 5€. Thái Thuần Dũng (Waltershausen) 10€. Trần Thị Kim Bích 50€. Hồ Thọ Mai (Gera) 20€. Ân danh 5€. Nguyễn Tuấn Dũng (Bühl) 30€. Nguyễn Hồng Quý 30€. Lê Đức An 5€. Đỗ Thị

Dung 5€. Dương Thanh Hải (Bad Schmiedeberg) 10€. Vũ Bích Liên 10€. Nguyễn Thị Hồng 5€. Nguyễn Thị Hợ (Zenburg) 10€. Phan Thị Lý (Werdau) 50€. Lê Thị Thu Hải (Bamberg) 10€. Nguyễn Thị Nhâm 10€. Ngô Thị Thanh 20€. Bùi Thanh Sơn 5€. Nguyễn Tuấn Ngọc (Handelfingen) 20€. Nguyễn Ngọc Tân 50€. Trần Nguyệt Linh (Bautzen) 10€. Khanh (Norden) 20€. Đinh Thị Kim Cúc (") 5€. Trần Thị Trường An (Ingolstadt) 5€. Trần Đăng Quang (") 5€. Nguyễn Thị Ánh Tuyết (") 10€. Lại Thị Minh Châu 10€. Thuy Nhu Le 15€. Gđ. Lê Văn Quan & Phạm Thị Ngọc Dung (Wriezen) 50€. Gđ. Võ Trần Cương & Lê Bích Hiền 20€. Nguyễn Thị Vân (Wittenberg) 20€. Trần Minh Hà (Gardelegen) 5€. Lê Hoàng Yến (") 10€. Lê Đắc Quỳnh (Stuhr) 15€. Nguyễn Thị Nga (Leipzig) 20€. Lê Thị Luận (Wilthen) 10€. Nguyễn Thị Thao (Leipzig) 10€. Nguyễn Thị Ngọc (") 10€. Trần Thị Kim Liên 10€. Nguyễn Thị Thiện (Brandenburg) 10€. Nguyễn Cam Lai (Gera) 20€. Vũ Thị Loan (Schwerin) 20€. Nguyễn Thị Liên 10€. Lương Thị Xuyên 5€. Trần Thị Hạnh (Grimmitzchau) 10€. Vũ Thị Thu Hiền (Zwickau) 20€. Trần Quốc Uy (") 5€. Nguyễn Thu Hiền & Đoàn Công Thịnh (Chemnitz) 10€. Trần Quang Tuyên, Nguyễn Thị Kim Oanh, Lý Thái Vân, Trần Phi Hồng và Trần Huyền Đức 30€. Nguyễn Thị Vinh 2€. Hoàng Ngọc Ánh (Wetzlar) 10€. Đỗ Thị Nga Thu (Giessen) 20€. Gđ. Nguyễn Công Minh & Nguyễn Thị Hải Yến 20€. Ngô Thị Hương (Obermaßfeld -Grimm) 20€. Bùi Thị Thơm (Redebeul) 20€. Lê Quang Minh 10€. Phạm Hữu Chương 10€. Bùi Thị Thơm 10€. Trần Bình Hòa (Bergen) 20€. Phạm Thị Lanh 10€. Nguyễn Thị Đăng 10€. Nguyễn Thị Thúy Oanh 10€. Phạm Thị Khanh 10€. Trần Thị Nu (Wernau) 5€. Nguyễn Thị Hiền 30€. Phùng Thị Kim Dung 30€. Nguyễn Thị Hoa 10€. Nguyễn Thị Bích Thủy 10€. Phạm Văn Thong 30€. Nguyễn Thị Tân (Ritenburg) 10€. Đỗ Văn Lăng 20€. Nguyễn Kiều Van 20€. My Tuyết & Khuu Tran 20€. Phạm Thị Phiên 10€. Đỗ Văn Tuấn & Nguyễn Thị Tân (Werdau) 20€. Nguyễn Thị Thu 10€. Nguyễn Hữu Thông (Bad Langen) 50€. Phạm Thị Tiếp 10€. Safeta Mehmetaj (Quickbor) 10€. Vũ Thị Mai Anh (Dresden) 10€. Nguyễn Thị Hằng Nga (") 20€. Lê Đức An (Schwarzenberg) 5€. Nguyễn Quốc Trọng (Leipzig) 10€. Nguyễn Thị Phương Dung (") 10€. Đỗ Khánh Thu 50€. Nguyễn Thị Liên (Schmalhalden) 10€. Nguyễn Thị Liên (Schwerdt/Oder) 40€. Phạm Quang Thịnh (Hòa Lan) 10€. Đặng Giảng Hương 10€. Lương Hồng Long 60€. Phạm Phương Nga 20€. Dương Luyện Trang 50€. Đỗ Thị Hòa 10€. Vương Thị Thu Hương 10€. Hà Thanh, Việt, Hải 20€. Nguyễn Thị Thanh Tân 5€. Mai Văn Tú 10€. Nguyễn Thị Kim Loan (Bamberg) 10€. Nguyễn Văn Hùng (Salzgitter) 20€. Gđ. Trần Thị Dung 20€. Hồ Phước Hải & Nguyễn Thị Hải 20€. Nguyễn Tất Viên (Burg) 10€. Trần Thị Nu (Wernau) 5€. Lê Thị Thanh Hồng (Cuxhaven) 20€. Trần Thị Ngọc Lan 5€. Nguyễn Thị Tong 10€. Đặng Thị Chinh (Diepholz) 50€. Phạm Văn Văn (Northeim) 10€. Nguyễn Thị Hoài Nam (") 50€. Phạm Mạnh Hùng (Plauen) 20€. Trần Thị Kim Liên (") 10€. Vũ Thị Teo 10€. Trần Ngọc Lan 10€. Hoàng Văn Tuấn (") 10€. Nguyễn Thị Bích Liên (Stollberg) 40€. Nguyễn Hoàng Hiếu 20€. Nguyễn Văn Lân 10€. Nguyễn Thị Hằng (Höchstädt) 10€. Kaussmanngra Khánh Mario (Berlin) 20€. Đàm Thị Lan Hương (") 20€. Nguyễn Huy Hoàng (") 50€. Vũ Tuấn Anh 20€. Đặng Việt Hoàn (Chemnitz) 100€. Nguyễn Thị Phương (") 10€. Trần Thị Ngọc Lan 5€. Võ Huy Cường (Salzwedel) 10€. Hoàng Thị Lan 10€. Gđ. Vũ Thị Điệp & Đinh Ngọc Toàn (Reichenbach) 20€. Đào Văn Hưng 10€. Vũ Thị Duyên 20€. Nguyễn Thị Thúy 10€. Nguyễn Thị Huyền 10€. Gđ. Hoàng Thị Việt, Nguyễn Thanh Hương, Nguyễn Văn Bí (Berlin) 10€. Lê Văn Khương 10€. Hoàng Thế Dân 20€. Nguyễn Thị Hoa 10€. Đỗ Minh Huệ (Leipzig) 10€. Gđ. Dương Thị Minh Loan & Vũ Xuân Quang (Rostock) 50€. Robst Thị Vân (München) 10€. Phạm Thị Thảo (Delitzsch) 5€. Nguyễn Thị Thanh (Dresden) 20€. Đức Huệ Vũ Thị Dấu 20€. Lê Gia Nam 10€. Phương Tu 30€. Nguyễn Trần (Bielefeld) 15€. Khong Thị Thu Nga 40€. Nguyễn Đức Thang 30€. Nguyễn Công Phú (Aurich) 10€. Ân danh 2€. Đoàn Bảo Thái 20€. Nguyễn 2€. Vũ Thị Hồng Minh (Wilkau Haßloch) 20€. Nguyễn Thị Hoài 20€. Bùi Thị Tuyết Mai 5€. Đỗ Thị Trần Lan 10€. Phạm Quốc Tân & Lương Thị Lưu 5€. Ân danh 20€. Gđ. Bùi Mạnh Cường & Đỗ Thị Quyên 5€. Nguyễn Tuấn Phương (Sondershausen) 30€. Lê Thị Yến (Berlin) 20€. Vũ Văn Điều 10€. Gđ. Trương Quảng Phú (Giffhorn) 10€. Ân danh 10€. Bùi Nguyên Hưng (Stuhr) 10€. Nguyễn Sỹ Vinh (München) 5€. Nguyễn Hoài Điệp (Hameln) 10€. Nguyễn Thị Hải Yến 10€. Lê Hoàng Yến (Gardelegen) 10€. Phùng Văn Sơn 10€. Lương Văn Hoàng Hoa 10€. Nguyễn Thị Nga 5€. Nguyễn Thị Hùng 5€. Bùi Thị Hạnh 20€. Trịnh Quang Hùng (Husum) 20€. Nguyễn Thanh Tâm (Dahlen) 10€. Fam. Lâm & Phạm 5€. Đỗ Thị Kim Oanh (Flöha) 10€. Hà Tiến Vạn 20€. Trần Mạnh Hùng (Fürstenwalde) 40€. Thiện Trang 15€. Đặng Thị Thanh Xuân 15€. Lê Văn Thời (ötigheim) 50€ HHHL Trương

Minh Tâm. Nguyễn Đức Được 10€. Gđ. Trần Minh Châu & Vũ Thanh Hằng (Göttingen) 20€. Mai Thị Lê 10€. Phạm Mạnh Hoàn 20€. Nguyễn Thị Thanh Mơ 20€. Nguyễn Thị Hoài 5€. Phạm Thị Anh Hồng 10€. Phạm Thị Hoa 10€. Hà Thị Liên Dung (Radebeul) 5€. Nguyễn Thủy Nga 20€. Ninh Traci Kowski - Eschwegl 15€. Nguyễn Trung Dũng 5€. Phạm Ngọc Dinh 10€. Nguyễn Thị Luyến (Köthen) 10€. Gđ. Lê Văn Sơn & Vũ Thị Kim Thoa 20€. Nguyễn Thị Thanh (Herzberg am Harz) 20€. Nguyễn Dương Hưng (") 20€. Hoàng Hải Yến (Schweinfurt) 5€. Bùi Thị Dung 20€. Phạm Văn Tuấn (Speyer) 0,40€. Mai Hồng Tuấn 30€. Jaritz Ha 20€. Nguyễn Thị Nga (Bürtedt) 20€. Phạm Thị Sinh & Trương Văn Hùng 10€. Diệu Thoa (My Ly Video) 20€. Liễu Thị Ngô (Anh) 10€. Minh Lục (") 15€. Anh kim. Ban Mai (Rastede) 10€. Gđ. Nguyễn Văn Chấn (Recklinghausen) 10€. Nguyễn Thị Quý (") 10€. Lê Thị Nhân (Regensburg) 10€. Huỳnh Linh Duy (") 10€. Nguyễn Thị Hòa (") 10€. Gđ. Trịnh Quốc Chính (") 30€. Huỳnh Thị Minh Phương (") 20€. Nguyễn Minh Phương (") 10€. Trần Văn Tuyển (") 10€. Đỗ Văn Tâm (Reichenbach) 10€. Trần Xuân Lan (") 10€. Vũ Thị Điệp (") 5€. Đào Thị Hồng Thơm (Reilzheim) 5€. Huỳnh Lê Thủy (Remscheid) 5€. Kim Tang (Reppenstedt) 10€. Fam. Hồng, Beo 10€ HHHH Trương Lê Quốc Chính. Nguyễn Thị Hoa (Rheine) 20€. Lê Văn Hoàng (Rodgau) 20€. Thị Lương Nguyễn Trâm (") 10€. Nguyễn Thị Kim Thanh (Ronnenberg) 20€. Đỗ Thị Kim Oanh (Rostock) 10€. Trần Thị Xuân (") 10€. Lê Anh Quốc (") 50€. Nguyễn Duy Long (") 20€. Phạm Văn Hùng (Rosslau) 10€. Đặng Văn Thịnh (Rötha) 20€. Trần Văn Quang (") 15€. Gđ. Phạm Thị Mai Sao (") 10€. Gđ. Minh Điệp (Rülzheim) 20€. Nguyễn Văn Thu (") 5€. Lý Kiến Cường (Saarbrücken) 20€. Trịnh Hy (") 25€. Thomas (") 10€. Phan Thế Mỹ (Schrozberg) 20€. Trần Viết Toàn (Spelle) 20€. Nguyễn Thị Sơn (Rüsselsheim) 10€. Phan (Salzgitter) 10€. Nguyễn Thị Liên (") 5€. Nguyễn Thị Tâm (") 20€. Hà Ngọc Thịnh (Sande) 20€. Nguyễn Thị Bích Ngọc (Sandberg) 10€. Trần Thị Huyền (Sangerhausen) 30€. Trần Thị Xuyên (") 30€. Trần Anh Dũng (") 10€. Lê Thị Sen (") 10€. Trần Đức Minh (") 10€. Vũ Như Tâm (") 20€. Nguyễn Hồng Ngọc (Saarbrücken) 5€. Gđ. Vũ Thị Tuyết (Schorndorf) 50€. Trần Thị Thu (Sondershausen) 10€. Đỗ Bằng Sỹ (Seelze) 10€. Nguyễn Trọng Công (Seevetal) 14€. Gđ. Lâm Chánh Văn & Ngũ Ngành (") 5€. Bà Lý Át (") 5€. Nguyễn Văn Hoàng (Schwáb-Hall) 30€. Lý Thị Kim Hoàng (Schönebeck) 20€. Mai Thị Liên (") 10€. Quang & Vinh (") 10€. Werner Jimscher (") 10€. Lê Thị Ngọc (") 10€. Nguyễn Thủy Nghĩa (Schleusingen) 10€. Nguyễn Tú Anh (Schlitz) 5€. Nguyễn Minh Tường (Schlütern) 20€. Vũ Văn Phú (Schwetzigen) 10€. Nguyễn Đức Trà (Schöntal) 20€. Nguyễn Thị Tú (Sindelfingen) 20€. Gđ. Phạm Thị Thanh Xuân (Schwerin) 20€. Ngô Bích Hợp (") 20€. Gđ. Trần Văn Hạnh + Trần Trương Mộc Quế Anh + Trương Thị Bình (") 20€. Nguyễn Thị Thanh Hương (") 10€. Nguyễn Thị Hải (") 10€. Hoàng Thị Hạnh (") 25€. Đậu Thị Thủy (Soest) 10€. Nguyễn Việt Đức (Sonneberg) 20€. Nguyễn Thị Phương (") 5€. Nguyễn Việt Trung (") 10€. Gđ. ĐH Trần Hải Hòa (Spaichingen) 50€. Mai Ngọc Yên (Spremburg) 10€. Đỗ Thị Dung (Stassfurt) 5€. Phan Thị Hằng (") 20€. Đỗ Thị Gái (") 20€. Nguyễn Minh Nguyệt (Stelle) 10€. Gđ. Nguyễn Phương Anh & Hải & Tùng (Steinfurth) 20€. Fam. Vũ Xuân Phong (Stuttgart) 20€. Nguyễn Thị Nam Dương (") 20€. Huỳnh Vĩnh Phát (") 20€. Lâm Đức Toàn (") 5€. Phạm Trung Hà (") 10€. Nguyễn Kim Yến (Stockach) 20€. Hoàng Hoài Thu (Stolberg) 5€. Lục Tạ Tuấn (Straßburg) 10€. Gđ. Quế Gérard & Nguyễn Thị Xuân Hiếu (Genève/Suisse) 100€. Quảng Thiện Nguyễn Trọng Bình (Suisse) 10€. Võ Văn Thắng (") 50€. Trầm Kim Lai (Sweden) 200Kr. Năng Kim Liêu (") 100Kr. Peter Hà (Taufkirchen) 15€. Hoàng Thị Thu Lan (Teterow) 5€. Fam. Nguyễn (") 25€. Vũ Thanh Tùng (Trier) 50€. Phan Thị Bào (") 10€. Vũ Thanh Nga (") 50€. Đào Thị Chúc (") 20€. Gđ. Nguyễn Văn Đồng (Thale) 10€. Nguyễn Đắc Nghiệp & Nguyễn Thị Bình (Thale) 50€. Phạm Văn Bái & Nguyễn Thị Oanh (") 20€. Nguyễn Hoàng An (") 5€. Vũ Thị Kim Xuân (Themar) 20€. Nguyễn Việt An 10€. Kim Thị Chúc 20€. Nguyễn Thị Hồng Mai (Hattingen) 50€. Gđ. Dương Quý Nam 5€. Lê Trung Dũng & Trần Minh Tuấn (Bad Wilsnach) 20€. Lê Văn Dong (Leinefeld) 10€. Lê Quang Phán (") 10€. Kiều Thị Bích Hợp (Osterode) 10€. Vũ Thị Diễm Hương 10€. Thái Ngọc 5€. Nguyễn Quý Yên 20€. Bùi Thanh Sơn (Sittensen) 5€. Vũ Thị Chung 10€. Nguyễn Thị Huyền (Troisdorf) 30€. Gđ. Phan Thị Thủy Phương (") 10€. Lê Thị Xuân Thủy (Treuenbrietzen) 10€. Nguyễn Thị Thu (Vahren) 10€. Hoa Thị Trần Pahlke (Vechta) 10€. Nguyễn Khải Thủy 5€. Nguyễn Thị Khương 1€. Vũ Thị Oanh (") 10€. Đỗ Thị Nhân (") 3,50€. Tống Thị Năm (") 50€. Lê Quang Định (") 15€. Phạm Thị Ngọc Châu (") 10€. Trịnh Văn Tuấn (") 20€. Gđ. Nguyễn David (") 30€. An Bannach (") 20€. Trịnh Thị Ánh (") 10€. Thạch Thị Kim Loan (") 20€. Lý An Toàn (") 20€. Nguyễn Văn Cảnh

(") 5€. Nguyễn Thị Hoa (") 10€. Gđ. Minh & Linh (") 10€. Huyền (Verrau) 5€. Võ Thành Nghĩa (Viersen) 20€. Nguyễn Tiến Đạt & Nguyễn Đức Thắng (Việt Nam) 5€. Đỗ Văn Toàn & Lưu Thị Cừu (Hải Phòng VN) 10€. Nguyễn Thị Tuyết Nhung (Bắc Giang VN) 10€. Đào Minh Tú (Bắc Ninh VN) 10€. Nguyễn Thị Mộng Trang (Đà Nẵng VN) 10€. Phạm Văn Anh (Hải Phòng VN) 10€. Nguyễn Văn Nhi & Lê Thị Tám (Cà Mau/VN) 10€. Phạm Thị Văn Hương & Phạm Văn Biểu (") 10€. Thu Văn (Wallendorf) 5€. Nguyễn Hồng Len (") 20€. Nguyễn Thị Nga (Wangen - Bodensee) 20€. Thích Nữ Phúc Bồn (Waterloo) 50€. Lu Thu Mai (Warzburg) 25€. Tăng Kai Ming (Wedemark) 100€. Tạ Ngọc Hoa (Wedel) 50€. Lê Thị Thu Oanh (Weingarten) 10€. Nguyễn Thị Thu Hương (Weißbach) 10€. Phạm Thị Thu Hà (Weissenfeld) 30€. Nguyễn Thị Thu Hiền (") 20€. Lê Thị Kim Cúc (Weissenfels) 5€. Nguyễn Mai Hương (Werdau) 10€. Nguyễn Thị Quỳnh Vân (") 10€. Nguyễn Thị Lam (") 10€. Khuất Thị Long (") 5€. Nguyễn Thị Mai Hương (") 10€. Nguyễn Xuân Bái (Wernigerode) 10€. Bùi Văn Khai (") 20€. Huỳnh Thị Tuyết (") 10€. Lê Công Viên (") 70€. Mai Thu Hương (") 5€. Hoàng Thị Hồng Vân (") 5€. Cường Hà Việt (") 25€. Bùi Thị Kim Thoa (Wildeshausen) 5€. Nguyễn Thị Lan (") 10€. Nguyễn Thị Phương (") 20€. Nguyễn Đường Minh (") 20€. Long Thu Toàn (WHV) 10€. Đinh Thị Hà (Winsen/Luhe) 5€. Nguyễn Ngọc Mạnh (") 30€. Lê Thị Phương Hoàng (") 10€. Hứa Thị Thanh Mai 20€. Nguyễn Hải Yến (") 10€. Nguyễn Việt Đức 20€. Fam. Đặng Quang Toàn & Ngô Thị Hương (Wolfsburg) 20€. Nguyễn Minh Phương & Nguyễn Thị Thái (") 20€. Nguyễn Thị Thái (") 5€. Lan Phương Delarber (") 10€. Đỗ Huy Quý (") 20€. Phan Đình Thích (") 10€. Thân Thị Thơm (Wolfenbüttel) 5€. Thân Thị Bích Ngọc (") 10€. Nguyễn Thị Mỹ (Wiesbaden) 20€. Trịnh Thị Tuổi (") 20€. Võ Thị My (") 20€. Lê Thị Nam (") 20€. Đặng Thị Thu Sum (") 15€. Đặng Thị Thu Thủy (") 10€. Nguyễn Thị Lành (") 10€. Hồ Rach Ten (") 10€. Jens Ihring (") 20€. Tuấn (") 10€. Bùi Quang Thủy (Wismar) 10€. Trần Thị, Lợi Ba (") 5€. Hoàng Thị Bích Trang (") 40€. Lê Thị Cẩm Vân (") 20€. Trần Đăng Mạnh (") 20€. Veit, Bayer 5€. Lê Thị Dân (Wittingen) 20€. Luu Friedrichs Minh Châu (Wentorf) 10€. Bùi Thị Quang (Wörth) 20€. Đỗ Thị Loan & Trần Văn Đức (Wuppertal) 20€. Đặng Gia Thân (") 10€. Trần Thị Ngọc Trinh (") 10€. Phạm Bích Ngọc (") 10€. Phạm Lan Anh (") 30€. Wernke, Sven (") 2€. Fam. Nguyễn Như Hải (Uder) 10€. Lê Hồng Lương (Ulm) 20€. Trần Khải Đức (") 25€. Hồng (Unna) 20€. Lưu Thị Quân (") 5€. Phạm Thanh Lưu (") 10€. Phạm Tấn Phong (") 10€. Nguyễn Hồng Nhung (Uslar) 10€. Gđ. Dương & Bích (") 10€. Diệu Ngọc (Florida/USA) 100US. Trần Thị Minh Huệ (Zella Mehlis) 10€. Ngô Thị Nguyệt & Wolfgang Zeuner (Zwickau) 20€. Đỗ Văn An (") 5€. Ngô Thị Lan (") 20€. Phan Thị Thanh Thủy (") 20€. Lê Thị Bích Hương (") 50€. Nguyễn Duy Thuận & Chu Thị Phương (") 40€. La Thị Mai Loan (") 10€. Lê Thị Mai (") 5€. Trần Thị Ngọc Thanh (Y) 20€. Đỗ Thị Mai Tuyển 10€. Lê Thị Thoa 30€. Trần Thị Thủy Hạnh (Isernhagen) 10€. Thiệu Châu Vũ Đình Quang 20€. Nguyễn Thị Đan 25€. Vũ Quốc Tín 30€. Cù Xi Hùng 10€. Đặng Quan Chính & Đào Bích Lan 10€. Đoàn Thị Lịch 10€. Peter Rosne 5€. Lê Đức Quang 10€. Tu Dung De 50€. Nguyễn Thị Yến 50€. Phạm Lê Thu 20€. Phạm Đình Hải 5€. Ha Thị 200€. Điệp Từ 20€. Nguyễn Thị Bê 5€. Lai Văn Mai 20€. Gđ. Cao Sỹ Minh & Ngô Thị Thanh Phương (") 20€. Thái Muối 20€. Gđ. Nguyễn Khuyến & Trần Thị Kim Hương 40€. Trần Thị Quyên 10€. Bùi Thị Dung 10€. Trần Bắc Sơn 20€. Lân Köllener 10€. Bùi Thị Nguyệt 5€. Đoàn Thị Lai 5€. Đồng Vị Trần Thị Mai Hương 50€. Nguyễn Thị Bích Thủy 20€. Dương Thị Hồng Dự 10€. Huyền Đạo 50€. Nguyễn Bá Thuận 10€. Nguyễn Mạnh Thuận 4€. Lê Thị Nguyên 5€. Hán Minh Thắng 5€. Nguyễn Thị Kim Loan 10€. Ngô Thị Giang 5€. Trần Công Hoa 5€. Nguyễn Thị Hồng Kỳ 10€. Ngô Thị Nhiều 25€. Đặng Thị Mỹ Hạnh 5€. Nguyễn Thôn Hiền 10€. Tạ Mai Phương 5€. Đoàn Thoại Uyên 5€. Phu Thị Bào 100€. Vũ Thị Tuyết Mai 10€. Vũ Thị Lan Anh 5€. Đỗ Thanh Hồng 10€. Nguyễn Hùng Dương 5€. Huỳnh Dinh 20€. Gđ. Bảo Ngọc, Hồng Linh, Hà Mi & Phương Thảo 10€. Nhóm Hellomys 5€. Hà Ngũ 20€. Đàm Thị Cúc & Lê Thị Thu Hương 10€. Đào Đức Nghĩa 10€. Gđ. Mai Quốc Hùng & Nguyễn Thị Đàm 20€. Diệu Thanh 5€. Phạm Đức Dũng 10€. Trần Thị Vân 20€. Gđ. Nguyễn & Phạm 20€. Đỗ Thị Hương 10€. Trần Thu Hằng 10€. Nguyễn Ngọc Tàu 50€. Tống Thị Nguyệt 20€. Lê Việt Anh 20€. Ngô Sĩ Hiền & Lê Trầm Thúy Tiên 20€. Nguyễn Hồng Điệp 20€. Ngô Thị Mai Huệ 20€. Trương Thị Bích Thang 5€. Nguyễn Văn Quân 10€. Giang Phụng Anh 20€. Gđ. Diệu Nguyệt Trịnh Thu Hà 20€. Trần Bắc Sơn 10€. Nguyễn Thị Mai, Phạm Thanh Hương, Nguyễn Kim Dương & Nguyễn Kim Kai 10€. Schulte Yen 20€. Trần Thị Kim Hân 10€. Võ Thu Hà 20€. Ngô Thị Hiền 10€. Nguyễn Thị Hải Hà 5€. Diệu Hà Giang Ái & Diệu Châu Nguyễn Ngọc Linh 25€. Nguyễn Thị Yến 10€. Văn Nai Tường 10€.

Nguyễn Thị Nhung 10€. Phạm Thúy Vân 10€. Phùng Tiến Huy (Hồng) & Phùng Bảo Ngọc 20€. Hoàng Văn Thám, Đào Thị Tấn, Đào Hữu Bình, Đào Thu Hương và Đào Tú Uyên 20€. Vũ Thị Kim Dung 20€. Diệu Quang Tạ Thị Phong 10€. Fam. Văn Hà Gehrike & Vương Thúy Hằng Nga 20€. Gđ. Phạm Đình Vũ & Nguyễn Thị Thục (Hennigsdorf) 10€. Ngô Anh Tài + Phạm Thúy Hiền + Ngô Mỹ Anh (Potsdam) 50€. Nguyễn Thị Oanh ("") 10€. Lưu Thu Hương (Soltau) 2,20€. Nguyễn Xuân Trường (Langenhagen) 5€. Lê Minh Vũ (Iserfoh) 30€. Lý Văn Hòa (Oberkochen) 20€. Trần Thị Nhiều (Isernhagen) 5€. Nguyễn Thị Mậu 5€. Phạm Thị Lệ Thủy 5€. Hoàng Xuân Bốn 5€. Trương Như Phụng Karin 10€. Đỗ Phạm Hùng 5€. Gđ. Bùi 20€. Tu Loan Do 10€. Hoàng Thị Hằng 20€. Phong Văn 5€. Phạm Phương Anh 5€. Nguyễn Thị Gọn 5€, Dornhausen Mode Design GmbH 50€. Nguyễn Văn Trọng 20€. Lâm Chí Minh & Lâm Liên 10€. Cao Thị Văn 10€. Ấn danh 20€. Nguyễn Thị Thanh Hương 5€. Lê Thị Chánh 5€. Gđ. Nguyễn Thị Hương (Kulmbach) 20€. Nguyễn Thị Hoa 10€. Diên Hiền 20€. Ngô Ngọc Sol (Boi Zenburg) 10€. Hà & Sơn 10€. Ý & Ly 10€. Lê Mạnh Tuấn 5€. Trương Thị Bích Nga (Breitungen bei Werra) 10€. Đỗ Kim Vân 10€. Dương Ngọc Giào 20€. Vũ Thị Bình 20€. Đào Thị Thúy Hiền 30€. Thái Văn Hiền 20€. Phạm Văn Dũng 20€. Lê Thanh Bình (Jena) 10€. Nguyễn Thị Nhiên 10€. Lê Thị Ngọc Thủy 5€. Gđ. Mã Bé & Mã Thành Tín 30€. Tô Nhơn Thanh 20€. Gđ. Nguyễn Duy Dương 10€. Hà Thị Mai Oanh 10€. Hồ Thị Mảnh Mai 5€. Đặng Thị Thu Huyền 3€. Nguyễn Thị Đà 10€. Gđ. Đinh Lê Phương & Dương Thị Quyên + Đinh Thái Sinh 20€. Chương Quang Thái 50€. Nguyễn Thị Thanh Thủy 10€. Trần Hoàng Ninh 20€. Phi Văn Tuấn 10€. Bùi Thị Bích Hoa 10€. Nguyễn Thị Thảo 20€. Lê Văn Ngũ 20€. Trần Anh Duy 10€. Lê Xuân Hòa 10€. Ấn danh 10€. Nguyễn Thanh Trang 10€. Trương Thị Văn Anh 20€. Chương Mui & Cù Kim Sang 20€. Nguyễn T.B. Tuyết 70€. Nguyễn Mạnh Hùng 10€. An Văn Hùng 50€. Nguyễn Thị Huệ 20€. Vương Khả Khanh 10€. Hoàng Văn Thang & Nguyễn Thúy Hằng 10€. Nguyễn Ngọc Thanh 10€. Bùi Thị Phương Lan 5€. Đỗ Văn Tuyết & Nguyễn Thị Quỳnh 20€. Trần Thị Thanh Đức 10€. Gđ. Trần Quang Thái & Đỗ Thị Hương 20€. Ngô Thị Chinh 5€. Trương Thanh Hùng 20€. Nguyễn Văn Nghin 20€. Lê Thị Hồng Hoa 10€. Lê Thị Kim Anh 15€. Lôi Thị Sau 10€. Đoàn Thị Như Hoa 10€. Huỳnh Thị Ngọc Hạnh 20€. Huỳnh Anh Toàn 5€. Huệ Hải 20€. Bùi Thị Lang 50€. Bùi Đức Hải 10€. Tạ Thị Loan & Tạ Stefanie Mai Lin 5€. Trương Bùi Hoa 5€. Nguyễn Thị Minh 50€. Đậu Đình Sơn 20€. Lê Thị Đào 10€. Gđ. Hà An Khương & Vũ Thị Kim Phương 20€. Nguyễn Hoài Trung 20€. Mỹ Tuyết Khưu Trần 20€. Chí Trung Khưu 20€. Nguyễn Thế Phơn 5€. Hoàng Quang Sơn 10€. Anh Hai 15€. Tạ Thị Khanh & Đinh Văn Hoàng 20€. Đặng Xuân Hương 10€. Gđ. Huy Phương Thiện Đăng 20€. Nguyễn Xuân Cừ 10€. Đặng Thị Thu Hương & Nguyễn Đức Huy 20€. Nguyễn Ngọc Lâm 20€. Fam. Phan Văn Giai 30€. Nguyễn Thị Sánh 20€. Nguyễn Văn Mỹ 20€. Trần Đình Toàn 20€. Hoàng Thị Phương 5€. Ngenyung Trenkler 5€. Trần Phi Long 20€. Vũ Văn Tiến 5€. Phùng Văn Thế & Đặng Thị Bích Liên 20€. Sơn & Giang 10€. Lê Thị Thu Lan 10€. Lê Lam Giang 20€. Đoàn Lợi Tuấn 20€. Cu Khin 20€. Quang Mỹ 10€. Nguyễn Văn Hùng 10€. Bùi Thị Bích Hoa 5€. Hứa Lương Huy 20€. Ấn danh 20€. Phạm Thị Sơn 20€. Dương Văn Huân 10€. Đoàn Thị Hằng 10€. Nguyễn Văn Thắng 20€. Nguyễn Văn Hoàng 5€. Đào Thu Hiền 5€. Khanh Trần Quốc 20€. Nguyễn Văn Bảy 10€. Thạch Dang 20€. Nguyễn Minh Thuận 10€. Ấn danh 10€. Nguyễn Thị Kim Châu 10€. Bành Ngọc Anh 10€. Vũ Thị Tý 10€. Frau Huang Fritsche 5€. Đoàn Thị Thanh Bình 5€. Vũ Thị Thanh 20€. Gđ. Lê Đức Tuấn & Võ Thị Kim Phượng 10€. Nguyễn Lan Phương 10€. Cao Lệ Sương 30€. Trần Thị Ngọc 5€. Phạm Lưu Văn 10€. Kim Haren 20€. Vũ Văn Thuận 10€. Nguyễn Thị Hồng Hạnh 10€. Châu Thị Khanh 10€. Phan Dương Thị Phụng 30€. Hà Ngọc Anh 40€. Nguyễn Thùy Dương 5€. Nguyễn Duy Mai 10€. Danh Thị Ngọc Nga 10€. Đỗ Thị Nga 10€. Ấn danh 40€. Gđ. Thiện Nhân 10€. Ngọc Châu Buttner 20€. Nguyễn Thị Minh Hằng 5€. Đặng Tuyết Anh 10€. Ấn danh 20€, HH cho Đặng Thị Tuyết Hoa. Nguyễn Thị Hương 10€. Trần Minh Hoa & Nguyễn Thị Kim Ngân 20€. Phan Quang 50€. Vương Duy Mạnh 20€. Nguyễn Thị Liên 10€. Nguyễn Thanh Huyền 20€. Nguyễn Văn Bảy 5€. Gđ. Cao Toan Châu & Châu Ngọc Diệp 10€. Nguyễn Văn Minh 20€. Liên Cẩm Phong 20€. Huỳnh Thị Ngọc Thu 50€. Nguyễn Thị Kim Ánh & Nguyễn Vi Ân 20€. Chùa Tâm Giác - Chi Hội Phật Tử München 305€. Thái Thị Tô Huyền 50€. Nguyễn Thị Quy 10€. Trần Lê Niên 20€. Nguyễn Thị Hương 10€. Geibel Thảm Hans 10€. Trần Thị Yến 10€. Trinh Anh Han 10€. Lê Thị Thu Hà 10€. Vũ Thị Hiếu 5€. Nguyễn Thu Hằng 10€. Nguyễn Văn Hiệp 20€. Nguyễn Thị Anh Vân 10€. Gđ. Nguyễn Hữu Thế 20€. Trần Thị Kim Trân 5€. Duy Dietz Ngung 10€. Nguyễn Thiện Canh

40€. Hương Thị Mai 5€. NGUYỄN QUỐC DÂN 5€. PHƯƠNG CHÍ AN 20€. Xuyên Dung 10€. Gđ. Đạt & Mai Anh 10€. Vũ Minh Nguyệt 50€. Vũ Thị Tuyết Vân 20€. Trần Văn Ngọc 30€. Trần Công Ve 15€. Nguyễn Duy Minh 20€. Vương Duy Mạnh 20€. Lê Thị Tiến 20€. Vương Mỹ Linh 10€. Võ Mina Tri 20€. Ấn danh 10€. Cao Thị Tuyết 10€. Đàm Thị Kim Liên 10€. Nguyễn Thị Chí Hiền 10€. Hứa Kim Long 50€. Nguyễn Ngọc Dung 10€. Nguyễn Thanh Mão & Nguyễn Thị Mai Hương 20€. Nguyễn Thị Duyên (Schlüchtern) 5€. Phạm Đình Tuấn & Lý Thị Vân 5€. Nguyễn Văn Mẫn (Brakel) 20€. Gđ. Tu Nga (Leifelden) 20€. Ấn danh 20€. Phan Thị Thanh Vân 20€. Lưu Thị Hoàn 20€. Ngô Phương Danh 10€. Kujawski Thị Nhuần 10€. Phạm Thị Gấm 20€. Mai Thanh Tuấn 10€. Nguyễn Thị Vinh 10€. Lê Hồ Phong Lan 5€. Nguyễn Thị Hằng 10€. Fam. Lê Hào 50€. Phạm Minh Chính 10€. Mai 10€. Phạm Ngọc Quỳnh Trang 5€. Hoàng Thị Tân 5€. Trần Thị Thu Hương 10€. Thiệu Thị Thúy Nga 5€. Bạch Thị Xuân Thu 10€. Huỳnh Kim Hoa 20€. Trần Thị Hoa 10€. Đinh Thị Văn 10€. Phạm Việt Thắng 30€. Hoàng Trung Thành 10€. Lê Thúy Diệp 20€. Phan Đức Huy 10€. Võ Thị Thảo 10€. Nguyễn Quy Cường 20€. Nghe Han Sieu 20€. Nguyễn Văn Phúc 10€. Huỳnh Văn Liễu 5€. Phạm Thị Be 50US\$. Gđ. Lâm Văn Tân 10€. Nguyễn Thị Thủy Tiên 10€. Hoa Đàng Thị 5€. Vũ Thị Thu Huyền 10€. Lưu Ngọc Thủy 10€. Hoàng Cương 20€. Fam. Chin Kee Liam 20€. Gđ. họ Đặng 20€. Nguyễn Ngọc Cơ & Nguyễn Thị Hoàng Phương + Nguyễn Thị Hoàng Dung 10€. Từ Tư Múi 40€. Lai Tuyết Mai 5€. Ấn danh 20€. Đặng Thị Kim Oanh 30€. Diệu Thanh Vương Thị Thu Thủy 10€. Lưu Ái Linh 5€. Đỗ Thị Đạt 20€. Gđ. Hoàng Quốc Huy 10€. Nguyễn Thị Cẩm Tú 100US. Đặng Thị Hương 5€. Fam. Hồng Minh Tấn 10€. Nguyễn Thị Minh Thúy 5€. Lê Thu Hà 5€. Nguyễn Thanh Phương 5€. Đặng Hội 5€. Lê Thắng & Tạ Lý 10€. Long Thị Cúc & Nguyễn Ngọc Phương 30€. Nguyễn Thị Chin 5€. Trần Thế Sơn 5€. Phạm Minh Chính 10€. Đặng Hồng Đức 10€. Nguyễn Văn Thái 10€. Fam. Danny Low 10€. Nguyễn Thị Bích Hằng & Nguyễn Thanh Liên 10€. Kujawski Thị Nhuần 20€. Hà Diệu Cơ 5€. Trần Thị Đàm & Võ Phước Nguyễn 100€. Đoàn Thị Hương Lan 4,20€. Tạ Cảnh Hưng 10€. Ông Thị Tuyết Vân 5€. Lưu Thành Hương 10€. Gđ. Không Trạch 20€. Lâm Hôn Quân 20€. Đỗ Thị Bích Thủy 10€. Nguyễn Thị Mai Lan 20€. Vũ Bích Phương 5€. Bùi Anh Tuấn 10€. Thị Soan Nguyễn 20€. Diệu Hương Nguyễn Thị Thu Thủy 10€. Đỗ Thái Hà 20€. Gđ. Dương Chí Hằng 10€. Trần Thị Hoa Mai 5€. Đinh Thị Diệu & Phạm Thúy Hằng 20€. Lê Đình Thiện 10€. Đinh Thu Hương 20€. Phan Thu Hương & Phan Thúy Hiền 5€. Xuân Thu 5€. Gđ. Lê Quang Thịnh 10€. Fam. Dương Trường Bàn 10€. Nguyễn Thị Bang 30€. Trần Thị Tuyết 10€. Liễu, Quí Báu 50€. Lê Thanh Tùng 20€. Nguyễn Thái Hòa 50€. Nguyễn Văn Tám 20€. Chung Kim 30€. Ngô Kim Liên 20€. Gđ. Trịnh (Canada) 50€. Nguyễn Văn Hai 100US. Liên Thanh Quốc 30€. Triệu Hoàng Sa & Đỗ Thị Bích Loan 10€. Văn Thị Lệ Hằng 5€. Hứa Hữu Phước & Lương Thị Thắm 10€. Thiệp Phát Huỳnh Mai 20€. Phạm Thị Bình 5€. Mạch Hùng Tân 20€. Mạch Bích Hà 10€. Gđ. Ấn danh 20€. Gđ. Huỳnh Hùng Võ 10€. Lưu Đức Thuận & Phạm Thị Phi Nga 10€. Lê Quốc Tuấn 5€. Dương 20€. Vũ Quốc Súng 10€. Tống Thị Tuấn Anh 10€. Trần Ngọc Thủy 30€. Phùng Ngọc Tuấn 10€. Phạm Thị Bích Thủy 10€. Liên De 5€. Vũ Thị Hưng 10€. Đỗ Thị Song Toàn 5€. Nguyễn Thị Hằng 5€. Nguyễn Vũ Bằng 10€. Phạm Thị Thanh Huyền 5€. Đặng Thị Thu Hà 10€. Lê Thị Phương Lan 5€. Trần Minh Châu 20€. Ha Hoàng 10€. Bùi Thị My Lan 10€. Trần Thị Kim Dung & Nguyễn Đức Du 20€. Cao Xuân Liễu 20€. Nguyễn Thị Hưng 10€. Janphen 10€. Ngô Thị Thịnh 40€. Phạm Văn Việt 6€. Nguyễn Thị Kim Loan 20€. Lê Hồng Sơn 20€. Ngô Thị Kim Phương 20€. Mai Bình 10€. Nguyễn Thị Mạnh 20€. Tăng Bội Văn 20€. Nguyễn Văn Nam 30€. Hoàng Văn Chiến 20€. Trần Duy Long 10€. Thiện Tân 10€. Gđ. Trần Ngọc Kỳ 20€. Nguyễn Tuấn Phương 20€. Trần Thị Huệ Phương 10€. Vũ Thị Thanh 20€. Ấn danh 60€. Trần Thị Tuyết 10€. Nguyễn Thị Huỳnh Hoa 10€. Phan Thị Thúy Phượng 20€. Nguyễn Thị Mai 20€. Lê Thị Mận 10€. Huỳnh Kim Ánh 10€. Lưu Rothe 20€. Ấn danh 20€. Trịnh Văn Chung & Nguyễn Thị Bích Thủy 20€. Nguyễn Thanh Thị 20€. Phan Thị Bích Thủy 10€. Lý Ai 5€. Nguyễn Việt Thi 5€. Minh Greiff 20€. Tuyết Rasenthal 10€. Đỗ Thị Lý 5€. Lê Thanh Bình 10€. Phan Trọng Tiến 20€. Phan Thị Hải & Phan Thị Anh 15€. Ấn danh 50€. Bùi Thanh Sơn 5€. Lê Thị Châu & Lê Diễm Nhung 10€. Nguyễn Anh Đức 5€. Nguyễn Thị Phượng 10€. Nguyễn Việt Tùng Lâm 50€. Vũ Đức Khánh 50€. Nguyễn Bích Thủy 50€. Ấn danh 10€. Ấn danh 5€. Nguyễn Văn Cẩm 20€. Ấn danh 10€. Mạch Xuân Mỹ 20€. Nguyễn Xuân Thủy (Saarbrücken) 10€. Nhu Đức ("") 20€. Dương Hùng Dung (Saarland) 20€. Nguyễn Ngọc Diệp (Augsburg) 50€. Trần Cù (Gütersloh) 20€. Fam. Grien (HH) 20€. Lê Văn Sau (Plauen) 50€. Phạm Công Toại (Pháp) 20€. Hoàng Ngọc Thụ ("") 20€. Alberter Mỹ

Linh (Hòa Lan) 10€. Trần Phước Thanh (Phần Lan) 40€. Anke Schaad (Römerberg) 10€. Huỳnh Thị Kim (HH) 20€. Koummarys Kiên (Pforzheim) 10€. Đặng Thị Nâu (Bernkastel-Keus) 20€. Trinh Văn Chung (Greifswald) 10€. Nguyễn Thị Bình (Rosengarten) 20€. Trần Thị Âu (Künzelsau) 15€. Lê Đình Thiên Kim (Anh) 20€. Lê Đình Nho (Pháp) 30€. Lê Phước An (Darmstadt) 10€. Phan Kim Oanh (Sugenheim) 10€. Quách Thị Mùi 20€. Nguyễn Mộng Lê (Bonn) 30€. Trịnh Thanh Tuyền (Đan Mạch) 30€. Phạm 10€. Vương Khánh Giảng (Oberhausen) 10€. Phan Thị Thu Hà (Stralsund) 50€. Lê Văn Trương (Karlsruhe) 20€. Trương Kim Nam (Hahenburg) 10€. Bui Xuân Nga (Pháp) 30€. Vương Văn Răng (") 30€. Nguyễn Xuân Lang (") 20€. Võ Thị Phú My (Essen) 20€. La Cao Xuân Liễu (Suisse) 50FS. Dương Thị Trung (") 50FS. Brusa Thị Hoa (Mainz) 10€. Lê Văn Hùng (Berlin) 50€. Quảng Tâm (") 50€. Nguyễn Thị Bê (Köln) 20€. Vũ Thế Hà (Worbis) 10€. Nguyễn Thị Thu Hà (Hildesheim) 10€. Phùng Chu (USA) 30€. Nguyễn Quang Chánh (Leipzig) 50€. Hồ Kim Sinh (Pforzheim) 50€. Nguyễn Thị Nhàn (HH) 10€. Helène Antony Đổ (D'dorf) 30€. - Nguyễn Hồng Quân (Oschatz) 20€. Trần Thị Hiền (Köln) 20€. Trần Đức Long (Pháp) 20€. Nguyễn Thị Đậu Lüneburg) 20€. Võ Thị Lệ Hoa (Pb/Schloß-Neuhaus) 20€. Đinh Thị Xuân Thảo (Krefeld) 20€. Lê Ngọc Thanh (HH) 20€. Hoa Thị Bình (Rot am See) 10€. Trần Anh Tuấn (Schleiden) 20€. Trương Đức Phát (GM.Hütte) 30€. Ngô Trung Thu (Essen) 10€. Quan Chí Nhân (Kempten) 30€. Lê Đỗ Diệu Hiền (Karlsfeld) 30€. Nguyễn Ngọc Điệp (Darmstadt) 20€. Phạm Ngọc Quỳnh Hương (HH) 20€. Lương Ngọc Phách (Bielefeld) 30€. Hoàng Công Chủ (M'Gladbach) 10€. Vũ Việt Tân (") 15€. Staab Lam San (Neunkirchen) 20€. Vũ Thị Tâm (Schorndorf) 20€. Bà Trịnh Thị Mão (Troisingen) 10€ HHL ĐH Trần Tăng. Trần Kim Phương (Ingolstadt) 20€ HHL song thân. Trương Hồng Hiếu (Wahlstedt) 10€. Hà Văn Tu 16€. Nguyễn Văn Thạch (Plochingen) 20€. Nguyễn Thị Bảy (Hannover) 10€. Tô Khải Đức (Schweinfurt) 10€. Chong Tac Vo (Osnabrück) 60€. Tăng Mỹ Hanh (Pháp) 20€. Đặng Thị Nga (Gelsenkirchen) 10€. Triệu Cẩm Nguyên (Haßloch) 40€. Trần Thị Tú Uyên (BS) 40€. Nguyễn Thị Phương Gutach) 10€. Đỗ Thị Lan (Neustadt) 10€. Thiện Xà Hồ Văn Nghĩa (VN) 20€. Tiêu Tô Nữ (Niederhall) 15€. Nguyễn Thị Lang (Wesseling) 5€. Bà Paulezee Nguyễn Thị Liệng (Pháp) 30€.HH cứu huyền thất tổ đôi bên. Fam. Jersch (Langenhagen) 50€. Bành Vinh Hoa (Ludwigshafen) 20€. La Thị Hng Vân (Daun) 40€. Phạm Thị Hiệp (Chemnitz) 30€. Phạm Bình (Bad Iburg) 25€. Mã Xuân Anh (München) 20€. Thiện Đạo Trần Văn Đức (Laupheim) 20€. Huỳnh Quốc Thanh Tùng (Bad König) 20€. Thịn Độ Bùi Thị Sáu (Schramberg) 10€. Nguyễn Quốc Dân (Wildeshausen) 10€. Đồng Thị Gái (Ulm) 15€. Phan Thị Thu Liễu (Detmold) 5€. Nguyễn Thị Thế Phương (Hof) 5€. Bùi Thị Bạch Tuyết (Pháp) 10€. Lý Thị Nguyệt (") 10€. Tuệ Nguyệt Trần Thị Vân Chung (") 50€. Đặng Thị Liên (") 10€. Nguyễn Khánh Chúc (") 20€. Quảng Tú Phạm Anh Tuấn (") 10€. Nguyễn Thị Tâm (Lehrte) 20€. Lâm Bung Hoang (Kempten) 20€. Lý Lan Thanh 'Lâm' (Papenburg) 20€. Cao Nguyễn Thị Điều (Suisse) 20€. Trần Hồ (Sweden) 200Kr. Hồ Sang (Weisenbach) 30€. Lê Văn Anh 20€. Trịnh Văn Hi (Idar Oberstein) 20€. Phùng Du & Trần Thu Thanh (Dillenburg) 50€. Li, Yam Man & Li, Thủy Phương (Pforzheim) 25€. Lưu Tú Phung (") 30€. Vũ Văn Hải (Trier) 20€. Nguyễn Thị Hoa (Essen) 20€. Trần Văn Chương (FF) 50€. Phạm Doãn Đương (Mannheim) 100€. Chu Thị Nga (Vallendar) 5€. Hồ Minh Châu (Friedrichshafen) 20€. Gđ. Hà Lâm (M'Gladbach) 30€. Diệu Hải Cao Thị Sâm (Tübingen) 10€. Liên Hương Vũ Thị Hiền (Renningen) 20€. Diệu Thảo Hồ Thị Hào (Dortmund) 5€. Phạm Thị Ngọc Hoa (Kiel) 5€. Nguyễn S.D Trang (Mülheim/Ruhr) 20€. Đỗ Thị Thuần (Berlin) 10€. Trần Thị Lệ (Lehrte) 5€. Dương Tỳ (Lichtenstein) 20€. Li, Trần Thúy Lan 15€. Lê Văn Thị Pha 50€. Lê Kim Hương (Heilbronn) 50€. Nguyễn Đức Minh (Schorndorf) 50€. Dương Thị Thanh Thủy (Egelsbach) 10€. Tô Nguyễn (Augsburg) 10€. Ô Thị Hai (Haren) 50€. Nguyễn Thị Kim (Münster) 10€. Phùng Lai Hòa (Nordhorn) 20€. Braun Thị Dung (Altenstadt) 10€. Nguyễn Thị Tâm & Lê Thị Xuân Hiệp (Pháp) 20€. Briget Trần Thị Vân (") 20€. Trần Thị Nhiều (Hòa Lan) 10€. Tsang (") 50€. Thái Hoach (Bi) 10€. Đinh Thị Ngọc Ẩn (Vechta) 20€. Lưu Bích Trâm (Koblenz) 20€. Phạm Thị Ngưng (Irrel) 40€. Nguyễn Hữu Thu Hương (Oberhausen) 10€. Trần Kim Ngà (Itzehoe) 10€. Viên Kim Huy (Sindelfingen) 30€. Trần Kim Loan (Bechhofen) 5€. Nguyễn Thanh Hà (Hasbergen) 2€. Trần Phạm Thị Vân Lan (Lahr) 60€. HHL Trần Thị Xuân Lang + Lê Văn Mốt + Nguyễn Thị Chấn. Trần Văn Út (") 40€. HHL Trần Văn Chấn + Phù Thị Sáu. Nguyễn Khắc Hiếu + Nguyễn Thị Long Trong (Lübeck) 60€. Cao Hữu Đức (Haren/Ems) 10€. Nguyễn Kim Anh (Bi) 10€. Đào Thị Phương Lan (") 20€. Nguyễn Thị Nhi (") 10€. Huỳnh Thị Tám (") 15€. Huỳnh Kim

Liêu (Oslo/Na Uy) 100Kr. Nguyễn Thị Tân (Berlin) 10€. Phạm Thị Kim Xuân (Langenhagen) 20€. Nguyễn Văn Cửu (Wiesbaden) 30€. Thâm Chu Hải Thanh (Bochum) 20€. Gia An Quan (Erkrath) 10€. Thang Trach (Wuppertal) 20€. Hồng Quốc Khánh (") 10€. Võ Thị Ngọc Thanh (Essen) 10€. Nguyễn Thị Chiêu (Neuss) 10€. Trần Việt Oanh (") 10€. Thái Quang Trường (Nürnberg) 20€. Hứa A Tri (Schortens) 25€. Bành Vinh Ái (Ludwigshafen) 50€. Nguyễn Thị Thanh Quan (Phần Lan) 70€. Ngô Mỹ Dung (Krefeld) 20€. Hứa Tích Chương (") 10€. Nguyễn Thị (Bi) 10€. Quách Hoa Anh (") 30€. Nguyễn Thị Rim (Ý) 10€. Võ Kim Lý (Pháp) 20€. Ngô Thị Thu Ba (München) 10€. Nam Pannwitz (Bad Mergentheim) 10€. Thương Ziegler (Bayreuth) 20€. Trần Văn Đức (Laupheim) 20€. Trương Ngọc Nga (Pforzheim) 20€. Trần Thị Vân (Vechta) 10€. Cáp Trọng Dũng (Bremerwörder) 20€. Nguyễn Quang Toàn (Neustadt) 50€. Lai Kim Loan (Pháp) 30€. Trần Thị Thục (") 30€. Nguyễn Tuấn Oanh (") 30€. P.M. Phương (Đan Mạch) 30€. Châu Thị Tâm (Koblenz) 20€. Quách Anh Trí (HH) 10€. Bùi Textilien (Gnoieu) 20€. Phùng Văn Châm (Regensburg) 10€. Nguyễn Ngọc Thanh (Schwenningen) 10€. Đinh Thị Hồng Đoàn (Norderney) 50€. Gđ. Hoàng Văn Chiến (Hannover) 100€. Lê Thị Xuân (Metzingen) 20€. Thiện Bảo & Thiện Tiến (Berlin) 100€. Ly Thị Dàn (Schwebtlem) 50€. Phan Thị Hồng Lan (Göttingen) 10€. Nguyễn Đình Thụy (Pháp) 20€. Mme Phạm (") 30€. Samas Rukmany (") 50€. Jack Lannes (") 20€. Đinh Chí Hướng (") 50€. Trắc Hy Đệ (Suisse) 20FS. Lý Trung Bảo (Witten) 20€. Vũ Duy Hạnh (Bamberg) 10€. Trần Văn Nam 15€. Nguyễn Thị Tường Nhân (Nbg) 20€. Nguyễn Văn Ngọc (Hòa Lan) 20€. Trần Quang Hiếu (") 30€. Lê Thái (Đan Mạch) 200Kr. Trần Tiến Toàn (Bad Kreuznach) 50€. Kusawski Thị Nhuận (Esens) 50€. Trương Kim Ngọc (Landstuhl) 10€. Nguyễn Thị Xuân Thủy (Kehl) 20€. Lê Thị Bạch Nga (Bad Dibling) 3€. Nguyễn Danh Thắng (Mannheim) 20€. Gđ. Vũ Âu (Karlsruhe) 50€. Dương Văn Lý (Anh) 1o Anh kim. Dương Trần, Canh Ha (Oberhausen) 5€. Chơn Bình & TRong (Krefeld) 25€. Trần Thị Hải (Dudweiler) 20€. Phạm Thị Ngọc Sương (Göttingen) 30€. Đoàn Thị Thuần (Suisse) 50FS. Trần Đức Huy & Trần Thu Hồng (Tübingen) 20€. Ngô Anh Kiệt & Trần Ngọc Nhung (") 20€. Lâm Như Hải & Trần Lâm Ngọc Mỹ (") 50€. Nguyễn Trọng Quý (Leipzig) 20€. Nguyễn Thị Tuyết (") 10€. Nguyễn Thị Hoàng Liên (Köln) 10€. Trần Ngọc Anh & Trần Ngọc Dung (") 40€. Nguyễn Chí Hồ (Essen) 20€. Nguyễn Minh Quang (Löhne) 5€. Trần Thị Huệ Trinh (") 10€. Lê Phương Lan (Pháp) 30€. Diệu Hạnh (Ingolstadt) 20€. Thiện Xuân (") 10€. Trần Thúy Lan (Pforzheim) 15€. Nguyễn Tấn Lộc (Detmold) 50€. Đào Ngọc Bảo (Chemnitz) 20€. Phạm Chí Huy (Erfstadt Liblar) 20€.-

• Ấn Tống

Hoàng Thị Tài (WHV) 10€. Hùng & Đào 20€. Bùi Xuân Là (Gerbrunn) 10€. Lý Khắc Châu (Leipzig) 50€. Trần Thị Bích Thủy (Karlsruhe) 100€ ấn tống 120 quyển Bạch Y Thần Chú. Liễu Ngân (Hòa Lan) 50€. Như Đức (Saarbrücken) 20€. Quách Anh Hoa (Bi) 20€. Nguyễn Thị Bạch Liên (Tiệp Khắc) 10US. Nguyễn Thị Ngọc Vinh (") 300 Tiệp. Brusa Thị Hoa (Mainz) 10€. Châu Thị Như Mai (Pháp) 50€. Nguyễn Thị Thanh Hằng (Essen) 25€. Casanova Nguyễn (Suisse) 50FS. Gđ. Hà Lâm (M'Gladbach) 10€. Nguyễn Thị Thanh Quang (Phần Lan) 20€. Hồ Thị Lan Chí 10€. Chơn Bình & Trọng (Krefeld) 20€. Trần Văn Lý (Hannover) 50€. Lê Văn Nam (Saarburg) 50€. Thiện Xuân (Ingolstadt) 10€. Nguyễn Thu Thủy (Wittlich) 20€, hồi hướng chư Hương Linh.

• Kinh Diệu Pháp Liên Hoa

Mai Thu 50€, HHL Phan Huỳnh Quân.

• Kinh Dược Sư

Ấn danh 100€.

• Tượng Quan Thế Âm

Lâm Kim Khánh 120€ HHL Nguyễn Thị Bảy. Đinh Thị Thảo (Wolfenbüttel) 10€.

• Tượng Quan Âm

Nguyễn Thị Thu Hà (Hildesheim) 10€.

• Một Tượng Phật

Đặng Thị Đào (D'dorf) 60€. Hứa Mỹ Loan (Koblenz) 60€. Gđ. Thiện Hải (Đan Mạch) 100€. Đoàn Sơn (Plochingen) 60€. Trần Hữu Sơn (Áo) 60€. Trần Thị Ngân Hoa (") 60€. Trần Hữu Văn Michael (") 60€. Trần Chi Lan Maria (") 60€.

• Trai Tăng

Trương Mỹ Anh & P.D. Công Ngọc (Münster) 20€. Thiện Văn Nguyễn Thị Thu Thủy (Völklingen) 20€. Hoàng Tuấn Kim Phương (HH) 10€. Diệp Thị Sơn (Aalen) 20€. Mai Văn Cẩm (Gescke) 20€. Trần Minh Nhựt (Nürnberg) 10€. Diệu Hương 30€. Thầy Thích Hạnh Bảo 100€. Diệu Anh Nguyễn Hạnh Trinh 20€. Chị Diệu Nữ 30€. Thanh Nhã Minh Tôn 30€. Lệ Hoa 20€. Ấn danh 120€. Viên Tuyết 30€. Thiện Đăng Trần Xuân Hoa (Y) 40€. Diệu Ngọc Lý Hồng Châu 30€. Thiện Hải 10€. Tâm Lượng (FF) 10€. Thiện Hiền 20€. Hạnh Thanh (Đan Mạch) 30€. Đinh Thị Thủy 30€. Thị Kiến 20€. Thiện Thế Kevin Minh 10€. Thiện Nhựt Nguyễn Thị Thanh Nga 10€ & Thiện Từ Nguyễn Quang Bi 10€ hồi hướng pháp giới. Thiện Nhựt Hằng Nga 10€. Tâm Đồng Trần Hải Hòa 10€. Diệu Thới Phạm Thị Ngọc Loan 10€. Diệu Hoa Cao Thị Thu Cúc 20€. Thiện Tấn Nguyễn Tuấn Dũng 10€. Quảng Niệm Lê Gia Tuyển 10€. Diệu Cầu Nguyễn Thị Tiến (Hannover) 50€ HHL cha Phúc Bình Nguyễn Thành Công và mẹ Diệu Tình Nguyễn Thị Hiệt. Sáu Lầu 5€. Thiện Thế Thanh 10€. Diệu Đức Phạm Thị Phước 10€. Thiện Lợi và Nhiên Học 10€. Thiện Lý Tăng Bích Phân (Münster) 10€, Lý Tiến Vinh 10€, Lý Trân Châu 10€, Diệu Hoàng Chung Tiểu Phụng 10€, Diệu Thực Đoàn Mỹ Quyên 10€ xin hồi hướng cho cữu huyền thất tổ và thân sinh. Thích Nữ Diệu Ngọc 20€. Nguyễn Ngọc 20€. Trương Anh 20€. Tâm Cừ Trương Tôn Châu (Giessen) 10€. Diệu Nhẫn 20€. Tuyết Anh 50€. Lý 20€. Nguyễn Thị Nhân 10€. Hồ Thị Thanh Mai 10€. Tâm Bích 20€. Tiểu Tử 10€. Thiện Chương 20€. Diệu Nguyệt 10€. Thiện Từ Lý Thị Chu 10€. Thiện Tâm Trương Mỹ Phương (Laatzten) 5€. Trương Mỹ Anh (") 5€. Thị Chánh Trương Tấn Lộc (") 10€. Ngọc Cẩn Trương Thị Lệ (Helmstedt) 10€. Dương Sang (") 10€. Trương Thị Mạnh (Pháp) 10€. Nguyễn Học 10€. Như Sương Werda Trinh (Lünen) 20€. Giới Mem 15€. Diệu Kim 20€. Nguyễn Tâm 20€. Diệu Mỹ Huỳnh Thị Kim Tuyển 20€. Lệ Ngọc Nguyễn Thị Phương Thảo 20€. Diệu Phụng 20€. Chân Ngọc 10€. Huệ Đức 5€. Thiện An 10€. Thiện Lạc 10€. Thị Lộc 10€. Thiện Phú Lê Bích Lan 10€. Nguyễn Thanh Nga 10€. Thiện Vũ Nguyễn Kim Anh 5€. Diệu Lộc Võ Thị Lợi 5€. Thiện Hà Đặng Thị Hằng Teickner (Langenhagen) 10€. Ấn danh 20€. Diệu Hiền 10€. Diệu Hoa Nguyễn Thị Liên 20€. Diệu Ý Nguyễn Thanh Huyền 20€. Nguyễn Thu Nguyễn Thị Hiền (Aurich) 40€. ĐPPT Minh Hải (") 50€. Thiện Căn 50€. Thiện Mỹ & Diệu Vân (Pforzheim) 20€. Thiện Lý 20€. Thiện Hữu 10€. Diệu Quang Tăng Bích Thanh (Münster) 10€. Văn & Mai (Osnabrück) 10€. Thiện Hưng Hà Điền Long (FF) 10€. Diệu Tài 5€. Diệu Thanh (FF) 10€. Cao Xuân Thiện 5€. Nguyễn Thị Hoa 10€. Thiện Dũng 10€. Phạm Văn Phụng (Hohenhameln) 10€. Thiện Giới 10€. Tâm Thảo 5€. Hiền & Cẩm (Hannover) 5€. Jha, Hiều Hâu (Bremen) 10€. Ấn danh 10€. Trần Thị Yến (Bergkamen) 10€. Bùi Thị Tuyết Mai (Winsen) 10€ HH cho mẹ là Đặng Thị Tuyết Hoa. Đỗ Thị Kim Thúy 10€. Thiện Hữu Đỗ Thái Bằng (Seelze) 20€. Thiện Trang Bành Tâm Sơn 15€. Nguyễn Thị Hiền 20€. Đồng Đại Vương Gia Vỹ (Aurich) 20€. Thiện Giới Huỳnh Thị Chiên (") 20€. Nguyễn Hồng Ân (HH) 10€. Ngọc Hạnh Phạm Thị Thanh Thúy (Hòa Lan) 5€. Diệu Mai Vũ Thị Tuyết 10€. Minh Định Trịnh Quốc Phong & Diệu Hiền Phạm T. Tuyết Nga 10€. Thái Phương 10€. Nguyễn Thị Thái 10€. Nguyễn Lê Nghĩa 10€. Diệu Yến Đỗ Ngọc Oanh (Stg) 10€. Diệu Hiền Nguyễn Thị Kim Xinh (") 10€. Diệu Hoa Lý Thanh Hương (Pforzheim) 20€. Thiện Như Chiêm Thị Hiền (Stuttgart) 10€. Thiện Tâm 5€. Nguyễn Thị Hà (BS) 20€. Gđ. Ngô Tấn Nghĩa (Nettetal) 50€. Fam. Giang (Geilenkirchen) 20€. Gđ. Mã Kim Quý (Bielefeld) 30€. Trần Thị Huyền (Leipzig) 10€. Nguyễn Thị Thanh (") 10€. Khamphiou Rattanavong (Kiel) 20€. Diệu Quảng (Künzelsau) 50€. Điền Văn An (Obladen) 10€. Phạm & Trần (Hannover) 20€. Trần Hoàng Việt (") 50€. Trần Thị Phú (Stuttgart) 10€. Đặng Thị Nga (Wiesbaden) 10€. Đặng Thị Hương (") 10€. Lê Thu Hương (Bühl Baden) 50€. Đồng Lê Trần Thị Kim Lê (Berlin) 10€. Bửu Trân (HH) 10€. Thiện Mỹ Lương Văn Xinh (Pforzheim) 10€. Trịnh Thị Thanh (Nbg) 10€. Nguyễn Vũ Bằng (Rheine) 20€. Nhựt Trọng Trần Văn Minh (Mannheim) 20€. Nguyễn Florian 10€. Phạm Thị Bưởi (D'dorf) 20€. Lê Thị Sĩ (Karlsruhe) 100€. Diệu Trí Trần Thị Huệ (Hòa Lan) 35€. Như Đức (Saarbrücken) 20€. Dương Hưng Dung (Saarland) 10€. Lê Văn Trường (Karlsruhe) 20€. Helène Antony Đỗ (D'dorf) 20€. Nguyễn Thị Mai Trang (VS-Villingen) 25€. Quảng Tú Phạm Anh Tuấn (Pháp) 10€. Mme Hoàng Ngọc Minh Long (") 76€. Dương Tỳ (Lichtenstein) 20€. Lê Kim Hương (Heilbronn) 50€. Nguyễn Chi (Lindenberg) 20€. Vương Lệ Hoa (Troisdorf) 40€. Nguyễn Thị Nhung (Regensburg) 30€. Chơn Bình & Trọng (Krefeld) 25€. Nguyễn Thị Tâm (Kassel) 50€. Bê Roth Bäcker (Rosenheim) 10€. Thiện Trí (D'dorf) 20€. Lê Văn Nam (Saarburg) 50€. Nguyễn Văn Chớ (Suisse) 50€. Nguyễn Thị Tuyết Nhung (") 50€. Hồ Lệ (") 20€. Minh Tâm (") 20€. Lách Chì (") 20€. Thanh Út (")

20€. Nguyễn Hồ Đức (") 10€. Bạch (") 10€. Gđ. Trần Văn Huyền (Reutlingen) 100€. Trần Trọng Hiệp (Hannover) 50€.

• Phật Đản

Chiếu Hoàng (Krefeld) 10€. Gđ. Hà Lâm (M'Gladbach) 10€.

• Đền Dược Sư

Đào Thị Kim Oánh 20€. Bành Vinh Ái (Ludwigshafen) 25€.

• Tu Sửa Chùa

ĐH. Hoàng Thị Oanh 5€. Gđ. Đạm & Lan (Magdeburg) 15€. Mạc Hồng Giang (Verden) 20€. Hà Thị Minh Thu & Tô Vinh Xuân 20€. Quảng Thiện Nguyễn Trọng Bình (Suisse) 10€. Phạm Minh Chính (Cuxhaven) 20€. Phùng Thị (München) 10€. Gđ. Ngọc Hiền (Wolfsburg) 10€. Phùng Thị Hồng (Auer) 20€. Đoàn Văn Hữu (Wernigerode) 20€. Nguyễn Thị Xuân Hương (Recklinghausen) 50€. BHD ĐPPT Âu Châu 400€. Thích Asien (Ulm) 260€. An Nam Reisen 785€.

• Máy Niệm Phật

Trương Nguyễn Amédé (Pháp) 20€. Thiện Xuân (Ingolstadt) 10€.

• Ký tự Hưởng Linh

Lê Oanh Seidel (Nürnberg) 75€, HL Werner Seidel. Đỗ Văn Việt (Lindenberg) 80€, HLĐH Nguyễn Thị Mẫn. Đặng Thị Thu Sum (Wiesbaden) 75€, HLĐH Nguyễn Văn Linh. Trần Tú Bình (Wiesensteig) 30€, HHL Dương Thị Hồng Liên & Trần Minh Thái. Đồng Thế Trần Nguyệt Phương (Koblenz) 75€, HLĐH Trần Đạt Vinh. Hoàng Thị Hạnh (Schwerin) 75€, HLĐH Phan Hồng Đức. Đoàn Sơn (Plochingen) 80€. Trần Văn Khỏe (Kassel) 75€.

• Chùa Việt Nam

Gđ. Mã Kim Quý (Bielefeld) 20€. Đinh Thu Hà (HH) 20€. Đinh Quý Liêm (") 20€.

• Quỹ Học Bổng Tăng Ni Việt Nam

Diệp Thị Khả (Mannheim) 70€. Nguyễn Đình Luật (Villingen) 20€. Ludwig Thị Thanh (Wittlich) 30€.

• Phóng sanh

Liễu Ngân (Hòa Lan) 50€. Nguyễn Thị Thu Hằng (Donaueschingen) 20€. Nguyễn Đình Luật (Villingen) 10€.

• Cứu Trợ Lũ Lụt

Lê Thị Ngọc Hân (Buchholz) 10€.

• Cô Nhi Viện - Cùi - Mù - Dưỡng Lão

Hoàng Thị Tài (WHV) 20€. Lý Kiến Cường (Saarbrücken) 30€. Lê Thị Kim Hương (München) 10€. Nguyễn Thị Ninh (") 10€. Trần Minh Nhựt (Nürnberg) 50€. Trịnh Hi (Saarbrücken) 50€. Phan Thị Thanh Vân 30€. Gđ. Mã Kim Quý (Bielefeld) 40€. Trịnh Hoàng Thúy Phương (Bad Pyrmont) 20€. Phù Quang Huy (Cloppenburg) 10€. Diệu Trí Trần Thị Huệ (Hòa Lan) 30€. Liễu Ngân (Hòa Lan) 50€. Vương Khánh Giảng (Oberhausen) 10€. Trần Vinh Viêng (Speyer) 30€. Trần Thanh Khiết (K'Lautern) 30€. Nguyễn Ngọc Khâm (Haar) 200€. Ngô Thị Kim Lan (Cloppenburg) 20€. N. Dương Thị 10€. Nguyễn Thị Truyen (Rodgau) 10€. Nguyễn Thị Bê (Köln) 20€. Nguyễn Thị Thu Hà (Hildesheim) 30€. Nguyễn Văn Cam 20€. Nguyễn Văn Cam 20€. Nguyễn Thị Dung (USA) 30US. Yendung T.Van (USA) 300US. Nguyễn Đình Luật (Villingen) 10€. Nguyễn Thu Thủy (Wittlich) 20€. Hứa Kỳ Năng (Wilhelmshaven) 20€.

• Cứu giúp người nghèo Ấn Độ

Nguy Huệ Lang (Sweden) 20US. Nguồn Mỹ Dung (") 200Kr. Nguồn Mỹ Vân (") 100€.



PHƯƠNG DANH CÚNG DƯỜNG

(Tính đến ngày 02.12.2004)

Trong thời gian gần đây, Chùa có nhận được tiền của quý Đạo Hữu gửi bằng cách chuyển qua Ngân Hàng hay bằng Bưu Phiếu, nhưng không có ghi rõ mục đích. Thí dụ như Cúng Dường, Tu Bồ Chùa, Ấn Tống Kinh, Pháp Bảo, trả tiền bánh trái v.v...

Ngoài ra có Đạo Hữu nhờ người khác đứng tên chuyển tiền nhưng không rõ là chuyển tiền dùm cho ai để Cúng Dường hoặc thanh toán về vấn đề gì. Do đó khi nhận được tiền, Chùa không thể nào ghi vào sổ sách được.

Để tránh những trở ngại nêu trên, kính xin quý Đạo Hữu khi chuyển tiền hoặc gửi tiền về Chùa nhớ ghi rõ Họ & Tên, địa chỉ đầy đủ và mục đích để Chùa tiện ghi vào sổ sách.

Ngoài ra khi quý vị xem Phương Danh Cúng Dường xin đọc phần trên cùng là tính đến ngày...? để biết rằng tiền đã chuyển đi ngày nào và tại sao chưa có tên trong danh sách. Chùa có 2 số Konto. Riêng số 870-3449 thì Một Tháng ngân hàng mới báo một lần, nên có sự chậm trễ đăng tải danh sách trên báo. Kính xin quý vị thông cảm cho.

Thành thật cảm ơn quý Đạo Hữu.

Danh sách PDCD của quý Đạo Hữu và Phật Tử, chúng tôi xin phép chỉ đánh máy một lần chữ ĐH (Đạo Hữu) ở bên trên.

• TAM B O

ĐH Thu Anh (München) 300€. Võ Kim Hoa (Kaufbeuren) 50€. Trần Ngô 20€. Trần Minh Hùng 25€. Nguyễn Hào 30€. Thiện Phương + Phúc Hải + Diệu Như (Leipzig) 100€. Thiện Hiến (") 200€. Niệm Phật Đường Liên Trì (") 300€. Chùa Tâm Giác (München) 500€. Jennifer Han (USA) 500US. Diệu Ngọc Elizabeth (") 100US. Diệu Lai (") 100US. Chùa Diệu Pháp (") 100US. Diệu Hòa (") 50US. Diệu Nhứt (") 50US. Quảng Liên (") 100US. Diệu Huệ (") 100US. Diệu Đắc (") 200US. Một số Phật tử tại Phật Quang Thiền Viện (") 310US. Ấn danh (") 140US. Quý Phật tử Phật Học Viện Quốc Tế (") 550US. Phật Học Viện Quốc Tế (") 2.000US. Quý Thầy Cô trong khóa học tại Phật Học Viện Quốc Tế (") 200US. Vương Đàm Hào (") 200US. Nguyễn Long (") 200US. Minh Đăng (Pháp) 100€. Nguyễn Minh Dũng (München) 200€. Thiện Thế & Thiện Lương (Hannover) 100€. Gđ. Quảng Niệm (") 20€. Trần Xuân Lộc (Oden) 20€. Đỗ Cao Tuy (USA) 50€. Gđ. Đinh Đức Hiền (Königswusterhausen) 20€. Nguyễn Thị Lan Anh (Köthen) 50€. Amporn Huber 50€. Triệu Thanh 50€. Đặng Thúy Liên (HH) 10€. Gđ. Trần Anh Tuấn (Bad Lauterberg) 10€. Trương Tuy Thanh Hoa (Neustadt) 10€. Gđ. Nguyễn Nam Tiến (Suisse) 10€. Đào Thị Thanh Dung 20€. HL Trần Phú Sam (Hannover) 50€. HHHH Nguyễn Việt Dũng (Freiburg) 20€. Chi Hội Phật Tử VNTN Stuttgart 800€. Hoàng Thị Thủy (Wehrda Marburg) 25€. Trương Cô Tung 20€. Tiêu Muối 15€. Trịnh Quang An (Konzerbrück) 100€ HHHH song thân & em. Phạm Đức Dương 10€. Nguyễn Huy Phương Đỗ 10€. Phạm Thị Hà Uyên 10€. Phạm Ngọc Minh (Bielefeld) 20€. Lim Vinh Hồng (München) 100€. Chi Hội Phật Tử VNTN Nürnberg +Fürth+Erlangen 300€. Nguyễn Thị Thanh Hằng 50€. Nguyễn Tiến Quỳnh (Burgdorf) 5€. Huỳnh Thị Kim Xuyên (Pháp) 150€. Nguyễn Viết Tiến (Dresden) 50€. Lê Thị Lùn 10€. Quách Huệ Linh (Minden) 20€. Trịnh Tuấn Hùng 50€. Vi Thị Minh 10€. Holge Berg (Nürnberg) 20€. Nguyễn Minh Tuấn - Đình Thắng 40€. Zhu Hao (Rosengarten) 20€. Kong Riehle (Norderstedt) 50€. Trần Phú Sâm 200€. Diệp Thị Kha (Mannheim) 20€. Văn Thị Pha Lê 50€. Nguyễn Văn Hùng (Offenbach) 30€. Trần Văn Út (Lahe) 30€ HHHH Trần Văn Thuận. Nguyễn Thị Chuột (Áo) 50€. Trần Tommy (Köln) 50€. Fam. Blumenthal 20€. Bohn Nguyễn My (Hessoldenburg) 10€. Uông Thị Thanh Sơn (") 10€. Lê Tùng Lâm (Brome) 10€. Nguyễn Hồng Lâm (") 20€. Ngô Thị Việt (Berlin) 10€. Lý 120€. Lê Quốc Thống (Saarburg) 70€. Nguyễn Văn Thắng (Weilsefeld) 25€. Nguyễn Quang Trung (") 20€. Thọ & Hòa (Laatzen) 5€. Trần Phú Sâm (Hannover) 250€. Nguyễn Thị Thiện Hằng (") 10€. Nguyễn Thị Kim Thanh (Ronnenberg) 10€. Trần Văn Nam (Pforzheim) 20€. Mark Bucker (Lehrte) 100€. Gđ. Phúc Hải (Wüstenbrand) 100€. Thiện Hải (") 50€. Vũ Thị Thúy Ngân (Garbsen) 50€. Lê Văn Nam (Saarland) 25€. Fam. Lam (Osnabrück) 10€. Nguyễn Minh Dũng (München) 1.000€, HHHH Nguyễn Minh Định. Thái Kim Sơn 40€. Huỳnh Tuyết Nga (Leer) 50€. ĐĐ Thích Giác An (Việt Nam) 300€. Ngô Thị Vũng (Schwabach) 10€. Nguyễn Quang Du (Erlangen) 15€. Thích Chân Tuệ (Canada) 100Can. Lê Văn Ngọc (Neumarkt) 50€. Chi Hội Phật Tử VNTN Reutlingen 500€. Đỗ Anh Tuấn (USA) 20€. Đào Dương

(Tiếp) 20€. Trần Tuấn (") 20€. Gđ89. Lý Quốc Thái (Lüdenscheid) 30€. Gđ. Lý Phước (") 20€. Lê Đình Hiệp 20€. Kim Lan 10€. Prutoomtip Klaff 5€. Nguyễn Hồng Phong (VN) 20€. Đỗ Minh Cúc (") 20€. Phạm Xuân Thủy (Hamel) 5€. Ảnh (Laatzen) 20€. Gđ. Phan Văn Thọ (") 5€. Gđ. Nguyễn Tấn Tài (Burgwedel) 20€. Gđ. Châu Phá Din (Wunstorf) 50€. Andy Lu (USA) 10€. Gđ. Nguyễn Thanh Huyền (Wilhelmshaven) 10€. Fam. Phạm (Niederrhall) 10€. Trần Văn Long (Bayreuth) 20€. Nguyễn My (Münster) 10€. Khắc Vũ Văn 30€. Phạm Thị Ngọc Loan (Nordhorn) 50€. Văn Ngọc Xuân (Regensburg) 30€, HHHH Văn Ngọc Ngộ. Phan Thị Thu Hà (Stralsund) 50€. Nguyễn Xuân Hiếu 20€. Nguyễn Thu Hương (Hildesheim) 5€. Nguyễn Thanh Hương (Tiếp) 110€. Trần Lan (Wuppertal) 15€. Andreas Meister 4€. Đặng Gia Kỳ 20€. Trần Đỗ Doanh (Leipzig) 50€. Nguyễn Thị Hà (Wolfburg) 20€. Trần Thị Hương (Braunschweig) 20€. Trương Hải Bình (Haiger) 225€. Đặng Gia Hùng 10€. Đặng Thị Lan (Pforzheim) 50€. Cao Ngọc Hạnh (Kreuztal) 10€. Trịnh Xuân Điền (Oelsnitz) 30€. Nguyễn Chính (Hallbergmoos) 20€. Phạm Văn Út (Ý) 20€. Phạm, Hương, Hoài 5€. Lê Quang Trường (Schweinfurt) 40€. Nguyễn Văn Quang 100€. Bùi Văn Quế (Heidenheim) 15€. Lâm Võ Hồ (Pháp) 20€. Fam. Tsang (Hòa Lan) 50€. Trần Ngọc Minh (FF) 50€. Viên Tuyết (Laatzen) 50€. Lâm Hữu Trí (BS) 10€. Trần Thiện Châu (") 10€. Đoàn Tuyết Anh 20€. Dương Kim Hoa (Lebach) 10€. Trần Thị Liên 10€. Kujawski Thị Nhàn (Esens) 30€. Văn Anh Scharpen (Anh) 20€. Diệu Hoàng (Berlin) 10€. Nguyễn Đăng Thái (Salzgitter) 20€. Nguyễn Thị Kim Thanh (Ronnenberg) 10€. Vũ Thu Hương (Hannover) 10€. Trần Cam (") 50€. Ngô Thiệu Lai (Minden) 30€. Quan Chi (Bückenburg) 10€. Eric Budiman (Peine) 50€. Nguyễn Thanh Sơn (Goslar) 5€. Gđ. Bùi Mạnh Cường 2€. Phương Lý (Bremen) 20€. Thầy Thích Phật Đạo (Sweden) 80€ + 20US + 200Skr. Chi Hội Phật Tử Frankfurt 200€. Trần Thế Khang 50€. Ngụy Nhật Thủ (Hannover) 30€. Nguyễn Thị Tiến (") 50€. Lê Trần Hiệp Xuân (") 20€. Phạm Đức Dương 10€. Lê Văn Thị Pha 50€. Thomas Ulrich 25€. Trần Cam 50€. Điem & Thu (Nürnberg) 10€. Nguyễn Thị Thanh Hương (Eberswalde) 60€. Nguyễn Văn Minh (Dresden) 10€ + 10US. Hà Thị Vi Hoa (Stade) 20€. Tô Gia Linh (") 300€. Nguyễn Văn Ngân (Torgau) 20€. Nguyễn Thị Thúy Mai (Seelze) 0,15€. Đinh Trọng Huy 20€. Ngọc Đan (Minden) 10€. Gđ. Thọ Hòa (Laatzen) 5€. Lê Minh (Lindau) 20€. Ban Liên Lạc Phật Tử Bodensee 300€. Trương Anh (Friedrichshafen) 70€. Vương Thiên 25€. Thái Kim Sơn 40€. Kim Dao (Anh) 30Anh kim. Đặng Văn Chiến (Pforzheim) 5€. Nguyễn Thị Soan (Einbeck) 30€. Phạm Văn Anh (Việt Nam) 10€. Gđ. Trần Thanh Huê 30€. Đào Thiện Mẫn (Hannover) 10€. Vũ Thu Hương (") 20€. Gđ. Vương Bộ Minh 50€. Gđ. Trần Vinh Cam 40€. Dương Thị Hồng Diệp (Rosenheim) 20€. Nguyễn Đình Thắng (Lehrte) 10€. Chi Hội Phật Tử VNTN Freiburg 350€. Gđ. Nguyễn Kim Thu (Hamel) 50€. Trần Trung Độ 20€. Lý Chiêu 20€. Nguyễn Thị Duyên (Bi) 10€. Haag Harry (Parsberg) 500€ tuần 49 ngày. Nguyễn Thái Việt Đức (Weilburg) 15€. Ban Liên Lạc Việt Y Đạo Đức quốc 40€. Lê Thúy Mai (Hannover) 20€. Bùi Thị Thu Dung (") 5€. Nguyễn Tấn Tài (Burgwedel) 10€. Nguyễn Đăng Long (Weimar) 10€. Nguyễn Phương Thái (Wolfsburg) 5€. Nguyễn Văn Nam (Erfurt) 10€. Nguyễn Thế Lương 5€. Trần Chi Hương (BS) 20€. Nguyễn Thị Kim Thanh (Ronnenberg) 10€. Nguyễn Thị Thanh Hương 20€. Lê Thị Dân (Wittingen) 20€. Nguyễn Tú Trần Anna 5€. Gđ. Lê Đình Hiệp 20€. Gđ. Nguyễn Chí Cường (Elsfleth) 20€. Gđ. Thọ Hòa (Laatzen) 10€. Đỗ Ngọc Oanh 10€. Chi Hội Phật Tử VNTN Norddeich 751€. Nguyễn Thị Xuân Thủy (Kehl) 30€. Đặng Khánh Nam 50€. Nguyễn Thanh Hồng (Pfarrkirchen) 50€. Bùi Quốc Tân (Treis-Karden) 10€. Phạm Lạc (Koblenz) 20€. Lê Đình Ngôn (Áo) 50€.-

• BẢO VIÊN GIÁC

ĐH. Vinh Tuyên (Phần Lan) 30€. Trần Ngô 30€. Trần Thủy (Karlsbad) 20€. Nguyễn Thị Bích Ngọc 15€. Phan Hiệp & Trịnh Kim Phương (Nürnberg) 50€. Diệu Ngọc Elizabeth (USA) 100US. Diệu Lai (") 50US. Trang Thị Việt Tiên (") 20US. Quảng Định (") 20US. Quách Văn Thiên (Baden-Baden) 20€. Đặng Văn Sơn 15€. Trương Ngọc Anh (Sindelfingen) 15€. Phạm Thanh Bảo (Leipzig) 15€. Claus Peter Rudloff 20€. Bành Ngọc Anh (Osnabrück) 10€. Trương Thị Em (Metzingen) 10€. Trịnh Quang An (Konzerbrück) 50€. Quang Duy Lưu (Kassel) 20€. Tô Duy Bình (") 40€. Trần Thị Kim Hoàng (FF) 15€. Ấn danh 20€. Đặng Thị Phương Nga (München) 10€. Nguyễn Oanh 65€. Nguyễn Văn Lưu (Unna) 15€. Lê Vạn Lộc (Viersen) 20€. Trịnh Tuấn Hùng (HH) 30€. Trần Quang & Nguyễn Kim Lan (Nürnberg) 15€. Nguyễn Thiện Lộc (Heppenheim) 50€. Lương Bắc (Italy) 15€. Phạm Đan Hưng (L.Echterdingen) 30€. Lý Thị Kim Huê (Pháp) 40€. Nguyễn Văn Hùng (Offenbach) 20€. Phạm

Phương (Rastede) 15€. Huỳnh Từ Dung (Helmstedt) 20€. Nguyễn Minh Trang 200€. Diệu Nữ (Laatzen) 50US. Nguyễn Yến Nga (Pháp) 50€. Bá Long Mai (Bad Kreuznach) 30€. Bùi Văn Tuấn (M'Gladbach) 10€. Phạm Xuân Thủy (Hameln) 15€. Phạm Phú Minh (Norway) 40€. Trần Thị Kim Anh (Áo) 25€. Nguyễn Thị Ngà (Daun) 20€. Đặng Thị Lan (Pforzheim) 20€. Nguyễn Bích Chung (D'dorf) 15€. Trần Thị Tân (München) 15€. Bùi Thị Lê (") 20€. Gđ. Châu Pháp Din (Wunstorf) 20€. Lê Anh Hoa (USA) 20US. Trang Mimi (Michelstadt) 20€. Trần Văn Nhiên (Prüm) 10€. Dương Tường (Reutlingen) 20€. Trần Văn Sanh (") 20€. Hàn Hiến Quang 20€. Lê Văn Đồng (Lampertheim) 20€. Trần Văn Long (Bayreuth) 20€. Trịnh Grace (Pháp) 30€. Nguyễn Bích Vu (Osthauderfeln) 20€. Võ Thị Dương Hạnh (Marl) 10€. Ngô Thị Nam 25€. Ralf Schulitz 35€. Võ Văn Tiếp (Canada) 50Can. Phạm Thị Ngọc Loan (Nordhorn) 10€. Bùi Ngọc Phước (Pháp) 30€. Bùi Hữu Đào (") 20€. Phan Hoàng Diệp (Ellwangen) 20€. Nguyễn Thanh Phong (Schwalmtal) 7€. Mỹ Johann Trần (Seelze) 15€. Nguyễn Thị Hồng Vân (Ibbenbüren) 20€. Cao Ngọc Hạnh (Kreuztal) 10€. Du Minh Hồng (FF) 50€. Hạnh (Zell) 20€. Nguyễn Cúc (USA) 30US. Lê Quang Trường (Schweinfurt) 20€. Trần Hữu Thọ 20€. Phùng Văn Ngo (Suisse) 40€. Hoàng Thị Sen (Ludwigshafen) 40€. Phan Thế Nhật Nam (München) 20€. Văn Anh Scharpen (Anh) 30€. Nguyễn Hữu Điền (Stuttgart) 20€. Ấn danh 20€. Nguyễn Văn Tân (Giessen) 20€. Lê Thị Đỏ (Dietzenbach) 20€. Trần Mạnh Thắng (Hildesheim) 100€. Phạm Thị Hiền (Minden) 35€. Võ Hồ Kim Thanh (Ulm) 20€. Trần Anh Tuấn (Fürth) 50€. Hoàng Công Phú (Göttingen) 10€. Ngô Đức Cường (Ingelfingen) 15€. Kim Hồng Hein (Bad Mergentheim) 10€. Lưu Vinh (Hòa Lan) 35€. Odaka Rié (Nhật) 30€. Mace René (Pháp) 30€. Nguyễn Văn Thạch (Plochingen) 15€. Herr Đặng (Dortmund) 10€. Phạm Mỹ Kiên (Pháp) 100US. Trương Thị Mạnh (") 20€. Đỗ Văn Quý (USA) 20US. Hải Huỳnh (Würzelen) 35€. Nguyễn Phong Sơn (Neuhausen) 15€. Lê Thị Khỏe 20€. Nguyễn Duy An (Ostwald/Pháp) 20€. Trần Bá Lương (Đan Mạch) 200DKr. Hoàng Văn Sơn (Dillingen) 10€. Vũ Thị Kiều Hạnh (Eendingen) 20€. Ngô Văn Bá 25€. Huỳnh Văn Hiệp (Reutlingen) 15€. Huỳnh Văn Dân (Emmendingen) 20€. Trần Chí Lý (") 20€. Dương Văn Quang (Grenzach-Wyhlen) 20€. Nguyễn Thành Được (Paderborn) 25€. Ấn danh 100€. Trần Hữu Trát (USA) 100US. Đào Thị Hồng Quyên (München) 15€. Lê Thị Vân (Wittingen) 15€. Tô Tuyết Liên (D'dorf) 5€. Trần Duy Hoàn 30€. Trịnh Thị Lan (Đan Mạch) 50€. Phan Văn Bông (Ý) 50€. Đỗ Thu Hà 20€. China Restaurant im Oderturm (FF/Oder) 20€. Trần Thị Kim Liên (Hòa Lan) 30€. Võ Chí Hưng (Freiburg) 15€. Bùi Văn Lộc (Besigheim) 20€. Nguyễn Tấn Tài (Burgwedel) 5€. Đào Johannes 50€. Trương Văn Linh 40€. Lê Văn Thuận (Münster) 20€. Trần Thị Mỹ Công (Bi) 30€. Huỳnh Văn Tính (Bremen) 40€. Quách Thị Ngọc Huệ (FF/M-Sossenheim) 25€. Bùi Quốc Tân (Treis-Karden) 10€. Đặng Văn Trọng (Hainburg) 30€. Nguyễn Thị Xuân Thủy (Kehl) 20€. Nguyễn Trương Thanh Thủy (Pháp) 30€. Nguyễn Huệ Ánh (USA) 30€. Trương Minh Sung (USA) 30€. Cao Bích Hường (Augsburg) 10€. Đặng Khánh Nam 50€. Lê Đình Ngôn (Áo) 50€.-

• ẤN TỔNG

ĐH. Vinh Tuyên (Phần Lan) 30€. Nguyễn Thanh Trúc (Suisse) 20SFr. Lê Văn Nam (Saarland) 25€.

• BA KINH TỊNH ĐỘ

ĐH. Gđ. Đặng Đức Thái (Esslingen) 20€.

• PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ

ĐH. NGuyễn THị Bích Hằng (Worms) 20€.

• ĐẠY ĐƯỜNG TÂY VỨC KÝ

ĐH. Trương Quang Thanh (Karlsruhe) 50€.

• TÔN TƯỢNG QUAN ÂM

ĐH. Lâm Kim Khánh (M'Gladbach) 250€ HHHH Nguyễn Thị Bày. Ngô Trọng Anh (USA) 100US.

• MỘT TƯỢNG PHẬT

ĐH. Châu Thất Can (Ibbenbüren) 60€. Trần Thúy Trúc (USA) 60€.

• VÍA DƯỢC SỬ

ĐH. Láy Van Pong (Moers) 50€.

• MỘT THUỐC ĐẤT GIÀ LAM

ĐH. Hứa Thiên Thanh 25€. + 25€. Diệu Hiếu (USA) 50US. Châu Toàn (") 200US. Gđ. M. Tịnh Phạm Văn Bình + T. Nhật Cao Hằng Nga + M. Tú Cao Văn Tuấn + M. Tâm Phạm Cao Minh 200€ HHHH Cao Chu Vũ & Hà Thị Lan Anh. Vạn Lộc Bùi Thị Hoài Hương (Stuttgart) 200€. Thiện Vỹ & Thiện Tuệ (") 200€. Gđ. Đặng Đức Thái (Esslingen) 200€. Gđ. Trần Thanh Pháp (Hannover) 200€. Võ Phước Lầu (") 200€ (tiền bán rau vườn chùa). Liễu Ngân (Hòa Lan) 50€. Nguyễn Thị Tuyết Nhung (Leipzig) 10€. Lê Viết Dẫn (") 10€. Lưu Quang Đạo (Coesfeld) 100€. Trần Ái Phương 10€. Lê Văn Nam (Saarland) 30€. Tâm Ngô Lê Quốc Dũng (USA) 100US. Sư Cô Thích Nữ Hạnh Giới (Việt Nam) 200€. Giang Thái An (Frankfurt) 50€. Nguyễn Tấn Tài (Burgwedel) 10€. Trần Thị Kim Anh (Áo) 10€. Lay Van Pong (Moers) 50€. Lê Thọ Hạng (Reutlingen) 200€. Linh Sơn Lumbini (Nepal) 300€. Lê Thái (Danmark) 500DKr. Thiện Từ (Hannover) 200€. Thiện Nhân Lý Tô (Paderborn) 200€. Hồ Vinh & Đặng Khai Tân (Syke) 200€. Đặng Gia Hùng 100€. Nguyễn Văn Bông (Karlsruhe) 100€. Michael Hoffmann (Hedersleben) 25€. Thiện Châu Đặng Ngọc Trần (Reutlingen) 1.000€. Thiện Đạo Trần Ngọc Minh 220€. Thiện Thế Trương Quang Thanh (Karlsruhe) 100€. Nguyễn Hạnh Trinh 50€. Bàn Tâm Sơn (Wiesbaden) 60€. Diệu Hân Trần Ngọc Em (Niederhall) 50€. Lý Thanh Mai (Hamburg) 200€. Hahn, Thị Hương An 15€. Diệu Anh & Minh Trọng (Straßburg) 100€. Trần Tái Liên 200€. Ô.Bà Trần Hữu Trát (NY/USA) 100US. Diệu Thiện Nguyễn Thị Hiền (Hamburg) 200€. Tâm Pháp & Quảng Diệu Kim (San Jose/USA) 2.000US. Gđ. Đồng Từ, Nguyễn Như, Thiện Hội, Kelvin, Vincent (San Jose/USA) 1.600US. Từ Quang Đào Anh Vi (USA) 200US. Từ Nhan Đào Thảo Vi (USA) 200US. Phúc Hải Đào Văn Đích (USA) 200US. HL. Đào Lan Vi Mầu Minh Nguyệt 2.500US. Tâm Nguyệt (USA) 100US. Tâm Thuận (") 100US. Từ Thức & Từ Ý (") 100US. Chon Hiền (") 20US. Diệu Yến (") 80US. Nguyễn Khắc Quý & Nguyễn Thị Ngọc Diệu (D. Anh) (") 100US. Gđ. Đồng Từ (San Jose/USA) 800US. Nguyễn Thị Kim Thảo (Flensburg) 200€.

• HỘI THIÊN (Một Thuốc Đất Già Lam)

ĐH. Thiện Ứng Hà Thị Minh Cẩm (Hannover) 4.000US. Thiện Bảo (Berlin) 10.000€.

• VU LAN

ĐH. Phạm Thị Ngọc Loan (Nordhorn) 20€.

• RẪM THÁNG MƯỜI

ĐH. Huỳnh Thị Bé (Helmstedt) 10€. Phạm Thị Hồng (Castrop Rauxel) 10€.

• ĐÈN DƯỢC SỬ

ĐH. Trương Minh Anh (Hannover) 5€. Trương Mỹ Phương (") 10€. Trương Tấn Lộc (") 10€. Gđ. Trương Thị La (Helmstedt) 20€. Trần Ngọc Minh (FF) 20€. Nguyễn Anh Tú (Empelde) 10€. Nguyễn Thị Thu Hà (") 10€.

• TRAI TẶNG

ĐH. Đào Thị Thanh Dung (Laatzen) 10€.

• TU SỬA CHÙA

ĐH. Đặng Văn Sơn 100€. Nguyễn Thị Mai Trang (VS Villingen) 25€. Nguyễn Kim (München) 515€. Trương Tài Đức 115€. Phạm Thị Tuyết Mai (Pfarrkirchen) 50€. Huỳnh Phú Cường 610€. Trần Anh Thi 100€. Mivico 640€. Dr. Trần Văn Bình (Maintal) 100€. Lê & Lu GBR 100€. Trương Thị Kim (Dingolfing) 20€. Nguyễn Thị Hiền 770€.

• KÝ TỰ HƯỚNG LINH

ĐH. Tô Duy Bình (Kassel) 75€ HL Phạm Thị Hằng. Gđ. PT Tạ Phước Thái (ösnaabrück) 225/3 HL. Nguyễn Thị Liếp (Mönchberg) 75€, HL Nguyễn Tấn Hoàng. Châu Thất Can (Ibbenbüren) 75€. Võ Thu Hường (Hannover) 75€, HL Nguyễn Đình Hưng. Trương Hải Bình (Haiger) 75€, HL Trương Văn Hai.

• PHÓNG SANH

ĐH. Liễu Ngân (Hòa Lan) 50€.

• QUỸ HỌC BỔNG TẶNG NI VIN

ĐH. Diệp Thị Kha (Mannheim) 50€. Lê Văn Nam (Saarland) 25€. Nguyễn Đình Vũ (Hòa Lan) 50€. Phan Phước (") 20€. Võ Thị Dương

Hạnh (Marl) 10€. Trần Thi 30€ + 30€. Trần Anh Tuấn (USA) 100US.
Nguyễn Tuấn Đạt (USA) 100US.

• **QUỸ HỌC BỔNG TẶNG NI VIỆT NAM TẠI ẤN ĐỘ**
ĐH. Trần Anh Tuấn (USA) 100US. Nguyễn Tuấn Đạt (USA) 100US.

• **CHÙA VIỆT NAM**
ĐH. Trương Thực Thanh (Albstadt) 10€.

• **CÔ NHI VIỆN, CÙI, MÙ, DƯỠNG LÃO**
ĐH. Trần Ngô 20€. Hứa Thiên Thanh 25€. Nguyễn Cẩm Vân 20€.
Lê Văn Nam (Saarland) 25€. Nguyễn Đình Vũ (Hòa Lan) 50€. Trần
Bình Caroline (Pháp) 100€. Võ Thị Dương Hạnh (Marl) 10€. Trần
Văn Tuấn (USA) 100US. Nguyễn Tuấn Đạt (USA) 100US. Lưu Vinh
(Hòa Lan) 15€. Nguyễn Văn Thạch (Plochingen) 15€. Lê Văn Toàn
(Naumburg) 35€. Liễu Ngân (Hòa Lan) 150€. Gđ. Quách Văn
Khánh (Friedrichshafen) 20€. Hồ Phi Kevin & Robin (Hannover)
15€. Ân danh 50€. Nguyễn Văn Thạch (Plochingen) 20€. Nguyễn
Tấn Tài (Burgwedel) 10€. Nguyễn Khắc Mai (Köln) 20€.

*
* *

ĐỊNH KỶ HÀNG THÁNG XÂY CHÙA VIÊN GIÁC

Chúng tôi thành tâm kêu gọi quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần hỗ trợ
Chùa bằng cách đóng góp Định Kỳ Hàng Tháng qua Ngân Hàng
bằng lối Dauerauftrag để việc thực hiện trả nợ xây chùa có khả
quan hơn.

Khi chuyển tịnh tài cúng Chùa, xin quý vị vui lòng ghi vào nơi
(Verwendungssweck = mục đích cho việc gì) để vẫn phòng để làm
việc. Quý vị ở xa ngoài nước Đức cũng có thể gửi tiền mặt hoặc
Check trong thư, có thể gửi thường hoặc bảo đảm về Chùa. Xin
thành thật cảm ơn quý vị.

Tất cả mọi sự Cúng Dường định kỳ hoặc những lễ lạc khác cho
Chùa, quý vị đều có thể lấy Giấy Khai Thuê lại (bằng tiếng Đức) để
cuối năm quý vị có thể khai khấu trừ thuế với Chính Phủ. Quý vị nào
cần, xin liên lạc về Chùa bằng thư hoặc bằng điện thoại, chúng tôi
sẽ gửi giấy đến quý vị.

Quý vị chuyển tịnh tài về Chùa, xin chuyển vào một trong hai số
Konto như sau:

1. Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V.

Konto Nr. 870 1633

BLZ 250 700 24

Deutsche Bank Hannover

(Mỗi ngày ngân hàng báo một lần)

2. Pagode Vien Giac

Konto Nr. 870 3449

BLZ 250 700 24

Deutsche Bank Hannover

(Một tháng ngân hàng báo một lần)

Ngôi Chùa thành tựu và phát triển được hay không là nhờ vào sự
hỗ trợ từ vật lực cũng như tinh thần của quý Đạo Hữu và Phật Tử xa
gần. Vì thế chúng tôi xin kêu gọi quý vị hoan hỷ đóng góp phần
mình vào việc chung trên để ước nguyện của chúng ta thành tựu
viên mãn.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát



Business Services & Onlineshops



Tờ báo điện tử hỗ trợ thương mại, quảng cáo
cho đồng bào Việt nam tại Đức

<http://tonghop.biz>

Sang China Imbiss

Vì hoàn cảnh gia đình cần sang một China Imbiss
đã mở 15 năm có Umsatz cao.

Ở Trung Tâm thành phố có 50.000 dân.

Tiệm có 20 chỗ ngồi.

Rộng 120 m2. Warmmiete 620 Euro

Muốn biết thêm chi tiết xin liên lạc :

Anh Tuấn : Funk **0162 / 3535119**

XEM BÓI

Trả lời các câu hỏi về :

Tương lai

Quá khứ

Hiện tại

của quý vị

Tel. : (0211) 700 45 87

Hoặc Mobil : 0175 77 61 155

PHÂN ƯU

Được tin thân mẫu của các bạn Nguyễn Trí Hùng,
Nguyễn Chí Thanh, Nguyễn Thanh Hiệp là:

Cụ bà TRƯỜNG THỊ LIỄU

đã mệnh chung ngày 28.11.2004 tại Hamburg,
thượng thọ 83 tuổi.

Chúng tôi xin chân thành phân ưu cùng gia đình các
anh chị Chí Hùng, Chí Thanh và Thanh Hiệp đồng thời
xin thanh kính nguyện cầu hương linh của cụ Bà sớm
được siêu sinh miền Cực Lạc.

Gđ. Quách Lê, Nguyễn Tích Phùng, Trương Quang
Nhưng, Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Thị Nhân, Nguyễn
Hữu Huấn, Huỳnh Thoảng, Nguyễn Hòa.



Lấy chí nhân mà thay cường bạo

● Lý Đại Nguyên

Trong thực tại cuộc chiến tranh Chống Khủng Bố Jihad của Thế Giới và cuộc đấu tranh Chống Độc Tài Cộng Sản của Việt Nam hôm nay, hai câu trong Bình Ngô Đại Cáo, vốn là kết tinh của nguyên lý đấu tranh dựng nước và chiến tranh giữ nước của truyền thống Dân Tộc Việt Nam, mà Nhà Văn Hóa, Nhà Chiến Lược, Nguyễn Trãi sau khi chiến thắng Quân Minh Trung Hoa xâm lược, đã viết lên, đó là: "Đem đại nghĩa để thắng hung tàn". "Lấy chí nhân mà thay cường bạo". Đây là nguyên tắc rất cần đưa ra làm Kim Chỉ Nam cho sách lược chiến tranh và hành động đấu tranh của thời đại.

Trong cuộc tái đắc cử của Tổng Thống Bush, ngày 02-11-2004, quả thật đa số cử tri Mỹ đã bỏ phiếu bầu cho ông, vì ý chí quyết chống khủng bố, và tinh thần đạo đức của ông, họ tin nơi ông sẽ lấy lại danh dự cho nước Mỹ, khi "Đem Đại Nghĩa Dân Chủ Tự Do để Thắng Hung Tàn Độc Tài Khủng Bố". Không như các vị Tổng Thống Chính Trị Gia Chuyên Nghiệp trước kia, đã tàn nhẫn hy sinh Miền Nam Việt Nam và lý tưởng Tự Do của chiến binh Mỹ, để tìm chiến thắng Liên Xô và Quốc Tế Cộng Sản, khiến đã tạo ra thứ tâm bệnh "Hội Chứng Việt Nam", di họa cho người Mỹ tới bây giờ. Chính vì vậy mà trong cuộc tổng tuyển cử lần này, cử tri Mỹ đã coi nhẹ vấn đề kinh tế thiết thân của cuộc sống, cũng như những sai phạm về chiến thuật, mà chính quyền ông Bush đã mắc phải trong cuộc chiến Iraq, để đổi lấy niềm tự hào của Quốc Gia Hoa Kỳ. Vì từ khi Hoa Kỳ bước lên vũ đài chính trị quốc tế đến giờ, thì Mỹ cho rất nhiều, mà chỉ nhận được toàn là lời lên án và oán trách. Cử Tri Mỹ đã đúng, ngay sau khi ông Bush được ông Kerry nhìn nhận đã thắng cuộc, thì hầu hết các nguyên thủ trên thế giới đều gởi lời chúc mừng, và hy vọng nhiệm kỳ II này của ông Bush, hai bên sẽ tăng cường tình hữu nghị... Dù trước đó, có nhiều vị đã không che dấu việc ủng hộ cho ông Kerry, nhằm búng ghề tổng thống của ông Bush. Đến ngay Ban Lãnh Đạo Palestine mới cũng chúc mừng ông Bush. Thế là ngay lập tức Hoa Kỳ và Chính Phủ Lâm Thời Iraq, tung ra cuộc hành quân càn quét Dân Quân Võ Trang Khủng Bố tại Fallujah, nhằm phá tan những hậu cứ chung quanh Baghdad, làm giảm áp lực cho Thủ Đô, để tiến hành cuộc tuyển cử Dân Chủ cho Iraq vào đầu năm 2005. Nếu Hoa Kỳ và Iraq thành công trong công cuộc tuyển cử đó, thì ngọn cờ "Đại Nghĩa Dân Chủ Tự Do thắng Hung Tàn Khủng Bố" của ông Bush, sẽ đứng vững tại vùng Trung Đông này.

Việc ông Arafat lãnh tụ Palestine, đang trên giường bệnh, chờ chết tại Paris, cũng là thời cơ cho Tổng Thống Bush để thực hiện xong bài toán khó nhất thời đại giữa Do Thái và Palestine trong năm 2005. (Tác giả viết bài này ngày 9-11, trước khi ông Arafat từ trần ngày 11-11. VNN). Vì nhân vật này là kết tinh của lòng thù hận và bài Do Thái của toàn dân Palestine. Nên ông Arafat đã không dám thỏa hiệp để Palestine trở thành một Quốc Gia Độc Lập cùng tồn tại với Quốc Gia Do Thái Độc Lập. Lý tưởng chiến đấu của ông đã biến thành lý tưởng của toàn dân Palestine, là phải loại trừ Do Thái khỏi vùng Trung Đông, hay ít ra là làm chủ hoàn toàn Thánh Địa Jerusalem. Nhưng kẻ hậu thuẫn triệt để cho ông là Saddam Hussein đã bị diệt. Các Quốc Gia Á Rập đã quay lại chống khủng bố. Con đường trước mặt đã tắc nghẽn, lại bị Do Thái giam lỏng trong bản doanh nhiều năm. Các đàn em thân tín đều muốn có một Quốc Gia Độc Lập trước đã, chùng ăy sự việc đã uất kết, tác động trên thân xác 75 tuổi đời của ông, thành chứng bệnh chờ chết, mà các y sĩ thượng thặng không đoán ra là bệnh gì.

Đến đây thì Người Việt tự hỏi: Không biết chính sách về Việt Nam của chính quyền Bush trong 4 năm tới sẽ ra sao? Thực ra chính sách về Việt Nam đã thành hình kể từ khi Hoa Kỳ đặt Việt Nam vào danh sách các nước cần quan tâm đặc biệt về tự do tôn giáo, đồng thời vào danh sách VN trung chuyển ma túy vào Mỹ. Rồi cử vị Tân Đại Sứ Mỹ tại Hà Nội trước khi tái đắc cử Tổng Thống. Trong buổi ra mắt tại Hà Nội. Tân Đại Sứ Marine đã công khai tuyên bố: "Trong khi tôi tích cực thúc đẩy nghị trình kinh tế và thương mại với Việt Nam, tôi cũng sẽ tìm kiếm tiến bộ từ Việt Nam về mặt Nhân Quyền và Tự Do Tôn Giáo là những lãnh vực phải được cải thiện". Nhưng cho đến nay thì về mặt nhân quyền và tự do tôn giáo, chẳng những đã không được Việt Cộng cải thiện, mà Ông Đại Sứ Marine chỉ nhận được những báo cáo là các nhà lãnh đạo tôn giáo và tranh đấu cho dân chủ vẫn còn bị giam cầm, cấm đoán. Các tôn giáo đều lên tiếng phản đối Pháp Lệnh Tôn Giáo, một thứ công cụ pháp lý, trắng trợn tước đoạt quyền tự do tôn giáo của toàn dân Việt Nam. Việc Cộng Sản Việt Nam phá nhà thờ, bắt bớ đánh đập những nhà truyền đạo và giáo dân của phái Mennonite, buộc họ phải bỏ đạo. Cấm 21 Huynh Trưởng Gia Đình Phật Tử thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất không được xuất ngoại tới Ấn Độ hành hương và gặp mặt Gia Đình Phật Tử Việt Nam trên toàn thế giới. Đến đây, chắc ông Đại Sứ Marine đã thấy được việc phải làm, đối với chính quyền ngoan cố chậm hiểu đó rồi.

Riêng với Gia Đình Phật Tử Việt Nam, thì việc này Việt Cộng chỉ làm sáng tỏ vai trò của hàng trăm ngàn đoàn viên trẻ, đang tuyệt đối trung thành với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, mà Việt Cộng đành tỏ ra bất lực trước sức lớn mạnh của họ. Đồng thời làm cho tập thể Gia Đình Phật Tử Việt Nam trên thế giới, kết hợp cùng Gia Đình Phật Tử trong nước, thành một khối bền vững trung kiên của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất dân lập, để thực hiện nguyên lý: "Lấy Chí Nhân mà thay Cường Bạo". Tức là thực hiện một cuộc tự chủ động thực hiện quyền Tự Do Tôn Giáo, bằng tinh thần Vô Úy Thích của Bồ Tát, mà các nhà lãnh đạo Giáo Hội đã đem chính cuộc sống của mình ra chứng minh suốt 30 năm qua. Chí Nhân ở đây là sự thể hiện cao độ tình thương yêu đồng bào đang bị bạo quyền đàn áp, thương yêu bằng cả tâm tư, trí tuệ và sự hy sinh thân xác, để thực hiện lý tưởng ấy; chứ không phải chỉ dùng lời kêu gọi: "Lấy tình thương xóa bỏ hận thù" để rồi hận thù vẫn cứ nghiêm nhiên tồn tại trong ta và trong bọn thống trị toàn dân là Cộng Đảng Việt Nam.



VIÊN GIÁC

TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ
PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI
CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnam-
Flüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

CHỦ TRƯỞNG (HERAUSGEBER & DRUCK)

Congr. d. Verein Vietn. Buddhi. Kirche e.V
Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover - Deutschland
SÁNG LẬP CHỦ NHIỆM

T. T. Thích Như Điển

CHỦ BÚT

Đạo hữu Nguyễn Trí

QUẢN LÝ TÒA SOẠN

Đạo Hữu Thị Tâm

BAN BIÊN TẬP & CỘNG SỰ VIÊN

Thượng Tọa Thích Như Điển - Huy Giang - Đan Hà - Quỳnh
Hoa - Tú Hùng Trần Phong Lưu - Phan Ngọc - Hồng Nhiên -
Thiện Căn Phạm Hồng Sáu - Thị Tâm - Phù Vân. Trưởng
Ngọc Thanh.

Tùy Anh (Đức) - Người Giám Biên (Đức) Lê Ngọc Châu (Đức)
- Đông Phương Mai Lý Cang (Pháp) - Hà Huyền Chi (Hoa
Kỳ) Nguyễn Văn Cường (Na Uy) - Ngô Minh Hằng (Mỹ) -
Nguyễn Tấn Hùng (Mỹ) - Lê Doãn Kim (Mỹ) - Dr. Thái Văn
Kiếm (Pháp) - G.S. Vũ Kỳ (Bi) - Huyền Thanh Lữ (Đức) - Vũ
Nam (Đức) - Lê Thị Bạch Nga (Canada) - Tuệ Nga (Hoa Kỳ) -
Phong Hùng Lưu Nhôn Nghĩa (Úc) - Hạnh Nguyễn (Ấn Độ) -
Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn (Úc) - Phan Hưng Nhôn (Đức)
- Nguyễn Việt Nữ (Hoa Kỳ) - Vân Nương LNC (Pháp) - T.S.
Lâm Như Tạng (Úc) - Phạm Thăng (Canada) - Đoàn Văn
Thông (Hoa Kỳ) - Nguyễn Thùy (Pháp) - Vô Thức (Đức).

KỸ THUẬT ẤN LOẠT (Layout)

Trung Tâm V.H.X.H. P.G Việt Nam tại Đức Quốc

CÙNG SỰ CỘNG TÁC CỦA :

Mitwirkung von :

Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Cộng Hòa Liên bang Đức
Vereinigung der Buddhistische-Vietnamflüchtlinge i. d. BRD

TÒA SOẠN & ẤN QUẢN

Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Đức
Vietnamesisch-Buddhistisches
Sozio-Kulturzentrum i. d. BRD
c/o Chùa Viên Giác

Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover
Tel. 0511 - 87 96 30 . Fax : 0511 - 87 90 963

Homepage: <http://www.viengiac.net>

E-mail : viengiacu@viengiac.net

E-mail: baoviengiac@viengiac.de

E-mail Chủ Bút : vongatuong@yahoo.de

VIEN GIAC erscheint 6 mal jährlich

- Viên Giác phát hành mỗi 2 tháng vào những tháng chẵn. Nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Đức Quốc trên mọi mặt.
- Viên Giác bảo tồn và phát huy truyền thống Văn Hóa Phật Giáo và Dân Tộc Việt bên cạnh những sinh hoạt Tôn Giáo, Xã Hội hoàn toàn không có tính cách thương mại, tuy nhiên mọi ủng hộ qua hình thức cúng dường. Viên Giác xin chân thành cảm tạ.
- Ứng hộ hiện kim cho Viên Giác. Quý vị sẽ nhận được biên nhận theo sự yêu cầu để làm đơn xin quân bình thuế lương bổng hoặc lợi tức hằng năm.
- Những tư tưởng của tác giả được đăng và trích đăng trên báo Viên Giác không nhất thiết là lập trường của tờ báo và Ban Biên Tập.

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V
Konto Nr. 870 16 33 - BLZ 250 700 24
Deutsche Bank Hannover

Mục Lục trang

- Thư chúc mừng	1
- Thư tòa soạn	2
- Số Táo Quân (Đỗ Văn Thông)	3

• TÔN GIÁO

- Tập Đại Thừa Tướng Luận (Thích Như Điển)	7
- Cuộc du hành sang Lạp Tát ... (HT. Thích Trí Chơn)	10
- Những bí ẩn sau cõi chết (Đoàn Văn Thông)	12
- Dòng chảy Phật Giáo Việt Nam (Trần Tri Khách)	15
- Cái nhìn toàn triệt và vô vướng ngại ... (Phúc Lâm)	21

• AUF DEUTSCH

- Danke schön Deutschland (Thích Nhu Dien)	39
---	----

• TRANG HOA PHƯỢNG

- Bày gà ri (Hồng Nhiên). Chùa Tổ (Thiện Hạnh). Những ngôi chùa ... (Thiện Căn Phạm Hồng Sáu).	29
--	----

• VĂN HỌC - NGHỆ THUẬT

- Hương Xuân (Trọng)	34
- Nguồn gốc lễ tạ ơn	36
- Hạnh phúc ..(Trần T. Hồng Châu)	37
- Tiếng dế năm xưa (Hà Ng. Bích)	39
- ch hoa (Kim)	39
- Năm Dậu nói chuyện gà (Hương Giang Thái Văn Kiếm)	43
- Năm Dậu ... (Nhật Trọng)	48
- Trường Gà (Trần Ph. Lưu)	51
- Ngày Xuân tin hiểu cách chơi chữ lý thú (Trần Trọng Khoái)	52
- Sinh mệnh văn hóa Việt (Vũ Kỳ)	57
- Ý thức và hành động (Mạnh Bích)	63
- Việt (Lê Văn Ẩn)	68
- Nghệ thuật .. (Nguyễn Đg Đức)	78
- Bún bò quê hương (Diễm Châu..)	80
- Liếp cải vườn chùa (T. N. Điển)	83
- Trẩy hội chùa Hương (Ph. Thăng)	86
- Bồ Tát đưa thơ (Hu Thân H.T.C)	90
- Chuyện một mùa Xuân (Ph. Vân)	97
- Hoa tạ mùa ... (Ng. Văn Thà)	101
- Nhung măng màu ... (Vũ Nam)	104
- Tiếng sừng đêm giao ... (Hiếu Đệ)	107
- Như giọt sương mai (Đan Hà)	109
- Xuân về, em ... (Ngô Minh Hằng)	114
- Tinh yêu hai mặt (Ngọc An)	117
- Gió thoảng .. (Thị Thi Hồng Ngọc)	120
- Một chuyến ...Mỹ (Ngô V. Phát)	123

Mục Lục trang

- Lời mở đầu .. (Phạm Ng. Lương)	128
- Lời giới thiệu ... (Trần Ngọc Ninh)	130

• Y DƯỢC THƯỜNG THỨC

- Canh dưỡng sinh (Ph. Hg. Nhôn)	134
- Kéo dài tuổi thọ .. (Quỳnh Hoa)	137
- Bệnh đại (Dr. Tôn Thất Hứa)	138

• TIN TỨC - THÔNG BÁO

- Tin Phật Sự	142
- Thông cáo báo chí (PTTPGTG)	144
- Hội tình thương /Đức Quốc (Đ.Hà)	151
- Sinh Hoạt Cộng Đồng	152
- Tìm bạn - Thân nhân - Nhắn tin ...	155
- Tin tức nước Đức (Lê Ch. Ngọc)	156
- Tin thế giới (Phan Ngọc)	161
- Pháp lệnh tôn giáo hay pháp lệnh đàn áp tôn giáo (Nguyễn.P.Hoàng)	168
- Tham luận của Ban HDTU / GDPTVN tại Hoa Kỳ	173
- Tham luận chính trị ... (Lê. Hoàng Thanh)	176
- Giới thiệu sách báo (Phù Vân)	181
- Thông báo về Báo Viên Giác	182
- Phát hành bánh Tết - Lịch -	182
- Tin Việt Nam	183
- Hộp thư VG - Trả lời thư độc giả	184
- Phân Ưu - Cáo phó - Cảm tạ	185
- Phường danh cúng dường	187

• THƠ

(9) Lâm Như Tạng (31) Tịnh Bình. (32)
T. Lê - Nguyễn Minh Hiền. (38) Ngọc
An. (49)Trần Trung Đạo. (56)Tùy Anh.
(77) Tuệ Nga. (82) Hoàng Lan Hương.
(89+129) Trần Ngọc Nguyên Vũ.
(106+116) Đồng Châu. (112) Tuệ Nga.
(113) Huyền Thanh Lữ. (133) Kim Chi
Viên Thành. (141) Hà Thượng Nhân.
(143) Chu Vương Miện. (148) Thúy
Trúc. (180) Ngô Minh Hằng. (186) Bèo
Hoa.

• HÌNH BÌA

- Họa sĩ ViVi (Canada)



Cáo lỗi : Vì số trang báo có giới hạn
nên các bài của quý văn thi hữu gửi đến
không thể đăng hết trong kỳ báo này
được . Chúng tôi sẽ lần lượt đăng trong
kỳ báo tới. **(Báo Viên Giác)**

Thich's

Asien Im & Export
BAMBUSMÖBEL UND
TROPISCHE
DEKORMATERIAL
FÜR RESTAURANT &
IMBISS

Eberhardtstr. 62 - 89073 Ulm / Germany
Tel. : 0731 - 6028690 .
Handy : 0171 - 3243553
Fax: 0731 - 6027561

Những sản phẩm trang trí bằng tre :
 - Bàn ghế, Cầu tre, Chòi tre , Tường lắp ráp, Tre ống, Tre bọc, Cửa sổ (Dekor), Tường nhẹ để trang trí nhà hàng và Imbiss

Sản phẩm từ biển và những cây đặc biệt :
 - Đèn bằng vỏ ốc, Cá mập, Cá nóc thổi phồng v.v...
 - Cây dừa, thân tre (còn nguyên), Ghế ngồi bằng tre đan (Königs-Korbstuhl).
 - Hình điêu khắc bằng gỗ và tre v.v... và nhiều thứ để trang trí nhà hàng và nội thất.

CHÚNG TÔI NHẬN TRANG TRÍ CHO NHÀ HÀNG, IMBISS VÀ NỘI THẤT THEO Á ĐÔNG (VIỆT, HOA, THÁI, NHẬT BẢN).

148

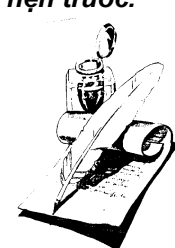
LUẬN AN TỬ VI

BIẾT TRỌN CÁ
ĐỜI NGƯỜI QUA 12 CUNG SỐ
VÀ ĐẠI VẬN 10 NĂM

☉ **Không luận đoán bằng máy Điện Toán cả vận người như nhau. Luận đoán bằng trí óc, do một vị Sư truyền dạy, đáp ứng sự thỏa mãn của quý thân chủ và được rất nhiều thân chủ viết thư cảm ơn và khen ngợi.**

☉ **Xem chữ ký, chỉ tay, bói bài, xem tuổi vợ chồng khắc hợp, ngày thành hôn, khai trương, xuất hành, dọn nhà, hưởng nhà, đại lợi, tiểu lợi, kiêng cử. Quý vị đến nhà xin lấy hẹn trước.**

Xin liên lạc :
Bác HOÀNG CÔNG CHỦ
 Heinz - Spicker - Str.63.
 D.41065 Mönchengladbach
 Tel. & Fax : 02161 - 65 09 54
 (Từ 9 giờ đến 19 giờ trong tuần kể cả thứ bảy)



150




HUNG

Video

NHẬN CHỤP HÌNH & QUAY PHIM CÁC BUỔI LỄ
ĐÌNH HÔN - TÂN HÔN - SINH NHẬT
PHIM ĐƯỢC THỰC HIỆN TRÊN DVD HAY BĂNG VHS
Chúng tôi dùng Computer làm phim thêm linh động và hấp dẫn hơn

Tel. : 07621 - 64 802
hoặc
0174 - 79 78 563

BEAUTY PERMANENT

Chuyên khoa thẩm mỹ **XÂM LÔNG MÀY - VIỀN MẮT - VIỀN MÔI**: Bảo đảm 100% đẹp tự nhiên, không bị trở màu xanh hay đỏ.

- * Trị hết mụn và làm cho mờ đi những vết thâm
- * Tẩy đi những lớp da chết, càn cỏi trên khuôn mặt
- Những vết nám, tàn nhang, chữa lỗ chân lông to

Đặc biệt chữa trị mọi hư hỏng của da với một kết quả rõ ràng trong một thời gian rất ngắn mà **không làm phồng da, không làm nóng, rát và đỏ da** rất phù hợp với làn da Á châu của chúng ta.

* **PERFEET BODY** : Kem thoa cho thân hình cân gọn, kết quả sau 4 tuần bảo đảm 100%

- Kem nuôi dưỡng da và tái tạo lại làn da mới bằng dược thảo thiên nhiên. Đặc biệt trị những nếp nhăn trên mặt, viền mắt và trán. da bị hư những đường gân máu nổi đầy trên mặt, ngăn ngừa ung thư da bởi ánh nắng mặt trời.

Thu Hà Stauff Cosmetics. Tel. : 030 - 431 13 55
 Heiligenseestr.153 A - 13503 Berlin

146

Thẩm Mỹ Viện MÙA XUÂN

Fleischarren 1 - 38640 Goslar.
Tel. : 05321 - 18708

- Xâm lông mày	149,- Eur
- Mi mắt trên	149,- Eur
- Mi mắt dưới	149,- Eur
- Xâm viền môi	149,- Eur
- Xâm cả môi	249,- Eur + 149,-Eur
- Xâm toàn bộ	950,- Eur

- Làm hết toàn bộ các nếp nhăn trên mặt ngay lập tức ab 250,- Eur
 - Xóa hết các nốt tàn nhang, nốt ruồi và các loại nám da ab 70,- Eur
 - Xâm hình nghệ thuật trên người thì giá cả tùy theo hình to hay nhỏ.

Xin quý bạn gọi điện hẹn trước khi đến !!!



148



Hồng Phúc

BÁN SỈ VÀ LẺ CÁC LOẠI SÁCH :

Phật Giáo, Thiên học, Khoa học, Kỹ thuật, Văn học, Điện tử, Tử vi,
Phong thủy, Truyện Tàu, Tiểu thuyết, Kiếm hiệp v.v...



Thường xuyên có sách mới phát hành
Đặc biệt sách mới các loại tự điển



SÁCH MỚI PHÁT HÀNH NĂM 2002 :

- * Đại Tự Điển Đức Việt *gồm 350.000 từ* *
- * Tự điển Y Dược - Đức Việt - Việt Đức *
- ↳ Đại Tự Điển Đức Việt
dày 2254 trang, 150.000 từ
- ↳ Đại Tự Điển Việt Đức *gồm 80.000 từ*
- ↳ Đại Tự Điển Tiếng Việt

ĐỦ CÁC LOẠI TỰ ĐIỂN ANH-VIỆT, VIỆT-ANH, ĐÁP-VIỆT, VIỆT- ĐÁP

- Đại Tự Điển Hán-Việt, Sách học tiếng Hoa , tiếng Quảng Đông
- Có sách học tiếng Đức cấp tốc, Văn phạm Đức Việt, giới từ tiếng Đức.
- Sách học tiếng Đức dành cho người du lịch của Nguyễn Văn Lập.

Sơn Mài : Đầy đủ các loại tranh sơn mài cần ốc xa cừ, hàng xuất khẩu đặc biệt, dùng làm quà tặng, tân gia, sinh nhật, cưới hỏi, năm mới và giáng sinh, trang trí nội thất phòng khách nhà hàng (Restaurant) .v.v...

Xin liên lạc : **TEL .& FAX : 04421 28279**. E-mail : vantamHP@aol.com



www.teleworld.de



Giá mới

Vietnam + Handy 21^{,9} Cent/Min.

5€ **22 Min.** 10€ **45 Min.**

Zuschlag von Handy nur **20**ct/min

Von Deutschland Handy nach Vietnam:

10€ / 25 Min. 25€ / 63 Min.

Chúc Mừng Năm Mới 2005 An Khang - Thịnh Vượng

Công ty sẽ có giá đặc biệt gọi về Việt Nam trong dịp Tết Nguyên Đán



VietNam + Handy 19^{,9} Cent/Min.

10€ **50min** 25€ **125min.**



China 2 ct/min

HongKong 2 ct/min

VietNam 24^{,9} ct/min.

